TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TRỌN BỘ 42 TẬP

38

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN QUỐC GIA

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập
Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 38

Giới thiệu: NGUYỄN KHÁNH TOÀN

Sưu tầm, biên soạn: LỮ HUY NGUYÊN

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
HÀ NỘI - 2000



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890 - 1969)

KHẢI LUẬN

Cá nhân không làm nên lịch sử.

Nhưng, trong những hoàn cảnh nhất định, vai trò của cá nhân có tác động mạnh đến chiều hướng phát triển của lịch sử. Đó là những khi lịch sử đặt vận mệnh của dân tộc, của quốc gia trước những bước ngoặt quyết định, những chuyển biến sâu rộng trong cục diện, những lựa chọn thay đổi sơn hà.

Con thuyền vượt qua bão biển, sóng thần, cập bến được là nhờ cả một tập thể thủy thủ trên thuyền có sức khỏe dẻo dai, gan vàng dạ sắt, đồng tâm hiệp lực, vào sinh ra tử, quyết chiến quyết thắng.

Song, những phẩm chất ấy được phát huy cao độ là nhờ có sự chỉ huy vững vàng và tài giỏi, khéo léo của người thuyền trưởng, kết hợp cặp mắt tinh thông, đầu óc sáng suốt, kinh nghiệm dày dạn, dũng khí kiên cường, nghị lực sáng tạo, ý thức trách nhiệm và tình thương yêu bao la đối với cộng đồng người cùng hội cùng thuyền, cùng chung vận mệnh, mà mình là người đứng mũi chịu sào.

Có gì cao quí, vẻ vang, quang minh chính đại hơn giành độc lập cho dân tộc, tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, làm cho nước mạnh, dân giàu, non sông tươi đẹp!

Đó là công việc đội đá vá trời, dời núi chuyển sông, lái bánh xe lịch sử theo hướng đổi mới, cải tạo thế giới.

Nhân vật lịch sử vĩ đại sinh ra từ những trang sử vĩ đại. Trong thử thách gay go, thiên tài là một nhân tố cực kỳ quan trọng.

Ở đây chúng ta hiểu thiên tài theo nghĩa rộng, như là sức mạnh tổng hợp của ba yếu tố cấu thành một tổng thể: óc thông minh sáng tạo, đó là *trí*; khí phách anh hùng, đó là *dũng*; lòng yêu nước thương dân nồng nàn, đó là *nhân*. Nhân, trí, dũng kết tụ, tỏa sáng và nở rộ trong hành động cách mạng, cứu dân, cứu nước.

Làm nên việc lớn, giương cao và nắm vững ngọn cờ chí nhân, đại nghĩa, là vì thiên tài được vận dụng và phát huy theo đúng qui luật phát triển của lịch sử. Thiên tài, theo nghĩa rộng như đã nói ở trên, là kết tinh của một quá trình hình thành và bồi đắp liên tục trong thực tế và qua thực tế, những giá trị ưu việt, những đức tính cao quí, những truyền thống vẻ vang của một dân

tộc có một sức sống phi thường mà lịch sử bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước là một bản anh hùng ca bất diệt.

Về các phương diện ấy, Hồ Chủ tịch, lãnh tụ thiên tài vĩ đại của Cách mạng Việt Nam, là nhân vật lịch sử kiệt xuất tiêu biểu nhất.

Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta. [1]

Đó là sự đánh giá đúng đắn, súc tích và đầy đủ nhất thiên tài của Hồ Chủ tịch.

Dân tộc.

"Vốn xưng nền văn hiến đã lâu" [2], dân tộc Việt Nam cách đây trên bốn nghìn năm, bước lên vũ đài lịch sử trong tư thế của một dân tộc có một địa bàn cư trú ổn định từ xưa. Trên dải đất này, tự tay mình, tổ tiên ta, qua hàng vạn năm lao động cần cù, gian truân vất vả, dần dần dựng lên một nền văn hóa riêng, xán lạn, độc đáo.

Về bề ngoài, nền văn hóa ấy không có vẻ huy hoàng, lộng lẫy, hào nhoáng. Nhưng nó bảo đảm cho cộng đồng người có công vun đắp nó một đời sống vật chất và tinh thần ổn định, có nền nếp, quy củ, hợp với năng lực và tư cách của con người sống ở thời đại ấy, mang sắc thái của cộng đồng.

Đó là thắng lợi của khí phách anh hùng và óc sáng tạo của con người trong cuộc tấn công bước đầu chống sức mù quáng của thiên nhiên. Thắng lợi ấy là bước mở đầu con đường đi tìm hạnh phúc, là một biểu trưng của chân lý: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do" [3].

Bản lĩnh và sức mạnh của dân tộc bắt nguồn từ nhận thức rằng tất cả những biểu hiện của nền văn hóa ấy – ruộng nương, vườn tược, nhà cửa, miếu mạo, tiếng nói, lời ca, điệu múa, phong tục, tập quán, v. v... là do mình tạo nên, đưa lại lòng tự hào và niềm sung sướng cho những người chinh phục được vũ trụ, tự cai quản lấy đời sống của mình, theo ý muốn của mình, theo con đường tự mình đã lựa chọn.

Đó là linh hồn, là khí thiêng của sông núi. Ý thức về quyền làm chủ đất nước và vận mệnh của mình càng sâu, thì sức chống lại các thế lực thù địch càng mạnh.

Truyền thuyết về *Sơn Tinh* kết thúc tiền sử và mở đầu thời kỳ dựng nước là hình ảnh hào hùng và tươi sáng của tổ tiên người Việt có công khai sơn

---

1. Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất, đọc tại lễ Truy điệu trọng thể Hồ Chủ tịch.

2. Nguyễn Trãi: *Bình Ngô đại cáo.*

3. Hồ Chí Minh: *Tuyên ngôn độc lập.*

phá thạch, khắc phục lũ lụt mưa nguồn, đặt viên gạch đầu tiên, xây nền móng cho một nếp sống lấy nông nghiệp làm gốc.

V. I. Lênin có nói: Giá trị của một cuộc cách mạng, dù là cách mạng nào, là nó tự bảo vệ được.

Danh dự của một dân tộc, dù dân tộc đó còn nhỏ yếu, là tự bảo vệ được mình.

Người Việt trong mấy nghìn năm bất chấp kẻ thù mạnh đến đâu, luôn luôn bảo vệ thắng lợi nền độc lập, tự chủ, ngày càng làm rạng danh cho nòi giống, không ngừng nâng cao phẩm giá của con người.

Truyền thuyết về *Cậu bé làng Phù Đổng* (Phù Đổng Thiên Vương, tức Thánh Gióng), tiếp theo *Sơn Tinh*, là biểu hiện của một thứ linh cảm về tiềm năng thần kỳ bảo vệ đất nước và giống nòi của người Việt.

Sức mạnh của dân tộc ta là sức mạnh quật cường, *sức mạnh của chính nghĩa*. Trong thử thách, nó tăng lên rất nhanh với một nghị lực sáng tạo phi thường. Nó không dừng lại ở mức đơn thuần chống đỡ cho đất nước tai qua nạn khỏi. Nó còn là một động lực đưa dân tộc vượt qua sóng gió, để tiến lên một bước cao hơn trong trào lưu lịch sử chung.

Quá trình tiến triển này mang tính chất nhất quán kỳ lạ, thành một qui luật.

Đầu thế kỷ X, Ngô Quyền nhấn chìm dưới sóng Bạch Đằng hơn mười thế kỷ Bắc thuộc, rửa mối hận nghìn thu của thành Cổ Loa, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự chủ, trải thảm đỏ cho non sông bước vào nền văn minh Đại Việt huy hoàng.

Thế kỷ XI đến thế kỷ XIII, phẩm chất con người Việt được tôi luyện trong nền Đại Phục hưng thời Lý – Trần. Đó là phục hưng khí phách quật cường, tiết tháo, anh hùng, tư thế hiên ngang, mưu trí tuyệt vời, tình đoàn kết dân tộc sắt son. Kết quả là hai lần tiêu diệt quân Tống xâm lược, phá tan ba cuộc tấn công bão táp của quân Nguyên Mông đang làm bá chủ trên hai lục địa Á – Âu, biểu dương sức mạnh vô địch của một nước "có tiếng văn minh" (Lê Quý Đôn) như là một thành trì của tinh thần độc lập, tự chủ ở phía Nam châu Á.

Đầu thế kỷ XV, dưới lá cờ:

Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn.
Lấy chí nhân để thay cường bạo.[1]

nhân dân ta đã đánh tan tành hai mươi năm đô hộ man rợ của giặc Minh, phục hồi độc lập, phát triển đất nước, đưa Đại Việt lên địa vị một quốc gia hùng cường vào bậc nhất ở Đông Nam Á.

Cuối thế kỷ XVIII, dưới quyền chỉ huy và theo lời kêu gọi chấn động non sông:

---

1. Nguyễn Trãi: *Bình Ngô đại Cáo*.

Đánh cho nó chích luân bất phản,
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn,
Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ.[1]

của vị anh hùng dân tộc, lãnh tụ nông dân Nguyễn Huệ, toàn dân vùng dậy trong một trận thần tốc chưa từng thấy, đại phá hơn hai mươi vạn quân xâm lược Mãn Thanh, quét sạch giặc ngoài cùng bè lũ phong kiến bù nhìn bản địa, thu hồi giang sơn, thống nhất đất nước, chặn đứng âm mưu bành trướng xuống phía Nam của tập đoàn phong kiến cuối cùng đại diện cho các thế lực bá quyền phương Bắc.

Dân tộc Việt Nam là một trong những dân tộc có lịch sử và nền văn hóa rất lâu đời ở châu Á.

Lịch sử ấy, văn hóa ấy là sản phẩm của một sức sống dẻo dai, mãnh liệt, với những đức tính: bất khuất, anh hùng, cần cù, thông minh, năng động, giản dị, khiêm tốn, hòa nhã, cương trực. Nhưng lòng nhân đạo là đức tính cao quí nhất của con người Việt Nam. Ở dân tộc ấy, tình nhân ái, nghĩa thủy chung là sức mạnh chi phối những quan hệ giữa người và người.

Mối tình ấy nảy nở và được bồi đắp trong các giai đoạn của lịch sử dựng nước và giữ nước, trong đó, ngay từ thuở ban đầu, trên tinh thần dân chủ và bình đẳng trong khuôn khổ của công xã nguyên thủy, các thành viên của cộng đồng, các bộ lạc, bộ tộc, vốn sống trên một địa bàn cư trú với người Lạc Việt, chung lưng đấu cật, vui buồn, sướng khổ có nhau, nhường cơm sẻ áo, chia ngọt sẻ bùi cho nhau, cùng nhau xây dựng và giữ gìn cuộc sống trên quê cha đất tổ.

Đó là nền tảng của tinh thần cộng đồng, tình đoàn kết, mà chính nghĩa – quyền làm chủ đời sống của mình – là đạo lý.

Tiêu biểu nhất tinh hoa của dân tộc, hài hòa, quyện vào tinh hoa của thời đại, Hồ Chủ tịch nêu lên chân lý bất hủ: *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*, và vạch ra đường lối chiến lược tất thắng: *Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công.*

Nhân dân.

Nhân dân lao động là người làm nên lịch sử. Lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Nam là biểu dương sáng rực tính phổ biến của chân lý ấy.

Vì sao mà trong hơn một nghìn năm, hết Tần đến Hán, hết Hán đến Đường, những chính sách, âm mưu, thủ đoạn bóc lột, nô dịch, ngu dân, đày đọa, thôn tính, đồng hóa tàn bạo nhất của lũ giặc phương Bắc không khuất phục nổi dân tộc ta ? Là bởi vì sức mạnh chống lại chúng có hiệu lực nhất, đó là *sức mạnh của toàn nhân dân.*

Xâm lược đất nước ta và thống trị dân tộc ta, quân cướp nước nhằm tiêu diệt sức sống của dân tộc. Nhưng lịch sử đã chứng minh hùng hồn rằng sức

---

1. Nguyễn Huệ: *Dụ tướng sĩ.*

sống ấy không những không bị tiêu diệt, mà còn biến thành sức quật cường vô địch, cuối cùng tiêu diệt quân diệt chủng. Bởi vì **đó là *sức sống đời đời bất diệt của nhân dân Việt Nam.***

Trong hơn mười thế kỷ sau khi Trung Quốc thống nhất, ở nước này nền văn hóa đạt tới một trình độ phát triển rất cao, nhất là dưới hai vương triều Hán, Đường, thì cũng là thời kỳ Việt Nam bị phương Bắc đô hộ. Nền văn hóa ấy dựng lên trên xương máu, mồ hôi nước mắt của nhân dân Trung Quốc và nhân dân các dân tộc bị nô dịch, trong đó có dân tộc Việt Nam.

Trong một nghìn năm, lũ giặc cướp nước chồng chất lên đất nước ta vô vàn điêu linh thống khổ, làm biết bao nhiêu điều phi nhân, bất nghĩa, phạm biết bao nhiêu tội ác man rợ. Cướp đoạt, vơ vét bạc vàng, đồng sắt, châu báu. Bắt dân lên rừng săn tê giác, tìm ngà voi; lặn xuống đáy biển mò ngọc trai, đồi mồi, ốc xà cừ; bắt nộp thóc gạo, muối, vải lụa, hoa quả, vật ngon của lạ. Cái thì mang về cống "thiên triều"; cái thì làm giàu bọn thái thú, thứ sử; cái thì nuôi đội quân chiếm đóng.

Sự bóc lột tàn nhẫn và sự áp bức vô nhân đạo nung nấu trong lòng nhân dân ta mối hận thù không đội trời chung, ngày càng nhức nhối sục sôi, bầm gan tím ruột, có dịp là nổ tung.

Đi đôi với chính sách đày đọa, bóc lột nhân dân tận xương tủy, bầy lang sói phương Bắc còn giở mọi thủ đoạn ngu dân. Cùng với tiếng Hán, chữ Hán, chúng du nhập vào ta các thứ triết học, tôn giáo, tín ngưỡng, mê tín, dị đoan, để "khai hóa" dân xứ này "còn man di".

Nhưng một nghìn năm "khai hóa" của "thiên triều" chỉ ảnh hưởng tới một số rất ít người bản xứ làm môi giới cho chúng. Một là, vì mặt trái của công cuộc "khai hóa" ấy bị lộ tẩy bởi những tội ác trời không dung, đất không tha của chúng. Hai là, vì chúng không bao giờ với tới và không dám với tới cơ sở, tức là các làng bản, thôn xóm vẫn sống theo cơ cấu xã hội cổ truyền.

Vì thế mà làng xã nông thôn Việt Nam thời ấy đã trở thành pháo đài kiên cố giữ gìn được thuần phong mỹ tục, những truyền thống và đức tính tốt đẹp của dân tộc – tinh thần cộng đồng, bình đẳng, dân chủ, thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau, tự lập, tự cường, cần cù, dũng cảm, giản dị, phúc hậu, thủy chung, hài hòa.

Qua sự tiếp xúc trong cuộc sống trải qua hàng nghìn năm, những tình cảm ấy biểu lộ trực tiếp, thẳng thắn, đơn giản, sáng sủa, đậm đà và ấm áp, bằng những lời lẽ súc tích đầy tính nhạc và hình tượng, những thành ngữ, phương ngôn, vừa là những tri thức về thế giới, con người, vừa là những qui tắc, những tiêu chuẩn của cuộc sống xã hội, thương người như thể thương thân, chị ngã em nâng, môi hở răng lạnh, máu chảy ruột mềm...

Đạo đức được đúc nên trong một quá trình đấu tranh lâu dài và gian truân chống lại thiên tai, địch họa để giành những điều kiện của cuộc sống và

bảo vệ thành quả lao động. Cuộc đấu tranh ấy, mà kết quả là nhân dân ta đã sớm tạo ra nền văn minh nông nghiệp, đưa lại cho nhân dân lao động Việt Nam thời xưa những tri thức khoa học kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến được hệ thống hóa và cô đúc trong bốn từ *nước, phân, cần, giống*.

Tư duy khoa học ấy bắt nguồn từ công lao vất vả của người dân cày, dầm mưa dãi nắng, với con trâu, cái cày, cái cuốc, cặm cụi biến đất hoang thành ruộng lúa, nương khoai, đồi sắn; từ thao tác của cặp vợ chồng nhà nông suốt ngày đứng trên bờ ruộng nhịp nhàng tát nước, vừa tưới, vừa tiêu, như một sự thách thức đối với vũ trụ.

Những hoạt động ấy đã tạo nên những hình tượng đẹp đẽ và hùng tráng của con người lao động chiến thắng thiên nhiên, làm nên những sự nghiệp phi thường:

– *Vắt đất ra nước, thay trời làm mưa;*

– *Thuận vợ thuận chồng, tát biển đông cũng cạn;*

– *Tấc đất tấc vàng.*

Qua thực tế sinh động mà mình là chủ thể, nhân dân ta xây nên một đạo lý, lấy nó làm lẽ sống, trong đó nhân nghĩa, thủy chung, tương thân tương ái trong lao động cũng như trong chiến đấu, là nguyên tắc chủ đạo.

Đạo lý ấy là quả núi, là bức thành đồng không một thế lực phi nghĩa nào công phá nổi, bởi vì nó bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ giống nòi, bảo vệ thành quả lao động, bảo vệ quyền sống và phẩm giá con người, bảo vệ chính nghĩa.

Một cây làm chẳng nên non,
Ba cây chụm lại thành hòn núi cao.

Nhân dân Việt Nam đã sớm gắn lợi ích đất nước, Tổ quốc với lợi ích gia đình và bản thân, gắn bó nước với nhà, làng với nước trong mối quan hệ keo sơn, bền chặt.

Bản lĩnh của người Việt Nam toát ra trong hai mối tình cao quí: *trung với nước, hiếu với dân*. Đối với người dân, nước là mẹ, dân là cha. Công sinh thành, đức dưỡng dục, nguyên tắc cao nhất trong quan niệm về nhân đạo của người Việt Nam là lấy báo ơn dân, đền nợ nước làm *nghĩa*; giành độc lập dân tộc, đưa lại tự do, ấm no hạnh phúc cho nhân dân làm *nhân*.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có sức mạnh vô địch, bởi vì nó kết tinh hai mối tình nồng thắm quyện vào nhau như xương với thịt: *yêu nước* đi liền với *thương dân*; *tình quê hương* không tách khỏi *nghĩa đồng bào*. Không thể yêu nước mà không thương dân. Có thương dân thì lòng yêu nước mới chân thật, đậm đà, đó là bản lĩnh của những nhà yêu nước vĩ đại, những nhân vật lịch sử quang vinh – Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Quang Trung, v.v...

Nhiệt tình yêu nước ấy được phát huy tới đỉnh cao nhất ở Hồ Chủ tịch,

Người dạy chúng ta:

Trung với nước, hiếu với dân, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng.

Suốt đời làm nô bộc trung thành của nhân dân.

Lòng nhân đạo của nhân dân Việt Nam vĩ đại còn ở chỗ: từ xưa, nó đã vượt ra ngoài giới hạn dân tộc, ngay khi công cuộc xây dựng đất nước luôn luôn phải kinh qua những cuộc xung đột đẫm máu với các thế lực bành trướng, bá quyền nước lớn. Đặc biệt cao thượng là lượng khoan hồng đại độ đối với kẻ thù đã thất thế, cho dù chúng là quân sài lang, những tên đao phủ khát máu quen lấy thịt đè người, dùng vũ lực uy hiếp kẻ yếu.

Đầu thế kỷ XV, giặc Minh là đội quân xâm lược tàn ác, man rợ nhất:

Tát cạn nước Đông Hải không rửa sạch tanh hôi,
Chặt hết trúc Nam Sơn, không ghi đầy tội ác.

Nhưng, khi bị thất bại thảm hại:

Cứu binh hai đạo tan tành, quay gót chẳng kịp,
Quân giặc các thành khốn đốn, cởi giáp ra hàng.

và:

Tướng giặc bị bắt tù, xin thương hại, vẫy đuôi cầu sống,

thì:

Uy thần chẳng giết hại, lấy khoan hồng, thể bụng hiếu sinh,
Chúng đã sợ chết tham sống mà thực muốn cầu hòa,
Ta lấy toàn quân làm cốt cho dân được yên nghỉ.
Chẳng những mưu kế kỳ diệu,
Cũng là chưa thấy xưa nay.

Không những thế, khi triều Minh bị Mãn Thanh tiêu diệt, giữa thế kỷ XVII, hàng vạn tàn quân của chúng chạy sang Việt Nam tỵ nạn, được dân địa phương nhường cơm sẻ áo, cho ruộng đất cày cây, cho giữ cách sống riêng, tiếng nói, phong tục tập quán, tín ngưỡng, không hề có thành kiến dân tộc, không có tính chuyện đồng hóa họ, mà còn coi họ như người họ hàng, làng xóm. Nhân dân Việt Nam cũng đã có thái độ như vậy trước đó, đối với đám tàn quân của triều Tống chạy sang Việt Nam tỵ nạn khi phương Bắc bị quân Mông Cổ thôn tính. Quân quan nhà Trần còn cho phép họ tổ chức thành đội ngũ tham gia kháng chiến chống Nguyên Mông.

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, Hồ Chủ tịch và Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy một cách tuyệt vời tinh thần nhân đạo của nhân dân ta, góp thêm một viên ngọc sáng ngời vào chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Đoàn kết quốc tế là một nét đặc thù rất xuất sắc của Cách mạng Việt Nam từ khi sự nghiệp giải phóng của dân tộc ta tiếp thu ánh sáng của chủ

nghĩa Mác – Lênin, khiến cho nó có một sức hấp dẫn lạ thường. Không những các dân tộc khâm phục khí phách anh hùng và tinh thần quật khởi của nhân dân ta, mà điều quan trọng hơn là mối tình hữu nghị của đông đảo bạn bè khắp năm châu đối với đất nước và con người Việt Nam cũng ngày càng được tô thắm.

Trong lịch sử đấu tranh vì độc lập, tự do suốt mấy nghìn năm, các bậc tiền bối của chúng ta đã xây dựng nhiều giá trị truyền thống vẻ vang, trong đó cao quí nhất là chí kiên cường bất khuất, tình đoàn kết và lòng nhân đạo.

Ở thời đại cách mạng vô sản, vốn quí ấy, như cá gặp nước, rồng mây gặp hội, được phát huy và nở rộ, mang lại cho sự nghiệp giải phóng dân tộc một nghị lực to lớn, nâng nó lên thành bộ phận khăng khít, một khâu tất yếu và tích cực của cách mạng vô sản thế giới, là cách mạng oanh liệt, triệt để, sáng tạo nhất, cũng là cách mạng dân chủ nhất trong lịch sử loài người.

Đi theo con đường của cách mạng vô sản với sự đóng góp tích cực và chủ động của mình, nhân dân Việt Nam vừa làm tròn nghĩa vụ đối với dân tộc vừa làm tròn nghĩa vụ quốc tế, đồng thời được bù đắp lại bởi sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới, coi đó như là nghĩa vụ quốc tế cao cả của họ.

Hồ Chủ tịch, tinh hoa của nhân dân ta, do nhân dân ta sinh ra, đã làm rạng rỡ nhân dân ta.

Non sông, đất nước.

Non sông gấm vóc, đất nước tươi đẹp.

Dù là Bắc, Trung hay Nam, dù ven biển, đồng bằng, trung du hay miền núi, mỗi một góc trời Nam là một bức tranh có màu sắc riêng, cũng là hình ảnh thu hẹp của cả nước. Nói đúng hơn, mỗi một mảnh đất trên lãnh thổ ta là một mũi kim đường chỉ góp phần thêu nên tấm thảm xinh đẹp của Tổ quốc Việt Nam.

Đâu đâu cũng có cánh đồng, nương dâu, bãi mía, khóm trúc, cây đa, vườn chuối, giàn bí, cây cau; cũng có khúc sông, từ con thuyền lơ lửng vang lên như nỗi niềm tâm sự, nguyện ước với non sông, giọng cò lả trên dòng sông Hồng, sông Thao, điệu hò mái nhì, mái đẩy trên dòng sông Hương, tiếng hò Đồng Tháp trên dòng Cửu Long.

Non sông đất nước ấy trở nên vô cùng thân yêu, bởi vì nó là cái bọc chung chứa đựng tất cả những gì là tiền đề, là điều kiện, là cơ sở, là bối cảnh của cuộc sống – đất đai, sông ngòi, ruộng nương, vườn tược, gia đình, họ hàng, làng xóm, tình cảm, ý nghĩ, vui buồn, sướng khổ, nhu cầu, nguyện vọng, ước mơ. Nó là hình ảnh của xã hội loài người, là cả một thế giới dựng lên bằng *lao động mà cộng đồng là nền tảng*, qua đó quyền sống của con người thực hiện một cách đầy đủ và phát huy tính sáng tạo.

Non sông đất nước ấy trở thành vô cùng thiêng liêng bởi vì nó là sân khấu trên đó đã diễn ra bản anh hùng ca vĩ đại của bốn nghìn năm xây dựng đất nước và bảo vệ non sông.

Sức sống của dân Việt là một sức xung thiên.

Ánh sáng tỏa ra từ đất Văn Lang của các vua Hùng biểu dương nghị lực sáng tạo phi thường của tổ tiên ta trong cuộc giao tranh ác liệt, qui mô lớn và có tính chất quyết định, với thiên nhiên, đã chiến thắng biết bao thiên tai, những loài sơn yêu thủy quái, kẻ thù ghê gớm nhất của loài người thuở ấy, thì ông cha ta cũng có sức diệt trừ địch họa.

Có lẽ nào một cộng đồng loài người đã tự xây dựng cho mình một cuộc sống không còn hoàn toàn lệ thuộc vào thiên nhiên, một nền văn hóa cao, về thời gian cũng như không gian (nghĩa là đã có ý thức về quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do), lại để cho những bọn người từ ngoài ập đến đẩy mình vào kiếp ngựa trâu ?

Cách đây mấy nghìn năm, dưới trời Nam, đã lóe ra tia sáng của nhân phẩm: *Không có gì quí hơn độc lập, tự do.*

Cuộc hành trình của dân tộc Việt Nam trong lịch sử là một quá trình vượt qua muôn vàn cửa ải, vượt qua muôn trùng thử thách. Qua một cửa ải, vượt qua một thử thách, con người Việt Nam cao lớn thêm một trượng, non sông Việt Nam xanh tươi, hùng vĩ hơn xưa.

Luôn luôn thắng lợi vượt qua thử thách, càng thêm rắn rỏi, dày dạn sau mỗi một thử thách, bởi vì trên con đường lịch sử, con em đất Việt thời cổ đại, trung đại, cận kim hay hiện đại, *thủy chung tiến quân với sức mạnh của toàn dân, dưới lá cờ chính nghĩa – vì độc lập, tự do, vì Tổ quốc và giống nòi.*

Đất nước Việt Nam là cái kho của những giá trị bất hủ mà các thế hệ anh hùng nối tiếp nhau trên vũ đài lịch sử có công tích lũy giữ gìn và bồi đắp.

Nguyễn Trãi, vị anh hùng dân tộc tiêu biểu của thời trung đại, đã từng nói: "Mạnh yếu có lúc khác nhau, song hào kiệt không bao giờ thiếu". Mỗi một thế kỷ trong lịch sử Việt Nam lại nung đúc thêm một thế hệ mới, những chiến sĩ yêu nước cảm tử để cho Tổ quốc trường sinh, cho nòi giống trường tồn.

Hồ Chủ tịch nói: "Tận trung với nước, tận hiếu với dân, đoàn kết triệu người như một, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng". Lời giáo huấn ấy là sự khái quát hoá lý tưởng, mục tiêu, phương hướng, bản chất, động lực và kinh nghiệm của mấy nghìn năm đấu tranh của dân tộc Việt Nam.

Cuộc đấu tranh ấy đã đóng góp cho loài người những giá trị tinh thần và văn hóa quí báu, những con người ưu tú về nhân phẩm và khí phách.

Cuộc đấu tranh ấy, ở giai đoạn lịch sử, khi chí nhân và cường bạo kết tụ thành hai thái cực xung đột nhau trên qui mô thế giới, không thể đi tới một chân trời nào khác ngoài chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Đó chính là lúc chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản cần cho Việt Nam, tựa như người đi đường đang đói mà có cơm ăn, đang khát mà có nước uống.

Hồ Chủ tịch nói: "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới thực sự giải phóng những người bị áp bức và những người nô lệ trên toàn thế giới". Người nói: "Đối với những người cách mạng Việt Nam và nhân dân Việt Nam, chủ nghĩa Lênin không phải chỉ là một cẩm nang, mà là mặt trời soi sáng con đường đưa chúng ta đến thắng lợi".

Tinh hoa của dân tộc, của nhân dân, của non sông, đất nước Việt Nam, hiện thân của tinh thần và tư tưởng cách mạng Việt Nam ở đỉnh cao nhất, người học trò lỗi lạc của Lênin, Hồ Chủ tịch, cũng do *thời đại sinh ra*. Tâm hồn, tư duy và hoạt động cách mạng của Người là thuộc tinh hoa của thời đại.

Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta. Người đã góp phần xứng đáng làm rạng rỡ loài người tiến bộ.

*
* *

Văn học là diễn đàn để cho nhà văn nói lên – công khai hoặc kín đáo, bằng hình tượng, màu sắc, cả âm thanh nữa – những cảm tưởng, ý nghĩ, nhận xét về thái độ của mình về con người, về xã hội, về thế giới, về Tổ quốc, về dân tộc, về cuộc sống. Người ta thường so sánh những áng văn chương kiệt tác, những công trình văn học xuất sắc, với những viên ngọc quí rực sáng muôn màu, và những nhà văn, tác giả của chúng là những nghệ sĩ thiên tài của lời nói, như Đăngtơ, Sếchxpia, Gơtơ, Nguyễn Du, Tônxtôi, Gorơki, Tago, Lỗ Tấn.

Đó là kho báu của văn hóa thế giới.

Văn học, với những chức năng như trên đã nói, đã có mặt trong xã hội nguyên thủy, khi chưa có giai cấp, chưa có chế độ tư hữu. Vì nó là do cuộc sống xã hội sản sinh ra, như một đòi hỏi thiết tha của cuộc sống xã hội hình thành nhờ lao động của con người. Đó là văn học dân gian, mà thần thoại, truyền thuyết là rường cột. Văn học dân gian không mang dấu ấn cá nhân, bởi vì nó là nghệ thuật tập thể, là kết quả của sự phản ứng chủ quan, tự nhiên trong cuộc đấu tranh của thị tộc, bộ lạc để giành quyền sống với thiên nhiên và với các thị tộc, bộ lạc thù địch.

Có yêu có ghét, có sướng có khổ, có nhục có vinh, có sống có chết. Song những phạm trù ấy chỉ mới được nhận thức ở mức tổng hợp thô sơ theo mực thước của tư duy nguyên thủy, như là sự đối lập giữa cái thiện và cái ác, trên góc độ thuận hay nghịch với lợi ích chung của cộng đồng.

Trong xã hội có giai cấp, nhất là dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, văn học cũng như tất cả mọi giá trị nhân văn và xã hội, đều bị xếp vào một hệ thống đo lường chung với những sản phẩm của nền sản xuất vật chất, được đánh giá theo mức lợi nhuận chúng có thể sinh sản ra. Những mâu thuẫn của xã hội tư sản càng gay gắt, thì văn học càng bị phân hóa sâu sắc, ranh giới giữa hai luồng văn hóa đối lập nhau càng rõ – luồng văn hóa chính thống, bảo thủ của giai cấp bóc lột thống trị, và luồng văn hóa nhân dân và dân chủ của những người lao động và các tầng lớp bị áp bức. Văn học trở thành một trận địa của đấu tranh giai cấp.

Văn học, hiểu theo nghĩa rộng nhất của nó, gồm mọi hình thức, thể loại, diễn đạt tư tưởng và hoạt động của con người, là công cụ thông tin có hiệu lực nhất. Nó cũng là một phương tiện tinh vi cải tạo con người, cải tạo xã hội, cải tạo thế giới.

Cho nên văn học không tách khỏi người làm văn. Phải có người chuyên trách thành thạo, nhiệt tình, say mê với nghề, coi công việc của mình không phải như một kế sinh nhai, mà là một nghĩa vụ cao cả, một sứ mạng thiêng liêng của người kỹ sư tâm hồn được xã hội giao cho. Làm văn là do một sự phân công xã hội được qui định trong quá trình phát triển của lịch sử.

Nhưng trong xã hội bị mâu thuẫn giai cấp chia rẽ, giày xéo ác liệt như xã hội tư sản, thì sự phân công xã hội ngày càng mất tính chất cân bằng, khi mà toàn thể hoạt động xã hội bị thu hút vào việc tăng giàu sang phú quí cho loài cá mập tư bản lũng đoạn, đưa tới một sự chênh lệch ghê gớm trong sự phân phối của cải giữa các tầng lớp xã hội.

Như vậy là, trong giới văn học dĩ nhiên có sự phân hóa. Có nhà văn tư sản, có nhà văn vô sản. Cũng có nhà văn tiểu tư sản. Có nhà văn tiến bộ, có nhà văn phản động, cũng có nhà văn lừng chừng.

Văn học phục vụ chính nghĩa là sự biểu đạt cao quí và sắc sảo nhất tâm hồn và trí tuệ của loài người. Nó là tinh hoa của văn hóa. Là "tấm gương của cách mạng", văn học là cái dễ dàng lọt vào trái tim của con người. Là "tấm gương của cách mạng", bởi vì nó trung thực, thẳng thắn, không gượng ép giả tạo, nói ra những điều tâm hồn mình đã cảm hứng, tư duy mình đã nhận thức.

Phải là một nền văn học tiên tiến, sản phẩm của một khối óc sáng suốt mới thấy rõ tấn bi kịch của thực tế đương thời và của một trái tim đầy tình thương yêu đối với con người, với ước mong của quần chúng thoát khỏi đau khổ.

Văn học là một thứ nghệ thuật mang rất đậm nét cá tính của nhà văn. Nhà văn cũng là người chơi nhạc. Khác với người chơi nhạc thông thường, khi nhà văn mất thì dây đàn đứt, phím đàn gẫy... Song, những khúc đàn đã dạo – văn thơ, tác phẩm của nhà văn – không đoạn tuyệt với quá khứ và vẫn có duyên nợ với tương lai. Bởi vì đó là lời tri âm, tiếng nói của trái tim chan

chứa tình yêu đối với con người. Nhân dân, bất kỳ ở thời đại nào cũng dễ thông cảm với nó. Nhân dân, nhân loại là bất diệt. Các vương triều, đế chế, thịnh rồi suy. Bạo tàn, phi nghĩa có thể hoành hành trong một lúc, nhưng rồi cũng bị diệt vong. Độc lập, tự do là hai dòng sữa dinh dưỡng sức sống vô tận của loài người.

Cho nên, để cho nó thật sự là biểu tượng tinh hoa của dân tộc, hạt giống của cái chân, cái thiện, cái mỹ, văn học trước hết phải là bó đuốc tỏa sáng của lý tưởng cao quí của đất nước và giống nòi – độc lập, tự do.

Đối với bản thân nhà văn, đó là tinh thần bất khuất trước sức ép của thế lực đồng tiền (Lênin gọi là túi bạc của bọn tư bản). Là vì trong xã hội bị thế lực đồng tiền chi phối, các nhà văn, các nghệ sĩ, những người góp sức làm cho đời đáng yêu, cuộc sống có ý nghĩa, luôn luôn có nguy cơ bị thế lực ấy cám dỗ, mua chuộc, hủ hóa, mỗi khi chủ nghĩa cá nhân bị kích động. *Truyện Kiều* là câu chuyện thuyết minh thực tế phũ phàng cay đắng của xã hội người bóc lột người – "Chữ *tài* cùng với chữ *tai* một vần".

Đó là tình hình trong xã hội có người bóc lột người, xưa cũng như nay, nói chung. Ở những dân tộc lâu năm bị người ngoài thống trị, hoặc thường xuyên bị giặc ngoài xâm lấn, đe dọa, lớp người có học thức cần đề phòng hai xu hướng trái ngược nhau: một là, đầu óc tự ti dân tộc, tệ sùng bái quá đáng văn hóa nước ngoài; hai là, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi không tiếp thu cả những cái tiến bộ trong nền văn hóa các dân tộc khác. Trong hoàn cảnh chính trị quốc tế ngày nay, xu hướng thứ nhất là do chủ nghĩa thực dân mới du nhập vào; xu hướng thứ hai là do ảnh hưởng của tư tưởng sô vanh xui nên. Cả hai thế lực ấy đều là kẻ thù của độc lập, tự do của các dân tộc, kẻ thù của chủ nghĩa xã hội.

*

Lịch sử Việt Nam, nói một cách ngắn gọn, là lịch sử đấu tranh chinh phục thiên nhiên, đấu tranh xã hội, trong đó đấu tranh chống ngoại xâm chiếm phần quan trọng.

Bất cứ lịch sử của dân tộc nào, từ khi xuất hiện và hình thành cho đến nay, đều là lịch sử đấu tranh cho độc lập, tự do. Nhưng, vì hình thành và tồn tại trong những điều kiện lịch sử và địa lý có những nét đặc biệt, suốt trong mấy nghìn năm, dân tộc Việt Nam phải tiến hành cuộc đấu tranh ấy một cách thường xuyên, liên tục. Trong hơn hai mươi thế kỷ, hầu như không một thế kỷ nào, Việt Nam không bị giặc ngoài đến quấy nhiễu, đánh phá, xâm lược một hoặc nhiều lần.

Đặc điểm ấy đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần và văn hóa

của nhân dân Việt Nam, nung đúc trong họ một ý chí kiên cường, một tinh thần dũng cảm và một lòng tự tin mãnh liệt. Hiên ngang, anh dũng, nhưng khiêm tốn, hòa nhã, không kiêu căng, tự mãn. Anh hùng và kiên cường, bền bỉ, hai đức tính ấy được đúc nên và bồi dưỡng trong cộng đồng, trong tình đoàn kết chiến đấu dưới lá cờ của chính nghĩa.

Trong cuộc đấu tranh để bảo vệ đất nước, sức của toàn dân là nền tảng, cố gắng của cả nước là động lực. Rất sớm, người dân lao động Việt Nam cần cù và thông minh đã dựng lên một nền văn hóa độc đáo. Trong đấu tranh chống quân xâm lược, người Việt Nam dũng cảm và mưu trí, luôn luôn đánh thắng quân thù.

Sức sống của dân tộc Việt Nam thật kỳ lạ.

Cuộc đấu tranh bền bỉ chinh phục thiên nhiên và cuộc chiến đấu ngoan cường, bất khuất chống ngoại xâm, với sức mạnh vô địch của tinh thần đoàn kết, đã mở đường cho dân tộc Việt Nam rất sớm đi tới thống nhất cả về quốc gia và giống nòi. "Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi".

Tình quê hương, nghĩa đồng bào có nguồn gốc sâu xa trong tâm hồn người Việt.

Sự thống nhất ấy càng tăng sức sống của dân tộc, làm cho ý thức độc lập, tự do chín muồi nhanh chóng.

Nói một cách tổng quát, văn học Việt Nam nảy sinh ra từ trong thực tế lịch sử ấy, phản chiếu thực tế lịch sử ấy. Về phương diện này, văn học Việt Nam – cả văn học dân gian và văn học thành văn – là *nhất quán*. Vì thế, chúng ta có quyền nói rằng nền văn học Việt Nam là một nền văn học tiên tiến, vì nó là một tiếng vang của bản anh hùng ca bốn nghìn năm của dân tộc.

Khác với các nền văn hóa Hy La, Ai Cập, Lưỡng Hà, v.v... ở thời đá mới và đồ đồng là văn hóa của các xã hội chiếm hữu nô lệ, nền văn hóa Lạc Việt của các vua Hùng mọc ra trên nền tảng của xã hội thị tộc, khi sự phân hóa giai cấp còn ở mức thấp. Hoạt động văn hóa về căn bản chưa tách ra khỏi đời sống chung của cộng đồng, chưa phân chia ra thành các hình thái, thể loại, chưa có một lớp người chuyên về các mặt văn học, nghệ thuật – ca hát, âm nhạc, diễn xướng, nhảy múa.

Thần thoại miêu tả những việc thật với những người thật, những hoạt động của cộng đồng thị tộc, được điển hình hóa theo mức độ nhận thức về vũ trụ và trong giới hạn của những quan hệ xã hội đương thời.

Quân phương Bắc, hơn hai thế kỷ trước Công nguyên, ồ ạt kéo đến xâm lược nước ta bằng vũ lực để đồng hóa dân tộc ta. Chúng cố sức áp đặt cho ta một thứ văn hóa có vẻ tinh vi, nhưng bản chất là nô lệ. Vì vậy chúng đã không thành công, không phá vỡ nổi nền tảng văn hóa cổ truyền của dân tộc

ta, với tinh thần cộng đồng, dựa trên quan hệ bà con, làng xóm, đồng bào, trong tinh thần tương thân tương trợ, với một nền triết học bình dân –*chị ngã em nâng; bầu ơi thương lấy bí cùng; nhiễu điều phủ lấy giá gương; uống nước nhớ nguồn; chim khôn tìm tổ*...

Vì thế, hơn một nghìn năm Bắc thuộc, yếu tố nòng cốt của nền văn học dân tộc vẫn là văn hóa dân gian. Về phương diện này sự du nhập của văn hóa phương Bắc, với các trào lưu triết học và các luồng tôn giáo, tín ngưỡng Khổng, Lão, Phật, không có tác dụng sâu sắc đối với tâm hồn bất khuất, tư duy sáng tạo và lòng nhân ái, yêu nước thương nòi của người Việt Nam. Trái lại, văn học dân gian vẫn là vũ khí sắc bén đập lại ý đồ nô dịch và ngu dân của quân xâm lược, phát triển và phổ biến những truyền thuyết về các bậc anh hùng có công dựng nước và giữ nước – Thánh Gióng, Thánh Tản Viên, Tô Lịch, Lý Ông Trọng, Bà Trưng, Bà Triệu, Mai Hắc Đế, Bố Cái Đại Vương...

Nhờ vậy mà sau hơn nghìn năm tưởng chừng như bị mất hết sinh lực, dân tộc Việt Nam có đủ sức để vĩnh viễn xóa bỏ ách thống trị tàn bạo của bọn phong kiến phương Bắc, không mất gì hết ngoài xiềng xích nô lệ, mà lại giành được cả một kỷ nguyên mới – độc lập, tự chủ, với đỉnh cao – nền văn minh Đại Việt.

Từ đầu thế kỷ X đến hết thế kỷ XVIII, Việt Nam là thành trì kiên cố ở Đông Nam châu Á của độc lập, tự chủ, thắng lợi vượt qua những thử thách ghê gớm, đánh tan tành tất cả những đội quân xâm lược của những triều đại phong kiến Tống, Nguyên, Minh, Thanh.

Là tấm gương phản ánh lịch sử anh hùng của dân tộc, văn học Việt Nam trong thời đại độc lập, tự chủ này giành được những thành tựu xuất sắc, xứng đáng với chức năng xã hội của nó, là một viên ngọc trong kho tàng giá trị văn hóa của loài người. *Chiếu dời đô* của Lý Thái Tổ, bài thơ trên sông Như Nguyệt của Lý Thường Kiệt, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, thơ của Trần Nhân Tông, Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trung Ngạn, *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, cho đến *Hịch đánh quân Thanh* và *Dụ tướng sĩ* của Quang Trung, là hơi thở của một sức sống dạt dào, là lời nói hào hùng của chính khí.

Văn minh Đại Việt là sự phục hưng những giá trị ưu việt cổ truyền của dân tộc, được phát huy với sự vận dụng sáng tạo và kết hợp nhuần nhuyễn với những yếu tố lành mạnh và tích cực trong nền văn hóa của các dân tộc khác – Trung Hoa, Ấn Độ... Nhưng không vì thế mà tinh thần, bản chất, sắc thái và chí hướng *dân gian* của văn hóa dân tộc bị mờ nhạt. Trái lại, nhờ vậy mà tính chất độc đáo, sự sắc sảo và sức sáng tạo của văn hóa dân tộc tăng lên.

Chính văn học là địa hạt có sơ sở *dân gian mạnh nhất*.

Những truyện thần thoại của thời nguyên thủy là những công trình tập

thể. Tác giả là cộng đồng những người trực tiếp khai sơn phá thạch, lấp biển dời non, là tất cả những thành viên của cộng đồng – thị tộc hoặc bộ lạc. Họ vừa sáng tác, vừa diễn xướng, vừa là khán giả.

Đó là qui luật chung của sinh hoạt văn hóa của các cộng đồng người thời nguyên thủy.

Đối với văn học Việt Nam – biểu hiện nòng cốt của văn hóa – qui luật ấy đã tác động sâu sắc, như một truyền thống lâu bền, ảnh hưởng đến các thế hệ sau, khi văn học, từ giai đoạn truyền miệng, đã bước sang giai đoạn thành văn lúc đã có chữ viết, cơ cấu xã hội và tổ chức quốc gia đã đi vào khuôn khổ của chế độ quân chủ phong kiến trung ương tập quyền.

Nếu không nêu lên đặc điểm đó, có người có thể tưởng lầm rằng văn học Việt Nam chỉ bắt đầu có từ khi có văn học thành văn nhờ sử dụng chữ Hán. Như vậy là không hiểu ý thức dân tộc của ông cha ta biết mượn chữ Hán để xây dựng cho tiếng Việt một thứ văn tự riêng – chữ *Nôm*, để ghi lại và hệ thống hóa di sản quí báu của văn học dân gian, và qua đó, đẩy mạnh sự phát triển nền văn học dân tộc. Như chúng ta biết, những nhân vật lỗi lạc như Chu Văn An, nhất là vị anh hùng dân tộc vĩ đại Nguyễn Trãi, đã có công lớn trong lĩnh vực này. Ở châu Âu thời Phục Hưng, Đăngtơ, Alighiêri hình như cũng đã mở ra cho Italia con đường như vậy.

Một hệ quả của tác động ấy về mặt phân công xã hội trong lĩnh vực văn hóa tư tưởng, là ở thời đại sau giai đoạn văn học truyền miệng, là những nhà thơ, nhà văn tiêu biểu, cự phách, phần nhiều là những nhân vật lãnh đạo sự nghiệp dựng nước và giữ nước, những anh hùng dân tộc văn võ toàn tài, kết hợp một cách hữu cơ sáng tác văn học với công cuộc kinh bang tế thế và giải phóng đất nước. Từ xưa, trên đất nước Việt Nam, xây dựng đất nước, giải phóng dân tộc và bảo vệ giống nòi là công việc của toàn dân. Trong thời kỳ lịch sử mới, khi có nhà nước phong kiến độc lập, tự chủ, đứng đầu công việc ấy là một lớp quí tộc, nhưng cơ sở của nó dựa trên lực lượng của toàn dân, tuy là theo một cách thức tổ chức mới. Bởi vì giang sơn thường xuyên còn bị giặc ngoài đe dọa, bảo vệ Tổ quốc vẫn là nghĩa vụ hàng đầu, hai nghĩa vụ kháng chiến, kiến quốc gắn liền với nhau. Trong trường hợp đó, lợi ích lâu dài của tầng lớp thống trị với lợi ích cơ bản của nhân dân nói chung là nhất trí: cả nước là mặt trận, mỗi người dân, bất cứ ở địa vị xã hội nào, là một chiến sĩ bảo vệ non sông, trên tinh thần cha con một bụng, trên dưới một lòng, ít có sự phân biệt việc làng, việc nước, việc nhà.

Như vậy không có nghĩa là một khi lớp quí tộc, trong đó phần nhiều có học thức, nắm được độc quyền về văn học thành văn thì văn học dân gian bị ruồng bỏ, mai một. Cuộc phục hưng, mà nền văn minh Đại Việt thời Lý – Trần là bông hoa tươi thắm, là phục hưng tinh thần và cốt cách của dân tộc –

anh hùng, bất khuất, sáng tạo, nhân nghĩa, đoàn kết, là hương sắc của sức sống bất diệt của nhân dân Việt Nam – bị một nghìn năm Bắc thuộc trói buộc, chèn ép, bóp nghẹt. Nó vẫn sống và tích lũy, liên tiếp vùng dậy trong ý chí kiên cường, giành lại độc lập, chủ quyền cho đất nước và cuối cùng đã oanh liệt chiến thắng quân thù.

Vì thế, giành lại độc lập, như "châu về Hợp Phố", sức sống ấy dâng lên cuồn cuộn, dám thách thức những thế lực bành trướng xâm lược, bạo tàn và mạnh nhất đương thời. Bộ sử Việt Nam đầu tiên *Đại Việt sử ký toàn thư* của Lê Văn Hưu, *Lĩnh Nam chích quái*, *Việt điện u linh tập*, v. v... là những bằng chứng hùng hồn.

Hơn nữa, văn học thành văn ra đời không ngăn cản sự phát triển của văn học dân gian. Có độc lập, chủ quyền, và trong khi công xã nông thôn còn được hưởng quyền tự trị tương đối rộng rãi (phép vua thua lệ làng), tuy có chế độ nô tỳ và nông nô, đời sống ở nông thôn chưa đến nỗi u ám, tiều tụy như dưới thời Bắc thuộc, hoặc như ở các thế kỷ XVII, XVIII, khi xã hội phong kiến Việt Nam bước sang giai đoạn suy tàn, người nông dân Việt Nam có thể tiếp tục phát triển nền văn hóa cổ truyền của mình.

Có hiện tượng đặc biệt là, ở giai đoạn này, sự phát triển văn học dan gian đã giúp cho văn học thành văn giữ vững và phát huy tinh thần và bản sắc dân tộc (ở Việt Nam, cái gì có tính nhân dân mới có tính dân tộc, đã có tính dân tộc thì nhất thiết phải có tính nhân dân). Ngược lại, văn học thành văn đã góp phần tăng tầm nhìn xa và tính khoáng đạt, linh hoạt, mềm mỏng, đa thức, đa dạng của văn học dân gian, mà vẫn giữ được phong thái riêng.

Đó là vì văn học Việt Nam, qua các giai đoạn phát triển của nó, *về tinh thần yêu nước, nhân đạo và dân chủ là nhất quán.*

Đức tính ấy càng được phát huy mỗi khi vận mệnh của dân tộc đứng trước những thử thách lớn, khi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đòi hỏi một sự cố gắng vượt bậc, một tinh thần chiến đấu và hy sinh cao.

Trong hơn một nghìn năm – từ chiến thắng Bạch Đằng cho đến ngày nay – Việt Nam đã kinh qua bốn mốc lịch sử có ý nghĩa quyết định: một là thời kỳ Lý – Trần; hai là thời kỳ chống giặc Minh; ba là thời kỳ chống giặc Thanh; và bốn là thời hiện đại chống chủ nghĩa đế quốc và phản động quốc tế, Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

*

* *

Hồ Chủ tịch là tinh hoa của dân tộc. Người tiêu biểu cho tất cả những gì cao đẹp nhất, quí báu nhất mà khí phách anh hùng và trí sáng tạo của nhân dân ta đã nung đúc nên trong bốn nghìn năm. Tiêu biểu cho tâm hồn và trí

tuệ của dân tộc, Người là nhà cách mạng yêu nước triệt để nhất, tiên tiến nhất. Và ngược lại, với khoa học cách mạng của giai cấp công nhân, Người đã làm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có một sức mạnh vô địch, như một lá cờ quang vinh bách chiến bách thắng mẫu mực đối với tất cả các dân tộc bị áp bức.

Tạo nên được những giá trị tinh thần và văn hóa ưu việt, là bởi vì từ bước đầu trên diễn đàn lịch sử, tinh thần bất khuất là ngọn lửa thiêng của Prômêtê sưởi ấm tâm hồn, là dòng máu nóng chảy trong huyết quản của người Việt, và tinh thần "Không có gì quí hơn độc lập, tự do" là sao Bắc Đẩu soi sáng con đường cho dân Việt đi tìm hạnh phúc.

Trái tim được sưởi ấm bởi tinh thần bất khuất, khối óc được soi sáng bởi chân lý "Không có gì quí hơn độc lập, tự do" nhân dân Việt Nam trong mấy nghìn năm đã kiên trì và anh dũng khắc phục vô vàn chướng ngại vật to lớn và nguy hiểm trên con đường đi tìm tự do, bước từng bước vững chắc hướng về đỉnh cao nhất của lịch trình tiến hóa của loài người – chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Hồ Chủ tịch kết tinh ý chí kiên cường, bất khuất và tư duy sắc sảo, tinh thần cách mạng triệt để và tư tưởng khoa học tiên tiến, là người đi đầu đưa dân tộc ta vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, và Người đã dạy dỗ, rèn luyện Đảng và nhân dân ta đem hết nhiệt tình cách mạng, sức lực và tài năng tích cực góp phần xứng đáng xây dựng kỷ nguyên mới. Tượng trưng cho chủ nghĩa yêu nước chân chính, Hồ Chủ tịch đã chủ động và kịp thời, với tất cả tinh thần trách nhiệm đối với vận mệnh và tương lai của đất nước, với ý thức sắc bén đối với những diễn biến có tính chất quyết định của thời cuộc, đã đưa sự nghiệp giải phóng dân tộc Việt Nam tới chân trời bao la mở ra bởi sứ mạng lịch sử của giai cấp vô sản – giải phóng toàn thể loài người.

*

* *

Từ nhận thức đối với sự nghiệp và thân thế của Hồ Chủ tịch là tinh hoa của dân tộc ta và của thời đại, chúng ta mới có thể thấy được phần nào phẩm chất của Người qua sáng tác văn học của Người.

Đánh giá nhà văn, người Pháp có câu: "Con người là ở trong tác phong" (Le style c'est l'homme). Chúng ta không dám đánh giá Hồ Chủ tịch, dù là về mặt văn học, bởi vì Người đứng trên tất cả mọi công thức so sánh. Song chúng ta thấy rằng câu nói trên có phần nào hợp với Người, nếu chúng ta hiểu hai từ "phong cách" một cách toàn diện.

Trước hết, *Hồ Chủ tịch là nhà cách mạng vĩ đại*. Người làm cách mạng

để đập tan xiềng xích nô lệ, giải phóng dân tộc, đưa lại độc lập, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Khi người nói: "Không có gì quí hơn độc lập, tự do", là Người muốn nói: độc lập, tự do không phải tự nhiên mà có, không phải ai ban cho mình, mà phải đấu tranh cách mạng kiên cường và gian khổ mới giành được nó.

Những câu nói đó của Người là sự kết tinh những tình cảm, những ý nghĩ, những nguyện vọng và chí hướng, những kinh nghiệm đấu tranh của hàng triệu người thuộc nhiều thế hệ nạn nhân của áp bức, bóc lột, bất công và bạo tàn. Những câu nói ấy đã thành những chân lý soi sáng khối óc và sưởi ấm trái tim của quần chúng nhân dân, với một sức thuyết phục và động viên to lớn, đưa cách mạng đến những thắng lợi huy hoàng.

V. I. Lênin nói: "Giải phóng những người lao động là công việc của chính những người lao động". Quần chúng, nhân dân làm ra lịch sử. Muốn làm cách mạng và muốn cho cách mạng thành công, thì phải động viên, tổ chức và lôi kéo đông đảo nhân dân vào cuộc đấu tranh cách mạng, phải *đoàn kết toàn dân*. Một trong những nhân tố quyết định sự thành công của sự nghiệp dựng nước và giữ nước của ông cha ta trong mấy nghìn năm là tình đoàn kết dân tộc. Cho nên khi Hồ Chủ tịch hô hào: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công", tất cả các tầng lớp nhân dân, các thành phần dân tộc, Việt kiều ở hải ngoại, tập hợp dưới lá cờ của Đảng, đều như nghe tiếng gọi của trái tim. Toàn dân đoàn kết, Cách mạng Tháng Tám thành công vẻ vang. Toàn dân đoàn kết, kháng chiến chống Pháp thắng lợi huy hoàng. Toàn dân càng đoàn kết chặt chẽ, kháng chiến chống Mỹ, cứu nước giành đại thắng chấn động toàn cầu. Thực hiện Di chúc thiêng liêng của Bác và hưởng ứng Lời kêu gọi lịch sử của Trung ương Đảng, toàn dân ta đoàn kết năm mươi ba triệu người như một, cùng với hai dân tộc anh em Lào và Campuchia, với sự đoàn kết của cả loài người tiến bộ, nhất định sẽ tiêu diệt sạch quân xâm lược bất kỳ từ đâu tới, xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công, củng cố hòa bình và an ninh ở châu Á và trên thế giới.

Suốt đời hy sinh cho cách mạng, vì nền độc lập của nước nhà, vì quyền tự do của nhân dân, Hồ Chủ tịch giáo dục Đảng ta, nhân dân ta, quân đội ta *tận trung với nước, tận hiếu với dân*. Có lòng trung thành nào cao thượng hơn, đáng kính hơn lòng trung thành đối với đất nước, được dựng lên nhờ hy sinh anh dũng và chiến đấu kiên cường của bao nhiêu thế hệ người Việt? Có lòng hiếu kính nào thiêng liêng hơn, đẹp đẽ hơn lòng hiếu kính đối với nhân dân – tập thể người làm nên lịch sử, là ông bà cha mẹ của chúng ta, và cả chúng ta nữa, là người chủ của giang sơn gấm vóc bốn nghìn năm văn hiến, của cuộc sống ấm no hạnh phúc mà chúng ta đang xây dựng? "Trung với nước, hiếu với dân" là biểu hiện cao đẹp của tinh thần "Không có gì quí hơn độc lập, tự do",

vì những đức tính ấy là động cơ, là ánh sáng của cuộc đấu tranh cách mạng để đưa cách mạng đến thắng lợi. Có hai đức tính ấy làm kim chỉ nam và cổ vũ "nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng".

Cùng với tinh thần "Không có gì quí hơn độc lập, tự do" và "Tận trung với nước, tận hiếu với dân", Hồ Chủ tịch dạy chúng ta *suốt đời làm đầy tớ trung thành của nhân dân*. Ý chí và quyết tâm ấy là sự thể hiện triệt để, cao nhất của tấm lòng trung với nước, hiếu với dân, là hành động cao cả, đi liền với tình cảm và ý nghĩ cao quí, vì cách mạng và vì thắng lợi của cách mạng.

Vì thắng lợi của cách mạng mà không từ chối, không coi nhẹ bất cứ một công việc gì, nếu công việc đó có thể góp phần vào sự nghiệp cách mạng cao cả. Vì độc lập, tự do, vì thắng lợi của cách mạng mà không từ chối, không bỏ sót một phương tiện, một thứ vũ khí nào, vật chất hoặc tinh thần, nếu nó được sử dụng đúng đắn, sáng tạo và có hiệu lực để tăng thêm sức mạnh cho cách mạng.

Đó là quan niệm, thái độ, sự quan tâm và chăm lo của Hồ Chủ tịch *đối với văn học,* một thứ vũ khí vô cùng quan trọng mà sức mạnh đã được thử thách qua bốn nghìn năm đấu tranh oanh liệt của dân tộc ta vì độc lập, tự do. Đó là vốn quí của nền văn hóa lâu đời, độc đáo và rạng rỡ của dân tộc Việt Nam, cần được phát huy tới đỉnh cao trong thời đại Hồ Chí Minh, khi nhân dân ta đã giành được quyền làm chủ tập thể đất nước, xã hội, thiên nhiên. Cùng vận mệnh của mình, khi nhiệm vụ trung tâm và cao quí là xây dựng con người mới, trên cơ sở của một nền văn hóa tiên tiến – nền văn hóa xã hội chủ nghĩa mang màu sắc dân tộc và có tính chất nhân dân.

Đó là lòng chân thật, trung thành và nhiệt tình cách mạng trong suốt như pha lê, cộng với tinh thần chiến đấu cách mạng triệt để, trong tư thế từ trên đỉnh cao của tương lai – chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản – mà hành động, phấn đấu, sáng tạo.

Văn học, vốn từ trong cuộc sống của quần chúng mà ra, phải là vũ khí của quần chúng cách mạng, và để cho quần chúng cách mạng sử dụng một cách có hiệu lực nhất, thì nó phải thiết thực, rõ ràng, sáng sủa, tự nhiên, như chân lý, thứ chân lý mà mọi người đang chờ đợi, ước mong, đồng thời, lại có tính chiến đấu cao, có tác dụng động viên và cổ vũ tinh thần cách mạng sáng tạo của quần chúng, mở ra trước quần chúng những triển vọng cao xa của sự nghiệp giải phóng, xây dựng cho quần chúng lý tưởng cao cả và tinh thần lạc quan cách mạng.

Đó là *đức khiêm tốn*. Lòng khiêm tốn là đức tính, là vật trang sức cao quí nhất của đạo đức cách mạng của những vị lãnh tụ thiên tài của cách mạng thế giới, như Mác, như Lênin, như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó cũng là

đức tính căn bản của hàng nghìn hàng vạn chiến sĩ cách mạng của nhân dân ta và nhân dân thế giới.

Khiêm tốn nghĩa là loại trừ, tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân. Khiêm tốn có nghĩa là mỗi một tình cảm, một ý nghĩ, mỗi một cử chỉ, lời nói, hành động đều nhằm phục vụ lợi ích của nước, của dân, của cách mạng, mà không vì lợi ích nhất thời, nhỏ bé của cá nhân. Khiêm tốn còn có nghĩa là vì lợi ích và mục tiêu lâu dài của cách mạng, không tự mãn với công việc đã làm và thành tích đã đạt được, mà luôn luôn thành thực phê bình và tự phê bình, kiểm điểm lại bước đường đã qua, tự hỏi mình phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân đã đúng đắn chưa, đã đầy đủ chưa, và tự đặt cho mình nhiệm vụ học hỏi thêm, học hỏi nữa trong thực tế cách mạng, ở quần chúng cách mạng, để luôn luôn cải tiến lề lối làm việc, như Hồ Chủ tịch dạy.

Đảng ta do Hồ Chủ tịch sáng lập là Đảng chân chính mácxít – Lêninnít của giai cấp công nhân. Đảng kết tụ tinh hoa của dân tộc, Đảng cũng là Đảng của trí tuệ sáng tạo. Văn học trước hết là phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, phục tùng tổ chức Đảng, thấm nhuần đường lối chung của Đảng, thấu triệt và quán triệt đường lối và chính sách văn hóa của Đảng, tính giai cấp, tính tiên phong, tính chiến đấu, tác phong và nghị lực sáng tạo của Đảng.

Giáo sư Viện sĩ
NGUYỄN KHÁNH TOÀN

NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH

Chủ tịch HỒ CHÍ MINH (khi còn nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, lúc đi học lấy tên là Nguyễn Tất Thành, trong nhiều năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài lấy tên là Nguyễn Ái Quốc và một số bí danh khác) sinh ngày 19-5-1890 ở quê ngoại là làng Hoàng Trù; lớn lên ở quê nội là làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Nguyễn Sinh Cung sinh ra trong một gia đình trí thức yêu nước, nguồn gốc nông dân, tại một địa phương có truyền thống anh dũng chống ngoại xâm, trong một thời kỳ sôi nổi của phong trào cứu nước ở Việt Nam.

Thân sinh Nguyễn Sinh Cung là cụ Nguyễn Sinh Huy, tức Nguyễn Sinh Sắc (1863 - 1929).

Hai thân mất sớm, cụ Nguyễn Sinh Huy vừa đi học, vừa phải lao động để sống. Là một người hiếu học, thông minh, lại được sự dạy bảo hết lòng của nhạc phụ Hoàng Đường, cụ đã đỗ phó bảng, và sống thanh bạch bằng nghề dạy học. Bị bọn thống trị thúc ép nhiều lần, cụ phải ra làm quan, nhưng thường tỏ thái độ không hợp tác với chúng. Cụ nói: "Quan trường thị nô lệ trung chi nô lệ" (Quan trường là nô lệ trong những người nô lệ), ý nói làm quan với Pháp lại càng nhục nhã hơn người nô lệ. Yêu nước và khảng khái, cụ thường chống lại lũ quan trên và bọn thực dân Pháp, sau cùng bỏ quan, đi làm thuốc, chữa bệnh cho dân.

Thân mẫu của Nguyễn Sinh Cung là cụ Hoàng Thị Loan (1868- 1900), một người mẹ hiền hậu, đảm đang, chăm lo ruộng vườn và nuôi dạy con cái.

Chị của Nguyễn Sinh Cung là Nguyễn Thị Thanh (1884 - 1954) tức Bạch Liên, anh là Nguyễn Sinh Khiêm (1888 - 1950) tức Nguyễn Tất Đạt, cả hai đều tham gia phong trào chống thực dân Pháp và nhiều lần đã bị tù đày; sau cùng đều bị quản chế.

Lúc còn nhỏ, Nguyễn Sinh Cung là một người học trò thông minh, chăm chỉ học tập và ham tìm hiểu những điều mới lạ; ngoài các sách phải học, cậu còn ham đọc truyện và thơ ca yêu nước. Những chuyện anh hùng liệt sĩ, những buổi đàm luận về thời cuộc giữa cụ thân sinh với các nhà yêu nước khác mà cậu nghe được, đã sớm bồi dưỡng ở cậu tinh thần yêu nước, thương nòi. Đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào đang bị hành hạ tàn bạo vì thiếu tiền nộp tô, nộp thuế, bị bắt đi làm phu làm đường, cậu Cung đã sớm có chí căm thù quân cướp nước và bọn tay sai bán nước.

Năm 15 tuổi, cậu Cung đã tham gia công tác bí mật, làm liên lạc cho một số nhà trí thức yêu nước lúc bấy giờ.

Đầu năm 1911, cậu đổi tên là Nguyễn Tất Thành, thôi học, vào Phan Thiết làm thầy giáo trong một thời gian ngắn tại trường Dục Thanh, một trường tư, do một số nhà văn thân yêu nước lập ra. Ít lâu sau, Nguyễn Tất

Thành vào Sài Gòn, rồi xuất dương để tìm con đường cứu nước, cứu dân. Đầu tiên, Nguyễn Tất Thành lấy tên là Văn Ba, làm công trên chiếc tàu buôn "Đô đốc Latusơ Tơrêvilơ" (Amiral Latouche Tréville) để sang Pháp. Sau này, người thanh niên ấy còn đi rất nhiều nước thuộc châu Âu, châu Phi và châu Mỹ.

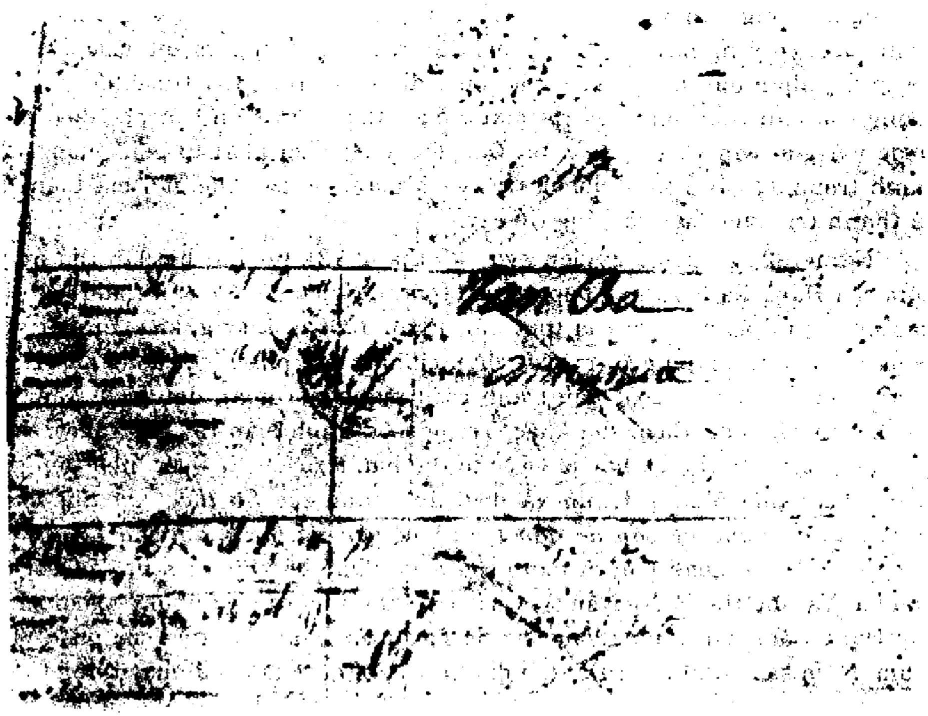
Sang Pháp sau cụ Phan Chu Trinh, mặc dầu có quan hệ rất thân thiết với cụ, nhưng Nguyễn Tất Thành đã không theo con đường cải lương của cụ; không đi theo con đường của những nhà trí thức lúc bấy giờ vẫn giữ hệ ý thức phong kiến, hoặc đã bắt đầu chuyển sang hệ ý thức tư sản. Người thanh niên yêu nước ấy chọn con đường của những người lao động chân tay để sống, học tập, rèn luyện, và nhất là để có điều kiện tìm hiểu kỹ lưỡng sinh hoạt cùng nguyện vọng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước. Nguyễn Tất Thành trải qua nhiều nghề khác nhau: làm công trên tàu, nấu bếp, làm vườn khi ở Lơ Havrơ; quét tuyết, đốt lò, làm thuê cho khách sạn ở Luân Đôn (Anh); làm thợ ảnh, vẽ thuê tại xưởng đồ cổ mỹ nghệ, viết văn, bán báo, và làm biết bao nhiêu công việc cực nhọc khác ở Pháp, tất cả là mười hai nghề khác nhau. Tại Anh, người thanh niên ấy đã tham gia Công đoàn lao động hải ngoại, bắt đầu học tập lý luận cách mạng với tinh thần kiên trì và cố gắng rất lớn. Tuy không tán thành chủ trương cải lương của Phan Chu Trinh, Nguyễn Tất Thành vẫn thường xuyên trao đổi thư từ với cụ. Tại Mỹ, Nguyễn Tất Thành đã đi làm thuê ở phố Brútlin, dự những cuộc mít tinh của người da đen ở khu phố Háclem (Nữu Ước).

Cuối năm 1917 đầu năm 1918, giữa những ngày ác liệt của chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp, tham gia cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Pháp, rồi tham gia Đảng Xã hội Pháp và *Hội những người Việt Nam yêu nước*. Người thanh niên yêu nước ấy lấy tên là Nguyễn Ái Quốc. Người viết báo, phân phát truyền đơn, tận dụng mọi diễn đàn – từ những cuộc mít tinh đông đảo quần chúng, đến những buổi thảo luận thân mật, cởi mở ở Câu lạc bộ Ngoại ô Pari – để hướng sự chú ý của người nghe vào vấn đề Đông Dương, vấn đề Việt Nam. Người tiếp tục tranh luận với Phan Chu Trinh và Phan Văn Trường về con đường giải phóng dân tộc.

Trong cuộc đấu tranh cách mạng, vừa học tập lý luận, vừa làm công tác thực tế, dần dần Người đã tiếp thu được chủ nghĩa Mác – Lênin.

Giữa những ngày tháng hoạt động sôi nổi như thế của Nguyễn Ái Quốc, cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) bùng nổ, làm chấn động cả hoàn cầu và có ảnh hưởng quyết định đến cuộc đời hoạt động của Người.

Trang sổ lương



Một trang sổ lương của Văn Ba (34 năm sau là Chủ tịch Hồ Chí Minh) khi làm trên tàu "Đô đốc Latusơ Tơrêvilơ". Số lương chỉ lương tháng của Văn Ba năm 1911 là 50 frăng. Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam.

Năm 1918, chiến tranh thế giới kết thúc. Ngày 28-6-1919, các nước đế quốc chủ nghĩa thắng trận triệu tập Hội nghị hòa bình ở Vécxây (Versailles, Pháp) để ký kết Hòa ước nhằm chia lại thị trường thế giới. Thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, Người đã gửi đến Hội nghị một bản yêu sách nổi tiếng gồm tám điểm, đòi Chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do dân chủ của nhân dân Việt Nam. Đây là đòn tiến công trực diện đầu tiên đánh thẳng vào chủ nghĩa đế quốc, là một sự kiện chính trị quan trọng "gây xáo động trong thế giới thuộc địa", là một "quả bom" làm chấn động cả dư luận nước Pháp. Đây là tiếng sấm mùa xuân thức tỉnh nhân dân ta đứng lên đấu tranh cách mạng, báo hiệu một giai đoạn phát triển mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta. Tuy gửi bản yêu sách, nhưng Nguyễn Ái Quốc không kỳ vọng gì ở Hội nghị Vécxây, Người đã sớm nhận thấy "chủ nghĩa Uynxơn", chỉ là một trò bịp lớn và chương trình mười bốn điểm của Tổng thống Mỹ chỉ là những lời đường mật cốt để lừa bịp các dân tộc bị áp

bức. Thực tế chứng tỏ rằng "chỉ có giải phóng giai cấp vô sản, thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới" [1]. Người đã xác định được nhận thức có ý nghĩa lý luận và thực tiễn rất quan trọng: muốn được độc lập và tự do, nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa phải trông cậy trước hết vào lực lượng của bản thân mình và chỉ giành được thắng lợi trọn vẹn nếu đoàn kết được với giai cấp vô sản quốc tế. Dân tộc Việt Nam phải tự giải phóng lấy mình trong sự gắn bó với phong trào cách mạng vô sản thế giới mà Liên Xô là thành trì vững chắc và đáng tin cậy.

Năm 1920 (từ ngày 25 đến ngày 30 tháng 12), tại Đại hội lần thứ mười tám của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua (Tours), Người đã đọc bản tham luận tố cáo những tội ác tày trời của thực dân Pháp ở Đông Dương, kêu gọi giai cấp công nhân và những người mácxít chân chính Pháp phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa khác. Trong cuộc tranh luận rất gay gắt về việc gia nhập Quốc tế thứ ba hay là Quốc tế thứ hai, Nguyễn Ái Quốc, nhờ tiếp thu được chủ nghĩa Mác – Lênin và dưới ánh sáng của *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và về vấn đề thuộc địa của Lênin*, đã cùng với những người mácxít ưu tú của nước Pháp bỏ phiếu gia nhập Quốc tế thứ ba. Và như thế là Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời là người cộng sản đầu tiên của nước Việt Nam. Năm sau (1921), tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất Đảng Cộng sản Pháp (họp từ ngày 25 đến 30 tháng 12, tại thành phố Mácxây), Người được cử vào Đoàn Chủ tịch. Đến Đại hội lần thứ hai (tháng 10-1922), Người lại được cử tham gia Đoàn Chủ tịch.

Đánh giá ý nghĩa to lớn của việc Nguyễn Ái Quốc tham gia Đại hội Tua, đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã viết: *Hồ Chủ tịch có nói lại rằng: trong Đại hội Tua, Hồ Chủ tịch theo cộng sản vì thấy cộng sản ủng hộ việc giải phóng dân tộc. Như vậy có nghĩa: nếu có tư tưởng dân tộc chân chính thì lúc đó phải đi theo con đường vô sản để giải phóng dân tộc, và người tiêu biểu nhất của tư tưởng đó là Hồ Chủ tịch* [2].

Sự kiện chính trị đặc biệt quan trọng này đánh dấu sự chuyển biến quyết định trong đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc từ một nhà yêu nước chân chính trở thành một chiến sĩ cộng sản. Từ đó, Cách mạng Việt Nam bắt đầu kết hợp tinh thần yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Hướng theo con đường của Cánh mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, cho nên Cách mạng Việt Nam phát triển ngày càng mạnh mẽ và giành những thắng lợi ngày càng to lớn.

---

1. Xem bài *Cuộc kháng Pháp*, trong tập này, tr. 235 - 238.

2. Lê Duẩn: *Giai cấp vô sản với vấn đề nông dân trong cách mạng Việt Nam*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1965, tr. 73-74.

Để kết hợp cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với phong trào công nhân quốc tế và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, Nguyễn Ái Quốc (cùng với một số người yêu nước của nhiều nước thuộc địa Pháp) đã sáng lập *Hội Liên hiệp thuộc địa* (1921) và được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương Hội, làm Ủy viên thường trực. Sự ra đời của Hội là sự kiện chính trị rất quan trọng đối với các dân tộc bị áp bức. Cơ quan tuyên truyền của Hội là tờ báo *Người cùng khổ* (*Le Paria*). Là người tham gia sáng lập, là Chủ nhiệm kiêm Chủ bút và quản lý tờ báo, Nguyễn Ái Quốc đã viết nhiều bài báo thuộc nhiều thể loại khác nhau, bao gồm xã luận, bình luận, truyện ngắn, tin tức, v.v... Người còn vẽ cả tranh châm biếm, đả kích nữa. Cùng với cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* [1] và những bản tham luận của Người, báo *Người cùng khổ* đã góp phần quan trọng vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Đông Dương và các nước thuộc địa khác. "Đó là một luồng gió mới thổi đến nhân dân các nước bị áp bức" [2]. Thời gian này, Người cũng viết nhiều bài cho các báo *Nhân đạo (L'Humanité), Đời sống thợ thuyền (La vie ouvrière)*, v.v...; sáng tác truyện ngắn *Pari* [3] và một loạt truyện và ký khác. Vở kịch *Con rồng tre (Le dragon en bambou)* do Người sáng tác (6-1922) từng được công diễn, được khán giả và các nhà phê bình văn nghệ tán thưởng [4]. Người còn đăng bài phê bình phim *Tư bản và tông giáo* [5] của Giôrít Iven, viết thơ truyền đơn *Việt Nam yêu cầu ca*, văn xuôi có nhịp để cổ động Việt kiều mua báo *Việt Nam hồn*, v.v...

Vào khoảng nửa sau năm 1923, Nguyễn Ái Quốc từ Pháp bí mật qua Đức để đi Liên Xô, dự Hội nghị Quốc tế Nông dân (họp từ ngày 12 đến ngày 15-10-1923) với tư cách là đại biểu của nông dân các nước thuộc địa. Tại Hội nghị này, Người được bầu vào Ban Chấp hành Quốc tế Nông dân.

Ngày 21-1-1924, trái tim của Lênin vĩ đại ngừng đập! Với niềm xúc động mạnh mẽ, với tất cả lòng kính phục, tin yêu, thương tiếc sâu xa, Nguyễn Ái Quốc đi viếng Lênin, và viết bài *Lênin và các dân tộc thuộc địa; Lênin và các dân tộc phương Đông*..., nhấn mạnh ý nghĩa vĩ đại của chiến lược và sách lược đúng đắn của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa. Nguyễn Ái Quốc ở lại Liên Xô một thời gian, công tác ở Quốc tế Cộng sản, viết nhiều bài cho báo *Sự thật*, cho tạp chí *Thư tín quốc tế* (La correspondance internationale), tiếp tục trình bày những ý kiến của mình về cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Một trong những bài báo quan trọng đó là *Đông Dương* và *Thái Bình Dương*.

---

1. Xem tiểu dẫn *Bản án chế độ thực dân Pháp*, trong tập này, tr. 257 - 258.

2. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.45.

3. Xem tiểu dẫn truyện ngắn *Pari*, trong tập này, tr. 73 - 75.

4. Xem tiểu dẫn Về *vở kịch "Con rồng tre"*, trong tập này, tr. 85 - 86.

5. Xem tiểu dẫn *Về bài phê bình tác phẩm điện ảnh "Tư bản và tông giáo" (của Giôrít Iven)*, trong tập này, tr. 83.

Từ ngày 17-6 đến ngày 8-7-1924, tại Mátxcơva, Nguyễn Ái Quốc dự Đại hội lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản với tư cách là đại biểu tư vấn của Đảng Cộng sản Pháp; được chỉ định là Ủy viên thường trực Bộ Phương Đông. Sau đó, Người còn dự các cuộc Hội nghị Quốc tế Công hội, Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Phụ nữ.

Tại Đại hội lần thứ năm của Quốc tế Cộng sản, Người đọc một bản tham luận quan trọng trình bày đầy đủ lập trường của mình, thẳng thắn và thân ái phê bình một số Đảng Cộng sản chưa quan tâm đúng mức đến phong trào cách mạng ở thuộc địa, đồng thời Người còn nêu lên những biện pháp tích cực nhằm chấm dứt tình hình đó và đẩy mạnh phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa.

Sau khi ở Liên Xô một thời gian để nghiên cứu chế độ Xô viết và kinh nghiệm xây dựng Đảng theo học thuyết của Lênin, vào cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc, lúc ấy lấy tên là Lý Thụy, từ Liên Xô về hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc), nhằm xúc tiến việc chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập một Đảng Cộng sản ở Việt Nam. Người tiếp xúc với các nhà cách mạng Việt Nam; mở các lớp huấn luyện lý luận, chính trị để đào tạo cán bộ; sáng lập *Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội* (6-1925), một tổ chức tiền thân của Đảng. Người lại tổ chức đưa thiếu niên trong nước ra ngoại quốc học tập, thành lập nhóm *Thiếu niên tiền phong Việt Nam* ở Quảng Châu và "các em đã đi ra nước ngoài như những nhà cách mạng" [1]. Người cho xuất bản tờ tuần báo *Thanh niên* (6-1925), cơ quan của Tổng bộ Thanh niên. Người sáng lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông*.

Những bài giảng của Người tại các lớp huấn luyện ở Quảng Châu được tập hợp lại, in thành sách với tên là *Đường kách mệnh* (1927). Sách này phát triển những tư tưởng cách mạng của Người trong các thời kỳ trước đây, đặt nền tảng cho Cương lĩnh của Đảng ta sau này. [2]

Trong thời gian ấy, Người còn tổ chức cho thanh niên cách mạng học văn hóa, ngoại ngữ và sinh hoạt văn nghệ. Người dịch bài *Quốc tế ca* ra tiếng Việt theo thể thơ lục bát, và sáng tác nhiều bài thơ ca cách mạng khác để giáo dục lứa tuổi thanh niên cách mạng ấy.

Tháng 4-1927, Nguyễn Ái Quốc đi Liên Xô, rồi đi dự Hội nghị chống chiến tranh đế quốc họp ở Bruyxen (Bỉ). Sau đó, trên bước đường hoạt động cách mạng vô cùng phong phú, Người qua các nước Đức, Thụy Sĩ, Italia, trở lại Pháp, rồi đến Thái Lan.

Từ mùa thu năm 1928, sống trên đất Thái Lan, Người đào tạo cán bộ, tuyên truyền, giáo dục, lập các tổ chức Việt kiều yêu nước. Người cho xuất bản

---

1. Nguyễn Ái Quốc: *Thư gửi Ban trung ương Đội thiếu niên tiền phong Mátxcơva*, ngày 22-7-1926 (Tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương).

2. Xem tiểu dẫn *Đường kách mệnh*, trong tập này, tr. 394-397.

tờ báo *Thân ái*; dịch sách *Nhân loại tiến hóa sử* và *Cộng sản ABC;* tham gia lao động với Việt kiều trong hội *Hợp tác* – như đào giếng, làm vườn, gánh gạch xây trường sở cho trẻ em; tổ chức các buổi đọc báo và các hình thức sinh hoạt văn hóa khác. Tháng 6-1929, Người đã viết và đạo diễn vở kịch *Đề Thám* [1], do Người đóng vai chính; viết và cho diễn những vở kịch ngắn đả kích bọn Lê Hoan, Hoàng Cao Khải; cũng như những vở kịch chống mê tín, dị đoan khác. *Bài ca Trần Hưng Đạo* do Người viết vào thời gian này được truyền bá nhanh chóng, có hiệu quả rất lớn trong việc giác ngộ đồng bào. Tất cả những hoạt động của Người ở Thái Lan đều nhằm giúp đỡ Việt kiều tuy ở xa đất nước, nhưng vẫn có thể đóng góp cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng Tổ quốc. Việt kiều ở đây thường gọi Người là Thầu Chín với tất cả tấm lòng cảm phục, kính mến của họ.

Năm 1929, và đầu năm 1930, những tổ chức cộng sản đầu tiên ra đời ở Việt Nam. Các tổ chức ấy đều tự nhận là cộng sản chân chính và đều tìm mọi cách tranh thủ sự thừa nhận của Quốc tế Cộng sản.

Trước tình hình ấy, Người kịp thời từ Thái Lan về Hương Cảng (Trung Quốc), và được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, Người triệu tập Hội nghị thành lập Đảng ngày 3-2-1930 tại một địa điểm ở Cửu Long, gần Hương Cảng. Dưới sự chủ tọa của Người, Hội nghị quyết định thống nhất các tổ chức thành một đảng lấy tên là *Đảng Cộng sản Việt Nam*, thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* và *Điều lệ tóm tắt của Đảng* do Người thảo ra.

Trong "Hội nghị hợp nhất", Người vạch rõ đường lối cách mạng ở nước ta là trước làm cách mạng dân tộc dân chủ, sau làm cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhân dịp này, Người ra *Lời kêu gọi* có tác dụng cổ vũ rất lớn đối với toàn Đảng và toàn dân. Sự ra đời của Đảng ta là sản phẩm tất yếu của lịch sử cách mạng nước ta, kết quả của một quá trình chuẩn bị lâu dài và gian khổ của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Trong thời gian này (1930-1931), Người hoàn thành tác phẩm *Nhật ký chìm tàu*, giới thiệu chế độ tốt đẹp của Nhà nước vô sản đầu tiên trên thế giới, nhằm động viên nhân dân ta kiên quyết đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười Nga, đồng thời góp phần đập tan luận điệu xuyên tạc, vu khống của kẻ thù đối với Liên Xô. *Nhật ký chìm tàu* có tác dụng lớn đối với việc tuyên truyền về Liên Xô trong các tầng lớp nhân dân ta, đặc biệt là ở miền Trung, trong thời kỳ Xô viết Nghệ Tĩnh. [2]

Ngày 6-6-1931, hoảng sợ trước cao trào cách mạng 1930 - 1931 và ảnh hưởng của Nguyễn Ái Quốc, nhà cầm quyền Anh ở Hương Cảng đã bắt giam Người, lúc ấy lấy tên là Tống Văn Sơ. Được tin Người bị bắt, *Liên đoàn chống*

---

1. Xem tiểu dẫn *Về vở kịch "Đề Thám" và một số vở khác sáng tác ở Xiêm (Thái Lan)*, trong tập này tr. 422.

2. Xem tiểu dẫn *Về "Nhật ký chìm tàu"*, trong tập này, tr. 426-429.

chủ nghĩa đế quốc, ủng hộ nền độc lập dân tộc đã kịp thời ra tuyên bố phản đối Chính phủ Anh và đòi trả lại tự do cho Người. Trước uy thế tinh thần của Nguyễn Ái Quốc và sự can thiệp kiên quyết của Quốc tế Cứu tế đỏ, nhà cầm quyền ở Hương Cảng rất lúng túng vì hành vi trái phép của họ. Dựa trên cơ sở pháp lý vững chắc, luật sư Lôdơbai, vì mến phục một nhà yêu nước vĩ đại, đã đấu tranh để cho Nguyễn Ái Quốc được trả lại tự do. Nhiều lần đế quốc Anh định trao Người cho đế quốc Pháp, nhưng cuối cùng đã phải trả lại tự do cho Người vào tháng 2-1933. Để tránh rơi vào cạm bẫy của thực dân Pháp, Người đã quyết định đi Anh. Tàu vừa đến Xingapo, cảnh sát Anh bắt Người ở đó và đưa về Hương Cảng. Luật sư Lôdơbai lại một lần nữa giúp đỡ nhà cách mạng, bí mật bố trí để Người đi Hạ Môn bằng một chuyến tàu đặc biệt. Ở Hạ Môn được ít lâu, Người đi Thượng Hải. Cuối năm 1933, Người đi Liên Xô.

Ở Liên Xô, với bí danh là Linốp, Người nghiên cứu chủ nghĩa Mác–Lênin tại Học viện Lênin. Sau đó, Người công tác ở Viện Nghiên cứu những vấn đề dân tộc và thuộc địa của Quốc tế Cộng sản. Trong khi học tập và công tác, Người chăm lo bồi dưỡng nhóm học sinh Việt Nam ở Trường Đại học Phương Đông, đồng thời rất chăm chú theo dõi tình hình cách mạng Việt Nam để góp ý kiến với Trung ương Đảng ta, chỉ đạo phong trào cách mạng trong nước.

Tháng 7-1935, với bí danh là Lin, Người tham gia Đại hội lần thứ bảy của Quốc tế Cộng sản họp tại Mátxcơva (từ ngày 25-7 đến ngày 25-8) dưới danh nghĩa đại biểu tư vấn. Người đã giúp đỡ Đoàn đại biểu của Đảng ta, do đồng chí Lê Hồng Phong dẫn đầu, hoàn thành tốt nhiệm vụ tại Đại hội. Đại hội đã quyết định công nhận Đảng ta là một chi bộ chính thức của Quốc tế Cộng sản.

Mùa đông năm 1938, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở lại Trung Quốc. Thời gian này, Người đã viết tác phẩm *Khu vực đặc biệt*, và một số bài báo phản ánh những biến cố chính trị và quân sự, sự tàn ác của phát xít Nhật, tinh thần anh dũng của các chiến sĩ Hồng quân, cuộc đấu tranh chống bọn tờrốtkít, v.v... Từ ngày 20-1-1938, phần lớn những bài báo này, với bút danh của tác giả là Lin, đã được đăng trên tờ báo *Dân chúng*, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng xuất bản ở Sài Gòn, và tờ *Tiếng nói của chúng ta* (*Notre voix*), tuần báo công khai của Đảng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, xuất bản tại Hà Nội. Qua các bài ấy, Người đã truyền đạt cho Ban chấp hành Trung ương Đảng ta những điểm chính thuộc về đường lối chủ trương của Quốc tế Cộng sản. Cuối tháng 7-1939, Người đã gửi Quốc tế Cộng sản một bản báo cáo quan trọng về tình hình chính trị ở Đông Dương từ năm 1936 đến năm 1938, trong đó nêu bật tám điểm, như các vấn đề về khẩu hiệu đấu tranh, về mặt trận, về Đảng. Người chỉ rõ: "Đối với bọn tờrốtkít, không thể có thỏa hiệp nào, nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lật mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị". Người xác định dứt khoát: "Ban Chấp hành Trung ương phải kiểm soát các báo chí của Đảng để tránh những sai lầm về kỹ thuật và chính trị..."

Tháng 9-1939, chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ. Tháng 11-1939, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ sáu quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, tập trung lực lượng vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc, và thành lập *Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương*. Lúc ấy, Người lấy tên là Hồ Quang, đến Hoa Nam (Trung Quốc), chuẩn bị điều kiện về nước hoạt động.

Tháng 9-1940, phát xít Nhật xâm chiếm Đông Dương, thực dân Pháp quỳ gối dâng Đông Dương cho Nhật; dân ta một cổ hai tròng, kiên quyết nổi dậy chống lại chúng. Tháng 11-1940, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ bảy, xác định hai kẻ thù trước mắt là đế quốc Pháp và phát xít Nhật, đề ra nhiệm vụ cho cuộc đấu tranh cách mạng trong tình hình mới.

Ngày 8-2-1941, sau ba mươi năm đấu tranh cách mạng ở ngoài nước, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trở về đến Tổ quốc. Ở Pác Bó (Cao Bằng), Người triệu tập Hội nghị thứ tám của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 5-1941).

Người lại tiếp tục đẩy mạnh việc đào tạo cán bộ. Người trực tiếp chỉ đạo công tác thí điểm xây dựng các Hội Cứu quốc ở Cao Bằng. Người lược dịch *Lịch sử Đảng cộng sản* (b) *Liên Xô* và cho xuất bản báo *Việt Nam độc lập* (gọi tắt là *Việt lập*, số đầu tiên đánh số 101, ra ngày 1-8-1941).

Hội nghị lần thứ tám của Ban chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941 tại rừng Khuổi Nậm (Pác Bó, Hà Quảng, Cao Bằng), dưới sự chủ tọa của Người, đã quyết định đường lối cứu nước, thành lập *Việt Nam độc lập đồng minh hội (Việt Minh)*, tổ chức lực lượng vũ trang giải phóng, xây dựng căn cứ địa.

Tháng 6-1941, Người viết *Thư gửi đồng bào (Kính cáo đồng bào)*, kêu gọi toàn dân đoàn kết đánh đuổi phát xít Nhật – Pháp.

Trong thời gian hai năm 1941 - 1942, Người sáng tác nhiều thơ ca, từ những bài tứ tuyệt, những bài theo hình thức ca hát, những bài phụ đề tranh cổ động, đến những tác phẩm dài hàng mấy trăm câu như *Lịch sử nước ta, Địa dư nước ta*, v.v... Người cũng tự tay biên soạn và biên dịch một số tài liệu quan trọng về chiến thuật du kích như *Cách đánh du kích, Phép dùng binh*... và sách dạy cách chỉ huy quân đội với tên là *Cách huấn luyện cán bộ quân sự*.

Sau một thời gian cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng, ngày 13-8-1942, lấy tên mới là Hồ Chí Minh, Người lên đường đi Trung Quốc, với danh nghĩa đại biểu của *Việt Nam độc lập đồng minh* và *Phân bộ Quốc tế phản xâm lược của Việt Nam*, để tranh thủ sự viện trợ của quốc tế. Sau nửa tháng đi bộ, ngày 29-8, vừa tới Túc Vinh, một thị trấn thuộc huyện Tĩnh Tây, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc, Người bị bọn Tưởng Giới Thạch bắt giữ. Người bị giặc giam cầm mười ba tháng, trải qua gần ba mươi nhà ngục của mười ba huyện.

Trong thời gian bị giam giữ, Người đã sáng tác trên một trăm bài thơ viết bằng chữ Hán, về sau thành tập *Nhật ký trong tù (Ngục trung nhật ký)*,

một tác phẩm văn học lớn, một văn kiện lịch sử quý báu, thể hiện tư tưởng và tình cảm cao quý của một chiến sĩ cách mạng vĩ đại, một tâm hồn nghệ sĩ cao cả. Trong kiệt tác văn học này, Người đã đề ra một yêu cầu có tính chất nguyên tắc đối với văn nghệ sĩ cách mạng là:

Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong. [1]

Tháng 9-1943, bọn phản động Trung Quốc buộc phải trả lại tự do cho Người. Người trở về nước tiếp tục cùng Trung ương Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng. Tháng 10 năm ấy, Người viết thư gửi đồng bào toàn quốc, báo tin với toàn thể đồng bào và đồng chí rằng, Người đã trở về bình yên, sau hơn một năm đi công tác ở ngoài nước. Sau khi phân tích tình hình thế giới, chỉ rõ rằng phe phát xít gần đến ngày bị tiêu diệt, Liên Xô và các nước đồng minh "sắp giành được sự thắng lợi cuối cùng", Người khẳng định: "Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa". Người đã bắt mạch đúng thời cuộc và chỉ ra những nhiệm vụ cấp bách của cách mạng Việt Nam.

Tháng 12-1944, trên cơ sở lực lượng vũ trang nhân dân đã có từ trước, Người chỉ thị thành lập *Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân*. Thực hiện chỉ thị đó, ngày 22-12-1944, tại khu rừng Sam Cao thuộc tổng Hoa Thám, Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng (nay là Cẩm Lý, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng), *Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân* đã được thành lập và sau đó ra quân, lập nên những chiến thắng Phay Khắt, Nà Ngần có tác dụng vang dội trong toàn quốc.

Đầu tháng 5-1945, Người từ Cao Bằng về xã Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang để có điều kiện thuận tiện hơn trong việc chỉ đạo phong trào của cả nước. Dưới sự chỉ đạo của Người, Trung ương Đảng ta chuẩn bị cuộc Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng và Đại hội đại biểu quốc dân.

Chiến tranh thế giới đã bước vào giai đoạn kết thúc. Phát xít Đức, Ý đã đầu hàng Liên Xô và các nước đồng minh; phát xít Nhật cũng sắp đến ngày tắt thở. Ở nước ta, quân Nhật hoang mang, dao động đến cực điểm. Phong trào cách mạng trong toàn quốc sôi sục như chưa từng thấy. Những điều kiện cần thiết cho một cuộc Tổng khởi nghĩa đã chín muồi.

Nắm vững thời cơ nghìn năm có một, Người cùng với Trung ương Đảng kiên quyết phát động toàn dân nổi dậy Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền. Hội nghị toàn quốc của Đảng (từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945) và Đại hội đại biểu quốc dân (từ ngày 16 đến ngày 17-8-1945) lần lượt họp ở Tân Trào giữa lúc quân đội Xô viết anh hùng vừa mới tiêu diệt đội quân chủ lực của phát xít Nhật ở Đông Bắc Trung Quốc.

Trong Đại hội đại biểu quốc dân, đã thành lập Ủy ban dân tộc giải

---

1. Xem tiểu dẫn *Nhật ký trong tù*, trong tập này tr. 503-506.

phóng Việt Nam, và Người được cử làm Chủ tịch. Cả nước nghe theo lời kêu gọi Tổng khởi nghĩa của Người, nhất tề đứng dậy giành chính quyền.

Ngày 26-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Tân Trào trở về Hà Nội.

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), thay mặt Chính phủ lâm thời mới được thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Người thảo ra, trịnh trọng công bố sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, khẳng định quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam trước nhân dân toàn thế giới.

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện có tầm quan trọng đặc biệt, phản ánh thành quả vĩ đại của cuộc đấu tranh vì độc lập, vì tự do của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng; là một áng hùng văn thể hiện những truyền thống vẻ vang của dân tộc hình thành trong mấy nghìn năm lịch sử và khí thế cách mạng hừng hừng của nhân dân ta trong thời đại mới.

Chính quyền vừa mới giành được, tình hình đất nước cực kỳ khó khăn, phức tạp. Dưới sự chỉ huy của Mỹ, mấy chục vạn quân Quốc dân đảng Trung Hoa kéo vào nước ta, theo sau là một lũ tay sai bán nước, âm mưu lật đổ chính quyền nhân dân, tiêu diệt Đảng Cộng sản. Núp sau lưng bọn thực dân Anh, bọn thực dân Pháp cũng quay trở lại miền Nam, gây chiến tranh. Trong tình thế đất nước như "nghìn cân treo sợi tóc", với bao nhiêu thử thách và khó khăn dồn dập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận lấy trách nhiệm nặng nề trước nhân dân: "Phận sự tôi như một người cầm lái, phải chèo chống thế nào để đưa chiếc thuyền Tổ quốc vượt khỏi những cơn sóng gió, mà an toàn đi đến bờ bến hạnh phúc của nhân dân". [1]

Người kêu gọi nhân dân tăng cường đoàn kết, *chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm*, và đề ra khẩu hiệu *Kháng chiến đi đôi với kiến quốc*.

Ngày 6-1-1946, cuộc Tổng tuyển cử được tiến hành thắng lợi trong cả nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh, người công dân số một của nước Việt Nam độc lập, đã đi bầu và đã được bầu là đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên.

Ngày 2-3-1946, Quốc hội bầu Người làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cùng với Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta từng bước đẩy lùi mọi âm mưu của bọn đế quốc, giữ vững và củng cố chính quyền cách mạng.

Ngay sau Cách mạng Tháng Tám, thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Ngày 19-12-1946, Người kêu gọi cả nước kháng chiến bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, bảo vệ và phát triển những thành quả của

---

1. *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, tập I*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1958, tr.51.

Cách mạng Tháng Tám. Người nói: *Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.* [1]

Tại Đại hội lần thứ hai của Đảng (1951), Người được bầu làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Dưới sự lãnh đạo của Người, cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống thực dân Pháp, trải qua chín năm gian khổ trường kỳ, đã giành được thắng lợi to lớn, kết thúc vẻ vang bằng chiến thắng lịch sử vĩ đại Điện Biên Phủ (7-5-1954).

Trong thời gian kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết nhiều lời kêu gọi, nhiều bản báo cáo, nhiều bài báo quan trọng và nhiều tác phẩm văn học có giá trị. Riêng về những tác phẩm văn học, trước hết phải kể đến: *Kinh nghiệm du kích Pháp*, *Giấc ngủ mười năm*, *Thuốc đắng dã tật*, *Sửa đổi lối làm việc*, *Cách viết*, bài tựa và bản dịch *Tình ủy bí mật* của Phêđôrốp, nhiều thơ ca viết bằng chữ Hán và chữ Việt vừa đằm thắm tình cảm, vừa thể hiện phong thái ung dung, đồng thời lại có sức "đẩy lùi được quân giặc" như: *Nguyên tiêu, Thu dạ, Tư chiến sĩ, Cảnh khuya, Đối nguyệt, Đăng sơn, Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ...*

Người còn viết rất nhiều bài văn tiểu phẩm đặc sắc với những bút danh khác nhau.

Sau khi miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam là: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đồng thời đấu tranh để giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành nhiệm vụ cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước.

Đại hội lần thứ ba của Đảng (1960) quyết định đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta, và đường lối đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà. Đại hội nhất trí bầu lại Người làm Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam.

Cùng với Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Người lãnh đạo sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta, lãnh đạo cuộc kháng chiến vĩ đại của nhân dân ta chống chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Trong *Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước* quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược ngày 17 tháng 6 năm 1966, Người khẳng định: *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.* [2]

Nghĩ đến tình trạng miền Nam chưa được giải phóng và đất nước còn bị chia cắt, Người luôn luôn tâm niệm: "Một ngày mà Tổ quốc chưa thống nhất,

---

1. Hồ Chí Minh: *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.67.

2. Hồ Chí Minh: *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Sđd. tr. 282.

đồng bào còn chịu khổ, là một ngày tôi ăn không ngon, ngủ không yên".[1]

Hằng năm, cứ xuân đến, Người lại làm thơ chúc Tết toàn dân. Mỗi bài thơ xuân của Người vừa là một chỉ thị sáng suốt, một lời khuyên nhủ ân cần, vừa là một bông hoa nở trên từng chặng đường chiến thắng của dân tộc:

Chống Mỹ hai miền đều đánh giỏi,
Tin mừng thắng trận nở như hoa.[2]

......

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta[3].

Lời kêu gọi *Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược* của Chủ tịch Hồ Chí Minh vang lên như tiếng kèn xung trận, thúc giục nhân dân cả nước đứng lên bảo vệ độc lập, tự do của Tổ quốc, bảo vệ những giá trị văn hóa và tinh thần thiêng liêng của dân tộc Việt Nam.

Người đã trải qua nhiều đêm không ngủ, theo dõi sát sao bước tiến của chiến sĩ và đồng bào trên tiền tuyến, đồng thời quan tâm đến trăm công nghìn việc đang diễn ra hằng ngày ở hậu phương.

Người nhắc nhở cán bộ phải chú ý từ việc đào hầm trú ẩn, đến việc sơ tán người già và trẻ em, từ việc cứu giúp những nơi bị địch bắn phá, đến việc chăm lo ổn định đời sống nhân dân.

Người đi thăm nhiều đơn vị quân đội và các lực lượng vũ trang nhân dân, gửi hoa chúc Tết các chiến sĩ đang trực chiến trên trận địa, làm thơ mỗi ngày xuân đến...

Mỗi bài thơ xuân của Người đều lấy cảm hứng từ nhiệm vụ cách mạng, đều phản ánh những nhiệm vụ lịch sử, những tiên đoán lớn của từng giai đoạn chiến đấu. Đó là những món quà tinh thần rất cao quý làm nức lòng quân và dân cả nước. *"Vần "thắng" vút lên cao"* không chỉ vang lên trong bài *Không đề* (tháng 3-1968), mà còn là cảm hứng chủ đạo trong mọi bài thơ của Người. Cảm hứng ấy nảy sinh từ cuộc chiến đấu anh dũng của quân và dân ta, cuộc chiến đấu trong đó Người là tượng trưng cho ý chí sắt đá và tinh thần đoàn kết không gì lay chuyển nổi của cả một đội ngũ hùng hậu "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước, Mà lòng phơi phới dậy tương lai".[4]

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, cũng như trong thời kỳ xây dựng

---

1. *Hồ Chủ tịch với miền Nam*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 20.
2. *Hồ Chí Minh: Thơ*. Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 90.
3. Hồ Chí Minh: *Thơ*. Sách đã dẫn, tr. 91.
4. Thơ Tố Hữu.

chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, Người luôn nhấn mạnh vào tầm quan trọng của mặt trận văn hóa, văn nghệ. Những chỉ thị của Người đối với công tác văn hóa, văn nghệ đã vạch ra đường lối để giới văn hóa, văn nghệ noi theo trong cuộc chiến đấu vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Hồ Chủ tịch, văn hóa, văn nghệ đã có những bước tiến xứng đáng với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta nước.

Giữa lúc dân tộc ta đang giành được những thắng lợi to lớn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, thì một điều bất hạnh đã đến với toàn thể nhân dân ta: Chủ tịch Hồ Chí Minh lâm bệnh.

Trong những năm cuối đời mình, "Thuốc kiêng rượu cữ đã ba năm" [1], tuy tuổi cao, sức khỏe có giảm, Người vẫn rất sáng suốt, vẫn tham gia công việc lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Nhưng bước sang năm 1969, sức khỏe của Người sút kém nhanh chóng. Từ lúc Người lâm bệnh, Trung ương Đảng ta đã dành mọi khả năng và phương tiện tốt nhất để săn sóc sức khỏe cho Người.

Trong khi cán bộ và nhân dân ta hết lòng cầu mong Người qua khỏi, thì bỗng sáng ngày 4-9-1969, mọi người phải đón nhận cái tin đau lòng, cắt ruột: *Bản thông cáo đặc biệt* về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời lúc 9 giờ 47 phút, ngày 3-9-1969, sau một cơn đau tim rất nặng, thọ 79 tuổi.

Bản *Di chúc* của Người là tài sản thiêng liêng và cũng là kiệt tác văn học cuối cùng mà Người để lại cho dân tộc ta, non sông ta, đất nước ta.

Dân tộc ta, nhân dân ta, non sông, đất nước ta đã sinh ra Hồ Chủ tịch, người anh hùng dân tộc vĩ đại, và chính Người đã làm rạng rỡ dân tộc ta, nhân dân ta và non sông đất nước ta. [2]

Người đã vận dụng được toàn bộ sức mạnh vật chất và tinh thần của nhân dân ta trong cuộc chiến đấu thần thánh vì những quyền lợi cao cả nhất của Tổ quốc. Người đã kết hợp được những truyền thống tốt đẹp nhất mà dân tộc ta đã xây dựng được trong bốn nghìn năm lịch sử, với những giá trị tinh túy nhất mà nhân loại đã vươn tới trong thời đại mới. Người là lãnh tụ vĩ đại của Cách mạng Việt Nam, là mẫu mực tuyệt vời của Con Người Việt Nam.

Người vừa là ngọn nguồn trong suốt, vừa là ngôi sao chỉ đường của nền văn hóa và văn nghệ cách mạng Việt Nam. Người là niềm tự hào của lịch sử văn hóa – văn nghệ dân tộc, của toàn bộ giới văn hóa văn nghệ chúng ta.

Toàn thể nhân dân Việt Nam đời đời biết ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Người sống mãi trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta.

---

1. Hồ Chí Minh: *Thơ*. Sđd, tr. 134. Nguyên văn "Tam niên bất ngật tửu xuy yên".

2. Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, do đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất, đọc tại lễ Truy điệu trọng thể Hồ Chủ tịch.

NHỮNG LÁ THƯ GỬI PHAN CHU TRINH

TIỂU DẪN. – Vào giai đoạn tìm đường – những năm thứ mười của thế kỷ này – người thanh niên Nguyễn Tất Thành trong thời gian ở nước Anh (1913 - 1916) đã tích cực hoạt động trong phong trào công nhân, bắt đầu học tập lý luận cách mạng, đồng thời đã chú ý ngay đến tác dụng của văn thơ, vai trò của những chí sĩ yêu nước có tên tuổi trong việc phát huy tác dụng nhằm thức tỉnh, giác ngộ quần chúng, mang lại lợi ích cho giống nòi. Hồi ấy Nguyễn Tất Thành phải sống cực nhọc bằng nghề làm công, khi thì ở khách sạn Đraytơn Cớc (phố Đi Avơniu), khi Oétlinh (tây Luân Đôn), khi thì ở khách sạn Cáctơn, một khách sạn lớn và nổi tiếng ở thủ đô nước Anh (phố Hâymakét).

Từ những nơi ấy, Nguyễn Tất Thành tuy không tán thành xu hướng cải lương không dám bạo động của Phan Chu Trinh, nhưng vẫn thường xuyên viết thư trao đổi với Phan Chu Trinh lúc đó đang ở Pari, nhà số 6, phố Abê đờ Lêpê (Abbé de L'épée) để bàn bạc về con đường cứu nước, giải phóng đồng bào. Trong một lá thư gửi nhà yêu nước tiền bối, được viết từ địa chỉ Xaothemtơn (Southampton), Nguyễn Tất Thành hỏi Phan Chu Trinh: "Sự thể bên ta thế nào?". Một lời thư đủ nói rõ sự nóng lòng của người thanh niên lứa tuổi hai mươi, muốn biết những chuyển biến hằng ngày ở trong nước. Nỗi lòng canh cánh không giờ phút nào không nhớ thương quê hương xứ sở! Trong lá thư khác gửi Phan Chu Trinh, Nguyễn Tất Thành cũng viết: "Bên ta có việc gì mới? Và nếu Bác dịch mấy hồi sau xong rồi xin Bác gửi cho cháu". Chỉ mấy đoạn thư ấy thôi cũng đã nói rõ sự quan tâm của người thanh niên Nguyễn Tất Thành về những sự kiện xảy ra ở trong nước và tình hình trước tác của Phan Chu Trinh mà chắc hẳn tác giả lá thư đang mong đợi để được đọc.

"Mấy hồi sau" được nhắc tới trong thư là mấy hồi của tác phẩm gì? Đây còn là một dấu hỏi. Chúng ta nhớ lại rằng, thời gian Phan Chu Trinh ở Pháp là vào khoảng từ năm 1911 đến 1925; trong khoảng thời gian này, Phan Chu Trinh viết một số tác phẩm còn truyền lại hoặc đã thất truyền; nhưng liên quan đến "mấy hồi sau" có lẽ là tác phẩm *Giai nhân kỳ ngộ* chăng? Đây là truyện thơ Phan Chu Trinh viết vào khoảng 1913 - 1915, trùng hợp với thời gian người thanh niên Nguyễn Tất Thành viết lá thư trên. Phan Chu Trinh sáng tác truyện thơ này phỏng theo quyển tiểu thuyết Nhật Bản của Sài Tự Long (đăng trên tờ báo *Thanh Nghị toàn biên*, Trung Quốc). Cốt truyện cuốn tiểu thuyết Nhật Bản mà Phan Chu Trinh phỏng theo viết thành truyện thơ *Giai nhân kỳ ngộ* (dài 2941 câu) khá hợp với cảnh Phan Chu Trinh và người thanh niên Nguyễn Tất Thành đang phải sống bôn ba ở nước ngoài: một chí sĩ Nhật Bản, hai nữ chí sĩ (một người Tây Ban Nha và một người Bồ Đào

Nha) cùng hoạt động cách mạng, bị khủng bố dữ dội ở trong nước, phải trốn ra nước ngoài hoạt động. Họ gặp nhau rồi trở thành những người bạn tâm giao, hết lòng giúp đỡ nhau.

Phải chăng nỗi niềm tâm sự và chí cứu nước đã cảm thông hai thế hệ, một người bạc tóc còn lận đận đi tìm mà không bao giờ thấy con đường đúng đắn để cứu dân cứu nước, một mái đầu xanh đang ấp ủ bao nhiêu dự định lớn lao và mỗi ngày lại xích gần đến quỹ đạo cách mạng vô sản. Đấy cũng là giai đoạn Nguyễn Tất Thành muốn tập hợp mọi lực lượng yêu nước thuộc các khuynh hướng khác nhau để cùng bàn bạc, tìm phương kế cứu giống nòi ra khỏi cảnh nước sôi lửa nóng.

THƯ SỐ 1

(Bài thơ ghi trên bưu thiếp)

Chọc giời quấy nước tiếng dùng đùng,
Phải có kiên cương mới gọi hùng...
... Ba hột đạn - thầm hai tấc lưỡi,
Sao cho ích giống mấy cam lòng. [1]

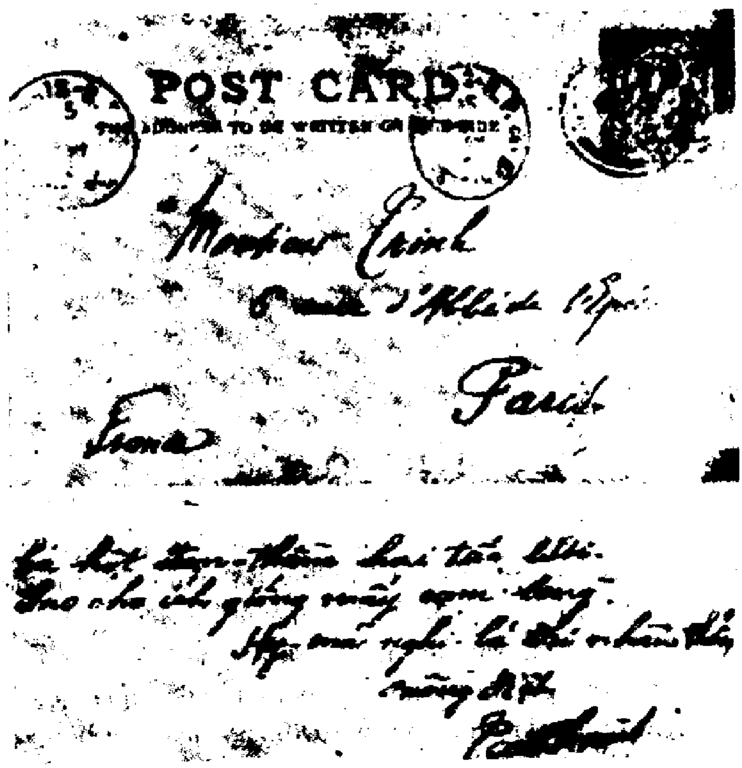
Hy Mã nghi bá đại nhân thầu
Cuồng Điệt [2] NGUYỄN TẤT THÀNH

Thời thanh niên của Bác Hồ.
Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội,
1976, tr. 266. Có tham khảo bút tích
in trên báo *Nhân dân*.

---

1. Vượt lên trên quan niệm anh hùng của các hệ ý thức phong kiến và tư sản, tác giả đã hình dung ra hình ảnh đầu tiên của người chiến sĩ cách mạng gắn bó với số phận của cả dân tộc. Tác giả đã quan niệm khá rõ về chức năng hành động vì dân vì nước của người trí thức trước thời cuộc và vận mệnh của giống nòi. Bài thơ trên như một gợi ý, một kiến nghị hay một lời kêu gọi bóng bẩy dưới hình thức văn chương, sục sôi mà tha thiết, phát ra từ đáy lòng một thanh niên mới ngoài hai mươi tuổi, mong đợi ở các bậc tiền bối phải cùng với mình làm gì để thức tỉnh đồng bào. Bài thơ này chưa biết chính xác Nguyễn Tất Thành viết vào thời gian nào. Có lẽ là vào khoảng năm 1913. (Xem thêm chú thích 2, tr. 48).

2. Cuồng Điệt là cách nói khiêm nhường của bề dưới xưng với người trên. Ngày xưa, trong giao tiếp, hay thấy lối xưng hô này (ví như: bỉ phu, tiện nhân, ngu đệ...). Cũng có ý kiến cho rằng Cuồng Điệt dùng trong thư này có lẽ như một tên hiệu.



Bút tích bài thơ ghi trên bưu thiếp của Đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi nhà thơ yêu nước Phan Chu Trinh.

THƯ SỐ 2

Hy Mã[1] nghi bá đại nhơn,

Cháu kính chúc Bác, em Dật[2] và ông Trạng[3] mấy các anh em ta ở Pari đều mạnh giỏi. Nay cháu đã tìm được nơi để học tiếng. Mấy bốn tháng rưỡi nay thì chỉ làm với Tây, nói tiếng Tây luôn luôn. Tuy

1. *Hy Mã*: tên hiệu của Phan Chu Trinh. Là một nhà yêu nước, Phan Chu trinh bị Pháp kết án tử hình và đày ra Côn Đảo. Nhờ Hội Nhân quyền Pháp can thiệp, Phan Chu Trinh được tha, và để khỏi bị giam lỏng, Phan Chu Trinh sang cư trú ở Pháp vào tháng 4-1911. Mấy tháng sau đấy, Nguyễn Tất Thành cũng sang Pháp, rồi qua Anh (1913-1916).

2. *Em Dật*: tức Phan Châu Dật, con trai Phan Chu Trinh, lúc ấy theo sang Pari với bố.

3. *Ông Trạng*: tức trạng sư Phan Văn Trường. (Xem chú thích 3 Thư số 3 tr. 48)

ở Anh song chẳng khác gì ở Pháp và ngày tháng luống những chỉ lo làm khỏi đói, chớ chẳng học được bao nhiêu. Và cháu ước ao rằng 4, 5 tháng nữa lúc gặp Bác thì sẽ nói và hiểu được tiếng Anh nhiều nhiều.

Bên ta có việc gì mới? Và nếu Bác dịch mấy hồi sau[1] xong rồi xin Bác gửi cho cháu.

Chuyến này Bác sẽ đi nghỉ hè đâu?

Nay kính

Cương Diệt NGUYỄN TẤT THÀNH

1913[2]

Thời thanh niên của Bác Hồ. Nhà xuất bản Thanh Niên, Hà Nội, 1976, tr. 23.

THƯ SỐ 3

Hy Mã nghi bá đại nhơn,

Cách lâu không tiếp tôn tín, không hay Bác hành chỉ thế nào và sự thể bên ta thế nào? Và cháu muốn biết như cháu có thể gặp Bác trước lúc Bác đi hay không, vì cháu rất cần một ít lời tôn hội. Xin Bác trả lời liền cho cháu, vì chừng trong tuần lễ cháu sẽ xuống tàu đi "chưa biết đâu".

Kính chúc Bác, M. Trường [3] và em Dật và các đồng bào yên hảo.

C.Đ. TẤT THÀNH

10. Orchard place, 10 Southampton, England[4]

B.K, 1974. Bút tích
(số đặc biệt về Phan Chu Trinh).

---

1. *Mấy hồi sau*: xem tiểu dẫn *Những lá thư gửi Phan Chu Trinh*, tr. 45-46.

2. Thời gian của lá thư này xác định theo tài liệu trong sách của Trần Dân Tiên (*Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1972, tr.23): "Khoảng một năm trước đại chiến, một hôm tôi gặp...một người Á Đông trẻ tuổi" (tức là người thanh niên Nguyễn Tất Thành); và căn cứ vào một câu trong thư: "Mấy bốn tháng rưỡi nay", tức là kể từ khi Người rời Pháp sang Anh.

3. *M.Trường*: tức Phan Văn Trường, luật sư, tiến sĩ, nguyên quán làng Đông Ngạc, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội. Xuất thân trong một gia đình nhà Nho yêu nước. Đã bị Chính phủ bắt cầm tù ở Pari vì tội "âm mưu phiến loạn". Phan Văn Trường, một thời gian trước và sau đó, sống gần đồng chí Nguyễn Ái Quốc, chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin. Phan Văn Trường là một người tán dương Cách mạng Tháng Mười Nga. Ông có thời gian làm trạng sư tại thủ đô nước Pháp. Sau này về Sài Gòn, ông xuất bản báo tiếng Pháp: *La Cloche fêlée*, rồi *L'Annam* ra vào khoảng 1923-1927, có cách quãng hồi 1924. Trong số khá nhiều báo viết bằng tiếng Pháp phát hành ở Sài Gòn lúc đó, hai tờ này có tiếng là khuynh tả, tiếp cận với tư tưởng cách mạng và có khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa.

4. Địa chỉ này có thể dịch là: 10, Quảng trường Ótchớt, Xaothemtơn, nước Anh.

THƯ SỐ 4

Bác kính mến,

Tiếng súng đang rền vang. Thây người đang phủ đất. Năm nước lớn đang đánh nhau. Chín nước đã vào vòng chiến. Cháu bỗng nhớ cách đây vài tháng cháu đã nói với Bác về cơn dông sấm động.[1] Số mệnh sẽ còn dành cho chúng ta nhiều bất ngờ và không thể nói trước được ai sẽ thắng. Các nước trung lập còn đang lưỡng lự và các nước tham chiến không thể đoán biết được ý đồ của họ. Tình hình diễn ra là ai thò mũi vào thì chỉ có thể đứng về phe của địch thủ bên này hoặc địch thủ bên kia. Người Nhật Bản hình như có ý định nhúng tay vào. Cháu nghĩ trong ba hoặc bốn tháng, tình hình châu Á sẽ có chuyển biến và sẽ có nhiều chuyển biến.

Xin gửi lời hỏi thăm Bác và em Dật. Mong Bác trả lời sớm về địa chỉ sau đây:

Gửi Nguyễn Tất Thành, số nhà 8, phố Xtêphen, Tốttenham, Luân Đôn.

NGUYỄN TẤT THÀNH

Tháng 8-1914

Thời thanh niên của Bác Hồ,
Nhà xuất bản Thanh niên,
Hà Nội, 1976, tr. 25.

1. Qua mấy dòng này, đủ thấy tầm mắt nhìn xa thấy rộng của tác giả trước thời cuộc. Một lời tiên đoán chính xác do nắm vững quy luật phát triển của tình hình! Ấy là lúc anh thanh niên Nguyễn Tất Thành mới 24 tuổi. Sau này, mặc dù chủ trương vẫn khác nhau qua nhiều cuộc tranh luận về con đường giải phóng dân tộc, mãi đến những năm 20, Phan Chu Trinh vẫn giữ lòng mến phục anh thanh niên Nguyễn Tất Thành, người mà Phan Chu Trinh cho là "như cây đương lộc", "nghị lực có thừa, dày công học hỏi, lý thuyết tinh thông" (qua thư của Phan Chu Trinh gửi đồng chí Nguyễn Ái Quốc đề ngày 18 -2 - 1922; tài liệu lưu trữ tại Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh).

YÊU SÁCH CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

TIỂU DẪN. – Cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) kết thúc, các nước trong phe thắng trận như Mỹ, Anh, Pháp cùng với một số nước khác đã họp nhau ngày 28-6-1919 tại lâu đài Vécxây (Versailles), thị xã Ivơlin (Yvelines), cách Pari 23 km về phía Tây Nam. Nhiều đoàn đại biểu các nước bị áp bức đã đến Hội nghị này để đưa nguyện vọng của mình. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã nhân danh Nhóm người Việt Nam yêu nước ở Pháp, gửi bản *Yêu sách của nhân dân Việt Nam* cho Nghị viện Pháp và tất cả những đoàn đại biểu các nước tham gia Hội nghị, kèm theo bức thư sau đây:

"Thưa Ngài,

Nhân dịp chiến thắng của Đồng minh, chúng tôi xin mạn phép gửi đến Ngài kèm theo đây bản ghi những yêu sách của nhân dân Việt Nam.

Tin tưởng ở độ lượng cao cả của Ngài, chúng tôi mong Ngài ủng hộ bản yêu sách này trước những người có thẩm quyền.

Xin Ngài vui lòng nhận lấy sự biểu thị lòng kính trọng sâu sắc của chúng tôi.

Thay mặt Nhóm những người
Việt Nam yêu nước
NGUYỄN ÁI QUỐC"

Yêu sách của nhân dân Việt Nam lần đầu tiên được đăng trên báo *Nhân đạo*, cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp hồi đó, với đầu đề là *Quyền của các dân tộc*, kèm theo lời tòa soạn như sau:

"Là những người xã hội chủ nghĩa trung thực, bảo vệ quyền lợi của các dân tộc, chúng tôi ủng hộ sự phản đối của những người Việt Nam, nạn nhân của tội ác của chủ nghĩa thực dân Pháp, cũng như chúng tôi ủng hộ nguyện vọng của những người Ai Cập, nạn nhân của chủ nghĩa đế quốc Anh" (*Nhân đạo*, ngày thứ tư, 18-6-1919).

Sau đó bài này được in thành biểu ngữ dán ở Pari và ở các thành phố lớn ở Pháp.

Về tài liệu lịch sử *Yêu sách của nhân dân Việt Nam*, Trần Dân Tiên viết:

"Những lời yêu cầu của ông Nguyễn cũng như của các đại biểu các dân tộc bị áp bức khác không có kết quả gì hết. Nhưng không thể nói những lời yêu cầu ấy là không có tác dụng, bởi vì nó đã đánh dấu một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc. Với số ít tiền kiếm được, ông Nguyễn sống rất nghèo khổ để có thể dành tiền thuê in những bản yêu cầu ấy thành truyền đơn, đem phát trong các cuộc mít tinh. Do đó, một số đông người Pháp đã hiểu thêm về Việt Nam.

Ông Nguyễn phát những truyền đơn ấy cho tất cả những Việt kiều và những người Việt đi lính ở Pháp... Ông Nguyễn gửi cả những truyền đơn về Đông Dương,

những gửi để tên Việt thì không đến nơi, để tên người Pháp thì đến nơi. Bọn thực dân Pháp cho in truyền đơn ấy lên báo, để chế giễu và yêu cầu đàn áp. Chính nhờ những tờ báo ấy mà người Việt Nam biết được toàn văn bản yêu sách, và từ đấy phong trào Cách mạng Việt Nam càng lên cao".

Việc đưa bản Yêu sách... đến Hội nghị Vécxây là đòn tấn công đầu tiên của đồng chí Nguyễn Ái Quốc quật thẳng vào chủ nghĩa đế quốc Pháp, đó là một sự kiện chính trị quan trọng "gây xáo động trong thế giới thuộc địa", là một "quả bom" làm chấn động dư luận nước Pháp, và là tiếng sấm mùa xuân thức tỉnh nhân dân Việt Nam đứng lên đấu tranh cách mạng, báo hiệu một thời kỳ mới trong phong trào giải phóng dân tộc ở nước ta.



Đồng chí NGUYỄN ÁI QUỐC đang phát biểu tại Đại hội Tua,
đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp (1920).
Ảnh: ***Thông tấn xã Việt Nam***

Từ ngày Đồng minh chiến thắng, tin tưởng vào những lời cam kết dứt khoát và long trọng trước toàn thế giới của các cường quốc trong phe Đồng minh đấu tranh cho Văn minh chống lại Bạo tàn man rợ, tất cả các dân tộc bị đô hộ náo nức hy vọng một kỷ nguyên nhân quyền và công lý sẽ mở ra cho họ.

Trong khi chờ đợi nguyên lý chủ quyền dân tộc chuyển từ lĩnh vực lý tưởng sang lĩnh vực thực tế bằng sự thừa nhận thật sự quyền tự quyết thiêng liêng của dân tộc, nhân dân nước Việt Nam cũ, tức là xứ Đông Dương thuộc Pháp ngày nay, xin đệ trình với các Chính phủ của phe Đồng minh nói chung và Chính phủ Pháp nói riêng, những yêu sách nhỏ mọn sau đây:

1. Đại xá cho tất cả chính trị phạm bản xứ;

2. Cải cách nền tư pháp Đông Dương bằng sự ban bố cho người bản xứ những bảo đảm về pháp lý giống như đối với người Âu và xóa bỏ hoàn toàn và vĩnh viễn những tòa án đặc biệt là những công cụ khủng bố và áp bức chống lại bộ phận lương thiện nhất của nhân dân Việt Nam;

3. Tự do báo chí và ngôn luận;

4. Tự do lập hội và hội họp;

5. Tự do di cư và đi ra nước ngoài;

6. Tự do mở trường và thành lập ở tất cả các tỉnh những trường dạy kỹ thuật và nghề nghiệp cho người bản xứ theo học;

7. Thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ pháp luật;

8. Phải có một phái đoàn dân cử thường trực của người bản xứ bên cạnh Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện Pháp luôn nắm được những nguyện vọng của người bản xứ.

Trong khi đệ trình những yêu sách trên đây, nhân dân Việt Nam tin tưởng ở nền công lý toàn cầu của tất cả các cường quốc và đặc biệt là ở độ lượng của nhân dân Pháp đang nắm vận mệnh của nhân dân Việt Nam trong tay và, vì nước Pháp là một nước cộng hòa, nhân dân Pháp đương nhiên xem như đã nhận bảo hộ nhân dân Việt Nam.

Trong khi yêu cầu được nhân dân Pháp bảo hộ, nhân dân Việt Nam chẳng những không lấy làm tủi nhục mà ngược lại còn lấy làm tự hào: bởi vì nhân dân Việt Nam biết rằng nước Pháp là đại diện cho tự do và công lý, và không khi nào từ bỏ lý tưởng cao cả của mình là xem người bốn bể như anh em một nhà. Do đó, bằng cách nghe theo tiếng nói của những người bị áp bức, nhân dân Pháp sẽ làm tròn nghĩa vụ của mình đối với nước Pháp và đối với nhân loại.

Thay mặt Nhóm những người
Việt Nam yêu nước
NGUYỄN ÁI QUỐC
1919

Tạp chí *Học tập*, số 4-1975, tr. 28. Bản dịch:
Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

VIỆT NAM YÊU CẦU CA

TIỂU DẪN. – Việt Nam yêu cầu ca là một tài liệu lịch sử và văn học quý về những hoạt động cách mạng ở Pháp của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Bài thơ viết trên truyền đơn này được tác giả trình bày dưới hình thức diễn ca, theo thể thơ lục bát, thỉnh thoảng có xen kẽ những câu theo thể song thất lục bát. Nội dung *Việt Nam yêu cầu ca* nói về tám yêu cầu của nhân dân Việt Nam mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã gửi tới Hội nghị hòa bình Vécxây năm 1919, và kêu gọi kiều bào cũng như đồng bào ta ở trong nước đấu tranh cho độc lập, tự do. Theo tài liệu của Sở cảnh sát Pháp thì trong tháng 9-1922, *Việt Nam yêu cầu ca* được phân phát rộng khắp trong giới binh sĩ Đông Dương đóng ở Mácxây. Lời diễn ca dùng những từ ngữ quen thuộc trong Việt kiều ở Pháp đầu những năm 20.

Theo những tài liệu trên mà phỏng đoán thì thời gian ra đời của bài thơ viết trên truyền đơn bằng quốc âm này là vào năm 1922, nhưng chúng tôi đưa in liền sau bản *Yêu sách của nhân dân Việt Nam* (còn có tên là *Quyền của các dân tộc* như trong điện của Môrixơ Long, Toàn quyền Đông Dương, gửi Ghexđơ, Bộ Thuộc địa). Lý do là như sau: có thể *Việt Nam yêu cầu ca* đúng là được phân phát rộng khắp trong giới binh sĩ Đông Dương đóng ở Mácxây trong tháng 9-1922, nhưng thời gian khởi thảo có thể sớm hơn, để phổ biến kịp thời nội dung *Yêu sách của nhân dân Việt Nam* (1919), nhất là căn cứ vào câu đầu tiên: "Bằng nay gặp hội giao hòa", tức hội hòa bình, chỉ việc kết thúc cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918). Xin ghi ra đây để bạn đọc cùng tham khảo và suy nghĩ.

Bằng nay gặp hội giao hòa, [1]
Muôn dân hèn yếu gần xa vui tình.
Cậy rằng các nước Đồng minh,
Đem gươm công lý dứt tình dã man. [2]
Mấy phen công bố rõ ràng,
Dân nào rồi cũng được trang bình quyền.
Việt Nam xưa cũng oai thiêng,
Mà nay đứng giới thuộc quyền Lang Sa. [3]

---

1. *Hội giao hòa*: hội giao ước hòa bình.
2. *Dứt tình dã man*: chấm dứt tình trạng dã man.
3. *Đứng giới*: đứng vào loại, vào số những nước; Lang Sa: nước Pháp.

Lòng thành tỏ nỗi sút sa, [1]
Dám xin đại quốc soi qua chút nào.
Một xin tha kẻ đồng bào,
Vì chưng chính trị mắc vào tù giam.
Hai xin pháp luật sửa sang,
Người Tây người Việt hai phương cùng đồng. [2]
Những tòa đặc biệt bất công, [3]
Dám xin bỏ dứt rộng dung dân lành.
Ba xin rộng phép học hành,
Mở mang kỹ nghệ, tập tành công thương.
Bốn xin được phép hội đàng, [4]
Năm xin nghĩ ngợi nói bàn tự do.
Sáu xin được phép lịch du, [5]
Bốn phương mặc sức, năm châu mặc tình.
Bảy xin hiến pháp ban hành,
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền.
Tám xin được cử nghị viên,
Qua Tây thay mặt giữ quyền thổ dân. [6]
Tám điều cặn tỏ xa gần,
Chung nhờ vạn quốc công dân xét tình.
Riêng nhờ dân Pháp công bình,
Đem lòng đoái lại của mình trong tay.
Pháp dân nức tiếng xưa nay,
Đồng bào, bác ái sánh tày không ai! [7]
Nỡ nào ngảnh mặt ngơ tai,
Để cho mấy ức triệu người bơ vơ.

---

1. *Sút sa*: xót xa.

2. *Cùng đồng*: cùng ngang nhau.

3. *Toà đặc biệt*: tòa án đặc biệt do thực dân Pháp lập ra để xử những người Việt Nam yêu nước.

4. *Hội đàng*: ngờ là hai chữ "hội đoàn". Cả câu có nghĩa là được phép tự do lập hội, lập đoàn thể.

5. *Lịch du*: đi lại, du lịch.

6. *Thổ dân*: người dân bản địa.

7. *Đồng bào*: dịch chữ "Fraternité" (tình đồng bào). Ba khẩu hiệu của Cách mạng tư sản Pháp (1789) sau được nêu lên như tiêu đề trong công văn của nước Pháp là "Liberté, Égalité, Fraternité". Trước kia, người ta quen dịch là Tự do, Bình đẳng, Bác ái. Có lẽ vì thấy chữ Bác ái chưa thực là sát nghĩa, cho nên tác giả thêm hai chữ Đồng bào (?)

Dân Nam một dạ ước mơ,
Lâu nay tiếng núp bóng cờ tự do.
Rộng xin dân Pháp xét cho,
Trước phò tiếng nước, sau phò lẽ công.[1]

Dịch mấy chữ quốc âm bày tỏ,
Để đồng bào lớn nhỏ được hay.
Hòa bình nay gặp hội này,
Tôn sùng công lý, đọa đày (?) dã man.[2]
Nay gặp hội khải hoàn hỉ hả,
Tiếng vui mừng khắp cả đồng dân.
Tây vui chắc đã mười phần,
Lẽ nào Nam lại chịu thân tôi đòi.
Hãy mở mắt mà soi cho rõ,
Nào Ai Lan, Ấn Độ, Cao Ly.
Xưa, hèn phải bước suy vi,
Nay, gần độc lập cũng vì dân khôn.
Hai mươi triệu quốc hồn Nam Việt,
Thế cuộc này phải biết mà lo.
Đồng bào, bình đẳng, tự do,
Xét mình rồi lại đem so mấy người.
Ngổn ngang lời vắn ý dài,
Anh em đã thấy lòng này cho chưa.

NGUYỄN ÁI QUỐC
1922

Báo *Nhân dân*,
số ra ngày 30-1-1977.

---

1. *Phò*: giúp cho, làm lợi cho.
2. *Đọa đày dã man*: ý nói loại trừ dã man. Ngờ rằng người sưu tầm chép hai chữ "đọa đày" chưa đúng với nguyên văn.

LỜI PHÁT BIỂU TẠI ĐẠI HỘI TUA

TIỂU DẪN. – Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ mười tám của Đảng Xã hội Pháp họp tại thành phố Tua (Tours, Pháp) từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920. Lúc đó trong Đảng Xã hội Pháp có nhiều khuynh hướng mâu thuẫn, và các đại biểu trong Đại hội ngồi theo khuynh hướng. Những người cùng quan điểm ngồi cạnh nhau.

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, trong thời gian dự Đại hội, ngồi ở phía tả phòng họp, nhìn từ trên Đoàn Chủ tịch xuống. Bàn các đại biểu xếp theo chiều dọc phòng họp. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc ngồi ở dãy bàn thứ hai kể từ trái, và ngồi cạnh đồng chí Pôn Vayăng Cutuyriê (Paul Vaillant Couturier).

Ở Đại hội này, Đảng Xã hội Pháp đã tách ra làm hai: Đảng Cộng sản Pháp gồm số đông đảng viên theo Quốc tế thứ ba, và Đảng Xã hội Pháp gồm số ít đảng viên theo Quốc tế thứ hai. Ở Đại hội Tua, đồng chí Nguyễn Ái Quốc tuyên bố tán thành chủ trương thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trước hết là vì Cương lĩnh của Đảng bao gồm chủ trương đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng các dân tộc thuộc địa. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời cũng là người Cộng sản Việt Nam đầu tiên. Lúc ấy là 2 giờ 30 phút sáng 30-12-1920.

Tại Đại hội Tua, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đọc tham luận tố cáo những tội ác tày trời của thực dân Pháp ở Đông Dương và kêu gọi giai cấp công nhân và những người mác xít chân chính Pháp hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước thuộc địa khác.

Sau đây là những đoạn trích từ biên bản tốc ký của Đại hội Tua, phần phát biểu của đồng chí Nguyễn Ái Quốc:

(...)

Chủ tịch: Mời đồng chí đại biểu Đông Dương phát biểu ý kiến. (Vỗ tay).

Đại biểu Đông Dương [1]: Thưa các đồng chí, lẽ ra hôm nay tôi đến đây là để cùng với các đồng chí góp phần vào sự nghiệp cách mạng thế giới, nhưng với một nỗi đau buồn sâu sắc, tôi đến đây với tư cách là đảng viên xã hội, để phản đối bọn đế quốc đã gây ra những tội ác

1. *Đại biểu Đông Dương:* tức là đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

tày trời trên quê hương tôi. (*Được lắm!*). Các đồng chí đều biết rằng chủ nghĩa đế quốc Pháp đã vào Đông Dương từ nửa thế kỷ nay: vì lợi ích của nó, nó đã dùng lưỡi lê để chinh phục đất nước chúng tôi. Từ đó, chúng tôi không những bị áp bức và bóc lột một cách nhục nhã, mà còn bị hành hạ và đầu độc một cách thê thảm. Nói cho rõ hơn, chúng tôi đã bị đầu độc bằng thuốc phiện, bằng rượu, v.v... Trong vài phút, tôi không thể vạch được hết những sự tàn bạo mà bọn tư bản ăn cướp đã gây ra ở Đông Dương. Nhà tù nhiều hơn trường học và lúc nào cũng chậtních. Bất kỳ người bản xứ nào có tư tưởng xã hội chủ nghĩa cũng đều bị bắt và có khi bị giết mà không cần xét xử. Cái gọi là "công lý" Đông Dương là thế đấy! Ở xứ đó, người Việt Nam bị phân biệt đối xử, họ không có những sự bảo đảm như người châu Âu hoặc có quốc tịch châu Âu. Chúng tôi không có quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận, ngay cả quyền tự do hội họp và lập hội cũng không có. Chúng tôi không có quyền sống hoặc đi du lịch ở nước ngoài; chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi không có quyền tự do học tập. Ở Đông Dương, bọn thực dân tìm mọi cách bắt chúng tôi hút thuốc phiện và uống rượu để đầu độc chúng tôi và làm cho chúng tôi đần độn. Người ta đã làm chết và tàn sát hàng nghìn người Việt Nam để bảo vệ những lợi ích không phải của chính họ.

Thưa các đồng chí, hơn hai mươi triệu dân Việt Nam bằng hơn nửa số dân nước Pháp, đã bị đối xử như vậy. Ấy thế mà họ lại là những người được nước Pháp "bảo hộ"! (*Vỗ tay*). Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức. (*Hoan hô*).

Giăng Lôngghê [1]: Tôi đã phát biểu ý kiến để bảo vệ những người bản xứ.

Đại biểu Đông Dương: Ngay khi tôi bắt đầu nói, tôi đã yêu cầu mọi người tuyệt đối im lặng... (*Nhiều tiếng cười*). Đảng phải tuyên truyền chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa. Chúng tôi thấy rằng việc Đảng Xã hội gia nhập Quốc tế thứ ba có nghĩa là Đảng hứa một cách cụ thể rằng từ nay Đảng sẽ đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa. Chúng tôi rất sung sướng khi nghe tin thành lập một đoàn đại biểu thường trực nghiên cứu vấn đề Bắc Phi, và mai đây, chúng tôi sẽ vui mừng nếu Đảng phái một đồng chí

1. *Giăng Lôngghê:* một lãnh tụ phái hữu của Đảng Xã hội Pháp lúc bấy giờ.

của Đảng sang Đông Dương để nghiên cứu tại chỗ những vấn đề ở xứ đó, và nghiên cứu những hoạt động cần phải tiến hành...

(Một đại biểu phái hữu có ý kiến phản đối...)

Đại biểu Đông Dương: Im đi! Phái nghị viện [1] *(Vỗ tay)*.

Chủ tịch: Bây giờ, tất cả các đại biểu phải im! Kể cả những đại biểu không thuộc phái nghị viện!

Đại biểu Đông Dương: Nhân danh toàn thể loài người, nhân danh tất cả các đảng viên xã hội, cả phái tả lẫn phái hữu, chúng tôi kêu gọi: Các đồng chí, hãy cứu chúng tôi! *(Vỗ tay)*.

Chủ tịch: Qua những loạt vỗ tay tán thành, đại biểu Đông Dương có thể thấy rằng toàn thể Đảng Xã hội đều đứng về phía đồng chí để phản đối những tội ác của giai cấp tư sản.

NGUYỄN ÁI QUỐC
25 đến 30-12-1920

Trích biên bản tốc ký của *Đại hội Tua*. Bản dịch: *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 15.

---

1. *Phái nghị viện:* phái chủ trương rằng đấu tranh nghị trường là phương pháp đấu tranh duy nhất. Đó là phái hữu của Đảng Xã hội Pháp không hướng vào cuộc vận động quần chúng đấu tranh.

ĐÔNG DƯƠNG

(trích)

(...)

Nói rằng Đông Dương gồm hai mươi triệu người bị bóc lột, hiện nay đã chín muồi cho một cuộc cách mạng là sai, nhưng nói rằng Đông Dương không muốn cách mạng và bằng lòng với chế độ bây giờ như các "ông chủ" của chúng ta thường vẫn nghĩ như thế, thì lại càng sai hơn nữa. Sự thật là người Đông Dương không có một phương tiện hành động và học tập nào hết. Báo chí, hội họp, lập hội, đi lại đều bị cấm... Việc có những báo và tạp chí mang tư tưởng tiến bộ một chút, hoặc có một tờ báo của giai cấp công nhân Pháp là một tội nặng. Rượu cồn và thuốc phiện, cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền, bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của Chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại.

Bị đầu độc cả về tinh thần lẫn thể xác, bị bịt mồm và bị giam hãm, người ta có thể tưởng rằng cái bầy người ấy cứ mãi mãi bị dùng làm đồ để tế cái ông thần tư bản, rằng bầy người đó không sống nữa, không suy nghĩ nữa và là vô dụng trong việc cải tạo xã hội. Không: *người Đông Dương không chết, người Đông Dương vẫn sống, sống mãi mãi.* Sự đầu độc có hệ thống của bọn tư bản thực dân không thể làm tê liệt sức sống, càng không thể làm tê liệt tư tưởng cách mạng của người Đông Dương. Luồng gió từ nước Nga thợ thuyền, từ Trung Quốc cách mạng, hoặc từ Ấn Độ chiến đấu đang thổi đến giải độc cho người Đông Dương. Người Đông Dương không được học, đúng thế, bằng sách vở và bằng diễn văn, nhưng người Đông Dương nhận sự giáo dục bằng cách khác. Đau khổ, nghèo đói và sự đàn áp tàn bạo là những người thầy duy nhất của họ. Nếu những người xã hội chủ nghĩa lơ là việc giáo dục, thì giai cấp tư sản thực dân và bản xứ – bọn quan lại – cứ phụ trách giáo dục bằng phương pháp của chúng. Người Đông Dương tiến bộ một cách rất mầu nhiệm và khi thời cơ cho phép, họ sẽ biết tỏ ra xứng đáng với những người thầy của họ. Đằng sau sự phục tùng tiêu cực, người Đông Dương giấu một cái gì đang sôi sục, đang gào thét và sẽ bùng nổ một cách ghê gớm, khi thời cơ đến. Bộ phận ưu tú có nhiệm vụ phải thúc đẩy cho thời cơ đó

mau đến. Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi. Chủ nghĩa xã hội chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi.[1]

NGUYỄN ÁI QUỐC
5-1921

Tạp chí *Cộng sản* (Pháp), ngày 14-5-1921.
Bản dịch: *Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 17.

---

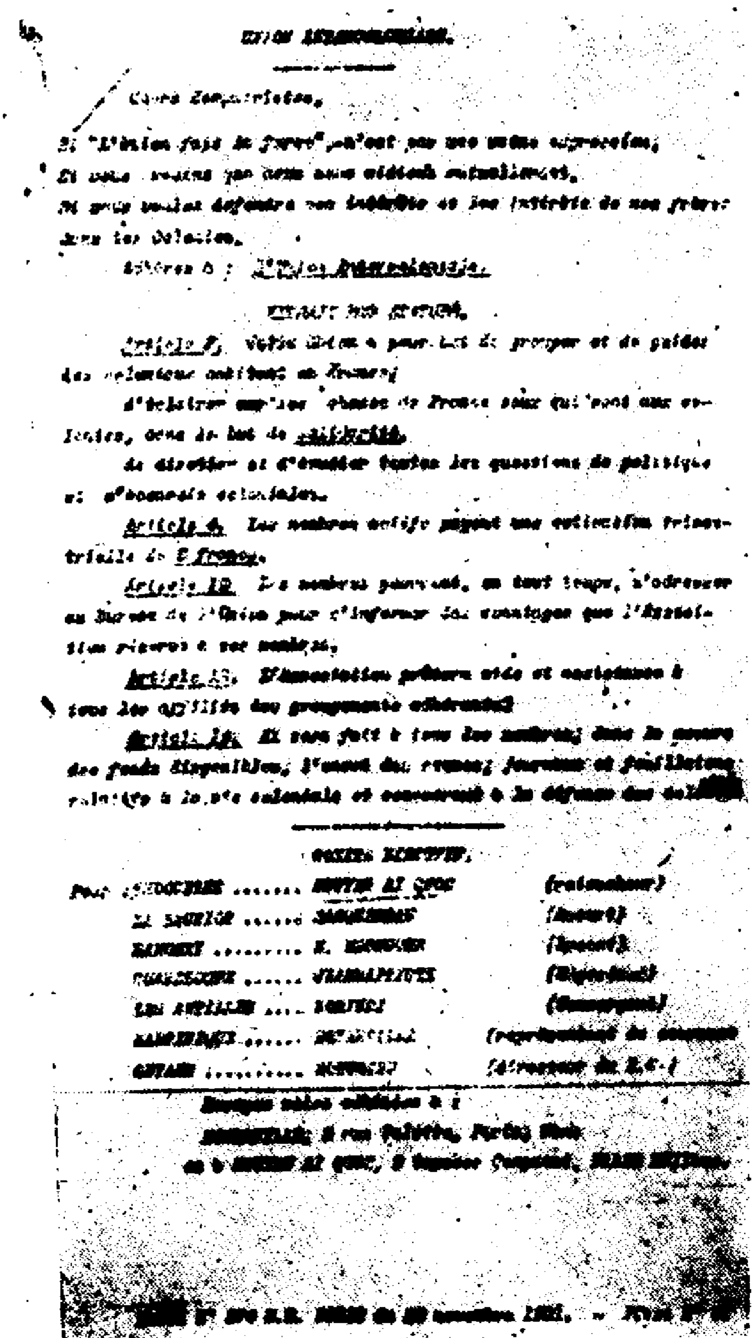
1. Trên đây là trích bài *Đông Dương* (I). Đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn viết tiếp bài báo thứ hai cùng nhan đề trên đăng trên tạp chí *Cộng sản* (Pháp) (số ra ngày 15-5-1921). Mở đầu bài *Đông Dương* (II), tác giả nêu vấn đề:

"Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và ở Đông Dương nói riêng không ? Đây là vấn đề mà chúng ta đang quan tâm hiện nay.

Trả lời câu hỏi đó, chúng ta có thể khẳng định rằng có. Muốn hiểu vấn đề đó, chúng ta phải xem xét tình hình hiện nay ở lục địa châu Á về mặt lịch sử và địa lý".

Trên cơ sở phân tích tình hình, Người nhận định: "Do lịch sử cho phép, chủ nghĩa cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á hơn là ở châu Âu", đồng thời nêu lên trách nhiệm của những người cộng sản phải truyền bá chủ nghĩa cộng sản vào châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng. Người viết: "Trách nhiệm của chúng tôi phải nói lên ở đây để những đồng chí của chúng ta có nhiệt tình truyền bá chủ nghĩa cộng sản và thực tâm muốn giúp đỡ những người lao động lật đổ ách của những kẻ bóc lột và đi vào gia đình chung của giai cấp vô sản quốc tế, để cho những đồng chí đó có thể giúp đỡ chúng tôi một cách có hiệu quả".

Kết thúc bài báo *Đông Dương* (II), tác giả vạch rõ mối quan hệ khăng khít giữa phong trào cách mạng của nhân dân châu Á với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động tại các nước phương Tây.



UNION INTERCOLONIALE.

Chers Compatriotes,

Si "L'Union fait la force" n'est pas une vaine expression;

Si vous voulez que nous nous aidions mutuellement,

Si vous voulez défendre vos intérêts et les intérêts de vos frères dans les Colonies,

Adhérez à : L'Union Intercoloniale.

EXTRAIT DES STATUTS.

Article 2. Notre Union a pour but de grouper et de guider les colonisés habitant en France; d'éclairer sur les choses de France ceux qui sont aux colonies, dans le but de [illegible]; de discuter et d'étudier toutes les questions de politique et d'économie coloniales.

Article 6. Les membres actifs payent une cotisation trimestrielle de 3 francs.

Article 10. Les membres peuvent, en tout temps, s'adresser au Bureau de l'Union pour s'informer des avantages que l'Association procure à ses membres.

Article 13. L'Association prêtera aide et assistance à tous les affiliés des groupements adhérents.

Article 14. Il sera fait à tous les membres, dans la mesure des fonds disponibles, l'envoi des revues, journaux et publications relatifs à la vie coloniale et concernant la défense des [illegible]

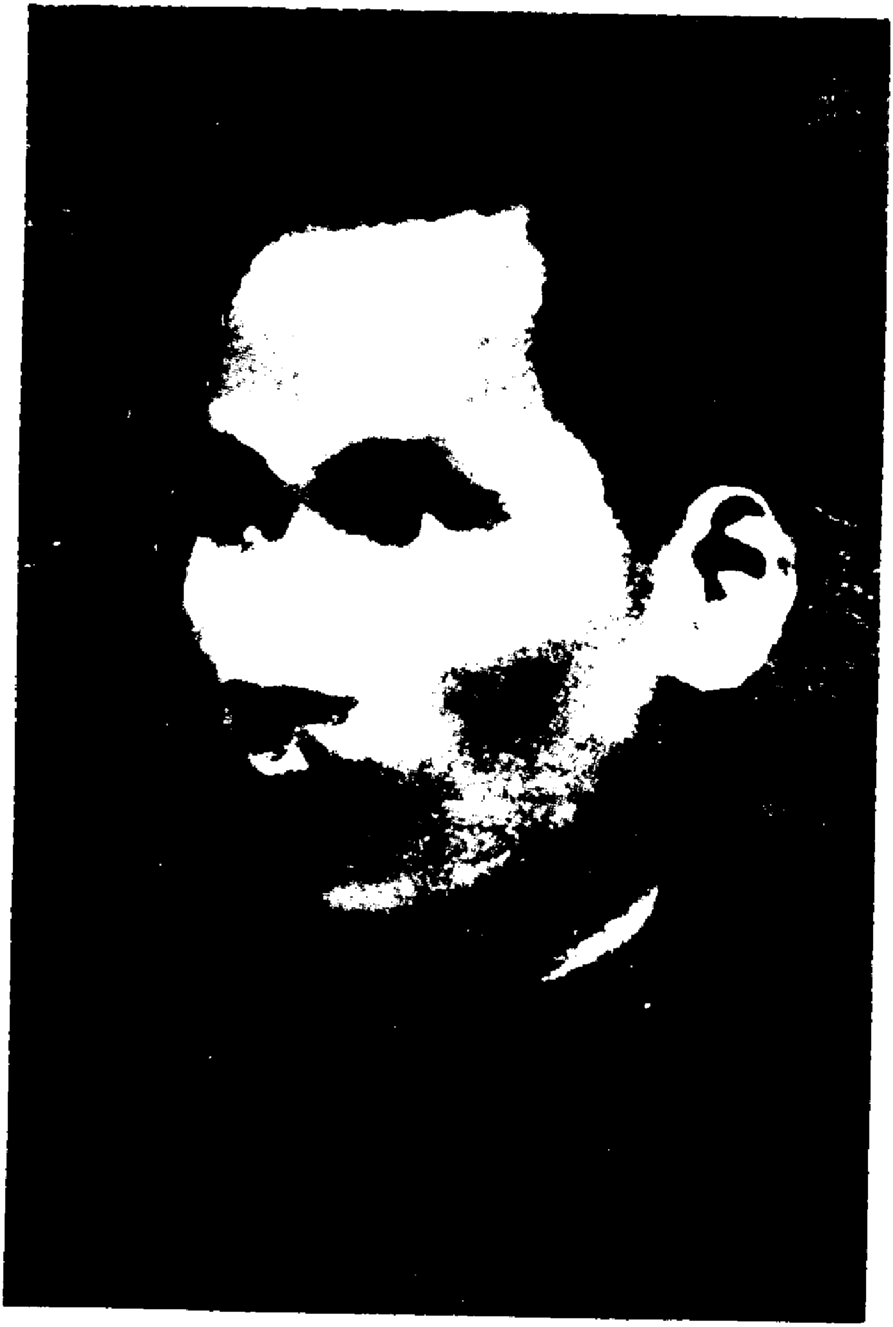
COMITÉ EXÉCUTIF.

Pour INDOCHINE .... NGUYEN AI QUOC (retoucheur)

[illegible]

Bản trích yếu Điều lệ Hội Liên hiệp thuộc địa. Ban Thường vụ của Hội gồm 7 người, đứng đầu là Đồng chí Nguyễn Ái Quốc (thợ ảnh, Đông Dương).

Ảnh viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam.



Đồng chí NGUYỄN ÁI QUỐC, năm 1924.
Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam

TUYÊN NGÔN CỦA HỘI LIÊN HIỆP THUỘC ĐỊA, ĐOÀN THỂ CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN BẢN XỨ Ở TẤT CẢ CÁC THUỘC ĐỊA

TIỂU DẪN. – Hội Liên hiệp thuộc địa (L'Union Intercoloniale) là một tổ chức cách mạng của nhân dân các thuộc địa Pháp, do đồng chí Nguyễn Ái Quốc cùng một số nhà hoạt động cách mạng của các nước thuộc địa Pháp như: Angiêri, Tuynidi, Marốc, Đahômây, Xênêgan, Ghinê, Ăngti, Goađơlúp, Máctiních, Haiti, Mađagátxca, Đông Dương... thành lập tại Pari (thủ đô nước Pháp) năm 1921, với sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, dưới ánh sáng *Nghị quyết của Quốc tế Cộng sản* và của *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Sau khi thành lập, Hội đã ra bản *Tuyên ngôn của Hội Liên hiệp thuộc địa, đoàn thể của những người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa.*

Cuộc họp đầu tiên của Hội được triệu tập vào ngày 9-10-1921. Mục đích của Hội là giải phóng những dân tộc thuộc địa. Cơ quan tuyên truyền của Hội là tờ báo *Người cùng khổ (Le Paria)* in bằng tiếng Pháp. Tổng thư ký đầu tiên của Hội là Mônnécvinlơ, sau đó là Blôngcua. Nhưng suốt trong thời gian ở Pháp, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức và hoạt động của Hội. Để đạt được mục đích giải phóng các dân tộc thuộc địa, trong Điều lệ của Hội đã nhấn mạnh: "Đoàn kết là sức mạnh". Sự ra đời của Hội là một sự kiện chính trị rất quan trọng đối với các dân tộc bị áp bức. Hội chỉ hoạt động đến năm 1926, nhưng đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân các nước thuộc địa Pháp với giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp, xây dựng tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân các nước thuộc địa trong một mặt trận chung chống chủ nghĩa đế quốc; thức tỉnh nhân dân các thuộc địa, đào tạo cán bộ cho phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa Pháp và thông qua những hoạt động của Hội, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin đến các thuộc địa.

Lêô Phighe và Sáclơ Phuốcniô trong bài *Hồ Chí Minh, đồng chí của chúng ta* (Nhà xuất bản Xã hội, Pari, 1975, tiếng Pháp, tr. 57) khẳng định: "Từ Pari, Nguyễn Ái Quốc đã gieo hạt giống cách mạng đến bốn phương thế giới. Đồng thời, Người chăm lo bảo vệ sự nghiệp của tất cả các dân tộc thuộc địa".

Hỡi anh em ở các thuộc địa! Năm 1914, vì phải đương đầu với một nguy cơ ghê gớm, những người cầm quyền đã quay về phía anh em và yêu cầu anh em góp phần hy sinh của mình để cứu vãn một Tổ quốc mà người ta nói là Tổ quốc của anh em, nhưng thật ra nó chỉ đi áp bức thống trị anh em.

Để làm cho anh em không ngần ngại, họ không quên đem ra nhử anh em bằng những quyền lợi mà họ bảo là nếu hợp tác với họ thì anh em sẽ được hưởng. Nhưng khi cơn bão táp đã qua, thì cũng vẫn như trước, anh em phải sống trong chế độ bản xứ, với những điều luật đặc biệt, thiếu hẳn các quyền lợi gắn liền với phẩm giá con người như quyền tự do lập hội và hội họp, tự do báo chí, tự do đi lại ngay cả trong nước. Đó là về mặt chính trị.

Về mặt kinh tế, anh em vẫn phải chịu nào thuế thân, nào sưu dịch là hai thứ đóng góp nặng nề, hoàn toàn trái hẳn dân ý; rồi còn phải đóng thuế muối; lại bị đầu độc vì rượu và thuốc phiện, bị cưỡng bách tiêu thụ rượu và thuốc phiện như ở Đông Dương, bị đi gác đêm như ở Angiêri để canh phòng tài sản cho bọn cá mập thực dân.

Làm công việc như nhau, nhưng lương anh em vẫn ít hơn lương bạn đồng nghiệp da trắng.

Nói tóm lại, người ta hứa hẹn đủ thứ; nhưng giờ đây mọi người đều thấy toàn là những lời lừa dối.

Phải làm thế nào để giải phóng cho chúng ta?

Áp dụng lời của Các Mác, chúng tôi xin nói với anh em là chỉ có bản thân nỗ lực đấu tranh mới mong có giải phóng được.

Hội *Liên hiệp thuộc địa* thành lập ra để giúp đỡ anh em trong nhiệm vụ ấy.

Với sự giúp đỡ của các đồng chí Pháp có cảm tình với chúng ta, Hội tập hợp tất cả những người thuộc địa hiện sống trên đất Pháp lại.

Biện pháp hoạt động: Để thực hiện công cuộc chính đáng ấy, Hội quyết định đưa vấn đề ra trước dư luận bằng báo chí, ngôn luận (tổ chức nói chuyện, mít tinh, thông qua các bạn dân biểu mà đặt vấn đề ra trên diễn đàn các nghị viện) và dùng tất cả những phương tiện có thể dùng được.

Hỡi các bạn bị áp bức ở chính quốc! Giai cấp tư sản nước các bạn đã đánh lừa các bạn, đem các bạn dùng làm công cụ đi xâm lược đất nước chúng tôi. Ngày nay, vẫn dùng cái chính sách xảo quyệt ấy, *giai cấp tư sản nước các bạn lại định dùng chúng tôi để đàn áp mọi cố*

gắng tự giải phóng của các bạn.

Đứng trước chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, lợi ích của chúng ta thống nhất; các bạn hãy nhớ lời hiệu triệu của Các Mác:

"Vô sản tất cả các nước, liên hiệp lại!"

HỘI LIÊN HIỆP THUỘC ĐỊA
1921

Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 19.
Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật.

ĐỘNG VẬT HỌC

"Càng học càng thấy mình dốt", đó là một câu ngạn ngữ châu Á. Trái với lệ thường, câu ngạn ngữ này không phải là một thứ gì kỳ cục khó hiểu, mà là một chân lý phổ biến.

Ví như, ông Giôdép Cayô,[1] cựu Thủ tướng, nhà lý tài ngoại ngạch, một nhà văn không phải tồi, không phải tương đối tồi như Enxten[2] nói, sau khi đã cai trị 40 triệu dân Pháp, đã nắm trọng tay hàng triệu, hàng tỷ bạc, ông viết sách vở, rồi một buổi sáng nọ, ông vò đầu và gãi điên cuồng - không phải là gãi tóc, vì ông ta không có sợi tóc nào cả - mà gãi tai, đồng thời tự hỏi và hỏi người khác: Châu Âu sẽ đi tới đâu nhỉ? Nước Pháp sẽ đi tới đâu nhỉ? Câu hỏi tuy có vẻ rất giản đơn, nhưng cho đến nay vẫn chưa giải đáp được, trừ phi...

---

1. Giôdép Cayô (Joseph Caillaux): chuyên gia về tài chính, Thủ tướng nước Pháp năm 1911, thi hành chính sách đánh thuế thu nhập.

2. Enxten (Einstein): một nhà bác học vĩ đại, một chiến sĩ hòa bình tích cực. Ông sinh năm 1879, mất ngày 18 - 4 - 1955. Thuyết tương đối của ông nêu lên rằng: Một số khái niệm cơ bản (như khái niệm về không gian, thời gian và khối lượng,v.v...) mà trước đây người ta vẫn tưởng có tính chất tuyệt đối, thì nay phải quan niệm lại là tương đối mới đúng với chân lý khách quan. Ngược lại, một số khái niệm trước đây mà người ta vẫn tưởng là có tính tương đối, (thí dụ tốc độ ánh sáng trong chân không...), nhưng thực ra lại có tính tuyệt đối (tốc độ này không thay đổi dù quan sát từ bất cứ hệ quy chiếu nào). Lênin đánh giá Enxten là "một trong những người cải tạo tự nhiên vĩ đại nhất" (*Đại bách khoa toàn thư*, Liên Xô, xuất bản lần thứ hai, quyển 48, tr.343).

Này ngài Thủ tướng, xin ngài cho tôi biết chân của châu Âu và của nước Pháp ở chỗ nào, tôi sẽ nói ngài biết châu Âu và nước Pháp đi tới đâu![1]

Đácuyn[2], nhà đại thông thái Đácuyn, từng biết rằng con ngươi của một con ếch xứ Ôvécnhơ tròn hơn con ngươi của một con ếch ở vùng Nốttinhham, và đuôi chim bồ câu ở Mếchxích có nhiều hơn đuôi chim bồ câu ở Thụy Điển ba cái lông, nhưng ông hoàn toàn không biết gì đến một loài động vật rất đông đúc và ngày nay ai cũng biết; và do số lượng cùng tính chất của nó, loài động vật này có thể được liệt vào hàng đầu các loài động vật. Vì hiện tượng này cũng khá thú vị, nên chúng tôi thử trình bày cùng bạn đọc báo *Người cùng khổ*.

Kết quả những cuộc nghiên cứu kỹ càng cho phép chúng tôi khẳng định rằng nguồn gốc loài động vật này cũng lâu đời như nguồn gốc loài người, nếu không phải là lâu đời hơn nữa kia. Sự cấu tạo thể chất của nó hết sức kỳ lạ: ở tất cả các loài động vật, sự sinh sản ra lông lá thường là ở đằng đuôi; ở loài động vật này, lông lá lại mọc trên đầu: chỉ mọc trên đầu chứ không mọc ở cổ như bờm con ngựa. Lông lá này mịn màng như len và hung hung đỏ, hoặc cứng và đen, tùy theo khí hậu nơi nó sống. Khí hậu có ảnh hưởng rất nhiều đến màu da của nó. Màu da đỏ hoặc vàng hoặc đen, chớ ít khi trắng. Dù có những sự kỳ lạ đó, diện mạo của nó đôi khi cũng khá dễ thương. Loài động vật này đi hai chân. Nhưng, theo những tài liệu quan sát được tại nhiều vùng châu Á, thì nhiều khi nó lại trở thành loài đi bốn chân[3]. Nói chung người ta có thể liệt loài động vật này vào loại hai tay. Điều làm cho loài động vật này rất đông đúc và có thể sống trên một diện tích rất rộng trên quả đất, chính là ở chỗ nó rất dễ dàng thích nghi với nhiều thứ đồ ăn hết sức khác nhau. Loài động vật này

---

1. Ý câu này có lẽ nhằm mỉa mai châm biếm rằng, nước Pháp và một số nước tư bản châu Âu sống bằng cách vơ vét, bóc lột thuộc địa.

2. Đácuyn (Darwin): nhà bác học Anh vĩ đại, sinh năm 1809, mất năm 1882. Ông sáng lập ra khoa sinh vật học duy vật chủ nghĩa về nguồn gốc và sự phát triển của các giống vật. Ông là người đầu tiên đã dựa vào nhiều tài liệu khoa học mà sáng lập một lý luận khoa học sâu rộng về sự tiến hóa của những hình thức của thể hữu cơ, bác bỏ lý luận siêu hình về tính bất biến của các giống vật. Tác phẩm chủ yếu của ông là cuốn *Bàn về nguồn gốc các loài*.

3. Nguyên chú của đồng chí Nguyễn Ái Quốc: *Loài quan lại đứng theo tư thế xalamalếch*.

Xalamalếch (phiên âm từ chữ Salamalec): lối chào của người Ả Rập, đầu cúi thấp rạp xuống đất. Đây tác giả có ý chỉ vào bọn quan lại hay quỳ gối, cúi đầu làm thân nô lệ.

ăn thịt, ăn cỏ, ăn gạo và ăn cả tiền nữa. Cần chú ý rằng, khi một con vật cá biệt đã đến trình độ ăn cả tiền thì thường bị coi là thoái hóa, vì nó đã mất hết đặc tính tinh thần của nòi giống nó rồi[1].

Óc bắt chước của nó rất phát triển, và óc đó không phải nông cạn như ở loài khỉ hay loài vẹt, vì người ta nhận thấy rằng tài bắt chước của nó thường đạt tới chỗ tuyệt khéo, và đôi khi còn hơn cả cái mà nó bắt chước nữa.

Một vài đức tính thực dụng của nó còn cao hơn cả những đức tính thực dụng của các loài gia súc nữa kia. Một khi thuần thục rồi, thì tự nó để cho người ta hớt lông như một con cừu, chất đồ nặng lên lưng như một con lừa, và đưa vào lò sát sinh như một con bê. Loài động vật này rất dễ bị lóa mắt. Nếu người ta bắt ra một con, to nhất hay mạnh nhất trong bầy, và đeo vào cổ nó một vật gì lóng lánh như một đồng tiền vàng hay một huân chương chẳng hạn, thì nó liền trở thành hoàn toàn ngoan ngoãn, lúc đó người ta có thể sai nó làm bất cứ việc gì và bảo đi đâu cũng được... và các con khác cứ việc theo nó một cách... khờ dại, nếu có thể nói như thế được.[2]

Các nhà bác học của Hội Động vật đế quốc Anh (B.I.Z.A.– British Imperial Zoological Association) vừa cho biết rằng loài sống trên bờ Ấn Độ Dương và trên bờ xứ Libi, vùng Hồng Hải, bắt đầu có những tiến hóa rất rõ rệt: nó không chịu để người ta bắt một cách dễ dàng, và không chịu để cho người ta đem về nuôi làm gia súc nữa[3]. Hiện tượng mới đó không khỏi gây lo ngại cho các giới công nghiệp và khoa học trên thế giới, và đặc biệt là cho những giới đó ở phố các nhà giàu sụ Luân Đôn vì, tuy thịt loài vật đó không ăn được vì không thể ướp lạnh được, nhưng máu và mồ hôi của nó lại trở thành những thứ không thể thiếu để đổ dầu mỡ cho những cái máy chứa dồi thịt.[4]

Để tóm tắt bản trình bày ngắn này, chúng tôi xin nói rằng, tên

1. Ý mỉa mai đả kích sâu cay. Câu này nhằm chỉ vào lũ quan lại bản xứ bám gót bọn đế quốc thực dân, vơ vét bòn dãi của dân chúng, không còn tinh thần giống nòi dân tộc gì nữa.

2. Chân tướng của bọn quan lại trên tiếp tục bị tác giả vạch trần. Lũ thực dân thường đem những thứ như mề đay, phẩm hàm ra nhử lũ tay sai, và thế là bọn này lôi kéo thêm những phường mất gốc khác.

3. Câu này có thể là tác giả nhằm chỉ những phong trào đấu tranh dân tộc, những khuynh hướng chống chủ nghĩa đế quốc đang xuất hiện như một sự "tiến hóa rõ rệt", một "hiện tượng mới" ở các vùng này.

4. Nguyên chú của đồng chí Nguyễn Ái Quốc: *Cũng gọi là các nhà tư bản.*

cái giống vật kỳ dị đó là Dân bản xứ thuộc địa (*Colonie indigène*); nhưng tùy theo từng vùng mà người ta gọi tên nó một cách khác nhau: Annamít, Mangátsơ, Angiêriêng, Anhđiêng, v.v...,[1]

NGUYỄN ÁI QUỐC

T.B. – Chúng tôi vừa nhận được của một đồng nghiệp của chúng tôi là nhà bác học khoa học tự nhiên Đờ Páctú (De Partout) [2], một loài hiếm có, loài này hình như cũng có họ hàng thân thuộc gì đó với loài chúng tôi vừa nghiên cứu. Loài đó, theo bạn đồng nghiệp của chúng tôi, thì tên nó là: Người vô sản. Sau này chúng tôi sẽ nghiên cứu loài mới, Người vô sản đó, của Đờ Páctú (De Partout).

Báo Người cùng khổ, số 2, ngày 1-5-1922.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân.*
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr.7

MẤY Ý NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA

Từ khi Đảng Cộng sản Pháp đã thừa nhận 21 điều kiện của Mạc Tư Khoa [3] và gia nhập Quốc tế thứ ba, Đảng đã tự đặt cho mình một nhiệm vụ đặc biệt khó khăn trong số các nhiệm vụ khác: chính sách thuộc địa. Đảng không thể thỏa mãn với những bản Tuyên Ngôn chỉ thuần là bằng tình cảm và không có kết quả gì như thời Quốc tế thứ nhất và Quốc tế thứ hai nữa, mà cần phải có một kế hoạch hoạt động

---

1. *Annamít:* người Việt Nam. *Mangátsơ*: người ở xứ Mađagátxca, trên Ấn Độ Dương, đối diện với xứ Môdămbích châu Phi. *Angiêriêng:* người ở Angiêri (châu Phi). *Anhđiêng*: người Ấn Độ.

2. *Đờ Páctú* (De Partout): một cái tên do tác giả tự đặt ra, có nghĩa là Khắp nơi. Đờ Páctú cũng có người hiểu nghĩa là Tất cả. Tiếng Pháp, De (viết hoa) đặt trước họ, chỉ người nào đó thuộc dòng quý tộc.

3. *21 điều kiện của Mạc Tư Khoa*: ngày 6-8-1920, Hội nghị lần thứ hai của Quốc tế Cộng sản họp tại Mạc Tư Khoa, đã tán thành 21 điều kiện do Lênin nêu ra về vấn đề kết nạp các Đảng cách mạng vô sản vào Quốc tế Cộng sản. Việc quy định những điều kiện này nhằm ngăn chặn không thể cho những phần tử cơ hội chủ nghĩa lọt vào Quốc tế Cộng sản, và vạch ra những nguyên tắc cơ bản về chính trị và tổ chức của Đảng mácxít kiểu mới.

đúng đắn, một chính sách có hiệu quả và thiết thực. Trong vấn đề này, Đảng gặp nhiều khó khăn hơn mọi vấn đề khác, và đây là những khó khăn chủ yếu:

1. *Diện tích các thuộc địa rất rộng.* – Không kể những "khu vực ủy trị" mới, lấy được từ sau chiến tranh, nước Pháp có:

Ở châu Á, 450.000 cây số vuông; ở châu Phi, 3.541.000 cây số vuông; ở châu Mỹ, 108.000 cây số vuông; ở châu Úc, 21.600 cây số vuông. Tổng cộng: 4.120.000 cây số vuông (gấp gần tám lần diện tích nước Pháp) với một dân số 48.000.000 người. Số dân đó nói hơn hai mươi thứ tiếng khác nhau. Tình trạng có nhiều tiếng nói khác nhau như vậy làm khó khăn cho công tác tuyên truyền, bởi vì trừ mấy thuộc địa cũ ra, thì một tuyên truyền viên người Pháp chỉ có thể nói chuyện với quần chúng bản xứ qua người phiên dịch mà thôi. Mà phiên dịch thì khó nói lên được hết ý, vả lại trong những xứ bị cai trị một cách độc tài ấy, thật khó mà tìm ra được một người phiên dịch những lời lẽ cách mạng.

Lại còn những trở ngại khác nữa. Tuy người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa đều là những người bị áp bức và bóc lột như nhau, nhưng trình độ văn hóa, kinh tế và chính trị giữa xứ này với xứ kia lại rất khác nhau. Giữa Việt Nam với Cônggô, Mátciních hay Tân Đảo, hoàn toàn không giống nhau chút nào, trừ sự cùng khổ!

2. *Tình trạng thờ ơ của giai cấp vô sản chính quốc đối với các thuộc địa.* – Trong những luận điểm của Lênin về vấn đề thuộc địa, Lênin đã tuyên bố rõ rệt rằng "nhiệm vụ của công nhân ở các nước đi chiếm thuộc địa là phải giúp đỡ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng của các nước phụ thuộc". Muốn thế, công nhân ở chính quốc cần phải biết rõ thuộc địa là cái gì, phải biết những việc đã xảy ra ở thuộc địa, biết rõ nỗi đau khổ mà các anh em của mình – những người vô sản ở thuộc địa – đang phải chịu đựng, đau khổ gấp nghìn lần nỗi đau của mình. Tóm lại là công nhân ở chính quốc phải quan tâm đến vấn đề thuộc địa.

Tiếc thay, một số đông chiến sĩ vẫn còn tưởng rằng, một thuộc địa chẳng qua chỉ là một xứ mà trên là mặt trời, dưới là cát, vài cây dừa xanh, với mấy người khác màu da, thế thôi. Và họ hoàn toàn không để ý gì đến.

3. *Tình trạng dốt nát của người dân bản xứ.* – Trong tất cả các nước thuộc địa, ở cái xứ Đông Dương già cỗi kia cũng như ở xứ

Đahômây mới mẻ này, người ta không hiểu đấu tranh giai cấp là gì, lực lượng giai cấp vô sản là gì cả, vì một lẽ đơn giản là ở đó không có nền kinh doanh lớn về thương nghiệp hay công nghiệp, cũng không có tổ chức công nhân. Trước con mắt người dân bản xứ, chủ nghĩa bônsêvích – danh từ này vì thường được giai cấp tư sản dùng đến luôn, nên đặc sắc hơn và mạnh nghĩa hơn – có nghĩa là: hoặc sự phá hoại tất cả, hoặc sự giải phóng khỏi ách nước ngoài. Nghĩa thứ nhất gán cho danh từ ấy làm cho quần chúng vô học và nhút nhát xa lánh chúng ta; nghĩa thứ hai thì dẫn họ đến chủ nghĩa quốc gia. Cả hai điều đó đều nguy hiểm cả. Chỉ có một số ít người trong nhân dân hiểu được thế nào là chủ nghĩa cộng sản. Nhưng số người thượng lưu ấy – thuộc giai cấp tư sản bản xứ [1] và là cột trụ của giai cấp tư sản thực dân – cũng không thích thú gì việc chủ nghĩa cộng sản được người ta hiểu và được truyền bá rộng rãi cả. Trái lại, giống như con chó trong truyện ngụ ngôn, họ lại thích đeo cái vòng cổ để kiếm miếng xương. Nói chung, quần chúng căn bản là có tinh thần bất khuất, nhưng còn rất dốt nát. Họ muốn giải phóng, nhưng họ chưa biết làm cách nào để đạt được mục đích ấy.

4. *Những thành kiến.* – Vì giai cấp vô sản ở cả hai đằng đều không hiểu biết lẫn nhau, nên đã nảy ra những thành kiến. Đối với công nhân Pháp, thì người bản xứ là một hạng người thấp kém, không đáng kể, không có khả năng để hiểu biết được và lại càng không có khả năng hoạt động. Đối với người bản xứ, những người Pháp – mặc dầu họ là hạng người nào – cũng đều là những kẻ bóc lột độc ác. Chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa tư bản không bỏ lỡ dịp lợi dụng sự nghi kỵ lẫn nhau đó và sự phân biệt đẳng hạng giả tạo về nòi giống đó, để ngăn cản việc tuyên truyền, và để chia rẽ những lực lượng đáng phải đoàn kết lại.

5. *Đàn áp dã man.* – Nếu bọn thực dân Pháp rất vụng về trong việc phát triển nền kinh tế ở thuộc địa, thì họ lại là những tay lão luyện trong nghề đàn áp dã man và trong việc chế tạo ra cái lòng trung thành bắt buộc. Những người như ông Găngđi [2] và ông Đờ

1. Nguyên văn tiếng Pháp là: "le bourgeoisie autochtone".

2. Găngđi (Gandhi,1869 - 1948): Chiến sĩ xuất sắc của phong trào giải phóng Ấn Độ, lãnh tụ Đảng Quốc đại Ấn Độ, một đảng cách mạng dân tộc của giai cấp tư sản Ấn Độ thành lập từ năm 1885. Ông chủ trương thuyết "bất bạo động", và coi đó là hình thức đấu tranh tốt nhất (!) chống chủ nghĩa thực dân.

Valơra [1] có lẽ đã lên thiên đàng từ lâu rồi nếu các ông ấy sinh ra ở một trong những thuộc địa của Pháp. Bị tất cả mọi thứ thủ đoạn thâm hiểm của các tòa án quân sự và tòa án đặc biệt vây xung quanh, một người chiến sĩ ở bản xứ khó lòng tiến hành việc giáo dục đồng bào bị áp bức và dốt nát của mình mà không sa vào nanh vuốt của các nhà đi "khai hóa" cho họ.

Trước những khó khăn ấy, Đảng phải làm gì?

Tăng cường công tác tuyên truyền của Đảng để khắc phục.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo* [2] ngày 25-5-1922. Bản dịch: *Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản*. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 19.

CÔNG CUỘC "KHAI HÓA CAO CẢ"

Ông Anbe Xarô[3] đã tuyên bố với nhóm thuộc địa trong Hạ nghị viện rằng: "Trung thành với sứ mệnh cao cả đã làm rạng danh nước Pháp trên thế giới, nước Pháp đầy lòng bác ái đang theo đuổi tại hải ngoại một sự nghiệp khai hóa cao cả; tính chất cao quý của sự nghiệp đó làm cho truyền thống rực rỡ lâu đời của nước Pháp ngày càng thêm phần rực rỡ".

Thế mà người ta đã đem thực hiện cái sự nghiệp tiến bộ, chính nghĩa v.v... đó như thế này:

---

1. Đờ Valơra (Edmon de Valera): sinh năm 1882 ở Nữu Ước (Mỹ), một nhà chính trị lãnh đạo phong trào độc lập Airơlan. Thủ lĩnh phái cộng hòa bất khuất (1921), Chủ tịch Hội đồng hành pháp Airơlan (1932), Chủ tịch nước từ năm 1937 đến năm 1944, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao cho đến năm 1948, Thủ tướng Airơlan (1951).

2. *Báo Nhân đạo (L'Humanité)*: tờ báo của Đảng Xã hội Pháp do Giăng Giôrét sáng lập năm 1904. Từ sau khi có sự phân biệt trong Đảng Xã hội Pháp ở Đại hội Tua (tháng 12-1920), và Đảng Cộng sản Pháp thành lập cho tới nay, tờ báo *Nhân đạo* trở thành cơ quan ngôn luận của Trung ương Đảng Cộng sản Pháp.

3. Anbe Xarô (Albert Sarraut): Toàn quyền Đông Dương hồi 1911 - 1914 và 1917 - 1919, sau đó làm Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, một tên trùm thực dân. Đến năm 1936, y làm Thủ tướng nước Pháp.

Mượn cớ bài trừ nạn du đãng, người ta thi hành một chế độ khổ sai với dân bản xứ ở Mađagátxca. Như là: trên mặt trái một tờ giấy trong thẻ căn cước của người bản xứ, có dành riêng vài ô nhỏ để người chủ ghi chú. Trong ô thứ nhất, có in những điều ghi chú chủ yếu, người chủ phải ký nhận ở dưới:

Làm với Ô..

tại..

từ.................... đến............................

Người chủ:

Người bản xứ nào mà thẻ căn cước không hợp lệ như đã chỉ dẫn trên đây đều bị coi là du đãng, sẽ bị phạt tù từ 3 tháng đến một năm, và sau khi mãn hạn tù, có thể còn bị đày biệt xứ từ 5 đến 10 năm.

Bây giờ ta hãy xem các "ông chủ" đi "khai hóa" ấy đối xử với công nhân bản xứ như thế nào. Có một bác cai đến hỏi tiền công cho một người thợ của mình, thì một ông chủ nọ đã viết giấy trả lời như sau: "Bảo cái con lợn ấy lấy c... mà ăn, chỉ có món ấy là hợp với nó thôi".

Một ông chủ khác, khi thấy nhà bị mất trộm 5000 frăng, liền lôi tám người bản xứ làm cho mình ra tra điện để bắt họ thú nhận. Về sau, người ta tìm ra kẻ trộm thì lại chính là "cậu ấm" con ông chủ. Nhà khai hóa – con, đã ăn chơi thỏa thích. Nhà khai hóa – bố, thì không bị lôi thôi gì cả. Và những người "có phúc" được nước Pháp "bảo hộ" thì còn nằm trong nhà thương ở Tananarivơ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Đời sống thợ thuyền* [1], ngày 26-5-1922,
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 15.

---

1. *Đời sống thợ thuyền (La vie ouvrière)*: cơ quan ngôn luận trung ương của Tổng liên đoàn Lao động Pháp. Về tờ báo này, Chủ tịch Hồ Chí Minh có nhắc tới trong bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ hai của Hội Nhà báo Việt Nam (16-4-1959) như sau: "Lúc ở Pari, tuy biết nhiều tội ác của thực dân Pháp, nhưng không biết làm thế nào để nêu lên được. Một đồng chí ở tòa báo *Đời sống thợ thuyền* cho Bác biết báo ấy có mục "Tin tức vắn", mỗi tin chỉ năm ba dòng thôi, và bảo Bác có tin tức gì, thì cứ viết, đồng chí ấy sẽ sửa lại cho. Từ đó, ngoài những giờ lao động, Bác bắt đầu viết những tin rất ngắn". Chủ bút báo *Đời sống thợ thuyền* lúc đó là Gaxtông Môngmúxtô đã tận tình giúp đỡ Người.

PARI

TIỂU DẪN. – *Pari* là truyện ngắn đầu tay của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, nguyên văn viết bằng tiếng Pháp, đăng liền trên hai số báo *Nhân đạo* ra ngày 30 và 31-5-1922, dưới tiêu đề phụ *Trích "Những bức thư gửi cô em họ"* do tác giả tự dịch từ tiếng Nam. Trước đó, Người đã làm thơ, đó là bài thơ viết trên bưu thiếp gửi Phan Chu Trinh, và đã viết nhiều bài báo "nóng hừng hực như một cái súng phun lửa" lên án chủ nghĩa đế quốc.

Sự ra đời của truyện ngắn *Pari* thật thú vị, nhất là khi chúng ta lại được nghe chính tác giả kể lại một cách chân thực và hóm hỉnh: "Khi đã biết viết báo, mình lại muốn viết tiểu thuyết. Nhưng lại nghĩ rằng biết chữ Tây võ vẽ như mình thì viết tiểu thuyết sao được. Tình cờ đọc một truyện ngắn của Tônxtôi thấy viết một cách rất giản dị, dễ hiểu, thì cho rằng mình cũng viết được. Từ đó mình bắt đầu viết truyện ngắn... Lúc đó mình sống ở khu phố công nhân nghèo, hiểu rõ đời sống của họ, mình cứ viết những điều mắt thấy tai nghe" *(Về công tác văn hóa văn nghệ*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 61-62). Trong bài viết cho báo *Văn học* (Liên Xô), số ra ngày 19-11-1960, nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày mất của đại văn hào Nga L.N. Tônxtôi, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói rõ hơn: "Tôi xin kể chuyện tôi trở thành người học trò của nhà văn Nga vĩ đại như thế nào. Câu chuyện có thể nói là lạ đấy, nhưng đó quả là sự thật. Chuyện xảy ra thế này.

"Sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, tôi làm thợ sửa ảnh ở Pari. Hằng ngày tôi đi đến xưởng, chiều tối tôi tham gia các buổi họp của Đảng hoặc dự mít tinh của công nhân. Cuối ngày làm việc, tôi đọc vài trang tiểu thuyết để trau dồi tiếng Pháp và giải trí một chút. Một hôm, một bạn cùng nghề đưa cho tôi một cuốn truyện nhỏ của L. Tônxtôi...[1] Cách viết của L. Tônxtôi rất giản dị, rõ ràng và dễ hiểu, làm tôi rất thích. Tuổi trẻ thường bồng bột, tôi nhảy vùng dậy khỏi giường mặc dù mùa đông rất lạnh, nhất là trong căn phòng bé nhỏ của tôi lại không có lò sưởi. Tôi nói to: "Viết một cuốn truyện ngắn chẳng có gì là khó. Mình cũng có thể viết được". Ở Việt Nam chúng tôi có câu tục ngữ "điếc không sợ súng". Đúng là trường hợp của tôi. Sáng dậy,

---

1. Căn cứ vào lời tóm tắt cốt truyện do Chủ tịch Hồ Chí minh thuật lại, và điểm qua các truyện ngắn của L. Tônxtôi, chúng ta có thể đoán định rằng, Người đã nói về truyện ngắn *Đức cha Xécghi* của L. Tônxtôi (Xem Nguyễn Hải Hà*: Hồ Chủ tịch và một số tác phẩm Nga Xô viết, Tạp chí văn học*, số 5-1972, tr. 105). Do khuôn khổ bài tiểu dẫn, chúng tôi đã không trích toàn văn bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa dẫn ở trên, trong đó có đoạn Người lược thuật câu chuyện của L. Tônxtôi, và kết luận của Người sau khi đọc truyện ngắn đó.

tôi bắt đầu viết. Mỗi ngày tôi phải viết từ năm giờ đến sáu giờ rưỡi sáng, là vì bảy giờ tôi đã phải đi đến xưởng. Thường thường, ngón tay tôi tê cóng lại. Sau một tuần vất vả, tôi viết xong tác phẩm của mình. Tôi mang đến tòa soạn báo *Nhân dạo* và nói với các đồng chí trong Ban văn học: "Tôi rất sung sướng nếu bài viết của tôi được đăng, tùy các đồng chí đăng hay không đăng, nhưng dù thế nào thì cũng xin các đồng chí sửa lỗi tiếng Pháp cho tôi...".

"Các đồng chí nghĩ xem tôi vui mừng xiết bao, khi mấy ngày sau, mở xem báo buổi sáng, tôi thấy có đăng tác phẩm của tôi, tác phẩm yêu quý của tôi. Niềm vui sướng của tôi càng lớn hơn nữa, khi tòa soạn báo *Nhân dạo* trả cho tôi số tiền nhuận bút 50 frăng. Với số tiền đó, tôi có thể sống 25 ngày không cần làm việc, tôi có thể dùng thời gian ấy để đọc sách. Hạnh phúc biết ngần nào!

Trong bài phóng sự của tôi, tôi kể những điều mắt thấy tai nghe trong khu phố tôi ở là khu phố nghèo khổ của những công nhân và những người thất nghiệp trong thành phố Pari lộng lẫy giàu có".

Bài phóng sự – đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã gọi một cách khiêm tốn như vậy – chính là truyện ngắn *Pari*. Đó là câu chuyện thực về những cảnh đời trớ trêu, mai mỉa ở một địa phương, nhưng lại mang ý nghĩa khái quát sâu sắc về cái xã hội tư sản hằn lên những nếp sống trái ngược nhau. Tố cáo cuộc chiến tranh tàn bạo của các nước đế quốc qua cuộc đời đau khổ của một cụ già – nhân vật chính, nếu không nói là nhân vật duy nhất trong truyện – tác giả đã đi thẳng vào bản chất, vào nguyên nhân của các cuộc chiến tranh đầy tội ác do bọn tư bản gây nên. Câu chuyện vượt khỏi khuôn khổ cuộc đời một nhân vật đầy bất hạnh, để đi vào những vấn đề chung của xã hội nước Pháp những năm sau cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, hướng người đọc chú ý vào những cách biệt về giai cấp trong diện mạo chung đầy mâu thuẫn của đời sống xã hội. Tác giả đã vận dụng quan điểm phân tích giai cấp sắc sảo, kết hợp một cách nhuần nhị những suy nghĩ chung có tính chất quy luật theo quan điểm cách mạng vô sản, với những quan sát, nhận xét chân thực và tinh tế trong miêu tả, qua những chi tiết cụ thể. Truyện ngắn *Pari* mang những phẩm chất của một phương pháp sáng tác mới: phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa.

Trần Dân Tiên trong cuốn sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* đã nhắc tới sáng tác văn học đầu tay này.

Trần Dân Tiên viết: "Đọc những truyện ngắn của Anatôn Phơrăngxơ và của Lêông Tônxtôi, ông Nguyễn (tức đồng chí Nguyễn Ái Quốc) thấy hứng thú về văn chương giản đơn và tự nhủ: "Người ta chỉ cần viết điều gì người ta thấy và cảm, bằng cách nắm lấy màu sắc và hoạt động của sự vật, như thế thì viết cũng không khó lắm". Truyện ngắn đầu tiên của ông Nguyễn được đăng trên báo *Nhân dạo* làm hai kỳ. Ông Nguyễn tả đời sống thợ thuyền ở Pari mà cũng là đời sống của ông lúc đó... Ngoài việc tả lại đời sống thợ

thuyền Pari, ông thường viết về các thuộc địa và đặc biệt là Việt Nam, không có một phút nào ông quên Tổ quốc mình đang bị giày xéo và đồng bào mình đang bị áp bức" (Sách đã dẫn, tr. 32-33).

Giăng Pho (Jean Fort) trong hồi ký *Ba chai rượu sâm banh* do Tuyết Lan dịch (*Bác Hồ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960) cũng nói: "Chữ Pháp thì tôi biết nhiều hơn anh Nguyễn, điều đó không có gì lạ vì tôi là người Pháp. Nhưng xem sách lý luận bằng chữ Pháp, thì nhiều khi tôi phải nhờ anh cắt nghĩa giùm. Tôi không biết viết báo, mà anh thì biết viết báo và đôi khi viết được tiểu thuyết ngắn nữa. Bài tiểu thuyết ngắn đầu tiên của anh được đăng trên báo *Nhân đạo* nhan đề là *Pari* tả một cách vừa rõ ràng vừa khôi hài vùng xung quanh ngõ hẻm Côngpoăng (Compoint)". Cùng thời gian này, đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn "bắt tay vào viết tập *Những người bị áp bức* mà bọn mật thám Pháp một hôm bẻ khóa buồng anh vào lấy trộm 12 tờ bản thảo đầu tiên" (*Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr. 70. Xin xem thêm "Tiểu dẫn tham khảo" ở cuối tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, tr.425-427).

Sau này đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn viết một loạt truyện và ký, sẽ được giới thiệu trong tập sách này dưới một chủ đề chung: "Chống thực dân đế quốc, chống phong kiến địa chủ, tuyên truyền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội" như chính Chủ tịch Hồ Chí Minh sau này đã từng nói (*Về công tác văn hóa văn nghệ*; Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.65).

Trích "Những bức thư gửi cô em họ"
do tác giả dịch từ tiếng Nam.

Ở Pari có một vùng, cô em họ thân mến của tôi ạ, tự một mình nó trình diễn ra được đủ bộ mặt và đủ tâm lý của cả Pari, cả nước Pháp, cả vũ trụ. Ai có muốn nghiên cứu tình hình xã hội thời buổi ta ngày nay, thì chỉ cứ đi ngang vùng này mà thôi là đáng giá cả một pho sách lớn cỡ *Bách khoa toàn thư* vậy.

Vùng gồm ba xóm chính, là Êtoan, Batinhon, Êpinét [1]. Cô vốn có trí tưởng tượng phong phú, nên tôi chắc thế, chỉ cứ đọc tên mấy xóm đó là cô đã đoán ra được thứ bậc xã hội của những nhóm người ở đây rồi. Tôi ở đây như đang nghe thấy cô tự mình thì thầm với mình: Êpinét, Êpinét – *Những cái gai con*! Cuộc sống ở đây hẳn phải chật vật lắm, gai góc lắm. Còn Êtoan – *Ngôi sao*, cái đó hẳn phải là nơi cư

1. Tức quận 17 Pari, phía Tây Bắc. Hẻm Côngpoăng, nơi đồng chí Nguyễn Ái Quốc ở lúc bấy giờ, chính ở giữa xóm Êpinét.

ngụ của những kẻ diễm phúc, có đặc quyền đặc lợi; một Bồng Lai tiên cảnh chứ gì nữa.

Vâng, cô em họ nhỏ của tôi ơi, cô đoán đã gần đúng thế đấy, ấy nhưng tôi vẫn cứ phải tả cho cô cái sang trọng của bên này và cái đau khổ của phía kia, sang trọng ra sao, đau khổ ra sao thì cái đầu óc xinh xắn của cô chẳng thấy nổi nó mênh mang đến thế nào đâu. Xóm Êtoan thì bắt đầu với Khải Hoàn Môn. Ấy là một đài kỷ niệm nguy nga dựng lên để ghi nhớ tài danh quân phiệt của Napôlêông. Bây giờ thì nó dùng làm mồ chôn một người lính không tên tuổi chết trong đại chiến.

Sự đời sao nó mỉa mai thế, cô nhỉ! Người ta đem thu lại để cùng một chỗ cả cái hư vinh của tác giả bao cuộc giết chóc kinh khủng ở châu Âu và cả nắm di hài của nạn nhân cuộc tàn sát thế giới!

Cái đài này là nơi lưu tồn tượng trưng những nguyên nhân của mọi cuộc chiến tranh trước kia và sau này; cũng như người lính không tên tuổi này là hiện thân tượng trưng của tất cả những ai bị giết hại để thỏa mãn cái tham vọng và cái kiêu kỳ của bọn tướng lĩnh. Bởi vì ai mà đã đọc tên những chiến trận đầy tràn lịch sử từ đầu đến cuối, ai mà đã đọc bấy nhiêu tên khắc lên riêng một đài kỷ niệm này thôi [1], thì phải kinh hoàng thấy biết bao nhiêu là nông dân, bao nhiêu là công nhân đáng thương đã ngã xuống không tên tuổi, như kẻ đang nằm đây!

Để một chuyến thư sau, tôi sẽ kể cho cô nghe về anh lính tội nghiệp này, khi còn sống đã phải đương đầu những tràng súng đại bác liên thanh như thế nào, nay vẫn phải đương đầu như thế nào những tràng văn diễn thuyết ngoại giao và tỏ tình thân thương vờ vịt của các vị sứ thần và của các cụ Phị [2]. Hôm nay thì hãy trở lại câu chuyện vùng này đã.

Vậy, tôi đang nói với cô rằng Êtoan là xóm các phủ đệ thênh thang, các vườn cây hoa nở sum sê, các cỗ ngựa xe vương giả. Đó là một ổ xa hoa tứ xứ, thừa thãi tràn về và biếng lười lòe loẹt. Đó là thiên đường của bọn ăn bám đủ các cỡ và đủ các xứ. Sang trọng là sang trọng cho đến cả con vật. Chả nói làm gì đến cái giá ngông cuồng thả ra đãi

1. Khải Hoàn Môn Êtoan có khắc đầy vào đá tên các chiến trận và các tướng lĩnh thời Napôlêông.

2. *Phị* (từ chữ "Fatty"): chỉ bọn tai to mặt lớn. Gốc tiếng Anh có nghĩa là người béo. Cũng là tên một hề màn ảnh nổi tiếng trong những năm 20.

một con mèo hảo hạng hay một con ngựa loại khoái [1], nó đủ để nuôi sống toàn bộ dân cư một tỉnh nước ta, cứ cái con khuyển xóm này là cũng được sống lộng lẫy và tốn kém hơn người đi làm thợ nhiều.

Rời chính lộ Vagram và đại lộ Cuốcxen, là vào xóm Batinhor. Xóm này là xóm kiểu con dơi, nghĩa là dân bản địa nơi này thuộc một giai cấp trung gian. Họ không giàu sụ để bay nhảy như bọn cừ khôi trong giới tư bản, mà cũng chẳng đủ nghèo để phải vất vả giống đám thợ thuyền. Phong vũ biểu đo mức giàu có của họ cứ là theo sự thăng trầm kinh tế hằng ngày mà lên xuống; họ có thể hôm nay thì thư thái trồng bắp cải, để rồi hôm sau là phải bán đứt vườn tược đi. Dân đây là tiểu thương, là ông xếp phòng giấy, là ông cò về hưu. Bà đi đâu là có một con điêu [2] to quấn quanh cổ và một con chó con bồng trên tay. Ông thì bao giờ cũng có cái gì chểnh mảng cài khuyết ve áo, một củ kiệu Công huân Nông nghiệp hoặc là bông hoa tím của vị chức sắc Học chính. [3] Bà canh cửa thì sáng sáng chăm chút tưới những chậu hoa thu hải đường cổ truyền của bà bày trên cửa sổ, sáng sáng giũ cái thảm trải cầu thang chính – tấm thảm này bướng bỉnh nhất định không chịu leo cao hơn tầng gác ba.[4] Cứ suy quy luật vận hành của vạn vật thì dân cư xóm này có nhiều khả năng vô sản hóa hơn là sản sinh ra những đức ngài tư bản chủ nghĩa.

Xóm Êpinét là phía chân của cái thang. Nó là người bà con khốn khó, kẻ thừa kế bị gạt bỏ của hai xóm kia. Nó gần như là thuộc một giống người khác, ra vẻ bẽn lẽn, khiêm nhường, bị cái khốn cùng nó đè bẹp. Này cô hãy xem ông bác mình ép mía lấy đường theo cái kiểu nghìn năm xưa cũ của dân ta, thì cô nghĩ ra được cái cảnh xã hội ở đây nó thế nào. Có bao nhiêu nước ép ngon ngọt thì cứ tuôn cả ra một bên cối, còn bên kia thì chỉ có bã, bẹt ra, quắt lại. Đây cũng thế. Một bên là giàu sang và nhàn rỗi, một bên là cần cù và thiếu thốn. Lôi thôi và gầy guộc như ngón tay khoằm khoằm của con mụ phù thủy già, ống lò sưởi ở Êpinét mùa hè thì um khói và mùa đông thì

---

1. *Mèo hảo hạng*: mèo loại tốt; *ngựa loại khoái*: ngựa loại hay. Chỉ đĩ điếm.

2. *Con điêu* (zibeline): giống điêu Bắc cực, tức một loại con thú lông dài và mượt, mình dài, đuôi dài, nên người ta thuộc da giữ nguyên lông dùng làm khăn quàng cổ của những phụ nữ sang trọng.

3. Những loại huân chương, huy chương của Pháp, với hình dáng và màu sắc riêng của mỗi loại.

4. Nhà ở Pari thường từ năm đến tám tầng: những hộ sang trọng nhất hay ở tầng gác, cho đến gác ba. Ở gác cao hơn, là những hộ gia tư nghèo hơn.

lại như tất ngấm. Trông xa, nhà cửa khẳng khiu trong xóm giống y mặt người vậy: những bộ mặt người ngơ ngác, mà cái bề mặt tiệm của một bác buôn giẻ rách hay của một hiệu thịt ướp lạnh thì làm ra dáng cái miệng móm, còn cửa sổ đã toác toạc thì dùng làm những con mắt nhèm những dử lại cận thị. Xóm những con người làm lụng, sản xuất và đói meo. Xóm người làm thợ, xóm người nghèo, xóm người cùng khốn.

Giữa xóm, có một mẩu phố dài chừng dăm chục mét. Quanh phố thấy tề tựu một ngôi trường tiểu học, một nhà máy và một quán cháo bình dân. Có phải thế không nào, cô em họ thân mến, cả cái bộ sậu ấy thế là rất mực tiêu biểu? Khi còn bé, thì trẻ con đi học để mà biết tôn trọng quyền thiêng liêng của các ông chủ. Lớn lên, anh thợ rời nhà trường đi góp phần làm giàu cho giới chủ nhân ông mà mình đã được học tập sùng bái cái uy nghi. Già rồi yếu đi, thì ông lão được, vẫn giới chủ nhân ông đó mà cụ đã làm giàu cho, tống ra ngoài đường, để nhờ chẩn bần mà sống nốt cuộc đời hay lam hay làm của mình!

Sáng sáng, tôi đi ngang quán cháo bình dân để đến xưởng làm việc của tôi. Trời đẹp hay xấu, nắng ấm hay tuyết rơi, thì tôi cũng cứ thấy tụm lại trước ngôi nhà công này lối ba chục các cụ. Các cụ ăn bận thật không tưởng tượng được. Người thì khoác cái chăn trên lưng, người thì lại mặc cái áo dài bó của hầu bàn trưởng – đầu đội cái mũ rơm đã vàng úa, người khác nữa tả tơi đụp vá muôn màu sắc. Giày các cụ, mõm há ra như hộp thư cả, cười nhạo với mọi khách qua đường. Trong lúc đợi cửa mở và để giết thì giờ, các cụ xem mấy mẩu báo *Buổi sáng* hay tờ *Pari nhỏ* nhặt được chẳng biết ở đâu nữa. Trời có lạnh quá thì các cụ thổi thổi lên ngón tay hoặc là giở điệu *nhất bộ* ra nhảy [1] để tự sưởi ấm. Một cụ nhìn tôi cả cười: "Chú xem, sưởi kiểu trung tâm [2] của bọn này đấy!"

Dáng hình các cụ tồi tàn thế, nhưng ai nấy đều thật dễ thương, và các cụ trông thấy tôi mãi rồi, thì cuối cùng, ấy cũng là có quen biết. Một thứ tình bằng hữu thế là nảy ra giữa chúng tôi và hai bên chào nhau khi tôi đi qua.

Tôi đặc biệt để ý một cụ già trong số đó. Ông cụ sạch sẽ, tươm

---

1. *Nhất bộ* (one step): "một bước", tên một điệu vũ gốc Mỹ, nhanh và mạnh. Ở đây nói các cụ già khoa chân múa tay cho đỡ rét.

2. *Sưởi kiểu trung tâm*: lối sưởi sang, sưởi cả nhà (hoặc cả khối nhà), nhưng chỉ đốt lò ở một nơi thôi, có ống dẫn hơi nước nóng đến từng phòng.

tất, và bộ dạng biểu lộ một nỗi buồn phiền được nén xuống, một niềm tự trọng chẳng chịu để ngã khuyu, ngay trong cơn quẫn bách. Cụ có đeo một dải huy chương thưởng công cứu nạn. Cụ bao giờ cũng cứ đứng đằng sau người khác.

Một hôm, tôi đến bắt tay cụ và nói với cụ: "Cố ơi, cố có vui lòng cho phép được mời cùng dùng một bữa lót dạ, chủ nhật tới, được không?" Cụ đáp: "Ông tử tế quá, thưa ông, thế cho nên tôi từ chối thì hóa ra phụ lòng tốt của ông vậy xin vâng".

Chúng tôi cùng đến một quán ăn nhỏ. Đặt xong món ăn, chúng tôi chuyện trò, và ông cụ bảo tôi: "Tôi không dám tự tiện ngỏ lời trước với ông, bởi vì trước hết ông là người nước ngoài, thế rồi tôi lại còn ngại làm phật lòng ông: thanh niên dễ tự ái khi thấy có người đến bắt chuyện mình lại là người như tôi, một lão già nghèo khổ, chẳng khác đứa ăn mày vậy. Nhưng mà cứ mỗi lần ông đi qua trước mặt tôi, là lòng tôi lại tràn ngập một niềm đau đớn không cùng, tôi chỉ muốn khóc. Tôi rất hiểu ông lấy thế làm lạ, nhưng vốn là tại thế này: thấy ông, là tôi lại nhớ thằng con thứ của tôi, tôi đã mất nó trong trận giặc. Nó cũng khoảng tuổi ông đấy. Chắc ông hăm nhăm, hăm sáu chứ gì? – Hăm sáu, cố ạ, tôi trả lời. – Đúng rồi, nó kém ông một tuổi. Ông không chán tai thì để tôi kể chuyện nó ông nghe, chuyện nó mà thật ra là chuyện tôi. – Xin mời cố, nghe chuyện cố, sẽ thích thú lắm. – Thời tôi còn ít tuổi, ông bạn cùng bàn đáng kính của tôi kể, tôi làm nghề hàng hải đăng bạ.[1] Tôi đã có đi vòng quanh thế giới nhiều lần. Tôi cũng có lần đến xứ ông, đến Sài Gòn, đến Hải Phòng. Sau tôi tằn tiện cưới một cô gái nông thôn hiền lành. Vợ chồng đến lập nghiệp ở vùng Bắc. Nhà tôi mở một cửa hàng nhỏ bán gia vị vặt vãnh, còn tôi thì vào làm một nhà máy. Vợ chồng tôi có hai trai, một gái, ba cháu thật là của trời cho, ông ạ! Nhà tôi với tôi, bọn tôi chịu khó kham khổ cũng nhiều, nuôi được các cháu ăn học, nó giỏi giang lắm. Bà con lối xóm đều lấy làm thèm thuồng, vì các cháu nết na, thật là ngoan ngoãn, chăm làm, lại có học. Cháu Môrixơ là cháu lớn, làm nghề thợ vẽ. Cháu Anbe thì làm thợ máy. Em gái các cháu, là cháu Yvon, nó là một bông hoa xinh xinh mười tám cái xuân xanh – như ở xứ tôi người ta hay nói văn hoa thế – hoa làm si ngây

1. Tức thủy thủ dân sự. Do yêu cầu của sự kiểm soát quốc gia và quốc tế, người đi biển phải theo luật hàng hải quốc tế, được đăng ký vào một danh bạ Nhà nước. Có đăng bạ mới là công nhân hàng hải chính thức.

lứa trai khắp vùng, cháu nó đánh máy chữ. Mỗi đứa kiếm được đồng tiền cũng kha khá, đủ cho mình và cho vợ chồng chúng tôi. Ban ngày thì các cháu đi làm, tối đến cả mấy cháu mải mê học hành. Chủ nhật nào cũng cả ngày bàn luận với nhau những cái học được trong tuần. Nói thật tình để ông hay, cứ nghe các cháu nó bàn, nó nói là sướng lạ sướng lùng; ấy chính các cháu đã dạy chúng tôi, mẹ các cháu với tôi, biết được không biết bao nhiêu là thứ. Vậy là vợ chồng chúng tôi thật là đôi bố mẹ sướng nhất trần đời.

"Chiến tranh bùng nổ. Cháu Môrixơ bị thương nặng ngay từ đầu, ít lâu sau thì chết. Cháu Anbe thì bị ghi là mất tích sau ba tháng chiến trận. Cứ thế là nhà tôi với cháu gái hóa điên lên, điên vì đau đớn. Làng tôi là cái đích cho pháo nã, đạn Pháp đến với chúng tôi cũng nhiều ngang đạn Đức; đạn nó không có quốc tịch, nên đạn bên này hay đạn bên kia thì cũng đều phá phách đồ đạc, cũng đều giết hại người ta, dửng dưng như nhau, tàn khốc như nhau.

Một hôm nọ, trong gian nhà chúng tôi ở đã đổ vỡ đến nửa, vợ tôi cùng cháu gái đang nấu nướng thì một cái nồi [1] – chẳng phải loại nồi Na Uy nổi tiếng của ông Lui Phorextơ [2] đâu, mà là cái loại nồi giập be giập bét tuốt – nó bổ xuống.

Một tiếng nổ kinh hồn, rồi tất cả hất tung lên. Tôi thoát thân vì đang xuống tầng hầm lấy cái gì đó. Đến khi lại người, từ dưới hầm lên, thì lên hết cầu thang, tôi chẳng còn thấy nhà, thấy cửa, thấy vợ, thấy con đâu cả nữa, mà chỉ thấy một khoảng trống không, một khoảng trống không khủng khiếp, hãi hùng, một khoảng trống không nó lấp đặc không trung bằng cái não nuột của cái tận cùng, của cái chết chóc, của cái tan hoang. Tôi quá sững sờ để còn hoảng hốt... Nhưng hãy chờ đấy, đã hết đâu! Cái lúc ghê gớm nhất trong cả cuộc đời tôi, là lúc mà tôi nhận ra trong đống nhà cửa vụn nát, một cái bàn tay máu me của cháu Yvon tội nghiệp của tôi, rồi cách mấy bước, là một cái chân còn giày tất y nguyên của người vợ đáng thương của tôi. Ấy bấy giờ, ấy bấy giờ..."

Đến đây, ông già tái nhợt. Tôi đọc thấy trong đôi mắt cụ, bỗng

---

1. *Cái nồi:* từ lóng chỉ đạn pháo cỡ lớn.

2. *Lui Phorextơ* (Louis Forest): nhà báo và nhà văn pháp, lúc ấy muốn gây phong trào cải thiện đời sống bằng mọi biện pháp hợp lý hóa nhằm tiết kiệm sức, chống lãng phí, v.v... "Nồi Na Uy" là kiểu thổi nấu tiết kiệm: đun nóng rồi bỏ vào thùng kín đựng chất cách nhiệt, để thức ăn tiếp tục chín mà không cần thêm chất đốt.

dại đi, một nỗi niềm đau xót và căm hờn không sao tả xiết. Một cơn co giật làm cụ toàn thân run rẩy. Cụ tì hai bàn tay đang quắp lại lên mép bàn. Hai chân cụ di di đều nhịp, như phát sốt, trên sàn nhà, mà căng gân cốt ra như vậy, thì là khi nào con người ta đang cố kìm lại một niềm xúc động đang muốn bùng ra. Tôi nhỏ nhẹ bảo cụ: "Thôi, vừa rồi, cố ơi! Xin để hôm khác cố kể cho nghe. Cố xơi củ khoai rán, cố nhé!". Ông cụ như không nghe thấy tôi nói, cụ thở dài một hơi, nói tiếp: "Đấy ông xem, ông thân mến, chiến tranh, cuộc chiến tranh trời tru đất diệt này, tôi có cái gì thì nó đã giết sạch cả, nào là hạnh phúc, nào là nhà cửa, nào người vợ quý, nào bầy con yêu. Còn tôi, thì bây giờ tôi nhờ thiên hạ bố thí để sống qua ngày, sau bấy nhiêu năm trời làm ăn, cực nhọc. Biết đâu, vâng, biết đâu chẳng phải chính cháu Anbe đáng thương của tôi là người bây giờ đang nằm đó dưới Khải Hoàn Môn!".

Cụ gạt một giọt nước mắt thật to, tay cụ run run nâng cái cốc mà tôi vừa rót rượu vào, miệng nói: "Nào, chúc sức khỏe ông!".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 30 và 31-5-1922.
Bản dịch: Phạm Huy Thông, báo *Nhân dân*,
số ra ngày 16-5-1976.

BÌNH ĐẲNG

Để che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột giết người, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn điểm trang cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: Bác ái, Bình đẳng, v.v...

Nhưng, hãy xem tay chiến sĩ về bình đẳng ấy đã thực hiện bình đẳng như thế nào.

Cùng làm một việc trong cùng một xưởng, người thợ da trắng vẫn được trả lương hậu hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

Trong các công sở, những người bản xứ mặc dầu đã làm việc lâu năm và mặc dầu rất thành thạo công việc, vẫn chỉ lĩnh một khoản tiền công chết đói, trong khi một người da trắng mới được đưa vào,

làm công việc ít hơn, thì lại lĩnh lương bổng nhiều hơn.

Có những thanh niên bản xứ đã học qua các trường đại học của chính quốc và đậu bằng tiến sĩ y khoa hoặc luật khoa, vẫn không thể làm được nghề nghiệp của mình trong nước mình nếu họ không vào quốc tịch Pháp. (Mọi người đã biết, một người bản xứ muốn được vào quốc tịch Pháp như vậy thì khó khăn và nhục nhã như thế nào rồi).

Phải bỏ nhà cửa ruộng nương đăng vào lính "tình nguyện", những người dân bản xứ ra lính đã được nếm mùi ngay ý nghĩa mỹ miều của cái thứ "công bằng" quái gở mà họ đang phải bảo vệ này.

Cùng một cấp bậc, nhưng sĩ quan da trắng gần như bao giờ cũng được xem là cấp trên của sĩ quan bản xứ. Người sĩ quan bản xứ phải chào và tuân lệnh sĩ quan da trắng. Cái chế độ đẳng cấp phân biệt "nhân chủng – quân sự" ấy lại còn rõ rệt hơn nữa khi những người lính da trắng và lính khác màu da cùng đi chung trên một chuyến xe lửa hoặc tàu thủy. Ví dụ như việc mới nhất gần đây:

Hồi tháng năm, chiếc tàu Ligiê chở 600 lính người Mangátsơ từ Pháp sang Mađagátxca. Các hạ sĩ quan người bản xứ thì chen chúc dưới hầm tàu, còn đồng nghiệp của họ, những hạ sĩ quan da trắng, thì được đường hoàng nằm trong các buồng dành riêng. Hẳn những người anh em khác màu da chúng ta, nóng sôi lên vì cái nồi súp de nếu không phải vì lý tưởng, và tỉnh dậy vì tiếng động ầm ầm của chân vịt quay hay vì tiếng gọi của lương tri, có thể suy nghĩ và hiểu rằng cái chủ nghĩa tư bản tốt đẹp kia vẫn coi họ và bao giờ cũng sẽ chỉ coi họ như những kẻ *olo maloto* [1] mà thôi.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 1-6-1922. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 17.

1. Những kẻ olo maloto: từ ngữ Latinh, có nghĩa là những kẻ tanh hôi bẩn thỉu.

VỀ BÀI
PHÊ BÌNH TÁC PHẨM ĐIỆN ẢNH "TƯ BẢN VÀ TÔNG GIÁO" (CỦA GIÔRÍT IVEN)

TIỂU DẪN. – Nhà điện ảnh Hà Lan Giôrít Iven (Joris Ivel) trong dịp sang thăm nước ta đã có dịp được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhà điện ảnh có kể lại cuộc gặp gỡ ấy qua bài *Bác Hồ và Giôrít Iven* (*Tác phẩm mới*, số 13, tháng 5 và 6-1971). Trong bài này có đoạn như sau:

Đang khi trò chuyện, Chủ tịch Hồ Chí Minh bảo Giôrít Iven:

– Bây giờ chú mới biết tôi. Nhưng tôi đã biết chú từ năm 1922, 1923.

Iven rất cảm động và cũng rất ngạc nhiên:

– Thưa Chủ tịch, xin Chủ tịch cho tôi được nghe câu chuyện cũ gần nửa thế kỷ trước.

Bác im lặng một lúc. Rồi Bác bắt đầu nhắc cho Iven nhớ lại.

Vào những năm đó, nhà điện ảnh Giôrít Iven vừa hoàn thành tác phẩm xuất sắc *Tư bản và tông giáo*. Cuốn phim ngụ ý vạch mặt bọn phong kiến trước đây lợi dụng tông giáo để áp bức, bóc lột. Bây giờ tư bản cũng làm như vậy. Bọn chúng dùng tông giáo để đi chiếm thị trường, cướp đất làm thuộc địa. Vua Hà Lan lúc đó rất bực tức với cuốn phim của Giôrít Iven, ra lệnh trục xuất nhà nghệ sĩ trẻ và có biệt tài ra khỏi đất Hà Lan. Bọn tư bản thì tập trung đả kích đồng chí. Trong khi đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết bài trên báo *Nhân đạo* (Pháp) bênh vực cuốn phim ấy và chống lại những luận điệu vu cáo của bọn tư bản.

Khi về Pháp, Giôrít Iven đã tìm được những tờ báo mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết bài nói về bộ phim của mình. Đọc lại những bài báo của Người viết từ những năm 20, Iven cảm động nói:

– Đồng chí Hồ Chí Minh không những là một nhà quân sự lỗi lạc, một nhà chính trị thiên tài, mà còn là một nhà nghệ thuật lớn: vì những bài báo đồng chí viết vào tháng 6-1922, chúng tôi đem so sánh thấy có nhiều người trên thế giới hiện nay viết về nghệ thuật của tôi chưa đánh giá được như đồng chí Hồ Chí Minh lúc bấy giờ.



Ngõ hẻm Côngpoăng, số nhà 9, gian phòng có dấu x là nơi đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ở. Ảnh Thông tấn xã Việt Nam.

VỀ VỞ KỊCH
"CON RỒNG TRE"

TIỂU DẪN. – Tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba (1962), khi đến thăm Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói đôi lời về vở kịch *Con rồng tre:* "... một vở kịch đả kích Khải Định, bù nhìn của thực dân Pháp... Sau này Câu lạc bộ Ngoại ô có đem diễn. Thành công, thất bại thế nào, Bác cũng không biết. Đó là "thành tích" Bác viết kịch. Rồi Bác cũng diễn kịch nữa đấy... Ở Pháp có một nhóm văn nghệ sĩ tiến bộ. Họ viết một bản kịch đả kích thực dân. Bác sắm một vai ra sân khấu không đầy một phút. Diễn xong, anh em bắt tay khen: "Đồng chí diễn khá lắm". Rồi thù lao một cốc cà phê!... Kinh nghiệm thế nào? Trước cách mạng, muốn sống phải lao động chân tay, chứ làm văn nghệ thì ba lần làm văn nghệ Bác chỉ được uống một cốc cà phê thôi!".[1]

Trong thời gian Khải Định sang Pháp dự hội chợ thuộc địa tổ chức tại Mácxây năm 1922, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết một loạt bài báo, truyện, ký, kịch... tập trung vạch rõ trước dư luận công chúng sự lố bịch của thứ màn kịch đóng rất vụng này, vạch mặt cả chủ Pháp và tớ... ngài Khải Định. Tên vua bù nhìn này đặt chân lên thủ đô Pari chiều 21-6-1922, thì sáng ngày 24-6-1922, hắn đã bị phơi mặt trên báo *Nhân đạo* qua truyện ngắn *Lời than vãn của Bà Trưng Trắc* (ký bút danh Nguyễn Ái Quốc). Với hình tượng Khải Định "mồ hôi nhớp nháp đẫm trán" đang bị Bà Trưng Trắc nguyền rủa, đến nỗi "... không kêu được. Lưỡi ngài líu lại vì sợ", đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã giáng một đòn đích đáng vào bọn vua quan phong kiến quỳ gối, ôm chân đế quốc, bám lấy lợi lộc đê tiện, cam chịu một cuộc sống ươn hèn, nhục nhã, bị "trời đoạn tuyệt, tổ tiên từ bỏ, nhân dân ruồng rẫy".[2]

Liên tiếp trong khoảng thời gian ấy, đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết: *Lời than vãn của Bà Trưng Trắc* (báo *Nhân đạo*, ngày 24-6-1922); *Sở thích đặc biệt* (báo *Người cùng khổ*, ngày 1-8-1922); *Kính gửi Đức ông Khải Định, Hoàng đế An Nam, Vĩnh biệt V.V.C.* (báo *Dân chúng*, ngày 9-8-1922); *Vực thẳm thuộc địa* (báo *Nhân đạo*, 9-1-1923); *Vi hành* (báo *Nhân đạo*, ngày 19-2-1923); v.v...

Nhưng sớm hơn hết trong loạt sáng tác tập trung đả kích tên vua bù nhìn Khải Định này, lại chính là vở kịch *Con rồng tre (Le dragon en bambou).*

Căn cứ để khẳng định thời gian xuất hiện vở kịch *Con rồng tre* dựa vào một số tài liệu đương thời đến nay còn lưu được. Trên tạp chí *Văn học nghệ*

---

1. *Chúng ta có Bác Hồ*, hồi ký, tập II, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, 1970, tr. 72-73.

2. Nguyễn Ái Quốc: *Truyện và ký*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 19.

thuật Câu lạc bộ Phôbua, số ra ngày 8-6-1922, có đăng tin: "Chủ nhật tới, ở ngoài trời, tại Gácsơ, sẽ trình diễn vở kịch *Con rồng tre*, kịch An Nam, hai màn, của Nguyễn Ái Quốc".

Câu lạc bộ Phôbua (tức Câu lạc bộ Ngoại ô) thực ra không có trụ sở cố định và cũng không phải ở vùng ngoại ô Pari. Nó họp lưu động mỗi tuần một lần vào tối thứ bảy, và do một người trí thức Pháp phái tả, ông Lêô Pôndét (Léo Poldès) đứng ra tổ chức. "Ở đây có một không khí thân mật và dân chủ như ở những Câu lạc bộ Giacôbanh (Jacobins) thời Đại Cách mệnh Pháp (1789)".[1] Thường thường có chừng vài ba trăm người đến dự các tối sinh hoạt, trong số này có nhiều công nhân và những nhà trí thức có tên tuổi: bác học, nghị viên, nhà văn, nhà báo, v.v... Lêô Pôndét chủ trì các buổi họp này. Khi một người lên trình bày một vấn đề nào đó, những người khác tham dự cuộc họp có quyền tự do chất vấn, phát biểu ý kiến của mình, và thường xảy ra các cuộc tranh luận, bàn cãi sôi nổi, với một không khí dân chủ, thân mật về tất cả mọi vấn đề, "từ thiên văn, địa lý, chính trị, văn học cho đến trồng cải soong và nuôi ốc sên. Qua đó, người ta có thể học hỏi nhiều chuyện và nhận xét mọi người. Thật là bổ ích" [2]. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham gia các buổi sinh hoạt Câu lạc bộ Phôbua lúc đó thường họp ở nhà số 61, phố Satôđô; hoặc ở nhà hát La Phuốcmi số 10, đường Bácbét, và ở hội trường Pranhtania, ở góc phố Clisirisô. Người tham gia tranh luận nhiều vấn đề với một tinh thần sôi nổi, bình tĩnh, đúng mực.

Trước ngày Khải Định sang đến Pháp, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết kịp thời vở kịch *Con rồng tre* để chế giễu hắn. Chủ nhiệm Câu lạc bộ Phôbua biết tin, đã gửi cho Người một bức thư (bức thư này cùng với tin đăng sau đó trên tạp chí *Văn học nghệ thuật Câu lạc bộ Phôbua* vừa dẫn ở trên, giúp ta xác định thời gian ra đời của vở kịch). Toàn văn bức thư như sau:

"Chủ nhiệm Câu lạc bộ Phôbua: Lêô Pôndét

Văn phòng: 38, phố Mátxcơva, Pari.

Gửi Nguyễn Ái Quốc thân mến,

Tôi nảy ra một ý nghĩ: Báo *Nhân đạo* tổ chức vào chủ nhật tới 18-6-1922 một ngày hội lớn tại Gácsơ có rất đông quần chúng tham dự.

Tôi đã viết thư cho ban tổ chức ngày hội biết rằng Câu lạc bộ Phôbua cũng như các nhóm khác muốn giúp vào ngày hội không lấy tiền và đề nghị cho trình diễn vở kịch chưa từng diễn ở đâu của Nguyễn Ái Quốc kèm theo một cuộc nói chuyện.

Nguyễn gửi ngay cho tôi bản thảo vở kịch của Nguyễn vào ngày mai thứ ba trước buổi trưa.

Thân ái,
Lêô Pôndét"

1,2. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1972, tr. 36.

Trong sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* (tr. 33), Trần Dân Tiên cho ta biết đại ý vở kịch *Con rồng tre* như thế này: "Có những cây tre thân hình quằn quẹo. Những người chơi đồ cổ lấy về đẽo gọt thành con rồng. Nó là một đồ chơi. Là con rồng nhưng thật ra chỉ là một khúc tre. Là một khúc tre, nhưng lại hãnh diện có tên và hình dáng con rồng. Tuy vậy, chỉ là một quái vật vô dụng".

Ngay từ năm 1923, trong bài *Vực thẳm thuộc địa* (báo *Nhân đạo*, 9-1-1923), bằng thể văn chính luận, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chỉ rõ con rồng tre là ai. Người viết: "Hiện chúng tôi chưa biết rõ số tiền mà đức vua An Nam đã chi tiêu về việc sang du ngoạn bên Pháp đúng là bao nhiêu đồng, nhưng chúng tôi biết rằng để đợi được ngày tốt cho Con rồng tre có thể ngự giá xuống tàu, người ta đã phải bồi thường phí tổn cho tàu Poóctốtxơ về bốn ngày chờ đợi, mỗi ngày 100.000 đồng bạc (tức 400.000 frăng)".

Do vấn đề văn bản chưa giải quyết trọn vẹn, chúng tôi chưa thể giới thiệu tác phẩm ở đây, chưa thể phân tích cụ thể các nhân vật. Dựa vào đại ý vở kịch, ta thấy rõ kẻ "chơi đồ cổ" chính là bọn thực dân Pháp, kẻ cai trị ở các thuộc địa. Còn "Con rồng tre" thì, như chính Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ, đó là hình ảnh thảm hại của con quái vật Khải Định.

Vẫn theo Trần Dân Tiên, "vở kịch này bị Chính phủ Pháp cấm". Nhưng nó vẫn được Câu lạc bộ Ngoại ô (Câu lạc bộ Phôbua) trình diễn ngày 18-6-1922 tại Gácsơ, một thị xã gồm hai vạn dân ở ngoại ô Pari. Trong ngày hội hằng năm của báo *Nhân đạo*, trước hàng vạn khán giả Pháp, Việt kiều và kiều dân các thuộc địa khác, vở kịch được trình diễn trên sân khấu ngoài trời, giữa một công viên đầy bóng mát và nắng ấm. Trước lúc mở màn, tác giả vở kịch – đồng chí Nguyễn Ái Quốc – xuất hiện giữa những tiếng vỗ tay vang dậy. Tác giả tranh thủ báo tin sốt dẻo vừa nhận được từ các thuộc địa về cuộc bãi công của công nhân Việt Nam, cuộc nổi dậy của nông dân ở Goađơlúp, ở Đahômây, ở Tuynidi, cùng lúc với những cuộc bãi công của công nhân tại Pháp.[1]

Theo Trần Dân Tiên, vở kịch *Con rồng tre* "được các nhà phê bình văn nghệ khen hay" (sách đã dẫn, tr. 33). Sau này, chính Lêô Pôndét đã ca ngợi vở kịch *Con rồng tre* qua bài *Quanh sự tích Chủ tịch Hồ Chí Minh* đăng trên báo *Pari* số 53, ra ngày 11, 12-6-1946. (Xem *Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.52).

Bài báo xuất hiện vào dịp Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp trong thời gian Hội nghị Phôngtenblô. Sau hơn hai mươi năm xa cách tác giả *Con rồng tre*, Lêô Pôndét được Hồ Chủ tịch tiếp nhiều lần. Có lần vợ chồng ông Pôndét mời Cụ Chủ tịch về nhà quê chơi, cách Pari chừng 30 cây số... "Nhà ông Pôndét, rừng bọc xung quanh. Thanh vắng mát mẻ. Cây tốt hoa thơm. Ăn

---

1. Hồng Hà: *Thời thanh niên của Bác Hồ*, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr. 139.

cơm rồi, Cụ Chủ tịch kéo ghế nằm dưới gốc cây, thật đúng câu:

Thảnh thơi vui thú yên hà,
Tùng là bạn cũ, hạc là người quen"[1].

Bài báo của Lêô Pôndét viết trong dịp này giúp chúng ta có thêm tài liệu để đánh giá thành tựu đầu tiên của nền kịch cách mạng vô sản Việt Nam: *Con rồng tre*. Theo Lêô Pôndét, vở kịch "thật là hay, thật là đẹp, lời vừa chải chuốt, vừa gọn gàng với những cái châm biếm dí dỏm của Arixtôphan (Aristophanic), bản kịch này có đủ ưu điểm để mang lên sân khấu".

Sau này, trong bài *Điều bí ẩn của Cụ Hồ Chí Minh* (báo *Thông tín viên* số 27-11-1955), Rôbớc Saplân (Robert Shaplen – Mỹ) cũng nhận xét rằng vở kịch *Con rồng tre* sinh động sôi nổi bởi một khí thế kiểu Arixtôphan (nguyên văn: "Aristophanic verve").[2]

Tất nhiên ở đây mọi người đã đánh giá thành công của vở kịch về cả nghệ thuật lẫn nội dung. Với những ưu điểm về nghệ thuật như thế, chủ đề của tác phẩm càng được truyền đạt mạnh mẽ, có sức lôi cuốn, hấp dẫn, là một vố đau đánh vào mặt bọn thực dân thuộc địa bày ra thứ đồ chơi Khải Định. Nó trực diện đánh vào con quái vật vô dụng, là tên vua bù nhìn, chỉ mấy ngày sau đó đặt chân lên đất Pháp làm một thứ trò mua vui cho nhân dân ở cái gọi là "chính quốc". Sau này, đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn tiếp tục chủ đề ấy trong truyện ngắn xuất sắc *Vi hành*, vẫn với một phong cách dí dỏm, châm biếm chua cay.

Ngoài ý kiến của Trần Dân Tiên, Lêô Pôndét cho chúng ta biết thêm "Con rồng tre" chỉ một tên vua bù nhìn "đớn hèn, bất lực và ngu dốt, mà tác giả không hà tiện lời chế giễu một cách chua cay, hóm hỉnh trong suốt ba hồi. Khi ấy bản thân ông Nguyễn Ái Quốc không ngờ rằng kịch bản của mình... lại được nhóm Câu lạc bộ Ngoại ô chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh...". Điều đó cũng dễ hiểu, bởi khi sáng tác vở kịch, cũng như khi viết truyện ngắn, ký, họa, thơ, v.v..., Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh không bao giờ dụng ý làm văn nghệ. Người nghệ sĩ trong nhà cách mạng vô sản vĩ đại nhận thức rất rõ nhiệm vụ nào cũng là phục vụ cách mạng; muốn phục vụ cách mạng được tốt thì "phàm làm việc gì cũng vậy bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công" (Lời nói đầu *Đường kách mệnh*, 1927). Mặt khác, ta thấy Người rất coi trọng tính chiến đấu sắc bén của sân khấu cách mạng, và Người đã sử dụng sân khấu làm diễn đàn tư tưởng đúng với chức năng của nó...

---

1. *Nhật ký hành trình của Hồ Chủ tịch bốn tháng sang Pháp*, các đoạn ghi ngày 2-7, ngày 8-7 và ngày 15-7-1946. Tài liệu lưu trữ tại Viện Bảo tàng Cách mạng.

2. Bài này về sau được in lại trong quyển *Việt Nam: giải phẫu về một cuộc chiến đấu*, tác phẩm tiếng Anh, xuất bản năm 1968 ở Mỹ, Nhà xuất bản Con công. (Dẫn theo tư liệu của Lê Khánh Soa).



Tranh của đồng chí Nguyễn Ái Quốc in trên báo Người cùng khổ *(1922). Chú thích bức tranh: Dòng chữ từ miệng tên thực dân: "Mau lên! Đi! Mày hãy tỏ ra có lòng trung thành chứ! Mẹ kiếp!". Ở đũa bánh xe có những chữ "văn minh", "áp bức", "hợp tác", "đồng hóa", "bảo hộ", "bóc lột".*

LỜI THAN VÃN CỦA BÀ TRƯNG TRẮC

> Quốc vương nước Nam sắp làm "khách của nước Pháp". Gọi là có lời chào mừng tí ti, chúng tôi kính dâng ngài giấc mộng này của đồng chí Nguyễn Ái Quốc của chúng tôi, người bầy tôi trung thành của ngài.

Đêm tối quằn quại dưới làn mưa nhỏ hạt dầm dề. Mảnh trăng vàng vọt cố bíu trên những mái lều tranh. Cây đẫm ướt đầm đìa nước mắt tuôn rơi. Gió thổi qua những cụm lá mệt mỏi va nhau thành tiếng kinh rợn. Cành cây vặn vẹo như những cánh tay ma quái, và những đám nước bị từng cơn gió đột ngột quất, cứ nức nở. Cảnh vật nước Nam, lồng trong cây cỏ um tùm, vốn tươi vui và thơ mộng thế dưới ánh trăng, nay buồn thảm lạ lùng. Cơn hấp hối đang chơi vơi khắp. Tai ương lảng vảng đâu đây.

Ánh sáng lừ đừ của những cây nến thơm chấp chới, đầu ngọn bấc cong queo, hắt lên những cây cột sơn mài nhẵn bóng trong cung điện những bóng đen lung lay và những con mắt hấp háy. Bọn quan hoạn lim dim uể oải trên chiếc chiếu trải dưới đất ở một góc nhà. Như cảm thấy được có im lặng đang bò lê.

Trống canh vừa điểm ba tiếng. Tùng, tùng, tùng! Các anh là người phương Tây, các anh chẳng hiểu thế là thế nào cả, hử? Tùng, tùng, tùng! Nhân nó lên năm, thế là ba giờ của các anh đấy! Đây là thời khắc ban đêm lúc lương tri cất cao tiếng. Lúc các đống mả khạc ra những kẻ nằm bên trong, họ lìa khỏi những tấm liệm he hé mở, để ra ngoài đi dò đi dẫm, cất lên tiếng rú hoan lạc. Lúc đầu óc con người đầy dẫy những bóng hình mộng mị. Tùng, tùng, tùng! Nhân nó lên ba, thì ấy là con số chín, con số tận cùng trong những con số chẳng thể chia cũng chẳng thể nhân, mà theo vua Phục Hi thì nó biểu hiện sự suy đốn của một sinh linh được coi như cùng tột (*dương cửu*). [1]

---

1. Nguyên bản viết "*giương cửu*", vì tác giả muốn bạn đọc Pháp đọc được gần âm Việt Nam hơn. Nếu viết "dương cửu" thì bạn đọc người Pháp sẽ đọc như ta đọc "đương cứu" (d ở tiếng Pháp đọc như đ). *Dương cửu*, một quẻ trong *Kinh Dịch*, biểu hiện mức cao nhất mà một con người hoặc một sự vật có thể tiến tới được và từ điểm này trở đi nó sẽ xuống dốc (khái niệm thuộc vũ trụ quan siêu hình huyền bí Trung Quốc cổ, sau thường gắn với mê tín về tướng số).

Phục Hi: vua thần thoại Trung Quốc cổ sơ, được coi là thủy tổ của vũ trụ quan nói trên.

Đó chính là lúc Thiên tử nằm mơ, Ngài mơ thấy những con rồng chạm trên tủ, bàn bỗng biến động, hóa thành những con rắn gớm ghiếc, mở thao láo những con mắt đỏ ngầu tia máu. Còn những con *phụng hoàng*,[1] giống chim tượng trưng cho uy quyền vua chúa, thì vươn chiếc cổ dài ngoẳng tua tủa lông, quệt mỏ xòe cánh, y hệt đám gà trống cáu kỉnh, đáng ghét. Mọi vật bằng ngọc thạch, bằng châu báu, đều xỉn đi, xám xịt lại. Tất cả cứ từ từ quay tròn, và tan dần, tan dần. Rồi một bóng ma trùm khăn, trăng trắng hiện lên. Nhà vua kinh hoàng run lên lập cập, vì không phải vua chúa nào cũng đều can đảm như Hămlét, [2] và thông minh như thế thì lại càng không. Ngài muốn kéo chiếu che mặt, mà không được.

Đường bệ và giận dữ, bóng ma nói với vị chủ hoàng cung thế này:

– "Mi có nhận ra ta không, đứa con khốn khổ kia ơi! Ta là một trong những người khai sáng nước Nam tươi đẹp này đây. Ta là Trưng Trắc, năm 39 [3] đã cùng em gái ta là Trưng Nhị và đồng bào đánh đuổi bọn xâm lăng, trả thù chồng, giải thoát quê hương. Đừng có run lên như thế, con ơi! Mà phải lắng tai nghe lấy lời mẹ bảo! Chẳng hay mi có biết rằng, theo tập tục nghìn năm của nước Nam ta xưa cũ thì Hoàng đế là chịu mệnh trời để trị dân, vì thế mà được coi là con của trời, cha mẹ của dân?

Vua muốn xứng với lòng trời và làm tròn nhiệm vụ chí tôn của mình thì phải chịu khổ trước dân và chia sướng sau dân. Vua phải tuân lệnh trời, mà tiếng dân chính là truyền lại ý trời. Bằng không thì ấy là trời đoạn tuyệt, tổ tiên từ bỏ, nhân dân ruồng rẫy.

Giở sử đất nước ra mà xem, mi sẽ thấy tổ tiên đã treo bao tấm gương đạo đức và dũng cảm, chí khí và tự tôn. Lý Bôn (544), [4] với một nhúm nghĩa sĩ, đã nổi dậy và bẻ gãy ách đô hộ của Hán tộc. Ngô Quyền 938 đã phá tan đạo quân nước ngoài kéo vào đánh chiếm đất đai Tổ quốc ta.

Dân ta sống trong hạnh phúc và thịnh vượng dưới triều nhà

---

1. Phụng hoàng được viết bằng tiếng Việt trong nguyên bản tiếng Pháp, với dạng đó (dạng thông thường hơn: phượng hoàng).

2. *Hămlét*: nhân vật chính trong vở kịch cùng tên của văn hào Anh Sếchxpia. Trong đoạn đầu của vở kịch, Hămlét, hoàng tử Đan Mạch, tiếp xúc với bóng ma vua cha hiện về đòi được con báo thù.

3. Đến năm 40, Bà Trưng chiến thắng và xưng là Trưng Vương.

4. *Lý Bôn*: tức Lý Bí, nổi dậy từ năm 542, và cuộc khởi nghĩa kéo dài trong nhiều năm.

Đinh. Năm 980,[1] Lê Đại Hành đã dũng cảm không chịu khuất phục trước yêu sách của láng giềng hùng mạnh hơn mình gấp bội, ông đã đánh thắng địch, giết chết tướng địch. Do đó đã giải thoát được đồng bào khỏi nạn nô dịch.

Quân Mông Cổ đi đến đâu phá sạch đấy, đã bị nhà Trần vẻ vang của chúng ta đánh bại (1225). [2] Lê Lợi đã hùng dũng đứng ra lãnh đạo cuộc cách mạng nước Nam đập tan chế độ tàn bạo và hạch sách mà những kẻ tự xưng là bảo hộ ta bắt ta chịu.

...

Thật là nhục nhã thậm tệ, thật là chán ngán ghê gớm, thật là cay đắng ê chề xiết bao cho các vị, nếu từ những tầng mây, tổ tiên mi phải trông thấy dân tộc mà các vị đã giành được tự do nay chịu phận nô lệ, đất nước đã được các vị giải thoát nay lâm vào cảnh nô dịch, kẻ kế tục ngai vàng của các vị nay sống trong ươn hèn.

Mặc dầu lễ nghi không cho phép các vị nguyên thủ nước ta rời khỏi cung cấm, thế nhưng chúng ta vẫn phải đau buồn nhận thấy rằng vẫn có những bậc quân trưởng phải lưu vong.

Năm 1407, Tàu đánh nhau với ta; nhờ ý chí độc lập và lòng khát khao tự do hơn là nhờ quân đông sức mạnh, nước Nam đã thắng. Chinh chiến lúc đó thế là lại bắt đầu. Giặc biết rằng không khuất phục được ta bằng uy lực, đã dùng chiến tranh hao mòn. Trần Đế Quỹ [3] đã lãnh đạo dân Nam đoạt được thắng lợi, sau thấy dân cùng kiệt, đói khát, máu đổ xương rơi. Ông biết rằng giặc chỉ muốn hại mình ông, và chúng bắt được ông rồi thì dân Nam sẽ được yên ổn. Vì vậy ông ra nộp mình; ông nộp mình để dân ông đỡ hao tổn sinh linh, xương máu. Bị cầm tù giải đi, ông nhảy xuống sông tự tử. Ông thà chết vinh chứ không sống nhục. Ngày nay, mỗi buổi mặt trời mọc lên lặn xuống, muôn nghìn ánh hào quang vàng óng quây trên dòng sông trong nước bạc long lanh, tạo nên đài kỷ niệm vĩnh cửu cho linh hồn bất diệt của con người chiến bại vĩ đại đó.

.....

1. Đến năm 981, Lê Đại Hành thắng ở cả Chi Lăng và Bạch Đằng.

2. Năm 1225, nhà Trần chiến thắng giặc Nguyên Mông trong keo đầu.

3. Trần Đế Quỹ (tức Trần Quỹ hay Trần Ngỗi) đã cùng Trần Quý Khoáng, cũng là dòng dõi nhà Trần, nối tiếp nhau lãnh đạo kháng chiến chống quân Minh từ năm 1407 đến năm 1414. Cả hai người lần lượt bị bắt. Trần Ngỗi đã bị giết và Trần Quý Khoáng đã nhảy xuống sông tự tử.

Tiếp đó là Hàm Nghi, Thành Thái và Duy Tân – người ở ngôi ngay trước mi. Chính những kẻ xưng xưng là tôn trọng phong tục, luật lệ nước ta đã đày ải ba vị và mai đây sẽ dùng mi làm món đồ rao hàng thuộc địa, cổ động đế quốc. Có thấy không, con! Chẳng thể bao giờ trong niên giám nước mi lại có một vua Nam nào chịu làm tôi tớ đến như mi, lại có một cuộc ngự giá tuần du nào thảm hại đến mức này. Trước đây, mi đã từng phạm tội báng bổ là bệ lên bàn thờ linh thiêng của ông vải hình ảnh ghê tởm của thằng da trắng ngái ngủ và bụng phệ nọ, nó sặc lên mùi tỏi, ớn mùi thây ma. Tại sao, ừ, tại sao mi lại làm thế? Nay mi lại sắp lẩn xa tôn miếu. Tay mi sẽ không thắp hương vào những tiết đầu xuân, đầu thu nữa. Mi sẽ không tự tay mó hương án, dâng hoa quả đầu mùa và cúng cơm mới nữa. Vẫn hay, con ạ! Rằng tất cả những cái ấy chẳng qua đều là nghi lễ cổ hủ; nhưng mi cũng thừa biết rằng chỉ còn độc nghĩa vụ đó là mi còn làm được với tổ tiên và mi cũng chỉ còn độc cái uy tín đó mà thôi trước mắt thần dân.

Giờ thì mi lại sắp làm tệ hại hơn nữa. Mi sắp ca ngợi công đức của những đứa bóc lột và hiếp đáp dân mi. Mi sắp phô trương sự thịnh vượng của đất nước mi, cái thịnh vượng được sắp đặt đâu ra đấy trong trí tưởng tượng quá giàu của bọn bóc lột. Mi sắp tâng bốc công ơn vô ngần và tưởng tượng của nền văn minh đã thâm nhập sơn hà xã tắc của mi bằng mũi nhọn của lưỡi lê và bằng họng súng ca nông.

Ôi, nhìn, hãy nhìn nào, đứa con thảm thương kia ơi! Hãy nhìn quanh mi! Thấy chăng Trung Hoa đang thức tỉnh, Nhật Bản đang duy tân...? Thấy chăng toàn cầu đang tiến, chỉ có dân mi là, nhờ mi và lũ quan thượng của mi, cứ phải chìm ngập mãi trong vũng lầy dốt nát và tôi đòi khốn nạn?

Hãy nhìn Triều Tiên, Ai Cập và Ấn Độ, tất cả các nước đó đều đang đứng lên đòi hỏi quyền lợi, công lý và tự do!

Chính giữa lúc đó thì mi... Im... Nghe kìa! Nghe thấy chăng... Nghe thấy chăng những tiếng kêu gào...? A! Người ta đến kia kìa, đông quá, tất cả những người dân nước Nam đã bị thiệt mạng cho cuộc chiến tranh ở châu Âu. Người ta đến đòi những gì mà bọn quan thầy mi đã cùng mi hứa hẹn với người ta, anh em người ta. Trả lời người ta đi nào! A! Người ta giận dữ, người ta bỏ đi.

Bây giờ thì người ta quay lưng đi rồi, người ta đang đi đến phía

đằng kia. Có thấy người ta không? Đằng kia ấy, nơi mặt trời đang mọc huy hoàng khôn xiết, nơi tung bay kiêu hãnh lá cờ Nhân đạo và Lao động. Đấy! Chính đấy là nơi yên nghỉ tâm linh những người đã khuất, là tương lai của dân tộc mà mi đã phụng sự chẳng ra gì!

Gà sắp gáy sáng. Sao Bắc đẩu tiến ngang trời. Nhạc tiên đang giục giã ta. Thôi, chào!"

Mồ hôi nhớp nháp đẫm trán vị chúa thượng đang ngủ. Ngài muốn kêu lên. Nhưng không kêu được. Lưỡi ngài líu lại vì sợ.

Một quan hoạn bước vào, khom khom cái lưng ba lần, rồi the thé cái giọng đàn bà:

– Ngai Dưới! [1] Đã có lệnh lên đường của Tòa Khâm truyền sang rồi đấy ạ!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 24-6-1922.
Bản dịch: Phạm Huy Thông *Truyện và ký*,
Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 17.

NHỮNG KẺ ĐI KHAI HÓA

Dưới đầu đề *Bọn kẻ cướp ở thuộc địa*, đồng chí Vichto Mêrích đã thuật lại cho chúng ta nghe sự độc ác không thể tưởng tượng được của một viên quan cai trị thuộc địa nọ đã đổ nhựa cao su vào bộ phận sinh dục của một người phụ nữ da đen khốn khổ. Sau đó, hắn bắt chị phải đội một tảng đá lớn đứng phơi nắng cho đến chết.

Tên công chức dâm bạo đó hiện đang tiếp tục những "thành tích" của hắn trong một tỉnh khác với chức vị cũ.

Khốn thay, những việc bỉ ổi như vậy lại không hiếm gì ở cái nơi mà báo chí của các nhà cầm quyền thường gọi là "nước Pháp hải ngoại"!

Hồi tháng 3-1922, một nhân viên nhà đoan Bà Rịa (Nam Kỳ) đã

1. Chơi chữ. Ở đây tác giả dịch sát từng chữ của từ "Bệ hạ" sang tiếng Pháp. *Hạ* (dưới) là "sous" thì lại cũng có nghĩa là những đồng xu, đồng hào. Vậy ở đây có thể hiểu *Ngai Dưới*, cũng có thể hiểu *Ngai Xu – Ngai Dưới* ngụ ý là ngồi ở ngai vua bù nhìn để kiếm xu. Chuyển sang bản dịch tiếng Việt chỉ được phần nào ý đùa cợt và châm chọc.

đánh gần chết một phụ nữ Việt Nam làm nghề gánh muối, lấy cớ rằng người này đã làm mất giấc ngủ trưa của hắn, vì làm ồn ào ngoài hiên nhà hắn ở.

Hay ho nữa là người đàn bà này còn bị dọa đuổi khỏi nơi làm việc nếu bà thưa kiện gì.

Hồi tháng 4, một nhân viên nhà đoan khác đến thay cũng thật xứng đáng với tên trước vì những hành động tàn ác của hắn.

Một bà cụ người Việt Nam, cũng làm nghề gánh muối, vì bị khấu lương nên cãi nhau với mụ cai. Mụ cai đến thưa với viên đoan. Viên này chẳng xét xử gì cả, tát bà cụ thợ muối hai cái thật mạnh, và khi bà cụ già đáng thương cúi xuống để nhặt nón, thì vị đi khai hóa ấy, chưa vừa lòng với trận bạt tai mà hắn vừa trừng phạt bà cụ, liền đá một cái rất mạnh vào bụng bà cụ, khiến cho máu ộc ngay ra lênh láng.

Khi bà cụ người Việt Nam đáng thương bị ngã quay xuống đất, đáng lẽ phải cấp cứu cho bà, thì người cộng tác viên của ông Xarô ấy lại cho gọi lý trưởng đến và ra lệnh cho lý trưởng đem người bị thương đi nơi khác. Lý trưởng từ chối không làm. Viên đoan liền cho gọi chồng người bị nạn đến, – *ông này là một người mù*, – ra lệnh bắt ông phải đem vợ đi. Hiện nay bà cụ già đáng thương đó đang ở nhà thương.

Bạn có muốn đánh cuộc rằng hai ông đoan của chúng ta ở Nam Kỳ cũng như bạn đồng nghiệp của họ là vị quan cai trị nọ ở châu Phi, có bị làm rày rà gì không? Họ hẳn đã được thăng chức nữa kia đấy. [1]

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1-7-1922.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 19.

1.Dưới bài báo này, có mấy dòng chữ sau đây:

"Đồng chí Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc, yêu cầu những đồng chí nào đã được Đồng chí ấy gửi báo *Người cùng khổ* trong dịp ngày lễ Gácsơ, hãy viết thư về cho Đồng chí ấy, số 9, Nhà in Côngpoăng (17[a]).

THÙ GHÉT CHỦNG TỘC

Vì nói đến đấu tranh giai cấp và quyền bình đẳng giữa con người mà đồng chí Luydông [1] của chúng ta bị kết án là đã tuyên truyền thù ghét chủng tộc. Vậy ta hãy xem tình yêu thương giữa các chủng tộc đã được quan niệm và thực hiện ở Đông Dương như thế nào trong thời gian gần đây.

Hôm nay, chúng ta sẽ không nói đến tội ác của Chính phủ thực dân là dùng rượu và thuốc phiện để đầu độc quần chúng và làm cho họ ngu muội đi. Việc ấy các đồng chí chúng ta trong Đảng đoàn Nghị sĩ tất là sẽ có ngày bàn đến.

Mọi người đều biết rõ những thành tích "lớn lao" của tên quan cai trị sát nhân Đáclơ.[2] Tuy nhiên, đâu có phải chỉ mình hắn mới có những thủ đoạn tàn ác đối với người bản xứ như thế.

Một gã tên là Puốcxinhông đã hùng hổ nhảy ra đánh một người Việt Nam chỉ vì người này dám tò mò và cả gan nhìn ngôi nhà của người Âu trong mấy giây đồng hồ. Hắn đánh anh và cuối cùng bắn một phát súng lục vào đầu anh.

Một nhân viên Sở Hỏa xa, đã dùng roi mây đánh một người Lý trưởng Bắc Kỳ.

Ông Béc đấm vỡ sọ người lái xe cho ông ta.

Ông thầu khoán Bơrét, sau khi cho chó cắn một người Việt Nam, đã trói tay người này lại, đá cho đến chết.

Ông Dépphi, chủ sở thuế đã giết chết người đầy tớ người Việt Nam của ông ta bằng một cái đá hết sức mạnh vào mạng mỡ.

Ông Hăngri, thợ máy ở Hải Phòng, nghe ngoài phố có tiếng ồn ào; cửa nhà ông vừa mở thì một người đàn bà Việt Nam chạy xộc vào, sau lưng có một người đàn ông đuổi theo. Hăngri tưởng là một người

---

1. *Luydông* (Luzon): đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, theo dõi về vấn đề thuộc địa.

2. *Đáclơ* (Darles): một tên Công sứ Pháp ở Đông Dương, khét tiếng tàn ác. Tháng 8-1917, nhân dân tỉnh Thái Nguyên căm phẫn vì những sự độc ác của hắn cho nên đã khởi nghĩa. Viên Toàn quyền Đông Dương là Anbe Xarô phải đổi hắn đi nơi khác, nhưng lại là một nơi "tốt" hơn.

bắn xứ đang đuổi một *con gái*, liền vớ lấy khẩu súng săn, nổ một phát. Người đàn ông ngã vật xuống chết ngay. Người đó là một người Âu. Hỏi thì Hăngri trả lời: "Tôi tưởng lầm là một người bản xứ"!

Một người Pháp buộc ngựa của mình vào một cái chuồng trong đó đã có sẵn con ngựa cái của một người bản xứ. Con ngựa đực nhảy chồm lên, làm cho người Pháp tức điên ruột. Ông ta đánh người bản xứ hộc cả máu mồm máu mũi, rồi đem trói lại, treo lên cầu thang.

Một nhà truyền giáo (Phải rồi! Một vị linh mục nhân từ) nghi một học sinh trường thầy dòng người bản xứ ăn cắp của mình 1000 đồng, ông ta trói người học sinh này lại, treo lên xà nhà, tra khảo. Người học sinh đáng thương ấy ngất đi. Họ hạ anh xuống, khi anh hồi tỉnh, họ lại treo lên tra khảo. Anh đã gần chết. Có lẽ hôm nay thì chết rồi!

Vân vân, vân vân.

Tòa án có trừng phạt những tên đó, những con người đi "khai hóa" đó hay không?

Có tên thì trắng án, có tên thì không ai đụng đến lông chân. Sự tình là như vậy. Ấy thế mà bây giờ thì:

– Bị cáo Luydông, đến lượt anh nói đi!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1-7-1922.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 21.

CON NGƯỜI BIẾT MÙI HUN KHÓI

Xin tặng Nahông [1], người đã bị quân phiệt thực dân ám hại, bài ký này.

"Chính cuộc chinh phục hệ thống thuộc địa đã rèn luyện tài năng chiến đấu của một số đông những nhà chỉ huy quân sự lớn của ta, những con người đã đưa ta đến chiến thắng, đã được dư luận Pháp ca ngợi vinh quang và chiến công ngay khi mang lá cờ nước ta đến dưới những bầu trời Phi-Á.

ANBE XARÔ
Thượng thư Thuộc địa"

Hauxa [2], tháng giêng năm 1923.

Thành phố Hauxa cờ xí tưng bừng. Tưởng đâu như một vị chúa xuân đã gõ cây đũa thần lên gỗ ván khô khốc ở các bao lơn và các cửa sổ, làm mọc ra muôn vàn tấm lá đỏ phấp phới yêu kiều trước gió. Đây là lễ kỷ niệm lần thứ năm mươi ngày thành lập Cộng hòa Liên hiệp Phi. Chưa bao giờ dân chúng lại tham gia với mức độ ấy những hội hè loại này. Từ sáng sớm, các đường phố, các quảng trường y như một dòng sông người. Từng đoàn học sinh, giương cờ đi đầu, vừa diễu qua các phố vừa hát *Quốc tế ca*, được dân chúng vỗ tay hoan nghênh. Trên quảng trường Xô viết, một cụ già hô hào đám đông. Đó là cố Kimengô, mệnh danh là *Con người biết mùi hun khói*.

Cụ Kimengô tuổi đã chín mươi, là một cựu chiến sĩ của quân đội cách mạng, một trong những người sáng lập Cộng hòa Da đen. Được phú bẩm một trí thông minh đặc biệt sắc sảo, lại am hiểu tường tận

1. *Nahông*: một người lính thuộc địa đã bị một tên quan ba Pháp giết hại năm 1922 ở miền Đông Marốc. Tác giả đã tố cáo sự việc này trong cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*

2. *Hauxa*: tên một tộc người ở Tây Phi. Ở đấy, tác giả lấy tên đó đặt cho một thành phố tưởng tượng của châu Phi độc lập và thống nhất tương lai.

mọi sự kiện chính trị và xã hội của thời đại, cụ Kimengô không những ra sức thức tỉnh anh em cùng màu da ra khỏi giấc ngủ mê say của con người nô lệ, mà còn cố gắng phá tan mọi thành kiến dân tộc và chủng tộc, tập hợp những người bị bóc lột thuộc các màu da trong cuộc đấu 'tranh chung. Cụ đã thành công. Kimengô là một trong số hiếm những người đã chịu gian khổ lớn để gieo hạt và được hưởng hạnh phúc lớn gặt vụ mùa thắng lợi. Mái tóc cụ bạc phơ như tuyết, khuôn rực rỡ bộ mặt màu mun. Đôi mắt cụ hiền dịu và nhìn sâu thẳm. Miệng cụ luôn tươi cười, dù trước những nguy nan nghiêm trọng nhất hay trong những giờ phút đen tối nhất. Từ toàn bộ con người cụ toát ra nhân từ và cao quý. Cụ đáng tôn kính và được tôn kính.

Chúng tôi đến nơi thì cụ đã nói được nửa chừng, và đây là những lời mà chúng tôi nghe được:

"... Có những từ những ngữ mà người già các bác trước kia thường nghe thường nói thì nay không còn trong từ ngữ của các cháu nữa. Và thế là tốt. Bây giờ các bác nói đến tòa án, cảnh sát, quân đội, nhà tù, thuế khóa, thì các cháu chẳng mấy người hiểu cái đó là gì cả.

Thời bác thì nước Cộng hòa của chúng ta là thuộc địa Pháp. Trong nước, có người giàu và người nghèo. Người giàu là những kẻ hưởng tất cả, tuy gì cũng chẳng làm. Người nghèo là những kẻ gì cũng làm, mà chẳng được hưởng gì cả. Người nghèo phải chịu chết chóc cho người giàu khi nào bọn này bất hòa với nhau: cái đó gọi là thuế máu. Người nghèo làm ra được cái gì đều phải nộp cho người giàu: cái đó gọi là thuế tiền.

Vậy nhé, bọn tư bản da trắng lấy nước ta làm thuộc địa xong, nó bắt các bác phải nộp các thứ thuế, mặc dầu các bác nào có của nả gì đâu. Nộp thì không có gì để nộp; để khỏi bị hành hạ, các bác phải bỏ trốn vào rừng. Chúng nó đem chó và đem súng đuổi theo, các bác đành phải ẩn vào một cái hang, ngày nay gọi là hang Tuẫn Nạn.

Bọn bác hơn hai trăm mạng, đàn ông có, đàn bà có trẻ em có. Cứ tưởng rằng như thế là tạm yên thân, nên mặc dầu phải chịu ẩm, chịu tối, chịu đói, cực lắm, các bác có ý định cứ nán lại đó càng lâu càng hay, vì biết rằng bọn nó vẫn rình ở ngoài hang với súng ống. Hang tối như bưng, ngày cũng như đêm, bác chẳng biết đã ở trong đó bao lâu. Chẳng trông thấy gì hết, chẳng nghe thấy gì hết, trừ tiếng chó sủa dữ dội, xa xăm, nhắc nhở rằng tình thế vẫn hiểm nghèo.

Một ngày nọ, nói đúng hơn là một đêm nọ, các bác ngửi thấy có cái mùi khét lẹt tràn vào chỗ náu trong lòng đất. Mùi khét nặng lên nhanh và trở thành không chịu nổi. Gì thế? Chẳng ai biết... Trẻ nhỏ thì khóc, đàn bà thì la, đàn ông thì chửi. Hoảng loạn! Chạy đi ư? Nhưng chạy đâu chứ? Khủng khiếp quá! Tiếng răng lập cập, tiếng thét xé tai, tiếng nấc, tiếng thân người đổ xuống, tiếng khóc điên rồ, làm cho cái xó tối ám khói đó hệt như là một địa ngục.

Bấy giờ bác ở tận cuối hang. Bác theo bản năng nhắm mắt, ngậm miệng, áp mặt vào vách hang. Như thế cảm thấy dễ thở hơn và ngủ đi lúc nào không biết. Tỉnh dậy thì thấy có tia sáng chiếu chếch vào mặt, đấy là một kẽ hở qua đất, nhờ đó mà bác thở được và thoát chết. Bác nhắm đào một lối ra phía đó, nhưng chỉ mệt xác vô ích. Bác bèn quyết định thôi đành liều mạng cứ phía cửa hang mà ra. Quờ quạng và giẫm qua hai trăm xác chết hun mới trở lại được với khoảnh trời tự do.

Bác ăn cỏ, ăn rễ cây, đi lang thang hết làng này sang làng nọ; cuối cùng thì được bố của đồng chí người da trắng này thu nhận về nuôi như con. Ông đã dạy dỗ bác theo những nguyên tắc của tình hữu ái và của chủ nghĩa Cộng sản; ông cũng đã cho bác biết tên thằng da trắng vì muốn thu thuế mà đã hun các bác chết ngạt một cách man rợ như vậy.

Thằng hun khói, tên nó là Bruye, là đại diện của nước Pháp và là Công sứ ở Hauxa".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 20-7-1922. Bản dịch: Phạm Huy Thông *Truyện và ký*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 45.

"SỞ THÍCH ĐẶC BIỆT"

Từ khi đến Pari, Khải Định, Hoàng đế nước "An Nam" đã thành mục tiêu bao vây theo như thường lệ của một số bà buôn son bán phấn. Họ đã dâng lên Ngài Ngự nhiều bức thư nồng nàn tình tứ và nhiều tấm ảnh khêu gợi. Nhưng Khải Định vốn là bậc hiền triết! Ngài Ngự bèn truyền đem tất cả thư và ảnh ấy vứt vào sọt rác, và ai hỏi, Ngài cũng đều từ chối không trả lời gì hết.

Ông Anbe Xarô đã trả lời một mỹ nhân hỏi về việc đó như sau:

– Ấy, Hoàng thượng Ngài có những sở thích rất đặc biệt.

Bà này rất đỗi ngạc nhiên và muốn hỏi cặn kẽ thêm, nhưng ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã đánh trống lảng:

– Hoàng thượng Ngài chỉ thích đọc sách thôi.

Bà ta lại hỏi:

– Thế hiện giờ Hoàng thượng đang đọc gì?

Ông Anbe Xarô trả lời:

– Hoàng thượng đang đọc Platông.

(Báo Nghe lỏm)

Bảo rằng Hoàng đế Khải Định là bậc hiền triết, điều đó ta không nghi ngờ gì cả. Nhưng hiền triết thì cũng không phải là không cần lễ độ, và chúng tôi mạn phép kính tâu Hoàng thượng rằng cử chỉ của Hoàng thượng dù uy nghi đến đâu chăng nữa, nhưng vẫn hoàn toàn thiếu lịch sự. Riêng chỉ nghĩ rằng những bà lịch sự kia, vì ham chuộng những chuyện vua chúa mà bị khinh miệt một cách phũ phàng như thế, ắt không khỏi trút tất cả mối căm thù ghê gớm của các bà vào những thần dân của Hoàng thượng, là người ta cũng đã run lên rồi. Quan lớn Bộ trưởng vốn là một nhà có tài ăn nói. Ông lại rất am hiểu chữ nghĩa của nước ông. Thế mà câu ông trả lời mỹ nhân lại rất mập mờ. Ông dùng chữ "sở thích đặc biệt", thật ra là muốn nói gì nhỉ? Có phải ngẫu nhiên mà, mặc dầu vừa mới chân ướt chân ráo tới cái thành phố ánh sáng này, Đức Hoàng thượng rất ư thông

thái và đầy tâm hồn nghệ sĩ đã làm quen được ngay với một nghệ sĩ nổi tiếng và một thi sĩ lừng danh rồi chăng? Đặt câu hỏi như thế, chính là đã trả lời rồi đó. Sau khi mỹ nhân muốn hỏi cặn kẽ thêm, và sau khi Quan lớn Bộ trưởng đánh trống lảng, thì cái câu nói mập mờ rất hùng biện kia vẫn còn tiếp tục thêm rằng: tuy trong chữ *Théétète* là có chữ *Thé* [1] (như Víchto Huygô từng nói), chúng ta vẫn không tin rằng Hoàng thượng lại hạ cố đến những tác phẩm của người thầy học của Arixtốt, vì Hoàng thượng vẫn luôn luôn phải có người thông ngôn mới hiểu được tiếng Pháp (và cả tiếng Hy Lạp nữa) kia mà. Cho nên khi ông Bộ trưởng nói rằng Hoàng thượng hiện đang đọc Platông là ông chưa nói hết cái chữ mà ông định nói: chắc là ông định nói chữ "Platô... ních" [2] đấy mà.

Amicus Plato, sed magis amica veritas. [3]

Và chúng tôi xin trả lời:

"Ông bạn Platông ơi, Hoàng thượng Ngài chỉ thích xem thôi".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1-8-1922, Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 26

---

1. Théétète: tên một bài đối thoại của Platông bàn về tri thức và cơ sở của tri thức. Tác phẩm này được Platông viết vào khoảng năm 369 trước Công nguyên. Tác giả viết câu này để nói ý rằng chữ "platông" đang còn dở vần.

2. Platônich (platonique): ở đây tác giả dụng ý nhắc tới danh từ "amour platonique". "Amour platonique" có nghĩa là tình yêu theo kiểu Platông (Platon). Nhà triết học Hy Lạp cổ đại này có bàn về một thứ tình yêu cao thượng, nam và nữ yêu nhau trong sự hòa đồng vào tinh thần thượng đế, đó là một thứ tình yêu kiểu Platông, người ta hiểu là tình yêu không có sinh lý. Ở đây tác giả dùng từ này có ngụ ý châm biếm là Khải Định đã bị bất lực về sinh lý (vì đã quá trác táng).

3. Cả câu này nghĩa là: *Tôi rất quý Platông, nhưng đối với tôi, sự thật còn quý hơn nhiều.* Đây là một câu châm ngôn rút trong tác phẩm của Ammonius nhan đề là *Cuộc đời của Arixtốt.*


le Paria
Tribune du Prolétariat Colonial
Indochine et Pacifique

Báo Người cùng khổ *(do đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập) số 24 (1925).*
Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam.

KHAI HÓA GIẾT NGƯỜI

Cũng trên mục diễn đàn này, gần đây chúng tôi đã nêu lên một loạt những vụ giết người mà thủ phạm là những kẻ đi "khai hóa" chúng ta, [1] nhưng vẫn không bị trừng phạt. Than ôi! Quyển sổ đoạn trường ấy cứ mỗi ngày một dài thêm, thật là đau xót.

Lại mới đây thôi, một người Việt Nam, trạc 50 tuổi, làm công cho Sở Xe lửa Nam Kỳ đã 25 năm nay, bị một viên chức người da trắng giết. Sự việc như sau:

Anh Lê Văn Tài điều khiển bốn người Việt Nam khác làm việc dưới quyền mình. Phận sự của họ là đóng cầu mỗi khi có xe lửa đi qua và mở cầu cho tàu bè qua lại. Theo lệnh đã quy định thì phải

1. Có lẽ tác giả muốn nhắc đến bài *Những kẻ đi khai hóa* và bài *Thù ghét chủng tộc* cùng đăng trên báo *Người cùng khổ* số ra ngày 1-7-1922.

đóng cầu 10 phút trước khi xe lửa đi qua.

Ngày 2 tháng Tư, hồi 16 giờ 30, một người trong bọn họ mới đóng cầu và hạ tín hiệu xuống, vừa lúc *một chiếc thuyền máy công* đi đến, *trên thuyền chở một viên chức của Sở Ba Son* [1] đi săn về. Chiếc thuyền máy kéo còi lên. Nhân viên người bản xứ liền ra đứng giữa cầu, phất cờ đỏ báo cho những người trên thuyền máy biết rằng xe lửa sắp chạy qua và do đó cầu đã đóng rồi. Và sau đây là câu chuyện đã xảy ra: chiếc thuyền máy ghé sát vào trụ cầu. Người viên chức Pháp liền nhảy lên bờ và hầm hầm tiến về phía người Việt Nam. Anh này khôn ngoan chạy trốn về phía nhà ông Tài là "xếp" của mình. Người viên chức kia đuổi theo, lấy đá ném anh ta. Nghe có tiếng ồn ào, Tài liền chạy ra đón vị đại diện của nền "văn minh", viên này mắng ngay: "Đồ súc vật, tại sao mày không mở ra?" Vốn không biết tiếng Pháp, Tài chỉ còn biết trả lời bằng cách trỏ vào cái tín hiệu đỏ. Cử chỉ đơn giản ấy làm cho ông cộng tác viên của ngài Long [2] nổi xung lên. Không phân phải trái gì, ông ta nhảy xổ vào Tài và *sau khi đã "khiền cho một trận", còn đẩy anh vào một đống than hồng ở gần đó.*

Người Việt Nam gác cầu ấy bị bỏng một cách rùng rợn, được chở đến nhà thương, và sau sáu hôm cực kỳ đau đớn, anh đã mất tại nhà thương.

Người viên chức kia vẫn được vô sự, không có gì phải lo lắng cả. Trong lúc ở Mácxây, người ta triển lãm cảnh phồn thịnh giả tạo của xứ Đông Dương thì ở Việt Nam đang có những người bị chết đói. Ở bên này người ta ca tụng lòng trung thành, thì ở bên kia người ta đang giết người! Như vậy nghĩa là thế nào, hỡi Đấng chí tôn Khải Định và Cụ lớn Xarô?

NGUYỄN ÁI QUỐC

T.B. – Trong khi tính mệnh của một người Việt Nam bị xem như thân con chó, không đáng giá một đồng trinh, thì Ngài Tổng thanh tra Rêna (Reinhart), bị sướt có một chút da ở cánh tay mà được lĩnh 120.000 frăng tiền bồi thường. Ôi, bình đẳng! Bình đẳng quý hóa thay!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1-8-1922. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 24.

---

1. *Arsenal de la Marine:* xưởng hải quân ở Sài Gòn.
2. *Maurice Long:* Toàn quyền Đông Dương.

LÁ THƯ NGỎ GỬI ÔNG ANBE XARÔ, BỘ TRƯỞNG BỘ THUỘC ĐỊA

Thưa Ngài,

Chúng tôi hoàn toàn hiểu rõ rằng, đối với dân bản xứ ở thuộc địa nói chung và đối với dân Việt Nam nói riêng, lòng thương yêu của Ngài thật là bao la rộng rãi.

Dưới quyền cai trị của Ngài, dân tộc Việt Nam đã được hưởng phồn vinh thật sự và hạnh phúc thật sự, hạnh phúc được thấy nhan nhản khắp trong nước, đâu đâu cũng có những ty rượu và ty thuốc phiện song song với những sự bắn giết hàng loạt và nhà tù, nền dân chủ và tất cả bộ máy tinh vi của nền văn minh hiện đại, đã làm cho người Việt Nam tiến bộ nhất châu Á và sung sướng nhất trần đời.

Hành động nhân ái ấy cũng đủ để chúng tôi không cần nhắc lại tất cả những hành động khác như: bắt lính và bắt mua công trái, đàn áp đẫm máu, truất ngôi và đày biệt xứ một ông vua, xâm phạm và làm ô uế những nơi thờ phụng, v.v...

Thật đúng như câu thơ chữ Hán đã tả: *Gió âu yếm thổi chiều quạt phẩy, Mưa nghĩa nhân đón vết xe lăn.*

Được nắm quyền tối cao cai quản các thuộc địa, danh vọng của Ngài càng cao bao nhiêu thì sự quan tâm đặc biệt của Ngài đối với những người Đông Dương càng tăng lên bấy nhiêu. Ngài đã cho thiết lập ngay ở Pari một cơ quan đặc trách để theo dõi những người bản xứ cư trú trên đất Pháp, đặc biệt là theo dõi những người Đông Dương, như một tờ báo thuộc địa đã nói rõ.

Nhưng chỉ "theo dõi" không thôi thì thấy hình như chưa xứng với tấm lòng thương yêu của Ngài như bậc cha mẹ, nên Ngài còn muốn gia ơn hơn nữa. Vì vậy mà gần đây, Ngài đã ban cho mỗi người Việt Nam – người Việt Nam yêu quý, như ngài thường nói – nhiều người "hầu cận" đặc biệt. Tuy những người này còn ấu trĩ trong việc theo dõi nghệ thuật của Séclốc Honmét,[1] nhưng họ cũng đã tỏ ra rất tận

1. Séclốc Honmét (Sherlock Holmes): nhân vật chính trong tiểu thuyết trinh thám của Conan Doyle, và thường được dùng để chỉ những thám tử lành nghề.

tụy và rất đáng yêu. Chúng tôi chỉ còn biết khen ngợi họ và ca tụng người cầm đầu họ là Ngài.

Chúng tôi thành thật lấy làm cảm động được Ngài dành cho vinh dự đó, và chúng tôi có lẽ sẽ tiếp nhận vinh dự đó với tấm lòng biết ơn sâu sắc nhất, nếu vinh dự ấy đối với chúng tôi xét ra không phải là có hơi thừa, và không gây ra những sự ghen tỵ và suy bì.

Trong lúc Nghị viện đang tìm cách tiết kiệm chi tiêu, hạn chế số nhân viên các cơ quan hành chính; trong lúc ngân sách bị hao hụt nhiều, nông nghiệp và công nghiệp thiếu nhân công; trong lúc phải hạn chế tiền lương của nhân dân lao động và trong lúc việc phục hồi dân số đòi hỏi phải sử dụng mọi năng lực vào việc sản xuất – trong lúc như thế, chúng tôi lại cứ tiếp nhận những đặc ân riêng cho cá nhân mình, gây ra lãng phí sức lực của những người "hầu cận" nói trên, và gây sự tiêu phí tiền bạc mà giai cấp vô sản đã đổ mồ hôi sôi nước mắt mới kiếm ra được – thì quả là không yêu nước tý nào.

Vì vậy, tuy rằng vẫn là kẻ đội ơn Ngài, chúng tôi cũng trân trọng xin Ngài miễn cho cái đặc ân ấy, đối với chúng tôi thì nó quý hóa thật, nhưng đối với cả nước nhà thì lại là một sự lãng phí.

Nếu Ngài nhất thiết cần biết hằng ngày chúng tôi làm gì thì rất dễ thôi: cứ mỗi buổi sáng, chúng tôi sẽ phát hành một bản tin về sự hoạt động của chúng tôi và Ngài chỉ việc đọc là biết.

Vả lại, thời khóa biểu của chúng tôi rất giản đơn và hầu như cố định:

Sáng: làm việc ở xưởng máy từ 8 đến 12 giờ.

Chiều: ở phòng báo chí (dĩ nhiên là báo của phái tả), hoặc ở thư viện.

Tối: ở nhà riêng, hoặc dự những buổi nói chuyện bổ ích.

Chủ nhật và ngày lễ: thăm nhà bảo tàng hay những nơi bổ ích khác.

Chỉ có thế thôi đấy!

Hy vọng rằng cách này vừa tiện vừa hợp lý có thể làm Ngài hài lòng được, chúng tôi xin kính gửi Ngài, v.v...

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1-8-1922. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 31.

ĐỒNG TÂM NHẤT TRÍ

– Đi chợ nào đấy, anh Hai?

– Đi chợ Đông. Thế còn anh, anh Ba?

– Tôi cũng vậy. Thế có món hàng gì quý trong đôi thúng bảnh ấy thế?

– Vàng mã cúng ông vải ạ. Còn anh, anh có cái gì hay hay cho khách hàng nào?

– Trầu non để làm thơm và để nhuộm hồng miệng xinh của các chị chàng đẹp đấy.

Thế rồi hai anh bán hàng bặt im. Mặt trời đứng bóng chiếu ướt đẫm những bắp tay bắp chân lực lưỡng gần như để trần của hai anh. Bốn chiếc thúng nặng nề đung đưa ở đầu hai đòn gánh tre đặt ngang trên vai cháy nắng. Bụi cuốn lên quanh bước chân thoăn thoắt thành một thứ màn sương, làm cho mọi cử động của hai anh mờ ảo và nhìn xa lại còn có vẻ mỹ thuật là khác.

– Nghe này, người anh em! Ba nói.

– Tai tôi đang lắng nghe lời anh dạy. Hai đáp.

– Hai ta cùng đi một chợ này, theo cùng một con đường này, lại có cùng một mục đích – là bán hết hàng, cùng một chí hướng – là làm ăn lương thiện kiếm miếng cơm. Phải thế không nào?

– Anh nói muôn nghìn lần đúng.

– Thế có muốn hai ta kết làm anh em không? Có muốn hai ta cùng nhau giao ước thất tình hữu ái, và, ngay từ hôm nay, khuyên bảo lẫn nhau, thấy đây làm gì thì đó làm theo, mà đó đã bảo gì thì đây cũng làm y; nói tóm lại, là giữa hai ta có sự đồng tâm nhất trí.

– Anh dạy thật là chí lý, xin vâng theo.

– Thế thì, nào! Chú mày, đường còn xa, chúng ta hãy thay phiên nhau hát, cho đôi cánh bổng trầm nén cơn mệt mỏi nhé!

– Ông anh hát trước đi!

– Kon-mèo trèo lên cay cAU,
Hỏi thăm kon-chuột đi dÂU vắng nhà?

Thưa rằng đi chợ đường xA
Mua đồ vật liệu giỗ chA kon-mèo. [1]

– Khôn ngoan hơn cường bạo, kẻ yếu thì chỉ có cách đó để tự vệ. Hai nói, ra vẻ hiền triết lắm. Rồi, giọng u sầu, anh ngân nga:

Trông lên hòn núi Thiên ThAI,
Thấy bầy chim quạ ăn xoÀI chín cây. [2]

– Bài chú hát, sao nghe buồn quá! Nhưng mà sự thật là thế. Ở đâu cũng cứ thấy cái giống chim chóc [3] biếng lười, nó chẳng chịu làm lụng gì cả, chuyên bòn cái của người khác làm ra mà ăn. Mà ơ này! Dòng sông có cát mịn, có làn nước trong veo, đây rồi! Nhớ nhúng đôi thúng xuống cho hàng thêm tươi tốt lúc qua sông.

Một lời đã hứa, Hai, anh bán đồ giấy, làm theo không chối cãi. Qua khỏi con sông, anh bảo Ba:

– Ánh sáng là mẹ của mọi sự tốt lành, mà mặt trời thì lại là cha của ánh sáng. Vậy, anh à! Ta hãy phơi hàng một lát dưới ánh mặt trời tốt lành cho hàng lên màu, khách mua thêm hài lòng, ta bán được giá hời.

Vừa nói, Hai vừa bày chỗ hàng bằng giấy bồi của mình lên ven đường nóng bỏng, rồi đến nghỉ dưới bóng cây.

Một lời đã hứa, Ba, anh bán trầu không, làm theo không chối cãi.

NGUYỄN ÁI QUỐC

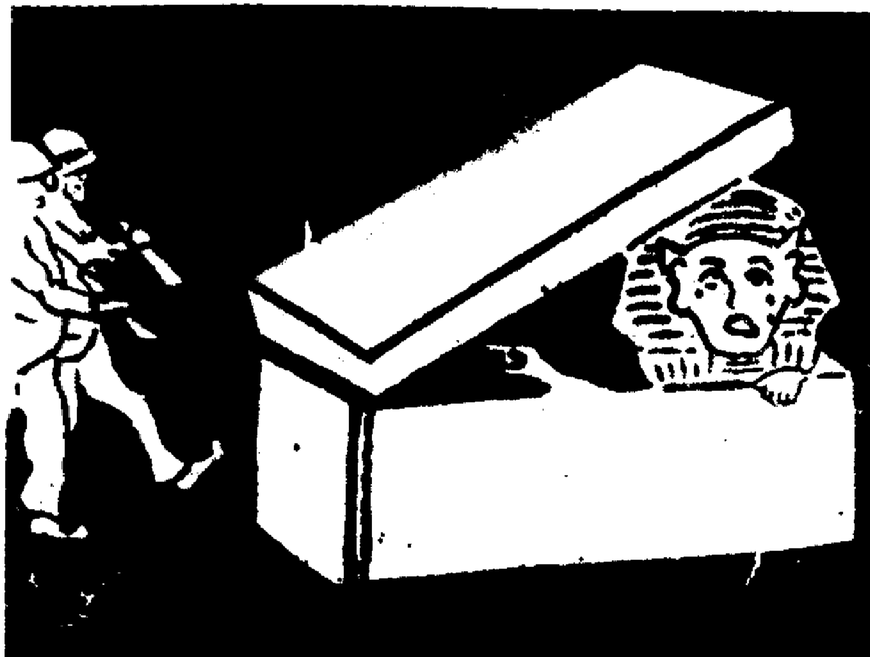
Báo *Nhân đạo*, ngày 29-9-1922. Bản dịch: Phạm Huy Thông, *Tác phẩm mới*, số 58, 2-1976, tr. 1.

1,2. Nguyên bản tiếng Pháp có trình bày những bài hát dân gian này bằng tiếng Việt, kèm theo bản dịch sang tiếng Pháp, bản thân cách dịch đã ít nhiều giải thích ý nghĩa hàm ở trong. Dịch sát nghĩa và thoát, nhưng có thêm thắt đôi chữ giúp độc giả phương Tây lĩnh hội được dễ dàng và chính xác hơn ý tứ của những bài hát: *Seigneur* Chat, *vilains* corbeau, v.v... (gọi mèo bằng *Chúa*, chỉ quạ là *xấu xa*, v.v...).

Tác giả lại còn nhân dịp giới thiệu nhẹ nhàng cả vài đặc điểm hình thức của thơ ca Việt, như viết bằng chữ cái cho nổi lên những vần bộ ba ở chân và ở lưng những câu lục bát đã sử dụng, v.v...

Tác giả thường dùng chữ *k* thay chữ *c* với dụng ý cải tiến chữ quốc ngữ. Riêng ở đây, không phải thế, vì *cây, cau*, vốn viết chữ *c*. Ở đây tác giả ý nhị muốn tránh mọi liên tưởng bất tiện trong tiếng Pháp, khi dùng có dụng ý chữ *k* để viết *con*, đồng thời gạch nối trong "*con mèo*", "*con chuột*", để chỉ rõ *con* ở đây không có nghĩa riêng (*con* có nghĩa tục tĩu trong tiếng Pháp).

3. Trong tiếng Pháp, con *chim (oiseau)*, đặc biệt *con chim xấu xa (vilain oiseau)*, thường được dùng để chỉ hạng người bỉ ổi.



Tranh của đồng chí Nguyễn Ái Quốc in trên báo Người cùng khổ (4-1923): *"Tố cáo những kẻ gây ra vụ đàn áp ở Tutancamon tại một thuộc địa của Pháp".*

VỤ HÀNH HẠ AMĐUNI [1] VÀ BEN BENKHIA [2]

Trong cuộc chiến tranh vì "công lý" để bảo vệ "chính nghĩa", "văn minh", v.v..., người ta đã động viên 10 vạn người Tuynidi đi lính, và 60% trong số đó đã không trở về nữa. Thời đó, người Tuynidi được vuốt ve và trìu mến. Người ta đã ca ngợi rất là thắm thiết tình "anh em ruột thịt" giữa Pháp và Tuynidi, "mối tình ruột thịt đã đời đời gắn chặt vào trong xương máu quang vinh". Người ta đã thực hành cả một chế độ kiểm duyệt để cấm báo chí dù thế nào cũng không được làm phật ý người bản xứ.

Ngày nay, "tình anh em" đó đã thay đổi hình thức rồi. Nó không

1. Amdouni.
2. Ben Belkhir.

phải chỉ thể hiện bằng những cái vuốt ve hoặc những cử chỉ trìu mến mà thôi, nó thể hiện một cách hùng hồn bằng những phát súng lục hoặc những trận roi da kia. Bằng chứng là những việc sau đây.

Khi trông thấy ba người bản xứ cho cừu vào ăn cỏ ở vườn cây ôliu của mình, một vị thực dân Pháp liền bảo vợ đi lấy súng và đạn ra. Khi vợ mang súng và đạn ra thì vị đi "khai hóa" của chúng ta nấp vào một bụi cây, rồi đoàng! đoàng! đoàng! ba phát bắn ra, thế là ba người bản xứ ngã xuống, bị thương gần chết.

Một vị thực dân Pháp khác có hai anh công nhân bản xứ giúp việc, tên là Amđuni và Ben Benkhia, hai anh này hình như đã có lấy trộm vài chùm nho. Vị thực dân kia liền cho gọi hai người bản xứ đến, rồi dùng roi gân bò mà vụt họ lia lịa cho đến lúc họ chết ngất. Khi hai người này tỉnh lại, quan lớn bảo hộ của chúng ta liền sai trói giật cánh khuỷu lại và treo tay họ lên. Dù hai người khốn khổ kia đã bất tỉnh nhân sự, thế mà cuộc hành hạ bỉ ổi đó vẫn cứ kéo dài đến bốn tiếng đồng hồ, mãi đến khi có một người ở cạnh nhà phản đối mới thôi.

Hai người đáng thương đó được khênh đến bệnh viện và mỗi người bị cắt mất một bàn tay, còn bàn tay nữa chẳng biết có thể cứu khỏi được không.

Tình r...u...uột thịt như thế đấy!

Chả là ông Luyxiêng Xanh [1] đáng tôn kính, vì đã quá bận về việc trục xuất những người cộng sản và các nhà báo, nên không có thì giờ nghĩ đến đời sống của người bản xứ "được bảo hộ" của ông đấy mà.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1-11-1922.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 34.

1. Luyxiêng Xanh (Lucien Saint): Toàn quyền Pháp ở Tuynidi.

NHỮNG NGƯỜI BẢN XỨ ĐƯỢC "ƯA CHUỘNG" [1]

Năm 1604, có một người Anh tên là Sếchxpia,[2] vốn là một nhà văn chuyên nghiệp, ông ta có nhã ý đưa ra một vở kịch mà vai chính là một người da đen. Người da đen này tên gọi là Ôtenlô, quả là một anh hùng, một anh hùng thực sự. Anh hùng Ôtenlô đã chinh chiến nhiều, nhưng không phải là đánh Cácpăngchiê, cũng không phải vì anh là người được Ông Đianhơ tuyển mộ, cũng không phải vì anh là người dưới trướng của tướng Mănggianh, vả lại hồi đó vẫn chưa nổ ra cuộc chiến tranh vì "công lý" – mà là đánh những cường quốc hiếu chiến ở châu Âu và châu Phi. Ôtenlô làm thống soái của quận công xứ Vênixi. Cứ theo lời Ông Viviani nói thì trên mái tóc xoăn của Ôtenlô đã có biết bao nhiêu vòng hoa chiến thắng. Nhưng chiến công lớn nhất của Ôtenlô là đã thắng được Đêxđêmônia.

Đêxđêmônia không phải là một thành phố Đức, cũng không phải là một thuộc địa đâu. Đó chỉ là tên một cô gái dịu dàng, xinh xắn, đầy hạnh phúc, con của nguyên lão Nghị viên Brabanxiô. Ôtenlô đã chiếm được trái tim nàng bằng cách tỉ tê kể lại cho nàng nghe lịch sử cảm động của đời mình, lịch sử những trận đánh vĩ đại, những trận vây thành dài đằng đẵng, những chiến công rực rỡ, tóm lại là những tán tỉnh hay ho gì đó! Biết cha mình vốn chức tước như thế thì sẵn có nhiều thành kiến, nhất là thành kiến chủng tộc, nên nàng Đêxđêmônia hiền hậu chỉ một lòng nghe theo tiếng gọi của tình yêu,

---

1. Nguyên văn: "Indigènes à la mode", nếu dịch thật sát nghĩa thì là: những người bản xứ theo "mốt", theo thời thượng, tức là những người bản xứ được người ta nhắc tới nhiều trong một thời gian nào đó như là một cái "mốt".

2. Uyliam Sếchxpia sinh ngày 23-4-1564 ở thị trấn Xtơrétpho trên bờ sông Êvôn, miền trung tâm nước Anh. Cha là một người làm bao tay khá giả, có uy tín xã hội, có lần được bầu làm Thị trưởng, tư tưởng tiến bộ, không tán thành tông giáo. Hồi bé, Sếchxpia học ở trường Ngữ pháp, học tiếng Latinh và tiếng Hy Lạp cổ, năm 1557 rời đến Luân Đôn, sáu năm sau gia nhập gánh hát Bécbécgiơ, làm diễn viên, đạo diễn và soạn vở. Năm 1612, trở về quê và mất ngày 23-4-1616, trùng với ngày sinh. Sếchxpia bắt đầu sáng tác từ năm 1590, trong vòng 22 năm, ngoài một số thơ, đã sáng tác tất cả 38 vở kịch., Sự nghiệp sáng tác của Sếchxpia có thể chia làm ba thời kỳ: 1561 - 1601, 1601 - 1608, 1608 - 1612. Sếchxpia sáng tác bi kịch *Ôtenlô* vào giai đoạn thứ hai trong cuộc đời văn nghiệp (1604, như chính đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ghi ở dòng đầu bài viết này).

nàng quyết lấy chàng da đen làm chồng mà không cần đến ý kiến của cha.

Trong vở kịch này, những người da trắng như tay thám tử Iagô và anh chàng Rôđrigô bị khinh bỉ, đều không đóng một vai gì choáng loáng, mà chính họ lại là những vai đen tối nhất. Song việc đó chẳng can gì đến chúng ta.

310 năm đã trôi qua.[1] Người bản xứ lại được đưa lên sân khấu: nhưng đây là sân khấu chiến tranh. [2] Tác giả lần này giấu biệt tên tuổi, tìm cũng chẳng thấy; song các vai trò dù là vai chính hay vai phụ, anh hùng hay không, nhưng vì quá thành tâm đóng vai trò của mình, nên phần đông đã nằm lại trên sân khấu. Thật là một tấn bi kịch! Năm 1922, lại thấy xuất hiện những người bản xứ được ưa chuộng. Ta không nói đến Batuala, con người được phong tặng, và Xiki, kẻ ân nhân của khoa học, làm gì. Ta chỉ nói đến những người bản xứ đã thích ứng được, hoặc được thiên hạ thích thú.

Bị trói gô vào cột buồm tàu và được đi làm quân tình nguyện ở châu Âu, đánh phường man rợ để "bảo vệ văn minh", nhưng một khi được đến xứ "văn minh" rồi, thì những người bản xứ của ông Têri lại được cái thú tha hồ nếm "trái cây trong vườn cấm". Những người bản xứ còn sống sót sau cuộc tàn sát 1914, cũng như những người bản xứ còn sống sót sau đại chiến 1914 – 1918, đều có thể tự hào rằng vì dân chủ, vì quyền lợi của chủng tộc cao đẳng, họ không những đã hiến đời mình, xương máu mình, mà còn hiến cả niềm t...in của mình nữa.

Ông Sếchxpia trước kia lấy làm hài lòng thấy người dân bản xứ trong vở kịch của mình đã đàng hoàng lấy được cô gái mẫu quốc. Còn ông Têri ngày nay thì chỉ nhận thấy có một điều là người bản xứ của ông rất đắc lực để góp phần làm cho dân số phình lên bằng cách làm phình bụng các cô nàng da trắng. Ông Xasa Ghitơri còn đi xa hơn nữa. Ông muốn người bản xứ phải được "văn minh" hoàn toàn. Ông muốn họ phải cắm sừng các ông chồng da trắng cơ! Ông đã hoàn toàn toại nguyện, vì chín tháng sau cuộc "chinh phục", bà Mácgơrít Đênoayê đã sinh hạ được một cậu bé bản xứ. Nhưng chúng ta lấy làm tiếc rằng ông Đênoayê đã không hoan nghênh chú bé bản xứ đó cho lắm. Vốn là một "nhà yêu nước" từ đầu đến chân, nên ông ta muốn

1. Tức là tính đến năm 1914.

2. Đây là chỉ cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918).

rằng chú bé màu da "sôcôla" kia ra đời giá đừng có nhẵn nhụi và bé nhỏ như thế, mà lại là một người râu ria xồm xoàm, ba lô trên lưng, súng trên vai để "bảo vệ đất nước", thì quý biết nhường nào.

Ngay cả các trang tiểu thuyết đăng trên báo, người bản xứ cũng đã giành được địa vị của mình. Ông Angiabe ấy xin lỗi, Ông Anbe Giăng chứ – đã chẳng kể chuyện triển lãm Mácxây là gì? Có một chàng Việt Nam kia làm nghề kéo xe đã lọt được vào mắt xanh của một bà đầm xinh đẹp nọ. Sau khi đi thăm triển lãm về, bà bèn cho gọi anh xe đến phòng ngủ lộng lẫy của bà, và vân vân... Người yêu bị cắm sừng của bà bỗng nhiên tới. Bối rối, lẩn núp, vân vân... Nhưng câu chuyện lại ở chỗ khác kia. Nguyên là chàng công tử kia đã đánh cắp được một viên ngọc bích bày ở gần triển lãm Đông Dương, và đến để khoe với người ngọc của mình (Ôi! Liêm khiết vậy thay!). Người Việt Nam kia đứng nấp đằng sau trông thấy quả tang hành vi đầy tội lỗi, liền nhảy ra đánh cho anh chàng ăn cắp ngã gục, rồi mang vật quý về gian triển lãm.

Không kể các điệu nhạc khiêu vũ và các cuộc triển lãm thuộc địa đã làm cho anh em thuộc địa chúng ta tự hào một cách chính đáng, chúng ta lại còn lấy làm sung sướng được biết rằng từ sang năm trở đi, tất cả các bà đầm thuộc giới lịch sự, sẽ mang một cái gì của chúng ta trên người và trong người họ: các cửa hàng thời trang to lớn ở Pari, sang xuân tới, sẽ tung ra những kiểu vải thuộc địa và kiểu quần áo thuộc địa. Người ta sẽ đặt cho những bộ áo mặc trong nhà và các quần áo khác đủ thứ tên nào là: Thị Ba, Bămbara, Uôlốp, Luphơlúp, v.v...

Hỡi những người con của thuộc địa! Ngày vinh quang đã đến rồi. [1]

NGUYỄN ÁI QUỐC

Lên án chủ nghĩa thực dân, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 47. [2] Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật.

---

1. Câu kết này nhại theo câu đầu trong bài quốc ca Pháp: *Allons! Enfants de la Patrie, le jour de gloire est arrivé!*.(Hỡi những người con của Tổ quốc! Ngày vinh quang đã tới rồi!).

2. Bài này đăng trên báo *Người cùng khổ*, chưa rõ ngày tháng.

VỀ CÂU CHUYỆN XIKI

Từ khi có chủ nghĩa thực dân, nhiều người da trắng đã được thuê tiền để đấm vỡ m... những người da đen. Có một lần, một người da đen lại cũng được thuê tiền để làm như vậy đối với một người da trắng. Là người chống lại mọi thứ bạo lực, chúng ta không tán thành cả hai lối đó. Nhưng sự việc vẫn cứ sờ sờ ra đấy, thì chúng ta hãy nhận xét xem sao. Đây, như thế này:

Bằng một quả đấm – nếu không phải là đã đấm một cách khoa học thì ít ra cũng là một quả đấm bằng trời giáng – Xiki đã hạ bệ Cácpăngchiê để rồi đích thân mình trèo lên.

Chức vô địch quyền Anh đã chuyển sang tay khác, nhưng vinh quang của dân tộc về mặt thể thao thì không hề bị tổn thương, vì rằng Xiki là người con của xứ Xênêgan, do đó là "con" của nước Pháp, tức là "người Pháp" vậy.

Mặc dù thế, mỗi lần Cácpăngchiê thắng thì dĩ nhiên là do sự khéo léo và khoa học của anh. Nhưng lần nào anh bị bại thì cũng đều là do sức lực thô bạo của một anh như Đemxây hoặc do cái chân chơi ác của một anh như Xiki. Vì thế trong trận đấu ở Buýpphalô, người ta đã muốn tuyên bố – và người ta cũng đã tuyên bố – rằng Xiki mặc dù thắng đấy, song "cũng vẫn" là bại. Nhưng công chúng, loại công chúng tốt, không muốn nghe như vậy. Và công lý của nhân dân đã thắng: Xiki được tuyên bố là vô địch hoàn cầu và nước Pháp.

Sau khi bị một người da đen hạ đo ván, Cácpăngchiê đã bình thản đi thăm nước Nga, đất nước của những người Đỏ. Chúng ta ngợi khen Xiki về thắng lợi của anh. Chúng ta cũng ngợi khen Cácpăngchiê về lòng vô tư của anh.

*

*   *

S.D.N. (xin đọc là Sagesse des nations,[1] chứ không phải Société

---

1. *Sagesse des nations:* tạm dịch là "sự khôn ngoan của các dân tộc".

des Nations[1]) nói rằng Thần Tài chỉ cười duyên với những người giàu có. Rơnê Marăng và Xiki đã làm chảy nhiều mực đen. Hơn nữa, Xiki còn làm chảy cả máu đỏ. Người ta làm như cả hai người anh em châu Phi của chúng ta còn cần đến nhiều mực nữa. Sau ngòi bút châm biếm của Marăng, đôi găng của Xiki đã làm rung động đến cả chính giới. Và ông Lukê, hội viên Hội đồng quận Xen, đã lập tức đưa ra một kiến nghị cấm các cuộc đấu quyền Anh! Xin phép ông Lukê cho chúng tôi kính cẩn thưa với ông rằng, như vậy là ông đã làm một việc không yêu nước. Chúng tôi xin giải thích: về phương diện chính trị quốc tế của chúng ta, một nhà vô địch quyền anh loại *lông* cũng tuyên truyền cho ảnh hưởng tinh thần của chúng ta ra nước ngoài như là một người bất tử, một người quang vinh, một ca sĩ hoặc mười đạo quân (ông hãy giở báo chí ra mà xem). Về phương diện quốc gia, cũng cần thiết phải có một võ sĩ có tài, để nêu gương và khuyến khích cái đẹp về thể lực cho thế hệ thanh niên. Về phương diện thuộc địa, một trận đấu Cácpăngchiê – Xiki có giá trị hơn mười vạn bài diễn văn của những nhà cai trị nhằm chứng tỏ cho những người con dân và những người được bảo hộ của chúng ta rằng, chúng ta muốn áp dụng triệt để nguyên tắc bình đẳng về chủng tộc.

Có nên hy sinh ba điều lợi đó cho một cái chủ nghĩa nhân đạo mơ hồ nào đó không? Không, có phải không, ông Xarô?

*

* *

Theo tin các báo thì người ta vừa ra lệnh treo giò Xiki trong chín tháng, không cho dự tất cả các võ đài nước Pháp. (Như vậy không hề có nghĩa là người ta sẽ đem treo Xiki đáng thương của chúng ta trong chín tháng, đồng thời trên tất cả các võ đài của nước Pháp đâu. – Xin nhắn với các bạn của chúng tôi ở Xênêgan như vậy). Lý do: đã lăng mạ ông Cuny.

Sao thế nhỉ? Trước đây người ta đã tuyên dương Xiki vì anh đã đánh sưng mũi ông Cácpăngchiê cơ mà. Ngày nay, Xiki chưa hề đụng đến chân lông ông Cuny, mà sao người ta đã tuyên bố hạ anh xuống như vậy? Mà người ta cũng không hề định làm cho chúng ta tưởng rằng cái mặt của ông Cuny mảnh dẻ và quý báu hơn là mặt ông

1. *Société des Nations*: Hội Quốc liên.

Cácpăngchiê, và rằng... Chả phải thế. Thật chẳng hiểu ra sao. Chúng tôi đoán có lẽ là thế này: người ta không bao giờ tha thứ cho Xiki là một người da đen đã thắng Cácpăngchiê là một người da trắng; và tuy Cácpăngchiê không có lòng hằn thù, nhưng chủ nghĩa vị chủng của những người khác thì lại đem lòng hằn thù. Và cái lý do kia chỉ là một lý do... vin lấy cho có lý do mà thôi.

Cũng theo các báo đó, chúng ta được biết rằng Bộ trưởng Bộ Nội vụ Anh đã cấm cuộc đấu dự định từ trước giữa Giôe Bếchkết và Xiki ở Luân Đôn. Việc này không làm cho chúng ta ngạc nhiên. Vì cụ lớn nước Anh đã không thể tiêu hóa nổi mảnh trăng lưỡi liềm [1] của Kêman,[2] cũng như món sôcôla của Găngđi, cho nên Ngài muốn Báttơlin Xiki phải nuốt liều thuốc tẩy của Ngài, mặc dù Xiki là một "người Pháp". Các bạn đã hiểu chưa?

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1-12-1922. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 36.

---

1. Nguyên văn "croissant": hình mặt trăng lưỡi liềm trên quốc kỳ Thổ Nhĩ Kỳ.
2. *Kêman*: lãnh tụ cuộc Cách mạng tư sản Thổ Nhĩ Kỳ.



Tranh của đồng chí Nguyễn Ái Quốc in trên báo Người cùng khổ (15-2-1923): *Chú thích của tác giả: "Xe xích sắt một ngày kia sẽ thay những con lạc đà, nhưng chúng vẫn còn khá nhiều. Bằng chứng ư?".*

SỰ THỊNH VƯỢNG CỦA ĐÔNG DƯƠNG DƯỚI TRIỀU ĐẠI M. LÔNG [1]

Ngài A. Xarô, vị Bộ trưởng Thuộc địa "vĩ đại" của chúng ta, không bao giờ bỏ sót một dịp nào để say sưa tán tụng về sự thịnh

1. *M. Lông*: tức Maurice Long, Toàn quyền Đông Dương.

vượng của xứ Đông Dương, xứ Đông Dương "của ngài", và về những "sự nghiệp vĩ đại" mà ngài cùng bộ hạ của ngài đã làm hoặc đang làm tại đấy. Để chứng minh rằng ngài chỉ nói đúng sự thật, chỉ nói độc có sự thật thôi, chúng tôi cần đưa ra cho ngài và cho các bạn chúng ta đọc những đoạn sau đây, trích ở một bức thư của đại tá Bécna gửi cho báo *Cộng hòa Pháp* ngày 6-12-1922 và, thưa ngài Bộ trưởng, xin ngài cứ yên tâm, đại tá đó không phải là một người cộng sản đâu. Bức thư nói như sau:

Số hàng xuất khẩu của Đông Dương hiện đang cầm chừng hay còn giảm xuống nữa. Năm 1914, Đông Dương đã xuất khẩu: 45.000 kilô tơ lụa, 99.000 tấn ngô, 400 tấn chè; năm ngoái chỉ xuất khẩu có 15.000 kilô tơ lụa, 32.000 tấn ngô, 156 tấn chè.

Người ta cũng tưởng rằng hiện nay Chính phủ Đông Dương đang tích cực tiến hành những công trình lớn cần thiết cho việc khai thác thuộc địa này. Thế nhưng, từ năm 1914 đến nay, người ta không hề đặt thêm được *một cây số đường sắt nào, cũng không khai thác thêm được một hécta ruộng đất nào*. Cách đây mười năm, ông Xarô có đưa thông qua một chương trình kiến thiết bao gồm việc xây dựng con đường sắt từ Vinh đến Đông Hà và bốn hệ thống đại thủy nông; tất cả những công trình đó đều đã ngừng từ hơn năm năm nay, lấy cớ là không có kinh phí. Nhưng cũng trong thời gian đó, xứ Đông Dương đã dành ra 65 triệu đồng, 450 triệu frăng để xây dựng đường cái và dinh thự. Mời ông Phagiê hãy suy nghĩ về những con số đó xem! Gần một nửa tỷ đã chi phí để xây dựng những đường ôtô chạy mà trên đó không hề lưu thông được lấy một tấn hàng hóa nào; để dựng những dinh thự và công sở cho hằng hà sa số công chức đang sinh sôi nảy nở như cây cối sum sê vùng nhiệt đới; trong khi ấy thì những công trình đã được thừa nhận là tối cần thiết và đã được Nghị viện thông qua rồi, lại bị bỏ rơi!

Nhưng xin đừng tưởng rằng người ta có ý muốn thay đổi phương pháp ở Đông Dương đâu. Để hoàn thành chương trình 1912, ông Lông đã xin phép Nghị viện được phát hành công trái. Hiện nay ông ta lại còn xin phép phát hành một công trái thứ hai nữa. Những kẻ hiện nay đang "lãnh đạo" việc khai thác xứ Đông Dương xem chừng đã định tâm không muốn làm cái gì thật sự có ích lợi cả, nếu trước hết người ta không cho phép họ được vay nợ. Còn đối với ngân quỹ, đối với những dự trữ gom góp được trong và sau thời kỳ chiến tranh,

thì họ sẵn sàng vung tay ném qua cửa sổ nếu Nghị viện không đưa họ vào nền nếp".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Đời sống thợ thuyền*, ngày 22-12-1922.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 40.



Tranh của đồng chí Nguyễn Ái Quốc in trên báo Người cùng khổ (1922):
Chú thích bức tranh: "Văn minh bề trên".
Ảnh: Viện Bảo tàng Cách mạng.

NÓI VỀ LOÀI CẦM THÚ

Thật chúng tôi đã nghĩ đến nát cả bộ óc người da vàng của chúng tôi ra, cũng không tài nào tìm thấy cái lẽ vì sao mấy ông bà người Pháp lại thành lập một tổ chức kỳ cục là Hội bảo trợ loài vật. Trước hết, chúng tôi sở dĩ không sao tìm ra được nguyên nhân đó, vì chúng tôi thấy hiện nay còn có biết bao nhiêu là con người cùng khổ đang đòi hỏi được người ta săn sóc đến họ một chút mà cũng chẳng được. Sau nữa, vì những con vật đó không đáng được thương yêu đến thế, mà chúng nó cũng có khổ sở gì cho cam. Trừ con sư tử đen là có ích cho những người có thói quen xỏ chân vào giày da thú, còn hầu hết những con vật đó đều độc ác, rất độc ác.

Cái con chó ngắn mõm [1] chẳng đã chạy đến nhe bộ răng khả ố của nó ra mà xé toạc cả cơ cấu của Hội nghị Pari [2] đó sao? Thành thử con khỉ flamăng và con gà sống gôloa phải một mình đương đầu với con phượng hoàng giécmanh ở Ruya.[3] Trong khi hãy còn bị xích cổ, thế mà con hổ [4] chẳng đã nhá nghiến mất nhiều bộ của nước Cộng hòa đó sao? Người ta chẳng đã phí hàng mấy triệu, mấy tỷ để nhờ hai ông bạn vinh quang của chúng ta là Côntờchắc và Vranghen [5] mua bộ da con gấu Mạc Tư Khoa, là con vật mà ngày nay hơn bao giờ hết, nó không thích để cho người ta tùy ý muốn làm gì thì làm đó sao? (Chao! con vật mới quái chứ!).

1,2. *Hội nghị Pari*: Hội nghị giữa các cường quốc thắng trận sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất để thảo ra bản Hòa ước với các nước bại trận, nhằm phân chia lại thế giới và phá hoại nước Xô viết trẻ tuổi. Hội nghị họp ở Pari từ 18-1-1919 đến 21-1-1919. Ngày 28-6-1919, Hiệp ước Vécxây với nước Đức được ký kết trong đó các nước tham gia hội nghị đấu tranh kịch liệt để giành lấy phần lợi về mình. Con chó ngắn mõm đây là ám chỉ nước Anh.

3. Sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, vấn đề miền Ruya, một khu vực công nghiệp than và luyện kim quan trọng của Đức, là vấn đề chính trong những mâu thuẫn giữa các cường quốc châu Âu. Tháng giêng 1923 Pháp muốn nắm ưu thế ở châu Âu, đã cùng với Bỉ chiếm đóng miền Ruya của Đức. Con khỉ flamăng và con gà sống gôloa ở đây ám chỉ Bỉ và Pháp.

4. Con hổ đây ám chỉ Clêmăngxô (Clémenceau), một chính khách Pháp và là Bộ trưởng Bộ Chiến tranh. Trước đây, Clêmăngxô cho xuất bản tờ báo *Người tự do* để đả kích Chính phủ. Sau khi báo đó bị cấm, Clêmăngxô cho ra tờ *Người bị xiềng xích*.

5. *Côntờchắc* và *Vranghen*: hai tên tướng phản cách mạng ở nước Nga.

Trong số các bạn hữu ở chính quốc của chúng ta, ai là người không phải phàn nàn về tai hại do loài diều hâu [1] gây ra! Loài quạ [2] mà lại chẳng phải là những kẻ phá hoại tai hại trong địa hạt tinh thần à? Còn những con mèo xồm [3] thì có làm được việc gì ngoài cái việc chỉ chuyên tìm cách lợi dụng những sự bất hòa và những chuyện xích mích trong xã hội? Lại còn con vật nào đó chẳng đã vô sỉ đến nỗi muốn cho phép tất cả các chàng rể láo xược cứ việc dùng tên nó để gọi mẹ vợ họ đó sao? Bọn gà mái xộp [4] há chẳng thật sự là những kẻ đã dập tất cả hạnh phúc gia đình của nhiều nhà đó ư? Và những con chuột cống ở khách sạn [5] chẳng đã là những kẻ thù muôn thuở của tất cả những người đi du lịch đó sao?

Chưa kể đến chó sói lúc nào cũng là kẻ có lẽ phải vì là kẻ mạnh hơn, và những con chiên ghẻ là một mối tai họa cho cả một xã hội trung thực chúng tôi... Nhưng trước khi kết thúc, ta hãy nói một chút về những con vật ở thuộc địa.

Đúng giữa lúc ông Ghinan chuẩn bị để nhờ ông Mănggianh chuyển lên Viện Hàn lâm khoa học một bài nghiên cứu về việc sử dụng da cá mập, thì ông Anbe Xarô lên đường đi Đảo Chó [6] đọc một bài diễn văn bộ trưởng của ông tại xưởng ướp cá thu Xanh Pie và Micơlông, còn về phần ông Xitơrôen [7] thì ông cho "con sâu" [8] khai hóa của ông bò xuyên qua Xahara. Hai cuộc đi công cán này – việc công và việc nửa công nửa tư – chắc hẳn thế nào cũng sẽ thu được

1. *Diều hâu*: tượng trưng cho bọn vay nợ lãi, cho thuê nhà theo giá cắt cổ.

2. *Loài quạ*: chỉ bọn bóc lột.

3. *Những con mèo xồm*: nguyên văn dùng chữ "chats-fourrés", nghĩa đen là những con mèo lông xù; nghĩa bóng là bọn đầu cơ.

4. *Bọn gà mái xộp*: nguyên văn dùng chữ "poules de luxe", nghĩa là những con gà mái hảo hạng, chỉ bọn đĩ "quý tộc".

5. *Những con chuột cống ở khách sạn*: nguyên văn dùng chữ "rats d'hôtel", chỉ bọn chuyên trộm cắp hành lý của khách trọ.

6. *Đảo Chó*: L'Ile aux Chien.

7. *Xitơrôen* (Citroèn): chủ hãng ôtô lớn nhất của Pháp. Hãng này phất to trong chiến tranh thế giới lần thứ nhất nhờ cung cấp quân dụng cho quân đội, có nhiều xưởng lắp và chữa ôtô ở các nước châu Âu và các thuộc địa Pháp. Khoảng năm 1920, hãng này tổ chức cuộc đi bằng auto-chenille qua sa mạc Xahara để quảng cáo cho hàng của mình.

8. *Con sâu*: nguyên văn dùng chữ "chenille", nghĩa đen là con sâu, còn có nghĩa là cái vòng xích của những loại xe chạy bằng vòng xích bọc ngoài bánh (như kiểu xe tăng). Về cơ giới, có loại xe ôtô có vòng xích bọc ngoài bánh, gọi là auto-chenille, có thể chạy trên cát được.

kết quả tốt đẹp mà người ta có quyền chờ đợi: tức là làm cho con chuột nhắt đẻ ra những quả núi, và củng cố địa vị của những con cá mập thực dân.

Người ta thường quen tưởng rằng các nhà bảo hộ của chúng ta lúc nào cũng thi hành cái chính sách của loài đà điểu. [1] Nhưng lầm to rồi, các bạn ạ! Chả phải thế đâu, này nhé: chỉ có nhận lời mời của chú cá nục ở hải cảng cũ [2] thôi, mà Chính phủ thuộc địa đã không ngần ngại một chút nào mà không chi tiêu:

1. Đông Dương	13.190.846 frăng
2. Tây Phi thuộc Pháp	5.150.000 frăng
3. Châu Phi Xích đạo thuộc Pháp	348.750 frăng
4. Camơrun	390.000 frăng
5. Mađagátxca	1.837.600 frăng
6. Máctiních	108.000 frăng
7. Goađơlúp	55.000 frăng
8. Guyan	62.500 frăng
9. Tân Đảo Calêđôni	75.000 frăng
10. Tân Hêbrít	60.000 frăng
11. Châu Úc	65.000 frăng
12. Ấn Độ	135.000 frăng
13. Xômali	97.000 frăng
14. Đảo Rêuyniông	85.000 frăng
15. Xanh Pie và Micơlông	14.000 frăng

để đưa vài con lạc đà, vài con bò cái và vài con cá sấu từ các thuộc địa về thành phố Mácxây.

Lại cũng phải nhận rằng các nhà đi "khai hóa" của chúng ta đã không từ một sự cố gắng nào để cấm cho mấy con chim sẻ bản xứ –

1. Chính sách của loài đà điểu ("politique d'autruche"). Đà điểu là một loài chim lớn ở miền nhiệt đới châu Phi, cao tới 2,50 mét, và có một cái dạ dày rất khỏe. Từ ngữ "estomac d'autruche": dạ dày đà điểu, tiêu hóa được tất cả các thứ; ở đây, "chính sách của loài đà điểu" là ngụ ý nói chính sách vơ vét tham tàn của bọn thực dân.

2. Một câu chuyện cổ tích Pháp kể lại rằng: một chú cá nục (sardine) đã lấp nghẽn mất cửa hải cảng Mácxen. Ở đây, ý tác giả muốn nói: vì một việc không đâu, chính phủ thực dân đã tiêu phung phí những số tiền rất lớn.

rất dễ bảo và rất ngoan ngoãn – vài cái lông công làm cho chúng trở thành những con vẹt hay những con chó giữ nhà. Và nếu nhân dân châu Phi và châu Á mà được "hòa bình" và "thịnh vượng" đến như thế này, thì chính những "vị trí gieo rắc dân chủ" không biết mỏi mệt đó là con nhặng "đánh" xe, [1] chứ còn ai vào đó nữa?

Nói tóm lại, số phận của tất cả những con vật ấy tương đối đã dễ chịu. Vậy, nếu các hội viên của cái hội cao cả là Hội bảo trợ các loài vật cần phải giết thì giờ, thì nên chăm sóc đến những con khỉ bị bác sĩ Vôrônốp làm cho đau đớn và đến những con cừu dân bản xứ khốn khổ kia luôn luôn bị hớt trụi lông, đó có lẽ lại là một việc ích lợi hơn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1-2-1923.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 51.

Y NHƯ Ở "NƯỚC MẸ" [2]

Cho đến nay, trên thế giới chỉ có thành phố Tuynlơ [3] là có thể tự hào đã có những bức thư nặc danh vang dội. Ngày nay, xứ Nam Kỳ với lòng hiếu thảo và mong muốn tỏ lòng trung thành không bờ bến đối với nước "khai hóa văn minh" cho mình – vừa rồi cũng có cái vụ thư nặc danh "của nó". Nhưng xứ thuộc địa này đã "bắt chước" vụng về; vì không phải là vụ một nàng Laval diễm lệ mà là vụ một hương chức Việt Nam già nua vừa bị bắt bỏ tù, không phải vì đã lạm dụng thư nặc danh mà vì đã bị thư nặc danh tố cáo. Việc ấy như thế này:

Một đêm tháng Chạp năm 1922, cụ hương cả An Nam đang mơ màng thì bỗng nghe tiếng mõ huyên náo báo cho dân làng biết có cướp ở trên sông Cái, ngay trước mặt chợ Lách! (Ô! Vậy thì cái nền

---

1. *Con nhặng "đánh" xe:* đúng ra là con nhặng của chiếc xe ngựa (la mouche du coche). Tác giả nhắc đến con nhặng trong truyện ngụ ngôn của La Phôngten (La Fontaine), mỉa mai những kẻ tự cho mình là kẻ đi khai hóa chẳng khác gì con nhặng tự khoe mình đã có công đẩy chiếc xe nặng vượt khỏi đường dốc.

2. *Nước mẹ:* dịch chữ "Métropole", danh từ bọn thực dân thường dùng để chỉ chính quốc, tức là nước có thuộc địa.

3. *Tuynlơ* (Tulle): một thành phố ở Tây Nam nước Pháp, cách Pari 464 cây số.

an ninh mà các nhà chức trách từng ca tụng ở đâu nhỉ?) Cụ hương cả nhà ta vùng dậy vớ lấy khẩu súng – nguyên cụ hương cả, cũng đồng thời là trương tuần của một trại ấp lớn – và lập tức cùng với hai gia nhân xuống thuyền bơi ra sông.

Vừa đến nơi cụ hương cả và hai gia nhân liền bị bọn cướp nổ súng bắn; một trong hai gia nhân đó trúng đạn giữa ngực và vài phút sau thì tắt thở. Cụ hương cả bắn trả lại bọn cướp một phát không trúng, trái lại bị cướp bắn bị thương vào tay phải.

Rồi chỉ vì thư nặc danh tố cáo, mà cụ hương cả nọ đã bị bắt giam về tội là đã giết gia nhân của mình.

Mặc dù cha người xấu số và người gia nhân còn sống đã đệ đơn minh oan cho bị cáo, nhưng cụ hương nọ vẫn còn nằm trong "buồng tối" để chờ "ánh sáng" của "công lý".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 1-2-1923.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 45.



Tranh in trên báo Người cùng khổ (3-4-1924).
Chú thích bức tranh: "Chủ nghĩa tư bản".

TRUYỀN ĐƠN CỔ ĐỘNG MUA BÁO "NGƯỜI CÙNG KHỔ" DỊP KỶ NIỆM CÔNG XÃ PARI TẠI NGHĨA TRANG PERƠ LASEDƠ

TIỂU DẪN. – Lịch sử Công xã Pari 1871 là lịch sử anh hùng của những chiến sĩ "xông lên đoạt trời" như lời tuyên bố của những *Câu lạc bộ* thời kỳ đó: "Tôi không sợ sấm sét, tôi căm thù Thượng đế, Thượng đế khốn nạn của những thầy tu, và tôi muốn, như những người khổng lồ Tităng (trong thần thoại Hy Lạp – N.B.S.) leo lên trời để đâm chết Thượng đế". Những con người "xông lên đoạt trời" ấy đã đập tan Nhà nước của giai cấp thống trị tư sản, và xây dựng nền chuyên chính của giai cấp vô sản; đã xóa bỏ thế giới cũ và xây dựng trong 72 ngày ở giữa Pari một thế giới mới cao cả, trong sạch. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc sau này đã viết trong tác phẩm *Đường kách mệnh*: "Ngày 18-3, thợ thuyền Pari nổi lên làm kách mệnh Cộng sản (Công xã)... Vì thợ thuyền còn non nớt, tổ chức không khéo, vả lại Đức giúp cho tư bản Pháp đánh lại thợ thuyền, nên cuối tháng 5 thì kách mệnh thất bại". Và đúng như Lênin đã viết trong tác phẩm *Những bài học của Công xã – Kỷ niệm Công xã* (Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1957, tr. 15): "Công cuộc của Công xã Pari không chết; nó còn sống cho đến ngày nay trong mỗi con người chúng ta. Sự nghiệp của Công xã là sự nghiệp cách mạng xã hội, sự nghiệp giải phóng hoàn toàn về chính trị và kinh tế các người lao động, sự nghiệp của giai cấp vô sản toàn thế giới. Vì thế, sự nghiệp đó bất diệt".

Ngày kỷ niệm Công xã Pari 18-3-1923, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đến Bức tường chiến sĩ Công xã trong nghĩa trang Perơ Lasedơ (Père Lachaise), nơi bọn Chie hung bạo đã bắn hàng nghìn chiến sĩ Công xã dưới một bức tường. Chính tại nơi đây, Người đã phát cho những người đến viếng mộ các chiến sĩ Công xã tờ truyền đơn tuyên truyền nhân dân Pháp đọc báo *Người cùng khổ*, tờ truyền đơn do chính tay Người thảo. Trước mộ các chiến sĩ Công xã Pari bằng đá xám, thếp chữ vàng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc kêu gọi tất cả mọi người vùng lên tiến theo lá cờ của Đảng Cộng sản, giành lại độc lập tự do cho Tổ quốc.

Dự kiến những sự kiện nghiêm trọng có thể xảy ra ngày một ngày hai, bạn đừng đợi gì mà chưa mua báo *Người cùng khổ* và hô hào bạn bè mua nó. Tờ báo này là tờ báo của bạn, giúp bạn thoát khỏi cảnh nô

lệ và sẽ phát hành rộng rãi trong tất cả các thuộc địa nhằm dắt dẫn mọi người bị bóc lột thuộc mọi màu da đoàn kết lại dưới nếp lá cờ đỏ búa liềm, để trong một phong trào cách mạng quốc tế rộng lớn quét sạch mọi kẻ bóc lột mà chúng ta là những người cùng khổ.

Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc, nói tóm lại là nền cộng hòa thế giới chân chính, xóa bỏ những biên giới tư bản chủ nghĩa cho đến nay chỉ là những vách tường dày ngăn cản những người lao động trên thế giới hiểu nhau và yêu thương nhau.

Tất cả mọi người hãy đứng lên quanh lá cờ đỏ để chinh phục thế giới.

Lao động tất cả các nước, hãy đoàn kết lại!

Đầu năm 1923

Thời thanh niên của Bác Hồ, Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội, 1976, tr. 151. Bản dịch: Hồng Hà.

TRUYỀN ĐƠN CỔ ĐỘNG MUA BÁO "VIỆT NAM HỒN"

TIỂU DẪN. – Nghĩ đến đồng bào ruột thịt ít chữ nghĩa của mình, và học được của Lênin cách sử dụng một vũ khí vô cùng sắc bén và quan trọng là báo chí trong công tác tuyên truyền, giáo dục, thức tỉnh quần chúng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc dự định ra một tờ báo tiếng Việt lấy tên là *Việt Nam hồn*. Tự tay Người viết tờ truyền đơn cổ động mua báo, và cũng chính tay Người đi phát ở nhiều nơi trong các giới kiều bào ở Pari. Lời văn rất mộc mạc, dễ hiểu và điêu luyện đến giản dị, thể viết theo lối văn xuôi có nhịp điệu cũng rất thích hợp với người Việt Nam ta thời bấy giờ, nay đọc lại vẫn thấy có nhiều sáng tạo trong bút pháp diễn đạt: vừa truyền thống vừa hiện đại. Ai không mỉm cười, thấm thía, thông cảm, khi đọc những dòng "thư bất tận ngôn" đó.

Giữa lúc đang xúc tiến cho việc xuất bản tờ báo *Việt Nam hồn* thì đồng chí Nguyễn Ái Quốc được triệu tập đi dự Đại hội Quốc tế Cộng sản, nên dự định ấy không thực hiện được.

Tờ báo mang tên là *Việt Nam hồn* xuất bản công khai tại Pháp ba năm sau đó (1-1926) là của Đảng Việt Nam Độc lập của Nguyễn Thế Truyền, chứ không phải của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Ở trong thế giới, ống nói, tàu bay. Việc lạ tin hay, ngày ngày thường có. Nào ai muốn rõ, phải có nhật trình. Mình ở gia đình, mắt soi vạn lý. Á, Âu, Úc, Mỹ, rút lại một tờ. Con trẻ đàn bà, ai ai cũng biết.

Mình người nước Việt. Khách địa làm ăn. Chẳng đọc Hán văn, không xem Pháp tự. Việc đời hay dở, lành dữ mặc ai. Tuy có mắt tai, cũng không nghe thấy. Phận mình đã vậy, vận nước thế nào, anh chị đồng bào, có hay chăng nhé! Cũng vì nghĩ thế, tôi muốn làm ra, một Báo tiếng ta, cho đồng bào đọc. Chẳng nài khó nhọc, dám kể công trình. Mong mỗi người mình, mở mày mở mặt.

Báo này sẽ đặt, tên *Việt Nam hồn*. Một tháng hai lần, mỗi lần trăm bản.[1] Xin anh em bạn, ai có muốn coi, cắt gửi cho tôi, cái toa mãi chỉ.

Mấy lời chung thủy, thư bất tận ngôn.

Chúc *Việt Nam hồn*,

Vạn tuế, vạn vạn tuế.

Cắt gửi toa này cho ông Nguyễn Ái Quốc số nhà 3, phố Mácsê đề Patơriácsơ, Pari, quận 5.[2]

Tôi tên là...

Ở số nhà...

Tỉnh...

Gửi lại 12 quan để mua báo *Việt Nam hồn* 6 tháng.

Mùa xuân 1923

Tạp chí *Học tập*, số 4-1975.

---

1. Nguyên chú của đồng chí Nguyễn Ái Quốc: "nếu không đủ một trăm người xem thì không thể làm được".

2. Đây chính là địa chỉ đương thời của báo *Người cùng khổ*. Ngày 14-3-1923. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc dọn từ nhà số 9 ngõ Côngpoăng đến ở ngay tại trụ sở báo *Người cùng khổ* để tiện làm việc và để cơ quan báo có thêm tiền (số tiền phải thuê ở nhà số 9 được nộp vào quỹ công).

"VI HÀNH" [1]

Trích "Những bức thư gửi cô em họ"
do tác giả tự dịch từ tiếng Nam

– Hắn đấy!

– Đâu phải!

– Đúng mà! Anh đã bảo là chính hắn đấy.

– Chắc thật à! Em thì em đã thấy hắn ở trường đua, trông hắn có vẻ nhút nhát hơn, lúng ta lúng túng hơn cơ, có cả cái chụp đèn chụp lên cái đầu quấn khăn, các ngón tay thì đeo đầy những nhẫn.

– Thế hay là hắn đã đem tất cả các thứ đó đến tiệm cầm đồ rồi? Nhưng mà nhìn kỹ xem kìa! Chẳng phải vẫn cái mũi tẹt ấy, vẫn đôi mắt xếch ấy, vẫn cái mặt bủng như vỏ chanh ấy đấy à[2] ?

– Ừ nhỉ. Thì cũng có thể là anh đúng. Nhưng hắn đến đây làm gì nhỉ, trong đường xe điện ngầm này, và tụi các ông quan bà quýt [3] đi theo thì đâu cả?

– Có khi đã gửi tuốt ở kho hành lý nhà ga, để đi chơi vi hành đấy.

– Đấy, cô em họ thân mến của tôi! Tôi đã thuật lại y nguyên câu chuyện giữa một đôi bạn trẻ ngồi cùng toa xe với tôi; họ ngấu nghiến trông tôi với cặp mắt ma mãnh, tò mò, nhưng lại ra bộ không nhìn tôi gì cả.

Cuộc đối thoại tiếp diễn như sau:

---

1. *Vi hành*: đi nhỏ. Danh từ "vi hành" thường dùng để chỉ việc vua chúa ngày xưa cải trang thành người dân thường đi vào trong dân chúng mà không ai biết, để thám sát tình hình xã hội, hoặc để ăn chơi bậy bạ mà vẫn không bị lộ mặt. Danh từ này được dùng để dịch từ Pháp "incognito" (có nghĩa là không ai biết). Tác giả có ý nói Khải Định đã đi "vi hành" ở Pháp để trác táng. Điều này có thực hay không thì chưa rõ. Nhưng có điều là Chính phủ Pháp đã cử người theo dõi những người Việt yêu nước chẳng khác gì cử những vệ sĩ bám sát và bảo vệ nhà vua vi hành. (Xem thêm chú thích 2, tr. 165).

2. Quả chanh ở châu Âu vỏ màu vàng bủng.

3. Chơi chữ, do trong tiếng Pháp, "mandarin" có nghĩa là ông quan và "mandarine" có nghĩa là quả quýt, trong khi theo quy tắc từ vựng học thì, bình thường ra, muốn chuyển giống đực sang giống cái phải thêm e sau từ chỉ giống đực. Chỉ chuyển được phần nào ý đùa sang bản dịch tiếng Việt. Có thể dịch: " ông quan bà quýt".

– Thế em nghĩ thế nào về người khách của chúng ta? Người con trai hỏi, ngỡ tôi là một đấng Hoàng thượng và tưởng rằng tôi không hiểu họ nói gì với nhau.

– Hắn còn làm mình bật cười hơn nữa cơ lúc hắn đeo lên người hắn đủ cả bộ lụa là, đủ cả bộ hạt cườm, người bạn gái anh ta trả lời.

– Hạt châu báu đấy chứ! Em thích có chỗ châu báu ấy quá đi, chứ còn gì!

– Em mà có ấy à, thì em cố tình đánh mất đi, để được báo chí nói đến, và thế là được trở thành một ngôi sao. Thế còn anh, anh nghĩ gì về người dân bảo hộ của chúng ta nào?

– Ích cho chúng ta lắm đấy. Cái lò ở Găngbe đã bán rồi. Cái rương của Hêra Miếcten cũng đã thanh toán rồi. Vụ án người bị chặt ra từng khúc thì không thu hút được công chúng lắm, vì không thuộc giới thượng lưu. Và thế là cái kho giải trí của chúng ta [1] sắp cạn ráo như B.Đ.D. [2] vậy. Nhật báo chẳng còn cái gì để bôi bác lên giấy cả. Đúng lúc đó thì...

– Đổi xe [3] ở đây chứ anh yêu ơi?

– Không, ga sau. Đúng lúc đó thì có một anh vua đến với chúng ta.

– Em thì em thích Sáclô [4] hơn. Với lại, vua, thì tốn lắm.

– Đâu có! Thế em còn nhớ buổi dạ hội thuộc địa ở Nhà hát Ca vũ đấy chứ? Phải trả những nghìn rưởi frăng để xem vợ lẽ, nàng hầu vua Cao Miên, xem tụi làm trò leo trèo nhào lộn của sư thánh xứ Cônggô [5]; hôm nay thì chúng mình có mất tí tiền nào đâu mà được xem vua đang ngay cạnh? Nghe nói ông bầu Nhà hát Múa rối [6] có định ký giao kèo thuê đấy...

---

1. Nhà cầm quyền các nước tư bản thường dùng những tin "thời sự" giật gân để dẫn dắt quần chúng sao lãng đấu tranh chính trị. Mấy câu chuyện vừa nhắc đến là một số vụ giết người lấy của ít nhiều "ly kỳ" đã thật sự xảy ra ở Pháp lúc bấy giờ.

2. *B.Đ.D.*: Băng Đông Dương. Nguyên bản: B.I.C. (Banque d'Indochine) (?)

3. Tiếng Pháp chỉ nói "đổi": thường nói "đổi xe", nhưng thật ra là "đổi tuyến xe". Hệ thống xe điện ngầm Pari gồm nhiều tuyến gặp nhau ở một số trạm nhất định, ở đó có thể chuyển từ tuyến này sang tuyến khác.

4. *Sác lô*: vai hề nổi tiếng của điện ảnh do diễn viên kiêm đạo diễn thiên tài Anh Sácli Saplin sáng tạo.

5. Cả danh hiệu "sư thánh" đạo Hồi ("marabu"), cả tên nước Cônggô ở đây đều là phiếm chỉ.

6. Ghinhon (Guignol) trong nguyên bản tiếng Pháp. Đó là tên vai chính trong trò rối, sau dùng rộng ra để chỉ con người ngây ngô hoặc câu chuyện lố lăng. Ghinhon lại còn có nghĩa là Nhà hát Múa rối.

Tàu đỗ, cặp trai gái bước xuống, mắt cứ liếc nhìn trộm tôi, và tôi thì buồn cười quá, bỗng đâm ra nghĩ, và nghĩ đến cô. Tôi như còn trông thấy cái ngày mà cô với tôi, đôi chúng ta, như đôi chim ấy thôi, đậu vắt vẻo trên đầu gối ông bác thân yêu, nghe bác kể chuyện cổ tích. Tôi nhớ chuyện vua Thuấn, vì muốn đích thân tai nghe mắt thấy dân có bằng lòng mình không, nên cải trang làm dân cày đi dò la khắp xứ. [1] Lại nhớ chuyện vua Pie nước Nga đi làm thợ và đến làm việc ở các công trường nước Anh. [2] Bên những bậc cải trang vĩ đại ấy muốn đi sâu vào cuộc sống của nhân dân, ngày nay còn có những ông hoàng, ông chúa, để tiện việc riêng và vì những lý do không cao thượng bằng, cũng "vi hành" đấy.

Tôi không được rõ ý đồ nhà "vi hành" của chúng ta ra sao. Phải chăng là ngài muốn biết dân Pháp, dưới quyền ngự trị của bạn ngài là Alếchxăng đệ nhất,[3] có được sung sướng, có được uống nhiều rượu và được hút nhiều thuốc phiện bằng dân Nam, dưới quyền ngự trị của ngài, hay không? Phải chăng ngài muốn học sử dụng (theo kiểu Pháp) cái liềm của nhà nông cùng cái búa của thầy thợ để sau cuộc ngao du, đem về chút ấm no mà đám *"dân"* [4] bất hạnh của ngài tới nay hoàn toàn chẳng biết đến? Hay là, chán cảnh làm một ông vua to, giờ ngài lại muốn nếm thử cuộc đời các gã "Công tước bé"[5] ?

Thế nào thì thế, ít lâu nay tôi đã trở thành một đấng Hoàng

---

1. *Thuấn*: một trong những vua thần thoại Trung Quốc cổ, tiêu biểu cho con người đạo đức, vua chúa có lòng nhân.

2. *Pie nước Nga*: tức Piốt Đại đế, vua Nga ở cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, đã đi tham quan và lao động ở Tây Âu để rồi về nước kiên quyết thực hiện cải cách, làm cho nước Nga phong kiến trở nên hùng mạnh.

3. *Alếchxăng đệ nhất*: ở đây nhằm chỉ Minlơrăng, Tổng thống Pháp lúc bấy giờ. Gọi Tổng thống Pháp theo kiểu chỉ vua chúa: "Alếchxăng đệ nhất", là để nhấn mạnh tính hài hước của đoạn văn. Tác giả có dụng ý vạch rõ rằng, với tầm suy nghĩ thấp kém của Khải Định, thì bất cứ ai đứng đầu một nước cũng đều là vua cả.

4. *Dân* được viết bằng tiếng Việt (có dịch) trong nguyên bản tiếng Pháp.

5. *Tiểu công (petit-duc) hay Công tước bé*, trong nguyên bản tiếng Pháp. Thực tế trong phẩm trật phong kiến ở Pháp không có tước hàm petit-duc. Ở đây tác giả chơi chữ rất tế nhị: tiếng Pháp vốn có thành ngữ coi những ông hoàng Nga, mà tước hiệu là Đại công (grand-duc) là những tay ăn chơi rất sang trọng. Tác giả ngụ ý rằng Khải Định cũng học đòi ăn chơi sang trọng. Nhưng với thân phận một tên vua bù nhìn, y không đủ tiền để mà ăn chơi như bọn Đại công tước ở châu Âu được, và đành giữ thân phận như một Tiểu công tước. Ngoài ra, trong tiếng Pháp, grand-duc và petit-duc lại là những danh từ chỉ hai loại cú vọ nữa, to nhỏ khác nhau. Và như vậy thì dùng chữ petit-duc, tác giả có ngụ ý gọi Khải Định như một loài cú vọ.

thượng bất đắc dĩ. Bất cứ tôi đi đâu, là có người nhìn tôi, ganh tị tôi, mỉm cười với tôi, tán tụng tôi, đi theo tôi.

Cô em thân mến, hẳn cô bảo tôi rằng thế là cái bánh xe vô lượng[1] nó đã quay rồi đấy. Đến nay, tất cả những ai ở Đông Dương có màu da trắng đều là những bậc khai hóa, thì bây giờ đến lượt tất cả những ai có màu da vàng đều trở thành hoàng đế ở Pháp.

Cô không thể tưởng tượng được cảnh đón tiếp tốt đẹp người ta dành cho chúng tôi ở đây. Quần chúng cứ là tự phát mà biểu lộ nhiệt tình khi vừa thoáng thấy một đồng bào ta. Những tiếng "hắn đấy!" hay "xem hắn kìa!" là những lời chào mừng kín đáo và kính trọng mà chúng tôi thường gặp dọc đường.

Cái vui nhất là ngay đến Chính phủ cũng chẳng nhận ra được khách thật của mình nữa, và để chắc chắn khỏi thất thố trong nhiệm vụ tiếp tân, Chính phủ bèn đối đãi tất cả mọi người An Nam vào hàng vua chúa và phái tùy tùng đi hộ giá tuốt! Đó là những người phục vụ thầm kín, rụt rè, vô tư và hết sức tận tụy. Các vị chẳng nề hà chút công sức nào để bảo vệ bọn tôi, và giá cô được trông thấy các vị ân cần theo dõi tôi chẳng khác bà mẹ hiền rình con thơ chập chững bước đi thứ nhất, thì hẳn cô phải phát ghen lên được về nỗi niềm âu yếm của các vị đối với tôi. Có thể nói là các vị bám lấy đế giày tôi, dính chặt với tôi như hình với bóng. Và thật tình là các vị cuống cuồng cả lên nếu mất hút tôi chỉ trong dăm phút! [2] Cô thử nghĩ, làm sao mà không xúc động sâu xa được, khi được đối đãi như thế?

Ngày nay, cứ mỗi lần ra khỏi cửa, thật tôi không sao che giấu nổi niềm tự hào được là một người An Nam và sự kiêu hãnh được có một vị hoàng đế.

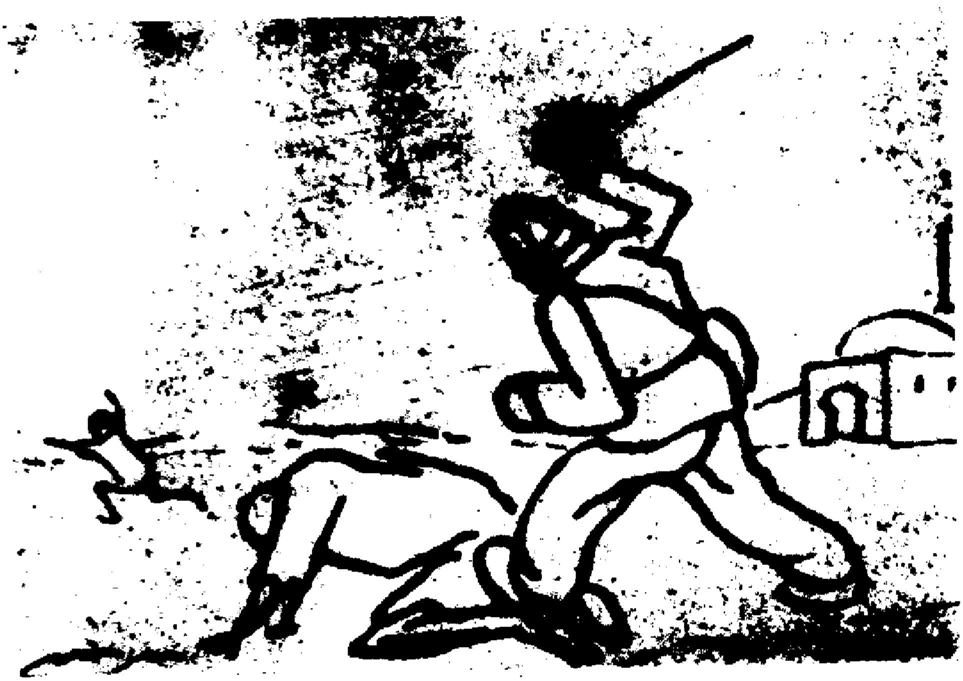
NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 19-2-1923. Bản dịch: Phạm Huy Thông, *Truyện và ký*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 25.

---

1. *Bánh xe vô lượng*: nguyên văn là "la roue de l'impondérable".

2. Trong đoạn văn này, những "người phục vụ" mà tác giả gọi là "các vị" dùng để ám chỉ bọn mật thám Pháp được Chính phủ Pháp cử đi bám sát và theo dõi những người yêu nước Việt Nam, đặc biệt là trong thời gian Khải Định ở Pháp, vì sợ họ có những hành động chống lại Chính phủ Pháp và tên vua bù nhìn, những hành động có thể gây chấn động dư luận Pháp. Tác giả lại có ngụ ý ví bọn này như bọn quan hầu, vệ sĩ bí mật đi theo và bảo vệ những vua chúa đi vi hành.



Tranh in trên báo Người cùng khổ (6-1924):
Thực dân Pháp đánh đập người dân thuộc địa.
Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam.

KHỞI NGHĨA Ở ĐAHÔMÂY

Lo lắng vì giai cấp công nhân ở chính quốc đã thức tỉnh, chủ nghĩa tư bản Pháp tìm cách dùng các thuộc địa để củng cố nền thống trị đang lâm nguy của nó. Nó bòn rút ở đó cả nguyên liệu cho các nhà máy của nó, lẫn nhân lực để chống lại cách mạng. Báo chí tư sản ở Pari và các tỉnh thường xuyên dành hàng trang cho mục thuộc địa. Các tướng tá và các nghị sĩ đã đi khắp cả nước để diễn thuyết về thuộc địa. Những cây bút đạo đức ấy và những ông chuyên nghề khoác lác ấy không tìm đâu ra cho đủ lời lẽ để ca ngợi lòng trung thành của người bản xứ và ân huệ của công cuộc khai hóa "của họ".

Đôi khi, các ngài ấy trơ tráo đến nước đem so sánh sự cướp bóc của người Anh ở thuộc địa với sự cao cả của riêng họ: họ cho chính sách của người Anh là "phương pháp tàn nhẫn" hoặc "thái độ thô

bạo", và quả quyết rằng cách làm của người Pháp đầy chính nghĩa và dịu dàng!

Chỉ cần ghé mắt nhìn qua các thuộc địa một chút cũng đủ thấy công cuộc khai hóa đó là "đẹp đẽ và dịu dàng" biết là chừng nào.

Ở Đông Dương, dạo vừa rồi, có một gã thực dân Pháp trẻ tuổi đã trói một người Việt Nam sấp mặt xuống đất, chân và đầu buộc vào hai cái cọc đóng xuống đất, rồi giáng cho người đó một trăm sáu mươi gậy. Nạn nhân, mình mẩy nát nhừ, lại bị bỏ vào nhà giam suốt một đêm. Sáng hôm sau, gã trẻ tuổi đi khai hóa đó lại choảng sưng đầu nạn nhân và lấy chuôi súng lục đập vỡ một mắt của người ấy. Tên súc sinh đó đã được tòa án Pháp tha bổng.

Ở Đahômây, người ta tăng thêm thuế má vốn đã quá nặng nề đối với người bản xứ. Người ta bắt thanh niên phải bỏ nhà cửa và ruộng nương đi làm "những người bảo vệ văn minh". Người ta cấm dân bản xứ giữ vũ khí để tự vệ chống thú dữ vẫn thường phá hoại hàng xã một. Giáo dục, y tế đều không có. Trái lại, người ta không từ một thủ đoạn nào để bắt người Đahômây "được bảo hộ" phải chịu cái kiếp lầm than của người dân bản xứ, cái chế độ đã hạ con người xuống hàng con vật và làm điếm nhục cho cái gọi là thế giới văn minh. Dân bản xứ, không nhịn được nữa, vùng lên. Thế là cuộc đàn áp đẫm máu được tiến hành. Người ta dùng những biện pháp cương quyết. Người ta đưa quân đội, súng liên thanh, súng cối và tàu chiến đến; người ta hạ lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đấy, "đức nhân từ" của "công cuộc khai hóa" như thế đấy [1].

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Đời sống thợ thuyền*, ngày 30-3-1923.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 56.

---

1. Ngoài bài *Khởi nghĩa ở Đahômây* đăng trên báo *Đời sống thợ thuyền*, trước đó đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đăng một bài báo cùng tên trên báo *Nhân đạo*, số ra ngày 18-3-1923. Qua cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Đahômây đầu năm 1923, tác giả đã rút ra một nhận định quan trọng: "Trong các nước thuộc địa, giai cấp công nhân bắt đầu nhận thức được thế nào là đấu tranh giai cấp. Phải làm sao cho những người công nhân da đen và da vàng cùng hiểu rằng, kẻ thù duy nhất của họ là ở chính cái chế độ dẫn tới ách nô lệ còn tinh vi hơn, nặng nề hơn và thiếu tính người hơn so với trước đây. Và chỉ có sự giúp đỡ của những người anh em bị áp bức của mình ở các nước châu Âu, thì họ mới có thể tự giải phóng được".

LÁ THƯ NGỎ GỬI ÔNG LÊÔNG ÁCSIMBÔ

Nghị sĩ hạt Đrômơ, Báo cáo viên về ngân sách thuộc địa, Ủy viên Hội đồng thuộc địa tối cao.

Thưa ông,

Trong bài diễn văn của ông đọc tại Hạ nghị viện, ông có nói rằng, nếu ông muốn thì ông có thể vạch trần những chuyện xấu xa ở thuộc địa ra; nhưng ông thấy tốt hơn là ỉm đi không nói đến những tội nặng nhẹ mà "các nhà đi khai hóa" của ông đã phạm ở các thuộc địa. Đó là quyền của ông, và điều đó chỉ liên quan đến ông, đến lương tâm ông và đến những người đã bầu cử ông thôi. Đối với chúng tôi, những người đã từng chịu khổ và hiện vẫn đang hằng ngày chịu khổ vì những "ân huệ" của chủ nghĩa thực dân, thì chúng tôi chẳng cần đến ông mới biết được những cái ấy.

Nhưng chính ông đã "phóng đại" khi ông viết trên báo *Ráppen (Rappel)* [1] rằng những sự việc mà ông Béctôn vạch ra, đều là sai hoặc phóng đại! Trước hết, chính ngay ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa cũng đã buộc phải thừa nhận rằng: "Tình trạng tư tưởng khinh rẻ sinh mệnh người bản xứ" vẫn đang còn. Và ông ta đã "không hề chối cãi một sự việc tàn nhẫn nào", mà nghị sĩ Boanớp đã vạch ra. Sau nữa, thưa ông Ácsimbô, liệu ông có thể chối cãi được rằng trong những năm vừa qua – tức là sau cuộc chiến tranh "vì công lý" – đã có đến 80 vạn người bản xứ "tình nguyện" đến làm việc hoặc đã bỏ mình trên đất Pháp, trong lúc đó thì các nhà đi khai hóa của ông đã ăn cắp, lường gạt, giết hại hoặc thiêu sống (và chắc chắn là không bị trị tội) những người Việt Nam, người Tuynidi, hay người Xênêgan?

Ông còn viết tiếp rằng những hành vi bất công ở Pháp còn nhiều hơn ở các thuộc địa. Thế thì, thưa ông Ácsimbô, hãy cho phép tôi nói rằng: không nên có cao vọng đem những bài học về bình đẳng hoặc công lý đi dạy cho người khác, khi người ta không thực hiện được những bài học đó ở nước mình. Đó là cái lôgích sơ đẳng nhất, phải không ông?

1. *Ráppen:* tên một tờ báo xuất bản ở Pari năm 1869 do Víchto Huygô sáng lập.

Theo ông, những hành vi và cử chỉ của các quan cai trị thuộc địa của ông đều đã được các Phủ Toàn quyền và Bộ Thuộc địa thừa biết, nhận xét và kiểm tra rồi. Vậy, ắt phải là một trong hai điều sau đây: hoặc là vì ông đãng trí nên đã quên mất những tên như Bôđoanh, Đáclơ, Luyca và biết bao nhiêu tên khác nữa, hợp thành đám hảo hán đã làm rạng rỡ và vẻ vang cho cơ quan cai trị thuộc địa của ông; chúng đã làm những điều đại gian ác, thế mà chỉ bị trừng phạt bằng cách thăng chức và thưởng huân chương thôi. Hoặc là ông đã ngang nhiên chế giễu độc giả của ông.

Ông nói rằng về mặt thuộc địa, nếu nước Pháp có phạm lỗi, thì chẳng qua là do có quá nhiều tinh thần cao cả đấy thôi. Thưa ông Ácsimbô, xin ông cho chúng tôi biết có phải vì "tinh thần cao cả" ấy mà người ta tước mất của người bản xứ tất cả mọi quyền ngôn luận, đi lại, v.v... không? Phải chăng cũng vì tinh thần ấy mà người ta buộc họ phải chịu cái thân phận dân bản xứ hèn mọn, mà người ta tước hết ruộng đất của họ để cho bọn xâm lăng, và sau đó buộc họ phải lao động như kẻ nô lệ? Chính ông đã nói rằng giống người Tahiti vì nghiện rượu mà đã chết mòn dần và hiện đang đi đến diệt vong. Phải chăng cũng vì "quá ư cao cả" mà các ông đã tìm đủ cách để làm cho người An Nam say khướt rượu cồn của các ông và trở nên u mê đần độn với thuốc phiện của các ông?

Sau cùng, ông nói đến "bổn phận", đến "nhân đạo" và "khai hóa"! Vậy bổn phận ấy là cái gì? Ông đã đem phô bày trong suốt cả bài diễn văn của ông rồi. Đó là thị trường, là cạnh tranh, là lợi tức, là đặc quyền. Buôn bán, tài chính, đó là những cái tượng trưng cho lòng "nhân đạo" của các ông. Sưu thuế, lao dịch, bóc lột nặng nề, – "công cuộc khai hóa" của các ông, tóm lại là thế đó! Thưa ông Ácsimbô, trong lúc đợi chờ ông có "một chức tước hiển vinh nhất mà người ta có thể mơ ước đến", thì tôi xin phép nói rằng, nếu trước kia Víchto Huygô [1] biết là hiện nay ông viết ra những đ...iều như thế trên tờ báo

---

1. *Víchto Huygô* (Victor Hugo): nhà thơ và nhà văn Pháp vĩ đại, sinh năm 1802, mất năm 1885. Víchto Huygô là người mở đầu cho cách viết mới, gọi là văn học lãng mạn tích cực, phê phán xã hội tư sản, ước mơ một xã hội công bằng, tốt đẹp hơn. Ông tham gia cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống Lui Napôlêông (tức Napôlêông III), kêu gọi "Nền Cộng hòa muôn năm! Hãy cầm vũ khí!". Trong một cuộc chiến đấu hầu như tuyệt vọng, vì lúc ấy Napôlêông III đã nắm được toàn bộ quân đội và cảnh sát, Víchto Huygô vẫn tiến lên trong cuộc chiến đấu chỉ với ba viên đạn. Cuối cùng ông phải sống lưu đầy 19 năm ở Bỉ, ở đảo Giécxây và Ghécnơxây. Ông "chỉ trở về nước Pháp cùng

của ông ấy, thì có lẽ ông ấy đã không sáng lập nó [1] ra đâu.

Mong ông, v.v...

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, ngày 15-1-1923.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr.58.

THƯ GỬI LẠI ĐỒNG NGHIỆP BÁO "NGƯỜI CÙNG KHỔ"
(TRƯỚC LÚC BÍ MẬT RỜI PARI ĐI MÁTXCƠVA) [2]

TIỂU DẪN. – Ngày 20-6-1923, trong phiên họp Ban biên tập báo *Người cùng khổ*, đồng chí Nguyễn Ái Quốc báo cáo xin phép nghỉ một thời gian để đi dưỡng bệnh ở một nơi xa Pari. Chỉ một mình Blôngcua (Max Clainville Bloncourt) là người đoán được lý do thật sự của việc này. Tháng 7-1923, mật thám Pháp thấy mất hút Nguyễn Ái Quốc, liền báo cáo với Bộ Thuộc địa. Công văn mật số 3555 của Sở Mật thám Pháp lộ rằng: tiếp tục mất dấu tích Nguyễn Ái Quốc. Tháng sau, lại thêm một công văn mật khác, số 4166, đề ngày 24-11-1923, báo cho Bộ trưởng Thuộc địa rằng, cho đến nay việc lùng tìm "vẫn chưa có kết quả". Đến tận tháng 10-1924, Chính phủ Pháp mới nhận được bức điện do Đại sứ quán Pháp vừa đặt tại Liên Xô gửi từ Mátxcơva về. Nội dung bức điện như sau: "Mật điện. Xin báo: từ tháng 1-1924, xuất hiện tại Mátxcơva người cộng sản gây rối Nguyễn Ái Quốc".

Dưới đây là lá thư đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi lại đồng nghiệp báo *Người cùng khổ*, trước lúc bí mật rời Pari đi Mátxcơva:

Các bạn thân mến,

Bao lâu nay chúng ta làm việc với nhau.

---

với tự do". Những năm tháng bị sống lưu đày, ông đã viết các bộ tiểu thuyết *Những người khốn khổ, Những người lao động miền biển*, các tập thơ *Trừng phạt, Truyện ký của các thời đại*, v.v... Ông là một trong những nhà văn đầu tiên ở phương Tây đã lên án chế độ thực dân châu Âu.

1. Tức tờ báo *Ráppen (Rappel)* do Víchto Huygô sáng lập năm 1869 mà tác giả Nguyễn Ái Quốc đã nhắc tới ở phần đầu bài viết này.

2. Đầu đề lá thư là do chúng tôi tạm đặt.

Mặc dầu chúng ta là những người khác giống, khác nước, khác tông giáo, chúng ta đã thân yêu nhau như anh em.

Chúng ta cùng chịu chung một nỗi đau khổ: sự bạo ngược của chế độ thực dân. Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung: giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho Tổ quốc chúng ta.

Trong cuộc chiến đấu của chúng ta, chúng ta không cô độc, vì chúng ta có tất cả dân tộc của chúng ta ủng hộ và vì những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân chính, đứng bên cạnh chúng ta.

Công việc chung của chúng ta, "Hội Liên hiệp thuộc địa" và tờ báo NGƯỜI CÙNG KHỔ đã có những kết quả tốt. Nó đã làm cho nước Pháp, nước Pháp chân chính, biết rõ những việc xảy ra trong các thuộc địa. Làm cho nước Pháp hiểu rõ bọn cá mập thực dân đã lợi dụng tên tuổi và danh dự của nước Pháp để gây nên những tội ác không thể tưởng tượng được. Nó đã thức tỉnh đồng bào chúng ta. Đồng thời nó cũng khiến cho đồng bào chúng ta nhận rõ nước Pháp, nước Pháp tự do, bình đẳng và bác ái. Nhưng chúng ta còn phải làm nhiều hơn.

Chúng ta phải làm gì?

Chúng ta không thể đặt vấn đề ấy một cách máy móc. Điều đó tùy hoàn cảnh của mỗi dân tộc chúng ta.

Đối với tôi, câu trả lời đã rõ ràng: trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do, độc lập.

Có lẽ một vài người trong các bạn cũng và có thể làm như tôi. Còn các bạn khác thì tiếp tục công việc hiện thời của chúng ta: củng cố "Hội Liên hiệp thuộc địa" và phát triển tờ báo NGƯỜI CÙNG KHỔ của chúng ta.

Các bạn thân mến,

Tôi từ giã các bạn. Tôi xa các bạn, nhưng lòng tôi luôn luôn gần các bạn.

Các bạn tha lỗi cho tôi không hôn các bạn trước khi đi. Các bạn biết rằng tôi bị theo dõi riết.

Khi các bạn được thư này, Nguyễn của các bạn ít nhất cũng đã xa nước Pháp hai mươi bốn giờ rồi.

Đại, người đồng hương của tôi, sẽ giao lại cho ông B thìa khóa

của tòa báo, giấy tờ và tài liệu của Hội và của tờ báo, cũng như quỹ của tờ báo. Tôi đã trả tiền thuê nhà cho tòa báo đến cuối năm. Tiền in cũng đã thanh toán. Chúng ta không mắc nợ ai. Sổ thư viện để ở trong ngăn kéo bên phải. Sách cho mượn đã lấy về, trừ những sách cho những hội viên đi nghỉ mượn.

Nói tóm lại, các việc đều đâu vào đấy trước khi tôi đi.

Tôi sẽ viết thư cho các bạn. Nhưng tôi không dám hứa với các bạn, vì không phải dễ viết thư khi người ta hoạt động bí mật. Dù tôi có viết thư cho các bạn hay không, các bạn hãy tin chắc rằng lòng tôi luôn luôn yêu các bạn. Nhờ các bạn bắt tay những người bạn Pháp của chúng ta.

Bây giờ, một vài lời với cháu trai và cháu gái.

Các cháu rất yêu chú và chú cũng rất yêu các cháu, phải không các cháu? Chú sẽ nói với những người bạn nhỏ Việt Nam là các cháu rất ngoan. Chú sẽ thay mặt các cháu bắt tay các bạn nhỏ Việt Nam.

Có lẽ rất lâu, các cháu sẽ không được thấy chú Nguyễn, không được leo lên đùi, lên lưng chú như các cháu thường làm. Và cũng rất lâu chú sẽ không thấy cô Alitxơ (Alice) và cậu Pôn (Paul) của chú. Khi chú cháu mình gặp nhau, có lẽ chú đã già, các cháu đã lớn bằng ba và má. Điều đó không ngại gì. Chú sẽ luôn luôn nhớ đến các cháu. Các cháu luôn luôn vẫn là cô bé Alitxơ và cậu bé Pôn thân yêu của chú.

Các cháu ngoan. Học thuộc bài. Vâng lời cha mẹ. Đừng đánh con chó nhỏ Mariuýt (Marius) của các cháu. Khi các cháu đã hơi lớn, các cháu sẽ đấu tranh cho Tổ quốc của các cháu cũng như ba má, chú Nguyễn và những chú khác.

Các cháu nhỏ thân yêu của chú, chú hôn các cháu rất kêu. Các cháu hôn mẹ hộ chú.

NGUYỄN

Tháng 6-1923

Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch. Nhà xuất bản Văn học. Hà Nội, 1972, tr. 46.

CHẾ ĐỘ ĐỘC ĐOÁN Ở ĐÔNG DƯƠNG
NGƯỜI "ĐƯỢC" BẢO HỘ VÀ NGƯỜI ĐI "BẢO HỘ"

Ông Cẩm Đà Lạt (Trung Kỳ) có một cách hiểu vai trò "khai hóa" của mình đến là hay. Một hôm, người cộng tác rất xứng của ông Xarô này cần đến ván gỗ. Ông ta sai người đến kiếm ván ở nhà một người bản xứ làm nghề buôn bán. Nhà buôn này đòi phải trả tiền rồi mới được mang hàng đi. Nghe lời yêu cầu này, ông Cẩm nổi giận, phái ngay lực lượng vũ trang đến với nghiêm lệnh là dù "sống hay chết" cũng phải bắt cho được tên An Nam đó về sở.

Để tránh cơn giận của vị đại biểu cho Nước Bảo hộ, nhà buôn không kể gì đang ốm cũng đành phải bỏ nhà và lánh sang tỉnh khác.

Một thầy thuốc người Âu chứng kiến tấn trò kể trên đã can thiệp để bênh vực nhà buôn bản xứ. Vụ can thiệp "chướng tai gai mắt" này làm cho viên thầy thuốc bị đổi đi, bị đày lên Kông Tum, một nơi nước độc mà người Âu rất sợ. Chính đấy là nơi mà viên thầy thuốc đó đang đền cái tội thân người bản xứ của ông. Trong khi ấy thì bọn Đáclơ, Bôđoanh vẫn ung dung phè phỡn trong vinh dự và khoái lạc. Kẻ mắc cái tội phạm uy tín kể trên là bác sĩ Honxtarich [1] Chúng tôi xin tỏ tấm cảm tình của chúng tôi đối với ông ấy.

Còn nhà buôn Việt Nam thì sau ra sao? Anh ta bị ghi tên vào sổ những người bị tình nghi, liệt vào hạng "ghét Tây", vào số những kẻ còn cần theo dõi. Một bầy mật thám Pháp và Việt Nam bám riết theo gót anh ta. Nhiệm vụ của bọn này là ghi từng giờ từng phút mọi hành động cử chỉ của anh ta, là tô đen tất cả mọi ý định của anh.

Công cuộc theo dõi này được tiến hành một cách khá lộ liễu để làm cho bạn bè quen thuộc của người Việt Nam này phải chùn lại không dám lai vãng nhà anh ta nữa, đến nỗi đời sống của anh trở nên hết sức khó khăn. Bất cứ thế nào cũng không một người bản xứ nào dám đến nhà anh. Hoàn toàn bị cô lập với đồng bào của mình,

---

1. Holstarich.

nhà buôn này chỉ còn có hai con đường: hoặc đi ăn cướp, hoặc đi ăn mày. Nhưng cái nghề thứ hai này có thể lại làm cho anh càng đáng khả nghi hơn vì kiếp sống lang thang.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, số 16, tháng 7-1923.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 63.

ÁCH ÁP BỨC
KHÔNG TỪ MỘT CHỦNG TỘC NÀO

Vôrốpxki [1], phái viên của nước Nga công nông đã bị bọn phát xít ám sát ở Thụy Sĩ. Không một phái viên nào của các cường quốc rất văn minh và rất sùng đạo Thiên chúa đang họp ở Lôdannơ hạ cố đi đưa đám. Chỉ có phái đoàn Thổ Nhĩ Kỳ do Ismét Pasa dẫn đầu đã đến nghiêng mình trước thi hài người bị sát hại.

Ben Rađia, một công nhân, quê ở Tuynidi đã bị cảnh sát giết ở Pari ngày 1 tháng Năm. Các tổ chức công nhân ở Pari đã tổ chức một đám tang lớn. Hàng mấy nghìn công nhân đã nghỉ việc ngày hôm đó để đi đưa người đồng chí bản xứ của mình tới nơi an nghỉ cuối cùng.

Tất cả những liệt sĩ của giai cấp công nhân, người ở Lôdannơ cũng như ở Pari, những người Lơ Havrơ cũng như những người ở Máctiních, đều là những nạn nhân của một kẻ sát nhân: chủ nghĩa tư bản quốc tế. Và hương hồn của những người bị hy sinh này bao giờ cũng tìm thấy nguồn an ủi cao nhất ở lòng tin vào sự nghiệp giải phóng những anh em của họ bị áp bức – không phân biệt chủng tộc hay xứ sở.

Sau những bài học đau đớn này, những người bị áp bức ở tất cả

1. *Vôrốpxki* (1871 - 1923): một nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản Liên Xô, một nhà phê bình văn học và một nhà ngoại giao. Ông tham gia Đoàn đại biểu Liên Xô tại Hội nghị Lôdannơ (1922 - 1923), bị tên bạch vệ phát xít Cônrađi bắn chết ở Lôdannơ ngày 10-5-1923.

các nước hẳn phải hiểu đâu là những người anh em thật sự và đâu là kẻ thù của họ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, số 17 tháng 8-1923.
Bản dịch: *Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 20.

ĐỘI QUÂN CHỐNG CÁCH MẠNG

Chúng ta đều biết rằng sự tranh giành thuộc địa là một trong những nguyên nhân chính của chiến tranh đế quốc chủ nghĩa năm 1914 – 1918.

Điều mà tất cả những người Pháp đều không thể biết đến là việc đưa những đội quân viễn chinh sang các thuộc địa đã làm cho dân số giảm sút một cách trầm trọng mà hiện nay đất nước họ đang phải chịu đựng. Nếu đọc các bản thống kê những sự tổn thất quân sự về người chết và bị thương ở các thuộc địa, thì người ta sẽ phải kinh khủng về sự hao hụt mà những sự tổn thất đó đã gây ra cho một dân số đang mỗi ngày giảm sút như dân số nước Pháp. Từ tháng Giêng đến tháng Sáu 1923, riêng ở Marốc cũng đã có 840 binh lính bị giết hay bị thương để mang lại "quang vinh" cho Thống chế Liôtây [1]!

Điều mà giai cấp công nhân Pháp không thể không biết đến là chủ nghĩa tư bản dựa vào thuộc địa để chống lại tất cả mọi phong trào giải phóng mà giai cấp công nhân Pháp định mưu đồ. Không hoàn toàn tin tưởng những binh lính người da trắng nữa, vì họ ít nhiều cũng đã tiêm nhiễm tư tưởng về giai cấp, bọn quân phiệt Pháp

1. *Liôtây* (Lyautey, Louis Hubert Gonzalve) (1854 - 1934): Thống chế Pháp. Năm 1894 - 1896, tham dự cuộc chiến tranh xâm lược ở Đông Dương, rồi sau đó được cử đi đàn áp cuộc đấu tranh giải phóng ở Madagátxca. Từ năm 1912, đến năm 1925 làm Cao ủy và Toàn quyền của Pháp ở Marốc, hắn thi hành ở đó một chính sách "thực dân và đồng hóa dân tộc", đàn áp dã man phong trào giải phóng dân tộc của người Marốc, và đặt ách bảo hộ của Pháp lên xứ này.

lấy những người bản xứ ở châu Phi và châu Á để thay thế họ. Trong số 150 trung đoàn của quân đội Pháp, có 10 trung đoàn người da trắng ở các thuộc địa, nghĩa là những người nửa bản xứ; 30 trung đoàn người châu Phi và 39 trung đoàn bản xứ các thuộc địa khác. Như vậy, một nửa số quân đội Pháp là tuyển mộ ở các thuộc địa.

Mà người Việt Nam phải tòng quân 4 năm, người Angiêri 3 năm; thế là theo sự tính toán của bọn quân phiệt Pháp thì giá trị 2 người lính bản xứ gần bằng 5 người lính Pháp.

Hơn nữa, vì không hiểu tiếng nói và chính trị trong nước, không có một mối quan hệ nào ràng buộc họ với dân cư chính quốc, tưởng rằng tất cả những người da trắng đều cùng giống với những người bóc lột họ, và cuối cùng, do những người da trắng cấp trên của họ thúc đẩy, nên người lính bản xứ có thể ngoan ngoãn và mù quáng bước vào chỗ mà người lính Pháp, giác ngộ hơn, có thể từ chối không chịu được. Nguy hiểm là ở chỗ đó.

Người ta tự hỏi vì lý do gì mà 31 trung đoàn trong số những trung đoàn người bản xứ sẽ đóng lại trên lãnh thổ Pháp. Họ sẽ được dùng để làm gì? Phải chăng người ta sẽ dùng những người bản xứ đó để khai hóa cho người Pháp? Như vậy là ý định của chủ nghĩa tư bản Pháp đã rõ ràng! Công nhân Pháp có nhiệm vụ phải hành động. Họ phải kết tình anh em với binh lính bản xứ. Họ phải làm cho binh lính bản xứ hiểu rằng cả công nhân ở chính quốc lẫn binh lính ở thuộc địa, đều cùng bị chung một bọn chủ áp bức và bóc lột, do đó, họ đều là anh em cùng một giai cấp, và khi tới lúc phải chiến đấu, thì cả hai bên đều phải cùng đánh bọn chủ chung của mình, chứ anh em không nên đánh lẫn nhau.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Đời sống thợ thuyền*, ngày 7-9-1923.
Bản dịch: *Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 22.

KHÔNG PHẢI LÀ CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT ĐÂU, NHƯNG...

Ông Clêmăngxô [1] đã chứng minh rất rành rọt cho thế giới nói chung, và cho người Mỹ nói riêng, rằng nước Pháp không phải là một nước quân phiệt, cũng không phải là một nước đế quốc chủ nghĩa; hoàn toàn chẳng phải thế đâu nhé!

Thế nhưng, ông Ácsimbô lại vừa mới làm cho tiêu mất đôi chút cái vẻ mỹ miều của những lời nói của "Ông Cọp" [2], khi ông Ácsimbô viết trong bản báo cáo vừa rồi của ông ta về ngân sách thuộc địa rằng:

Năm 1914, quân đội chiếm đóng gồm có 1.852 sĩ quan, 17.290 hạ sĩ quan và lính người Âu, 42.099 người bản xứ; lại phải thêm vào số đó 1.979 người trong các đội cảnh vệ bản xứ của Đahômây, Ghinê và Bờ Biển Ngà [3], hiện nay những đội lính này đã được thay thế bằng những đội quân chính quy. Tổng cộng quân số là 63.220 người.

Từ sau chiến tranh, người ta đã phải thiết lập tại các khu vực ủy trị, Tôgô và Camơrun, những trại lính mà quân số lên tới 1.712 người.

Ngoài ra, còn phải thành lập, nhất là tại Tây Phi thuộc Pháp, những đơn vị đặc biệt để tuyển mộ, đăng ký nhập ngũ và huấn luyện số binh lính người bản xứ phục vụ ở Pháp hoặc ở nước ngoài. Các đơn vị đó đã thu hút 2.237 người, trong đó có 271 sĩ quan và hạ sĩ quan người Âu.

Sau hết, con số những người bản xứ phục vụ ở Pháp hoặc ở nước ngoài, và do các thuộc địa trực thuộc Bộ Thuộc địa cung cấp, là 45.000 người.

Nếu chúng ta nói thêm rằng, chỉ riêng ở Đông Dương, chi phí về quân sự năm 1921, cũng đã hơn 35.600.000 frăng, trong khi đó ngân

---

1, 2. *Clêmăngxô* (G. R. Clémenceau) (1841 - 1929): phần tử hoạt động chính trị phản động Pháp, một trong những người sáng lập Đảng Xã hội cấp tiến, chủ trương chiến tranh báo thù Đức, can thiệp chống Liên Xô và thực hiện chính sách đàn áp các cuộc bãi công trong nước. Lời nói của y trên báo, trong Nghị viện và sự phản đối của y có tác dụng làm đổ nhiều nội các tư sản Pháp, nên các báo chí tư sản từng gọi y là "Con Cọp".

3. Tiếng Pháp là Côte d'Ivoir.

sách giáo dục có không đầy 350 nghìn đồng bạc và ngân sách về y tế không đầy 65 nghìn đồng bạc, thì sẽ thấy ngay tất cả sự "tốt đẹp" của chế độ thực dân của cái nước Cộng hòa Pháp rất "nhân từ" và đã "tài giảm quân bị" này.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 28-9-1923. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1959, tr. 67.

NƯỚC VIỆT NAM DƯỚI CON MẮT NGƯỜI PHÁP

Trong một bản tuyên bố, ông Bô [1] lúc đó là Toàn quyền Đông Dương, nói với người Việt Nam như thế này:

"Hỡi nhân dân nước An Nam!

Chúng ta đến nước các ngươi là nối gót ông cha chúng ta đã từng lui tới bờ biển nước các ngươi từ hai thế kỷ nay.

Chúng ta đến đây cũng với một tinh thần mạo hiểm và một ý muốn khai hóa.

Không hiểu phong tục và lịch sử nước các ngươi, chúng ta tưởng đem đến cho một dân tộc dã man những ân huệ của một nền văn minh cao cả.

Chúng ta đã đi khắp đồng ruộng, núi đồi, và ở đâu chúng ta cũng khen cho sự cần cù không mệt mỏi của các ngươi.

Chúng ta đi qua khắp kinh kỳ, ở đâu chúng ta cũng thấy có cơ sở tổ chức đáng khen.

Chúng ta đã vào nhà các ngươi và chúng ta cũng thấy trong gia đình trên kính dưới nhường, thờ phụng tổ tiên.

Chúng ta đã đi thăm các đền chùa, được đọc những câu châm ngôn làm vẻ vang cho Nhân loại".

Ông Đờ Puvuốcvin cũng viết:

"Chúng ta thấy ở đây cả một nền văn minh, mọi thứ đều xây

1. *Bô (Beau):* Toàn quyền Đông Dương.

dựng từ lâu. Nghệ thuật, khoa học, kể cả khoa học quản lý Nhà nước đều đã phát triển mạnh mẽ. Luật pháp, cổ phong, tôn giáo, văn học, tất cả đều đã hoàn chỉnh và phù hợp với nhau, trải qua bao nhiêu thế kỷ, đã được điều hòa và ngày càng hoàn hảo thêm. Những vết tích man rợ đã mất đi từ lâu, dân tộc này đã sống trong một xã hội thuần thục có tổ chức, trong khi những người phương Tây còn ở tình trạng bán khai. Yêu mến quê hương, quyến luyến gia đình, tôn kính tổ tiên, yêu chuộng công lý, tôn trọng chính nghĩa, ham thích khoa học, coi trọng lời nói thánh hiền, thương yêu nòi giống, tôn kính lẽ phải, ghét xa hoa, không ham tiền tài, khinh ghét vũ lực, không sợ gian khổ, hy sinh; đó là những đức tính răn dạy trong sách thánh hiền, ghi lại trong cổ phong và ghi thành luật pháp; đó cũng là những đặc điểm về bản tính của người Việt Nam hình thành từ bao thế hệ, những thế hệ luôn luôn cố gắng thực hiện đạo đức ấy một cách thành kính; người Việt Nam bình thường mà người ta gặp bất cứ ai ở đâu cũng đều như vậy cả... Trong đám người bình dân, người ta cũng thấy những thuần phong mỹ tục ấy, cả ở những người mà xưa nay chúng ta thường quen gọi là bọn côn đồ, quân ăn cướp".

Bây giờ chúng ta xem xét dân tộc ấy bị ai cai trị và cai trị bằng cách nào.

"Chúng ta tới đây không làm cho người Việt Nam giàu lên chút nào, mà còn gây nên khủng hoảng để di hại lâu dài. Cạnh tranh của người châu Âu đã bóp chết một số công nghiệp; thuế má nặng nề làm phá sản một số công nghiệp khác" (Thiếu tá Bécna).

"Xã hội cũ Việt Nam tổ chức tốt như thế đã bị chúng ta phá hủy. Chúng ta tìm cách thay thế bằng những tổ chức thô sơ và quá xộc xệch theo kiểu Pháp, nhưng vô hiệu.

Khắp nơi người ta vi phạm luật lệ của người Việt Nam, coi thường phong tục, cướp bóc tài sản; mượn cớ đi trấn áp, nên quân lính "được thể" lại tha hồ cướp phá, giết chóc; thú tính xấu xa nhất lại hoành hành; đến cái vẻ công lý cũng không còn, không một viên chỉ huy nào mà miệng không chửi rủa, tay không múa dùi cui, chúng chỉ trấn áp chứ không cần giảng giải gì" (Đờ Puvuốcvin).

"Nếu bọn Đức buộc cho hai tỉnh [1] bị chúng xâm chiếm một chế độ

1. Hai tỉnh Andátxơ và Loren của Pháp bị Đức chiếm đóng trước đại chiến thế giới lần thứ nhất.

giống như chế độ mà chúng ta bắt buộc những người chúng ta gọi là dân bảo hộ kia phải theo, thì tất cả châu Âu văn minh sẽ đứng lên chống lại chúng" (V. Đốctông).

"Tôi mạn phép nói rằng cách khai hóa đánh vỡ đầu người ta chứ không cải biến đầu óc cho người ta, như thế là hơi thô bạo. Đây là những người đang sống yên ổn trong nhà họ. Bỗng nhiên chúng ta xông vào đất đai không phải của chúng ta, mang danh nhân đạo, chúng ta chém giết những người bản xứ hoặc đuổi họ ra khỏi nhà. Chính cái đó đã gợi cho họ một ý niệm kiêu hãnh về văn minh đấy. Vì tình nhân loại, người ta giết; vì tình nhân loại, người ta cướp đoạt; vì tình nhân loại, người ta bóc lột những người bản xứ!" (E. Macác).

"Tôi không tưởng tượng được – ông Đume, Toàn quyền Đông Dương viết – tôi không tin rằng người ta có thể có một quan niệm về một chính phủ thuộc địa kỳ quái vô lý nào hơn Chính phủ Nam Kỳ hiện nay. Ngay lúc đầu người ta đã đạt đến lý tưởng kiểu đó rồi.

Nam Kỳ được đặt ngang hàng với các thuộc địa "lâu đời" của chúng ta như Máctiních, Goađơlúp, Rêuyniông; cũng như những thuộc địa này, Nam Kỳ có đại biểu ở Nghị viện Pháp và có hội đồng dân cử địa phương".

Ở đây tôi không muốn nghiên cứu để đánh giá tổ chức ở các thuộc địa lâu đời, hoặc để xem việc xác lập quyền lập pháp ở đây có phù hợp với chế độ đại nghị ở chính quốc không. Nhưng ít ra người ta cũng phải giải thích sự tồn tại của một Hội đồng chính trị chiếm bá quyền ở một nước có phổ thông đầu phiếu, trong đó tất cả mọi người dân, dân bản xứ hay dân Pháp, đều là công dân của nước Cộng hòa được hưởng đầy đủ quyền lợi chính trị.

Ở Nam Kỳ thì không giống như thế chút nào, dân bản xứ là những "thần dân" của Pháp chứ không phải là công dân Pháp.

Trong số 2000 người Pháp ở Nam Kỳ, người ta đã tính có đến 1500 người sống dựa vào ngân sách, còn trong số 500 kia thì cũng chỉ có một số người không có quan hệ với Nhà nước. Như vậy là trong dân số 3 triệu người không có được hai nghìn cử tri [1], và ba phần tư những người này lại là công chức. Ấy thế mà người ta gọi đó là phổ thông đầu phiếu!

Nhóm đa số những người ăn lương ấy bầu ra một đại biểu vào Hạ

1. Đều là những người Pháp.

nghị viện, chỉ định hội nghị lập pháp ở thuộc địa, tức là hội đồng thuộc địa. Người ta có thể bẻ lại rằng Hội đồng ấy gồm có hội viên người Việt Nam [1], có đại biểu của Phòng Thương mại và của Hội đồng tư vấn. Thực tế thì những hội viên do đoàn tuyển cử Nam Kỳ bầu ra làm chủa trong hội đồng; những thành phần khác của Hội đồng chỉ biết cúi đầu nghe theo và không dám hé răng.

Ở đây người ta thấy cả cái "tốt đẹp" của chế độ: một nhóm đa số người ăn lương ngân sách sắp đặt lấy các khoản chi và quyết định lấy những khoản thuế phải thu. Một câu tục ngữ đã nói: "Trước khi thương người, phải thương mình đã". Tiền thuế còn đem dùng để đài thọ những công việc mới, nhờ đó mà thêm được cử tri, dùng để hậu đãi viên chức Nhà nước và những người bạn của họ, cách dùng tiền như thế còn gì "tốt" hơn nữa!

Tất cả thế lực tàn bạo, vô chính phủ do các tổ chức tạo ra bất chấp quyền lực Nhà nước đều tập trung trong tay ông X..., một người thông minh và *khôn khéo,* ông ta tập hợp xung quanh mình một phe phái dễ điều khiển bằng cách chiều chuộng họ và thỏa mãn những điều họ khao khát. Người ta bỏ thăm bầu cho ông X... và cho các bạn của ông ta vào Hội đồng thuộc địa và Hội đồng thành phố; người ta bầu ông X... vào Hạ nghị viện. Muốn nắm được cả bộ máy cai trị, chỉ cần có một số những cử tri trung thành chiếm đa số là được. Ở đây người ta đã nắm được họ và nắm riêng từng người một; rồi đặt nơi này hay nơi kia một vài tên tay sai để đi sát họ; người ta bảo đảm địa vị cho họ, bằng cách lưu ý đến việc tuyển lựa nhân viên Nhà nước, vì chính những người này cũng vừa là cử tri nữa đấy.

Nhóm cử tri đầu tiên có kỷ luật là nhóm người da đen Ấn Độ. Những người Ấn Bengan không bị luật lệ Pháp chi phối, nhưng họ vẫn được xem như là người Pháp như thường; họ là công dân, là cử tri, họ được tham gia các cuộc bầu cử. *Người Việt Nam ở trong nước mình lại không phải là công dân và không được đi bầu.* Bên cạnh đoàn quân người Ấn sẵn có, ngoan ngoãn đi theo ấy, cần thiết phải bổ sung một đội quân lớn mạnh những công chức người Âu. Thì người ta đã tìm được những người này ở các công sở, người ta đã bỏ khá nhiều *tiền thuế của dân* để mua chuộc sự giúp đỡ của họ.

Hội đồng thuộc địa săn sóc đến những cử tri viên chức, nhưng

---

1. Cứ hai người Pháp thì có một người Việt Nam.

Chú thích 1 ở trang trên và trang này là của chính tác giả.

cũng không bỏ quên bản thân mình. Có những lúc tất cả những ông hội đồng, không trừ một ai, đều lần lượt được hội đồng biểu quyết giao cho những việc có lợi lớn. Việc trưng thầu một con đường, mà công việc kéo dài năm này qua năm khác, không ai kiểm soát, đã đem lại những món lời thường xuyên cho một ông hội đồng nọ. Một ông thứ hai là bác sĩ chuyên trị cho viên chức ở thuộc địa, được hưởng lương rất cao; một ông khác là bác sĩ công tác ở thành phố lớn; một hội viên thứ tư được trưng thầu cung cấp giấy má và sổ sách in. Không phải chỉ có cử tri một mình được hưởng thụ chế độ này, người trúng cử cũng có phần mình trong ấy chứ.

Người Việt Nam âm thầm đóng góp cho bọn chúng, nhưng bọn chúng không thèm hỏi ý kiến họ bao giờ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương [1]. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 5. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

---

1. *Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương* là tác phẩm in một số bài báo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, viết trong những năm từ 1921 đến 1926, hiện chưa xác minh được ngày tháng từng tài liệu. Đây là những bài viết bằng tiếng Pháp, căn cứ vào những sự kiện cụ thể, chính xác với lời văn châm biếm sâu sắc và có tính chiến đấu rất cao, bóc trần một cách toàn diện những chính sách tàn bạo của đế quốc Pháp ở Đông Dương về phương diện chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, giáo dục và xã hội. Tài liệu này cùng với *Bản án chế độ thực dân Pháp* và những bài viết khác của đồng chí Nguyễn Ái Quốc là những đòn giáng mạnh vào đầu thực dân Pháp trong những năm 20 của thế kỷ này; đồng thời làm cho nhân dân Pháp và những người bạn của cách mạng Đông Dương thấy rõ bộ mặt thật xấu xa của đế quốc Pháp ở đây, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của họ đối với cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc ở Đông Dương. Tác phẩm của Người có tác dụng lớn trong việc thức tỉnh quần chúng nhân dân đứng lên đấu tranh để tự cởi bỏ xiềng xích cho mình.

Những tài liệu lịch sử vô cùng quý giá này đã được Đảng Cộng sản Liên Xô giữ gìn chu đáo mấy chục năm với tinh thần quốc tế vô sản cao cả, sau đó đã gửi cho Đảng ta. Năm 1962, lần đầu tiên tác phẩm này được dịch ra tiếng Việt và xuất bản thành sách tại Việt Nam. Bản dịch các bài rút ra từ tác phẩm này là của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

TÂM ĐỊA THỰC DÂN

Một nghị sĩ Pháp đã nói về Angiêri: "Ở trên thế giới, không có một dân tộc chiến bại nào bị kẻ chiến thắng ngược đãi hành hạ bằng dân tộc thuộc địa!". Điều ấy đúng với người "Bicô" [1] ở Angiêri và cũng đúng với người "nhà quê" ở Đông Dương. Một người Pháp khác viết: "Chúng ta trở nên đáng ghét không chịu được... Hình như chúng ta chỉ làm cho người bản xứ không ai chịu nổi sự có mặt của ta. Ở châu Âu, người ta coi giống người da vàng như là chứa đựng tất cả những thói lừa lọc xảo trá. Ấy thế mà chính chúng ta cũng rất ít chú ý tỏ ra là mình ngay thẳng thành thật.

"Đời sống ở thuộc địa chỉ làm những tật xấu của con người phát triển: những kẻ đã quen mùi chiến tranh lại càng không còn gì là ý thức đạo đức, càng trụy lạc, bất lương và độc ác; bọn con buôn và những tay lưu manh khác càng thích thú cướp bóc và trộm cắp. Ở bên Pháp, họ ít có dịp để làm những việc đó, và họ sợ cảnh sát hơn! Ở Đông Dương, nhiều khi bọn này chỉ có một mình với vài người Việt Nam trên một con thuyền hay trong một làng hẻo lánh nào đó, nên họ cướp bóc càng tàn bạo hơn tên cướp châu Âu ở giữa chợ búa đông người, và họ càng tàn nhẫn với những người dân quê dám kháng cự lại họ..."

*

*   *

Tất cả những người Pháp sang Đông Dương đều nghĩ rằng người Việt Nam là hạng người hèn hạ hơn họ, và phải làm nô lệ cho họ. Họ coi người Việt Nam như những súc vật phải điều khiển bằng roi vọt.

Phần đông người Pháp ở đây đã quen tự cho mình là thuộc một tầng lớp quý tộc mới, có đặc quyền.

Nhà du lịch xa lạ chưa am hiểu xứ này rất đỗi ngạc nhiên thấy người Âu, dù là binh sĩ hay thực dân, họ thường chẳng còn cách đối xử nào khác với người bản xứ hơn là cách đối xử với tôi tớ của họ. Đối với họ, hình như người bồi là đại biểu cho cả chủng tộc da vàng. Phải được tai nghe người Pháp ở Đông Dương nói về người "da vàng" thì mới biết được họ khinh bỉ người ta đến mức như thế nào. Phải

1. Thực dân khinh miệt gọi người Angiêri là "Bicô" (Bicôt) nghĩa là con dê con.

được thấy cách đối xử của người Pháp khi họ gặp người bản xứ, ngay cả ở những nơi người này được có quyền như họ, thì mới biết họ thô bạo đến đâu!

*

* *

Người Âu nào cũng rất quan tâm đến thái độ phục tùng và cung kính của người bản xứ. Người Việt Nam ở thành thị cũng như ở thôn quê đều bắt buộc phải ngả nón trước mặt họ. Quá quắt hơn, người ta dùng cả đến gậy hay bắt bỏ tù người bản xứ nào sơ xuất không tỏ lòng cung kính đối với họ!

Dù có kính cẩn và ngoan ngoãn đến đâu chăng nữa, người Việt Nam cũng chẳng làm vừa lòng chủ mình được. Nếu phạm lỗi hay chỉ sai lầm đôi chút, họ làm sao mà giảng giải, mà phân trần lòng thành thật của mình? Nhưng nếu người Pháp nói năng khó hiểu thì chẳng lẽ một người da trắng lại phải tự nhận lỗi ư? Có một cách để hiểu nhau đơn giản hơn: đó là cái ba toong [1]. Và lúc nào người ta cũng dùng đến nó.

Một viên binh sĩ viết rằng: người Việt Nam rất hiền lành, rất ngoan ngoãn, tuy thế, người ta chỉ nói chuyện với họ bằng những cái đá đít. Viên binh sĩ ấy lại nói thêm: suốt ngày người ta vác gậy và dùng sống gươm để nện người Việt Nam bắt họ làm việc.

Người ta đã trông thấy các viên sĩ quan hành hạ các cụ già hiền lành và túm râu thầy cúng mà kéo trong khi họ đang hành lễ.

Ông Cuốctenlơmăng kể chuyện một cách mỉa mai: Tôi có quen một Ngài có một lối khai hóa thật đáng học tập. Khi Ngài ta ra khỏi cửa, các xe kéo, theo một thói quen như những người đánh xe ngựa ở bên Pháp, xô đến mời Ngài. Bực mình quá, Ngài nắm chắc ba toong trong tay, quật vào những người cu li [2], và thừa biết rằng những người cu li khốn khổ này chẳng thể ăn miếng trả miếng với Ngài, Ngài ta càng ra tay quật. Buổi chiều, Ngài muốn đi chơi, nhưng cu li xe đã biết tính Ngài, không dám lại gần Ngài nữa. Thế là Ngài lại với họ, rồi cầm cái gậy quý hóa của Ngài, quật lên lưng họ để dạy dỗ cho họ biết phải đến hầu Ngài. Ngài ấy bảo: "Vả lại, biết làm thế nào được với cái hạng người ấy, dù chúng đã gần gũi chúng mình bấy lâu nay mà vẫn chưa dám ăn thịt quay!"

---

1. *Ba toong:* tiếng Pháp là "bâton" nghĩa là cái gậy.

2. *Culi:* phiên âm từ chữ "coolie", tiếng chỉ những người làm việc nặng nhọc mà bọn thống trị trong xã hội cũ gọi một cách khinh bỉ là "phu".

Người ta nghe thấy vô số người Pháp, và không phải là hạng kém cỏi gì đâu – lý luận như thế đấy.

*

* *

"... Lúc đó binh lính đang vui vầy giải trí. Dưới mạn tàu, mấy chiếc thuyền bán hoa quả, vỏ ốc biển cho người Pháp. Người bản xứ bỏ hàng vào giỏ, treo lên đầu sào, cất lên tận nơi cho họ. Họ chỉ còn mất công lựa chọn. Gọi là có trả tiền, những kẻ tỏ ra hào phóng này bỏ vào đầy giỏ đủ thứ linh tinh: ống điếu, khuy quần, mẩu thuốc lá thừa. Đôi khi – để đùa một tí chơi – anh thợ đốt máy hắt một gầu nước sôi xuống lưng những người bản xứ khốn khổ. Thế là, họ kêu rú lên, cuống cuồng vung chèo chạy trốn, làm cho thuyền bè đâm vào nhau rầm rầm.

Ngay phía dưới tôi, một người Việt Nam *bị bỏng từ đầu đến chân* điên cuồng lên, toan nhảy xuống biển. Bạn anh ta, có lẽ là người anh ruột – quên cả nguy hiểm thả tay chèo ra, túm lấy anh, bắt anh nằm xuống lòng thuyền. Cuộc vật lộn chớp nhoáng vừa chấm dứt, thì một bàn tay thành thạo giội ngay một gầu nước sôi thứ hai xuống đẫm mình cả người anh nữa. Tôi trông thấy anh ta giãy giụa, lăn lộn trong thuyền, mình mẩy tuột da, gào rống lên như một con vật. Ấy thế mà những cảnh đó lại làm cho chúng tôi, những người da trắng bật cười được đấy, chúng tôi thấy ngộ nghĩnh quá, quả thật chúng tôi đã có tâm hồn thực dân lắm rồi!..."

*

* *

Một người lính khác kể: "Trong thời gian tôi ở Bắc Kỳ không có tuần nào là không thấy vài cái đầu rụng...

Về những cảnh ấy, tôi chỉ còn nhớ có một điều: chúng ta cũng độc ác, cũng dã man như chính quân kẻ cướp. Tại sao lại dùng những hình phạt thâm hiểm như thế đối với một kẻ sắp đem xử tử? Tại sao lại dùng những nhục hình đau khổ ấy, tại sao lại dùng cái xiềng cổ độc ác ấy, tại sao lại giải từng đoàn tù nhân như ma dại đi bêu khắp xóm làng?".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 10. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

NHỮNG THẢM HỌA CỦA NỀN "VĂN MINH" PHÁP

Để truyền bá "văn minh" và bảo vệ "danh dự" lá quốc kỳ Pháp ở các thuộc địa xa xôi, người ta dùng những đội quân gồm toàn những tên lưu manh, những bọn lười biếng, những tên lọt lưới pháp luật, những tên giết người, nói tóm lại, gồm các "tinh hoa" của những cặn bã, lượm lặt ở tất cả các nước châu Âu. Đến nước đã bị chiếm cũng thế, người ta thả những tên sát nhân này vào trong đám dân chúng thiếu tự vệ. Và để kích thích chúng, người ta buông lỏng cho bọn côn đồ tha hồ hoành hành theo thú tính tàn bạo của chúng. Sau đây là vài câu chuyện do các nhà văn thuộc địa kể lại. Họ đã từng chứng kiến những hành động dã man của những người vệ sĩ "anh dũng" cho nền "văn minh cao cả ấy".

*

* *

· Khi bốn người lính đến, mọi người đều bỏ chạy, chỉ có hai ông cụ già và hai người đàn bà ở lại: một cô gái chưa chồng và một bà mẹ, đang cho con nhỏ bú, một tay dắt một bé gái tám tuổi. Bọn lính đòi tiền, rượu và thuốc phiện. Bà con không hiểu, điên tiết, chúng dùng báng súng đánh một ông cụ chết ngất. Sau đó hai tên lính đã say mềm từ khi mới đến, đùa chơi bằng cách lấy cành cây nhóm lửa thui ông cụ ấy hàng giờ. Trong khi đó thì bọn nọ hãm hiếp hai người phụ nữ và bé gái; chán rồi chúng giết bé gái đi. Bà mẹ bế con chạy thoát được, đến nấp sau bụi cây cách đó khoảng hai trăm thước còn trông thấy bọn lính đang hành hạ cô gái. Vì lý do gì bà không biết, cô gái bị nằm vật ngửa, bị trói tay, bịt miệng, một tên lính dùng lưỡi lê đâm từ từ vào bụng cô rồi rút ra rất thong thả và làm thế nhiều lần. Bọn chúng chặt tay của cô lấy chiếc nhẫn và cắt đầu cô lấy chiếc vòng.

Ba xác chết nằm trơ lại trên mảnh đất phẳng của đồng muối đã bỏ hoang: xác bé gái trần truồng, cô gái chưa chồng bị mổ bụng, cánh tay trái cứng đờ, giơ nắm tay lên trời lạnh lùng, còn xác ông cụ già, thật ghê sợ, cũng trần truồng như những xác kia, bị đốt cháy mặt mũi không còn nhận ra được nữa, mỡ chảy, loang ra rồi đông lại, da bụng trương lên và bị thui vàng như da lợn quay.

*

* *

Sau khi chiếm được Chợ Mới, vào buổi chiều, một sĩ quan thuộc tiểu đoàn châu Phi thấy một người châu Á bị bắt còn sống, không có thương tích gì. Sáng hôm sau viên sĩ quan đã thấy người ấy chết rồi, bị đốt mỡ chảy ra, da bụng trương lên. Bọn lính đã thức suốt đêm qua để quay chín một người đã bị tước vũ khí, còn bọn khác thì hãm hiếp một phụ nữ.

*

* *

Một tên lính khác muốn ép một người đàn bà An Nam hiến thân cho con chó của nó, chị ấy không chịu. Tên lính dùng lưỡi lê đâm vào bụng chị.

*

* *

Một tên lính đú mỡ nhảy xổ ra vô cớ đâm chết một bà già An Nam.

*

* *

Hồi tôi đến Bắc Kỳ đi trên con tàu của một nhà thám hiểm có tiếng, các anh có biết đời một người An Nam lúc bấy giờ đáng giá bao nhiêu không? Không đáng một đồng trinh! Thật đấy. Tôi còn nhớ như thế này: chúng tôi đang đi ngược dòng sông Hồng Hà, thì trên tàu thủy người ta đem rượu đánh cuộc với nhau, xem ai ngồi dưới tàu bắn mười phát súng trường mà "hạ" được nhiều người An Nam nhất ở trên bờ. Một vài người khác dùng súng lục đi bắt người, và bắt thuyền để đòi tiền chuộc.

*

* *

Người ta sẽ nói, đó là những việc đáng tiếc không thể tránh khỏi trong những cuộc xâm lược và chiến tranh. Thế cũng được! Nhưng người ta đừng có nói với chúng tôi nữa rằng đó là vinh dự, là quyền hạn của chiến tranh, và cũng đừng nói rằng trong cuộc tàn sát hàng loạt này, những nhà quân sự Pháp đều tỏ ra hào hiệp và nhân đạo. Đoạn văn sau đây, trích ở bức thư của một viên trung úy trẻ tuổi gửi về nhà, chứng tỏ những tên ăn thịt người ấy thật vừa "nhân đạo" lại vừa "hào hiệp" như thế nào?

"Chúng tôi tấn công bốn lần trong một buổi, nhưng lúc nào cũng

chỉ thấy trong thành có vài tên cuồng tín khốn khổ chịu chết một cách dũng cảm, và tôi cũng không cần nói thêm rằng, bất cứ tên nào rơi vào tay chúng ta, bị thương hay không, đều bị đem bắn tức khắc tại chỗ".

Và trong một đoạn khác, bức thư viết: "Trên một con đường mòn, chúng tôi gặp một người da vàng trên vai gánh hai thúng lạc. Khi chúng tôi tới, anh ta không bỏ chạy. Người ta bèn giữ anh ta lại và buổi chiều đem ra bắn".

*

* *

Chiến tranh kết thúc, người ta bắt đầu công việc bình định. Bọn quân phiệt Pháp hiểu "bình định" như thế này đây:

Một sĩ quan trẻ tuổi vừa ở Pháp sang. Một hôm đến một làng nọ, hắn thấy nhà cửa vắng vẻ, còn dân chúng thì tụ tập trong sân đình. Hắn tưởng lạc vào một ổ phục kích nên rút súng ra bắn xả vào đám người vô tội. Thật ra thì họ đang làm lễ tế thần. Thấy bị bắn, họ hốt hoảng chạy tán loạn. Tên sĩ quan vừa đuổi, vừa tàn sát.

Tôi phải nhắc để các bạn nhớ rằng tất cả những câu chuyện này, cũng như những câu chuyện tôi sẽ kể thêm, đều do người Pháp đã mắt thấy tai nghe, viết ra. Khi họ viết, có lẽ họ không nghĩ rằng, một ngày kia sẽ có một người Việt Nam đọc những chuyện đó; nếu biết rằng tôi đã sử dụng những tài liệu họ viết, chắc là những nhà văn đó sẽ hối hận vì đã nói hết sự thật. Nói rõ như vậy rồi, tôi xin tiếp tục:

Một đội pháo thủ hải quân đến Vĩnh Long (Nam Kỳ), viên quan tỉnh đưa lính tập đi đón khách thật long trọng. Tên chỉ huy đội tuần tiễu ra lệnh bắn vào những người đi đón họ và giết chết mất nhiều người một cách thật vẻ vang!

*

* *

Không thể trừ được một người phiến loạn, người ta bèn đốt và triệt hạ làng mạc, người ta phá hoại cả những vùng lân cận khác.

Người ta làm đủ cách đưa khí giới cho người Việt Nam chém giết lẫn nhau và xui giục họ phản bội nhau.

Người ta bắt các làng phải chịu trách nhiệm về những vụ phá rối trị an xảy ra trong địa hạt của mình. Người Việt Nam phải dẫn

đường cho quân đội và bắt nộp những kẻ bạo động. Nếu ai không tuân lệnh thì chúng cho là có tội. Làng nào để cho một người yêu nước ẩn náu thì bị kết án. Phương pháp duy nhất để truy tầm thật là đơn giản: người ta tra hỏi lý trưởng và hương chức, ai không cung xưng liền bị bắn ngay. *Trong hai tuần lễ, một tên giám binh đã giết mất 75 kỳ hào.*

Không khi nào người ta nghĩ đến phân biệt những người yêu nước đang chiến đấu tuyệt vọng với bọn du đãng côn đồ ở thành phố. Để đập tan sự kháng cự của nhân dân, người ta không có cách nào hơn là giao công việc "bình định" cho những tên phản bội đã bán hết lương tâm, và tổ chức ở đồng bằng Bắc Kỳ, Bình Thuận và Nghệ Tĩnh những cuộc tàn sát đẫm máu, lưu lại đời đời một kỷ niệm kinh khủng trong ký ức mọi người.

Không chỉ có người còn sống mới là nạn nhân của chế độ thực dân man rợ ấy. Biết người Việt Nam rất sùng bái tổ tiên, bọn người Pháp còn có những hành động độc ác đối với cả người chết; chúng giày xéo thi thể cha mẹ người ta để cho con cái phải đau xót, hoặc hành hạ xác kẻ thù đã bị thua và đã bị giết chết để cho hả lòng căm tức và rửa tiếng bất lực không đánh bại được người đó khi họ còn sống. Như Đội Văn [1] là một nhà yêu nước đã chiến đấu mấy năm trời, chống lại nền cai trị Pháp, đã bị chém ở Hà Nội, đầu đem bêu ở Bắc Ninh, xác ném xuống sông Hồng.

Tống Duy Tân [2] sau mười năm chiến đấu tuyệt vọng cũng bị bắt và bị chém. Thi thể của ông bị đem bêu ở phố.

Phan Đình Phùng, [3] một vị quan to và là một nhà văn thân danh tiếng, chống Pháp mười năm trời, rồi chết trong rừng sâu. Ông chết, nhưng bọn Pháp vẫn chưa tha: người ta quật mộ ông lên, đốt xác và đem tro vứt đi. Người ta báo thù cả người đã nằm yên dưới mộ.

Bất lực không đánh nổi ông Đề Thám, [4] không sao giết được ông bằng thuốc độc, cũng không trừ được ông bằng cốt mìn, người ta bèn đào mả cha mẹ ông, đem hài cốt vứt xuống sông.

---

1. *Đội Văn* (còn gọi là Tuần Văn): một trong những người chỉ huy cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1885 - 1889) thuộc tỉnh Hưng Yên, do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo.

2. *Tống Duy Tân* (1838 - 1892): thủ lĩnh chính của phong trào chống Pháp ở tỉnh Thanh Hóa.

3. *Phan Đình Phùng* (1847 - 1895): lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Hương Sơn.

4. *Đề Thám tức Hoàng Hoa Thám* (1864 - 1913): lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1885 - 1913).

*
* *

Sau những cuộc biểu tình ở miền Nam Trung Kỳ, nhiều nhà văn thân đã bị xử tử và bị đày biệt xứ. Trong số đó có ông nghè Trần Quý Cáp, [1] một nhà Nho thanh cao ai cũng mến phục. Ông Cáp bị bắt trong khi còn dạy học. Không xét hỏi gì cả, người ta đem chém ông hai mươi bốn giờ sau khi bị bắt. Chính phủ giết chết ông chưa đủ, còn hành hạ mãi, không chịu trao trả thi hài ông cho gia đình.

Khi hành hình những người lính khố đỏ ở Hà Nội, Chính phủ cho bắt giải cha mẹ, vợ con họ đến và bắt họ mục kích cuộc tàn sát rùng rợn những người thân yêu ruột thịt của mình. Để gây một ấn tượng lâu dài và để "dạy dân chúng", người ta làm lại cái việc ở Anh hồi thế kỷ XVII tức là xóc đầu lâu những người Giacôbanh bại trận lên mũi giáo rồi đem cắm dọc phố Xiti và dọc cầu Luân Đôn. *Hàng tuần lễ người ta còn thấy đầu lâu những người lính, nạn nhân của nền "văn minh" Pháp, cau mày nhăn mặt trên các cọc tre trên các đường phố lớn Hà Nội.*

Bây giờ nước Việt Nam đã "được bình định", người ta ra sức săn bắt những "tên cướp" An Nam. Những "tên cướp" ấy là ai? Một viên sĩ quan giải thích:

Cũng có một óc tưởng tượng như nhau – ông ta nói, người Anh xem những người Bốc chống lại họ như là phiến loạn ngoài vòng pháp luật, thì người Pháp chúng ta cũng coi những người An Nam yêu nước như kẻ cướp.

Một người Pháp khác nói: bị cướp hết của cải, dân chúng nhiều xã đã trở thành "kẻ cướp" tất cả; nhưng họ chỉ là những người nổi dậy chống sự cướp đoạt bất công mà thôi.

Tìm ra những tên "cướp" ấy không phải khi nào cũng dễ dàng, bắt được họ càng khó hơn. Những viên chức phái đi lùng bắt họ, đã chém giết người vô tội để khỏi trở về tay không. Đây là một bằng chứng lấy của một người Pháp mà tôi đã trích dẫn nhiều chuyện:

Bảy người Việt Nam xấu số đang bơi một chiếc xuồng dài và mỏng manh. Đi xuôi dòng nước, lại có bảy tay chèo, xuồng đi vùn vụt như một chiếc xuồng máy. Thuyền của nhân viên nhà đoan khuất sau đám cây đa, có quốc kỳ Pháp phấp phới sau lái, vừa ở trong lạch bơi

1. *Trần Quý Cáp* (1871 - 1908): hoạt động trong phong trào Duy Tân.

ra. Một thủy thủ gọi xuồng dừng lại. Người trên xuồng không hiểu cứ việc bơi đi. Thuyền nhà đoan bơi không kịp. Tên Tây đoan cầm lấy súng bắn. Họ bơi lại càng nhanh. Tên đoan bắn vào họ. Một người đang chèo thét lên một tiếng rồi ngã gục xuống xuồng. Xuồng dừng lại, các bạn trong xuồng bèn ôm lấy người ngã. Có tiếng hô to: Dừng lại! Họ nhảy tới nắm lấy tay chèo vút đi. Đoàng! một người nữa ngã. Một ít khói bay lên, một tiếng thét. Một người Pháp đi thuyền lảng vảng qua đó nghe thấy bèn lẩn chờ "những tên cướp" ở một chỗ ngoặt. Đoàng! đoàng! đoàng! Quả là một tay súng cừ. Ba viên đạn, ba người ngã theo. Chiếc xuồng chỉ còn hai người bơi đi chậm chạp và chìm lỉm trong con lạch.

Một viên chức nhà đoan khác, đi với sáu tên lính có đầy đủ vũ khí, bắt gặp một người đang trốn dưới ao. Anh này dấn mình dưới bùn, thở bằng một cái ống ngậm vào miệng, lá sen kéo che kín mặt nước thật khéo léo. Tên đoan bèn chặt đầu "tên cướp" đem về tòa sứ. Thật ra anh ta chỉ là một người nhà quê bình thường, phải ẩn trốn vì quá sợ hãi thấy có nhiều người lạ vào làng, ai cũng mặt mũi hung tợn, mình đeo đầy súng lục, túi đạn và lăm lăm một khẩu súng trong tay.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 40. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

CÁC QUAN CAI TRỊ

Tôi đã nói chuyện về các ông nghị viên "thanh liêm". Bây giờ tôi phải nói đến các quan cai trị đó có "đạo đức". Như các bạn biết đấy, để bảo vệ cho một chế độ cướp bóc, phải có quân ăn cướp. Họa hoằn có một viên quan cai trị nào lại thật thà và hiểu biết hơn, lập tức viên ấy bị đàn lang sói quan thầy hay bè bạn xua đuổi đi ngay. Thành thử ra 99 phần trăm quan cai trị là quân trộm cắp, chỉ nghĩ đến bóc lột nhân dân bản xứ để làm giàu, chẳng kiêng nể gì tài sản, quyền lợi, tự do, đời sống của những người bị cai trị cả.

Một viên quan cai trị ở Bắc Kỳ đã tước đoạt của một làng mấy hécta trồng mía để cho một làng công giáo. Rồi lão ta lại bắt bỏ tù những kẻ bị tước đoạt vì những người này dám đi kiện. Chưa đủ, ngài còn bắt họ trả thuế mãi đến năm 1910 cho những đất mà ngài đã cướp của họ từ năm 1895 và năm 1900.

*

* *

Một viên Công sứ Lào buộc 22 người Việt Nam vào tội hội họp làm biểu tình. Thế mà chính ông ta, viên công sứ, đã bày ra một âm mưu tưởng tượng, cho tiền kẻ tố cáo, rồi hành hạ tra tấn bắt những người bị cáo phải nhận những lời thú tội giả mạo. Việc hèn mạt ấy, chính viên Công sứ cũng đã thừa nhận, nhưng ông ta chẳng phải lo lắng gì về việc ấy cả; và ông vẫn cứ tiếp tục những việc gian ác của mình.

Lấy cớ là phải giữ gìn trật tự an ninh trong địa hạt, ông ta đã hạ lệnh bắt tất cả những người Việt Nam không phải là người cư trú trong vùng mà hay lai vãng tới đó, và cứ việc bắn những kẻ toan chạy trốn. Trong một tuần, hai người Việt Nam bị bắn chết, và một người đứng gần cũng bị bắn trọng thương.

Tất cả những người Việt Nam bị bắt đều bị coi như phiến loạn cả.

*

* *

Một quan cai trị khác nghe tin một người Việt Nam đã bị tòa án do ông ta làm chủ tọa kết án 6 năm khổ sai, nay được tòa thượng thẩm cho trắng án. Cáu tiết lên, ông ta cho bắt người bản xứ đó tống cổ vào tù. Làm xong, ông xuống tàu về Pháp, để lại người bản xứ ở trong tù, trong ngục kín, chẳng thèm hỏi han gì cả.

*

* *

Một viên Khâm sứ, can tội ăn hối lộ, hành hung, biển thủ và giả mạo, lại được tặng Đệ tam đẳng Bắc đẩu bội tinh và thăng lên chức quyền Toàn quyền.

Một viên Công sứ khác nắm trong tay cả quyền hành quận trưởng, thẩm phán, trưởng tòa để thúc thuế. Ông ta lợi dụng quyền hành của mình chẳng một ai giám sát, để bắt bớ, bỏ tù hay kết án một cách võ đoán người Việt Nam đặng bóp nặn họ. Ông ta đấm đá, lấy gậy đập những thanh niên Việt Nam "tình nguyện" không hiểu

những câu ông ta nói. Ông ta hành hạ lính, đập đầu họ vào tường, túm tóc họ mà kéo. Ông ta lấy thanh kiếm lệnh của mình đâm nát đùi những người tù để lấy khẩu cung.

Dưới trời nắng chang chang, đoàn tù khốn khổ, gầy gò, rách rưới, dậy làm việc từ tờ mờ sáng đến tận đêm khuya, cổ đeo gông, chân xiềng xích, tay còng người nọ vào với người kia, đang ì ạch kéo một quả lăn to tướng trên lớp đá sỏi dày. Quan cai trị tới, vô cớ lấy chiếc ba toong to tướng của ngài đập thẳng tay, chửi mắng họ lười biếng.

Một hôm vừa mới cự một nhân viên người Pháp xong, chẳng biết trút cơn thịnh nộ lên đầu ai, ngài vớ ngay lấy một cái thước kẻ bằng sắt đập gãy ngón tay một viên thư ký khốn khổ người Việt Nam.

Những người lính khố xanh làm chẳng vừa lòng ngài, ngài cho đem chôn đứng đến tận cổ, hay cho đem trói chặt vào cột đánh cho đến gần chết.

Ngài đã phạm không biết bao nhiêu tội ác đến nỗi người Việt Nam ở tỉnh ngài cai trị phải nổi dậy. Hàng trăm người Pháp và Việt Nam đã phải hy sinh, và thiệt hại có đến hàng triệu bạc.

Các bạn có biết nước Cộng hòa Pháp đã cho tên sát nhân ấy làm gì không? Sau cuộc nổi dậy, nước Cộng hòa Pháp đã cho hắn làm Chánh chủ khảo các trường học lớn ở Bắc Kỳ, rồi thì làm Đổng lý văn phòng của quan Thống sứ, Nghị viên Hội đồng thuộc địa ở Nam Kỳ kiêm Giám đốc ủy nhiệm các nhà máy rượu.

*

* *

Một chuyện khác... Thôi, kể thế đủ rồi. Chúng ta hãy ngừng lại đây và sang chương khác, để thay đổi món đi một chút.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 47. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

ĂN BÁM VÀ HỖN ĐỘN

Ông Vinhê Đốctông, nguyên nghị sĩ Pháp, nói: "Nếu đem so sánh với bọn nghị sĩ thuộc địa, thì những quân cướp đường còn là những người lương thiện!". Ông ấy nói chí lý đấy.

Người nông dân Việt Nam đóng được một trăm đồng bạc thuế, thì đến bảy mươi đồng bị ngốn ngay vào việc trả lương và kinh phí thuyên chuyển cho viên chức, ấy là chưa kể các khoản trợ cấp cho quỹ hưu bổng, làm cho người dân càng bị hút máu tàn nhẫn thêm nữa.

Người ta cấp học bổng cho các cậu ấm hay cô chiêu – con các quan cai trị tại chức lương khoảng từ 20 đến 25 ngàn frăng – về Pháp học khỏi phải mất tiền, trong khi trẻ con Việt Nam không làm sao kiếm được chỗ học trong nhà trường Pháp – Việt hiếm có ở Việt Nam, nên phải chịu dốt nát.

Công quỹ hàng tỉnh bị cướp giật một cách vô liêm sỉ cho việc chi tiêu riêng của những kẻ có quyền định đoạt cách sử dụng.

Ở các nước khác, cử tri hay đại diện của họ được quyết định ngân sách do chính họ đóng góp vào; ở đây người ta để cho vài trăm người Âu sống ở thuộc địa, có quyền cao hơn và bất chấp cả Nhà nước, tùy ý sử dụng công quỹ do hàng triệu người đóng góp.

Nhiều phiên họp của Hội đồng thuộc địa chỉ là để bàn cách cướp giật công quỹ một cách khôn khéo. Riêng một ông Chủ tịch Hội đồng đã được lĩnh thầu những công việc trị giá hơn hai triệu frăng. Một ông Đổng lý sự vụ, làm đại diện của Chính phủ trong Hội đồng, đã xin tăng lương mình lên gấp đôi và đã được chấp thuận.

Nếu két bạc thấy hơi vơi đi thì cũng chẳng khó khăn gì mà các quan cai trị không làm cho nó đầy lại được. Tự quyền các ngài đó báo cho dân bản xứ biết là Nhà nước cần một khoản tiền nhất định, rồi các ngài bổ cho các làng phải đóng góp. Làng xã phải vội vàng tuân lệnh để khỏi bị trừng phạt ngay lập tức.

Cần tiền ư? Các ngài Công sứ cố gắng tìm phương lập kế, và vì các ngài quan tâm đến việc thăng quan tiến chức của các ngài hơn là túi tiền của dân bị trị, nên các ngài sốt sắng bày đặt ra các thứ phải

đánh thuế, nâng hạng một số ruộng để nã tiền thuế nhiều hơn.

Người ta kể có một tỉnh nào đó ở Bắc Kỳ đã bị kiệt quệ hẳn đi vì tinh thần sốt sắng của một quan Công sứ vào loại ấy.

*

* *

Ở khắp Đông Dương, những người được cử vào giữ chức vụ cao nhất thường được lựa chọn trong số những kẻ mưu mô xảo quyệt làm giàu bằng những cách chẳng lương thiện chút nào. Đồng tiền trước hết, dù trong sạch hay dơ dáy, là cái quyết định việc tuyển lựa, cho nên một thằng xỏ lá ba que, coi như cái rơm cái rác ở mọi nơi khác, lại làm nên một "Ngài chủ tịch" đường bệ đáo để ở xứ thuộc địa này.

*

* *

Khi quan Thống sứ có việc phải tiêu pha thì ngài cấp bằng sắc, phẩm hàm. Nhiều việc làm theo kiểu ấy đã vớ được từ 10 đến 15 ngàn frăng. Mà những việc như thế không phải là hiếm đâu.

Ở đường giao thông Vĩnh Long, có một nhân viên làm kế toán một thời gian đã tìm ra một cách đặc biệt tài tình để tăng lượng của mình: mỗi lần có người bản xứ hỏi vay trước ít tiền lương, anh ta bằng lòng ngay, và rồi đến kỳ lương sau anh ta trừ đi, nhưng anh ta giữ món tiền trừ lại cho mình, và cứ như thế, anh ta đã xoáy được số tiền nhỏ mọn là 200 ngàn frăng.

*

* *

Một quan Thống sứ đã chi tiêu hết kinh phí về chiếc sà lúp trước thời hạn mấy tháng. Ngài bèn lấy cớ có một cuộc hội hè nào đó mà nhà vua sẽ được mời đến ngự trên sà lúp và quyết định ông ta cũng phải góp phần vào việc chi phí, và người ta dự đoán rằng phần đóng góp của vị khách sẽ nhiều đấy.

*

* *

Ông Đờ Lanétxăng, nguyên Toàn quyền Đông Dương và Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, thú thực rằng Đông Dương tràn ngập những viên chức Pháp và thường thường là không được tích sự gì cả.

Phần đông người Pháp đã sống ở thuộc địa đều nói rằng: quá nửa số quan đầu tỉnh không có đủ tư cách cần thiết để đáng giao phó ch

những quyền hạn rộng rãi và ghê gớm đến thế.

Một viên quan cai trị mới đến thay chân một viên quan cai trị cũ, nhất định thấy quan cai trị cũ là một tên dốt đặc hay tệ hơn thế nữa. Thế rồi, đường sá đang làm dở, công trình đang thực hiện, kế hoạch đã nghiên cứu, mọi việc đều quẳng đi, xếp xó cả.

*

* *

Sang Đông Dương, các quan Toàn quyền chỉ nhằm có một mục đích: kiếm việc bổ dụng bạn bè, con cái, họ hàng, những kẻ vận động tuyển cử cho những người họ có thể nhờ vả được; thường thường là một tên nợ như chúa chổm, bị chủ nợ săn đón, và hắn cần tiền.

*

* *

Năm 19..., người ta trả hết 36.300 đồng bạc tiền lương cho viên chức ngồi ăn không chẳng phải làm gì cả, và năm sau nữa hết 300.000.

Năm 1909, kinh phí về việc thuyên chuyển viên chức trong nội địa Đông Dương hết 155.000 frăng. Việc thuyên chuyển ra ngoài nước chi tiêu hết 1.500.000 frăng.

Riêng bộ máy cai trị ở Phủ Toàn quyền đã dùng hết 1.000.000 frăng, kể cả 50.000 frăng trả công những người ở và làm vườn.

Viên Toàn quyền và hai mươi mốt tên tùy thuộc mỗi năm lĩnh hơn một triệu frăng, chưa kể những món phụ cấp kếch sù chiếm mất 2.500.000 frăng của công quỹ.

Người ta bố trí cả một chiến hạm cho viên Toàn quyền di chuyển. Việc sắp xếp tốn mất 300.000 frăng, ấy là chưa kể những khoản phụ cấp linh tinh lên tới gần 100.000 frăng cho mỗi chuyến.

Ngài Toàn quyền chưa vừa ý với những lâu đài nguy nga lộng lẫy của ngài ở Sài Gòn và Hà Nội. Ngài còn muốn có những nhà nghỉ mát và biệt thự ở bãi biển nữa, thế là dân Việt Nam khốn khổ lại nộp hàng trăm ngàn frăng cho hành động ngông cuồng ấy.

Năm 19..., ông hoàng V. đơ Đ. đi viễn chinh ghé qua Sài Gòn. Quan Thống đốc nghênh tiếp ông hoàng một cách đế vương. Bốn ngày tiếp đón là bốn ngày lu bù yến tiệc. Và dân Nam Kỳ đáng thương đã phải trả hết 80.000 frăng.

Cũng năm ấy, trong lúc dân Việt Nam đang chết đói và dân Nam

Kỳ bị nạn lụt, chẳng có chỗ nương thân, thì người ta lại mở yến tiệc linh đình để nghênh tiếp một cách đế vương một hạm đội Anh trong tám ngày và tám đêm liền. Dĩ nhiên là những người nông dân nghèo khổ Việt Nam phải gánh những phí tổn đó, cũng như mọi lần.

*

* *

Một viên Thống sứ lập cả một đội kỵ binh, và không bao giờ đi đâu mà không có đội ấy đi hộ tống, và như thế, theo như ngài nói, là để nâng cao uy tín của ngài với xứ bảo hộ.

Theo truyền thống, các viên cai trị là những ông vua con muốn cái gì quanh mình cũng xa hoa tráng lệ. Họ nói có thế mới nâng cao được uy tín của họ đối với dân bản xứ.

Đã có sẵn nhà cửa và đồ đạc không mất tiền, các ngài viên chức Nhà nước lại được công quỹ hàng tỉnh trả cả tiền đèn cho nữa. Có lần, một viên quan cai trị đã không ngần ngại tự ý chi tiêu hẳn một số tiền 50.000 frăng để mắc đèn điện ở nhà riêng.

Không những người trông nom quét dọn nhà cửa, mà cả người đánh xe ngựa, người giữ ngựa và tất cả những kẻ hầu người hạ, đều do công quỹ địa phương trả tiền công cả. Cả những sách báo giải trí cũng được cung cấp không, cho những con người tốt số ấy.

Ở tất cả các Tòa sứ đều có từ 6 đến 9 con ngựa và 5, 6 cỗ xe sang trọng đủ các loại. Ngoài những phương tiện giao thông đã quá thừa ấy, người ta còn sắm thêm những xe hơi tốn cho công quỹ hàng chục vạn đồng.

Có những viên nuôi cả một chuồng ngựa đua.

Có những Công sứ ở một vài tỉnh đã kê các khoản sắm sửa áo xống, các thứ trang điểm, đàn dương cầm và các thức ăn uống vào sổ sách kế toán thành những món mua vật tư cần thiết để tu bổ Tòa sứ, hay thành một khoản gì tương tự như thế để bắt công quỹ địa phương phải gánh.

Ngoài lương chính đã đế vương lắm rồi, viên Chưởng lý còn lĩnh thêm khoản phụ cấp 30.000 frăng, viên Giám đốc thương chính lĩnh 40.000 frăng, viên Giám đốc tài chính 20.000 frăng, viên Giám đốc công chính 30.000 frăng, v.v...

Có nơi việc tu bổ đồ đạc cho Tòa sứ nuốt hết hơn một phần năm số thu, còn ngân sách cho việc giáo dục chỉ vẻn vẹn được một phần năm mươi.

Có viên giám binh dùng đến 5, 6 người lính khố xanh chăn dê cho mình; có viên giám binh khác bắt những người lính biết chạm trổ làm cho mình những tượng phật xinh xắn hay đóng những cái hòm rất đẹp bằng gỗ dạ hương.

Theo nguyên tắc thì một viên giám binh chỉ được lấy một người lính làm lính hầu, thế mà người ta đã kể lại rằng có một ông giám binh nọ đã dùng:

1 người đội làm quản gia

1 đầu bếp

3 bồi

2 bếp

3 người làm vườn

1 hầu phòng

1 người đánh xe

1 người chăn ngựa.

Bà lớn dùng riêng:

1 người thợ may

1 người thợ thêu

2 người thợ giặt

1 người thợ đan đồ dùng bằng tre.

Dĩ nhiên là cậu ấm cũng có một người bồi riêng, không lúc nào rời cậu nửa bước. Cộng tất cả là 19 lính khố xanh. Và những trường hợp như thế không phải là hiếm đâu.

Một người mắt được chứng kiến đã kể lại rằng, trong một bữa cơm ở nhà quan cai trị nọ – một bữa cơm thường thôi chứ không phải một yến tiệc gì lớn đâu – sau lưng mỗi người ngồi ăn đều có một anh lính đứng hầu để chờ thay đĩa và đưa những thứ cần dùng... Và tất cả người hầu trong phòng ăn ấy đều do một viên đội nhất chỉ huy.

Một viên chủ tỉnh chơi ngông kì quái đến nỗi cho phá cả một cái trường chuyên nghiệp xây mất 50.000 frăng; vì cái trường đã phạm đại tội che khuất mất phong cảnh trước dinh quan sứ.

Những chuyện tương tự như thế này, tôi có thể kể hết giờ này sang giờ khác. Nhưng tôi tưởng thế cũng đã đủ để các bạn thấy rõ đồng bào chúng tôi phải sống đọa đày dưới một chế độ ăn bám và

lãng phí như thế nào rồi. Trước khi sang chương khác, xin các bạn cho phép tôi gọi là để kết luận, lấy một câu của ông Anbe đơ Puvuốcvin, một nhà cựu thực dân ở Đông Dương, như sau: "Chúng ta đã thấy đấy, các quan cai trị của ta ăn ở ra sao..., có anh thì chỉ nghĩ đến việc cho xây nhà nghỉ mát vui chơi thích thú, và ngồi tính toán xem mình được đi bao nhiêu lọng; có anh đã nhiễm ý nghĩ rằng người Việt Nam nào cũng là kẻ thù cả vì họ có màu da khác anh ta, nên anh ta đốt phá cả một vùng".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 50. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

NHỮNG TỘI ÁC CỦA CHỦ NGHĨA QUÂN PHIỆT

Theo phong tục cổ truyền thì người Việt Nam coi rẻ nghề nhà binh. Cho nên, cùng một cấp bậc như nhau mà quan võ lúc nào cũng bị xếp hạng sau quan văn. Sống trong trại lính Pháp, phải làm những công việc lao dịch nặng nề, phải tập luyện vất vả, học tập những lý thuyết ngu xuẩn với những tên chỉ huy tàn bạo, và phải chịu một thứ kỷ luật khắt khe, lúc nào cũng có thể bị trừng phạt và luôn luôn bị tòa án binh đe dọa, thật không có gì hào hứng để có thể lôi kéo được thanh niên Việt Nam và khuyến khích họ tập tành cái nghề giết người ấy. Thanh niên bản xứ ghét cay ghét đắng việc bọn quân phiệt Pháp bắt họ phải đi lính. Họ tìm mọi cách để lẩn tránh: người giàu có thì đút lót, còn người nghèo khó thì trốn tránh. Có thấy những kẻ khốn cùng không có tiền để đút lót và cũng không biết trốn tránh đi đâu được, bị cưỡng bách dồn về trại lính buồn bã như những con vật mà người ta đem tới lò mổ; có thấy những người cha mẹ, chị em, những người vợ sắp cưới vừa khóc lóc vừa kêu van thảm thiết đi theo những người lính mộ về "cái đại gia đình" ấy như là đi theo những tội phạm bị đem lên máy chém, mới hiểu được cái "vinh dự" to lớn của

người dân Việt Nam đi làm cái nhiệm vụ quân dịch cay nghiệt kia. Cho nên họ tìm mọi cơ hội bỏ trốn.

Nhưng những tên chỉ huy Pháp lại rất xảo quyệt. Để đề phòng lính Việt Nam bỏ trốn, một viên Tư lệnh chỉ huy quân đội ở Đông Dương cho thích số vào cánh tay mỗi người lính bằng nitơrát bạc. Những tên chủ đồn điền ngày xưa dùng sắt đỏ đánh dấu nô lệ, thì những viên tướng tài ngày nay đánh dấu lính bản xứ bằng chất hóa học, thật là một tiến bộ của môn hóa học và của nền "văn minh"! Cách làm có khác, nhưng kết quả thì như nhau: Khi có một người lính đào ngũ, người ta bắt tất cả đàn ông ở nơi nghi có người trốn, rồi đem lột trần để khám cánh tay. Nếu người đào ngũ lẩn trốn ở đây, thì bị tìm ra ngay; người ấy bị bắt đem về nhà lao và đưa ra tòa án binh. Hầu hết các phiên tòa án binh, không trừ một phiên nào, đều có những vụ đào ngũ đưa ra xét xử.

Khi ta đã biết người lính bản xứ bị đối xử như thế nào thì người ta không còn ngạc nhiên hỏi tại sao người lính mộ lại thích nhà lao hơn là trại lính. Tôi trích dẫn một đoạn nhật ký mới viết gần đây:

"Thứ sáu vừa qua, một việc nghiêm trọng đã xảy ra ở cơ pháo thủ thứ 5. Chiều ngày thứ sáu đó, trong khi duyệt một đội quân tân binh bản xứ cuối cùng, một viên hạ sĩ quan đã đánh người một cách dã man, *hành động đó lại được nêu là gương mẫu* trong cơ binh. Tên đội đánh người ấy lại được cấp trên của nó *xem là một hạ sĩ tốt nhất*, hơn nữa lại còn được đề nghị thăng chức. Thật đáng tiếc rằng những người được nước Pháp gửi sang đây nhân danh là những người khai hóa kiên nhẫn, đã dạy nghề nhà binh cho đồng bào chúng tôi – mới sống chung chưa đầy hai tháng với những người bảo hộ cho mình – lại tự tiện "hành động một cách bỉ ổi", đánh đập *bằng nòng súng và báng súng* một người lính bản xứ đáng thương không hiểu qua một tiếng Pháp, viện cớ là người này không trả lời những câu hỏi bằng tiếng Pháp "giả cầy" của tên đao phủ. Người lính đáng thương ấy đã ngã chết ngất, không thở được nữa. Bác sĩ quân y đưa anh vào nhà thương, anh lính pháo thủ Việt Nam đã *bị gãy một xương sườn vì bị đánh quá tàn nhẫn*.

Khi báo sắp lên khuôn thì chúng tôi được tin khoảng hai mươi người lính Việt Nam đặt dưới quyền chỉ huy trực tiếp của bọn vũ phu quân phiệt, đã bỏ trại ra đi, không bao giờ trở lại...

Và những thí dụ như vậy còn nhiều.

Trong chiến tranh, dù Nhà nước có tán dương và lừa bịp rất nhiều, những người Việt Nam cũng không hào hứng gì để đi thí mạng cho cái bả "văn minh" và cho "nước mẹ". Không chút nào như vậy đâu! Sự thật khác hẳn và chẳng đẹp đẽ gì. Người ta ra lệnh cho các xã phải cung cấp đủ một số người nào đấy. Những người này bị bắt về nhốt ở các đình làng, rồi sau đó bị trói từng xâu đem lên tỉnh lỵ. Người ta đem nhét họ vào trong các trường học hay trong trại giam có lính canh gác, lưỡi lê tuốt trần và súng nạp đạn sẵn. Tiếp đó, người ta xếp họ xuống hầm tàu tối om và ngột ngạt như những đàn bò để chở sang Pháp.

Chính bằng những phương pháp ghê tởm ấy, người ta đã biến mười vạn người Việt Nam thành những người "tình nguyện" bênh vực cho "chính nghĩa", cho "công lý", v.v... Trong số đó, 51.000 người làm việc chế thuốc súng, đào hầm, vận chuyển, cứu thương và làm nhiều việc khác nữa. 49.000 người ra mặt trận ở Pháp, ở Xalôních và ở Xibêri. 20.000 người đã chết.

Cách "mộ lính tình nguyện" cưỡng bức ấy không phải đã làm được trôi chảy không gặp trở ngại gì. Khi có lệnh gọi tòng quân, số lính trù bị vắng mặt lên tới 30%, số đào ngũ 50%. Những cuộc biểu tình, nổi loạn, bạo động nổ ra ở hầu khắp các tỉnh. Đương nhiên là những cuộc đấu tranh ấy đều bị đàn áp không gớm tay. Tù đày, bắn giết, tàn sát, tất cả bộ máy đàn áp đều được huy động. Ai chống lại bị xử bắn ngay tại chỗ. Nạn nhân kể có đến hàng nghìn người.

Khi được giải ngũ, những người "anh hùng" Việt Nam được nước mẹ biết ơn, ân cần đối đãi thật là cảm động. Trước khi lên tàu về nước, người ta đã lột lại tất cả của cải của họ: nào tiền để dành được, nào đồ đạc, nào quần áo mà họ tự sắm lấy. Cũng như khi đi, họ lại được xếp xuống hầm tàu tối tăm, ăn những bữa cơm thiếu thốn, khó nuốt trôi và bị ngược đãi. Người ta sợ những người lính này mang về những tư tưởng tiến bộ và những thói quen thích độc lập tiêm nhiễm được ở nước Pháp, nên người ta đã giao họ cho bọn thực dân đểu giả tàn bạo nhất kiểm soát. Bọn này dùng gậy đánh, đá người vô cớ. Về đến nước nhà, những người lính ấy đều bị ném ra đường một cách đơn giản thế thôi.

Trước khi đi đánh nhau, người ta hứa trời hứa biển với họ, thì đến nay trở về người ta lại rút bỏ hết mọi quyền lợi. mà xưa nay

những người Việt Nam đi tòng quân đều được hưởng, như miễn thuế thân, miễn sai dịch, v.v... Nhiều người đã phải đi ăn xin từ làng này qua làng khác, phải đi bộ hàng tuần lễ để trở về quê hương, nơi mà người ta đã dùng vũ lực buộc họ phải dứt ra đi.

Hiện nay người ta kéo dài thời hạn tòng quân của người bản xứ từ 2 đến 4 năm. Ngoài số 25.000 đến 30.000 lính khố đỏ đóng quân trong nước dùng để bắn giết đồng bào của mình, xứ Đông Dương còn phải cung cấp thêm 40.000 lính mộ để phụng sự ở chính quốc và ở các thuộc địa khác.

Các bạn đã thấy đấy, nước Pháp chẳng phải quân phiệt chút nào đâu!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 57. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

TẠP DỊCH HAY LÀ KHỔ SAI

Hằng năm, người Việt Nam phải làm một số ngày không công cho Nhà nước "bảo hộ". Theo lệ, số ngày ấy định từ 10 đến 30 ngày. Nhưng khi có việc nhiều, chẳng hạn đắp một con đường, hoặc đào một cái lạch, người ta không tuân theo giới hạn quy định đó. Khi không có việc thì người bản xứ lại phải chuộc những ngày tạp dịch của mình, nghĩa là phải trả tiền cho Nhà nước thay cho những ngày không phải đi làm khổ sai không công ấy. Ngoài việc tạp dịch, còn có việc khuân vác. Mỗi lần có một người Pháp qua làng mình là người Việt Nam phải đi khiêng võng, khiêng đồ đạc cho ông ta, và khiêng cả võng và đồ đạc của những người tùy tùng của ông ta nữa. Nhiều khi, cả làng bị động viên đi làm cái việc không công ấy.

Nhưng thôi, tôi nhường lời cho chính người Pháp nói:

Công việc tạp dịch đã và vẫn còn là cơ hội cho người ta lạm dụng vô kể. Thường thì phu tạp dịch chỉ dùng để đắp những đường quanh các Tòa sứ để vài người Âu dạo cảnh. Tuy nhiên thỉnh thoảng có viên Công sứ, tỏ lòng sốt sắng, quyết định làm một công trình quan trọng,

như đắp một con đê hay khơi một cái lạch cho dòng nước chảy theo hướng khác. Trong trường hợp ấy, viên Công sứ chẳng cần chú ý thảo ra một kế hoạch hợp lý, phân chia công việc làm sao khỏi cản trở đến công việc đồng áng; dân chúng phải đổ sức ra làm, và ảnh hưởng thường rất tai hại cho tình hình trong tỉnh.

Mới được tin viên Bộ trưởng Thuộc địa sắp sang thăm Đông Dương, người ta đã lấy ngay một vạn người để hoàn thành gấp con đường V.L. để mời Ngài khánh thành.

Mùa hè năm 19..., trong lúc nạn đói kém đang làm cho miền Trung Trung Kỳ phải tiêu điều khổ sở, thì một vạn người Việt Nam bị lý trưởng làng họ bắt đi tập trung vét một cái lạch. Số dân đông đảo ấy, người ta không dùng hết, mà vẫn cứ phải lìa xa đồng ruộng của mình hàng tháng giữa lúc hết sức cần thiết họ phải có mặt ở nhà. Cần chú ý rằng, người ta chưa hề tập hợp một đoàn quân đông đảo như vậy bao giờ để ngăn chặn một thiên tai. Trong thời kỳ kể trên, người ta có thể cứu vớt được những người chết đói khốn khổ ở Trung Kỳ, nếu người ta tổ chức từ Đà Nẵng trở đi một dây chuyền vận tải để tiếp tế cho các vùng bị nạn đói hoành hành; một vạn người vét lạch có thể phân phối trong các tỉnh của họ 2.000 tấn gạo trong một tháng.

Cũng việc đắp đường ở Đà Nẵng, ở Trấn Ninh và ở Lào đã để lại biết bao kỷ niệm xót xa. Người ta lấy phu làm đường trong đám dân đi tạp dịch. Họ phải đi bộ hàng trăm cây số mới đến được công trường, bị giữ lại nhiều ngày, sống trong những điều kiện ăn ở và vệ sinh thảm hại. Không có tổ chức y tế. Dọc đường, lúc đi cũng như khi về, không có lấy một trạm cho họ nghỉ ngơi, một nơi cho họ trú ẩn. Cơm ăn không đủ, chỉ với một tí cá mắm, nước uống thì uống ngay nước độc kinh khủng ở rừng núi. Bệnh tật, cực nhọc, hành hạ tàn tệ đã gây nên chết chóc rùng rợn.

*

* *

Người ta thay thế chế độ tạp dịch bằng chế độ trưng tập, và giữa hai chế độ chỉ có một điều khác nhau là tạp dịch còn có số ngày hạn định, mà trưng tập thì vô cùng. Chế độ trưng tập đã thỏa mãn mọi nhu cầu; nếu nhà đoan cần chuyên chở muối, họ trưng dụng thuyền bè. Cần xây một cái kho ư? Họ bèn trưng tập thợ thuyền và trưng dụng luôn cả vật liệu xây dựng.

Chế độ trưng tập trở thành chế độ phát vãng trá hình một cách vụng về. Bất chấp việc đồng áng, bất chấp cả những ngày hội hè hay những ngày không có nghĩa vụ gì cả, người ta trưng tập cả hàng xã, đưa đến công trường, mà rồi trở về chỉ là phần ít. Không nên kết tội đất đồng bằng hay rừng nhiệt đới nước độc, mà tội là ở chỗ thiếu thốn cả những nhu cầu đơn giản. Người ta trưng tập nhân công. Người ta làm đủ thứ cần thiết để rút những người lao động rời khỏi mảnh đất của mình, đưa họ đi xa hàng trăm hàng ngàn cây số, nhưng chẳng bao giờ tổ chức một tí gì để đưa họ trở về quê quán.

Không mấy ai chưa từng nghe chuyện những đoàn phu bị cưỡng bức phải đi Lang Biên. Trên đường đi những nơi rừng thiêng nước độc, đến những nơi thần chết đợi chờ, ăn uống khổ sở, có ngày không được lấy hột cơm vào bụng, các đoàn ấy bỏ chạy tán loạn hay nổi lên chống lại, thì họ lại bị bọn lính áp giải đàn áp ghê gớm, và xác họ rải khắp nẻo đường.

Một viên quan cai trị được lệnh của Chính phủ phải bắt phu cho quân đội ở Trung Quốc. Viên ấy liền cho túm cổ hết mọi người bản xứ đang lao dịch hoặc bốc hàng ở tàu, người ta trói họ lại và quẳng họ xuống tàu đợi sẵn ở bến mặc cho họ kêu ca phản đối, mặc cho vợ con họ khóc than thảm thiết, uất ức chẳng bao giờ lại được thấy mặt chồng, mặt cha nữa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 61. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

CÔNG CHÍNH

Thực dân Pháp đánh giá công ơn khai hóa của họ ở Đông Dương bằng những cây số đường cái mà họ đã đắp bằng tiền và công sức của người Việt Nam. Song người Pháp cũng chỉ đặt đường xe lửa ở những nơi họ cần dùng để chuyên chở hàng hóa hay quân đội để đàn áp dân chúng; và đường sá đắp không phải để cho người bản xứ đi, vì những người này không có quyền tự do đi lại ngay cả đi tỉnh này sang tỉnh khác, mà là để phục vụ cho người Âu.

Có khi họ cũng hấp tấp xây dựng những công trình xa hoa lộng lẫy, nhưng không phải để cho những người đã bỏ tiền ra, không phải để cho người Việt Nam được hưởng.

Tai vạ là ở chỗ phần lớn những món tiền sẵn có lại thường đem dùng vào những việc phù phiếm (các quan sứ đi chơi, đi thanh tra, v.v...), còn đường sá cần thiết cho việc khai khẩn và thông thương trong xứ thì chỉ là những vùng nước đọng lầy lội, lún sụt, không thể đi được, dù cho trâu rừng cũng chịu.

Đường cái chỉ đẹp đẽ ở xung quanh tỉnh và các Tòa sứ, còn ngoài ra thì ít ỏi, lại đắp và rải đá rất tồi. Không có lấy một con đường đi xe được vào các vùng đồng ruộng cày cấy.

Một con đường, để nối liền hai tỉnh Nam Kỳ, dài có 34 cây số, nhưng đã ba mươi năm nay, họ mới đổ được ít đất và cát mà đã ngốn hết một số tiền khá lớn, đủ để lát được suốt con đường đó, từ đầu đến cuối, một lớp bạc dày.

Ở Huế, người ta có đắp một đại lộ rộng 20 thước – thật ra là vô ích – chạy thẳng từ thành đến đàn Nam Giao. Con đường ấy mở qua hai làng và một nghĩa trang, khi làm phải phá hay di chuyển mất sáu ngàn ngôi mộ. Người ta chẳng chịu bồi thường hay giúp đỡ gì cho các gia đình có nhà phải phá, có cây phải chặt, có mồ mả phải khai quật lên.

Ở Bắc Kỳ, việc sửa sang tô điểm thành phố làm chẳng hết mấy đồng tiền, nhưng thiệt hại lớn cho người Việt Nam.

Một viên đốc lý người Pháp chỉ đơn giản ra một nghị định, bắt đắp một đường phố cho dài thêm, làm cho nhà cửa thẳng hàng, phá những lều tranh và phải làm lại bằng gạch. Những người nghèo khổ không có đủ tiền để tuân lệnh phải bỏ thành phố ra đi.

Người Việt Nam ở gần doanh trại bị đuổi đi. Họ được bồi thường bằng những miếng đất ở phố khác để dựng lại những túp lều tranh của họ.

Ít lâu sau, người ta hạ lệnh cho họ phải xây nhà gạch. Nhiều người không có giấy chứng nhận quyền sở hữu vì trước kia sơ xuất không xin, nên phải bỏ nhà cửa. Thế là thành phố lấy lại đất và bán lấy tiền bỏ quỹ.

Trong phần nhiều các thành phố lớn, một Hội đồng thành phố gồm toàn những người Âu, tùy ý sử dụng công quỹ do người bản xứ

đóng góp, mà chẳng đếm xỉa gì đến nguyện vọng và nhu cầu của những người khốn khổ này.

*

* *

Một người Pháp tự hỏi: "Có nước nào trên thế giới dám khoe như Đông Dương có nguyên liệu và nhân công rẻ mạt mà làm một đường xe lửa phải tốn phí từ 16 đến 20 frăng một phân không?"

Khi làm đường hầm ở đèo Hải Vân, muốn công việc cho mau chóng, người ta đục cả hai đầu vào một lúc. Hai đoạn đục ở hai đầu vào không ăn khớp với nhau, thành thử ra mỗi đoạn đã thành riêng biệt một đường hầm hoàn toàn. Hầm đục ngay giữa núi đá, thế mà người ta cứ phải xây thêm một lớp đá nữa ở ngoài, trát thật kỹ lưỡng làm hao tốn bao nhiêu của.

Đường Lạng Sơn, đắp để dùng vào việc bình định vùng ấy, dự trù hết có 4 triệu, nhưng làm xong tốn đến 38 triệu.

Chưa cắm được một cái mốc nào trên đoạn đường dự định làm, người ta đã cho trưng thầu cung cấp rất nhiều đường ray và nhiều vật liệu khác. Khi viên thanh tra gần tới, người ta đem chôn biến những đường ray đáng lẽ còn lâu lắm mới phải mua ấy xuống những hố dài hàng mấy cây số.

Kỹ sư trù tính hết 94 triệu, nhưng khi chi tiêu lại mất đến 165 triệu.

Ông Combane, nhà thám hiểm kể trên, còn nói thêm rằng: "Chỉ việc nghiên cứu để đặt đường xe lửa ở Đông Dương cũng đã tốn hết số tiền lớn có thể đủ để làm cả quãng đường ấy".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 64. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

GIÁO HỘI

Nếu có dân tộc nào phải nhớ ơn Chúa và các giáo sĩ, thì chính đó là dân tộc Việt Nam! Vì Chúa và các giáo sĩ mà dân tộc này đã sa vào tình cảnh như ngày nay. Bước đầu, khi giúp Gia Long chiếm lấy ngôi vua, Pinhô đơ Bêhen [1] đã làm hết cách dọn đường cho thực dân cướp nước. Cho nên để đổi lấy một ít súng ống, y đã bắt Gia Long nhượng cho Pháp những thương cảng và quân cảng sau này trở thành những căn cứ xâm lược của Pháp [2].

Chính những tên giáo sĩ đã vẽ bản đồ Việt Nam cho đội quân xâm lược. Chính bọn họ đã đưa tin cho gián điệp, dẫn đường cho đội quân viễn chinh và tố giác những người yêu nước. Trong thời chinh chiến ở Bắc Kỳ, nhiều tên giám mục cha cố giả danh đi làm việc thiện, đã len lỏi trong dân chúng Việt Nam do thám phong trào, đánh cắp kế hoạch phòng thủ thành phố và chuyển cho người Pháp. Biết rõ những vùng giàu có nhưng lại phản đối truyền đạo, đôi khi giáo hội cố ý đưa cha cố về chịu ức hiếp để lấy cớ can thiệp và cướp bóc nhân dân.

Ở đâu có cuộc nổi dậy, có khởi nghĩa thì cha cố biến thành mật thám, nhà thờ Chúa biến thành nơi tra khảo. Trong những buổi xưng tội, bọn cha cố chất vấn người dân quê, dọa nạt họ hoặc hứa hẹn khôn khéo với họ để lấy tin tức về phong trào và các lãnh tụ. Lễ xưng tội xong, các cha chúng ta bèn chạy đi tố cáo với nhà chức trách Pháp.

Về mặt kinh tế cũng như về mặt tinh thần, giáo hội đều tỏ ra rất xứng đáng với Chúa. Lấy danh nghĩa làm việc thiện, người ta tập trung trẻ mồ côi về Nhà chung, thí cho một bát cơm rồi bắt con em

---

1, 2. Ngày 28-11-1787, tại Vécxây, Pinhô đơ Bêhen (Pigneau de Béhaine), tức Bá Đa Lộc, thay mặt Nguyễn Ánh ký với Chính phủ Pháp một Hiệp ước gồm 10 điểm, nội dung chủ yếu là:

– Nguyễn Ánh nhượng hẳn cho Pháp đảo Côn Lôn, cửa biển Hội An và cam kết để cho tư bản Pháp nắm độc quyền buôn bán trên cả nước ta. Cung cấp binh lính và lương thực cho Pháp khi có chiến tranh giữa Pháp với một nước ở phương Đông.

– Chính phủ Pháp nhận giúp Nguyễn Ánh bốn tàu chiến và một đội quân gồm 1.650 người.

Đây là một Hiệp ước bán nước, phản bội dân tộc. Từ năm 1788, những chiếc tàu của bọn tư bản Pháp bắt đầu cập bến Gia Định.

làm việc như khổ sai. Có những cha cố đã bán những em gái mồ côi do họ trông nom, cho những tên thích đùi non để lấy tiền tiêu. Có cha cố tuyển mộ những người thất nghiệp đem đi khai hoang và hứa chia lợi cho họ; nhưng khi ruộng đất đã có thu hoạch thì bọn cha cố lại thẳng tay đuổi họ đi.

Để bóc lột người bản xứ, giáo hội đã dùng nhiều mánh khóe, mà những thủ đoạn chính như sau:

Trong các cuộc xung đột Việt - Pháp, người Việt Nam đi lánh nạn phải tản cư sang các tỉnh lân cận. Khi họ trở về làng thì đất đai của họ đã bị chiếm đoạt. Nhân cơ hội loạn lạc, vắng chủ, Nhà chung đã cướp cả văn tự lẫn ruộng đất của họ.

Những năm mất mùa, Nhà chung cho nông dân vay tiền, nhưng bắt họ phải đưa ruộng đất bảo đảm. Vì lấy lãi cắt cổ nên đến kỳ hạn người nông dân không trả được nợ, thế là tất cả ruộng nương đều rơi vào tay Nhà chung.

Những tên quan cai trị, Thống đốc, Toàn quyền cũng ít liêm khiết lắm. Chỉ cần nắm được ít giấy tờ bí mật về đời tư và có thể chạm đến thanh danh của họ, thì Nhà chung bèn dùng để làm tiền, và đòi hỏi tất cả những điều họ muốn. Vì vậy mà một viên Toàn quyền đã phải nhượng lại cho Nhà chung đến bảy nghìn hécta đất màu mỡ của dân bản xứ. Dân mất quyền sở hữu, bị đuổi đi và buộc phải đi ăn xin.

Nhà chung còn mở những công ty có những số vốn khổng lồ, để khai thác sinh lợi những đồn điền do Chính phủ thuộc địa cho không họ, và do "con chiên" cày cấy không công cho họ. Những đồn điền của Tòa Thánh có lúc dùng tới sáu bảy nghìn nô lệ bản xứ. Riêng ở Đông Dương, giáo hội đã chiếm mất 1/5 ruộng đất, và ở Cao Miên đến 1/3.

Đại tá Bécna viết: "Những điều mà người thực dân phải dựa vào Nhà nước mới làm được, thì người giáo sĩ vẫn làm được cả, bất chấp Nhà nước. Bên cạnh lãnh địa của người chủ đồn điền, xuất hiện lãnh địa của Nhà chung. Rồi đây không còn rẻo đất nào cho người An Nam cư trú, trồng trọt và sinh sống nữa, nếu họ không cam chịu sống kiếp nông nô".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 71. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

CHÍNH SÁCH NGU DÂN

Người Việt Nam rất hiếu học. Trong các tầng lớp xã hội, người sĩ phu chiếm địa vị hàng đầu. Có con học giỏi là một vinh hạnh cho cha mẹ. Cho nên, dù có nghèo đói đến đâu, cha mẹ cũng cố tìm cách cho con cái được học hành. "Nửa bụng chữ bằng một hũ vàng" là một câu tục ngữ biểu hiện nhiệt tình ham muốn có học thức cao của dân tộc Việt Nam. Ở làng xã nào cũng có trường công và trường tư. Chữ Nho rất khó học, thế mà hầu hết người Việt Nam đều biết "ký tên bằng chữ Hán"...

Người Pháp đến đã làm đổi thay tất cả. Đời sống càng ngày càng khó khăn. Thuế má nặng nề, phu dịch thường xuyên. Các gia đình khá giả nay bị sa sút, không còn có thể nuôi thầy đồ dạy cho con cái mình và con cái những người láng giềng như xưa nữa. Những kẻ nghèo đói thì bị bần cùng, nên họ phải chống đói đã rồi mới có thể nghĩ đến chuyện học hành.

Càng nghèo khổ thì số người thất học càng nhiều. Mặt khác, thực dân Pháp lại cố tâm hủy bỏ Hán học mà chúng thấy là nguy hiểm cho sự thống trị của chúng, vì chúng biết rằng Hán học có thể đưa vào Việt Nam những tư tưởng tiến bộ phương Tây thông qua Trung Quốc và Nhật Bản. Người ta có thể tưởng rằng bỏ Hán học đi để đẩy lùi ảnh hưởng nước ngoài, người Pháp sẽ thay thế vào đó bằng nền giáo dục của họ. Không phải thế đâu. Thâm ý của họ chỉ là đẩy người Việt Nam vào vòng ngu tối. Tôi xin nêu ra sau đây một vài bằng chứng của người Pháp.

Đại tá Bécna viết: "Về phương diện tinh thần, người Pháp không tổ chức một nền giáo dục mới, thay thế cho nền giáo dục An Nam mà họ bỏ đi. Họ chỉ xây dựng được một ít trường học để đào tạo ra những con vẹt, những người vong bản thiếu đạo đức và thiếu cả kiến thức phổ thông".

Trong một bản báo cáo về tình hình Đông Dương, tướng Panơcanh cũng viết: "Trong 50 năm chiếm đóng ở Nam Kỳ, những trường học Pháp không đào tạo lấy được một người An Nam thật sự có học thức".

Ông Mắcxơ, văn sĩ thuộc địa, đã viết câu sau đây lột được đúng tư tưởng trong đầu óc các nhà cai trị của chúng ta: "Chúng ta chỉ dạy tiếng Pháp cho người An Nam, dạy cho họ biết đọc, biết tính toán chút ít thôi; biết hơn nữa chỉ là thừa vô ích".

Nhưng ngay cả nền giáo dục sơ đẳng ấy cũng chỉ được phổ cập một cách quá bủn xỉn và nhỏ giọt. Trường học rõ ràng là còn thiếu nhiều, giáo viên thì chưa đủ tư cách để giảng dạy. Cao Miên có 2.000.000 dân mà chỉ có 60 trường học. Ở Trung Kỳ chỉ có 118 trường cho 6.000.000 dân. Trường học lập ra không phải để giáo dục cho thanh niên Việt Nam một nền học vấn tốt đẹp và chân thực, mở mang trí tuệ và phát triển tư tưởng cho họ, mà trái lại càng làm cho họ đần độn thêm. Ngoài mục đích giáo dục để đào tạo tùy phái, thông ngôn và viên chức nhỏ đủ số cần thiết phục vụ cho bọn xâm lược, người ta đã gieo rắc một nền giáo dục đồi bại, xảo trá và nguy hiểm hơn cả sự dốt nát nữa, vì một nền giáo dục như vậy chỉ làm hư hỏng mất tính nết của người đi học, chỉ dạy cho họ một lòng "trung thực" giả dối, chỉ dạy cho họ biết sùng bái những kẻ mạnh hơn mình, dạy cho thanh niên yêu một tổ quốc mà không phải là tổ quốc của mình, một tổ quốc đã từng áp bức dân tộc mình. Hấp thụ nền giáo dục ấy, thanh thiếu niên trở lại khinh rẻ nguồn gốc giống nòi mình và trở nên ngu ngốc thêm. Điều gì có thể rèn luyện được cho học sinh biết suy nghĩ, biết phân tích thì người ta không dạy ở nhà trường. Vấn đề nào có liên quan đến chính trị, xã hội có thể làm cho người ta tỉnh ngộ đều bị bóp méo và xuyên tạc đi. Có học lịch sử nước Pháp đi nữa, thì người ta không hề đả động đến chương nói về cách mạng. Người ta cấm học sinh đọc tác phẩm của Huygô, Rútxô và Môngtétxkiơ. Nói tóm lại, trường học thật là tương xứng với chế độ khai sinh ra nó.

Cách đây vài năm, người ta ban cho chúng tôi một trường đại học. Một trường đại học thế nào? Theo những bài diễn văn chính thức và những lời tuyên truyền ầm ĩ xung quanh trường này thì trường đại học của chúng tôi thuộc loại trường đại học to nhất Âu châu kia đấy. Thực ra, hằng năm trường đại học chỉ sản xuất được hai ba ông cử nhân hạng tồi. Ông bố đỡ đầu cho cái trường "Xoócbon Annammít" ấy, hiện giờ là Thống đốc Nam Kỳ, trong một lúc thành thật hiếm thấy xưa nay ở ngài, ngài đã thú nhận rằng: chính ngài đã "hằng chăm lo đến sự tiến bộ của cả dân tộc An Nam; mở trường y

khoa và trường đại học là cốt để sau này (mà nay là tháng ba năm 1924!) [1] người An Nam có thể thay thế người Pháp trong các *chức vụ thứ yếu ở các công sở*".

Bên cạnh trường đại học đáng quý ấy, lập ra cốt để lòe nước ngoài, để đưa ra khoe khoang trong các bài diễn văn và để ngăn cấm người Việt Nam xuất dương du học, chúng tôi còn có một trường y khoa, một trường luật, một trường công chính, ba hoặc bốn trường chuyên nghiệp nữa cho cả 20.000.000 dân.

Nhưng kết quả thu được ở các trường ấy thì như thế nào? Một tờ báo Pháp xuất bản ở Đông Dương đã trả lời câu hỏi đó như thế này: số thanh niên Việt Nam có trình độ kỹ thuật chuyên nghiệp cao còn rất ít, rất ít người dân bảo hộ có thể đảm đương được xứng đáng chức vụ của một kỹ sư công chính, của một bác sĩ y khoa hay của một thanh tra hỏa xa chẳng hạn.

Cho nên, bị chính sách ngu dân triệt để kiềm chế như vậy, người Việt Nam muốn học lên chỉ còn có hai cách: đi du học ở nước ngoài hay ở Pháp. Nhưng nếu có một người Việt Nam nào có ý định đi du học nước ngoài thì sẽ bị coi như một người nổi loạn, một người chống Pháp, có tội lớn; người ta hãm hại người đó và cả gia đình họ. Anbe Xarô, nguyên Toàn quyền Đông Dương, nay là Bộ trưởng Thuộc địa đã nói rõ chính sách bao vây tinh thần ấy bằng những lời lẽ sau đây: "Để cho lớp thượng lưu trí thức đào tạo ở nước ngoài thoát khỏi vòng kiềm tỏa của chúng ta, chịu ảnh hưởng văn hóa và chính trị của nước khác, thì thật là một điều nguy hiểm vô cùng. Những người trí thức đó trở về nước đã đưa hết tài năng của họ để tuyên truyền vận động chống lại chúng ta là những người bảo hộ đã ngăn cấm không cho họ học tập".

Còn sang du học ở Pháp lại là một chuyện khác hẳn. 1. Sinh hoạt ở Pháp đắt đỏ hơn ở Trung Quốc và ở Nhật Bản, nên du học sinh phải rất giàu có mới có đủ tiền đến học ở một trường chính quốc. 2. Ngoài ra người đó phải được bảo đảm về tinh thần, nghĩa là cha mẹ anh ta phải có thái độ phục tùng Chính phủ; phải có bảo đảm về vật chất, tức là phải đút lót thật nhiều cho các quan cai trị. 3. Du học sinh phải làm đủ các thể thức quái gở, vô ích và nhục nhã; những thể

---

1. Chúng tôi căn cứ vào câu chú thích đặt trong ngoặc đơn, để xác định thời gian tác giả đã viết bài này (tức là vào tháng 3-1924).

thức này thường làm cho người xin đi học phải nản chí, vả lại Chính phủ cũng chỉ muốn như thế thôi. 4. Khi đã sang Pháp, người du học sinh phải chịu sự giám sát, theo dõi và dò la của Chính phủ Pháp.

Chính phủ Pháp cố đưa du học sinh Việt Nam vào học ở những trường phản động nhất. Những sách vở báo chí mà anh ta đọc, những hoạt động, giao thiệp hằng ngày của anh đều bị kiểm soát, theo dõi. Người ta giao anh cho những tên ba que thực dân già đã về hưu trông nom. Chính phủ Pháp dựng lên một bức tường ngăn cách hẳn du học sinh với những luồng tư tưởng chính trị và xã hội ở chính quốc. Để nắm chặt lấy anh ta, người ta dùng tiền thuế của người Việt Nam tổ chức ra những hội quán và câu lạc bộ cho du học sinh; ở đấy muốn làm gì thì làm, trừ việc học tập. Nếu anh sinh viên tỏ vẻ tự lập thì người ta bắt ép cha mẹ phải gọi anh ta về. Nếu anh ta không nghe, thì người ta cứ việc cắt lương của anh.

Học xong và nếu đã tốt nghiệp – dù tốt nghiệp bác sĩ y khoa, luật sư hay kỹ sư bách khoa – người Việt Nam muốn có việc làm ở trong nước thì phải nhập quốc tịch Pháp; mà muốn được vào làng Tây thì phải luồn lọt xin xỏ thật là nhục nhã và hèn hạ.

Muốn mở trường tư, thì phải xin phép Chính phủ trước. Bất cứ lúc nào Chính phủ cũng có quyền kiểm soát hoặc bắt các trường phải đóng cửa.

Sau những cuộc biểu tình năm 1907 mà tôi đã có dịp nói đến, Chính phủ cho lính tập về phá phách các trường học và bắt bớ giáo viên. Các ông giáo bị bắt, bị ngược đãi hành hạ, tay trói giật cánh khuỷu và bị dẫn từng xâu lên tỉnh lỵ; đầu trần, chân không, nhịn đói, nhịn khát, họ bị đánh đập như trâu ngựa, rồi bị kết án khổ sai. Còn trường học thì bọn sĩ quan Pháp dùng làm chuồng ngựa.

Mới đây, ở một tỉnh Nam Kỳ, người ta thuyên chuyển cả một loạt giáo viên, lấy lý do là các nhà giáo đã quyết định xin ra hội mà trước kia họ bị bắt buộc phải gia nhập. Tên Công sứ chủ tỉnh làm thủ quỹ hội này đã bắt giáo viên phải đóng 40 frăng để bù vào tiền quỹ bị hao hụt. Các giáo viên bị thuyên chuyển đi cũng vì một lý do khác là tên Phó sứ đã chửi mắng, làm nhục họ và dọa đánh vào mõm họ (nguyên văn).

Để làm rõ thêm cái chế độ tốt đẹp ấy, tôi cần phải nói thêm rằng: Chính phủ đã biếu bà quả phụ của một viên cựu Thống đốc một món tiền là 1 triệu frăng và trợ cấp 800.000 frăng cho 6 buổi kịch

giải trí cho 3 hay 4 nghìn người Âu ở Sài Gòn; nhưng Chính phủ lại thu hồi mọi khoản trợ cấp chỉ có 2.000 đồng cho một tổ chức giáo dục bình dân, vì ông Hội trưởng của tổ chức này là một người làng Tây có chân trong Hội đồng Thuộc địa, đã viết những bài báo phản đối việc cho trưng thầu hải cảng Sài Gòn.

NGUYỄN ÁI QUỐC
Tháng 3.1924 [1]

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 73. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

CHẾ ĐỘ BÁO CHÍ

Nói xong vấn đề giáo dục, thì tự nhiên chúng tôi nghĩ ngay đến câu hỏi: Thế còn chế độ báo chí? Những điều tôi sẽ kể về báo chí Việt Nam nó kỳ dị quá đến nỗi khó mà tin được. Giữa thế kỷ XX này, ở một nước có đến 20 triệu dân mà không có lấy một tờ báo! Các bạn có thể tưởng tượng được như thế không? Không có một tờ báo bằng tiếng mẹ đẻ của chúng tôi. Lý do như thế này. Chính quyền Pháp quyết định rằng không một tờ báo bằng tiếng Việt nào được xuất bản nếu không được viên Toàn quyền cho phép, rằng họ chỉ cho phép với điều kiện là bản thảo đưa đăng phải trình viên Toàn quyền duyệt trước đã, và giấy phép ấy họ thu hồi lúc nào cũng được. Tinh thần bản sắc lệnh về báo chí là như thế đấy. (Chúng tôi bị cai trị bằng chế độ sắc lệnh do viên Toàn quyền ban bố, chứ không phải bằng những đạo luật đã được thảo luận và biểu quyết ở Nghị viện). Trên thực tế còn tệ hơn nữa. Mãi đến bây giờ, chưa có một người Việt Nam nào được phép xuất bản một tờ báo cả. Tôi gọi báo là một tờ báo về chính trị, về kinh tế hay văn học như ta thấy ở châu Âu và ở các nước châu Á khác; chứ không phải một tờ do chính quyền thành lập và giao cho bọn tay chân điều khiển, chỉ nói đến chuyện nắng mưa, tán dương những kẻ quyền thế đương thời, kể chuyện vớ vẩn, ca tụng công ơn

1. Xem chú thích 1, tr. 177.

của nền khai hóa và ru ngủ dân chúng. Báo đầu độc người ta như thế, thì ở Đông Dương cũng có ba hay bốn tờ đấy.

Ngay cho đến cả những tờ thông tin thuần túy về kinh tế và thương mại, người ký giả bản xứ cũng chỉ được xin phép bằng những biện pháp quanh co. Anh ta phải thuê tiền một người Pháp có địa vị và được kính nể. Ông này đi gặp quan cai trị và xin phép *cho ông ta*, là người Pháp. Vì ông ta vẫn sẽ là *sáng lập viên* của tờ báo, mặc dầu ông chẳng biết một tiếng Việt Nam nào gọi là có, ông chẳng phải bỏ tiền túi ra lấy một xu nhỏ, chẳng phải đụng tí gì đến công việc của tờ báo cả, trừ việc đi gặp viên quan cai trị. Chỉ việc cho mượn tên mình, người Pháp kia nhận được hằng tháng số tiền rất hậu, mà người ký giả bản xứ phải trả cho ông lâu dài, báo còn ra là còn phải trả.

Trước khi đưa đi nhà in, tất cả các bài báo phải dịch ra tiếng Pháp và đưa kiểm duyệt đã. Cấm ngặt những tờ thông tin ấy không được đả động gì đến những vấn đề chính trị hay tôn giáo, mà chỉ được đăng những tin tức thông thường, những vấn đề xét ra có lợi cho Nhà nước. Khi đất nước bị một thiên tai nào, lụt lội, bão táp, đói kém, v.v..., phòng kiểm duyệt cấm báo không được cho nhân dân biết những tin "không vui" ấy, cấm báo không được mở lạc quyên giúp những người bị nạn. Báo không có quyền nói gì, dù chỉ bóng gió, đến việc bầu cử Hội đồng Thuộc địa hay Hội đồng hàng tỉnh. Có một tờ, dịch ra tiếng Việt Nam đạo luật cấm những hành vi hối lộ trong việc tuyển cử, đã bị kiểm duyệt trắng mất nửa tờ báo, và còn bị khiển trách thêm nữa. Nhiều khi người ta cấm cả dịch đăng những bài đã đăng ở các báo tiếng Pháp xuất bản ở Đông Dương.

Các bạn chớ tưởng rằng mấy tờ báo thông tin khốn khổ ấy được tự do phân tích tất cả những cái thuộc về kinh tế. Chẳng hạn, họ không được nói đến đời sống đắt đỏ, đến việc mất mùa, đến việc buôn gian bán lậu của bọn con buôn người Âu, đến việc xoay xở tiền nong bất lương của bọn quan cai trị, đến những vụ đầu cơ buôn lậu của bọn chủ đồn điền và chủ nhà máy người da trắng. Vừa rồi, người ta cấm báo chí không được đả động đến việc Chính phủ nhượng quyền kinh doanh hải cảng Sài Gòn, nếu không phải để tán dương công đức của công ty độc quyền và lòng vô tư của Chính phủ. Có một tờ cũng đã "tán dương", nhưng kém nhiệt tình, nên phòng kiểm duyệt trước hết đã theo dõi bí mật, rồi đóng cửa hẳn tờ báo ấy.

Những người vào làng Tây, được hưởng quyền công dân Pháp có

thể xuất bản báo, *nhưng chỉ bằng tiếng Pháp mà thôi;* ở Nam Kỳ có 5, 6 tờ vào loại ấy. Ở các vùng khác, không có tờ nào, vì không có hay có ít người vào làng Tây. Trong số các cơ quan ngôn luận ấy – thường là tạp chí ra một tháng hai kỳ – có hai hay ba tờ có khuynh hướng *quốc gia hợp pháp.* [1] Ghép hai tính từ trái ngược ấy với nhau, có thể kỳ dị đấy và cần phải giải thích đôi chút. Những tờ báo này là của bọn tư sản bản xứ mới lên, có địa vị là nhờ ở nền đô hộ Pháp. Nền đô hộ ấy đã sinh ra bọn này, nhưng lại không để cho họ phát triển. Vì vậy, tầng lớp tư sản nhỏ bé đó đã bị ngạt thở trong phạm vi chật hẹp và phụ thuộc mà quan thầy ngoại quốc – cha đỡ đầu của họ – đã dành cho họ. Và vì thế, họ hờn mát, nhưng cũng nhè nhẹ thôi. Bởi thân phận nửa dơi nửa chuột của họ, chẳng thuộc hoàn toàn trong xã hội Việt Nam vì họ là những người vào làng Tây, mà cũng chẳng thuộc trong tầng lớp quý tộc Tây vì họ xuất thân ra là người An Nam, nên họ cảm thấy lúng túng trong mọi việc, đồng thời trong mọi hành động và tư tưởng của họ, đều thấy cái mâu thuẫn xã hội và tâm lý ấy. Báo của họ chỉ trích những vụ hà lạm, nhưng lại phỉnh nịnh những kẻ hà lạm; họ than phiền về những đạo luật đè nén áp bức, nhưng vẫn cậy thế vào "nước mẹ"; họ mủi lòng cho số phận khốn khổ của người Việt Nam, nhưng vẫn ca tụng công đức mơ hồ của một nền khai hóa tốt đẹp hơn. Họ muốn chữa bệnh, nhưng lại không dám tìm và tấn công vào nguồn gốc của bệnh.

Ảnh hưởng của họ bị cản trở mọi đường:

a) Vì chính sách ngu dân như các bạn đã biết, nên độc giả chỉ có một dúm người rất hạn chế. Mỗi số phát hành không bao giờ quá một hay hai nghìn bản, ấy thế mà bán không hết.

b) Vì thái độ lừng chừng, vì không có chương trình cụ thể, không có kế hoạch rõ ràng, không có khuynh hướng mạnh dạn, nên mấy tờ báo ấy không thu hút được cảm tình của dân chúng. Họ ngả nghiêng, hay đúng hơn, lơ lửng giữa dân chúng mà họ không gần gũi được và những kẻ thống trị không ưa họ.

c) Nhà nước thuộc địa cố tâm phá phách họ. Họ bị phá bằng

1. Tiếng Pháp là "nationaliste loyaliste". Theo chúng tôi thì dịch là có khuynh hướng "dân tộc chủ nghĩa và trung thành chủ nghĩa". Dân tộc chủ nghĩa ở đây là bảo vệ quyền lợi dân tộc Việt Nam; trung thành chủ nghĩa ở đây là trung thành với Nhà nước "Đại Pháp". Bằng đoạn văn này, tác giả đã kích bọn theo xu hướng cải lương vừa vỗ ngực là yêu nước vừa thề thốt là trung thành với Pháp.

nhiều cách. Sau đây là những cách thông thường nhất:

1. Nhà nước báo cho công chức và nhân viên người bản xứ biết rằng cấp trên đã coi những tờ báo ấy như làm cách mạng, rằng những người nào đọc báo đó sẽ bị ghi danh sách riêng, và dĩ nhiên bản danh sách ấy sẽ đính theo báo cáo thăng hay giáng chức.

Có nhiều công chức đã bị bắt buộc phải đổi đi chỗ khác hay bị bắt về hưu chỉ vì đã vi phạm những điều răn đe ấy.

2. Đối với những độc giả không phải là công chức (tôi nói không phải là công chức chứ không nói tự do, vì ở đất nước chúng tôi không ai được tự do cả trừ bọn xỏ lá ba que ra) thì viên quan cai trị cho gọi họ đến bàn giấy, ân cần khuyên bảo họ điều hơn lẽ thiệt. Nếu họ không biết nghe những điều khuyên tử tế ấy, thì họ bị cảnh sát theo dõi. Và cứ mười lần thì có đến chín, báo chí và thư từ của họ bị thất lạc như bị phép thần. Chính phủ hãy tạm vui lòng như thế trong lúc chờ cơ hội để tóm cổ họ vì lẽ này hay lẽ khác.

3. Chính phủ cho bọn chủ nhà in lựa chọn nên làm việc cho một tờ báo "tin vịt không biết điều" được ít tiền, hay nên nhận in cho Nhà nước được lợi lộc và bảo đảm hơn nhiều.

Vì thế, một tờ báo ở Sài Gòn đã phản đối chủ in nhiều lần trong một tháng.

4. Chính phủ vi phạm quyền tự do thư tín, ngay cả thư từ riêng của các ký giả. Những người này bị "ghi" vào sổ đen, bị theo dõi, dò la, do thám và vu cáo. Chính phủ dùng cả áp lực đối với gia đình, bà con thân thuộc và bè bạn họ nữa. Chỉ nhờ địa vị có làng Tây và nhờ mánh khóe khôn khéo kết thúc mọi bình luận bằng cách nịnh hót tâng bốc hết mức nước mẹ, bảo hộ, nhân từ, thiêng liêng, v.v..., mà họ thoát khỏi đi tù.

Báo chí bản xứ bằng tiếng Pháp bị phá phách như vậy đấy. Những hành vi bất hợp pháp của lối trị an đê hèn ấy còn được tăng cường và bổ sung thêm bằng những điều lệ pháp lý như thế này: "Mọi việc trưng bày hay gửi đi nơi khác những bài hát, bức họa hay tranh ảnh trái đạo tôn kính đối với các vị đại diện của Nhà nước, sẽ bị trừng phạt bao nhiêu tháng tù và phạt tiền bao nhiêu frăng đó, v.v...".

Chưa hết đâu. Nền "văn minh" của thực dân đã dùng ngọn đuốc cổ truyền thủ tiêu đến chút tự do cuối cùng của người bản xứ. Đã làm cho người bản xứ đần độn và câm, chúng cũng chưa vừa lòng; chúng

còn muốn họ phải điếc nữa kia. Chúng bịt tai họ, không cho họ nghe tiếng vang của những biến cố bên ngoài. Chỉ đơn giản bằng một nét bút, chúng đình chỉ hẳn đời sống tinh thần của cả một dân tộc. Cũng sắc lệnh vừa kể trên định rằng: "Sự lưu hành báo chí và tạp chí *bất cứ bằng tiếng gì, có thể bị cấm do một Nghị định của quan Toàn quyền*". Các bạn có thể tin chắc rằng quan Toàn quyền nhân từ chẳng sơ xuất gì mà không dùng và lạm dụng quyền hành ấy. Báo chí bằng tiếng Pháp, xuất bản ở Pari, gửi sang đều bị tịch thu ở Đông Dương. Sở bưu chính, Sở mật thám, và các cơ quan hành chính cùng nhau làm cái nhiệm vụ đê hèn ấy. Và người ta dọa trừng phạt những người có tên nhận những tờ báo ấy. Người ta cấm ngặt không cho đọc báo Nhật và Trung Quốc. Giữ một tờ tạp chí, một quyển sách Trung Quốc nào đó có thể là trọng tội đối với người Việt Nam. Tôi biết nhiều nhà văn thân bị kết án khổ sai chung thân vì đã đọc tạp chí *Trung Quốc hồn, Ẩm băng* và những bài cùng loại ấy của các nhà duy tân Trung Quốc. Năm 1920, có nhiều người Việt Nam ở Bắc Kỳ bị kết án từ hai đến năm năm tù, chỉ vì một người đã làm thơ ca tụng tự do, và các người khác đã nghe ngâm bài thơ ấy.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 78. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

"CÔNG LÝ"

(Trích)

Nói về nền "công lý" Pháp ở Angiêri, một nghị sĩ Pháp đã viết một cách châm biếm rằng: "Pháp luật, công lý với người bản xứ ư? Thôi đi! Chỉ có ba toong, súng lục, súng trường, đó mới là những thứ xứng đáng với lũ sâu bọ ấy!"

Một người Pháp khác cũng kêu lên như thế này: "Ở Đông Dương cũng đúng như vậy đấy, ở đây, "công lý" nằm trong tay những tên quan lại thiếu trách nhiệm, hoặc khi chúng ta phải thực hành công lý thì bằng súng!". Một người khác viết: "Nếu việc kiểm sát pháp luật xét kỹ theo đúng tinh thần pháp lý thì trong số hai nghìn đến hai

nghìn rưởi biên bản lập hằng năm ở Bắc Kỳ không có biên bản nào là có giá trị đối với Pari cả".

Ở Đông Dương có hai thứ công lý. Một thứ cho người Pháp, một thứ cho người bản xứ. Người Pháp thì được xử như ở Pháp. Người Việt Nam thì không có hội đồng bồi thẩm, cũng không có luật sư người Việt. Thường người ta xử án và tuyên án theo giấy tờ, vắng mặt người bị cáo. Nếu có vụ kiện giữa người Việt Nam với người Pháp thì lúc nào người Pháp cũng có lý cả. Mặc dù tên này ăn cướp hay giết người...

...

Tất cả những tên giết người ấy đều được trắng án. Vì uy tín của người Pháp nên phải như thế đấy!

Phải nhất thiết kết án những người dân bản xứ vô tội cũng như tha bổng những người Pháp có tội. Khi một người Việt Nam buộc tội là chống Pháp thì người ấy bị đem xử trước một tòa án gọi là tòa án đặc biệt. Tòa án gồm mấy tên quan binh và quan cai trị đều là người Pháp cả. Tòa án xử kín và có thể tuyên án tử hình. Không được chống án.

Năm 1908, một âm mưu ở Bắc Kỳ bị khám phá. Trong số người bị kết án, có cả đàn bà trẻ con và cả một thanh niên mà ai cũng biết là ngớ ngẩn.

Đôi khi họ tuyên án vắng mặt người bị cáo những án khổ sai, có khi cả những án tử hình nữa; bị cáo không hề được bào chữa.

Những người bản xứ bị buộc tội về chính trị nặng hay nhẹ, nói chung đều bị bắt, kết án và đem đi đày. Không cần điều tra xét xử gì cả.

Sau đây là một bản trích lục án để giúp các bạn hình dung được thế nào là "công lý" đối với những người dân bản xứ.

Trích lục án:

Xét rằng: những tên A, B, C, D và F đều là những nhà văn thân An Nam nổi tiếng, họ biết ai là kẻ phiến loạn chống Pháp nhưng họ lại cho rằng không cần phải theo dõi người ấy (không thấy nói tên kẻ phiến loạn, cũng không nói phải theo dõi người đó đến đâu?)

Xét rằng: khi đã thấy người đó về nhà, C bèn đi mời B và A về họp bàn (bàn việc gì?).

Xét rằng: C và B và D còn tổ chức cả những hội buôn, những hội diễn thuyết và hội mặc Âu phục cắt tóc ngắn (khủng khiếp chưa!).

Xét rằng: tất cả những việc đó, họ đã cùng làm với nhau một lần.

Xét rằng: trong những bài thơ của họ, có một câu có thể dịch là: "Chịu cảnh ô nhục, chịu thân cá chậu chim lồng" (Sai. Câu thơ trào phúng chế giễu những cuộc thi cử phải dịch như sau: Nếu các ông còn đeo đuổi mãi những cuộc thi cử lỗi thời ấy, thì trong khoảng trăm năm nữa các ông sẽ được nghe người ta chửi vào mặt. Khi nào thì các ông sẽ thoát khỏi cảnh cá chậu chim lồng ấy?).

Xét rằng: D đã cho phép học trò của anh ta hội họp (!) và những học trò ấy đã đọc câu phương ngôn: "Người trong một nước phải thương nhau cùng" (Tội nặng chưa!).

Lại xét rằng: trong các buổi diễn thuyết, họ đã nói đến vấn đề mở mang trí tuệ, họ đã bàn đến những nhu cầu đời sống văn minh, đến việc giảm bớt những hội hè đình đám vô ích, đến lợi ích học hành; họ lại còn khêu gợi cho người nghe ý thức chủ quyền của nhân dân và trình bày vấn đề đó như là một nguyên lý cơ bản (của cái gì?) và gây cho mọi người ý nghĩ khinh bỉ (khinh bỉ ai?).

Xét rằng: nếu không trừng phạt nghiêm khắc những hành động ấy theo đúng pháp luật, thì nhân dân không khỏi bị lôi cuốn theo những gương xấu như vậy.

Chiếu chỉ, xử tên A, B và C *tử hình án treo cổ*, xử đánh D và F 100 trượng (chỉ có thế thôi à!) và đày chúng đi xa 1500 cây số khỏi nước An Nam (chúng ta cần chú ý là các bị cáo không được phép bào chữa, và họ hoàn toàn không được biết gì cả về những lời buộc tội lẫn bản án).

Như vậy chỉ vì họ là những nhà văn thân danh tiếng, họ đã lập hội và diễn thuyết, họ đã ăn mặc Âu phục và cắt tóc ngắn, họ đã công kích những việc phù phiếm, hô hào đồng bào của họ thương yêu nhau, và họ đã nói đến dân quyền mà những người Việt Nam ấy đã bị xử tử hình và đày đi biệt xứ.

"Công lý" nước Pháp ở Đông Dương là thế đấy!

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 83. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

CUỘC KHÁNG PHÁP

Mặc dầu bọn vua chúa ươn hèn, mặc dầu địch đang chiếm ưu thế và mặc dầu chế độ quân chủ đã làm cho dân chúng quen lạnh nhạt, bàng quan, dân chúng cũng không thể chịu ách ngoại bang mà không bền bỉ chống lại. Lúc mới thấy các tàu chiến lớn và súng ống tinh xảo thì ngạc nhiên, nhưng khi cảm giác đầu tiên ấy đã qua thì những người yêu nước Việt Nam liền tổ chức đấu tranh. Cuộc xâm chiếm Đông Dương bắt đầu từ năm 1858 mãi đến năm 1909 mới kết thúc. Chính trong thời kỳ này, khi nhà ái quốc Đề Thám chết thì công cuộc chống Pháp có tổ chức và có vũ trang chấm dứt. Người anh hùng dân tộc ấy cùng với một ít nghĩa quân kiên quyết của ông đã chiếm lĩnh cả một tỉnh nhỏ và đương đầu với thực dân Pháp trong nhiều năm. Trong thời kỳ chiến tranh ở châu Âu, nhiều cuộc bạo động đã nổ ra nhưng lại bị dẹp tắt ngay trong biển máu. Trong số các cuộc khởi nghĩa đó, cần chú ý đến cuộc nổi dậy của binh lính Việt Nam – binh lính sắp đem sang Pháp – do ông vua trẻ Duy Tân tổ chức. Sau khi cuộc âm mưu bị bại lộ, vua Duy Tân bị phế và bị đày sang châu Phi.

Trong cuộc đấu tranh tuyệt vọng của một dân tộc bị áp bức, có nhiều hành động oanh liệt và nhiều sự hy sinh lớn, giá kể được ở đây để các bạn biết thì hay lắm, nhưng không thể nói hết được trong phạm vi nhỏ hẹp của buổi nói chuyện này của chúng ta. Vậy nên tôi chỉ có thể nhắc lại đây một đoạn hồi ký của Phó đô đốc Rêvâye như sau:

"Nếu chúng ta đánh giá một người qua phẩm chất đạo đức chứ không phải qua những tri thức của người đó, thì chúng ta sẽ bớt kiêu căng về tính chất cao đẳng của chúng ta đối với người Viễn Đông, những người biết hy sinh một cách có ý nghĩa.

Năm 1862, chúng tôi được phái đi đàn áp một cuộc khởi nghĩa. Viên tư lệnh V... sai một trung úy đem quân chặn đường rút lui của nghĩa quân sau khi họ bại trận.

Mặt trời vừa lặn thì viên trung úy đem lính trở về, rất mệt mỏi, người đẫm bùn. Không thấy tù nhân, thấy nét mặt ai cũng có vẻ bối rối, chúng tôi biết ngay cuộc chinh phạt này không kết quả. Những người An Nam dẫn đường, đầu cúi xuống, tay bị trói, đang đi giữa bốn

người lính mang súng. Thân thể họ, gần như trần truồng, mang đầy vết thương. Viên trung úy bước tới trước viên tư lệnh và lúng túng nói:

– Thưa quan Tư lệnh, từ sớm những người dẫn đường đã đưa chúng tôi đi khắp nơi, lội bùn ngập đến bụng, nhưng chúng tôi không tìm thấy một người chạy trốn nào cả.

Viên Tư lệnh cho gọi hai người An Nam đến hỏi.

Hai người này là hai anh em vì họ giống nhau lắm. Chỉ có người anh trả lời những câu hỏi của viên Tư lệnh:

– Chúng mày biết chỗ, chúng mày đã thú nhận rồi kia mà.

– Có, chúng tôi có biết chỗ.

– Tao đã giải thích cho chúng mày rất kỹ việc dẫn lính đi tìm ở đâu và bằng cách nào rồi. Chúng mày đã khai hiểu rõ hết.

– Chúng tôi hiểu.

– Ta có nói: "Nếu chúng mày dẫn quân lính đi đúng đường thì chúng mày sẽ thoát chết, nếu đem họ đi lạc thì chúng mày sẽ bị xử bắn", có đúng tao nói như thế không?

– Ông chỉ huy có nói như vậy.

– Chúng mày đã cố tâm làm lạc hướng cả đội quân trong đồng lầy.

Hai chàng thanh niên im lặng.

– Lúc ra đi, tao đã nói trước rằng chúng mày sẽ bị bắn, nếu chúng mày không đưa đúng đường... Có phải thế không? Trả lời đi!

– Ông chỉ huy có bảo như vậy, người anh cả trả lời.

– Vậy chúng mày biết trước chúng mày sẽ bị xử bắn chứ?

– Chúng tôi đang chờ đây.

Người Nam Kỳ ấy trả lời với một thái độ chịu đựng rất thản nhiên của người Á Đông. Thấy tra vấn đã xong, hai người An Nam chào đi ra.

Viên Tư lệnh gọi một tên cai người Thổ Nhĩ Kỳ và bảo: "Lấy bốn lính và đem bắn hai tên tù này sau trại".

Tên Thổ Nhĩ Kỳ vẫy hai người An Nam: hai người này đi theo không hề ngập ngừng và cũng chẳng kêu ca gì. Một lát sau, tiếng súng nổ.

Viên Tư lệnh mặt đỏ bừng, quay về phía chúng tôi nói: "Thật là anh hùng..., ở Hy Lạp có lẽ người ta phải dựng tượng họ đấy, còn tôi, tôi phải bắn họ".

Đến sáng, nhìn ra ngoài pháo thuyền, chúng tôi thấy bên bờ một tấm biển lớn đóng vào thân cây. Người thông ngôn dịch lại cho chúng tôi nghe một đoạn như sau:

"Các ông đã chiếm mất nhiều tỉnh của chúng tôi để làm giàu thêm cho đế quốc các ông, để cho thanh danh các ông càng thêm rạng rỡ. Các ông có đòi chúng tôi chuộc lại đất đai không? Chúng tôi sẵn sàng trả, miễn là các ông sẽ thôi đừng đánh nhau với chúng tôi nữa và đem quân trở về nước.

Nhưng nếu các ông từ chối, chúng tôi sẽ không ngừng chiến đấu để tuân theo ý trời. Chúng tôi cũng có chút e ngại trước thế lực của các ông, nhưng chúng tôi sợ trời hơn sức mạnh của các ông. Chúng tôi nguyện sẽ chiến đấu mãi mãi không nghỉ. Khi không còn gì nữa, chúng tôi sẽ lấy cành cây làm cờ, làm gậy để vũ trang cho quân đội chúng tôi. Lúc đó các ông làm thế nào mà có thể sống được với chúng tôi?"

Đây không phải là những lời nói suông: chưa có một dân tộc nào dám tổ chức kháng chiến trong một tình trạng nguy nan như thế.

Lúc phải quốc gia hấp hối, tôi bắt được một tù nhân có mang theo một khẩu súng lục. Tôi tiếc không giữ lại khẩu súng ấy. Súng làm bằng một cái ô! Tay cầm cán ô dùng làm báng súng; cán ô cắt ngắn còn chừng hai mươi phân làm nòng súng; trên nòng có đục một lỗ nhỏ để cắm ngòi thuốc nổ.

Với những khí cụ như vậy, và sau những tai biến khủng khiếp, những người chủ trì còn lại của một dân tộc đã bị dồn đến bước đường cùng – vẫn chiến đấu chống lại quân đội phương Tây. Đôi khi họ giết một vài người chúng tôi bằng cạm bẫy, nhất là họ đã làm cho chúng tôi chết vì bệnh tật vì phải đuổi theo họ trên những cánh đồng lầy uế khí, dưới ánh nắng gay gắt.

Có nhiều lần đuổi theo bắt những người yêu nước đó mà chúng ta thường gọi là kẻ phiến loạn, tôi cảm thấy vô cùng thương xót cho cả dân tộc ấy và cảm phục những người chỉ huy của họ, những người vững lòng tin ở công lý và có một nghị lực bất khuất.

Cuộc đại chiến kết thúc, dân tộc Việt Nam cũng như các dân tộc khác đã bị mê hoặc theo những lời tuyên bố rộng rãi của Uynxơn [1] về

1. Những lời tuyên bố rộng rãi của Uynxơn: Đầu năm 1918, Tổng thống Mỹ là Uynxơn có nêu lên cương lĩnh "hòa bình" 14 điểm. Những điểm này được Uynxơn tô vẽ bằng những lời đường mật, cám dỗ, về cái gọi là quyền dân tộc tự quyết, v.v... nhằm lừa bịp nhân dân và lôi kéo nhân dân các nước rời bỏ cách mạng.

quyền dân tộc tự quyết. Một nhóm người Việt Nam, trong đó có tôi, đã gửi cho Nghị viện Pháp và tất cả những đoàn đại biểu ở Hội nghị Vécxây một bản yêu sách...[1]

Nhưng sau một thời gian theo dõi, nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy rằng "chủ nghĩa Uynxơn" chỉ là một trò bịp bợm lớn. Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa Cộng sản và của cách mạng thế giới.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 93. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở THỔ NHĨ KỲ

Với lòng dũng cảm và tinh thần hy sinh đáng khâm phục, nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ đã xé tan cái Hiệp ước Xevrơ[2] ghê tởm và giành lại được nền độc lập của mình. Họ đã đánh bại bọn đế quốc cùng lập mưu với nhau, và lật đổ ngai vàng của bọn vua chúa. Từ một nước kiệt quệ, bị chia cắt, giày xéo, họ đã dựng nên một nước cộng hòa thống nhất và mạnh mẽ. Họ đã làm xong cuộc cách mạng của họ. Nhưng, cũng giống như tất cả các cuộc cách mạng tư sản, cuộc cách mạng Thổ Nhĩ Kỳ chỉ có lợi riêng cho một giai cấp: giai cấp có của.

Giai cấp vô sản Thổ Nhĩ Kỳ, người đã đóng góp rất nhiều vào cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thì từ bây giờ đã thấy bắt buộc phải tiến hành một cuộc đấu tranh khác: cuộc đấu tranh giai cấp.

Trong cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân của Thổ Nhĩ Kỳ gặp nhiều trở lực. Ở Thổ không có những công đoàn giống như ở phương Tây. Ở đây chỉ có những nghiệp đoàn hoặc những hội tương

1. Ở đây chúng tôi có lược một đoạn nêu lên những nội dung chính của bản *Yêu sách của nhân dân Việt Nam* (1919). Về tác phẩm nổi tiếng này, xin xem toàn văn ở phần trên đã có in đầy đủ cùng với lời tiểu dẫn tr. 50-55.

2. *Hiệp ước Xevrơ* (Traité de Sèvres): Hiệp ước ký năm 1920 ở Xevrơ thuộc quận Vécxây, giữa Thổ Nhĩ Kỳ và các nước Đồng minh, nhằm chia cắt đất nước của Thổ Nhĩ Kỳ.

tế tập hợp công nhân cùng ngành, sinh sống trong cùng một thành phố. Còn công nhân các ngành khác nhau trong cùng một thành phố và công nhân cùng ngành trong các thành phố khác nhau thì không có liên hệ gì với nhau. Tình hình đó làm trở ngại hoạt động chung và có hiệu quả.

Mặc dù như vậy, suốt năm vừa qua người ta cũng đã nhiều lần thấy những hoạt động sôi nổi của công nhân. Nhiều cuộc bãi công đã nổ ra ở Côngxtăngtinốp, ở Sừng Vàng, [1] ở Aiđin, v.v... Công nhân in, công nhân đường sắt, nhân viên thương thuyền, công nhân các kho dầu lửa và các xưởng chế rượu bia đã tiến hành đấu tranh. Sau những kinh nghiệm này, công nhân Thổ đã hiểu rằng muốn thắng lợi thì họ càng phải có tổ chức và kỷ luật.

Đại hội Côngxtăngtinốp thành lập hội biếclích. [2]

Mới đây, một đại hội công nhân đã được triệu tập ở Côngxtăngtinốp, 250 đại biểu tham gia đại hội. Họ thay mặt cho 19.000 công nhân Côngxtăngtinốp, 15.000 công nhân mỏ than Dônggunđắc [3] và 10.000 người lao động ở các mỏ chì có bạc ở Balyacaraiđin. [4]

Đại hội đã quyết định tập hợp 34 đécnếch (dernek) [5] hiện có thành một *biếclích*, tức là một liên minh. Nghị quyết mạnh dạn đó đã làm cho Chính phủ phải sợ hãi không dám công nhận *biếclích*. Nên chú ý là thái độ của Chính phủ đối với công nhân đã thay đổi nhiều. Khi chiến tranh kết thúc, khi vấn đề đặt ra là phải đuổi cổ những người nước ngoài thì Chính phủ luôn luôn tỏ ra dễ dãi với công nhân, nhưng khi đụng đến vấn đề tổ chức công nhân thì Chính phủ tỏ ra cũng phản động như tất cả mọi Chính phủ tư bản chủ nghĩa khác. Do đó, sự phủ quyết của Chính phủ không làm ai ngạc nhiên cả. Vả lại, mọi người biết rằng từ khi ký Hòa ước Lôdannơ [6] thì bọn tư bản Thổ Nhĩ Kỳ đã ăn cánh với bọn tư bản nước ngoài, – bọn này sau khi đã tàn sát hàng vạn người Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ khổ sở,

---

1. *Sừng Vàng* (Corne d'or): eo biển hình cái sừng ở Thổ Nhĩ Kỳ.

2. *Biếclích* (birlik): tiếng Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa như một hội liên minh.

3. *Dônggunđắc*: phiên âm từ chữ "Zongouldak".

4. *Balyacaraiđin*: phiên âm từ chữ "Balyakaraidine".

5. *Đécnếch* (dernek): tiếng Thổ Nhĩ Kỳ có nghĩa là hội.

6. *Lôdannơ* (Lausanne): một thành phố Thụy Sĩ, gần hồ Lêmăng. Hòa ước Lôdannơ ký năm 1923, giữa các nước Đồng minh và Thổ Nhĩ Kỳ, về chế độ các eo biển Đácđanen (Dardanelles) và chế độ quyền lợi của những người theo đạo Thiên chúa trên đất Hồi giáo.

nhưng vẫn không đặt được ách thực dân lên Thổ Nhĩ Kỳ, thì nay lại xâm nhập một cách hòa bình vào nước Trăng lưỡi liềm. Việc Chính phủ từ chối không công nhận tổ chức biếclích, chẳng khác nào một nụ cười duyên dáng dùng để khuyến khích giới tài chính quốc tế mà ba phần năm là nguồn gốc Pháp.

...

Nhưng giai cấp vô sản Thổ đã tiến được một bước đầu tiên. Nhất định họ sẽ còn tiến nữa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Nhân đạo*, ngày 1-1-1924. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 71.

TÌNH CẢNH NÔNG DÂN VIỆT NAM [1]

Người Việt Nam nói chung, đều phải è cổ ra mà chịu những công ơn bảo hộ của nước Pháp. Người nông dân Việt Nam nói riêng, lại càng phải è cổ ra mà chịu sự bảo hộ ấy một cách thảm hại hơn: là người Việt Nam, họ bị áp bức; là người nông dân, họ bị người ta ăn cắp, cướp bóc, tước đoạt, làm phá sản. Chính họ là những người phải làm mọi công việc nặng nhọc, mọi thứ lao dịch. Chính họ làm ra cho lũ người ăn bám, lũ người lười biếng, lũ người đi khai hóa và những bọn khác hưởng. Mà chính họ thì lại phải sống cùng khổ trong khi những tên đao phủ của họ sống rất thừa thãi; hễ mất mùa thì họ chết đói. Đó là vì họ bị ăn cắp khắp mọi phía, bằng mọi cách, do các quan cai trị, do bọn phong kiến tân thời và Nhà thờ. Xưa kia, dưới triều đại Việt Nam, ruộng đất chia thành nhiều hạng tùy theo tốt xấu. Thuế đánh theo sự phân hạng ấy. Dưới chế độ thuộc địa hiện nay, tất cả những cái đó đều thay đổi. Khi cần vét tiền, các quan cai trị người Pháp chỉ việc bắt thay đổi hạng ruộng. Chỉ một nét bút thần kỳ là

1. Sau Đại hội lần thứ nhất của Nông dân quốc tế, vấn đề nông dân ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa được đồng chí Nguyễn Ái Quốc đặc biệt quan tâm và đồng chí đã viết liền hai bài báo về *Tình cảnh nông dân Việt Nam; Tình cảnh nông dân Trung Quốc*, đăng liền trên báo *Đời sống thợ thuyền*, cơ quan ngôn luận của Tổng liên đoàn Lao động Pháp.

họ biến một đám ruộng xấu thành ruộng tốt. Thế là người dân cày Việt Nam buộc phải nộp thuế nhiều hơn số họ thu hoạch được trên đám ruộng của mình.

Như thế vẫn chưa hết. Người ta còn tăng diện tích ruộng đất một cách giả tạo bằng cách rút ngắn đơn vị đo đạc. Bằng cách đó, thuế lập tức tăng lên, nơi thì một phần ba, nơi thì hai phần ba. Điều đó chưa đủ để thỏa mãn lòng tham không đáy của Nhà nước bảo hộ cứ mỗi năm lại tăng mãi thuế lên. Thí dụ, từ năm 1890 đến năm 1896, thuế đã tăng gấp đôi. Từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên một nửa và cứ thế mà tăng lên mãi. Người Việt Nam cứ chịu bị róc thịt mãi như vậy và các quan lớn bảo hộ nhà ta thì ăn quen bén mùi, cứ tiếp tục giở trò bóc lột mãi.

Có khi, tệ độc đoán đi đôi với tệ cướp đoạt. Thí dụ, năm 1895, viên Công sứ một tỉnh ở Bắc Kỳ đã tước mất của một làng nọ hàng bao nhiêu mẫu ruộng đất để đem cấp cho một làng khác, là một làng đi đạo. Những người mất ruộng khiếu nại thì người ta bắt bỏ tù. Các bạn đừng tưởng chế độ cai trị vô liêm sỉ ấy chỉ có như thế thôi. Người ta còn biết những kẻ xấu số bị mất ruộng phải nộp thuế cho mãi đến năm 1910, mặc dù ruộng đất của họ đã bị tước đoạt từ năm 1895!

Hết các quan cai trị ăn cắp, đến bọn chủ đồn điền ăn cắp. Người ta cấp cho người Âu những đồn điền cò bay thẳng cánh nhiều khi quá 20.000 hécta; mà những người Âu này thì ngoài cái bụng phệ và cái màu da trắng ra, không có mảy may kiến thức gì về nông nghiệp và kỹ thuật.

Những đồn điền ấy phần nhiều được lập ra bằng lối ăn cắp hợp pháp hóa. Trong thời kỳ bị xâm lược, người dân cày Việt Nam, cũng như người Andátxơ năm 1870,đã bỏ ruộng đất của mình lánh sang những vùng còn tự do. Khi họ trở về thì ruộng đất của họ đã "thành đồn điền" mất rồi. Hàng bao nhiêu làng đã bị tước đoạt như thế, và người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn chúa phong kiến tân thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch.

Lấy cớ khuyến khích việc khai khẩn thuộc địa, người ta miễn thuế điền thổ cho rất nhiều chủ đồn điền lớn.

Đã được không ruộng đất rồi, bọn chủ đồn điền lại còn được không hoặc gần như được không cả nhân công nữa. Bọn quan cai trị cung cấp cho họ một số tù khổ sai làm không công, hay dùng uy quyền của chúng để mộ cho bọn chủ đồn điền những nhân công làm việc với một đồng lương chết đói. Nếu những người Việt Nam đến

không đủ số hoặc không bằng lòng thì người ta liền dùng đến vũ lực; bọn chủ đồn điền liền bắt bọn hương lý, nện vào cổ họ, hành hạ họ cho đến khi những kẻ khốn khổ này chịu ký giấy cam đoan nộp đủ số nhân công cần thiết mới thôi.

Bên cạnh cái thế lực phần đời ấy, còn có những "đấng cứu thế" phần hồn nữa, các "đấng" này trong khi truyền bá đức nghèo cho người Việt Nam, cũng không quên tìm cách làm giàu bằng mồ hôi và máu của người bản xứ. Ở Nam Kỳ, chỉ riêng Hội Thánh truyền giáo cũng đã chiếm 1/5 ruộng đất trong vùng. Mặc dầu trong Kinh Thánh không có dạy, song thủ đoạn chiếm đoạt những đất đai cũng thật rất giản đơn: đó là thủ đoạn cho vay nặng lãi và hối lộ. Hội Thánh lợi dụng lúc mất mùa để cho nông dân vay tiền, và buộc họ phải cầm cố ruộng đất. Vì lợi suất tính theo lối cắt cổ, nên người Việt Nam không thể trả nợ đúng hạn; thế là tất cả ruộng đất cầm cố bị rơi vào tay Hội Truyền giáo.

Các quan cai trị cả lớn lẫn bé, được "nước mẹ" giao vận mệnh xứ Đông Dương cho, nói chung đều là những bọn ngu xuẩn và đểu cáng. Hội Thánh chỉ cần nắm được trong tay một vài giấy tờ bí mật, thuộc đời riêng, có tính chất nguy hại đến thanh danh địa vị của các quan, là có thể làm các quan hoảng sợ và phải chiều theo ý họ muốn. Chính vì thế mà một viên Toàn quyền đã nhường cho Nhà chung 7.000 hécta ruộng đất sa bồi của những người bản xứ, ấy thế là những người bản xứ này đã trở thành những người đi ăn xin.

Phác qua như thế, chúng ta thấy rằng dưới chiêu bài dân chủ, đế quốc Pháp đã đem vào Việt Nam tất cả cái chế độ Trung cổ đáng nguyền rủa, kể cả chế độ muối; [1] rằng người nông dân Việt Nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền "văn minh" tư bản chủ nghĩa, vừa bằng cây thánh giá của Hội Thánh đĩ bợm.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Đời sống thợ thuyền*, ngày 14-1-1924.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 74.

---

1. Nguyên văn là "La gabelle": chế độ độc quyền của Nhà nước về thuế muối và các ruộng muối trong thời Trung cổ ở Pháp. Theo chế độ này, mỗi người đều phải mua một số muối nhất định nào đó. Mua kém đi sẽ bị trừng phạt bằng roi vọt hay bằng tiền. Chế độ thuế muối thiết lập từ năm 1340 và đã bị cuộc Cách mạng tư sản thủ tiêu từ sau năm 1789.

TÌNH CẢNH NÔNG DÂN TRUNG QUỐC

Trung Quốc căn bản là một nước nông nghiệp, 85% số dân là nông dân. Có thể chia họ ra làm bốn dạng: địa chủ hạng lớn, địa chủ hạng vừa, người có ít ruộng đất, bần nông và cố nông.

Trong nước có từ 250 đến 300 đại địa chủ hạng lớn có hơn 10.000 mẫu ruộng đất. Phần nhiều là những quan to hay quý tộc. Chừng độ 30.000 địa chủ có hơn 1.000 mẫu và 300.000 có hơn 100 mẫu.

Địa vị xã hội của những người có ít ruộng đất có từ 10 đến 100 mẫu thì khá phức tạp và thay đổi luôn. Cũng có chừng ấy ruộng đất, một người nông dân có thể là kẻ bóc lột, là người bị bóc lột, hoặc là "người không đi bóc lột cũng không bị bóc lột".

Nếu gia đình có khá đông người để cày cấy lấy ruộng đất, thì người nông dân đó "không đi bóc lột cũng không bị bóc lột".

Nếu gia đình neo người, người nông dân đành buộc phải cho thuê rẽ số ruộng đất mà anh ta không thể làm được: thế là anh trở thành kẻ bóc lột.

Nếu gia đình quá đông người mà muốn đủ chi dùng, thì ngoài ruộng đất của mình ra, người nông dân còn bắt buộc phải thuê thêm ruộng đất của người khác; thế là anh bị vô sản hóa và biến thành người bị bóc lột.

Theo tài liệu của Bộ Canh nông, thì năm 1918 có 43.935.478 gia đình ở trong tình trạng không ổn định đó.

Có hai lối lấy tô: tô đong và tô rẽ. Theo lối thứ nhất, người có ít ruộng đất hay người bần nông lĩnh canh ruộng và đóng một số tiền tô nào đó trong một thời gian nhất định. Nếu được mùa, thì người lĩnh canh cũng chẳng được dôi ra là bao, vì người chủ ruộng tính rất sát và không bao giờ chịu thiệt cả. Trái lại, nếu mất mùa, thì người lĩnh canh bị hoàn toàn phá sản, còn người chủ thì chẳng mất gì cả.

Với lối lấy tô rẽ, người chủ ruộng thu từ 35 đến 50% hoa lợi của mỗi vụ.

Vì chế độ ruộng đất Trung Quốc là chế độ phân tán từng mảnh, cho nên hầu hết tất cả mọi người nông dân dù nghèo đến đâu đi nữa thì trước kia cũng đều có một mảnh đất để có thể *"kiếm lấy nén*

hương cúng tổ tiên". Song, ngày nay, rất nhiều người tuyệt đối không có gì, thậm chí không có lấy "*một miếng đất để cắm dùi*" nữa. Họ chỉ có hai cánh tay không thôi. Muốn kiếm lấy bát cơm, họ đi ở hay đi làm mùa. Những người đi làm mùa không có công sá nhất định, cũng không có việc làm thường xuyên: hết vụ gặt, họ ra thành thị làm hay đi chài lưới. Những người lớn đi ở thì hằng năm kiếm được một số tiền tính ra khoảng từ 25 đến 40 đôla, cơm nuôi và áo mặc; các trẻ em đi ở chăn trâu bò thì được từ 3 đến 5 đôla một năm.

Sự thâm nhập của chủ nghĩa tư bản nước ngoài làm mất thăng bằng giá cả giữa các hàng chế biến và nông sản phẩm. Người nông dân luôn luôn bắt buộc phải bán rẻ thóc lúa hay khoai của họ để mua những dụng cụ hiện nay đắt hơn trước kia rất nhiều. Chủ nghĩa tư bản cũng làm mất cái đầu óc tập truyền và gia trưởng; và đem thay bằng tính hám lợi rất dữ tợn. Cố noi theo gương các đồng nghiệp của chúng ở thành thị, bọn địa chủ tìm cách để ngày càng nắm độc quyền ruộng đất. Nhiều công ty khai khẩn đã được thành lập, bao gồm những đất đai vô cùng rộng lớn, và hất một số lớn tiểu nông ra ngoài. Những công ty như *Công ty hữu hạn Phulilan* có hơn 300.000 mẫu ruộng đất.

Lụt lội, bão táp, nạn đói, nội chiến đều gây ra cảnh cùng khổ cho nông dân.

Bọn quan liêu tham nhũng của chế độ quan lại cũng chịu phần trách nhiệm gây ra cảnh đói khổ ấy. Chính phủ đã lập những trạm thí nghiệm để tìm cách cải tiến nông nghiệp. Những cơ quan ấy vừa thành lập ra là đã trở ngay thành những miếng pho mát cho bọn quan lại, chứ không phải là những cơ quan để phục vụ nhân dân.

Một tai họa khác nữa là chủ nghĩa quân phiệt. Tất cả bọn tướng tá lớn nhỏ, kiểu Napôlêông, đều làm giàu cho bản thân họ, làm giàu cho bè đảng và cho bọn tay chân của họ, bằng mồ hôi nước mắt của nông dân là những người hằng năm phải đóng vào khoảng 225.000.000 đôla. Sưu thuế đè lên người tiểu nông nặng nề hơn bọn giàu có, vì bọn này phần nhiều là viên chức và bạn bè của bọn viên chức.

Sau hết, phương pháp làm việc cổ sơ và nền giáo dục lạc hậu lại còn làm cho đời sống của quần chúng cần lao càng thêm cực khổ. Năm 1918, hơn 15.500.000 nông dân và thợ thuyền đã bỏ nông thôn ra thành thị, làm cho số người bị bóc lột và đạo quân thất nghiệp ở thành thị tăng lên.

Muốn xóa bỏ tất cả những điều đó, các đồng chí Trung Quốc của chúng ta phải tiến hành mạnh mẽ một cuộc vận động khẩn trương để giáo dục quần chúng, làm cho quần chúng thấy thật rõ sức mạnh của mình, quyền lợi của mình, và có đủ khả năng thực hiện được khẩu hiệu *"Tất cả ruộng đất về tay nông dân"*.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Đời sống thợ thuyền*, ngày 4-1-1924.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr.78.

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở VIỄN ĐÔNG

Ôdaca là một trong những trung tâm công nghiệp lớn của nước Nhật, không bị thiệt hại gì trong nạn động đất vừa qua. Tai họa của những người Nhật khác đã tạo nên hạnh phúc cho bọn chủ nhà máy ở thành phố này, hiện nay chúng đang phát tài chưa từng thấy. Thế mà tiền lương của công nhân vẫn giữ nguyên như mức trước khi xảy ra tai họa đó, mặc dù giá sinh hoạt đã tăng lên không kém phần nhanh chóng, ảnh hưởng nặng nề đến túi tiền ít ỏi của công nhân. Bị lâm vào tình cảnh không thể chịu nổi ấy và trước sự từ chối của bọn chủ không chịu thực hiện những yêu sách cải thiện đời sống, công nhân các xưởng bông vải đã đình công từ cuối tháng Một.

Các yêu sách nêu ra là:

1. Tăng lương thêm 20%;
2. Giảm giá những thực phẩm do nhà máy cung cấp;
3. Cải thiện nhà ăn và buồng tắm;
4. Trả nửa lương cho các công nhân vì ốm đau không đi làm được;
5. Thu nhận lại những công nhân vừa mới bị đuổi.

Trước đây ít lâu, công nhân các công ty Gai Viễn Đông và Nagôxai do đình công mà đã được tăng lương. Công nhân ở Công ty Xensu cũng đã được tăng lương ngay sau khi gửi bản quyết nghị đình công cho ban Giám đốc. Các công ty khác thì chống lại. Họ lấy cớ rằng, tuy có rất nhiều đơn đặt hàng đấy, nhưng họ cũng không được lời lãi gì nhiều lắm, vì giá nguyên liệu đã tăng lên; và nói rằng mặt khác, vì không có đủ bông xơ nên họ chẳng chút gì lo ngại đình công cả.

Thực ra, họ đang sợ cuống lên. Họ đã cho cảnh sát địa phương, đồng thời gọi cả cảnh sát ở các thành phố lân cận đến đóng ngay trong thành phố. Họ đã cho bắt Tổng thư ký Liên đoàn lao động và một số lớn cán bộ cùng những người đi biểu tình để hòng làm yếu phong trào. Mưu toan của bọn chủ chẳng đạt kết quả gì, vì cuộc đình công vẫn được lãnh đạo kiên quyết như hôm mới đầu, và công nhân thì quyết tâm đấu tranh đến cùng.

Anh em thợ điện và thợ máy đã tuyên bố đình công hưởng ứng. Công nhân các công xưởng nhà nước hứa sẽ dùng đủ mọi cách để ủng hộ các đồng chí của họ đang đấu tranh. Được ủng hộ như thế, nên những người đình công đều hết sức hăng hái và tin chắc sẽ nhất định thắng lợi.

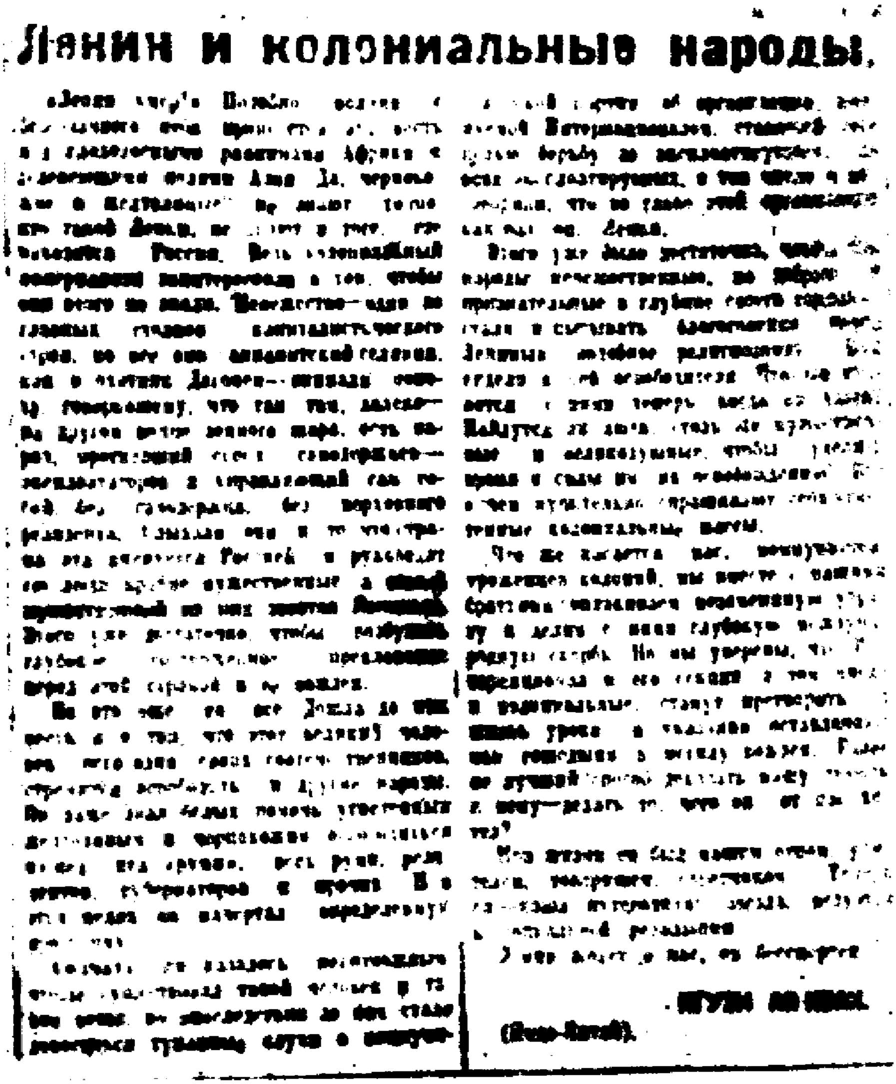
Trong cuộc đấu tranh giữa tư bản và lao động ở Viễn Đông, có những chuyện thú vị mà ở phương Tây người ta sẽ không hiểu được, nhưng ở đây, lại là những chuyện hoàn toàn có thực. Chẳng hạn như, muốn ngăn cản không cho công nhân liên kết với các đồng chí của họ đang đấu tranh, Công ty Kisioada đã cho khóa chặt các cửa ra vào. Nhà máy Cơnaoada chế tạo các máy điện, không thể thỏa thuận được với công nhân viên của họ về vấn đề công sá, nên đã quyết định cho nghỉ việc. Nhưng trước khi thải công nhân, nhà máy đó đã trả họ đủ bốn ngày công và tiền phụ cấp hai tuần!

Đình công chống chế độ quân phiệt:

Để phá vỡ tổ chức của công nhân vừa mới gây dựng lên, chủ các hầm mỏ ở Suicaosun (Trung Quốc) đã cho điều binh lính của tướng Chao đến. Bọn này vừa tới nơi là chiếm đóng ngay câu lạc bộ của công nhân. Để chống lại hành động bạo ngược đó, ba nghìn thợ mỏ đã tự động đình công. Họ bao vây bọn lính và tìm cách tước vũ khí của chúng. Bọn lính nổ súng, làm bị thương nhiều người đình công. Tình hình đã diễn ra quá ý muốn của bọn chủ, và chúng hiện đang ra công dàn xếp cho ổn. Nhưng anh em thợ mỏ đã trả lời rằng, họ chỉ trở lại làm việc khi nào những người bị nạn đã được bồi thường và các yêu sách của họ – gồm 9 điều – đã được thỏa mãn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Đời sống thợ thuyền*, ngày 25-1-1924.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr.82.


Ленин и колониальные народы.

Bài báo Lênin và các dân tộc thuộc địa của *đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Nguyên văn tiếng Nga, đăng trên báo* Sự thật *(Liên Xô) số ra ngày 27-1-1924.*
Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam.

LÊNIN VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

TIỂU DẪN. – Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết bài này ngay khi Lênin vừa mất mấy ngày. (Lênin mất ngày 21-1-1924, theo *Lịch thế kỷ XX*, là ngày thứ hai. Bài báo này đăng vào chủ nhật cùng tuần).

Để bạn đọc cùng thấy rõ lòng kính phục, tin theo và tình cảm của Nguyễn Ái Quốc đối với Lênin vĩ đại, xin trích dưới đây một đoạn hồi ký của Gécmanéttô in trong tập *Bác Hồ* (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 54 - 55):

"Mátxcơva tháng giêng năm 1924. Giữa mùa đông nước Nga, khí trời lạnh dưới 40 độ. Lênin vừa mất được mấy ngày.

Sáng hôm ấy tại phòng chúng tôi, phòng số 8 khách sạn LUX có tiếng gõ cửa nhẹ. Một thanh niên rất gầy gò, đầu đội cát két, mình mặc chiếc áo mỏng mùa thu, tay xách một va li bé tí bước vào và nói:

– Tôi là Nguyễn Ái Quốc, người Việt Nam, vừa ở Pari đến. Tôi đến thì Lênin vừa mất. – Nói đến đây, người thanh niên ngừng lại, lau nước mắt, – Bây giờ tôi muốn đến viếng linh cữu Lênin.

...

– Đồng chí Ái Quốc, đồng chí mặc mỏng manh như thế không chịu được rét Nga đâu. Đồng chí hãy chờ đến ngày mai, khi có quần áo ấm hãy đi...

Ái Quốc thở dài, không trả lời, ngồi uống nước chè với chúng tôi, rồi trở về phòng mình. Chúng tôi cho rằng: "Thế là đồng chí ấy chịu nghe chúng mình rồi".

Ngoài trời, tuyết tạm ngừng rơi, lạnh như cắt ruột. Trước nhà Công đoàn là nơi để linh cữu Lênin, dòng người im lặng và dài vô tận đứng chờ, hầu như không nhích được bước nào. Rét quá! Ngoài đường có từng đống lửa để nhân dân sưởi đỡ rét. Tiếng máy truyền thanh buồn bã nói về Lênin, vị lãnh tụ vừa quá cố... Tiết trời hôm nay hình như cũng chia buồn với lòng người.

Khoảng 10 giờ đêm, có tiếng gõ cửa nhẹ. Tôi bước ra mở cửa: trước mặt tôi là đồng chí Ái Quốc, vẫn trong bộ quần áo mỏng manh, đầu đội cát két. Mặt đồng chí xanh xám, ngón tay, mũi và tai thâm tím vì giá rét.

– Tôi vừa đi viếng Lênin về – Ái Quốc vừa nói vừa run cầm cập. – Tôi không thể chờ đến ngày mai để viếng Người bạn vĩ đại nhất của nhân dân các nước thuộc địa..."

Trong tình cảm ấy, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết bài báo *Lênin và các dân tộc thuộc địa* dưới đây:

"Lênin đã mất!". Tin này đến với mọi người như sét đánh ngang tai, truyền đi khắp các bình nguyên phì nhiêu ở châu Phi và các cánh

đồng xanh tươi ở châu Á. Đúng, những người da đen và da vàng chưa thể biết rõ Lênin là ai, nước Nga ở đâu. Bọn đế quốc thực dân cố ý bưng bít không cho họ biết. Sự ngu dốt là một trong những chỗ dựa chủ yếu của chế độ tư bản chủ nghĩa. Nhưng tất cả họ, từ những người nông dân Việt Nam đến những người dân săn bắn trong các rừng Đahômây, cũng đã thầm nghe nói rằng ở một góc trời xa xăm có một dân tộc đã đánh đuổi được bọn chủ bóc lột họ và hiện đang tự quản lý lấy đất nước mình, mà không cần đến bọn chủ và bọn Toàn quyền. Họ cũng đã nghe nói rằng nước đó là nước Nga, rằng có những người dũng cảm, *mà người dũng cảm nhất là Lênin*. Chỉ như thế cũng đủ làm cho họ ngưỡng mộ sâu sắc và đầy nhiệt tình đối với nước đó và lãnh tụ của nước đó.

Nhưng không phải chỉ có thế. Họ còn được biết rằng người lãnh tụ vĩ đại này sau khi giải phóng nhân dân nước mình, còn muốn giải phóng các dân tộc khác nữa. Người đã kêu gọi các dân tộc da trắng giúp đỡ các dân tộc da vàng và da đen thoát khỏi ách áp bức của bọn rumi [1], của tất cả bọn rumi: Toàn quyền, Công sứ, v.v..., và để thực hiện mục đích ấy, Người đã vạch ra một cương lĩnh cụ thể.

Lúc đầu họ tưởng là trên đời không thể có một người như thế và cương lĩnh như thế được. Nhưng về sau họ được biết tin, tuy lờ mờ, về Đảng Cộng sản, về tổ chức gọi là Quốc tế Cộng sản đang đấu tranh vì những người bị bóc lột, vì tất cả những người bị bóc lột, trong đó có cả họ nữa, họ biết rằng chính Lênin là người lãnh đạo tổ chức này.

Và chỉ như thế cũng đủ để cho những người đó tuy văn hóa kém cỏi nhưng là những người có thiện chí và biết ơn, hết lòng tôn kính Lênin. Họ coi Lênin là người giải phóng cho họ. Lênin đã mất rồi thì chúng ta biết làm thế nào? Liệu có những người dũng cảm và rộng lượng như Lênin để không quản thời gian và sức lực chăm lo đến sự nghiệp giải phóng của chúng ta không? Đó là những điều mà quần chúng nhân dân bị áp bức ở các thuộc địa băn khoăn tự hỏi.

Còn chúng tôi, chúng tôi vô cùng đau đớn trước sự tổn thất không thể nào đền bù được, và chia sẻ nỗi buồn chung của nhân dân các nước với những người anh, người chị của chúng tôi. Song chúng tôi tin tưởng rằng Quốc tế Cộng sản và các chi bộ của nó, trong đó có các chi bộ của các nước thuộc địa, sẽ thực hiện được những bài học và những lời giáo

1. *Rumi*: tiếng Ả Rập, có nghĩa là kẻ đi nô dịch nước khác.

huấn mà vị lãnh tụ đã để lại cho chúng ta. Làm những điều mà Người đã căn dặn chúng ta, đó chẳng phải là phương pháp tốt nhất để tỏ tình yêu mến của chúng ta đối với Người hay sao?

Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội.

Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong sự nghiệp của chúng ta.

NGUYỄN ÁI QUỐC
(Đông Dương)

Báo *Sự thật* (Liên Xô), ngày 27-1-1924.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân,*
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 85.

ĐÔNG DƯƠNG VÀ THÁI BÌNH DƯƠNG

Lò lửa của cuộc chiến tranh thế giới sắp tới – Nước Pháp muốn khai thác các thuộc địa – Các thuộc địa Pháp sống lay lắt như thế nào – Người Việt Nam bị bóc lột nặng nề thêm.

Mới thoạt nhìn, thì dường như vấn đề Đông Dương và Thái Bình Dương không liên quan gì đến công nhân châu Âu. Nhưng nếu người ta nhớ lại rằng:

a) Trong thời kỳ cách mạng, các nước Đồng minh không tấn công được nước Nga từ phía Tây, đã tìm cách tấn công từ phía Đông. Thế là các cường quốc ở Thái Bình Dương, Mỹ và Nhật, đã cho quân đội đổ bộ lên Vlađivôxtốc, đồng thời nước *Pháp* cũng gửi *những đạo quân người Đông Dương sang Xibêri* để giúp bọn bạch quân.

b) Hiện nay, tất cả sinh lực của chủ nghĩa tư bản quốc tế đều lấy ở các xứ thuộc địa. Đó là nơi chủ nghĩa tư bản lấy nguyên liệu cho các nhà máy của nó, nơi nó đầu tư, tiêu thụ hàng, mộ nhân công rẻ mạt cho đạo quân lao động của nó, và nhất là tuyển những binh lính người bản xứ cho các đạo quân phản cách mạng của nó. Thế nào rồi cũng có ngày nước Nga cách mạng phải đọ sức với chủ nghĩa tư bản đó. Cho nên các đồng chí Nga cần phải biết rõ tất cả lực lượng và tất

cả các mánh khóe trực tiếp hay gián tiếp của đối thủ của mình.

c) Vì đã trở thành một trung tâm mà bọn đế quốc tham lam đều hướng cả vào nhòm ngó, nên Thái Bình Dương và các nước thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới mới [1] mà giai cấp vô sản sẽ phải nai lưng ra gánh.

Xem thế thì ta thấy rõ rằng vấn đề Thái Bình Dương là vấn đề mà tất cả mọi người vô sản nói chung *đều phải quan tâm đến.*

*

* *

Muốn xây dựng lại nước Pháp đã bị cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa tàn phá, Bộ Thuộc địa Pháp đã thảo một dự án khai thác các thuộc địa. Dự án đó nhằm khai thác những tài nguyên của các nước thuộc địa để làm lợi cho chính quốc. Cũng dự án ấy nói rằng Đông Dương phải giúp đỡ các thuộc địa khác ở Thái Bình Dương đẩy mạnh sản xuất của họ lên, để làm cho cả các thuộc địa đó cũng trở thành "có ích" cho chính quốc. Nếu dự án được thực hiện, thì nhất định là Đông Dương sẽ lâm vào tình trạng giảm sút dân số và bần cùng.

Thế nhưng, mới đây, mặc dầu bị dư luận Việt Nam phản kháng, Hội đồng Chính phủ Đông Dương cũng đã nhất trí tán thành dự án ấy. Muốn hiểu rõ sự nhất trí đó có giá trị đến đâu, thì cũng cần biết rằng Hội đồng đó gồm có Toàn quyền Đông Dương, Tướng Tổng tư lệnh quân đội Đông Dương và độ ba chục viên chức cao cấp người Pháp, cộng thêm năm viên quan lại bản xứ do viên Toàn quyền nặn ra. Ấy thế mà tất cả các ngài ấy lại cho rằng họ thay mặt cho tất cả Đông Dương và hành động vì lợi ích của nhân dân Việt Nam! Các bạn hãy tưởng tượng mà xem, người Étxkimô [2] hay người Dulu [3] mà lại quyết định vận mệnh của một dân tộc châu Âu!

*

* *

Theo sự thú nhận của các nhà cầm quyền thì các thuộc địa ở Thái Bình Dương lâm vào tình trạng suy tàn, và chỉ sống – nếu như thế mà có thể gọi được là sống – một cuộc sống càng ngày càng lụn

1. Trên cơ sở hiểu rõ bản chất của chủ nghĩa đế quốc và phân tích chính xác tình hình, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tiên đoán một cách thiên tài những khả năng sẽ xảy ra ở khu vực Thái Bình Dương 15 năm sau đó.

2. *Étxkimô* (Esquimaux): dân cư miền Bắc cực.

3. *Dulu* (Zoulous): những bộ tộc thuộc giống người Cajres ở miền Nam châu Phi.

bại đi. Sự thật thì trong một thời gian ngắn, các đảo đông dân cư đã hoàn toàn thưa hẳn đi vì rượu cồn và lao dịch. Quần đảo Máckidơ [1], trước đây 50 năm, đông đến 20.000 người, mà bây giờ chỉ còn có 1.500 người yếu đuối và thoái hóa. Trong vòng 10 năm, dân số đảo Tahiti [2] giảm đi 25%. Trong số những dân cư đang chết dần chết mòn đi như thế, chủ nghĩa đế quốc Pháp lại còn cướp đi hơn 3.500 người để làm bia đỡ đạn cho chúng. Thật khó mà tưởng tượng được tình trạng tàn lụi của một giống người lại nhanh đến như thế. Nhưng đó lại là một sự thật mà người ta có thể thấy được ở nhiều thuộc địa. (Ở các miền thuộc Cônggô, trong vòng 20 năm, dân số từ 40.000 người đã giảm xuống chỉ còn 30.000. Đảo Xanh Pie và Micơlông [3], năm 1902 có 6.500 dân, đến năm 1922, thuộc địa này chỉ còn có 3.900 người mà thôi, v.v...)

Hầu hết các đảo ở Thái Bình Dương thuộc Pháp đều được nhượng cho các công ty khai khẩn đồn điền. Các công ty này tước đoạt ruộng đất của người bản xứ và bắt họ làm như nô lệ vậy. Đây là một thí dụ chứng tỏ rằng người ta đối xử với công nhân bản xứ như thế nào. 200 người chuyên mò ngọc trai đã bị các hãng Pháp ở châu Úc bắt ép đưa đi các đồn điền cách quê hương của họ đến 800 hải lý [4]. (Thật không khác đưa thợ may đi làm mỏ). Họ bị dồn xuống một chiếc thuyền buồm nhỏ chỉ vừa chỗ cho 10 người và không có qua một phương tiện nào phòng lúc đắm thuyền. Họ bị đưa ngay xuống thuyền không kịp nhìn mặt vợ con nữa. Suốt hai năm ròng, những người công nhân khốn khổ ấy bị đày đọa trong các trại của công ty. Nhiều người bị đối xử tàn tệ. Nhiều người đã vì thế mà chết.

Các bạn hãy cộng thêm vào sự bóc lột vô nhân đạo ấy sự tồi tệ của bọn vô lương mà đế quốc Pháp giao cho cai trị các đảo đó, thì các bạn sẽ thấy tất cả cái "tốt đẹp" của chế độ bóc lột và áp bức đang đưa các nước bị chiếm làm thuộc địa ở Thái Bình Dương đến chỗ chết và diệt vong.

*

* *

Ngày nay, chủ nghĩa đế quốc đã tiến tới một trình độ hoàn bị gần như là khoa học. Nó dùng những người vô sản da trắng để chinh

1, 2. *Máckidơ* (Marquises) và *Tahiti* (Tahiti): những đảo ở châu Đại Dương và là thuộc địa của Pháp.

3. *Xanh Pie* (Saint Pierre) và *Micơlông* (Miquelon): những quần đảo và là thuộc địa của Pháp ở Bắc Mỹ châu.

4. *Hải lý*: một phần sáu mươi của một độ, bằng 1.852 mét.

phục những người vô sản các thuộc địa. Sau đó nó lại tung những người vô sản ở một thuộc địa này đi đánh những người vô sản ở một thuộc địa khác. Sau hết, nó dựa vào những người vô sản ở các thuộc địa để thống trị những người vô sản da trắng. Chiến công đáng buồn của người Xênêgan là đã giúp bọn quân phiệt Pháp giết hại anh em của mình ở Cônggô, Xuđăng, Đahômây, Madagátxca. Người Angiêri đã sang đánh Đông Dương. Người Việt Nam thì sang đóng đồn canh phòng ở châu Phi. Vân vân và vân vân...

Trong cuộc đại chiến, hơn một triệu nông dân và công nhân thuộc địa đã bị đưa sang châu Âu để chém giết nông dân và công nhân da trắng. Vừa rồi, người ta đã đem lính người bản xứ bao vây lính Pháp ở miền Ruya, và phái lính pháo thủ thuộc địa đi dẹp những người Đức bãi công. Non một nửa quân đội Pháp là người bản xứ, ước chừng 300.000 người.

Ngoài việc dùng các thuộc địa về mặt quân sự như vậy, chủ nghĩa tư bản còn sử dụng các thuộc địa để bóc lột về mặt kinh tế một cách khôn ngoan nữa. Người ta thường thấy rằng những vùng nào ở Pháp và những nghề nào đó mà tiền công bị hạ xuống, thì trước đó thế nào cũng có việc tăng thêm công nhân thuộc địa. Người bản xứ đã được dùng để phá các cuộc bãi công. Hiện nay chủ nghĩa tư bản dùng một thuộc địa này làm công cụ để bóc lột một thuộc địa khác, đó là trường hợp Đông Dương và Thái Bình Dương.

*

* *

Mặc dầu các nhà cầm quyền khua chiêng gõ trống để lừa gạt người ta, nhưng sự thật thì Đông Dương đã kiệt quệ rồi. Suốt trong cuộc đại chiến 1914 – 1918, người ta bắt gần mười vạn người Việt Nam (con số của nhà cầm quyền là 97.903 người) phải bỏ ruộng vườn để sang châu Âu. Mặc dầu rất thiếu người sản xuất, Đông Dương cũng đã buộc phải gửi đi 500.000 tấn ngũ cốc để góp phần bảo vệ những kẻ áp bức mình. Những công trái Chiến thắng đã bòn rút đi hàng trăm triệu frăng. Mỗi năm, người Việt Nam đã phải đổ mồ hôi sôi nước mắt để nộp khoảng chừng 450.000.000 frăng hầu hết chỉ để nuôi béo bọn ăn bám. Ngoài ra, họ lại còn phải gánh những khoản chi tiêu rất lớn về quân sự mà Bộ trưởng Bộ Thuộc địa gọi một cách văn hoa là "khoản đảm phụ của dân con".

Chính ở cái xứ đã bị bóp nặn, gầy còm trơ cả xương ra này, bây

giờ người ta lại còn sắp bòn rút đi hàng bao nhiêu triệu bạc và hàng bao nhiêu vạn người nữa (bắt đầu người ta bắt đi 40.000 người) để thỏa mãn túi tham không đáy của bọn chủ đồn điền và tham vọng cá nhân của một bầy chính khách vô liêm sỉ.

Làm đồi trụy tất cả nòi giống Việt Nam bằng rượu và thuốc phiện, chưa đủ. Mỗi năm bắt đi hàng 4 vạn người "tình nguyện đầu quân" để đem lại "vinh quang" cho chủ nghĩa quân phiệt, vẫn chưa đủ. Biến một dân tộc 20 triệu người thành một cái kho thuế lớn, cũng vẫn chưa đủ. Người ta còn sắp "tặng" thêm cho chúng tôi chế độ nô lệ nữa kia đấy.

*

* *

Những hành động đế quốc chủ nghĩa ấy không những chỉ nguy cho riêng vận mệnh của giai cấp vô sản Đông Dương và Thái Bình Dương, nó còn nguy cho cả vận mệnh của giai cấp vô sản quốc tế nữa. Nhật Bản chỉ huy các trạm điện báo ở đảo Yáp. Mỹ chi tiêu hàng bao nhiêu triệu đôla để cải tiến các ổ súng đại bác trên các tàu chiến ở Thái Bình Dương. Anh sắp biến Xanhgapo thành một căn cứ hải quân. Pháp thấy cần phải thiết lập một hệ thống thuộc địa ở Thái Bình Dương.

Sau Hội nghị Hoa Thịnh Đốn [1] việc tranh giành thuộc địa ngày càng trở nên gay gắt hơn. Bọn đế quốc ngày càng trở nên điên cuồng hơn; những cuộc xung đột chính trị ngày càng trở nên không thể tránh khỏi. Những cuộc chiến tranh đã từng nổ ra vì vấn đề Ấn Độ, châu Phi, Marốc. Những cuộc chiến tranh khác có thể nổ ra vì vấn đề Thái Bình Dương, nếu giai cấp vô sản không cảnh giác.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Thư tín quốc tế* [2], số 18, ngày 19-3-1924, tr. 193.
Bản dịch: *Tuyển tập Hồ Chí Minh,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 37.

---

1. Hội nghị Hoa Thịnh Đốn (một thành phố lớn của nước Mỹ nằm trên bờ Đại Tây Dương): Hội nghị họp từ ngày 12-11-1921 đến ngày 5-2-1922, theo đề nghị của Mỹ và gồm các nước Mỹ, đế quốc Anh (gồm nước Anh, các nước "tự trị"và Ấn Độ), Nhật, Pháp, Ý, Trung Quốc, Bỉ, Bồ Đào Nha và Hà Lan. Hội nghị này nhằm mục đích hoàn thành việc chia lại các thuộc địa thế giới và phạm vi ảnh hưởng sau chiến tranh thế giới lần thứ nhất, chống lại Nhà nước Xô viết mới thành lập, chống Trung Quốc và phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc.

2. *Thư tín quốc tế (La Correspondance internationale):* tạp chí của Quốc tế Cộng sản.

CÁCH MẠNG NGA VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Chủ nghĩa tư bản là một con đỉa có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản ở chính quốc và một cái vòi khác bám vào giai cấp vô sản ở các thuộc địa. Nếu người ta muốn giết con vật ấy, người ta phải đồng thời cắt cả hai vòi. Nếu người ta chỉ cắt một vòi thôi, thì cái vòi kia vẫn tiếp tục hút máu của giai cấp vô sản; con vật vẫn tiếp tục sống và cái vòi bị cắt đứt lại sẽ mọc ra. Cách mạng Nga rất hiểu rõ điều đó. Vì thế nó không vừa lòng với việc đọc những bài diễn văn rỗng tuếch và viết ra những quyết nghị "nhân đạo" đối với các dân tộc bị áp bức, mà cách mạng Nga dạy cho họ đấu tranh, giúp đỡ họ bằng tinh thần và vật chất như Lênin đã tuyên bố trong luận cương của Người về vấn đề thuộc địa [1]. Cách mạng Nga đã triệu tập Đại hội Bacu [2]; hai mươi mốt dân tộc phương Đông đã phái đại biểu tới dự Đại hội đó. Những đại biểu của các Đảng công nhân phương Tây cũng tham gia công việc của Đại hội. Đó là lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp vô sản ở các nước phương Tây đi xâm chiếm và giai cấp vô sản các nước bị xâm chiếm ở phương Đông đã thân mật nắm tay nhau và cùng nhau tìm cách đấu tranh có hiệu quả chống chủ nghĩa tư bản là kẻ thù chung của họ.

Sau cuộc Đại hội lịch sử ấy, mặc dầu đang vấp phải những khó khăn trong nước và nước ngoài, nước Nga cách mạng không hề một phút do dự trong việc giúp đỡ các dân tộc mà nó đã thức tỉnh bằng cuộc cách mạng anh dũng và thắng lợi. Một trong những công việc quan trọng đầu tiên của nó là thành lập Trường Đại học phương Đông.

Trường Đại học phương Đông hiện nay gồm có 1.025 sinh viên,

---

1. Ở đây, tác giả nhắc đến *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin. Bản *Sơ thảo...* này Lênin viết ngày 5-6-1920 và trình bày tại Đại hội lần thứ hai của Quốc tế Cộng sản năm 1920 (lần đầu tiên đồng chí Nguyễn Ái Quốc được đọc tác phẩm này trên báo *Nhân đạo* – Pháp – đăng lại liền trên hai số 16 và 17 tháng 7-1920). Trong bản *Sơ thảo...* này, Lênin đã nêu lên những vấn đề đường lối cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

2. *Đại hội Bacu (Congrès de Bakou):* tháng 9-1920, tại Bacu, thủ đô nước Cộng hòa Adécbaidăng (Liên Xô), 21 dân tộc phương Đông đã mở một cuộc Đại hội, nhằm biểu dương và tăng cường đoàn kết giữa các dân tộc phương Đông, và giữa các dân tộc phương Đông với giai cấp vô sản Nga cùng giai cấp vô sản thế giới, đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

trong đó có 151 nữ sinh. Trong số sinh viên ấy, có 865 đảng viên cộng sản. Thành phần xã hội của học sinh như sau: 547 nông dân, 265 công nhân, 210 trí thức vô sản. Nếu người ta chú ý rằng các nước phương Đông đều là những nước hầu như hoàn toàn nông nghiệp thì sẽ dễ hiểu vì sao số sinh viên nông dân chiếm tỷ lệ cao hơn. Ở Ấn Độ, ở Nhật, ở Trung Quốc – nhất là ở Trung Quốc, phần nhiều là các nhà trí thức trung thành với sự nghiệp của giai cấp công nhân đang lãnh đạo giai cấp này trong cuộc đấu tranh, điều đó giải thích vì sao số trí thức chiếm tỷ lệ một thiểu số tương đối quan trọng; và tỷ lệ công nhân ít là do công nghiệp và thương nghiệp tương đối kém phát triển trong các vùng phương Đông, trừ nước Nhật. Ngoài ra, còn có 75 học sinh thiếu niên, từ 10 đến 16 tuổi.

150 giáo sư phụ trách giảng dạy về khoa học xã hội, về toán học, về duy vật lịch sử, về lịch sử phong trào công nhân, về khoa học tự nhiên, về lịch sử các cuộc cách mạng, về khoa kinh tế chính trị, v.v... Trong lớp học, thanh niên của 62 chủng tộc khác nhau cùng thân mật sát cánh bên nhau.

Trường Đại học phương Đông có 10 ngôi nhà to để cho sinh viên dùng. Trường có một rạp chiếu bóng cho sinh viên xem không mất tiền vào ngày thứ năm và ngày chủ nhật; còn những ngày khác trong tuần lễ thì để cho một người thầu. Có hai tủ sách với 47 nghìn quyển giúp cho các nhà cách mạng trẻ tuổi đi sâu vào việc nghiên cứu của mình và bồi dưỡng thêm tư tưởng. Mỗi dân tộc hay "nhóm", có một tủ sách riêng, gồm sách báo bằng tiếng mẹ đẻ của họ. Phòng đọc sách được sinh viên trang trí một cách có nghệ thuật và có đầy đủ báo chí. Các học sinh cũng cho ra một tờ báo chỉ có một bản duy nhất dán vào cái bảng to đặt trước cửa phòng đọc sách. Những người đau ốm được vào chữa ở bệnh viện của nhà trường. Một trại điều dưỡng ở Crimê dành riêng cho sinh viên cần được dưỡng sức. Chính phủ Xô viết đã tặng cho Trường Đại học hai trại hè, mỗi trại có 9 ngôi nhà. Mỗi trại hè có một chỗ cho sinh viên học chăn nuôi. Người "bí thư nông nghiệp" của Trường Đại học đã tự hào nói với tôi: "Chúng tôi đã có 30 con bò cái và 50 con lợn". Một trăm hécta ruộng đất cấp cho các trại hè ấy là do sinh viên tự cày cấy lấy. Trong kỳ nghỉ hè và sau giờ làm việc và tập luyện, sinh viên đi giúp đỡ nông dân. Nhân đây cũng nói qua rằng, một trong những trại hè ấy trước kia là thái ấp của một quận công [1]. Thật là một

1. *Quận công*: tước hiệu của Thái tử thời Nga hoàng.

cảnh đáng ghi nhớ khi trông thấy lá cờ đỏ tung bay kiêu hãnh trên ngọn tháp có mang tước huy quận công, và thấy những người nông dân trẻ tuổi Triều Tiên hay Ácmêni vui đùa trong lễ điện của quận công không kiêng nể gì cả.

Sinh viên ăn, ở và mặc không phải mất tiền. Một tháng sinh viên còn được lĩnh 5 đồng rúp vàng để tiêu vặt.

Để cho học sinh có một quan niệm đúng đắn về việc giáo dục trẻ em, Trường Đại học có một ngôi nhà nuôi trẻ và một nhà gửi trẻ rất kiểu mẫu gồm 60 em nhỏ.

Mỗi năm Trường Đại học chi tiêu đến 516 nghìn đồng rúp vàng.

Các đại biểu của 62 chủng tộc trong Trường Đại học lập thành một "Công xã". Chủ tịch và các cán sự của Công xã do phổ thông đầu phiếu bầu ra ba tháng một lần.

Một đại biểu sinh viên tham gia việc quản trị kinh tế và hành chính của Trường Đại học. Tất cả các sinh viên đều phải thay phiên nhau lần lượt làm công việc nhà bếp, thư viện, câu lạc bộ, v.v... Tất cả mọi vụ "phạm pháp" hoặc tranh chấp đều do một tòa án được bầu ra xét xử trước mặt toàn thể các đồng chí. Công xã họp mỗi tuần một lần để thảo luận tình hình chính trị và kinh tế quốc tế. Thỉnh thoảng người ta tổ chức những cuộc họp và những buổi dạ hội, trong đó những sinh viên có khiếu về nghệ thuật trình bày nghệ thuật và văn học của khắp các miền ở phương Đông.

Một điểm đặc biệt nhất biểu hiện sự "dã man" của những người bônsêvích là không những họ coi "những người dân thuộc địa thấp kém" ấy như anh em, mà còn tổ chức cho họ tham gia đời sống chính trị của nước Nga nữa. Trong kỳ bầu cử các Xô viết, những sinh viên mà khi còn ở trong nước của họ thì chỉ là những "kẻ dân lành", những "người được bảo hộ", nghĩa là những người không có quyền gì khác hơn là quyền nộp thuế, những người không hề có quyền ứng cử và bầu cử ở nước họ, những người không được phép bàn bạc chính trị, thì nay ở nước Nga Xô viết, những người đó được tham gia bầu cử và cử đại biểu của họ vào Xô viết. Mong rằng những anh em của tôi đang cầu xin đổi quốc tịch mãi mà không được, hãy thử so sánh nền dân chủ tư sản với nền dân chủ vô sản.

Tất cả những sinh viên ấy đều đã từng đau khổ và đã thấy người khác đau khổ. Tất cả đều đã sống dưới "nền văn minh khai hóa cao cả" và dưới ách bóc lột và áp bức của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Vì

thế, tất cả đều ham mê và khao khát học tập và hiểu biết. Họ vừa hăng hái, vừa nghiêm túc. Họ không hề chơi bời phóng túng như những thanh niên phương Đông ở Pari, ở Ôxfo, ở Bá Linh. Người ta có thể nói không ngoa rằng Trường Đại học phương Đông ôm ấp dưới mái trường mình tất cả tương lai của các dân tộc thuộc địa.

Miền Cận Đông và miền Viễn Đông, từ Xiri đến Triều Tiên – chúng tôi chỉ nói đến những nước thuộc địa và nửa thuộc địa – có một diện tích rộng lớn hơn 15 triệu cây số vuông, với số dân hơn 1.200 triệu người, tất cả những nước rộng lớn ấy ngày nay đều ở dưới ách của chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Và mặc dù số lượng của họ đáng lẽ phải làm cho họ có sức mạnh, các dân tộc bị áp bức đó vẫn chưa thực sự mưu đồ tự giải phóng khỏi ách đó, và, vì họ chưa hiểu giá trị của sự đoàn kết quốc tế, nên họ chưa biết đoàn kết nhau lại để đấu tranh. Họ chưa có những sự liên hệ giữa các nước họ với nhau như các dân tộc châu Âu và châu Mỹ. Họ có sẵn một sức mạnh to lớn mà họ chưa biết. Việc thành lập Trường Đại học phương Đông, tập hợp những người lãnh đạo trẻ tuổi, tích cực, thông minh của các nước thuộc địa, đã làm được một công cuộc to lớn là:

a) Trường đã huấn luyện cho các chiến sĩ tiên phong tương lai ấy nguyên lý đấu tranh giai cấp, nguyên lý mà một mặt các cuộc đấu tranh chủng tộc và mặt khác các tập tục của chế độ gia trưởng đã làm lẫn lộn trong đầu óc họ.

b) Trường đã làm cho đội tiên phong của giai cấp vô sản các thuộc địa tiếp xúc mật thiết với giai cấp vô sản phương Tây để dọn đường cho một sự hợp tác thật sự sau này, chỉ có sự hợp tác đó mới có thể bảo đảm cho giai cấp công nhân quốc tế giành được thắng lợi cuối cùng.

c) Trường đã làm cho các dân tộc thuộc địa – từ trước đến nay rời rạc với nhau – hiểu biết nhau và đoàn kết với nhau, do đó đặt cơ sở cho một khối liên hợp tương lai giữa các nước phương Đông, khối liên hợp đó là một trong những cái cánh của cách mạng vô sản.

d) Trường đã nêu lên cho giai cấp vô sản các nước mà giai cấp tư sản có thuộc địa, một tấm gương về những điều họ có thể và phải làm cho những anh em của họ đang bị áp bức.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Đời sống thợ thuyền*, số 20, 1924.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 94.

CHỦ NGHĨA ĐẾ QUỐC PHÁP DÁM LÀM NHỮNG GÌ?

Những người Ấn Độ, vì chỉ phạm có mỗi một cái tội là đấu tranh giành độc lập cho nước của mình, đã bị cảnh sát của Đức của Anh truy nã. Một vài người trốn sang những nhượng địa Pháp ở Ấn Độ. Họ tính là sẽ được hưởng một đạo luật cư trú. Nhưng nhà cầm quyền thực dân Pháp vừa trục xuất họ.

Không phải là lần đầu tiên đế quốc Pháp đồng lõa với bọn đế quốc khác và có những hành động bỉ ổi như thế. Trong chiến tranh, khi những người da đen châu Phi đang hy sinh thân mình trên đất Pháp để bảo vệ "Văn minh", "Nhân đạo", thì Pháp thông đồng với Ý để cấm những người dân Tơripôli [1] đang bị bọn kẻ cướp Ý lùng bắt, không cho trốn sang lãnh thổ Tuynidi. Việc đó xảy ra như sau:

Trong cuộc chiến tranh vì công lý, một hôm có chừng một nghìn người Tơripôli gồm ông già, bà lão, đàn ông, đàn bà, trẻ em, đuổi đàn mục súc gầy còm của họ cùng chạy sang lánh nạn ở Tuynidi. Tới biên giới, quân đội Pháp đã dùng súng chặn đường họ. Những người lánh nạn đứng trước tình thế tiến thoái lưỡng nan thảm thiết này: để cho lính Pháp tàn sát hay lui vào sa mạc Xahara để rồi chết đói chết khát ở đó. Họ đành phải theo con đường thứ ba. Họ nằm cả xuống cát và chết dần chết mòn ở đó, trước mắt đội quân biên phòng "của chúng ta".

Tấn thảm kịch đó, bà Clerơ Giêniô đã thuật lại trong tờ *Uynivécxen (Universel)* [2] như sau:

"Những sĩ quan của chúng ta dùng ống nhòm để theo dõi cái chết ngắc ngoải dần mòn của những con người sơ khai ấy, những con người mà các nước Latinh đã đem những "ân huệ" của "văn minh" lại cho họ. Những trẻ thơ chết trước tiên, dưới bầu sữa đã cạn của mẹ chúng. Chẳng bao lâu những người đàn bà cũng gục xuống. Rồi đến lượt những người già lão, thân hình gầy rạc như những bộ xương, bị

1. *Tơripôli* (Tripoli): thủ đô Libi, láng giềng của Tuynidi.

2. *Uynivécxen:* tờ Phổ thông.

cát phủ kín. Sau thì cả đàn ông cũng chết nốt. Khi người ta tưởng rằng tất cả đoàn "người nổi loạn"đó đã chết cả rồi, thì bác sĩ Natan và bác sĩ Côngxây nhận thấy vài em gái bé hình như hãy còn động đậy bên cạnh những cái xác của mẹ chúng đã chết cứng. Đến đêm, hai bác sĩ đến gần các em, thì nhận thấy quả thật những em bé mặc quần áo sặc sỡ và đáng yêu đó, những ngày đầu vô tư lự vẫn còn nhảy nhót vui tươi, lúc đó chỉ còn thở thoi thóp. Sau khi giấu những em bé đó vào trong xe cứu thương, hai ông rất sung sướng đã cứu cho các em sống lại, và xúc cảm trước nỗi đau khổ côi cút và vẻ đáng yêu của các em, hai bác sĩ đã giữ những em gái nhỏ đó lại để giúp việc cho mình, đó là những kẻ sống sót duy nhất trong đoàn hơn một nghìn người dân Tơripôli".

Câu chuyện thê thảm kể lại đó không phải là của một nhà nữ cách mạng nào đâu.

Chủ nghĩa đế quốc Pháp quả là không hề ngần ngại nhúng tay vào những tội ác bỉ ổi nhất.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 20, 1924, tr. 219.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 100.

NHỮNG CÁI TỐT ĐẸP CỦA NỀN "VĂN MINH" PHÁP

Trong cuộc thảo luận về vấn đề đại diện của dân bản xứ các thuộc địa tại Nghị viện Pháp, ông Pôn Tápponniê đã phát biểu ý kiến ở Hạ nghị viện như sau: "Nước Pháp vốn hào hiệp và đức khoan nhân của nước Pháp được biểu hiện trong mọi trường hợp. *Không có gì có thể sánh tầy nền văn minh Pháp*". Chúng tôi thành thật cám ơn ông nghị ấy đã cho chúng tôi một dịp tốt kể ra đây một số "đức tính" bất hủ của nước Pháp – ngoài cái "đức tính" rất cương quyết khai hóa dân bản xứ bằng đại bác và lưỡi lê.

Lễ độ: Khuôn phép thực dân muốn rằng bất cứ dân bản xứ nào – dù địa vị, tuổi tác ra sao, dù nam hay nữ – đều phải cúi đầu kính cẩn chào người Âu. Người ta từng thấy ở Đông Dương, ở Madagátxca,

những dân bản xứ bị ngược đãi, đánh đập và bị bỏ tù, chỉ vì *đã quên tỏ dấu tôn kính đó trước uy nghiêm của các vị đi khai hóa.* Mới đây thôi, một vị quan cai trị ở Métgiana (Angiêri) đã ra lệnh bắt những người dân bản xứ trong vùng cai trị của mình, vì mải làm không trông thấy quan lớn đi dạo chơi qua, nên đã dám không chào ngài.

Rộng lượng: Ở Đông Dương, thường nhân dịp đi chơi của một ông Giốpfrơ hay kỷ niệm một ông Clêmăngxô chẳng hạn, hoặc khánh thành một đài "liệt sĩ chết vì Tổ quốc", hoặc tiếp đón một phái viên của nền cộng hòa, thì các quan cai trị đều có mở "lạc quyên". Các quan đã dùng cách như sau: quan lớn cai trị cứ việc dựa theo dân số và thuế bạ của tỉnh mà quy định số tiền cần thiết cho cuộc lễ, nhân số tiền đó lên gấp 3, gấp 4 hay gấp 5, định ngày nộp, rồi đòi các kỳ hào, hương lý đến và nói với họ: "Quan lớn cần tiền, đây là số tiền quan lớn muốn có, đây là kỳ hạn quan lớn định cho các người để nộp cho quan lớn. Hãy liệu liệu đấy! Nếu không thì...". Để khỏi ngồi tù, các kỳ hào, hương lý cứ việc mà "liệu". Số tiền phải nhận của cuộc lạc quyên ép buộc thì để dùng "tỏ lòng tôn kính các bậc đại nhân", còn số thành của bài tính nhân thì chui vào túi của quan cai trị. Nông dân cứ è cổ đóng các thứ phụ thu luôn luôn như thế.

Lòng hào hiệp: Tiếp theo châm ngôn "Đã có nước Đức trả" là câu châm ngôn "Đã có các thuộc địa trả". "Nước mẹ" đòi hỏi các thuộc địa phải đưa hết sức lực của mình, *tất cả* khả năng của mình, *tất cả* ý chí của mình, *tất cả* tài nguyên của mình, để giúp vào việc phục hưng kinh tế của "nước mẹ", trong khi đó thì "nước mẹ" lại vừa cấm xuất khẩu pôtát của Andátxơ sang thuộc địa, để hoàn toàn *dành riêng sản phẩm đó cho nông nghiệp Pháp.*

Bình đẳng: Các công dân Pháp phải làm quân dịch mười tám tháng, dân bản xứ các thuộc địa thì buộc phải phục vụ ba, bốn năm dưới ngọn cờ, mà... mà... mà rốt cuộc người ta đã nhân danh nó để nhập vào nước họ rượu cồn, thuốc phiện, chế độ lao dịch, chế độ bốc vác nặng nề, chế độ dân bản xứ và sự cướp đoạt. Trong lúc người bản xứ bị tù đày vì những duyên cớ vu vơ, thì bọn thực dân và quan cai trị phạm tội giết người, hối lộ, mua bán chức tước, ăn cắp, vẫn nhẹ bước thang mây. Tôi không nói đến ngài Đáclơ, ủy viên Hội đồng Quốc gia tư vấn Nam Kỳ, hay ngài Bôđoanh, Toàn quyền Đông Dương; chuyện của các vị ấy đã quá ba năm nay rồi. Tôi muốn nói đến hai viên chức ở Angiêri hồi tháng tư vừa rồi, đã bị tố cáo công

khai về tội đã dùng giấy tờ giả mạo, về tội thụt tiền công quỹ cùng các tội năng khác, nhưng lại được *tha bổng*. Tôi cũng muốn nói đến mấy ủy viên Hội đồng tư vấn người Âu cũng ở xứ thuộc địa đó, phạm tội giết người hay quả tang đồng lõa giết một dân bản xứ, mà vẫn *không bị người ta đụng gì đến*.

Tự do: Một ngạn ngữ Gôloa nói rằng "Lao động là tự do". Vậy nên dân bản xứ buộc phải làm lao động khổ sai. Mới đây Thượng nghị viện Pháp lại đã trịnh trọng thông qua bản tường trình của viên Toàn quyền xứ Đông Phi thuộc Pháp. Bản thuyết trình đó nói rằng: "Cần phải tránh những ảo tưởng cũng như những công thức; rằng sản xuất bông là một vấn đề của Nhà nước; rằng muốn đạt kết quả thì phải *bắt buộc* người dân bản xứ phải trồng bông... Bằng *phương pháp* đó, các thuộc địa hằng năm tất phải cung cấp cho nước Pháp 100.000 tấn bông. *Phương pháp đó đã từng được dùng* ở Đông Phi thuộc Pháp đối với vấn đề cacao... Người ta cũng đã *áp dụng phương pháp đó* đối với vấn đề bông và năm 1916, đã thu được tại vùng Bờ Biển Ngà [1] 600 tấn bông".

Tuy vậy, nước Pháp dĩ nhiên vẫn là kẻ "giải phóng" cho loài người, và là "chiến sĩ tiền phong" trong công cuộc hủy bỏ chế độ nô lệ.

Nhân đạo: Ông Boanớp, nghị sĩ da đen nói: nước Pháp bảo hộ kẻ yếu và dạy dỗ những người lạc hậu. Misơlê nói: nước Pháp là chiến sĩ tiền phong của văn minh và là người đem lại các quyền tự do. Xarô, cựu Thủ hiến và Thủ hiến tương lai của Đông Dương nói: chính sách thuộc địa Pháp đầy tính chất nhân đạo và vị tha. *Tạp chí Hàng không quân sự* một lần nữa vừa cho ta biết rằng, ở các thuộc địa, người ta hiểu về lòng "nhân đạo" như thế nào. Xem đây: Thống chế Liôtây, Toàn quyền Marốc, Tổng chỉ huy quân đội T.O.M. [2] đã cấm dùng đạn nổ có hơi ngạt và hơi làm chảy nước mắt, bởi vì... Nhưng ta hãy trích dẫn lời tạp chí đó: "Bởi vì mục đích nhằm đạt tới dĩ nhiên không phải là *giết cho được nhiều người phiến loạn*, mà là *nhanh chóng* làm cho họ *phải phục tùng...*".

Với sự quá ư ân cần chăm sóc đó, mà từ 1919, nghĩa là sau khi "công lý" và "chính nghĩa" thắng lợi trên thế giới thì ở Marốc người ta đã giết hại 800 lính Pháp, 5.000 Môrơ để sáp nhập 72.700 hécta

---

1. *Bờ Biển Ngà*: chữ Pháp "Côte d'Ivoire".
2. *T.O.M. (Troupes d'Outre-mer):* tên tắt, chỉ quân đội Pháp ở hải ngoại.

ruộng đất cướp đoạt của người Marốc vào nước Pháp – "vào cái nước Pháp rộng 11 triệu cây số vuông với 100 triệu người".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 32, 1924, tr. 367- 368.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 130.

ĐOÀN KẾT GIAI CẤP

Đầu năm 1921, một cuộc bãi công lớn của công nhân hàng hải đăng bạ nổ ra ở Braxin. Một chiếc tàu vừa cập bến Riô Đê Ranâyrô. Thủy thủ trên tàu chưa biết rằng bạn của mình ở đây đang đấu tranh chống bọn chủ. Một người da đen tham gia đình công, Hôxê Lêanđơrô Đa Xinva, muốn lên tàu báo tin cho các thủy thủ biết. Trên bến, Hôxê gặp một tên cảnh sát ngăn anh lại.

– Tôi có quyền lên tàu gặp các bạn tôi, chứ sao không. Hôxê nói với tay đại diện trật tự chính quyền.

– Không nói năng lằng nhằng! Xéo! Tên này cự lại.

Hôxê cố nài. Tên cảnh sát chẳng thèm trả lời nữa, rút súng lục ra, bắn. Hôxê nhanh nhẹn tránh kịp, và lẹ như chớp, anh túm lấy thằng đội, quẳng nó xuống nước.

Có đến năm chục tên cảnh sát có vũ khí đổ xô đến đánh Hôxê. Anh chống cự lại. Sẵn con dao đi biển, anh đâm chết mấy tên và làm bị thương nhiều tên khác...

Cuối cùng, anh không chọi nổi số đông, ngã xuống, coi như chết, với 18 viên đạn trong mình.

Tuy vậy anh vẫn còn đủ sức để lẩm nhẩm bài *Quốc tế ca* khi được khiêng đến nhà thương. Rồi sau chúng lôi anh ra tòa. *Anh bị kết án 30 năm khổ sai*.

Vừa được tin xử, anh em công nhân cách mạng lập ngay một Ủy ban bảo vệ. Một mặt, họ mướn nhiều trạng sư cãi cho bạn; mặt khác, họ tổ chức những cuộc biểu tình phản đối trong cả nước. Một chiến

dịch vận động đấu tranh ủng hộ Hôxê được tiến hành mạnh mẽ suốt ba năm. Dư luận quần chúng công phẫn đến mức nhà chức trách phải mang vụ án ra xét lại.

Ngày mồng 8 tháng 2, Hôxê ra tòa xử lại án. Một vạn rưởi công nhân dự phiên tòa kéo dài suốt đêm. Bọn chủ không chịu nhả mồi ra, và biện lý phải mất 5 tiếng đồng hồ mới đọc xong bản cáo trạng dài.

Đồng chí Paolô Đê Laxécđa và các bạn đồng nghiệp đã hùng biện bác bỏ một cách thắng lợi mọi lý lẽ của biện lý.

Phiên tòa đến 4 giờ rưỡi sáng mới kết thúc.

Tòa xử trắng án.

Bản tuyên án được hoan nghênh bằng những tiếng vỗ tay vang như sấm. Và Hôxê, anh chiến sĩ bãi công da đen, ngả mình trong cánh tay các đồng chí và các người bảo vệ anh, những đại biểu của công nhân da trắng.

Vậy là, dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một mối tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản.

Báo *Người cùng khổ*, số 25, tháng 5-1924.
Bản dịch: Phạm Huy Thông, *Truyện và ký*,
Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 43.

THAM LUẬN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA TẠI ĐẠI HỘI QUỐC TẾ LẦN THỨ V CỦA QUỐC TẾ CỘNG SẢN [1]

Thưa các đồng chí, tôi chỉ xin bổ sung những ý kiến phê bình của đồng chí Manuinxki [2] về chính sách của chúng ta trong vấn đề thuộc địa. Nhưng trước khi đi vào thực chất của vấn đề, tôi thấy nên đưa ra một vài con số thống kê về thuộc địa. Điều này sẽ giúp chúng ta thấy rõ hơn tất cả tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa.

CÁC NƯỚC	CHÍNH QUỐC		THUỘC ĐỊA	
	Diện tích (km^2)	Dân số	Diện tích (km^2)	Dân số
Anh	151.000	45.500.000	34.910.000	403.600.000
Pháp	536.000	39.000.000	10.250.000	55.600.000
Mỹ	9.420.000	100.000.000	1.850.000	12.000.000
Tây Ban Nha	504.500	20.700.000	371.600	853.000
Ý	286.600	38.500.000	1.460.000	1.623.000
Nhật Bản	418.000	57.070.000	288.000	21.249.000
Bỉ	29.500	7.642.000	2.400.000	8.500.000
Bồ Đào Nha	92.000	5.545.000	2.062.000	8.738.000
Hà Lan	32.500	6.700.000	2.046.000	48.030.000

Như vậy, 9 nước với tổng số dân 320.657.000 người và với diện tích 11.470.200 cây số vuông bóc lột các nước thuộc địa gồm hàng trăm dân tộc với số dân 500.193.000 người và với số diện tích 55.637.000 cây số vuông. Toàn bộ lãnh thổ của các nước thuộc địa rộng gấp 5 lần lãnh thổ của các chính quốc, còn số dân của các chính quốc chưa bằng 3/5 số dân của các nước thuộc địa.

1. Đại hội toàn thế giới lần thứ V của Quốc tế Cộng sản gồm có đại biểu của 49 Đảng Cộng sản trên thế giới đã họp ở Mátxcơva từ 17-6 đến 8-7-1924. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội với danh nghĩa đại biểu tư vấn của Đại hội.

2. Manuinxki (1883 - 1959): là nhà hoạt động nổi tiếng của Đảng Cộng sản Liên Xô, của Nhà nước Xô viết và của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Từ 1924, là Ủy viên Chủ tịch đoàn Ban chấp hành Quốc tế Cộng sản. Tại Đại hội toàn thế giới lần thứ V của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Manuinxki đọc báo cáo về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.

Nếu tính riêng những cường quốc đế quốc lớn nhất, thì những con số này lại càng có sức thuyết phục hơn. Số dân của các thuộc địa Anh đông gấp hơn 8 lần rưỡi dân nước Anh và đất đai của các thuộc địa Anh rộng gấp gần 252 lần đất đai của nước Anh. Còn nước Pháp thì chiếm một số đất đai rộng gấp 19 lần nước Pháp; và số dân ở các thuộc địa Pháp đông hơn số dân nước Pháp 16.600.000 người.

Vì vậy sẽ không phải là quá đáng nếu nói rằng chừng nào Đảng Pháp và Đảng Anh chưa thi hành một chính sách thật sự tích cực trong vấn đề thuộc địa, thì toàn bộ chương trình rộng lớn của hai Đảng đó vẫn không có hiệu quả gì. Chương trình ấy sẽ không có hiệu quả gì vì nó trái với chủ nghĩa Lênin. Tôi xin nói rõ ý của tôi. Trong bài nói chuyện về Lênin và vấn đề dân tộc, đồng chí Xtalin đã chỉ rằng bọn cải lương và các lãnh tụ Quốc tế thứ hai đã không dám đặt ngang hàng các dân tộc da trắng và các dân tộc thuộc các màu da khác, rằng Lênin đã bác bỏ sự bất bình đẳng đó và phá tan cái vật chướng ngại ngăn chia những người nô lệ "văn minh" với những người nô lệ không văn minh của chủ nghĩa đế quốc.

Theo Lênin, cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì nó phải liên hệ chặt chẽ với phong trào giải phóng chống chủ nghĩa đế quốc ở các nước thuộc địa và các nước bị nô dịch; và vấn đề dân tộc, như Lênin đã dạy chúng ta, chỉ là một phần của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản.

Sau đó đồng chí Xtalin đã nói đến quan điểm phản cách mạng cho rằng không cần liên minh trực tiếp với phong trào giải phóng ở các nước thuộc địa, giai cấp vô sản châu Âu cũng có thể thắng lợi được. Nhưng nếu căn cứ vào hành động để xét về mặt lý luận thì tình trạng các đảng lớn của chúng ta, trừ Đảng Nga, không hoạt động gì cả khiến chúng ta có quyền cho rằng ngày nay các đảng đó vẫn còn giữ quan điểm mà đồng chí Xtalin đã nói.

Giai cấp tư sản các nước thực dân đã làm gì để kìm giữ trong vòng áp bức biết bao quần chúng của các dân tộc bị chúng nô dịch? Chúng làm tất cả. Ngoài việc dùng những phương tiện do bộ máy chính quyền Nhà nước đem lại cho nó, nó đồng thời còn tiến hành tuyên truyền hết sức ráo riết. Bằng những bài nói chuyện, bằng điện ảnh, báo chí, triển lãm và mọi phương pháp khác nữa, nó nhồi cho nhân dân các chính quốc cái đầu óc thực dân, nêu lên trước mắt họ cảnh sống dễ dàng, vinh quang và giàu có đang chờ đợi họ ở các nước thuộc địa.

Còn các Đảng Cộng sản của chúng ta như Đảng Cộng sản Anh, Hà Lan, Bỉ và các Đảng Cộng sản các nước khác mà giai cấp tư sản ở đây xâm chiếm thuộc địa, thì đã làm những gì? Các Đảng này, từ khi chấp nhận bản luận cương của Lênin, đã làm được những gì để giáo dục cho giai cấp công nhân nước mình tinh thần quốc tế chủ nghĩa chân chính, tinh thần gần gũi với quần chúng lao động các nước thuộc địa? Tất cả những việc mà các Đảng của chúng ta đã làm về mặt này thật hầu như chưa có gì cả. Còn về phần tôi là một người sinh trưởng ở một nước hiện nay là thuộc địa của Pháp và là một đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, tôi lấy làm tiếc phải nói rằng, Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi làm rất và rất ít cho các nước thuộc địa.

Báo chí cộng sản chủ nghĩa có nhiệm vụ làm cho các chiến sĩ của chúng ta hiểu rõ vấn đề thuộc địa, làm thức tỉnh sự đồng tình hưởng ứng của quần chúng lao động ở các nước thuộc địa, tranh thủ họ tham gia sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Thử hỏi báo chí đó đã làm được gì? Không được gì hết.

Nếu đem so sánh những chỗ dành cho các vấn đề thuộc địa trên các tờ báo tư sản như *Thời báo (Temps)*, *Phigarô (Figaro)*, *Evrơ (Evre)* hay những báo thuộc khuynh hướng khác như: *Bình dân (Populaire)* hay *Tự do (Liberté)* với những chỗ dành cho các vấn đề đó trên báo *Nhân đạo (L' Humanité)*, cơ quan ngôn luận trung ương của Đảng chúng tôi, thì phải nhận rõ rằng sự so sánh này sẽ hoàn toàn không có lợi cho chúng ta.

Bộ Thuộc địa đã đặt ra kế hoạch biến nhiều vùng ở châu Phi thành những vùng đồn điền rộng lớn của tư nhân, và biến dân bản xứ ở những nước này thành những dân nô lệ thật sự, bị trói buộc vào ruộng đất của những ông chủ mới, thế mà báo chí của chúng ta vẫn im tiếng hoàn toàn về điều này. Ở các thuộc địa của Pháp ở Tây Phi, người ta đã áp dụng những biện pháp cưỡng ép chưa từng thấy để bắt lính, thế mà báo chí của chúng ta vẫn không hề lên tiếng. Chính quyền thực dân ở Đông Dương đã biến thành những kẻ buôn nô lệ và bán những người dân Bắc Kỳ cho các chủ đồn điền trên các đảo ở Thái Bình Dương; chúng kéo dài thời gian đi lính của dân bản xứ từ 2 năm lên 4 năm; chúng đem nộp phần lớn đất đai thuộc địa cho côngxoócxiom của những bọn tư bản cá mập; thuế má vốn đã quá nặng nề không chịu nổi, thế mà chúng còn tăng lên 30% trong lúc dân bản xứ bị phá sản và chết đói sau trận lụt. Thế mà báo chí

chúng ta vẫn cứ im tiếng. Và sau tất cả những điều đó, các đồng chí sẽ ngạc nhiên thấy rằng dân bản xứ đi theo những nhóm dân chủ và tự do như Hội Nhân quyền và các tổ chức tương tự khác là những tổ chức chăm lo hay làm ra vẻ chăm lo đến họ.

Nếu đi sâu hơn chút nữa, chúng ta sẽ thấy những việc hoàn toàn không thể tưởng tượng được, làm cho mọi người phải nghĩ rằng Đảng chúng tôi đã coi thường tất cả những gì dính dáng đến các nước thuộc địa. Ví dụ: báo *Nhân đạo* không hề đăng lời kêu gọi của Quốc tế Nông dân [1] gửi nhân dân các nước thuộc địa do Quốc tế Cộng sản gửi đến để đăng trên báo. Trước Đại hội Liông [2], trong mục đăng các bài tranh luận, đã đăng hết mọi luận cương, trừ luận cương về vấn đề thuộc địa. Báo *Nhân đạo* đã đăng nhiều bài về thắng lợi của võ sĩ Xiki xứ Xênêgan, nhưng không hề lên tiếng khi các công nhân bến tàu Đaca, những người đồng nghiệp của Xiki bị bao vây trong khi đang làm việc, bị bắt và bị vứt lên xe ôtô chở về nhà giam và sau đó bị đưa sang trại lính để rồi trở thành "những người bảo vệ văn minh", nghĩa là trở thành lính. Cơ quan trung ương của Đảng chúng tôi hằng ngày đều báo tin cho các bạn đọc về những chiến công của anh phi công Uadi đã bay từ Pháp sang Đông Dương; nhưng khi chính quyền thực dân cướp bóc nhân dân "nước An Nam cao quý", lấy ruộng của họ giao cho bọn đầu cơ Pháp, phái máy bay chở bom, rồi ra lệnh cho các phi công phải dạy cho những người dân bản xứ bất hạnh và bị cướp bóc kia phải biết điều, thì cơ quan của Đảng chúng tôi lại không thấy cần thiết báo tin cho các bạn đọc biết.

Thưa các đồng chí, qua báo chí của mình, giai cấp tư sản Pháp hiểu rằng vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa không tách rời nhau. Tôi cho rằng Đảng chúng tôi chưa hiểu hết điều đó. Những bài học ở miền Ruya, nơi mà binh lính bản xứ được phái đến "trấn an" những công nhân Đức bị đói, đã vây chặt những trung đoàn lính Pháp đáng nghi; trường hợp xảy ra trong đội quân phương Đông, trong đó binh lính bản xứ được giao súng máy để "động viên tinh thần" binh lính Pháp đã mệt mỏi vì chiến tranh kéo dài và gian khổ; những sự kiện

---

1. *Quốc tế Nông dân*: Hội đồng Nông dân quốc tế do các đại biểu của các tổ chức nông dân cách mạng nhiều nước thành lập năm 1923.

2. *Đại hội Liông*: Đại hội lần thứ III của Đảng Cộng sản Pháp họp ở Liông vào tháng 1-1924. Vấn đề chủ yếu của Đại hội là đấu tranh để củng cố Đảng về mặt tổ chức và tư tưởng, để làm cho hàng ngũ Đảng được trong sạch.

xảy ra năm 1917 ở nơi đóng quân của lính Nga ở Pháp [1]; kinh nghiệm cuộc bãi công của công nhân nông nghiệp ở Pyrênê là nơi mà binh lính bản xứ đã buộc phải giữ vai trò nhục nhã của những kẻ phá hoại cuộc bãi công; và cuối cùng là sự có mặt của 207.000 binh lính bản xứ ở ngay nước Pháp, – tất cả những việc trên đây chưa làm cho Đảng chúng tôi phải suy nghĩ, chưa làm cho Đảng chúng tôi thấy cần phải thực hiện một chính sách rõ ràng và tích cực trong vấn đề thuộc địa. Đảng đã bỏ lỡ tất cả những cơ hội tốt để tuyên truyền. Những cơ quan lãnh đạo mới của Đảng đã thừa nhận là Đảng chúng tôi đã bị động trong vấn đề này. Tôi thấy đó là một dấu hiệu tốt vì khi các nhà lãnh đạo của Đảng đã thừa nhận và nhấn mạnh nhược điểm này trong chính sách của Đảng thì việc đó làm cho người ta hy vọng rằng Đảng sẽ cố gắng hết sức để sửa chữa và củng cố về mặt này. Tôi tin chắc rằng Đại hội này sẽ là bước ngoặt về mặt này và sẽ thúc đẩy Đảng sửa chữa được những thiếu sót trước. Mặc dù nhận xét của đồng chí Manuinxki về cuộc vận động bầu cử ở Angiêri rất đúng, song để cho được khách quan, tôi phải nói rằng đúng là Đảng chúng tôi đã bỏ lỡ dịp tốt ở đây, nhưng đã sửa chữa sai lầm, đã đưa đại biểu bản xứ ra ứng cử ở quận Pari. Tất nhiên như thế còn ít, song bước đầu như vậy là tốt. Tôi sung sướng nhận thấy rằng, hiện nay Đảng chúng tôi lại có lòng hăng hái, cái đó là hoàn toàn mới đối với Đảng chúng tôi; và chỉ cần bằng hành động thực tiễn thì nhất định những cái ấy sẽ đưa Đảng tới một chính sách đúng đắn trong vấn đề thuộc địa.

Vậy phải hành động thực tiễn như thế nào? Đề ra những luận cương dài dằng dặc và thông qua nghị quyết rất kêu để sau Đại hội đưa vào viện bảo tàng như từ trước vẫn làm thì chưa đủ. Chúng ta cần có biện pháp cụ thể. Tôi đề nghị mấy điểm dưới đây:

1. Mở trên báo *Nhân đạo* một mục để đăng đều đặn hằng tuần ít nhất hai cột các bài về vấn đề thuộc địa.

2. Tăng cường tuyên truyền và tuyển lựa đảng viên của Đảng trong những người bản xứ ở những nước thuộc địa đã có chi bộ của

---

1. Trong những năm chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Chính phủ Nga hoàng đã phái binh đoàn viễn chinh Nga sang Pháp. Năm 1917, binh lính không chịu chiến đấu vì lợi ích của giai cấp tư bản, họ đã lập ra Xô viết và đòi hồi hương. Vì sợ những tư tưởng cách mạng của binh lính Nga lan sang quân đội Pháp, Bộ Tư lệnh Pháp đã điều số binh lính ấy ra khỏi vị trí và dồn vào trại tập trung Liacuốctin, chăng dây thép gai và cho các đơn vị Xênêgan và Duáp bao vây. Kết quả của cuộc đàn áp là binh đoàn bị tước vũ khí.

Quốc tế Cộng sản.

3. Gửi các đồng chí ở các nước thuộc địa sang học Trường Đại học lao động Cộng sản phương Đông ở Mạc Tư Khoa.

4. Thỏa thuận với Tổng liên đoàn lao động thống nhất [1] để tổ chức những người lao động của các thuộc địa làm việc ở Pháp.

5. Đặt nhiệm vụ cho các Đảng viên của Đảng phải quan tâm hơn nữa đến vấn đề thuộc địa.

Theo tôi, những đề nghị này là hợp lý và nếu Quốc tế Cộng sản và các đại biểu của Đảng chúng tôi tán thành thì tôi tin rằng đến Đại hội lần thứ VI, Đảng Cộng sản Pháp chúng tôi sẽ có thể nói rằng mặt trận thống nhất của nhân dân chính quốc và thuộc địa đã trở thành sự thật.

Thưa các đồng chí, vì chúng ta tự coi mình là học trò của Lênin, cho nên chúng ta cần phải tập trung tất cả sức lực và nghị lực để thực hiện trên thực tế những lời di huấn quý báu của Lênin đối với chúng ta vấn đề thuộc địa cũng như các vấn đề khác.

... [2]

Các thuộc địa Pháp chiếm một diện tích rộng 10.241.510 cây số vuông với số dân là 55.571.000 người ở rải khắp bốn lục địa. Dù có sự khác nhau về chủng tộc, khí hậu, tập quán, truyền thống, về trình độ phát triển kinh tế và xã hội, song có hai điểm chung làm cho các nước thuộc địa giống nhau và sau này có thể đi tới thống nhất để cùng đấu tranh:

1. Tình hình kinh tế: trong tất cả các thuộc địa Pháp, công nghiệp và thương nghiệp phát triển rất yếu ớt và nhân dân hầu hết làm nghề nông. 95% số dân bản xứ là nông dân.

2. Ở tất cả các nước thuộc địa, nhân dân bản xứ đều bị tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp bóc lột không ngừng.

Tôi không có thì giờ phân tích kỹ lưỡng về tình hình nông dân

---

1. *Tổng liên đoàn lao động thống nhất*: tổ chức liên hiệp các công đoàn Pháp tồn tại từ năm 1922 đến năm 1936, do các công đoàn cách mạng lập nên. Tổng liên đoàn lao động thống nhất kiên quyết chủ trương khôi phục sự thống nhất của công đoàn, bảo vệ lợi ích thiết thân của giai cấp vô sản, và đã cùng với Đảng Cộng sản Pháp tham gia đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh.

2. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc phát biểu đến đây, thì đồng chí Đuglaxơ (đại biểu Anh) rồi đồng chí Xmeran phát biểu. Sau đó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc phát biểu tiếp.

từng nước thuộc địa. Vì vậy, tôi chỉ lấy một vài thí dụ điển hình để chúng ta có một ý niệm về tình cảnh nông dân các nước thuộc địa.

Tôi xin bắt đầu từ nước tôi, Đông Dương, là nước tôi biết rõ hơn cả.

Khi Pháp đánh chiếm thuộc địa này, chiến tranh đã làm cho nông dân phải rời bỏ làng mạc của họ. Sau đó, khi họ trở về thì đã thấy ruộng đất của họ bị bọn chủ đồn điền, theo sau quân đội chiến thắng, chiếm mất. Thậm chí chúng đã chia nhau cả những đất đai mà nông dân bản xứ đã cày cấy từ bao đời nay. Như vậy là nông dân Việt Nam đã biến thành nông nô và buộc phải cày cấy ruộng đất của chính mình cho bọn chủ nước ngoài.

Nhiều người trong những người xấu số này vì không chịu sống trong những điều kiện vô cùng khắc nghiệt do những kẻ chiếm đoạt đưa ra, nên đã bỏ ruộng đất của mình và lang thang nay đây mai đó khắp nước; người Pháp gọi là "giặc cướp" và tìm đủ mọi cách truy nã họ.

Ruộng đất cướp được bằng cách ấy đã được đem chia cho bọn chủ đồn điền. Chỉ cần xin một tiếng là bọn chúng có thể được hưởng những khoảnh đất có trên 2 vạn và 2 vạn rưỡi hécta.

Những tên chủ đồn điền này không những chiếm không ruộng đất, mà còn chiếm không cả mọi thứ cần thiết để khai thác số ruộng đất đó, kể cả sức lao động. Chính quyền cho phép chúng sử dụng một số tù khổ sai làm không công, hoặc bắt các xã phải cung cấp nhân lực cho các chủ đồn điền.

Bên cạnh chính quyền lang sói đó, cần phải nói tới Nhà chung. Chỉ riêng giáo hội Thiên chúa đã chiếm 1/4 diện tích *cày cấy* ở Nam Kỳ. Để chiếm số ruộng đất đó, Nhà chung đã dùng những phương pháp không tưởng tượng được là mua chuộc, lừa đảo và cưỡng bức. Đây là một vài ví dụ. Lợi dụng lúc mất mùa, Nhà chung cho nông dân vay tiền nhưng bắt họ phải cầm ruộng. Tiền lãi quá cao làm cho nông dân không sao trả hết nợ, nên buộc phải bán đứt số ruộng cầm trước cho Nhà chung. Bằng mọi thủ đoạn tàn ác, Nhà chung cố tìm ra đủ mọi thứ tài liệu mật có thể gây nguy hại cho những nhà cầm quyền. Lợi dụng những giấy tờ đó làm công cụ đe dọa, Nhà chung đạt được tất cả những gì họ muốn. Nhà chung lập hội với bọn tư bản lớn để khai khẩn những đồn điền chiếm không và những ruộng đất cướp được của nông dân. Bọn tay chân của Nhà chung giữ những chức cao trong Chính phủ. Nhà chung cũng bóc lột con chiên một cách tàn nhẫn không kém chủ đồn điền. Một thủ đoạn khác của Nhà chung là

tập hợp những người ăn xin, bắt họ khai khẩn đất mới và hứa là sau khi khai khẩn xong sẽ chia cho họ. Nhưng khi ruộng đất mới vừa khai khẩn xong và sắp được gặt, thì Nhà chung tuyên bố là ruộng đất này thuộc về Nhà chung và đuổi những người đã dùng sức lao động của mình làm cho ruộng đất ấy được phì nhiêu. Bị những kẻ "bảo hộ" họ (ở trong tông giáo hay ở ngoài tông giáo) cướp bóc, nông dân Việt Nam thậm chí không thể yên ổn làm ăn trên phần ruộng đất ít ỏi còn lại của mình. Người ta bắt những người đo đất phải đo ruộng đất của nông dân không đúng để bắt họ phải đóng thuế khống. Thuế ruộng đất mỗi năm một tăng. Mới đây, sau khi chiếm hàng nghìn hécta của người Việt Nam ở miền ngược để giao cho bọn đầu cơ, các nhà cầm quyền đã phái máy bay đến để những nạn nhân bị cướp bóc ở đấy không dám nghĩ đến nổi loạn.

Những người nông dân bị cướp bóc, phá sản và đuổi đi nơi khác lại tìm cách khai khẩn đất để làm ruộng. Nhưng khi đất vừa mới khai khẩn xong thì chính quyền lại chiếm lấy và buộc nông dân phải mua lại theo giá do chính quyền định. Ai không đủ sức mua thì bị đuổi đi một cách tàn nhẫn.

Năm ngoái, mặc dù đất nước bị nạn lụt tàn phá, thế mà thuế ruộng đất vẫn tăng ngay một lúc lên 30%.

Ngoài những thứ thuế bất công làm cho nông dân bị phá sản, nông dân còn phải đi phu, đóng thuế thân, thuế muối, đóng công trái cưỡng bức, lạc quyên và v.v...

Chủ nghĩa tư bản Pháp cũng thực hiện chính sách ăn cướp và bóc lột như vậy ở Angiêri, Tuynidi, Marốc. Tất cả những ruộng đất tốt và được tưới nước thì phải để cho bọn thực dân di cư tới chiếm. Dân bản xứ bị đuổi đi, họ phải tìm nơi nương tựa ở những vùng ven núi hay những nơi ruộng đất khó làm ăn. Các Công ty Tài chính, bọn đầu cơ và quan lại cao cấp chia nhau ruộng đất của các thuộc địa.

Do những hoạt động trực tiếp và gián tiếp, các Ngân hàng Angiêri và Tuynidi năm 1914 đã thu được 12.258.000 frăng tiền lời với số vốn là 25 triệu frăng.

Ngân hàng Marốc với số tiền 15.400.000 frăng, năm 1921 đã thu được 1.753.000 frăng tiền lời.

Công ty Pháp – Angiêri chiếm 324.000 hécta ruộng đất tốt nhất.

Tổng công ty Angiêri chiếm 10 vạn hécta.

Một công ty tư nhân đã chiếm không 5 vạn hécta rừng, còn Công ty phốtphát và đường sắt Cápde thì đã chiếm 5 vạn hécta có nhiều mỏ quặng và lại có quyền ưu tiên đối với 2 vạn hécta xung quanh khu vực này.

Một cựu nghị sĩ Pháp đã chiếm một đồn điền 1.125 hécta có quặng mỏ, trị giá là 10 triệu frăng, thu nhập hằng năm 4 triệu frăng. Dân bản xứ, người chủ của những quặng mỏ này, mỗi năm chỉ thu hoạch được 1% frăng mỗi hécta.

Chính sách thực dân của Pháp đã thủ tiêu quyền chiếm hữu công cộng và thay thế bằng quyền chiếm hữu tư nhân. Nó cũng thủ tiêu quyền chiếm hữu nhỏ, làm lợi cho quyền chiếm hữu đồn điền lớn. Nó đã làm cho nông dân bản xứ mất hơn 5 triệu hécta ruộng đất tốt nhất.

Trong 15 năm, nông dân ở Cabili bị cướp mất 192.090 hécta.

Từ năm 1913, mỗi năm nông dân Marốc bị cướp mất 12.500 hécta ruộng đất cày cấy. Từ khi Pháp thắng trong cuộc chiến tranh "vì công lý", con số đó tăng lên tới 14.450 hécta.

Hiện nay ở Marốc chỉ có 1.070 người Pháp mà chiếm tới 500.000 hécta ruộng đất.

Cũng như những người anh em của họ là nông dân Việt Nam, nông dân châu Phi phải chịu cảnh cơ cực không thể chịu nổi, phải lao dịch liên miên và phải gánh những thứ thuế má nặng nề. Sự cùng khổ của họ không sao tả xiết. Thiếu lương thực nên họ phải ăn những thứ rau cỏ dại hay thóc gạo mục nát, vì thế mà bệnh sốt thương hàn, bệnh lao hoành hành trong nhân dân. Ngay những năm được mùa cũng thấy có nông dân đi bới những đống rác ở thành thị, tranh thức ăn thừa với chó. Còn khi mất mùa thì xác chết nông dân ngổn ngang ngoài đồng và trên đường.

Tình cảnh của nông dân ở miền Tây châu Phi và miền Xích đạo châu Phi thuộc Pháp còn khủng khiếp hơn nữa.

Gần 40 công ty chiếm những thuộc địa này. Họ chiếm tất cả: ruộng đất, tài nguyên thiên nhiên, cả sinh mạng của dân bản xứ nữa. Nhân dân bản xứ thậm chí không có quyền làm việc cho mình. Họ buộc phải làm việc cho các công ty, bao giờ cũng thế và chỉ được làm việc cho các công ty mà thôi. Để bắt họ phải làm không công, các công ty đã dùng thủ đoạn cưỡng bức vượt quá sức tưởng tượng. Tất cả ruộng đất đều bị tịch thu hết. Chỉ có người nào chịu làm công việc do

các công ty ấy đòi hỏi thì mới được một phần ruộng nhỏ. Ăn uống thiếu thốn đã làm cho họ mắc đủ thứ bệnh tật và chết rất nhiều, nhất là trẻ con.

Một phương pháp khác là bắt ông già, phụ nữ và trẻ con làm con tin. Chúng giữ những người này trong những căn nhà chật chội, đối xử tàn tệ, hành hạ họ, bắt nhịn đói và nhiều khi giết họ nữa. Ở một vài địa phương, số người bị bắt làm con tin thường xuyên lại nhiều bằng số người làm việc để đề phòng mọi mưu toan của những người làm việc tìm cách chạy trốn. Để công tác ở các đồn điền khỏi bị đình trệ, người ta cấm dân bản xứ không được cày cấy ruộng của mình kịp thời. Do đó, nạn đói và bệnh dịch thường xảy ra, tàn phá các thuộc địa.

Nếu một vài bộ lạc trốn vào rừng và tránh được ách bóc lột của bọn chủ đồn điền thì họ phải sống chẳng khác gì thú vật, họ ăn rễ củ và lá cây, chết vì sốt rét, vì khí hậu. Trong lúc ấy thì bọn chủ da trắng tàn phá đồng ruộng và làng mạc của họ để khủng bố. Sau đây là một đoạn trong cuốn sổ tay công vụ của một sĩ quan tả một cách vắn tắt, rõ ràng và thê thảm sự đàn áp nông dân bản xứ:

Hành binh càn quét làng Côlôvô.

Hành binh càn quét dân Phan ở Cunô, làng và vườn trại bị tàn phá.

Hành binh càn quét làng Bêcarút, làng bị đốt trụi, 3.000 cây chuối bị chặt.

Hành binh càn quét làng Cua, làng bị phá, vườn trại hoàn toàn bị phá trụi.

Hành binh càn quét làng Abimaphan, tất cả nhà cửa đều bị đốt, vườn trại bị phá.

Hành binh càn quét làng Examphami, làng bị phá; các làng ven sông Bôm đều bị đốt.

Tại những miền châu Phi thuộc Ý, Tây Ban Nha, Anh và Bồ Đào Nha cũng có một chế độ cướp bóc, làm phá sản, giết chóc và tàn phá một cách khủng khiếp như vậy.

Ở Cônggô thuộc Bỉ, năm 1891, số dân là 25 triệu, thế mà đến năm 1911 chỉ còn có 8 triệu rưỡi. Những bộ lạc Hererô [1] và Cama ở thuộc địa cũ của Đức tại châu Phi đã hoàn toàn bị tiêu diệt, 8 vạn người bị giết trong thời gian Đức chiếm đóng và 15.000 người bị giết

---

1. Nguyên văn chữ Pháp: "les Hereros".

trong thời kỳ "bình định" năm 1914. Cônggô thuộc Pháp năm 1894 có 20.000 dân, thế mà đến năm 1911 chỉ còn có 9.700 người. Trong một vùng năm 1910 có 10.000 dân, sau có 8 năm chỉ còn được 1.080 người. Trong một vùng khác với 4 vạn dân da đen, chỉ trong 2 năm đã có 2 vạn người bị giết, nửa năm sau 6.000 người nữa lại bị giết và bị thương tật.

Những vùng ven sông, trù mật và đông đúc dân cư, chỉ sau 15 năm đã biến thành những miền hoang vu. Những mảnh xương tàn đã rải rác trắng khắp các ốc đảo [1] và làng mạc bị tàn phá.

Tình cảnh của những người còn sống xót thật khủng khiếp: nông dân bị cướp mất phần ruộng bé nhỏ "để dành" của mình, thợ thủ công thì mất nghề, còn người chăn nuôi thì mất súc vật. Dân Matabêle là dân chăn nuôi nhiều súc vật: trước khi người Anh đến, họ có tới 20 vạn súc vật có sừng. Hai năm sau chỉ còn có 40.900 con. Dân Hererô có 9 vạn súc vật, trong vòng 12 năm bọn thực dân Đức đã cướp mất một nửa. Những trường hợp tương tự như vậy xảy ra rất nhiều trong tất cả các nước da đen đã tiếp xúc với "văn minh" của người da trắng.

Để kết luận, tôi xin lấy một dẫn chứng của một người da đen là Renê Marang, tác giả cuốn *Batuala*. Ông ta nói: "Châu Phi vùng xích đạo là nơi dân cư đông đúc, giàu cao su, ở đây có đủ các loại vườn trại trồng cây; gà và dê rất nhiều. Chỉ sau chừng 7 năm, mọi cái đều bị phá hoại. Làng mạc tan tành, vườn trại hoang tàn, gà và dê bị giết. Nhân dân bản xứ kiệt sức vì phải làm việc nặng nhọc liên miên và không công, nên không đủ sức và không còn thời gian, dù là rất ít, để cày cấy ruộng đất. Bệnh tật phát sinh, nạn đói hoành hành, số người chết càng nhiều... Nên biết rằng họ là con cháu của một bộ lạc khỏe mạnh, thiện chiến, dẻo dai và được tôi luyện. Ở đây, nền văn minh đã tiêu tan...".

Để bổ sung bức tranh bi thảm này, tôi xin thêm một điểm là chủ nghĩa tư bản Pháp không hề ngần ngại đẩy cả một khu vực vào cảnh đói kém, nếu việc đó có lợi cho nó. Trong nhiều nước thuộc địa, ví dụ như Rêuyniông, Angiêri, Mađagátxca, v.v..., người ta không trồng ngũ cốc nữa, mà lại phải trồng những thứ khác cần cho nền công nghiệp

---

1. Nguyên văn chữ Pháp: "oasies", ốc đảo là những vùng có nước và có cây cối ở sa mạc.

Pháp. Những thứ này có lợi hơn cho chủ đồn điền. Điều đó làm cho đời sống ở thuộc địa rất đắt đỏ và luôn luôn xảy ra nạn đói.

Trong tất cả các thuộc địa của Pháp, nạn nghèo đói đều tăng, sự phẫn uất ngày càng lên cao. Sự nổi dậy của nông dân bản xứ đã chín muồi. Trong nhiều nước thuộc địa họ đã vài lần nổi dậy, nhưng lần nào cũng bị dìm trong máu. Nếu hiện nay nông dân vẫn còn ở trong tình trạng tiêu cực, thì nguyên nhân là vì họ còn thiếu tổ chức, thiếu người lãnh đạo. Quốc tế Cộng sản cần phải giúp đỡ họ tổ chức lại, cần phải cung cấp cán bộ lãnh đạo cho họ và chỉ cho họ con đường đi tới cách mạng giải phóng...[1]

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản từ 17-6 đến 8-7-1924. Bản tốc ký, phần I. Nhà xuất bản Quốc gia (Liên Xô), 1925, tr. 653 - 657. Bản dịch: *Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 39.

LÊNIN VÀ CÁC DÂN TỘC PHƯƠNG ĐÔNG

Nếu giai cấp vô sản phương Tây coi Lênin là một thủ lĩnh, một lãnh tụ, một người thầy, thì các dân tộc phương Đông lại coi Lênin là một người còn vĩ đại hơn nữa, cao quý hơn nữa, nếu tôi có thể nói như vậy.

Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi.

Quen bị đối xử như những kẻ lạc hậu, thấp hèn, các dân tộc phương Đông đã coi Lênin là hiện thân của tình anh em bốn bể.

---

1. Sau Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản và của Đại hội của Nông dân Quốc tế. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn dự các Đại hội Quốc tế Công hội đỏ, Quốc tế Phụ nữ, Quốc tế Thanh niên, Quốc tế Cứu tế đỏ. (Xin xem thêm tiểu sử *Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh,* từ tr. 31 đến tr. 44).

Không những họ biết ơn Người mà còn tha thiết yêu mến Người. Họ tôn kính Người tương tự như tôn kính cha mẹ. Có thấy các sinh viên Trường Đại học phương Đông khóc sưng cả mắt, có thấy các chàng trai trẻ đó nức nở khi biết tin Lênin từ trần, mới hiểu thấu được tình yêu của họ đối với Lênin.

Lênin từ trần, đó là cái tang chung cho toàn thế giới. Quốc dân đảng [1] (đảng nhân dân hiện nắm chính quyền ở Hoa Nam) đang họp Đại hội thì được tin Lênin mất. Toàn thể Đại hội đứng ngay dậy và buổi họp được bế mạc để tỏ ý để tang Lênin. Theo đề nghị của Bác sĩ Tôn Dật Tiên, [2] Chính phủ Quảng Châu đã quyết định là các rạp hát và rạp chiếu bóng ngừng hoạt động trong ba ngày. Tất cả các công sở đều treo cờ rủ, các đoàn thể văn hóa, chính trị và kinh tế ở các địa phương và ở Bắc Kinh, chủ yếu là các hội sinh viên và các tổ chức công nhân, đều tổ chức một cách trọng thể lễ truy điệu nhà cách mạng vĩ đại. Cũng trong dịp này, các đoàn thể ấy đều nhất trí biểu quyết đòi phải thừa nhận ngay lập tức chính quyền Xô viết. Sinh viên đã quyết định dựng một bức tượng Lênin trong công viên lớn nhất ở Bắc Kinh.

Nghị viện Trung Quốc đã gửi điện chia buồn.

Phụ nữ cũng thương tiếc Lênin. Ở Trung Quốc, cũng như ở tất cả các nước phương Đông, phụ nữ rất ít biết những sự việc xảy ra trên thế giới, họ thờ ơ với những sự việc ấy. Nhưng họ đã để tang Lênin. Như vậy là những biểu hiện tình cảm của phụ nữ Trung Quốc trong hoàn cảnh đau đớn này có một ý nghĩa lịch sử. Một mặt, điều đó chứng tỏ rằng phụ nữ phương Đông đã thức tỉnh; mặt khác, người thầy vĩ đại đã được tất cả mọi người, nam cũng như nữ, những người bình thường nhất cũng như những người tiên tiến nhất, hiểu và yêu

1. Quốc dân đảng do Tôn Dật Tiên thành lập năm 1912 nhằm đấu tranh chống chế độ quân chủ, giành độc lập dân tộc và thực hiện dân chủ hóa Trung Quốc. Năm 1924, Quốc dân đảng liên minh với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Nhưng đến năm 1927, bọn đại tư sản đứng đầu là Tưởng Giới Thạch đã biến Quốc dân đảng thành một đảng phản cách mạng.

2. Tôn Dật Tiên (1866 - 1925): một nhà cách mạng dân chủ nổi tiếng của Trung Quốc. Ông đã hiến đời mình cho cuộc chiến đấu để giải phóng Trung Quốc khỏi ách nô dịch của chủ nghĩa đế quốc và chế độ phong kiến. Ông là người đề xướng ra chủ nghĩa Tam dân (dân tộc, dân quyền, dân sinh) và đấu tranh tích cực cho sự hợp tác giữa Quốc dân đảng và Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhằm thành lập một mặt trận đấu tranh giành độc lập dân tộc và dân chủ. Tôn Dật Tiên mất ngày 12-3-1925.

mến. Vì thế, tôi xin dịch ra đây bài kêu gọi của một nữ sinh viên, đăng trong báo *Phụ nữ* ở Thượng Hải:

"Hỡi các chị em!

Từ khi có chủ nghĩa tư bản, toàn bộ cơ thể xã hội đều bị ảnh hưởng tai hại của nó. Các vật phẩm do tất cả mọi người sản xuất ra, đáng lẽ phải thuộc tất cả về mọi người thì lại thuộc đặc quyền của một vài người! Ách áp bức kinh tế nô dịch con người; cũng ách áp bức ấy đã biến phụ nữ thành những đồ chơi tùy quyền sử dụng của nam giới!

Từ bao thế kỷ nay, bao nhiêu triệu đàn ông đã bị xiềng xích như thế? Bao nhiêu triệu đàn bà đã bị hy sinh?

Trong lúc cuộc chiến tranh thế giới đang diễn ra ác liệt, trong lúc hàng triệu con người không làm hại đến ai, đang muốn sống, nhưng lại bị đưa vào chỗ chết, Lênin đã đạp bằng gian khổ và khó khăn, đã thức tỉnh giai cấp vô sản Nga nổi dậy, đã tổ chức các Xô viết.

Lênin không những chỉ giải phóng nam giới và nữ giới trên đất nước của Tiên sinh, mà còn chỉ đường cho tất cả những người nghèo khổ trên thế giới. Và bất chấp bọn bạch vệ tấn công ở bên trong, bọn tư bản bao vây ở bên ngoài, ý chí kiên cường của Lênin đã cứu sống đồng bào của Tiên sinh ra khỏi cảnh đau khổ và lầm than, và đã nêu cao ngọn cờ của quốc tế cho tất cả những người bị áp bức.

Điều đó há chẳng đáng để chúng ta kính cẩn mặc niệm trước anh linh vĩ đại của Tiên sinh hay sao?

Ngày 21 tháng 1 há chẳng đáng mãi mãi là một ngày tang cho tất cả những nam nữ đang chịu khổ cực hay sao?

Nước Nga đang tiến đến chỗ phồn vinh. Nhưng muốn có được một nền hòa bình thực sự, thì còn phải tiến tới nữa và còn phải làm nhiều việc nữa. Loài người đang thức tỉnh; nhưng muốn tự giải phóng hoàn toàn, thì còn phải đấu tranh. Thế mà giờ đây, người Thầy, đột ngột từ giã chúng ta, chưa được trông thấy kết quả cuối cùng của sự nghiệp của mình.

Những người có tâm huyết làm sao có thể cầm được nước mắt? Những người bị áp bức, nam và nữ, há lại không nên nhận lấy nhiệm vụ mà Lênin đã để lại và tiến lên hay sao? Tiến lên!

Các chị em thân mến!

Chúng ta hãy tổ chức truy điệu một cách trọng thể Người đã suốt

đời đấu tranh chống cảnh cùng khổ và ách áp bức của các dân tộc, Người đã đấu tranh cho thế giới đến hơi thở cuối cùng!"

Để kết thúc, chúng ta hãy chú ý rằng để chỉ Lênin thì khi nói hay viết, người Trung Quốc đều chỉ dùng từ Tiên sinh, một từ vinh dự đồng nghĩa với Tử (Khổng Tử, Mạnh Tử) và có nghĩa là: Thầy.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, số 27, tháng 7-1924.
Bản dịch: *Mãi mãi đi theo con đường của Lênin vĩ đại,* Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 14.

"CHẾ ĐỘ DÃ MAN" BÔNSÊVÍCH...

Chính phủ Xô viết đã cho thực hiện chương trình sau đây:

a) Giáo dục không mất tiền và bắt buộc; giáo dục phổ thông và bách khoa đối với trẻ em nam nữ cho đến 17 tuổi; từ 17 tuổi trở lên thì giáo dục chuyên môn và chuyên nghiệp.

b) Nhà nước chịu phí tổn cho tất cả học sinh về ăn uống, quần áo, giày dép và những thứ cần dùng cho học sinh.

c) Thiết lập một hệ thống các trường mẫu giáo và vỡ lòng, nhà giữ trẻ, vườn trẻ, nhà nuôi trẻ, v.v..., nhằm mục đích cải thiện việc giáo dục của xã hội, giải phóng người phụ nữ.

d) Nhân dân lao động tích cực tham gia việc giáo dục quốc dân, phát triển các "Hội đồng giáo dục quốc dân"; tất cả những công dân có trình độ giáo dục phổ thông, đều thuộc quyền sử dụng của Nhà nước, v.v...

e) Trong ngành đại học, các sinh viên nghèo nhất và nhất là công nhân và nông dân được cấp học bổng và những ưu tiên khác để họ có phương tiện vật chất theo học ngay cả các trường đại học.

... "NỀN VĂN MINH" PHÁP

Để truyền bá ánh sáng tốt lành của "nền văn minh cao quý" vào trong các nước được "nước mẹ bảo hộ", nước Pháp đã đưa lại cho 40.000.000 "người Pháp hải ngoại" 8.007 trường học. Tôi không nói quá đâu. Dưới đây là con số thống kê chính thức:

THUỘC ĐỊA	DÂN SỐ	TRƯỜNG HỌC	HỌC SINH
Tây Phi thuộc Pháp	12.000.000	290	12.000
Châu Phi Xích đạo thuộc Pháp	5.000.000	100	4.000
Đông Dương	19.000.000	2.965	148.000
Mađagátxca	3.000.000	789	78.000
Xômali	64.000	2	250
Đảo Rêuyniông	172.000	124	17.000
Ấn Độ thuộc Pháp	270.000	52	9.000
Ăngtiơ	500.000	194	18.500
Guyan	144.000	23	2.000
Tân Đảo (Calêđôni)	17.000	18	600

Trong xứ Goađơlúp, 10.000 trẻ em không có trường học. Tại Angiêri thuộc Pháp, từ suốt 94 năm nay trong số 5.000.000 dân chỉ có 35.000 học sinh là được hưởng thụ một nền giáo dục nhỏ giọt, còn 695.000 trẻ em bản xứ thì phải chịu dốt nát. Tại Cao Miên: 60 trường cho 2.000.000 dân. Tại Nam Kỳ (thuộc Pháp từ hơn nửa thế kỷ nay): trong số 2.500.000 người dân, chỉ có 51.000 học sinh.

May mắn thay, tuy chúng ta thiếu trường học, nhưng nước Pháp đã ban cho chúng ta rất nhiều nhà thổ, tiệm hút thuốc phiện và ty rượu.

Báo *Người cùng khổ*, số 13, tháng 4-1923 (?).
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 128.

HÀNH HÌNH KIỂU LYNSƠ

TIỂU DẪN. – Sau những ngày bí mật đi qua nước Đức để đến hoạt động ở Liên Xô, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết bài báo *Hành hình kiểu Lynsơ*, đăng trên nhật báo *Diễn đàn thế giới (Die Weltribüne)* của Đảng Cộng sản Đức, số ra ngày 9-10-1924, tại Méccơlenbua, và trên tạp chí *Thư tín quốc tế (La Correspondance internationale)*, số 59, năm 1924.

Gần đây, báo *Chân trời (Horizon)*, Cộng hòa Dân chủ Đức, số 37 năm 1974, đã đăng lại toàn văn bài báo đó. Văn bản lần in này – sau năm mươi năm ngày bài báo ra đời – là do Clao Haiđếch sưu tầm được ở thư viện Trường Đại học Tổng hợp Rôxtốc. Bài báo được giới thiệu một cách trân trọng, với những dòng như sau:

"Bản cáo trạng này *(Hành hình kiểu Lynsơ)* vẫn giữ nguyên vẹn tính thời sự của nó. Nó nhắc chúng ta nhớ lại rằng, những bọn đế quốc chủ nghĩa đủ mọi màu sắc, thời đó cũng như ngày nay, đều luôn luôn là những kẻ tử thù của loài người... Với bản cáo trạng này, Hồ Chí Minh đã xuất hiện như một chiến sĩ chân chính của chủ nghĩa quốc tế vô sản, và người bảo vệ nhân quyền và tự do của tất cả những người bị áp bức, dù họ cư trú ở bất kỳ nước nào..."

Tác phẩm *Hành hình kiểu Lynsơ* đã ra đời trong hoàn cảnh nào?

Một số tác giả nước ngoài viết rằng đồng chí Nguyễn Ái Quốc sang Mỹ vào thời gian trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Nhưng theo Đêvít Đenlingiơ, người Mỹ, sang thăm Hà Nội năm 1966 được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh, và trong bài viết của mình đăng trên tạp chí *Giải phóng* tháng 10-1969 với nhan đề *Nói chuyện với Hồ Chủ tịch*, Đêvít Đenlingiơ nói rõ: "Khi tôi hỏi Hồ Chủ tịch về thời gian ngắn Hồ Chủ tịch sống ở Mỹ *sau khi* chiến tranh thế giới lần thứ nhất đã bùng nổ thì Hồ Chủ tịch đã nói nồng nhiệt về nhân dân thành phố Brúclin (Brooklyn) mà Chủ tịch đã làm công tại đó. Hồ Chủ tịch không lên án nhân dân Mỹ là kẻ bóc lột và là kẻ thù giai cấp, mà Chủ tịch lại nói rằng đấy là một nhân dân tốt... Hồ Chủ tịch kể rằng Chủ tịch đã đi xe điện ngầm đến thăm khu Háclem và Chủ tịch đã xúc động trước điều kiện sống của người da đen".

Hành hình kiểu Lynsơ rõ ràng được viết ra không phải bằng tài liệu thu thập trên sách báo, mà bằng chính sự xúc động và những điều mắt thấy tai nghe. Giá trị hiện thực của nó mang tính chất tố cáo mạnh mẽ, sự phẫn nộ về những bất công đối với người cùng khổ, và người nô lệ chất chứa bấy lâu, đã nổ bùng dưới ngòi bút của Người.

Một hiện tượng hiếm có của "nền văn minh" Mỹ.

Ai cũng biết giống da đen là giống bị áp bức bóc lột nặng nề nhất trong giống người. Ai cũng biết sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản và việc tìm ra Tân thế giới đã gây hậu quả trực tiếp là làm sống lại chế độ nô lệ, chế độ ấy, trải qua nhiều thế kỷ, thật đã là một tai nạn đối với người da đen và là một điều bất hạnh đẫm máu đối với nhân loại. Điều mà mọi người có lẽ còn chưa biết là người da đen châu Mỹ, tiếng rằng đã được giải phóng từ 65 năm rồi, nhưng vẫn còn chịu đựng bao nhiêu thống khổ ghê gớm về tinh thần và vật chất, mà tàn ác nhất và ghê tởm nhất là tục *hành hình kiểu Lynsơ.*

Lối hành hình ấy, tiếng Pháp gọi là Lynchage, do chữ Lynch (Lynsơ) mà ra. Lynsơ là tên một chủ đồn điền ở bang Viếcgini, vừa là địa chủ vừa là quan tòa. Lợi dụng tình hình rối ren trong cuộc chiến tranh giành độc lập, [1] hắn nắm lấy toàn bộ quyền hành trong quận. Hắn trừng phạt những đảng phái và những người thân Anh rất dã man, không cần xét xử, không cần kết án tù gì cả. Do bọn chủ nô tổ chức Ku Klux Klan và những tổ chức bí mật khác, nên việc thực hành trái phép và man rợ lối hành hình này đã trở thành phổ biến và kéo dài ở các bang trong Liên bang Mỹ. Từ khi giải phóng người da đen, lối hành hình đó càng trở nên vô nhân đạo, và đặc biệt là nhằm đối xử với người da đen.

Các bạn hãy tưởng tượng xem...

Các bạn hãy tưởng tượng một đám đông cuồng dại. Quả đấm nhăm nhăm, mắt đỏ ngầu, miệng sủi bọt, la ó, chửi bới, nguyền rủa... Đám đông ấy đang bị lôi cuốn vì cái thú say mê tha hồ được nhúng tay vào tội ác. Họ mang theo gậy gộc, đuốc, súng lục, dây thừng, dao, kéo, nước lưu toan, dùi, tóm lại là bất cứ vật gì có thể dùng để giết người hoặc làm bị thương người được. Các bạn hãy tưởng tượng giữa làn sóng người ấy bập bềnh một xác người da đen bị xô đẩy, đánh đập, giày xéo, xâu xé, chửi rủa, bị đá từ góc này sang góc khác như một quả bóng, đầm đìa máu me, rồi chết.

Đám đông ấy, chính là những kẻ hành hình, cái xác người bị xâu xé nát nhừ như một tấm giẻ rách kia, chính là người da đen, nạn nhân của tục đó.

---

1. *Chiến tranh giành độc lập* (1775 - 1783): cuộc chiến tranh giải phóng của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ chống lại Anh, giành độc lập, đi đến thành lập nước Mỹ.

Trong cơn sóng hằn thù và thú vật ấy, những kẻ hành hình lôi người da đen đến một khu rừng hay một chỗ công cộng nào đó. Họ trói người đó vào gốc cây, tưới dầu lửa vào người, lấy những chất dẫn lửa phủ lên người. Trong khi chờ châm lửa, họ bẻ dần từng chiếc răng của người đó. Rồi móc mắt người đó. Từng mớ tóc loăn xoăn bị dứt khỏi đầu, lột theo từng mảng da, để lộ ra chiếc sọ người đầm máu. Từng miếng thịt vụn rơi khỏi cái thân hình đã tím bầm vì bị đánh đập.

Người da đen không kêu được nữa: lưỡi đã sưng phồng lên vì một thanh sắt nung đỏ gí vào. Toàn thân người ấy quằn quại như một con rắn bị đánh giập nửa mình đang sống dở chết dở. Một nhát dao, thế là rụng một tai. Ái dà! Nó mới đen làm sao! Nó mới đáng tởm làm sao! Thế là những mụ đàn bà cào cấu cho nát mặt người đó ra...

Có kẻ hét: "Châm lửa đi!". Một kẻ khác góp thêm: "Đốt vừa chừng thôi để từ từ thui chết nó!"

Người da đen bị nướng chín, bị thui vàng, cháy thành than. Nhưng người đó phải chịu hai lần chết mới đáng đời kia. Cho nên họ liền treo người đó lên, nói cho đúng hơn là treo một cái xác đã không còn là một cái xác nữa lên. Và tất cả những người trước đó không được tham dự việc thiêu sống ấy thì bây giờ tha hồ vỗ tay hoan hô. Hura!

Khi ai nấy đã xem chán rồi, họ hạ cái xác xuống, cái dây treo được chặt ra từng đoạn, bán mỗi đoạn 3 hay 5 đôla. Các mụ đàn bà tranh nhau mua làm vật kỷ niệm và lấy khước... "Tòa án nhân dân" – theo như họ gọi – thế là đã xử xong. Đám đông đã trở lại bình tĩnh, khen ngợi những kẻ "hành sự", rồi giải tán dần, vui vẻ như vừa tan bữa tiệc và hẹn hò gặp nhau một bận khác.

Nhưng trong khi đó thì trên mảnh đất nhày nhụa mỡ và khói, một đầu lâu đen, nát bét, bị thui cháy, không ra hình thù gì nữa, nhăn nhó một cách đáng sợ và hình như muốn hỏi vầng mặt trời sắp lặn rằng: "Văn minh là như vậy đó sao?"

Một chút thống kê.

Từ năm 1889 đến năm 1919, đã có 2.600 người da đen bị hành hình như vậy, trong đó có 51 phụ nữ và thiếu nữ, với 10 cựu binh trong đại chiến.

Trong số 78 người da đen bị hành hình theo kiểu Lynsơ năm 1919, có 2 người bị thiêu sống, 3 người bị nhục hình cho đến chết, 1

người bị chặt ra làm nhiều mảnh, 1 người bị dìm xuống nước cho chết, 2 người bị giết bằng những cách khác.

Đứng đầu là bang Gioócdia với 22 nạn nhân, thứ đến bang Mítxixipi với con số 12 người. Trong cả 2 bang trên đều có 3 binh sĩ trong số bị hành hình. Trong số 11 người bị thiêu sống, có 4 người thuộc bang Gioócdia và 2 người thuộc Bang Mítxixipi. Trong 34 vụ hành hình được dự kiến trước và được tổ chức hẳn hoi, thì cũng lại bang Gioócdia đứng đầu với 5 vụ, thứ hai đến bang Mítxixipi với 3 vụ.

Căn cứ theo những tội trạng buộc cho những nạn nhân năm 1919 thì:

1 người có chân trong Liên đoàn những người không đảng phái (những chủ trại độc lập).

1 người đã truyền bá những sách báo cách mạng.

1 người đã dám quá tự do công kích những vụ hành hình kiểu Lynsơ.

1 người đã bình luận về những vụ xô xát giữa những người da trắng và da đen ở Sicagô.

1 người mà người ta biết là lãnh tụ của phong trào đấu tranh cho lợi ích của người da đen.

1 người vì không kịp tránh sang bên đường nên đã làm cho một đứa bé da trắng ngồi trong ôtô hoảng sợ.

Năm 1920, có 50 vụ hành hình kiểu Lynsơ và năm 1923, có 28 vụ.

Những tội ác đó bao giờ cũng là do nguyên nhân tức tối về kinh tế mà ra. Hoặc vì những người da đen ở địa phương làm ăn khấm khá hơn người da trắng. Hoặc vì công nhân da đen không chịu để cho người ta bóc lột đến xương tủy. Trong tất cả các vụ đó, những thủ phạm chính không hề bao giờ bị động đến chân lông, lý do đơn giản là họ luôn luôn được kích thích, khuyến khích, xúi bẩy, rồi lại được bọn chính khách, bọn tài chính, bọn cầm quyền và nhất là báo chí phản động bao che.

Mỗi khi sắp xảy ra hay vừa xảy ra một cuộc hành hình kiểu Lynsơ, thế là báo chí chớp ngay lấy, coi như dịp may hiếm có để tăng số phát hành. Báo chí dụng tâm tường thuật sự việc với chi tiết phong phú. Không một tiếng trách móc nào đối với bọn giết người... Không một lời thương xót nào đối với nạn nhân. Không một lời bình luận nào.

Báo *New Orleans States* [1] ngày 26-6-1919 đăng tin sau đây lên trang nhất và bằng cỡ chữ to 25 phân: *Hôm nay, một tên da đen sẽ bị 3.000 công dân thiêu chết.* Và ngay dưới đó là một tin in bằng chữ nhỏ xíu: *Được một đạo vệ binh lớn bảo vệ, Hoàng đế nước Đức đã cùng với Đông cung Thái tử chạy trốn.* Báo *Jackson Daily News* [2] cùng số ra ngày hôm đó, in trên hai cột đầu của trang nhất và bằng cỡ chữ lớn:

NĂM GIỜ CHIỀU NAY
TÊN DA ĐEN J.H.
SẼ BỊ DÂN CHÚNG Ở ENLISVINLƠ
THIÊU CHẾT

Tờ báo chỉ còn quên không thêm vào: "Kính mời toàn thể dân chúng đến tham dự". Nhưng trên tờ báo thì đã có tinh thần ấy rồi.

Một vài chi tiết.

"Hồi 7 giờ 40 phút chiều nay, J.H. đã bị hành tội bằng một thanh sắt nung đỏ, sau đó bị đem thiêu... Một đám đông khoảng hơn 2.000 người... có nhiều đàn bà và trẻ con, đã tham dự vụ thiêu người... Sau khi trói xong tên da đen vào cây, người ta liền đốt một đống lửa. Cách đó một quãng, một đống lửa khác cũng được đốt lên để nung một thanh sắt. Khi thanh sắt đã đỏ rực, một người cầm lấy và gí vào người tên da đen. Tên này hoảng lên, hai tay vội giằng lấy thanh sắt, không khí lúc đó sặc sụa mùi thịt cháy khét lẹt... Thanh sắt đỏ đã gí vào nhiều chỗ trên mình tên da đen, tiếng kêu la và rên rỉ của nó dội vào mãi trong thành phố. Hành tội một hồi lâu, những người đeo mặt nạ tưới ét xăng vào tên da đen và đốt đống củi lên. Ngọn lửa bốc cao và liếm quanh người tên da đen đang van xin người ta làm phúc cho nó một phát đạn cho xong đời. Những tiếng năn nỉ của nó làm cho người ta mỉa mai giễu cợt" (Thời báo *Chatanocca*, ngày 13-2-1918).

15.000 người vừa đàn ông, đàn bà và trẻ con hò reo như sấm khi người ta giội gadôlin lên người tên da đen và châm lửa vào. Họ chen nhau, la hét và xô nhau để được đứng gần tên da đen hơn. Hai người trong bọn họ cắt tai tên da đen trong khi ngọn lửa bắt đầu thui nó.

---

1. Báo của bang Tân Oóclêan.
2. Tờ *Tin tức hằng ngày ở Giắcxơn.*

Một người định cắt gót người da đen... Đám đông người nhấp nhô như sóng và chuyển động để ai nấy đều được trông rõ tên da đen bị đốt cháy. Khi thịt bị cháy hết để lòi xương ra và khi nạn nhân chỉ còn là một đám bùi nhùi bốc khói, không ra hình thù gì nữa, chập chờn trong ngọn lửa, mọi người cũng vẫn còn mê mải đứng xem..." (Báo *Memphis Press*, ngày 22-5-1907).

"... Đàn ông thuộc đủ mọi hạng, đàn bà, trẻ con đều kéo đến xem. Nhiều bà trong giới thượng lưu đi theo đám đông từ cửa nhà tù đến đấy, những bà khác cũng từ các ngả gần đấy kéo đến... Khi xác tên da đen rơi xuống, người ta hăng hái tranh nhau những mẩu dây thừng" (*Bưu báo buổi chiều Vicksburg*, ngày 4-5-1919).

"... Một người cắt tai nó, một người khác xẻo bộ phận sinh dục của nó... Nó cố bám lấy cái dây thừng, người ta liền chặt phăng ngón tay nó đi. Trong khi người ta treo nó lên cây, một gã to như hộ pháp lấy dao chém vào cổ nó: ít nhất nó cũng bị tới 25 vết thương.

... Nó bị kéo lên hạ xuống nhiều lần trong đám lửa hồng, rồi lại kéo lên, rồi lại hạ xuống, cứ như thế mãi... Cuối cùng một người lấy dây thòng lọng buộc vào người nó, đầu kia thì buộc vào một con ngựa lôi cái xác chạy khắp phố Ôacô. Cái cây treo xác tên da đen lại ở ngay dưới cửa sổ nhà viên Thị trưởng. Ông này thản nhiên nhìn đám đông hành hình. Trên khắp ngả đường chạy qua, tất cả mọi người đều tham gia vào việc xâu xé tên da đen. Nhiều người lấy xẻng, cuốc, gạch, gậy gộc đập nó. Khắp mình nó từ đầu đến chân, chỗ nào cũng đầy thương tích. Một tiếng reo vui thốt ra từ nghìn cái miệng khi ngọn lửa được châm lên... một lúc sau, cái xác bị treo lơ lửng trên không, để ai nấy đều được ngắm, việc đó làm nổi lên một tràng vỗ tay như sấm..." (Báo *Crissis*, tháng 7-1916).

Những người da trắng bị hành hình kiểu Lynsơ.

Chẳng cứ gì người da đen, mà cả những người da trắng nào dám bênh vực người da đen thì cũng bị đối xử tàn nhẫn, như bà Hariét Bisơ Xtao (Harriet Beacher Stowe), tác giả cuốn *Cái lều của chú Tôm* chẳng hạn. Êligiát Lôvagiôi (Elijah Lovajoy) [1] bị giết. Giôn Brao

1. *Êligiát Lôvagiôi*: một người tham gia cuộc đấu tranh giải phóng của người da đen, Chủ bút báo hằng ngày *Người quan sát Inlinâyxơ*. Ngày 7-11-1877, bọn côn đồ thù hằn chủng tộc giết chết Lôvagiôi và đốt cháy nhà in của báo nói trên.

(John Brown) [1] bị treo cổ. Tômát Bisơ (Thomas Beach) [2] và Xtêphen Phôxtơ (Stephen Foster) [3] bị hành hạ, bị đánh đập tàn nhẫn và bị bỏ tù. Trong nhà tù, Phôxtơ đã viết như sau: "Khi thấy tay chân mình đã bị đánh nát nhừ, tôi nghĩ rằng, để giam giữ tôi, nhà tù sẽ chẳng còn cần thiết bao lâu nữa... 15 tháng vừa qua, nhà tù đã mở cửa đón tôi vào xà lim bốn lần, đồng bào tôi đã lôi tôi ra khỏi Nhà thờ của họ 24 lần, họ đã hai lần ném tôi từ tầng gác thứ hai xuống, một lần đánh tôi một trận nhừ đòn, một lần khác họ định tống giam tôi, họ phạt tiền tôi hai lần. Một lần, 1 vạn người định đưa tôi ra hành hình kiểu Lynsơ, và đã đánh tôi 20 cái vào đầu, vào cánh tay, vào cổ...".

Trong 30 năm, đã có 708 người da trắng, trong đó có 11 phụ nữ, bị hành hình kiểu Lynsơ, người thì vì lý do tổ chức bãi công, người thì vì lý do đồng tình với cuộc đấu tranh của người da đen.

Hành hình kiểu Lynsơ thật đáng chiếm một vị trí "vinh dự" trong toàn bộ những tội ác của nền "văn minh" nước Mỹ.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 59, 1924, tr. 628 - 629. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 134.

---

1. *Giôn Brao* (1800 - 1859): một trong những người đấu tranh giải phóng người da đen ở Mỹ, tổ chức ra Hội đấu tranh thủ tiêu chế độ nô lệ, lập nhà trường cho người da đen. Ông cầm đầu một toán người da trắng và da đen đánh chiếm kho vũ khí của Chính phủ bang Viếcginia. Trong khi đánh nhau, hai con trai của ông bị giết và ông bị bắt. Ngày 2-12-1859, ông bị xử treo cổ.

2, 3. *Tômát Bisơ* và *Xtêphen Phôxtơ*: những người hoạt động có tiếng trong cuộc đấu tranh thủ tiêu chế độ nô lệ ở Mỹ và giải phóng người da đen.

ĐẢNG KU KLUX KLAN

Nguồn gốc – Ý kiến của nguyên lão nghị viên Sécman (1871) – "Theo lối Mỹ 100 phần 100" – "Hoàng đế" Ximmôn – Những vụ hành hình theo kiểu Lynsơ hồi 1919 – Tại sao đảng K.K.K. phải tiêu diệt?

Nguồn gốc đảng *Ku Klux Klan* là ở miền Nam nước Mỹ.

Tháng 5-1866, sau chiến tranh Nam - Bắc, [1] một số thanh niên tụ tập nhau tại một địa phương nhỏ ở xứ Tennétxơ để tổ chức một câu lạc bộ. Để giết thời giờ, thế thôi. Người ta đặt tên cho tổ chức đó là *Kuklos*, một tiếng Hy Lạp nghĩa là câu lạc bộ. Muốn cho tiếng đó có vẻ Mỹ, người ta bèn đổi thành *Kuklux*. Và cho độc đáo hơn, thành *Ku Klux Klan*.[2]

Sau những cuộc đổi thay trong xã hội, tinh thần quần chúng dĩ nhiên là bị hoang mang. Họ trở nên khao khát những cảm giác mới, thích những cái gì thần bí. Đảng K.K.K. với những lối ăn mặc lố lăng, những nghi thức quái lạ, những sự bí ẩn bí mật, nhất định là phải khêu gợi được óc tò mò của những người miền Nam nước Mỹ và được quần chúng rất ưa chuộng.

Ban đầu, đó chỉ là một nhóm những kẻ thích đua đòi mốt mới và những kẻ ăn không ngồi rồi, chứ chẳng có mục đích chính trị, xã hội gì. Bọn láu cá đã nhận thấy đó là một lực lượng có thể lợi dụng để đạt những tham vọng chính trị của chúng.

Chính phủ Liên bang thắng lợi vừa giải phóng những người da đen và làm cho họ trở thành những người công dân. Nông nghiệp

1. Nguyên văn tiếng Pháp là "Guerre de Sécession" có nghĩa là Chiến tranh phân liệt. Năm 1861, bọn chủ đồn điền nô lệ ở miền Nam nước Mỹ, mưu toan duy trì và mở rộng chế độ nô lệ, đã nổi dậy nhằm mục đích thiết lập một quốc gia nô lệ và tuyên bố miền Nam nước Mỹ là một quốc gia phân lập (tháng 2-1861). Cuộc nội chiến giữa miền Bắc và miền Nam bắt đầu diễn ra hồi tháng 4-1861, và kết thúc năm 1865 bằng cuộc thất bại của những chủ nô miền Nam và sự thắng lợi của miền Bắc.

2. Đảng Ku Klux Klan viết tắt là Đảng K.K.K., có khi còn được gọi là đảng Klan hoặc đảng 3K.

miền Nam thiếu nhân công người da đen, nên không có người làm. Bọn địa chủ cũ lâm vào nguy cơ phá sản. Giữa khi đó thì những *đảng viên của Klan* tuyên bố *nguyên tắc quyền tối cao của người da trắng.* Chống người da đen, đó là chính sách duy nhất của họ. Giai cấp tư sản nông thôn và chủ nô thấy ngay đảng *Klan* là một trợ thủ đắc lực, hầu như là một cứu tinh. Nó liền hết sức giúp đỡ đảng đó. Biện pháp hành động của đảng *Klan* đi từ dọa nạt đến ám sát. Chúng đã gây ra – trong ba năm trời -- cơ man nào là tội ác và thảm họa đến nỗi nhiều người vẫn ủng hộ chúng, cũng phải khủng khiếp mà xa lìa chúng.

Vào khoảng năm 1868, đảng *Klan* – trước áp lực của dư luận công chúng – đã bị "hoàng đế" của nó giải tán. Đảng đó có một hoàng đế, song ông ta chỉ có một uy quyền thuần túy về danh nghĩa mà thôi. Những đảng *Klan* ở các địa phương tiếp tục tồn tại và gây ra những tội ác. Giáo sư Mếchlin – người đã cung cấp cho chúng tôi những tài liệu này – nói rằng mỗi trang trong mười ba cuốn sách dày cộp điều tra về những hành động của đảng *Klan* hồi 1871 - 1872, đều có ghi lại một vụ đánh đập một người da đen hoặc người da trắng. Những việc tàn bạo đó, thường chỉ là do thói tàn bạo mà thôi. Đối với chúng, những hành động đó là một lối tiêu khiển thích thú.

Để biết rõ hơn và phán đoán được đúng hơn về đảng *Klan* thì không gì bằng trích dẫn ngay bài diễn văn của nguyên lão nghị viên Sécman, ở Ôhiô, đọc trước Thượng nghị viện hồi tháng 3-1871. Sécman hỏi: "Liệu có một nghị viên nào có thể nêu ra cho tôi biết – sau khi lục lại những tội ác trong tất cả các thời đại – một hội nào hoặc một bè đảng nào lại có những hành động và những ý định tàn khốc hơn, hung ác hơn đảng *Ku Klux Klan* không? Đảng *Ku Klux Klan* là một hội kín; thành lập bằng cách tuyên thệ; đảng viên của nó đi ám sát, trộm cắp, cướp phá, hành hung, chửi bới, dọa nạt. Bọn chúng phạm những tội ác đó không phải là đối với những kẻ mạnh và kẻ giàu, mà là đối với những người nghèo, những người yếu đuối, những người hiền lành, những người không có khả năng tự vệ!"

Tuy nhiên đảng *Klan* cũng đã sống và "hoạt động" trong bốn chục năm trời, một cách không vẻ vang gì cho lắm.

Đảng Klan mới.

Tháng 10-1915, trong tình hình mới của nước Mỹ, Uyliam Giôdép Ximmôn, "hoàng đế" mới của đảng *Klan*, đã cùng với 34 người bạn phục hồi lại đảng K.K.K. Cương lĩnh của đảng đó là: theo lối Mỹ 100

phần 100, tức là chống công giáo, chống người da vàng, chống công nhân, chống người da đen.

Cần chú ý là sau cuộc chiến tranh Nam – Bắc và việc giải phóng người da đen, đảng *Ku Klux Klan* cũ đã ra đời với mục đích cản bước đường hoạt động xã hội của những người được giải phóng. Trong cuộc chiến tranh thế giới, Mỹ tuyển mộ vào lục quân và thủy quân hàng trăm nghìn người da đen; người ta hứa với họ là sẽ thực hiện cải cách về mặt xã hội và chính trị; sau khi đã cùng hy sinh như người da trắng, họ đã rụt rè yêu cầu hưởng những quyền lợi như người da trắng. Tình hình đó cũng ngang như một phong trào "giải phóng lần thứ hai". Thế là đảng *Klan* mới xuất hiện.

"Hoàng đế" Ximmôn cũng lại thành lập cái "vương quốc vô hình" ở miền Nam nước Mỹ – xứ sở của những tên chủ đồn điền lớn và những tên phản đối việc giải phóng nô lệ, quê hương của chế độ nô dịch và hành hình theo kiểu Lynsơ, tổ quốc của đảng *Klan cũ*. Trả lời một người đến phỏng vấn, Uyliam Giôdép Ximmôn đã nói về những mục đích của mình như sau: "Chúng tôi thấy rõ rằng, phải bảo đảm quyền tối cao của người da trắng, phải tước những quyền tự trị đã ban bố cho bọn da đen. Ý trời muốn rằng giống người da trắng phải cao hơn; và lệnh trời đã định rằng người da đen sinh ra để làm nô lệ".

Ngay sau khi đảng *Klan* xuất hiện lại, thì chỉ riêng ở xứ Tếchdaxơ người ta đã đếm được hơn 80 vụ đánh đập trong một năm, và 96 vụ hành hình theo kiểu Lynsơ.

Đảng *Klan* đặc biệt thịnh hành ở Gioócdia, Mítxixipi, Tếchdaxơ, Alabama và Áccăngdaxơ. Trong các xứ đó, có nhiều nạn nhân bị hành hình theo kiểu Lynsơ nhất.

Năm 1919, đảng *Ku Klux Klan* đã thiêu sống: 4 người da đen ở Gioócdia, 2 ở Mítxixipi, 1 ở Tếchdaxơ.

Chúng đã hành hình: 22 người da đen ở Gioócdia, 12 ở Mítxixipi, 10 ở Áccăngdaxơ, 8 ở Alabama, 3 ở Tếchdaxơ.

Chúng đã xông vào và phá hủy các nhà tù để hành hình những người da đen bị giam ở đấy: 5 lần ở Gioócdia, 3 lần ở Alabama, 3 lần ở Mítxixipi, 3 lần ở Tếchdaxơ, 2 lần ở Áccăngdaxơ.

Chúng đã hành hình: 12 phụ nữ ở Mítxixipi, 7 ở Alabama, 6 ở Tếchdaxơ, 5 ở Áccăngdaxơ, 5 ở Gioócdia.

Chúng đã thiêu, treo cổ, dìm xuống nước cho chết hoặc bắn 9 cựu binh sĩ da đen.

Đảng *Klan* còn can phạm nhiều vụ hành hình theo kiểu Lynsơ ở các xứ khác nữa, nhưng ở đây chúng tôi chỉ nêu những con số chắc chắn mà thôi.

Sự suy tàn của đảng Ku Klux Klan.

Đảng Klan nhất định phải bị tiêu diệt vì nhiều lẽ:

1. Trong chiến tranh, người da đen đã hiểu rằng họ là một lực lượng nếu họ đoàn kết lại; cho nên họ không để cho người khác tự do đánh đập, hoặc giết hại đồng bào của họ nữa. Họ chống lại mọi mưu toan hành hung của đảng *Klan*. Tháng 7-1919, ở Hoa Thịnh Đốn, họ đã đương đầu với đảng *Klan* và đám đông cuồng loạn, trong 4 ngày, cuộc chiến đấu sôi sục ở thủ đô. Tháng 8, họ đã đánh nhau trong 5 ngày với đảng *Klan* và đám đông ở Sicagô, 7 trung đoàn đã được huy động để lập lại trật tự. Tháng 9, Chính phủ đã buộc phải gửi quân đội Liên bang đến Ômaha để chấm dứt một trận đánh nhau tương tự như thế. Tại các xứ khác, người da đen cũng đã tự vệ không kém phần cương quyết.

2. Cũng như đảng *Klan* trước kia, vì những hành động thái quá, nên đảng *Klan* mới đã vấp phải dư luận của công chúng, đến nỗi những người ban đầu tán thành nó hoặc đi theo nó, nay cũng bắt đầu bỏ rơi nó. Những chuyện xô xát trong nội bộ, những việc quá xấu xa tồi tệ và những vụ gian lận về tài chính cuối cùng đã làm cho những người bàng quan nhất và dễ dãi nhất cũng phải đau lòng. Thượng nghị viện đã buộc phải cho truy tố đảng *Klan*. Ngay cả báo chí tư sản – như tờ *Thế giới Nữu Ước (New York World)*, tờ *Người bảo vệ thành phố Sicagô (Chicago Defender)*, v.v..., cũng công kích chúng.

3. "Lối Mỹ 100/100" và thái độ chống đối công nhân của chúng đã là n cho 20.000.000 giáo dân Mỹ, 3.000.000 người Do Thái, 20.000.000 ngoại kiều, 12.000.000 người da đen, tất cả những người Mỹ biết điều và toàn bộ giai cấp công nhân Mỹ, tập hợp lại phản đối chúng.

Tại Đại hội Liên hiệp người da đen vừa qua, người ta đã thông qua bản kiến nghị sau đây:

"Chúng tôi tuyên bố rằng đảng *Ku Klux Klan* là kẻ thù của loài người; chúng tôi tuyên bố quyết định đấu tranh với đảng đó đến cùng và kề vai sát cánh với tất cả những người lao động nước ngoài ở Mỹ cũng như với tất cả những người bị đảng đó hành hạ".

Mặt khác, việc di cư của người da đen miền Nam nông nghiệp

lên miền Bắc công nghiệp đã buộc những tên chủ đồn điền – bị nguy cơ phá sản vì thiếu nhân công – phải nới tay trong quan hệ đối xử với những người lao động da đen, và do đó, ngày càng phải luôn luôn lên án những phương pháp và những sự bạo ngược của tay sai của chúng là đảng *Klan*.

4. Sau hết đảng *Ku Klux Klan* mang tất cả những cái xấu của các tổ chức bảo thủ phản động, bí mật, mà lại không có được những cái hay của các tổ chức đó. Đảng đó có tính chất thần bí của hội Frăng Maxonnơri [1], có những nghi thức kỳ dị của công giáo, có cái tàn bạo của chủ nghĩa phát xít, có tính chất bất hợp pháp của 568 hiệp hội khác nhau; nhưng nó chẳng có học thuyết, chẳng có cương lĩnh, sức sống và kỷ luật gì.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 74, 1924, tr. 827 - 828. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 166.

CÔNG CUỘC "KHAI HÓA" GIẾT NGƯỜI

Người da trắng "khai hóa" những người da đen như thế nào – Một vài sự việc mà những sách giáo khoa về lịch sử không nói đến.

Nếu lối hành hình theo kiểu Lynsơ của những bọn người Mỹ hèn hạ đối với những người da đen là một hành động vô nhân đạo, thì tôi không còn biết gọi những người Âu nhân danh đi "khai hóa" mà giết hàng loạt những người dân châu Phi là cái gì nữa.

---

1. *Frăng Maxonnơri* (Franc Maçonnerie): một thứ hội kín, một thời gian được phổ biến khắp thế giới. Ban đầu là một tổ chức của những thợ nề, thành lập hồi thế kỷ VIII, đi xây dựng các nhà thờ và các lâu đài khác trong nhiều nước ở châu Âu. Hội có tính chất bí truyền nghề nghiệp và tương trợ. Sau mất tính chất nghề nghiệp, cả những người không phải thợ nề cũng vào, và cũng có cả những người hoạt động chính trị. Tuy nhiên họ vẫn giữ tính chất bí mật, và vẫn mang những biểu hiện dụng cụ nhà nghề như áo choàng, êke, v.v...

Từ ngày người da trắng đặt chân lên bờ biển lục địa của người da đen thì lục địa đó không lúc nào là không đẫm máu. Ở đó, những cuộc tàn sát hàng loạt được Giáo hội cầu phúc lành, được bọn vua chúa và nghị viện phê chuẩn một cách hợp pháp, được bọn buôn người da đen đủ mọi hạng - từ bọn buôn nô lệ xưa kia, cho đến bọn quan cai trị ngày nay ở thuộc địa – chăm chú thi hành.

Tông giáo.

Chính là để gieo rắc những ơn lành của đạo Thiên chúa, mà vào khoảng năm 1441, những tướng tá của Đức vua Tây Ban Nha rất ngoan đạo đã đổ bộ lên bờ biển châu Phi. Việc truyền đạo của họ bắt đầu bằng những cuộc tàn sát. Theo lời những cuốn nhật ký hành trình của họ, thì: "... Và cuối cùng, Đức vua (là người vẫn hằng thưởng công huân và những công cuộc làm rạng rỡ uy danh của Ngài), đã giúp cho những bầy tôi trung thành của Ngài chiến thắng được kẻ thù. Ngài đã ban danh vọng để đáp lại công lao của chúng ta, đã trả các khoản chi phí của chúng ta và nhờ Ngài, chúng ta đã bắt được 165 người vừa đàn ông, đàn bà và trẻ con *(chưa kể một số đông bị giết và bị thương...)*".

Những kẻ đi chinh phục [1] ngoan đạo đó đã tạo thành một thứ thói tục.

Trong bản kê những của cải tịch thu được của những người Giêduýt [2] ở Braxin, năm 1768, thì ngoài những cây thập tự cứu thế và những đồ thờ khác ra, còn có những con dấu bằng sắt dùng để đánh dấu lên mặt người nô lệ.

Trong một thời gian dài, các hội *Truyền bá đạo Thiên chúa* của người Anh đã lấy việc buôn nô lệ làm nguồn lợi cho việc thờ phụng truyền giáo của họ. Ngày 12-2-1835, Giáo hội độc lập của Giáo khu Nhà thờ Chúa [3] (Nam Carôlin) đã đăng báo quảng cáo rằng Giáo hội sắp đem bán một món hàng là 10 tên nô lệ đã quen việc trồng bông. Thật người ta có thể kể ra không biết bao nhiêu sự việc như thế.

Những giáo hội ở Bắc Mỹ đều là những kẻ thù kiên quyết chống việc xóa bỏ chế độ nô lệ.

---

1. Trong nguyên bản là chữ "conquistadors": chỉ bọn thực dân Tây Ban Nha hồi thế kỷ XV và thế kỷ XVI đã đi chinh phục Trung Mỹ và Nam Mỹ.

2. Nguyên chữ là "Les Jésuites": một dòng đạo Gia Tô, do Ignace de Loyola, người Tây Ban Nha, thành lập từ hồi năm 1534, tổ chức theo kiểu quân đội. Ngoài việc truyền giáo, dòng này còn có nhiều hành động rất phản động.

3. Nguyên chữ là "Christ Church".

Bọn vua chúa.

Từ Sáclơ Canh [1] cho đến Lêôpôn Đệ nhị, vua Bỉ, bà Nữ hoàng đức hạnh của nước Anh Êlidabét cho đến Napôlêông, tất cả cái bọn người ngồi trên ngai vàng ấy đều buôn bán người da đen. Tất cả bọn vua chúa đi kiếm thuộc địa đều đã ký những hiệp ước và đã cho phép độc quyền kinh doanh thịt người da đen.

"Ngày 27-8-1701, Đức vua Tây Ban Nha rất ngoan đạo và Đức vua Pháp rất ngoan đạo đã cho Công ty Hoàng gia ở Ghinê được độc quyền trong 10 năm chở những người da đen trong các thuộc địa châu Mỹ... để nhân đó mà cả bọn vua tôi đều kiếm được những món lời lớn...".

"Đức vua Anh nhận trách nhiệm đưa vào đất Mỹ thuộc Tây Ban Nha 144.000 người da đen, cả nam lẫn nữ, đủ các lứa tuổi, với giá tiền mỗi đầu người là 33 đồng êquy và 1/3 đồng...".

Bọn buôn người da đen.

Năm 1824, một chiếc tàu buôn người da đen vừa lấy những người da đen từ bờ biển châu Phi để đưa đi Ăngtiơ, thì bị một tuần dương hạm đuổi theo. Trong khi đuổi theo, người ta tưởng rằng chiếc tàu buôn người da đen đã vứt bỏ những thùng nước xuống cho nhẹ bớt để dễ chạy trốn. Nhưng khi đã cặp sát được chiếc tàu rồi, thì người ta nghe thấy tiếng rên rỉ trong một chiếc thùng để trên boong tàu; mở ra thấy hai người đàn bà da đen gần bị chết ngạt. Té ra chiếc tàu buôn người da đen đã nghĩ được cách đó để cho nhẹ bớt tàu.

Một chiếc tàu Anh cứu được một chiếc tàu buôn người da đen bị đắm. Người ta cứu cả những người da đen lẫn thủy thủ trên tàu. Nhưng đến khi thấy thiếu lương thực, người ta liền quyết định hy sinh những người da đen, người ta bắt họ sắp hàng trên boong tàu, rồi dùng hai khẩu súng lớn bắn họ một cách không thương xót gì cả.

Tình cảnh những người nô lệ.

Những người da đen bị bắt đều bị buộc cổ, buộc tay, buộc chân với nhau, thành từng đôi một. Rồi người ta lại dùng một cái xích dài buộc thành từng chuỗi 20 hay 30 người một. Trói như thế rồi, người ta dong họ ra tận bến tàu. Người ta nhét họ chồng chất vào trong hầm tàu chật chội, tối om và nghẹt thở. Để "bảo đảm vệ sinh", người

---

1. *Sáclơ Canh* (Charles Quint) tức Sáclơ Đệ ngũ (1500 - 1558): Hoàng đế Tây Ban Nha, có tham vọng làm bá chủ thế giới, đã gây nhiều cuộc chiến tranh với Pháp, Đức, Phổ, Tuynidi, Angiêri, v.v...

ta dùng roi quất họ tới tấp như mưa để bắt họ phải nhảy nháo lên mỗi ngày một vài lần. Để hòng được rộng chỗ, thường thường là đàn ông bóp cổ lẫn nhau, và đàn bà dùng đinh đâm thủng trán chị bên cạnh. Những người ốm bị coi là hàng hóa hỏng không bán được, bị quăng xuống biển. Khi biển động, người ta ném người da đen xuống biển để cho nhẹ tàu. Nói chung khi tàu cập bến thì một phần tư chuyến hàng da đen đã chết gục vì bệnh truyền nhiễm hay chết ngạt. Những người nô lệ còn sống sót bị đem đóng dấu và đánh dấu bằng sắt nung đỏ như súc vật vậy, người ta đếm họ bằng tấn, bằng "kiện" chứ không phải bằng đầu người... Thí dụ như Công ty Bồ Đào Nha ở Ghinê, năm 1700 đã ký một hợp đồng là sẽ cung cấp 11.000 "tấn" người da đen.

Hơn 15 triệu người da đen đã bị chở sang Mỹ trong những điều kiện như vậy: độ 3 triệu đã chết dọc đường hay bị ném xuống biển. Còn những kẻ vì chống cự hay nổi loạn mà bị giết thì không kể... Lối buôn bán nhơ nhuốc đó chấm dứt vào khoảng năm 1850 để nhường chỗ cho một hình thức nô lệ khác phổ biến hơn là: chế độ thực dân.

Chế độ thực dân.

Những hiện tượng tàn khốc mà chúng tôi sắp kể ra đây, nếu không phải là đã được chứng minh bằng những tài liệu không thể chối cãi được, nếu không phải chính những người Âu kể lại, thì người ta khó mà tin được.

Một nhà buôn ở Mađagátxca thấy trong két bạc của hắn có bị mất trộm, đã dùng điện tra tấn nhiều người bản xứ làm cho hắn mà hắn ngờ là đã lấy trộm. Sau đó ít lâu, người ta phát hiện ra rằng chính con hắn đã lấy.

Một viên quan cai trị thuộc địa đã bắt một chị người da đen đội một hòn đá lớn đứng suốt ngày ngoài nắng chang chang. Rồi hắn sai đem trói chị lại và đổ cao su nóng bỏng vào bộ phận sinh dục của chị.

Một tên thực dân nọ nổi giận vì không thể bắt hai người bản xứ của hắn làm không công, đã đem trói hai người đó vào cọc, giội dầu hỏa lên và thiêu sống.

Những tên thực dân khác đem nhét mìn vào mồm hay hậu môn những người da đen và đốt cho nổ.

Một tên viên chức kia đã khoe là một mình hắn đã giết 150 người bản xứ, chặt 60 bàn tay, đóng lên cây thập tự rất nhiều đàn bà

và trẻ con, và treo rất nhiều xác người đã bị vầm lên tường các làng mà hắn được trao cho cai trị. Một công ty khai khẩn đồn điền nọ đã làm chết 4.500 người lao động bản xứ tại riêng đồn điền của nó.

Trường hợp ngoại lệ, cá biệt ư? Không phải. Đó là tục lệ của họ, nhưng chúng ta hãy kể một tội ác giết người hàng loạt mà người ta không thể đổ tại bản tính dã man của một vài cá nhân nào cả, nhưng là những tội ác mà toàn bộ chế độ phải chịu trách nhiệm trước lịch sử.

Một nhà văn Pháp kể lại rằng: "Trong xứ Angiêri của chúng ta ở sát bãi sa mạc, tôi đã thấy như sau: Một hôm, binh lính bắt những người Ả Rập chẳng mắc tội tình gì ngoài cái tội đã trốn tránh sự tàn bạo của những kẻ đã chinh phục họ. Viên quan năm ra lệnh đem giết ngay không cần điều tra, xét xử gì cả. Và đây là điều đã xảy ra... Họ bị bắt tất cả là 30 người. Người ta đào 30 cái hố ở bãi cát rồi đem chôn họ xuống đến cổ, trần truồng, đầu cạo trọc, giữa trời nắng giữa trưa. Để giữ cho họ không chết ngay, thỉnh thoảng người ta lại đem nước tưới như tưới bắp cải... Nửa giờ sau, mi mắt họ sưng húp lên, con mắt lòi ra. Lưỡi sưng vù lên đầy cả cái miệng mở há hốc trông thật khủng khiếp... rồi da nứt ra, trán thì vàng lên như thịt lợn quay...".

Một bộ tộc ở Băngghi không thể cung cấp được đủ số cao su cho đồn điền. Đồn điền này bắt họ phải nộp cho đủ chỗ thiếu, liền bắt 58 phụ nữ và 10 trẻ em giữ làm con tin. Những con tin này bị nhốt vào chỗ thiếu không khí, thiếu ánh sáng, thiếu ăn và ngay cả nước uống cũng thiếu nữa. Thỉnh thoảng người ta lại đến đánh đập họ. Theo bọn thực dân nói thì tiếng kêu la của họ dùng để thôi thúc công việc. Sau ba tuần chịu đau đớn khốc liệt, 58 phụ nữ và 2 trẻ em chết.

Năm đó, hạn hán, mùa màng mất cả. Toàn vùng đó ở châu Phi bị khốn khổ. Người ta phải ăn cỏ và rễ cây. Các cụ già chết vì đói lả. Thế mà Chính phủ khai hóa vẫn cứ bắt phải nộp thuế. Những người dân đang bị hạn hán bỏ lại cho Chính phủ ruộng đất, vườn tược, nhà cửa và trốn vào núi. Viên quan cai trị đưa chó săn và lính vào truy nã tìm thấy họ trong một cái hang. Người ta bèn hun cho họ chết.

Năm 1895, người Anh đã tàn sát 3.000 người Matabêlê [1] nổi loạn đã ra đầu hàng họ.

Từ 1901 đến 1906, người Đức ít ra cũng tàn sát đến 15.000 dân Hererô ở Tây Phi.

---

1. Nguyên chữ là "Matabélés", tên gọi chung những bộ lạc thuộc giống người Cafres ở miền Đông Nam châu Phi, giữa hai con sông Limpo và Zambèze.

Năm 1911, người Ý, trong có 3 ngày mà đã biến ngoại ô Masiya thành lò sát sinh: 4.000 người bản xứ bị giết ở đó.

Những cuộc tàn sát đại qui mô đó được nêu lên thành nguyên tắc chính trị. Đó là chính sách giết sạch. Một Chính phủ ở Cáp đã tuyên bố: "Nếu người bản xứ mà đi vào con đường không tuân lệnh và nổi loạn thì họ sẽ bị thẳng tay quét sạch khỏi nước họ, và sẽ có những dân tộc khác đến thay thế họ".

Ngày nay, 10 năm sau cuộc chiến tranh đòi "quyền dân tộc tự quyết", thì người Tây Ban Nha và người Pháp vẫn tiếp tục cuộc xâm chiếm đẫm máu nước Marốc dưới con mắt bao che của những kẻ tai to mặt lớn ở Hội Quốc liên.

Lịch sử việc người Âu xâm chiếm châu Phi – cũng như bất cứ lịch sử xâm chiếm thuộc địa nào – thì từ đầu đến cuối đều được viết bằng máu những người bản xứ.

Sau những cuộc tàn sát thẳng tay, thì chính những chế độ lao dịch khuân vác, lao động khổ sai, rượu cồn, bệnh giang mai tiếp tục hoàn thành công cuộc tàn phá của sự nghiệp "khai hóa". Kết quả tất nhiên của chế độ ghê tởm đó là sự tiêu diệt giống da đen.

Kể ra thì, thêm vào những sự việc đó một vài con số, cũng tốt, nhưng cũng thật là đau đớn. Người ta sẽ thấy rằng một vài tên thực dân giàu có lên nhanh chóng thì cũng đúng vào lúc dân số những miền bị bóc lột giảm bớt đi không phải là không nhanh chóng. Từ 1783 đến 1793, Công ty Livécpôn đã kiếm được chừng 1.117.700 đồng bảng bằng cách buôn bán nô lệ. Cũng trong thời gian đó, dân số trong vùng Công ty đó đặt chân đến đã mất đi 304.000 người. Trong 9 năm, vua Lêôpôn Đệ nhị đã bóc lột xứ Cônggô được 3.179.120 đồng bảng. Năm 1908, dân số xứ Cônggô thuộc Bỉ là 20 triệu, đến năm 1911 chỉ còn có 8.500.000 thôi. Trong xứ Cônggô thuộc Pháp, những bộ tộc gồm có 40.000 người mà trong 2 năm chỉ còn lại có 20.000 người, nhiều bộ tộc khác không còn lấy một người.

Năm 1904, dân số Hôtentô là 20.000 người, chỉ trong 7 năm bị đô hộ, còn lại có 9.700 người.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 69, 1924, tr. 753.
Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 149.

THỐNG CHẾ LIÔTÂY [1] VÀ BẢN TUYÊN NGÔN NHÂN QUYỀN

Thủ hiến xứ Marốc cho bản đại hiến chương của giai cấp tư sản Pháp là có tính chất phá hoại và nguy hiểm.

Hội Nhân quyền và Công dân quyền (từ năm 1924...) đã có cái chủ trương khờ dại là cho niêm yết tại các trường học và công sở xứ Marốc thuộc Pháp bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Công dân quyền năm 1789. Thống chế Liôtây – người có trọng trách giữ vững Nhân quyền và Công dân quyền tại Marốc – đã cấm ngặt việc niêm yết bản Tuyên ngôn quá nguy hại đó. Không may cho người Marốc và may thay cho những người Pháp cách đấy 135 năm, là vị Thống chế vinh quang của chúng ta sinh ra khoảng 75 hay 80 năm sau cuộc đại cách mạng, chứ không thì... Nhưng thôi, không đùa nữa, chúng ta hãy nói thẳng vào việc.

Trong bức thư của Thống chế gửi cho Thủ tướng Nội các, Thống chế cắt nghĩa lệnh cấm đó như sau:

Trong lúc này và trong nhiều năm về sau nữa, đối với dân bản xứ, nước Pháp có một nhiệm vụ trước nhất phải làm tròn là: dạy cho họ biết giữ bổn phận của mình, chỉ khi nào họ hiểu bổn phận của họ thì mới có thể nói đến việc ban bố cho họ những quyền lợi mà hoàn cảnh xã hội và trình độ hiểu biết của họ có thể cho phép họ được hưởng.

Trong lúc này, không thể [2] đưa ra cho những kẻ mà chúng ta đang bảo hộ, các quyền lợi được thi hành ở Pháp cho công dân Pháp, nhất là điểm: "Nguyên tắc chủ quyền là ở trong quốc dân, và luật pháp là biểu hiện của ý chí"...

Vậy niêm yết những nguyên tắc đó ở các chỗ công cộng là rất nguy hiểm.

Bất đắc dĩ lắm, ta chỉ có thể làm thỏa mãn được Hội Nhân quyền

---

1. Xem chú thích 1 trong bài *Đội quân chống cách mạng*, tr. 141.

2. Nguyên chú của đồng chí Nguyễn Ái Quốc: *Do tôi gạch dưới - N.A.Q.*

trong những trụ sở chỉ riêng có người Pháp lui tới mà thôi; nhưng trên thực tế, ở Marốc hiện không có những trụ sở như thế v.v...".

Mặc cho Liôtây cứ coi việc bản Tuyên ngôn đã đưa lại sự tự hào cho nền Cộng hòa của ông ta và vinh dự cho cha ông của ông ta, như một mảnh giấy lộn tồi tàn; mặc cho ông ta cứ việc ngạo nghễ khinh thường một tổ chức có tiếng tăm của nền dân chủ tư sản và của những nguyên lý lớn thời Cách mạng 89 - 93, chúng ta cũng cóc c...ần, và nhân dân Marốc cũng vậy. Nhưng chúng ta phải nhắc lại cho anh em xứ Marốc chúng ta điều này:

Trong cuộc chiến tranh vì "công lý"- không phải công lý cho Con người và cho Công dân, mà công lý cho bọn Diều hâu và Cá mập – thì trong số 53.000 người Marốc đã làm "bổn phận của họ" (40.000 người làm lao động và 13.000 làm lính), có 10.000 người đã làm tròn bổn phận mình đến nỗi đã bỏ xương trên các bãi chiến trường. Có những người Marốc khác cũng đã làm "bổn phận" mình bằng cách cung cấp cho "nước mẹ" đang lâm chiến hàng vạn tấn hàng hóa, hàng trăm triệu frăng trong các cuộc công trái bắt buộc được gọi là công trái "Chiến thắng", và cho các cuộc lạc quyên bắt buộc, để giúp các vùng bị quân "Bốtsơ [1] dã man" xâm chiếm, đã làm trong thời kỳ 1914 – 1918 đúng những điều mà người Pháp "văn minh" đã làm cách đây 20 năm ở Marốc và hiện đang làm hằng ngày ở đó. Để đền đáp lại những bom đạn và những "công ơn" của nước "bảo hộ", nông dân Marốc trong khoảng mười lăm năm đã phải "nhường lại" hàng chục vạn hécta ruộng đất tốt nhất của mình, còn mình thì lên núi với những cao nguyên trơ trụi để chết đói. Vì nền "thái bình thịnh trị của nước Pháp", họ phải đóng sưu thuế nặng nề cứ hằng năm lại tăng lên. Thuế má từ chỗ 109.449.000 frăng hồi năm 1918, năm 1922 đã lên tới 171.953.000. Trong số mấy trăm triệu thuế do người Marốc đã đổ mồ hôi ra đóng đó, thì 96.000.000, nghĩa là một phần ba, dùng để nuôi béo những người như Liôtây và đồng bọn (chỉ riêng những khoản chi phí cho phủ Toàn quyền cũng đã lên đến 25.000.000 frăng).

Thế là người Marốc đã làm tròn "bổn phận" của mình, bổn phận người nô lệ. Nhưng để xứng đáng với quyền Con người và quyền Công dân, họ còn phải làm bổn phận của họ là những Con người và những Công dân nữa, nghĩa là phải tổ chức nhau lại và đấu tranh để giành

1. Nguyên chữ là "Boches", tiếng Pháp, dùng để chỉ người Đức, có ý khinh bỉ.

lấy các quyền đó, như người Pháp từng làm hồi 1789 và như giai cấp cách mạng vô sản ngày nay đang làm. Bổn phận đó, những anh em chúng ta ở Marốc chưa hiểu. Cho nên Liôtây đã có lý lẽ để cho rằng, rượu cồn, thuốc phiện và nhà thổ (những tiệm rượu và nhà thổ ở Marốc cứ 5 năm lại tăng lên 280%) có giá trị "khai hóa" nhiều hơn và có ích cho sự nghiệp thực dân nhiều hơn là bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Công dân quyền nhạt nhẽo vậy.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 71, 1924, tr. 783. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 157.

CHỦ NGHĨA THỰC DÂN BỊ LÊN ÁN

Kinh nghiệm ở châu Phi Xích đạo thuộc Pháp.

Chế độ thực dân Pháp đã "thu được"... nhiều thất bại. Không phải chỉ có chúng tôi mới nhận thấy như thế. Nhân một cuộc thất bại đặc biệt thảm hại, tờ *Thời báo* ngày 24-9 đã viết:

"Thật vậy, ai cũng biết rằng tình hình châu Phi Xích đạo của chúng ta không phải là đúng như chúng ta đã hy vọng chút nào cả, khi mà... lá cờ của nước Pháp phất phới trên những vùng rộng bao la mà chúng ta đã chiếm đoạt được chứ không phải là thu phục được cho nước Cộng hòa. Không phóng đại và cũng không cường điệu gì cả, ta có thể nói rằng... châu Phi Xích đạo hiện nay đang ở vào tình trạng thật sự là thụt lùi. Việc khai thác miền đó thật là thô sơ, công cụ ở đó hình như không có gì cả. Hiện nay, ngân sách thiếu hụt của miền đó chỉ thăng bằng được là nhờ Chính phủ trợ cấp. Cuối cùng – và nghiêm trọng hơn nữa – là *dân cư miền đó mòn mỏi đi và chết dần*, yếu tố dân số mà sự duy trì, sự cải thiện và tăng lên là cơ sở cho mọi sự nghiệp, *đang đi đến chỗ tiêu diệt*" (do chúng tôi viết ngả).

Và sau đó tờ *Thời báo* còn viết:

"Hơn nữa, chúng ta còn phạm nhiều sai lầm; nói dài dòng về những sai lầm này cũng vô ích, bây giờ không phải lúc ngồi hối tiếc một cách vô bổ về quá khứ, phải chuẩn bị cho một tương lai tốt đẹp hơn. Hành động của chúng ta ở châu Phi Xích đạo đã bị tê liệt hay chệch hướng ngay từ đầu, vì những sai lầm về nguyên tắc... đến nay cũng vẫn còn tác hại một cách ghê gớm; ngoài ra hoạt động của chúng ta còn mang hậu quả tai hại của những sai lầm về phương pháp cần phải gấp rút sửa chữa".

Những sai lầm và khuyết điểm mà tờ *Thời báo* than phiền về những hậu quả tai hại mà không nêu ra những sự việc, là những sai lầm và những khuyết điểm nào? Đó là việc tước đoạt những người bản xứ, đó là việc bắt phu khuân vác, là chế độ lao dịch, đó là thuế khóa nặng nề, là việc tuyển mộ công chức và binh lính, là việc bắt con tin, là những sự tàn ác đối với nhân dân, đó là tất cả cái chế độ cướp bóc, giết chóc đáng ghê tởm đã làm cho thuộc địa này đi đến tình trạng thê thảm hiện nay.

Cách đây hơn 20 năm, ông Ôguyxtơ Sơvaliê, sau khi mô tả chế độ dã man của thực dân, đã tiên đoán như sau:

"Nếu người ta cứ tiếp tục làm như thế mãi, nếu người ta không ngừng việc đốt phá các làng mạc, thì chẳng bao lâu... hai bờ sông Cônggô cũng như những vùng Ubanghi và Xanga sẽ hoàn toàn không còn một bóng người... Nếu người ta cứ tiếp tục làm như thế mãi thì sau đây nửa thế kỷ, tất cả những giống người cần cù đó sẽ bị tiêu diệt hết..."

Những cuộc tranh cãi trong Nghị viện năm 1906 đã để lộ rằng một tờ thông tri của một công ty khai khẩn đồn điền đã viết: "Không được quên rằng các nhân viên của chúng ta phải đóng vai trò như là những tên kẻ cướp". Và một viên Toàn quyền đã viết cho các công chức dưới quyền y như sau: "Tôi nói thực với các ông rằng, khi đề nghị thăng thưởng các ông, tôi đặc biệt căn cứ vào số thuế thu được của người bản xứ, điều mà các ông phải luôn luôn chú ý".

Những dòng sau đây trích trong một cuốn sổ chứng tỏ rằng những lệnh đó đã được chấp hành từng ly từng tý:

"Hành quân càn quét làng Côlôvô.

Càn quét dân Phan vùng thượng Cunô: đốt làng, phá vườn trại.

Càn quét dân Bêcani: lại đốt làng, phá hủy 3.000 cây chuối (thức ăn dự trữ duy nhất).

Càn quét làng Cua: đốt làng phá trụi vườn trại.

Càn quét Ancun, bắn phá làng, rồi phá trụi làng cùng vườn trại.

Càn quét dân Examphami: phá sạch làng mạc.

Vùng Bôma: giết và đốt phá".

Hợp pháp việc cướp, tiêu diệt triệt để dân cư, phá trụi một cách có tổ chức làng mạc, phương pháp là như thế đó.

Mười sáu năm sau, những hành động bỉ ổi như thế lại được người ta nêu ra trước Nghị viện Pháp.

Tháng 12-1921, Nghị sĩ da đen Boanớp đã nói trong một bài diễn văn cảm động như sau:

"Dân số bị lụi đi vì bệnh tật, và nhất là vì chế độ mà họ phải chịu đựng từ khi bị chiếm đóng... Chế độ bắt phu khuân vác, sự bóc lột nặng nề của các Công ty khai khẩn đồn điền đã giết những người bản xứ...".

Ngày 22-10-1921, quyền Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã ra một sắc lệnh quy định rằng một công nhân bản xứ đã được trả công để làm một công việc nào đó mà không làm tròn thì có thể bị bắt giam và truy tố về tội lừa đảo.

Ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, đã phải thú nhận rằng dân cư khốn khổ của thuộc địa đã sắp diệt vong. Ông đã ra sức gán cho tình trạng dân cư bị diệt vong dần đi đó, là do thiếu vệ sinh, và ông viết:

"Việc săn sóc vụng về và bẩn thỉu đối với phụ nữ khi sinh nở... làm cho họ không sinh đẻ nữa; còn trẻ con lúc sơ sinh không được chăm nom chu đáo nên đã chết nhiều... Trong số dân bản xứ đã bị bệnh ngủ làm cho chết mòn dần đi, thì bệnh cúm lại còn sát hại thêm hàng vạn người nữa...".

Để sửa chữa tình trạng đó, người ta đã làm được những gì? Người ta đã xây dựng được một nhà thương độc nhất với 70 giường ở Bradavilơ, thủ đô của thuộc địa! Thế mà với các dân cư đang đi đến chỗ diệt vong đó, trong chiến tranh người ta lại còn tìm được cách lấy đi 48.000 người – tất nhiên là những người lành mạnh nhất và vạm vỡ nhất – để làm mồi cho đại bác, 313.000 frăng tiền cưỡng bức lạc quyên để cứu giúp các miền bị tàn phá ở Pháp, 7.323.000 tiền công trái cưỡng bức, 53.000 tấn hàng hóa, đấy là chưa kể không biết bao nhiêu là ngày đi phu để chuyên chở những đồ đã trưng thu.

Đó là những "sai lầm về nguyên tắc" đã biến thuộc địa trước kia thịnh vượng và dân cư đông đúc thành bãi sa mạc. Tuy những tài liệu này là những tài liệu chính thức, nhưng chúng tôi không tin rằng nó đã làm cho bạn đọc dễ tính của *Thời báo* thấy rõ được sự thật.

Chú thích: [1]

CHÂU PHI XÍCH ĐẠO THUỘC PHÁP (Bradavilơ, Librơvilơ, Banghi, Phorơ Lannuy) rộng bằng bốn lần nước Pháp và chạy dài từ cửa sông Cônggô đến xứ Tơripôliten. Dân số (theo điều tra năm 1921) là 2.850.868 người, trong số đó có 1932 người Âu. Ngót hai nghìn kẻ bóc lột để bòn rút một nước gần 3 triệu người da đen và có nhiều của cải thiên nhiên. Sản xuất chủ yếu: cao su, gỗ, ngà voi, dầu thốt nốt, nhân thốt nốt, dừa, cà phê. Năm 1921, chỉ riêng xuất khẩu cao su không thôi cũng được gần 14 triệu frăng. Để trao đổi lại số của cải ấy, cũng năm đó, nước Pháp cũng nhập khẩu vào thuộc địa đó 1.698.787 frăng lương thực, 1.732.336 frăng rượu vang và rượu mạnh, 1.394.500 frăng vải vóc, 826.000 frăng vật liệu và thiết bị. Độc giả hãy thử so sánh những của cải mà nước người da đen dân số đang thưa dần đi đó đã xuất khẩu, với những cái mà nước đó ngược lại đã nhận được: rượu thì hai lần nhiều hơn thiết bị, còn kể về số lượng buôn bán thì rượu vang và rượu mạnh đứng hàng đầu! Dân số bị làm mồi cho công cuộc "khai hóa"– nhất là bằng rượu mạnh – đang bị diệt vong. Ngược lại, cao su và gỗ xuất khẩu thì cứ làm giàu cho một vài người kinh doanh ở chính quốc; nhưng để bù vào chỗ hụt trong ngân sách của cái Chính phủ thuộc địa vừa siêng năng vừa tội lỗi ấy, nhân dân Pháp hằng năm đã phải nai lưng ra đóng thuế. Năm 1923, Chính phủ Pháp phải trợ cấp 8 triệu frăng cho châu Phi Xích đạo thuộc Pháp, ngoài ra lại còn phải lấy ở quỹ dự trữ ra 2.905.866 frăng để phụ cấp thêm.

Trong cái thuộc địa rộng bao la đó, gần 3 triệu dân, chỉ có ngót 8.000 trẻ em được học ở trường thường [2] hay trường của Nhà chung.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 73, 1924, tr. 811. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 161.

1. (Nguyên chú của đồng chí Nguyễn Ái Quốc).

2. Nguyên văn là "enseignement laïc", có nghĩa là nền giáo dục thế tục (phi tông giáo).

BÁO CÁO GỬI ĐOÀN CHỦ TỊCH QUỐC TẾ CỘNG SẢN

(Trích)

TIỂU DẪN. – Sau khi ở lại Liên Xô một thời gian để nghiên cứu chế độ Xô viết và kinh nghiệm xây dựng Đảng theo học thuyết của Lênin, đồng chí Nguyễn Ái Quốc về đến Quảng Châu (Trung Quốc) vào cuối năm 1924. Ở đây, Người lấy tên là Lý Thụy. Sự kiện lịch sử đánh dấu cái mốc giữa hai thời kỳ của cách mạng Việt Nam là cuộc tiếp xúc giữa hai lãnh tụ của hai giai đoạn cách mạng: Nguyễn Ái Quốc và Phan Bội Châu, người yêu nước được nói đến trong *Báo cáo gửi Đoàn chủ tịch Quốc tế Cộng sản,* in dưới đây.

Phan Bội Châu (1867 - 1940) chịu ảnh hưởng của phong trào Cần vương từ nhỏ, sớm có nhiệt tình yêu nước, nhưng đến năm 1900, sau khi đậu Giải nguyên và cụ thân sinh mất, mới có điều kiện tham gia cách mạng. Tháng 5-1904, ông thành lập Duy Tân hội; năm 1904 ông xuất dương. Ông là lãnh tụ của phong trào Đông du (1905 - 1909), linh hồn của các phong trào đấu tranh yêu nước đầu thế kỷ. Hơn hai mươi năm bôn ba cứu nước, năm 1925, ông bị giặc Pháp bắt cóc từ Trung Quốc giải về nước, và bị giam lỏng ở Huế từ đó cho đến khi mất (29-10-1940).

Cuộc chuyển giao vai trò lãnh đạo cách mạng từ nhà yêu nước theo chủ nghĩa dân tộc Phan Bội Châu sang nhà yêu nước theo chủ nghĩa cộng sản Nguyễn Ái Quốc là một sự chuyển giao tuyệt đẹp, hiếm có trong lịch sử cách mạng các nước. Nó không những phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử, mà nó còn diễn ra trong sự tự nguyện tự giác hoàn toàn, trên tinh thần đặt lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc lên trên hết, trước hết.

Các đồng chí thân mến!

Tôi đã đến Quảng Châu giữa tháng 12 [1]. Tôi có gặp tại đây vài người cách mạng yêu nước Việt Nam, trong đó có một người đã bỏ nước ra đi từ hơn 20 năm nay, trong thời gian đó ông đã tổ chức nhiều cuộc nổi dậy chống người Pháp. Tất cả những cuộc nổi dậy đó đã đưa đến kết quả là giết được vài sĩ quan và lính Pháp, lấy được vài khẩu súng, và... ông phải chạy trốn, không có sự giúp đỡ và viện trợ.

1. Tháng 12-1924.

Mục đích duy nhất của con người ấy là trả thù cho dân tộc mình, cho gia đình mình đã bị người Pháp tàn sát. Ông không biết chính trị, và lại càng không biết tổ chức quần chúng. Trong những cuộc nói chuyện, tôi đã nói cho ông rõ sự cần thiết phải tổ chức một cái gì, và sự vô ích của những hoạt động không cơ sở như thế. Ông đã nghe theo. Và đây là những điều mà chúng tôi bắt đầu cùng làm chung với nhau:

A. Tôi đã vạch ra một kế hoạch tổ chức mà bản sao có đính theo đây.

B. Sau khi tán thành kế hoạch đó, ông giới thiệu cho tôi một danh sách gồm mười người Việt Nam đã từng tham gia các hoạt động của ông.

C. Tôi chọn năm người trong số đó, quê ở năm tỉnh khác nhau. Chúng tôi sẽ phái một người Việt Nam về nước đem họ đến Quảng Châu. Tôi sẽ huấn luyện cho họ về phương pháp tổ chức. Sau ba tháng huấn luyện, chúng tôi sẽ cho họ trở về Đông Dương hoạt động; và chúng tôi sẽ đưa một toán khác sang. Hiện nay đó là cách duy nhất...

Quảng Châu, ngày 18-12-1924
NGUYỄN ÁI QUỐC

Tư liệu và bản dịch: Hồng Chương.

BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

TIỂU DẪN. – Bản án chế độ thực dân Pháp (Le Procès de la Colonisation Française) là tác phẩm của đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Pháp. Đó là sản phẩm tổng hòa của tất cả các tri thức về chính trị, kinh tế, triết học, xã hội, lịch sử, văn học và kinh nghiệm thực tiễn của Người, sau hơn mười năm trời học tập, rèn luyện và đấu tranh cách mạng trong phong trào công nhân quốc tế và "không có một phút nào quên Tổ quốc mình đang bị giày xéo và đồng bào mình đang bị áp bức" (Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 37). Dựa vào các bài báo đã được viết từ trước, với những điều mắt thấy tai nghe ở các nước thuộc địa và những tài liệu sưu tầm được trong những sách của người Pháp viết để ở Thư viện Quốc gia Pháp, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã khởi thảo tác phẩm này từ đầu năm 1920. Sau đó, một số bè bạn của Người đã cho xuất bản thành sách lần đầu tiên bằng tiếng Pháp tại Thư quán lao động (Librairie du Travail), Pari, năm 1925. (Xem *Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập I, do Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương biên soạn, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 89).

Bản án chế độ thực dân Pháp gồm 12 chương (trong đó có một số bài đã được đăng trên báo *Người cùng khổ*); ngoài ra còn có phần phụ lục *Gửi thanh niên Việt Nam (À la jeunesse Annamite)* in ở cuối sách.

Năm 1946, tác phẩm này đã được xuất bản bằng tiếng Pháp, ở Việt Nam, tại Hà Nội (Việt Nam quốc gia ấn thư cục, 1946). Năm 1960, Nhà xuất bản Sự thật đã xuất bản bằng tiếng Việt lần thứ nhất; và đã in trong *Hồ Chí Minh – Tuyển tập,* 1960. Năm 1975, Nhà xuất bản Sự thật xuất bản lần thứ hai tác phẩm này bằng tiếng Việt nhân dịp kỷ niệm lần thứ 85 ngày sinh của Hồ Chủ tịch và cũng là năm kỷ niệm lần thứ 50 năm ra đời của tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*. Bản in năm 1975 căn cứ vào bản tiếng Pháp xuất bản tại Pari năm 1925 lưu trữ tại Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, có đối chiếu với bản tiếng Pháp xuất bản ở Hà Nội năm 1946 và các bản tiếng Việt in trước đó. Năm 1976, do yêu cầu của đông đảo bạn đọc, Nhà xuất bản Sự thật xuất bản lần thứ ba tác phẩm này (bằng tiếng Việt, theo bản dịch lần xuất bản thứ hai, 1975).

"Với lối văn giản dị, trong sáng, bằng những lời lẽ đanh thép và châm biếm sâu sắc, tác phẩm *(Bản án chế độ thực dân Pháp)* của Người đã lên án chế độ thực dân nói chung và chế độ thực dân Pháp nói riêng trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Với những bằng chứng cụ thể, tác phẩm của Người đã vạch trần chủ nghĩa đế quốc là nguồn gốc của mọi sự áp

bức và bóc lột, giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước thuộc địa ngày càng khổ cực và bị tàn sát rất dã man. *Bản án chế độ thực dân Pháp* là một đòn tấn công quyết liệt vào chủ nghĩa đế quốc và bước đầu vạch ra con đường đấu tranh cách mạng đúng đắn cho nhân dân ta và các dân tộc bị áp bức khác. Tác phẩm ấy không những là một văn kiện lịch sử quý giá về lý luận và tư tưởng, đồng thời *còn có giá trị lớn về văn học* [1], cho nên dễ thấm sâu vào tư tưởng và tình cảm của người đọc" (*Chủ tịch Hồ Chí Minh – tiểu sử và sự nghiệp*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 30).

"Nội dung tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* của đồng chí Nguyễn Ái Quốc toát ra tinh thần cách mạng tiến công, tư tưởng cách mạng triệt để; đã kết hợp tinh thần yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Nó thể hiện sự phân tích chính xác kết hợp với tình cảm cách mạng nồng nhiệt, vừa có giá trị lớn về tư tưởng chính trị, *vừa có giá trị lớn về văn học*" [2] (*Những sự kiện lịch sử Đảng*, sách đã dẫn, tr. 93-94).

Thấm nhuần *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin, đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp* [3], một cống hiến quan trọng góp phần làm sáng tỏ thêm quan điểm của Lênin về chủ nghĩa đế quốc, góp phần làm phong phú chủ nghĩa Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.

Tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp* nổi tiếng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã "góp phần vào việc truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin ở các nước thuộc địa của Pháp. Nó là sự chuẩn bị bước đầu về chính trị và tư tưởng của Người để tiến tới thành lập một Đảng Cộng sản ở nước ta" (*Những sự kiện lịch sử Đảng*, sách đã dẫn, tr. 93-94).

"*Bản án chế độ thực dân Pháp* là một tác phẩm vốn có giá trị lớn về nội dung. Nhưng giá trị ấy lại càng nổi bật lên với một nghệ thuật biểu hiện sắc sảo... Hình thức biểu hiện của tác phẩm, về mọi mặt, từ cách diễn tả, cách sử dụng ngôn ngữ, cách chọn lọc những chi tiết, những hiện tượng, cách sử dụng các yếu tố của nghệ thuật châm biếm, đến cách bố cục từng chương, mục và toàn tác phẩm đều có những nét rất độc đáo. Trong các biện pháp nghệ thuật đó, nghệ thuật châm biếm là một biện pháp được sử dụng rất tài tình, tinh tế, sắc sảo.

Ngoài tư cách chủ yếu là một tác phẩm chính trị, *Bản án chế độ thực dân Pháp còn là tác phẩm có giá trị về nhiều mặt như văn học, ngôn ngữ,*

1, 2. Những đoạn in nghiêng này là do chúng tôi nhấn mạnh.

3. Bản sao báo cáo của một viên mật thám Pháp, đề ngày 16-10-1935, gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp, lưu trữ tại Bộ Thuộc địa Pháp cũ, còn cho biết hắn "được đọc trong" *Báo Mátxcơva* một tin báo rằng tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc nhan đề *Bản án chế độ thực dân Pháp* có thể sắp được quay thành phim ở Matxcơva dưới sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản (?)

lịch sử [1],v.v... cần được nghiên cứu, khai thác và giới thiệu một cách đầy đủ và nghiêm túc" (*Lời giới thiệu*, bản in lần thứ ba, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 17, 18).

Với tinh thần ấy, chúng tôi xin trích in gần như trọn bộ *Bản án chế độ thực dân Pháp* để bạn đọc, ngoài việc thấy được giá trị lớn về nhiều mặt và vị trí của tác phẩm nổi tiếng này trong toàn bộ trước tác của tác giả vĩ đại Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, còn lĩnh hội được qua đó những giá trị lớn về văn học. Bản in này dựa vào bản dịch in lần thứ ba của Nhà xuất bản Sự thật năm 1976.

Trong tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp*, có một số tư liệu đã được tác giả nhắc đến trong những truyện, ký và bài báo nổi tiếng của Người trước đó, nay được sử dụng lại, *dưới một hình thức khác*. Chúng tôi xin giữ nguyên những đoạn đó để bạn đọc cùng nghiên cứu, học tập.

1. Đoạn in nghiêng này là do chúng tôi nhấn mạnh.

Nguyên-Ai-Quôc

محاكمة الاستعمار الافرنسي

法國殖民事業中之審判行為

LE PROCÈS

de la

Colonisation Française

- Première Série -

Mœurs Coloniales

LIBRAIRIE DU TRAVAIL, Quai de Jemmapes, 96 - PARIS

Bìa cuốn Bản án chế độ thực dân Pháp *của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, xuất bản lần đầu tiên năm 1925 tại Pari.*
Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam.

Chương I

THUẾ MÁU

I. CHIẾN TRANH VÀ "NGƯỜI BẢN XỨ"

Trước năm 1914, họ chỉ là những tên da đen "hèn hạ", những tên Annamít "hèn hạ", giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc "chiến tranh vui tươi" [1] vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người "bạn hiền" của các quan cai trị phụ mẫu "nhân hậu", thậm chí của cả các quan toàn quyền lớn, toàn quyền bé nữa. Đùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cho cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lý tự do" [2]. Nhưng họ đã phải trả bằng một giá khá đắt cái vinh dự đột ngột ấy, vì để "bảo vệ" cho cái "công lý" và "tự do" mà chính họ không được hưởng một tí nào, họ đã phải đột ngột xa lìa vợ con, rời bỏ mảnh ruộng hoặc đàn cừu của họ, để vượt đại dương, đi phơi thây [3] trên các bãi chiến trường châu Âu. Trong lúc vượt biển, nhiều người bản xứ, sau khi được mời chứng kiến cảnh "kỳ diệu" của trò biểu diễn khoa học về phóng ngư lôi, đã được xuống tận đáy biển để "bảo vệ" tổ quốc của các loài thủy quái. Một số khác đã bỏ xác tại những miền hoang vu "thơ mộng" vùng Bancăng, lúc chết còn tự hỏi phải chăng "nước mẹ" muốn chiếm ngôi nguyên phi trong cung cấm vua Thổ, – chả thế sao lại đem nướng họ ở những miền xa xôi ấy? Một số khác nữa thì đã anh dũng đưa thân cho người ta tàn sát trên

---

1. *Cuộc "chiến tranh vui tươi"*: chỉ cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918). Tác giả dùng chữ "vui tươi" để mỉa mai một cách đau xót cuộc chiến tranh trong đó bọn tư bản đế quốc không hề bị đổ xương máu, mà đã dùng xương máu của người khác (nhân dân các nước, trong đó có nhân dân các thuộc địa) để mưu lợi cho chúng. Cuộc chiến tranh tất nhiên là đau khổ đối với nhân dân, nhưng lại có thể "vui tươi" với bọn đế quốc thắng trận.

2. Nguyên văn là "défenseur du droit et de la liberté". Nên dịch là "chiến sĩ bảo vệ chính nghĩa và tự do".

3. Nguyên văn là "pourrir", có nghĩa là "thối rữa". Vậy cũng có thể dịch là "mục xác" hoặc "mục xương".

bờ sông Mácnơ [1], hoặc trong bãi lầy miền Sămpanhơ [2], để lấy máu mình tưới những vòng nguyệt quế của các cấp chỉ huy và lấy xương mình chạm nên những chiếc gậy của các ngài Thống chế.

Cuối cùng, ở hậu phương, những người làm kiệt sức trong các xưởng thuốc súng ghê tởm, tuy không phải hít hơi ngạt của bọn "Bôsơ" [3], nhưng lại nhiễm phải những luồng khí độc đỏ ối của người Pháp; đằng nào cũng thế thôi, vì những kẻ khốn khổ ấy cũng đã khạc ra từng miếng phổi, chẳng khác gì đã hít phải hơi ngạt vậy.

Tổng cộng có bảy mươi vạn người bản xứ đã đặt chân lên đất Pháp; và trong số ấy, tám vạn người không bao giờ còn trông thấy mặt trời trên quê hương đất nước mình nữa.

II. CHẾ ĐỘ LÍNH TÌNH NGUYỆN

Một bạn đồng nghiệp nói với chúng tôi: dân lao khổ bản xứ ở Đông Dương từ bao đời nay bị bóp nặn bằng đủ mọi thứ thuế khóa, sưu sai, tạp dịch, bằng cưỡng bức phải mua rượu và thuốc phiện theo lệnh quan trên, từ 1915 - 1916 tới nay, lại còn phải chịu thêm cái vạ mộ lính nữa.

Những biến cố trong mấy năm gần đây là cái cớ để người ta tiến hành những cuộc lùng ráp lớn về nhân lực trên toàn cõi Đông Dương. Những người bị bắt đều bị nhốt vào trại lính với đủ thứ tên: lính khố đỏ, lính thợ chuyên nghiệp, lính thợ không chuyên nghiệp, v.v...

Theo ý kiến của tất cả các cơ quan có thẩm quyền không thiên vị được giao cho sử dụng ở châu Âu "vật liệu biết nói" châu Á, thì vật liệu này đã không đưa lại kết quả tương xứng với chi phí rất lớn về chuyên chở và bảo quản.

Sau nữa, việc săn bắt thứ "vật liệu biết nói" đó, mà lúc bấy giờ người ta gọi là "chế độ lính tình nguyện" (danh từ mỉa mai một cách

---

1. *Mácnơ* (Marne): chiến trường ở miền Bắc nước Pháp. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, trên chiến trường này đã diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quân Pháp và quân Đức.

2. *Sămpanhơ* (Champagne): chiến trường ở miền Bắc nước Pháp. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, trên chiến trường này đã diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quân Pháp và quân Đức.

3. *Bôsơ* (Boches): tiếng tục và có ý khinh bỉ, lúc đó người Pháp thường dùng để chỉ những cái gì thuộc về Đức: người Đức, đồ dùng của Đức, v.v...

ghê tởm) đã gây ra những vụ nhũng lạm hết sức trắng trợn.

Đây! Chế độ lính tình nguyện ấy được tiến hành như thế này: vị "chúa tỉnh" – mỗi viên Công sứ ở Đông Dương quả là một vị "chúa tỉnh" – ra lệnh cho bọn quan lại dưới quyền, trong một thời hạn nhất định phải nộp cho đủ một số người nhất định. Bằng cách nào, điều đó không quan trọng. Các quan cứ liệu mà xoay xở. Mà cái ngón xoay xở kiểu Đ [1] thì các tướng ấy thạo hết chỗ nói, nhất là xoay xở làm tiền.

Thoạt tiên, chúng tóm những người khỏe mạnh, nghèo khổ, những người này chỉ chịu chết thôi không còn kêu cứu vào đâu được. Sau đó, chúng mới đòi đến con cái nhà giàu. Những ai cứng cổ thì chúng tìm ngay ra dịp để sinh chuyện với họ hoặc với gia đình họ, và nếu cần, thì giam cổ họ lại, cho đến khi họ phải dứt khoát chọn lấy một trong hai con đường: "đi lính tình nguyện, hoặc xì tiền ra".

Những người bị tóm đi như thế còn hào hứng gì nữa với cái nghề cột vào cổ họ. Cho nên, bước chân vào trại lính là họ liền tìm mọi cơ hội để trốn thoát.

Còn những người nào thấy không thể thoát khỏi số phận hẩm hiu, thì tìm cách tự làm cho mình nhiễm phải những bệnh nặng nhất, mà thông thường hơn cả là bệnh đau mắt toét chảy mủ, gây ra bằng cách xát vào mắt nhiều thứ chất độc, từ vôi sống đến mủ bệnh lậu.

*

* *

Ấy thế mà trong một bản bố cáo với những người bị bắt lính, phủ Toàn quyền Đông Dương, sau khi hứa hẹn ban phẩm hàm cho những lính sẽ còn sống sót và truy tặng những người sẽ hy sinh "cho tổ quốc", đã trịnh trọng tuyên bố rằng:

"Các bạn đã *tấp nập* đầu quân, các bạn đã *không ngần ngại* rời bỏ quê hương xiết bao trìu mến để người thì hiến dâng xương máu của mình như lính khố đỏ, kẻ thì hiến dâng cánh tay lao động của mình như lính thợ".

Nếu quả thật người Việt Nam phấn khởi đi lính đến thế, tại sao lại có cảnh, tốp thì bị xích tay điệu về tỉnh lỵ, tốp thì trước khi xuống

---

1. *Kiểu Đ* (nguyên văn: le Système D): D, chữ đầu của từ "debrouillard" có nghĩa là xoay xở, tháo vát. D ở chữ Pháp đọc như chữ Đ của chữ quốc ngữ.

tàu, bị nhốt trong một trường trung học ở Sài Gòn, có lính Pháp canh gác, lưỡi lê tuốt trần, đạn lên nòng sẵn? Những cuộc biểu tình đổ máu ở Cao Miên, những vụ bạo động ở Sài Gòn, ở Biên Hòa và ở nhiều nơi khác nữa, phải chăng là những biểu hiện của lòng sốt sắng đầu quân "tấp nập" và "không ngần ngại" ?

Những vụ trốn đi lính và đào ngũ (tính ra có đến 50 phần trăm trong hàng ngũ quân dự bị) đều bị đàn áp không gớm tay, và những cuộc đàn áp lại gây ra những cuộc binh biến bị dìm trong biển máu.

Bản bố cáo của phủ Toàn quyền còn cẩn thận nhắc thêm rằng, tất nhiên muốn xứng đáng với "lòng tốt rõ rệt" và "độ lượng lớn lao" [1] của Chính phủ thì "các anh (binh lính Đông Dương) cần phải cư xử đúng đắn và không được làm một điều gì cho người ta phải phàn nàn cả".

Viên chỉ huy tối cao quân đội Đông Dương còn có một lối đề phòng khác: ông ta bắt thích vào lưng hoặc cổ tay của từng người lính mới mộ một con số không thể nào tẩy xóa được bằng một dung dịch nitơrát bạc.

Ở đây cũng giống như ở châu Âu, sự khốn khổ của những người này là nguồn lợi nhuận của những kẻ khác: nào là bọn đeo lon chuyên nghiệp may mắn vớ được công việc tuyển mộ và quản lý lính mới bản xứ, mà lánh xa được càng lâu càng tốt những cuộc giao chiến nguy hiểm ở châu Âu; nào là bọn chủ thầu lương thực làm giàu vùn vụt bằng cách bỏ đói những lính mộ khốn khổ; nào là bọn độc quyền tiếp liệu thông đồng với bọn quan chức gian lận, đầu cơ.

Về chuyện này, cần nói thêm là còn một loại chế độ tình nguyện khác nữa: tình nguyện mua công trái. Biện pháp tiến hành thì cũng như thế. Ai có máu mặt là phải bỏ tiền ra. Kẻ nào khó bảo thì người ta dùng cách dụ dỗ và cưỡng bách đến phải mua mới thôi.

Phần đông những người mua công trái ở Đông Dương không hiểu gì về thể thức tài chính cả; họ coi việc mua công trái cũng như đóng một thứ thuế mới, và coi các phiếu công trái không khác gì những biên lai nộp thuế.

*

* *

1. Nguyên văn là: "la visible bienveillance" et la "grande bonté" , nghĩa là "mối ưu ái rõ rệt" và "lòng hảo tâm lớn lao".

Bây giờ thử xem chế độ mộ lính tình nguyện đã được tổ chức ở các thuộc địa khác như thế nào.

Lấy Tây Phi làm thí dụ:

Ở đây, bọn chỉ huy quân đội kéo quân đến từng làng bắt bọn hào mục phải nộp *ngay lập tức* đầy đủ số người chúng muốn tuyển mộ. Để buộc những thanh niên Xênêgan bỏ trốn phải ra nhận đội mũ lính, chẳng phải một viên chỉ huy đã tra tấn, hành hạ các thân nhân của họ, và cho rằng làm như thế là tài giỏi đó sao? Chính hắn đã bắt các ông bà già, đàn bà có thai, con gái, đem lột trần truồng, rồi đốt hết quần áo trước mặt họ. Những nạn nhân khốn khổ đó mình trần như nhộng, tay bị trói cánh khuỷu buộc phải chạy khắp các thôn xã dưới làn roi vọt, để "nêu gương" ! Một người đàn bà cõng con phải van xin mãi mới được cởi trói một tay để đỡ đứa bé. Trong khi chạy, hai cụ già đã ngã chết ngất đi; nhiều em gái khiếp sợ trước những hành vi bạo ngược đó, đã hành kinh trước tuổi; một người đàn bà trụy thai, một chị khác đẻ một đứa con mù.

*

* *

Có rất nhiều thủ đoạn bắt lính.

Thủ đoạn sau đây đã tỏ ra nhanh và tiện nhất:

Lấy dây chăng ngang hai đầu con đường chính trong làng lại. Thế là tất cả những người da đen ở vào giữa đều coi như chính thức phải tòng quân.

Một nhân chứng đã viết cho chúng tôi như sau: "Giữa trưa ngày 3-3-1923, bọn hiến binh vây ráp các bến cảng Ruyphixcơ và Đaca [1], rồi tóm tất cả những người bản xứ làm việc ở đó. Những anh chàng này vì không tỏ vẻ sốt sắng đi "bảo vệ văn minh" ngay, nên người ta "rước" họ lên ô tô cam nhông "mời" về nhà lao. Ở đấy, sau khi họ có đủ thì giờ để thay đổi ý kiến rồi, người ta mới đưa họ sang trại lính.

"Ở trại lính, sau những nghi lễ biểu dương tinh thần yêu nước, 29 lính tình nguyện được tuyên dương có thể trở nên anh hùng của cuộc chiến tranh cuối cùng nay mai... Bây giờ thì tất cả đều nóng lòng

---

1. *Ruyphixcơ* (Rufisque) và *Đaca* (Dakar): tên những hải cảng của nước Xênêgan.

muốn lấy lại miền Ruya [1] cho nước mẹ".

"Nhưng theo lời tướng Mănggianh [2], người hiểu rõ họ nhất, thì đó chỉ là những đội quân "để đem nướng trước mùa đông."

Chúng tôi hiện có trong tay bức thư của một người Đahômây, vốn là cựu binh, đã từng làm "nghĩa vụ" trong cuộc chiến tranh "vì công lý". Một vài đoạn trích trong bức thư sẽ vạch rõ cho các bạn thấy người "Batuala" [3] đã được "bảo vệ" như thế nào và các quan cai trị thuộc địa nhà ta đã nặn ra "lòng trung thành" của người bản xứ như thế nào để tô điểm cho tất cả những bài diễn văn của các nhà cầm quyền và làm đề tài cho tất cả những bài báo của bọn Rêgixmăngxê và Hôde [4] thuộc đủ cỡ.

Bức thư viết: "Năm 1915, khi ông M. Nuphơla, thống đốc Đahômây, ra lệnh bắt lính, thì làng tôi bị bọn cảnh sát cùng lính cơ cướp phá và đốt sạch. Tất cả tài sản của tôi đều bị mất hết trong các cuộc đốt phá đó. Tuy thế, tôi vẫn bị cưỡng bách nhập ngũ, và mặc dầu là nạn nhân của việc xúc phạm bỉ ổi đó, tôi đã làm "nghĩa vụ" của tôi ở mặt trận bên Pháp. Tôi bị thương ở trận Exnơ. [5]

"Ngày nay, chiến tranh đã chấm dứt, tôi sắp trở về nước, nhưng không còn nhà cửa, của cải gì cả.

Người ta đã cướp của tôi:

1000 frăng tiền mặt;

12 con lợn;

15 cừu;

10 dê;

60 gà;

8 tấm vải quấn mình;

---

1. *Ruya* (Ruhr): vùng công nghiệp của Đức, sau chiến tranh thế giới thứ nhất, bị cắt giao cho Pháp từ năm 1921 đến năm 1925.

2. *Mănggianh* (Mangin): tướng Pháp (1866-1925) đã từng chỉ huy đội quân xâm lược Xuđăng, Bắc Kỳ, Marốc.

3. *Batuala* (Batouala): Có lẽ là tên một bộ lạc ở vùng xích đạo châu Phi; cũng là tên tác phẩm của René Marang.

4. *Rêgixmăngxê* (Régismanset) và *Hôde* (Hauser): tên những người viết báo tay sai, có nghĩa như những tên bồi bút.

5. *Exnơ* (Aisne): tên một vùng trên bờ sông Exnơ (một nhánh của sông Oadơ) ở Pháp. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất, ở đây đã diễn ra những trận đánh ác liệt giữa quân Pháp và quân Đức.

5 áo mặc ngoài;

10 quần;

7 mũ;

1 dây chuyền bằng bạc;

2 hòm đồ vặt.

Đây là tên những bạn cùng ở một xóm đã bị cưỡng bách nhập ngũ cùng ngày với tôi, và nhà cửa cũng bị cướp phá và đốt sạch. (Ghi tiếp theo tên bảy người).

Còn nhiều nạn nhân nữa của những chiến công kiểu ấy của ngài Thống đốc Nuphơla, nhưng tôi không biết rõ tên những người đó để gửi cho các anh hôm nay..."

Chắc bọn "Bôsơ" của vua Ghiôm [1] cũng không làm được hơn thế.

III. KẾT QUẢ CỦA SỰ HY SINH

Khi đại bác đã ngấy thịt đen, thịt vàng rồi, thì những lời tuyên bố "tình tứ" của các ngài cầm quyền nhà ta bỗng dưng im bặt như có phép lạ, và cả người "Nêgrô" [2] lẫn người "Annamít" mặc nhiên trở lại "giống người hèn hạ".

Để "ghi nhớ" công lao người lính Việt Nam, chẳng phải người ta đã lột hết tất cả của cải của họ, từ chiếc đồng hồ, bộ quần áo mới toanh mà họ bỏ tiền túi ra mua, đến các vật kỷ niệm đủ thứ, v.v... trước khi đưa họ đến Mácxây xuống tàu về nước, đó sao? Chẳng phải người ta đã giao họ cho bọn súc sinh kiểm soát và đánh đập họ vô cớ đó sao? Chẳng phải người ta đã cho họ ăn như cho lợn ăn, và xếp họ như xếp lợn dưới hầm tàu ẩm ướt, không giường nằm, không ánh sáng, thiếu không khí đó sao? Về đến xứ sở, chẳng phải họ đã được một quan cai trị biết ơn đón chào "nồng nhiệt" bằng một bài diễn văn "yêu nước" đó sao! "Các anh đã bảo vệ tổ quốc, thế là tốt. Bây giờ, chúng tôi không cần đến các anh nữa, cút đi!".

Thế là những "cựu binh" – đúng hơn là cái xác còn lại – sau khi đã "dũng cảm bảo vệ chính nghĩa và công lý" nay tay không trở về

---

1. *Ghiôm* (Guillaume, 1859-1941): Ghiôm II, vua nước Đức trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất.

2. *Nêgrô* (Négro): danh từ chỉ người da đen.

với chế độ bản xứ của họ, một chế độ không biết gì đến chính nghĩa và công lý cả.

Theo báo chí Đông Dương thì thương binh người Pháp bị mất một phần thân thể và vợ của tử sĩ người Pháp đều được cấp môn bài bán lẻ thuốc phiện.

Như thế là trong một việc mà chính quyền thuộc địa đã phạm tới hai tội ác với nhân loại. Một mặt, họ vẫn chưa thỏa khi tự tay làm cái việc bỉ ổi của người đầu độc, mà còn muốn lôi kéo vào đây cả những nạn nhân đáng thương hại của cuộc huynh đệ tương tàn nữa. Mặt khác, họ coi rẻ tính mạng và xương máu của những kẻ đã bị họ lừa bịp, đến nỗi tưởng rằng chỉ cần quẳng cho những người này khúc xương thối ấy là đủ để đền bù được một cánh tay bị mất hoặc mạng của một người chồng.

Chúng tôi chắc rằng thương binh và quả phụ chiến tranh sẽ đá văng món quà nhơ nhớp ấy và nhổ vào mặt kẻ tặng quà. Chúng tôi cũng tin chắc rằng thế giới văn minh và người Pháp lương thiện sẽ đứng về phía chúng tôi để lên án bọn cá mập thực dân đang không ngần ngại đầu độc cả một dân tộc để vơ vét cho đầy túi.

*

* *

Theo tục lệ Việt Nam, khi trong làng có người chết thì những người xay lúa, giã gạo phải tỏ lòng kính trọng vong linh người chết và thông cảm nỗi đau buồn của tang gia bằng cách im lặng không hát hò trong khi xay giã như họ vẫn thường làm. Nhưng nền "văn minh hiện đại" được đưa vào nước chúng tôi bằng bạo lực có cần gì phải tế nhị đến như thế. Xin đọc câu chuyện sau đây đăng trên một tờ báo ở Nam Kỳ:

"Những ngày hội ở Biên Hòa.

Để lấy tiền bỏ vào quỹ xây dựng đài *kỷ niệm người Việt trận vong* của tỉnh Biên Hòa, ban tổ chức ngày hội đang tích cực chuẩn bị một chương trình tuyệt diệu.

Người ta bàn tán sẽ có nào là *yến tiệc giữa vườn theo kiểu Anh* [1], nào là *chợ phiên,* nào là *khiêu vũ ngoài trời, v.v...,* tóm lại, sẽ có *nhiều và đủ thứ trò chơi* để ai ai cũng có thể góp phần làm việc nghĩa *một cách thú vị nhất đời.*

---

1. Nguyên văn là "garden party".

Quý ông phi công ở sân bay Biên Hòa có nhã ý sẽ góp phần vào cuộc vui, và ngay từ bây giờ ban tổ chức đã có thể khẳng định rằng, sự có mặt của các quan chức cao cấp nhất ở Sài Gòn sẽ làm cho ngày hội thêm phần rực rỡ.

Xin tin thêm cho các bạn nam nữ ở Sài Gòn lên dự hội biết rằng, các bạn sẽ không cần phải *bỏ dở cuộc vui* để về nhà dùng cơm, vì ngay tại chỗ, *sẽ có phòng ăn tổ chức cực kỳ chu đáo và đặc biệt đầy đủ, các bạn sành ăn uống nhất cũng sẽ được hài lòng.*

Ngày 21-1 tới, tất cả chúng ta hãy đi Biên Hòa, chúng ta sẽ vừa được dự *những hội hè linh đình, vui tươi,* vừa được dịp tỏ cho những gia đình tử sĩ Việt Nam ở Biên Hòa thấy rằng chúng ta biết tưởng nhớ đến sự hy sinh của con em họ".

Thật là thời đại khác, phong tục khác.

Nhưng phong tục kỳ quái làm sao!

Người ta còn cho chúng tôi xem bức thư sau đây nữa:

"Sài Gòn, ngày...

... Nếu trên đời này mà có một việc quái gở vừa thương tâm lại vừa lố bịch, thì đó hẳn là việc bắt một dân tộc vẫn đang chịu đựng đủ mọi thứ bất công và phi nghĩa phải làm lễ mừng cuộc chiến thắng của "công lý" và "chính nghĩa". Ấy thế mà ở bên này chúng tôi đã làm như thế đấy. Tôi tưởng không cần thuật lại cho anh nghe về những hội hè và "trò vui công cộng" trong thành phố này ngày 11-11[1] làm gì. Ở đâu và bao giờ cũng thế thôi, rước đèn, đốt pháo bông, duyệt binh, khiêu vũ ở dinh thống đốc, đua xe hoa, mở lạc quyên vì nước, quảng cáo, diễn văn, tiệc tùng, v.v... [2] Trong tất cả những trò hề đó, tôi chỉ còn nhớ lại một việc đáng chú ý về phương diện tâm lý như sau: cũng như công chúng ở tất cả các nước, công chúng Sài Gòn rất thích xi nê. Vì thế, một đám người dày đặc đã tụ tập trước khách

---

1. Ngày 11-11 (1918): ngày kỷ niệm chiến thắng của Pháp sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

2. Nguyên văn là "gueuletons", nghĩa là các bữa yến tiệc chè chén ê hề. Có lẽ dịch là "nhậu nhẹt" thì hay hơn (gueuletons do chữ gueule mà ra, mà gueule là cái mồm của súc vật). *Nhậu nhẹt* thể hiện rõ hơn sắc thái khinh bỉ của lời văn. *Tiệc tùng* không thể hiện rõ sắc thái khinh bỉ tuy cũng có ngụ ý chê trách.

sạn Palaxơ để xem phim, nào hề Sáclô, nào bọn cao bồi, nào những người "lính quang vinh" lần lượt diễn trên màn ảnh. Công chúng tràn ngập cả đại lộ, đứng chật cả mặt đường và hè phố. Lúc bấy giờ ông chủ khách sạn Sài Gòn – Palaxơ không muốn cho người ta đứng đông trên vỉa hè trước cửa tiệm của ông ta, ông ta liền vung roi mây quất túi bụi. Bà chủ cũng ra giúp một tay và đánh bừa vào đám đông. Mấy chú trẻ ranh mãnh không biết làm thế nào mà lại "cướp" được ngọn roi của bà, làm cho mọi người vỗ tay cười ầm lên. Ông chủ điên tiết chạy lại tiếp viện cho bà chủ. Lần này, ông cầm một cái ba toong và hùng dũng phang tới tấp xuống đầu người ta, cứ mỏi tay này thì đổi tay khác. Những người "nhà quê" phải chạy dồn xuống đường; nhưng vì say sưa với "chiến thắng" của mình, ông người Pháp quý hóa ấy liền hùng hổ vượt qua đường và cứ tiếp tục vụt túi bụi cái gậy to tướng xuống đầu, xuống vai, xuống lưng những người dân bản xứ đáng thương ấy. Một em bé bị ông túm lấy và "đả" cho một trận nên thân"...

IV. HÀNH VI QUÂN PHIỆT [1] TIẾP DIỄN

Bước chân đến Cadablăngca [2], Thống chế Lyôtây [3] gửi cho binh sĩ của đạo quân chiếm đóng Marốc một bản nhật lệnh như sau:

"Bản chức có vinh dự được Chính phủ nước Pháp cộng hòa phong quân hàm cao nhất là nhờ, trong chín năm nay, các người đã hiến dâng lòng trung thành và *máu xương của các người* mà không hề tính toán.

Chúng ta sắp mở một chiến dịch để hoàn thành công cuộc bình định xứ Marốc, vì *lợi ích chung của dân chúng trung thực* [4] *trên đất nước này,* cũng như vì lợi ích của dân tộc bảo hộ, v.v...".

Nhưng, cũng trong ngày ấy (ngày 14-4), lại có bản thông cáo sau đây:

---

1. Nguyên văn là "le militarisme" , nên dịch là "chủ nghĩa quân phiệt" thì sát nghĩa hơn.

2. *Cadablăngca* (Casablanca): hải cảng lớn của nước Marốc.

3. *Lyôtây* (Lyautey): tướng Pháp chỉ huy xâm lược Bắc Phi, đã đàn áp nhân dân Marốc, nên được phong Thống chế.

4. Nguyên văn là "de ses loyales populations" , nên dịch là "của những *cư dân trung thành* trên đất nước này..." thì sát nghĩa hơn.

"Trong một cuộc giao chiến với bọn Bơni Bude [1] ở Bapen Hácbe, bên ta đã có 29 binh sĩ hy sinh và 11 bị thương".

Khi người ta nhớ rằng đã phải tốn xương máu của một triệu rưởi người lao động mới tạo nên được sáu chiếc gậy Thống chế, thì cái chết của 29 kẻ khốn khổ chưa đủ để hoan hô bài diễn văn hùng hồn của ngài Thống chế – Khâm sứ! Nhưng như vậy thì cái quyền dân tộc tự quyết, mà vì nó trong suốt bốn năm trời, người ta đã chém giết lẫn nhau, cái quyền ấy, các ngài để đâu mất rồi? Thật là một cách "khai hóa" kỳ khôi: để dạy mọi người sống cho ra sống, người ta bắt đầu bằng việc giết họ đi đã!

*

*   *

Ở đây (Hải Phòng), cũng có những cuộc bãi công của thủy thủ. Chẳng hạn như hôm thứ năm (ngày 15-8) là ngày mà hai chiếc tàu phải nhổ neo để chở một số lớn lính khố đỏ Việt Nam đi Xyri.

Nhưng thủy thủ không chịu đi, vì người ta không chịu phát lương cho họ bằng tiền Đông Dương. Theo giá thị trường, thì một đồng Đông Dương ăn 10 frăng chứ không phải 2,50 frăng, thế mà các công ty hàng hải lại làm một việc hà lạm trắng trợn là định trả lương cho thủy thủ bằng frăng chứ không trả bằng tiền Đông Dương như đã trả cho công chức.

Thế là người ta liền xua tất cả mọi người ở dưới tàu lên, rồi lập tức bắt hết các thủy thủ.

Rõ ràng là thủy thủ Hoàng Hải chẳng có gì phải so bì với thủy thủ Hắc Hải.

Chúng tôi cực lực phản đối việc đưa lính Việt Nam sang Xyri. Phải chăng các nhà cầm quyền cấp cao cho rằng bao nhiêu anh em da vàng xấu số của chúng tôi bị giết hại trên các chiến trường từ năm 1914 đến năm 1918, trong cuộc "chiến tranh vì văn minh và công lý" [2], vẫn còn chưa đủ hay sao?

---

1. *Bơni Bude* (Beni Bouzert): quân khởi nghĩa do Ápđen Grim, lãnh tụ phong trào chống Pháp của Marốc, lãnh đạo.

2. Nguyên văn là "la guerre de la civilisation et du droit" , nên dịch là "cuộc chiến tranh vì văn minh và chính nghĩa".

*
* *

Các ngài chiến thắng quang vinh của chúng ta thường quen thói "giáo dục" người bản xứ bằng đá đít hoặc roi vọt.

Anh Nahông đáng thương hại đã bị ám sát đến hai lần. Lần thứ nhất bởi tay tên đại úy Vida, lần thứ hai bởi tay tên lang băm đóng lon quân nhân coi việc phẫu nghiệm xác chết. Tên này đã đánh cắp và giấu biệt bộ óc người chết để phi tang, đặng cứu hung thủ là bạn của hắn. Nhưng than ôi! Anh Nahông không phải là nạn nhân duy nhất của bọn quân phiệt thuộc địa! Một bạn đồng nghiệp của chúng tôi ở thuộc địa đã thuật chuyện một nạn nhân khác như sau:

"Lần này, sự việc xảy ra trong trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 ở Medông Carê. [1] Nạn nhân là một người lính trẻ tuổi tên là Teriê quê ở Tênét [2] thuộc lớp quân dịch năm 1921.

Anh chết trong trường hợp rất thương tâm. Ngày 5-8, anh lính trẻ Teriê đến bệnh xá của trung đoàn để xin thuốc tẩy. Người ta đưa thuốc tẩy cho anh, nói đúng hơn là đưa cho anh một thứ thuốc mà anh tưởng là thuốc tẩy. Anh uống và vài giờ sau anh đau bụng quằn quại, rồi lăn đùng ra chết.

Cụ thân sinh ra Teriê nhận được một bức điện báo tin rằng, người con độc nhất của cụ đã chết, và sáng hôm sau, chủ nhật, sẽ đưa đám. Bức điện không có đến nửa lời an ủi hay giải thích.

Đau xót đến cực độ, cụ Teriê đến ngay Angiê, tìm trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 ở Medông Carê. Ở đấy cụ được biết xác con đang để ở bệnh viện Maydô. (Mà làm sao xác Teriê lại chở đến đây được nhỉ? Phải chăng để tránh việc khám nghiệm mà luật lệ đã quy định là bắt buộc đối với mọi trường hợp chết ở trạm y tế, người ta đã chở *xác* anh ta đến bệnh viện làm ra vẻ như bệnh nhân đã chết ở dọc đường?).

Đến bệnh viện, người cha đau khổ xin thăm xác con; *người ta bảo hãy chờ đã.*

Mãi sau, một quan tư thầy thuốc mới đến báo cho ông biết là việc phẫu nghiệm *không phát hiện dấu vết gì khả nghi cả.* Nói xong hắn bỏ mặc cụ đứng đó, *không cho phép cụ vào thăm xác con.*

---

1. *Medông Carê* (Maison Carée): một thị xã thuộc tỉnh Angiê ở Angiêri.

2. *Tênét* (Ténès): hải cảng của Angiêri.

Theo tin cuối cùng thì hình như cụ thân sinh ra Teriê đã đến hỏi viên đại tá chỉ huy trung đoàn lính khố đỏ thứ 5 về nguyên do cái chết của Teriê và đã được trả lời là *con ông chết vì ngộ độc!"*.

Chương II
VIỆC ĐẦU ĐỘC NGƯỜI BẢN XỨ

Cứ theo lời ngài Xarô quý mến, đảng viên đảng Cấp tiến, nguyên Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, thì ngài là "người cha hiền" của dân bản xứ, ngài rất "quý mến" người Việt Nam và được người Việt Nam "quý mến" lại.

Để nhồi nhét "văn minh Đại Pháp" cho người Việt Nam, ngài Xarô, người trùm của sự nghiệp đó, đã không từ một thủ đoạn nào, kể cả những thủ đoạn bỉ ổi nhất và những tội ác. Đây, một chứng cớ: đó là bức thư mà ngài đã gửi cho những người thuộc quyền ngài, với tư cách là Toàn quyền Đông Dương và nhằm vơ vét cho đầy túi tham của bọn kẻ cướp thực dân và cả của ngài nữa:

"Kính gửi ông Công sứ,

Tôi trân trọng yêu cầu ông vui lòng giúp đỡ những cố gắng của nhà thương chính trong việc đặt thêm đại lý bán lẻ thuốc phiện và rượu, theo chỉ thị của ông Tổng giám đốc Nha Thương chính Đông Dương.

Để tiến hành việc đó, tôi xin gửi ông một bản *danh sách những đại lý cần đặt* trong các xã đã kể tên; phần lớn các xã này, tới nay, vẫn hoàn toàn chưa có rượu và thuốc phiện.

Qua các tỉnh trưởng và các xã trưởng Miên, ông có thể dùng ảnh hưởng to tát của ông để làm cho một số tiểu thương người bản xứ thấy rằng buôn thêm rượu và thuốc phiện là rất có lợi.

Về phần chúng tôi [1], thì những viên chức lưu động trong khi đi công tác sẽ tìm cách đặt đại lý, trừ phi ông muốn họ đợi ông tranh thủ được sự giúp đỡ của các quan chức địa phương trước đã. Trong trường hợp này, tôi đề nghị ông vui lòng báo cáo cho tôi biết.

Chúng ta chỉ có thể đạt kết quả mỹ mãn, nếu chúng ta hợp đồng với nhau chặt chẽ và liên tục, vì lợi ích tối cao của ngân khố.

Ký tên: Anbe Xarô"

---

1. Nên dịch là: Về phần (người Pháp) chúng ta.

Lúc ấy, cứ 1000 làng thì có đến 1.500 đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số 1.000 làng đó lại chỉ có vẻn vẹn 10 trường học. Trước khi có bức thư "quý hóa" trên, hằng năm người ta cũng đã tọng từ 23 đến 24 triệu lít rượu cho 12 triệu người bản xứ, kể cả đàn bà và trẻ con.

*

* *

"Nói đến các món độc quyền, người ta có thể hình dung Đông Dương như một con nai béo mập bị trói chặt và đương hấp hối dưới những cái mỏ quặp của một bầy diều hâu rỉa rói mãi không thấy no".

Trong số người có cổ phần trong công ty độc quyền rượu, có các nhân vật cao quý nhất ở Đông Dương và tất cả các ngành cai trị đều có đại diện tai to mặt lớn trong ấy. Phần đông các quan lớn này đều rất có ích cho công ty, không ai chối cãi được:

Ngành tư pháp, có ích để giải quyết những vụ lôi thôi với những kẻ mà người ta muốn cưỡng bức, có:

2 Chưởng lý;

1 Biện lý;

1 Lục sự – Chưởng khế.

Ngành quân đội, có ích để đàn áp một cuộc nổi loạn mà người ta tính là có thể xảy ra do chỉ riêng cái việc thi hành chế độ độc quyền béo bở, có:

1 Thiếu tướng;

1 Trung tá;

2 Quân y sĩ cao cấp;

1 Thiếu tá;

2 Đại úy.

Ngành hành chính mà sự ân cần vô tư là điều đảm bảo nhất cho việc kinh doanh thành công, thì có:

1 Công sứ;

1 Giám đốc tài chính;

1 Tổng giám đốc ngân khố;

1 Thanh tra bưu chính;

1 Giám đốc trước bạ;

1 Quan cai trị;

1 Giáo sư, v.v...

Và cuối cùng là: ngài Clêmăngten đáng kính, Nghị viên hạt Puyđơ Đôm.

*

* *

Trong hội chợ triển lãm thuộc địa ở Mácxây [1], ông Xarô lớn tiếng ba hoa: "Nước Pháp hãy nhìn vào đây và lấy đó làm tự hào!". Mà quả thế thật. Những anh lạc đà Tuynidi thản nhiên đứng ngáp bên cạnh mấy chú cá sấu oai vệ của Tây Phi và những anh chàng cá sấu [2] đáng yêu của Mađagátxca chuyện trò thân mật với các ả bò cái mỹ miều của Đông Dương. Chưa bao giờ lại có một sự hòa hợp tuyệt diệu đến thế, và trước sự xâm nhập hòa bình của các loài thú thuộc địa, chị cá trích trong huyền thoại của Hải cảng cũ [3] nở nụ cười duyên dáng của một bà chủ nhà mến khách.

Người đi xem nhìn một cách rất thích thú chiếc trường kỷ lịch sử của một vị Toàn quyền nọ, thanh gươm của viên Công sứ Đáclơ từng dùng để đâm vào đùi tù nhân Bắc Kỳ và cây đuốc mà viên quan cai trị Bruye đã dùng để thui sống hơn 200 thổ dân Huátxa [4].

Gian hàng Camơrun được đặc biệt chú ý. Ở đấy có tấm bảng đề mấy dòng chữ yêu nước sau đây:

"Trước kia người Đức nhập vào xứ Camơrun rất nhiều rượu.

Ngày nay người Pháp lại cấm rượu".

---

1. *Hội chợ triển lãm thuộc địa ở Mácxây:* năm 1922, tại thành phố Mácxây (miền Nam nước Pháp) Chính phủ Pháp mở hội chợ này, trưng bày những sản vật mang từ các thuộc địa Pháp sang, để nói lên sự giàu có của thuộc địa và công lao "khai hóa" của người Pháp, đồng thời kêu gọi bọn tư bản Pháp bỏ vốn kinh doanh và khai thác ở các thuộc địa.

2. Tác giả dùng chữ "crocodile, caïman", tạm dịch cả là "cá sấu".

3. *Chị cá trích trong huyền thoại của Hải cảng cũ* (Le légendaire sardine du Vieux – Port): câu chuyện hài hước mà người Mácxây thường kể để chế giễu những kẻ nói khoác. Đại ý: có một con cá trích bé nhỏ mà đã lấp nghẽn cả Hải cảng Mácxây cũ.

4. *Huátxa* (Houassas): tên một bộ tộc ở châu Phi.

Nhưng, một bàn tay ranh mãnh nào đó đã dán ngay vào dưới tấm bảng bức thư của ngài Xarô chỉ thị cho người thuộc quyền ngài tăng số đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện ở các làng Việt Nam, kèm theo lời phê:

"Thế mà người Việt Nam lại đã có: những 10 trường học, những 1.500 đại lý rượu và thuốc phiện cho 1.000 làng kia đấy!"

*

* *

Đây là một sự kiện đầy ý nghĩa của một viên chức đứng đầu tỉnh Sơn Tây, một tỉnh ở Bắc Kỳ.

Số dân tỉnh này ước tính chỉ độ 200.000 người. Nhưng để nâng số lượng rượu phải tiêu thụ lên, số dân ấy bỗng nhiên tăng vọt nhanh như chớp tới 230.000 người. Nhưng vì 230.000 dân này uống quá ít, viên Công sứ Sơn Tây đã ra công một năm đẩy số lượng rượu tiêu thụ lên 560.000 lít.

Ngay lập tức, viên Công sứ được thăng cấp và được khen.

Ông Đờ C... khẳng định rằng, một viên Công sứ khác đã đưa ông xem một bức thư của cấp trên, trong đó có đoạn viết: "Số rượu tiêu thụ trong phủ X. đã tụt xuống dưới con số Z. cho mỗi dân đinh. Vậy ông có nghĩ rằng cần phải có biện pháp làm gương không?". Viên Công sứ bị cảnh cáo gián tiếp như thế bèn đòi tổng lý trong phủ ấy đến hiểu thị rằng sở dĩ họ tiêu thụ ít rượu đến như thế là vì họ nấu rượu lậu. Để được yên chuyện, các làng liền mua ngay số rượu quy định chiểu theo dân số mà sự tính toán của các phòng giấy bắt họ phải chịu.

Rõ ràng là người ta đã ấn định trên thực tế – nếu không phải bằng cách hợp pháp – mức rượu mà mỗi người bản xứ buộc phải uống hằng năm. Và khi nói *mỗi người bản xứ* thì cũng đừng tưởng đó chỉ là người đứng tuổi mà là *toàn bộ* dân số, kể cả người già, phụ nữ, trẻ em cả đến đứa còn bú mẹ. Như thế là buộc thân nhân của họ phải đóng [1] thay, không phải chỉ một lít mà hai, ba lít.

Dân một làng Bắc Kỳ, buộc phải uống rượu, thấy trước nguy cơ

1. Nguyên văn là: "à se substituer à eux", nghĩa là *phải thay thế cho họ* (trong việc uống rượu). Nên dịch là: *phải uống thay.*

đe dọa ấy, đã kêu với viên quan người Pháp "của họ" rằng: "Ngay đến cái ăn, chúng tôi cũng không có gì cả". Quan đáp: "Chúng mày quen ngày ba bữa, bây giờ bớt đi một bữa, hay nếu cần thì bớt đi một bữa rưỡi để có thể mua rượu của Nhà nước".

Trước đây, người bản xứ quen mua rượu từng ít một; họ mang chai lọ thế nào cho vừa thì thôi. Nay thì người ta đóng rượu vào chai sẵn. Rượu chỉ bán trong chai nửa lít hay một lít. Người Việt Nam quen dùng rượu từ 20 đến 22 độ; ngày nay người ta bắt họ dùng rượu từ 40 đến 45 độ. Họ quen dùng loại rượu có mùi vị thơm dịu do chất lượng của những nguyên liệu mà họ vẫn dùng; trong số nguyên liệu này có thứ gạo thuộc vào loại ngon nhất. Còn thứ rượu mà nay người ta buộc họ phải uống [1] lại cất bằng thứ gạo rẻ tiền, pha thêm chất hóa học, có mùi vị nồng nặc khó chịu.

Bọn chủ độc quyền còn ra thông tư bắt nhân viên của chúng pha thêm nước lã vào rượu đem bán; cứ mỗi héctôlít rượu pha thêm 8 lít nước lã.

Như thế, tính trên toàn cõi Đông Dương, mỗi người cứ bán 500 héctôlít rượu thì có 4.000 lít nước lã pha thêm vào; 4.000 lít mỗi lít giá ba hào, thành 1.200 đồng một ngày, 36.000 đồng một tháng. Như thế chỉ cần mở vòi nước lã không thôi, mỗi năm công ty cũng thu được một món lãi nho nhỏ 432.000 đồng, hay 4 triệu frăng.

Xem thế đủ biết thứ rượu mà bọn độc quyền cất và đem bán ở Đông Dương là không hợp với khẩu vị của người bản xứ về độ cũng như về mùi vị, cho nên người ta phải cưỡng bức họ mua.

Vì bắt buộc phải trả những khoản chi tiêu thường xuyên, phải trang trải những món kinh phí ngày càng tăng của phủ Toàn quyền, của những trái khoản lớn, của những công trình kiến thiết quân sự và phải đặt ra – nếu không phải là những chức vụ thực sự – thì ít ra cũng là những khoản lương cho một đám đông công chức từ Pari gán sang, cho nên Chính phủ [2] đã tìm mọi cách thúc đẩy các viên chức, từ Công sứ đến nhân viên hạng bét, phải làm tăng mức tiêu thụ rượu lên.

---

1. Nguyên văn là: "qu'on ingurgite de force aux Annamites", nghĩa là "mà người ta tọng vào cổ họng người Việt Nam...".

2. Nguyên văn là: "L'Administration", nên dịch là "chính quyền" (Đông Dương).

Chương III
CÁC QUAN THỐNG ĐỐC

I. ÔNG PHUỐC

Ông Phuốc, Thống đốc xứ Đahômây, cai trị "giỏi" đến nỗi người bản xứ nào ở thuộc địa ấy cũng kêu ca về ông ta. Để xoa dịu lòng công phẫn, người ta vờ phái sang đó một viên thanh tra. Viên thanh tra này kiểm tra "giỏi" đến nỗi chưa thèm xét gì đến đơn khiếu nại của nhân dân đã cuốn gói chuồn thẳng.

Về việc này, chúng tôi có nhận được một bức thư của Ủy ban hành động Pháp – Hồi ở Poóctô Nôvô [1], trong đó có những đoạn chính như sau:

"Trước lúc người Pháp đến Đahômây rất lâu, ở Poóctô Nôvô đã có một thủ lĩnh Hồi giáo gọi là Imăng có nhiệm vụ đại diện cho tập thể người Hồi ở bất cứ chỗ nào cần thiết, quản lý tài sản của tập thể Hồi giáo ấy và trông nom việc lễ bái.

Theo tục lệ, Imăng phải do một đoàn cử tri bầu lên, chọn trong những người Hồi giáo ngoan đạo, có tiếng là đức độ và đã từng làm phó Imăng một thời gian lâu. Hơn nữa, trước khi chết, Imăng đương quyền có ý kiến về vị phó nào có đủ tư cách để thay thế mình.

Ý kiến của Imăng lúc đó là ý kiến quyết định [2].

Trước khi qua đời, Imăng Cátxumu đã chỉ định viên phó Xarucu làm người kế vị mình. Đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo cũng đã tán thành.

Khi Cátxumu mất, đáng lẽ Xarucu phải được bầu lên, nhưng tên Inhaxiô Paredô *dựa vào thế của Thống đốc* đã độc đoán cản trở, bắt ép người Hồi giáo phải nhận tên Lavani Cốtxôcô là bạn thân của y, làm Imăng. Tên Cốtxôcô, cũng như y, chỉ theo đạo Hồi trên danh nghĩa.

Thấy đoàn cử tri và đa số người Hồi giáo chống lại việc cử tên Cốtxôcô một cách bất hợp pháp, Paredô liền nhờ viên thủ lĩnh cao cấp là Hútgi can thiệp. Hútgi là tín-đồ đạo bái vật, *được chính phủ*

---

1. *Poóctô Nôvô* (Porto Novo): thủ phủ Đahômây.

2. Nguyên văn là "irrévocable", có nghĩa là "không thể bác bỏ", hoặc "không thể thay đổi".

che chở, nên hắn cứ cử tên Lavani Cốtxôcô làm Imăng, bất chấp nguyện vọng người Hồi giáo.

Kể ra, nếu Lavani Cốtxôcô là một người Hồi giáo tốt và lương thiện thì chúng tôi cũng làm ngơ việc hắn được cử làm Imăng, nhưng hắn lại là một tên bất lương chưa từng thấy trên đời này. Chúng tôi nói như thế là có bằng cứ:

Lavani Cốtxôcô sinh ở Lagốt (xứ Nigiêria thuộc Anh). Hắn là dân thuộc địa Anh. Vì can nhiều tội giết người và nhiều tội ác khác ở Nigiêria thuộc Anh, nên bị nhà chức trách Anh truy nã.

Ông Thống đốc của chúng tôi hồi đó đã thu dụng tên dân thuộc địa Anh bất lương này, và như để thưởng công cho hắn, đã cử hắn làm tù trưởng các xã ven hồ như Ápphôtônu Aghêghê, Ápplăngcăngtăng, v.v... Toàn dân vùng ấy ngày nay đều ghê tởm những hành vi nhũng lạm, những tội ác của hắn, và kêu ca về hắn.

Nguyên chúng tôi có một điện thờ ở khu phố Átpátxa tại Poóctô Nôvô. Nhà đương cục Pháp đã phá hủy điện thờ ấy với lý do vì lợi ích công cộng, rồi bồi thường cho chúng tôi 5.000 quan.

Tiền bồi thường không đủ để xây dựng một điện thờ mới. Chúng tôi đã mở một cuộc lạc quyên riêng, thu được 22.000 frăng.

Paredô là người có chân trong tiểu ban mua sắm vật liệu và phát lương cho thợ.

Khi viên phó Imăng Bitxiriu – người nắm giữ chìa khóa két – chết, thì Paredô trở thành người giữ chìa khóa két. Hắn lợi dụng địa vị ấy để biển thủ số tiền 2775 frăng. Tiểu ban bắt buộc phải khai trừ hắn ra khỏi tiểu ban.

Inhaxiô Paredô căm tức, bèn bàn mưu tính kế với *ông Thống đốc. Thế là ông này cho thi hành những biện pháp độc đoán đối với chúng tôi, và làm trở ngại việc xây dựng điện thờ của chúng tôi.*

Giờ đây, do mưu mô của Inhaxiô Paredô được ông Thống đốc tiếp tay cho trong việc cử một cách trái đạo tên Cốtxôcô làm Imăng, dân Hồi giáo ở Poóctô Nôvô đã chia thành hai phe. Tình trạng ấy làm tổn thương tình đoàn kết, hòa hợp của người Hồi giáo, làm hại cho việc tự do hành đạo của chúng tôi và gây ra những vụ lộn xộn lớn".

II. ÔNG LÔNG

Dưới đây là mấy đoạn trích ở một lá thư của Đại tá Bécna gửi cho báo *Cộng hòa Pháp* [1] ngày 6-12-1922. Thưa ngài Bộ trưởng, xin ngài vững tâm, Đại tá Bécna không phải là cộng sản đâu.

"Con số hàng xuất khẩu ở Đông Dương, bức thư viết, hiện đang giậm chân tại chỗ, thậm chí còn đang sụt xuống. Năm 1914, Đông Dương đã xuất khẩu 45.000 kilô tơ lụa, 99.000 tấn ngô, 480 tấn chè; năm ngoái chỉ xuất khẩu có 15.000 kilô tơ lụa, 32.000 tấn ngô, 156 tấn chè.

Người ta cũng tưởng rằng hiện nay Chính phủ Đông Dương đang tích cực tiến hành những công trình lớn cần thiết cho việc khai thác thuộc địa. Ấy thế mà, từ năm 1914 đến nay, người ta *không hề đặt thêm được một cây số đường sắt nào, cũng không khai thác được lấy một hécta ruộng nào*. Cách đây 10 năm, ông Xarô có đưa thông qua một chương trình kiến thiết, bao gồm việc xây dựng con đường sắt từ Vinh đến Đông Hà và bốn hệ thống đại thủy nông; tất cả những công trình đó đều đã ngừng lại từ hơn 5 năm nay, lấy cớ là không có kinh phí. Nhưng, cũng trong thời gian ấy, xứ Đông Dương lại bỏ ra 65 triệu đồng tức là 450 triệu frăng để làm đường và dinh thự. Mời ông Phaghê hãy suy nghĩ về những con số đó xem: tiêu gần nửa tỷ để làm những đường ô tô mà trên đó không hề lưu thông một tấn hàng hóa nào; để xây dựng những dinh thự và phòng giấy cho đám công chức đang mọc đầy dẫy lên ở Đông Dương như cỏ cây vùng nhiệt đới; trong khi ấy thì những công trình đã được thừa nhận là cần thiết và đã được Nghị viện thông qua, lại bị bỏ rơi!

Nhưng đừng tưởng là người ta có ý muốn thay đổi phương pháp ở Đông Dương. Để hoàn thành chương trình năm 1912, ông Lông đã xin Nghị viện cho phép phát hành một đợt công trái. Nay, ông ta lại xin phát hành một đợt thứ hai nữa. Những kẻ hiện đang điều khiển việc khai thác Đông Dương hình như đã định tâm không làm cái gì thật sự có ích lợi cả nếu trước hết người ta không cho phép họ vay nợ. Còn đối với tài nguyên ngân sách, đối với những dự trữ tích lũy được trong và sau thời kỳ chiến tranh, thì họ quyết vung tay ném qua cửa sổ nếu Nghị viện không đưa vào nền nếp".

---

1. Nguyên văn là: *"La République Française."*

III. ÔNG GÁCBI

Ông Gácbi, Toàn quyền đảo Mađagátxca, vừa về Pháp. Cũng như tất cả các viên Thống đốc, bạn đồng nghiệp của ông, ông Gácbi rất lấy làm hài lòng về cái thuộc địa "của mình": tiến bộ, giàu có, trung thành, an cư lạc nghiệp, có tổ chức, có dự án này, chương trình nọ, v.v... Đó là cái bọc hành lý muôn thuở, bất di bất dịch của các ngài Thống đốc về nghỉ, mà nay đến lượt ông Gácbi lại ân cần mở ra cho tất cả những ai muốn xem... Và vượt lên trên tất cả những ngón bịp bợm cũ rích ấy, ông Gácbi còn khéo léo giở ra ngón bịp khác (hay đúng hơn ngón bịp của người khác) rất mực tinh vi: việc khai thác thuộc địa. Chúng tôi xin chào mừng quan Toàn quyền mới về, và xin hỏi ngài:

"Phải chăng phái đoàn thanh tra của Bộ đã không có đủ xà phòng để xát [1] lên đầu quan Toàn quyền, đồng thời thoa trơn cái dốc, trên đó cụ lớn phải trượt thẳng về chính quốc để ở lại đó mãi mãi đến mãn đời trọn kiếp?

Phải chăng để cứu vớt "thể diện" cho ngài, một vài tên tay sai đắc lực đã tổ chức một tiệc rượu tiễn hành, và để làm việc đó chúng đã phải chạy bở hơi tai, vì ngoài ban tổ chức ra, không ma nào buồn đến dự tiệc cả?

Phải chăng bọn tay chân của quan Toàn quyền đã định làm một lá đơn "ái mộ" xin ngài trở lại thuộc địa, nhưng lại không dám đưa ra vì sợ có đơn chống lại?

Sau cùng, phải chăng nhân dân bản xứ đã tặng ngài lời chúc "thân ái" này: Thôi nhé, chú Gácbi! Xin chúc không bao giờ gặp lại chú nữa!".

IV. ÔNG MÉCLANH

Vận mệnh hai mươi triệu người Việt Nam tốt số đang nằm trong tay ông Máctian Méclanh.

Các bạn sẽ hỏi tôi: "Cái ông Méclanh ấy là ai vậy?". Đó là một ông đã từng làm quan cai trị ở quần đảo Gambiê, sau giữ chức Phó

---

1. Nguyên văn dùng chữ "savonner", nghĩa đen là "xát xà phòng", nghĩa bóng là "khiển trách kịch liệt".

Thống đốc Tây Phi, rồi lên làm Thống đốc xứ ấy. Đó là một ông đã bỏ ra ba mươi sáu năm của đời mình để nhồi nhét "cái văn minh đầy ân huệ" của nước Pháp vào đầu óc người bản xứ.

Có lẽ các bạn cho rằng đưa một người không hiểu gì về Đông Dương đến nắm vận mệnh Đông Dương thì thật là một trò hề lớn kiểu Đông Dương chứ gì.

Đúng đấy! Nhưng đó là cái "mốt". Một bạn đồng nghiệp cho biết rằng: tại Bộ Thuộc địa, một viên quan cai trị cũ ở Đông Dương ngồi chễm chệ tại Vụ Tây Phi thuộc Pháp; một viên quan cai trị cũ ở Tây Phi phụ trách Vụ Châu Phi Xích đạo thuộc Pháp; một viên chức cũ ở Xuđăng phụ trách những vấn đề về Mađagátxca; còn đại diện cho xứ Camơrun ở hội chợ triển lãm thuộc địa lại là một viên chức chưa hề bao giờ đặt chân lên đất Camơrun.

Thế nên, trước khi sang Đông Dương "khai hóa" cho người Đông Dương, quan Toàn quyền Méclanh định bắt đầu "khai hóa" những người Đông Dương chết ở Pháp, tức là, những người đã hy sinh "vì tổ quốc", "vì công lý", và vì *vân vân* ấy mà!

Cười trong nghĩa địa là một cái thú đối với những vĩ nhân, nhưng cười một mình ở đó thì có lẽ là không khoái lắm. Bởi vậy Cụ lớn Méclanh đã ra lệnh cho những thanh niên Việt Nam được trợ cấp phải theo Cụ lớn đến nghĩa trang Nôgiăng trên bờ sông Mácnơ để đọc một bài diễn văn trước sự chứng kiến long trọng của ngài. Nhưng bài diễn văn ấy phải đệ trình cho Cụ lớn kiểm duyệt trước. Họ đã làm đúng như thế. Nhưng Cụ lớn thấy bài diễn văn quá ư quá khích [1], nên Cụ bỏ phắt đi và thay bằng một bài khác do Cụ tự tay vạch ra dàn bài.

Dĩ nhiên, bài diễn văn được xào xáo theo kiểu nhà quan như vậy thì phải sặc mùi trung thành và quyến luyến.

Nếu người chết mà nói được, như bọn phù thủy thường bảo, thì hồn ma của những người Việt chôn ở Nôgiăng, hẳn đã nói rằng: "Ngài Toàn quyền ôi! Xin c...ảm ơn ngài! Nhưng xin Ngài làm ơn... xéo đi cho!" [2].

---

1. Nguyên văn là "trop subversif", nghĩa là "có quá nhiều tính chất lật đổ", hoặc "có quá nhiều tính chất phá hoại".

2. Nguyên văn là "M...erci à toi,... F... nous la paix!". Trong Pháp văn, chữ M. viết tắt, người ta thường hiểu là *Merde*, là một tiếng chửi rủa rất tục, cũng có nghĩa là phân; Chữ F. là *Foutre*, có nghĩa là cút, xéo đi, để yên... ***(Foutre le camp, Foutre la** paix...)*. Đây là lối chơi chữ của tác giả.

V. ÔNG GIÊRÊMI LƠME

Chúng tôi đọc tờ *Biên niên thuộc địa* [1] thấy mẩu tin ngắn như sau:

"Chúng tôi được tin Giêrêmi Lơme, cựu Thống đốc Thuộc địa, cựu Nghị viên của Ấn Độ thuộc Pháp, đương bị truy tố trước tòa. Ông ta nguyên là chủ tịch một nhà băng do ông Frơdun làm quản trị – ủy nhiệm. Nhà băng ấy đã tuyên bố vỡ nợ cách đây hai năm.

Đó là sự kết liễu đích đáng con đường công danh của tên vô lại ấy".

Ô! Ô! Thế ra cũng có những tên vô lại trong cái giới Thống đốc và Nghị viên thuộc địa cao quý ấy ư? Ai ngờ nhỉ!

VI. ÔNG UTƠRÂY

Ông Utơrây là một Nghị viên Nam Kỳ (ông ta là người Nam Kỳ cũng giống như ông P. Lôti [2] là người nước Thổ vậy). Ông ta đọc diễn văn ở Nghị viện, và kinh doanh ở Sài Gòn. Là Nghị viên, ông ta nhận cấp phí đều đặn; là thực dân, ông ta không nộp thuế. Ông Nghị "liêm chính" này có một đồn điền 2.000 hécta, và mười lăm năm nay, ông chủ đồn điền đáng kính đó không nộp một xu nhỏ thuế nào. Khi Sở thuế yêu cầu ông làm đúng luật lệ, thì ông trả lời: C... ảm ơn. Vì ông ta là Nghị viên, nên người ta không động đến ông.

Đã có một thời, cái ông Utơrây ấy đã giữ chức quyền Thống đốc Nam Kỳ.

Xứ Nam Kỳ do một Thống đốc cai trị, viên Thống đốc này do sắc lệnh Tổng thống Pháp bổ nhiệm. Để làm tròn nhiệm vụ *cao cả* của mình, vị quan *cao cấp* này dựa vào một Hội đồng hỗn hợp gồm cả người Pháp lẫn người Nam, gọi là Hội đồng quản hạt. Một trong những quyền hạn chắc là quan trọng nhất của Hội đồng này là hằng năm biểu quyết dự toán ngân sách của thuộc địa. Chúng tôi xin nói

1. Nguyên văn là *"Annales coloniales"*.

2. *Lôti* (Pierre Loti, 1850 - 1923): một sĩ quan hải quân và là một nhà văn Pháp viết nhiều truyện về nước ngoài, nhất là Nhật và Thổ Nhĩ Kỳ. Trong các truyện đó, trí tưởng tượng nhiều khi thay thế cho sự hiểu biết về tâm lý và phong tục địa phương. Khi thi vị hóa con người và phong tục xứ xa lạ. Lôti vẫn đứng trên quan điểm của "chủng tộc siêu đẳng", và đề cao chủ nghĩa đế quốc. Lôti có sống ở Thổ Nhĩ Kỳ, lấy vợ người Thổ và ăn mặc như người nước này.

ngay rằng nguồn thu của ngân sách ấy là các khoản thuế trực thu và gián thu *do người Việt Nam nộp*, còn các khoản dự chi, thì trên nguyên tắc (*nhưng không bao giờ trên thực tế!)* là phải được chi tiêu cho những công cuộc *có lợi cho người Việt Nam;* tóm lại là *quyền lợi của người Việt Nam* được giao phó cho cái Hội đồng quản hạt ấy. Thế nhưng cái Hội đồng quản hạt quý hóa này lại gồm *nhiều người Pháp hơn là người Việt: có 18 người Pháp,* thì 12 là đại biểu do tuyển cử bầu ra, 6 là đại biểu của các công ty, phòng thương mại, phòng canh nông, v.v... và *6 người Việt.* Cứ cho rằng luôn luôn đủ mặt đi nữa thì 6 phiếu của người Việt kia tài nào mà chống lại được 18 phiếu của người Pháp? Vì thế Chính phủ cứ việc tùy ý mà dự toán, và chắc chắn là tất cả các khoản dự toán đều đã được biểu quyết trước rồi.

Hầu như sự việc luôn luôn xảy ra như thế. Cho nên năm 1905, cũng bằng cách ấy, quan quyền Thống đốc Utơrây, nay là Nghị viên của người Pháp ở Nam Kỳ đã tăng thuế điền thổ vốn đã quá nặng, lên *một trăm phần trăm.* Việc tăng thuế này đã làm cho tên tuổi Utơrây trở thành bất tử trong trí nhớ của người Việt Nam, nó đã làm cho các đại biểu người Việt Nam trong Hội đồng nhất loạt từ chức! Cần quái gì! Utơrây liền thay họ bằng những người khác do ông ta đích thân bắt cử tri Việt Nam phải bầu. Trước ngày đầu phiếu, một tay chân của ông ta là viên quan cai trị Maxperô (tỉnh Biên Hòa) chẳng đã bắt giam tất cả cử tri ở tỉnh ấy lại, không cho họ tiếp xúc với những người ứng cử đó hay sao? Người ta dọa trừng phạt để buộc họ phải bỏ phiếu cho Bùi Thế Khâm, người do Utơrây đưa ra, nhằm ngăn cản việc bầu lại ông Hoài, một đại biểu vừa từ chức đã có lỗi là không làm theo ý muốn của Utơrây.

Chương IV
CÁC QUAN CAI TRỊ

I. ÔNG XANH

Như các bạn đều biết, các thuộc địa vẫn được gọi là những nước Pháp hải ngoại, và người Pháp của những nước Pháp ấy là người Việt Nam, người Mađagátxca hoặc người...v.v... Bởi thế, cái gì ở bên này là phải thì ở bên kia là trái, và cái gì ở bên kia được phép thì ở bên này bị cấm. Thí dụ: Ở bên ấy tất cả người Pháp đều được phép làm cho dân bản xứ ngu muội đi bằng thuốc phiện, họ càng bán được nhiều thuốc phiện, thì càng được quý trọng; nhưng ở bên này nếu anh đem bán thứ thuốc độc ấy thì, anh sẽ bị tóm cổ ngay lập tức. Nếu ở bên Pháp, một viên chức cao cấp được phép vận quần áo lót để đi ra đường, thì ngược lại một ông hoàng bản xứ không có quyền mặc áo bản xứ, ngay cả khi ở nhà và đang ốm.

Vì đang ốm, nên cố Quốc vương Tuynidi đã cứ mặc nguyên áo ngủ mà tiếp quan Khâm sứ. Như thế đã là bậy rồi; nhưng còn bậy hơn nữa, là cháu nội và cháu họ nhà vua lại quên chào quan Khâm sứ nói trên. Thế là sau hai ngày, đúng vừa đủ thời gian để suy nghĩ, quan lớn Khâm sứ bèn mặc nhung phục, kéo binh mã đến bắt nhà vua phải xin lỗi. Thế mới đúng chứ. Một khi anh là Quốc vương và chịu sự bảo hộ của một ông thánh (ông Xanh) [1] thì dù là thánh cha, thánh con hoặc thánh thần, anh cũng không có quyền được đau ốm. Còn các chú "nhóc con" bản xứ, các chú phải biết rằng, một khi đã sinh ra dưới "đôi cánh mẹ hiền của nền dân chủ" thì các chú không được nô đùa, reo cười, hò hét, mà phải học chào lạy.

Ở Đông Dương cũng như ở các thuộc địa khác, đối với những người bản xứ không kịp lạy chào các "quan bảo hộ" thì nhiều quan cũng chỉ khiêm tốn "giã cho một trận" thôi, chứ chưa bao giờ lại huy động quân đội để bắt trẻ con phải lạy chào. Dĩ nhiên trong bọn họ không phải ai cũng đều là Khâm sứ cả!

---

1. *Ông Xanh* (Saint): Saint có nghĩa là vị thánh. Theo đạo Thiên chúa, thì có tam vị: đức Chúa Cha, đức Chúa Con và đức Thánh thần (La Sainte Trinité: Dieu le Père, Dieu le Fils, le Saint Esprit). Tên Khâm sứ này rất gian ác mà mỉa mai thay lại có tên là Saint (ông Thánh)!.

Mặc dầu "sự việc nghiêm trọng" ấy đã bị vạch ra trên diễn đàn Nghị viện và theo lời ông Poăngcarê, nó có thể làm tổn thương đến ảnh hưởng của nước Pháp, chúng ta sẽ là những người vong ân đối với quan Khâm sứ Xanh, nếu chúng ta buộc cho ông cái tội "thất bại chủ nghĩa"; bởi vì, nhờ có cuộc biểu diễn lực lượng thân thiện, trẻ con và hòa bình ấy mà từ đó người bản xứ biết cách nên lạy chào một "người anh em da trắng" như thế nào. Ai cũng còn nhớ khi ông Milơrăng sang thăm châu Phi, người bản xứ đã đón chào ông, và để tỏ lòng "trung thành vô hạn" và "lòng tôn kính sâu sắc" đối với vị Quốc trưởng nước bảo hộ, họ đã kéo áo sơ mi ra ngoài quần đấy.

II. ÔNG ĐÁCLƠ

Tập *Kỷ yếu Nhân quyền* [1] vừa mới đăng một bức thư của ông Phécđinăng Buýtxông, Chủ tịch Hội Nhân quyền [2], gửi ông Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, nói về cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên [3] (Đông Dương) năm 1917 và việc đàn áp cuộc khởi nghĩa đó.

Bức thư vạch rõ trách nhiệm của viên Công sứ tỉnh Thái Nguyên là ông Đáclơ: chính vì sự lạm quyền của ông Đáclơ mà cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Tòa án Sài Gòn cũng đã xác định tội của ông ta ngay từ năm 1917.

Thế nhưng, có ai ngờ rằng ông Đáclơ không hề bị một sự trừng phạt nào về mặt hành chính cả. Trái lại, ông ta lại được cử làm ủy viên Hội đồng thành phố Sài Gòn. Còn sự trừng phạt về mặt tư pháp thì thật là đáng buồn cười: nộp vẻn vẹn có 200 frăng tiền phạt!

Cái ông Đáclơ ấy quả là một nhà cai trị có tài. Khoa cai trị của

---

1. Nguyên văn là "Cahier des droits de l'Homme".

2. *Hội nhân quyền* (Ligue des Droits de l'Homme): một tổ chức dân chủ tư sản nhằm đấu tranh đòi bảo vệ những quyền tự do tư sản. Tổ chức này được thành lập năm 1898 ở Pháp do sáng kiến của nhà văn Pháp Tơrariơ (Ludovic Trarieu) nhân vụ nhà cầm quyền Pháp xử phạt nhà văn Êmin Dôla (Emile Zola).

3. *Cuộc khởi nghĩa ở Thái Nguyên*: tháng 8-1917, dưới sự lãnh đạo của Đội Cấn (tức Trịnh Văn Cấn) và Lương Ngọc Quyến, binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp ở Thái Nguyên nổi dậy, chiếm thị xã. Sau 6 ngày cầm cự với quân Pháp kéo từ Hà Nội lên đàn áp, Lương Ngọc Quyến hy sinh, nghĩa quân rút về hoạt động ở vùng rừng núi các tỉnh Thái Nguyên, Vĩnh Yên, Phúc Yên, Hòa Bình, Sơn Tây.

ông ta, ông ta đã học được ở khu phố Latinh [1] khi ông còn là một anh hàng cháo.

Lúc ấy, ông Đáclơ không có một xu dính túi và mắc nợ như chúa chổm. Nhưng nhờ một chính khách có thế lực, ông ta được bổ nhiệm làm quan cai trị ở Đông Dương.

Chễm chệ đứng đầu một tỉnh có hàng vạn dân, và được giao cho quyền hành tuyệt đối, ông ta vừa là Tỉnh trưởng, vừa là Thị trưởng, vừa là quan tòa, vừa là mõ tòa, vừa là người đốc thuế; tóm lại, ông ta nắm trong tay tất cả mọi quyền hành. Tòa án, thuế khóa, điền thổ, tính mạng và tài sản của người bản xứ, quyền lợi của viên chức, việc bầu cử lý trưởng và chánh tổng, tức là vận mạng của cả một tỉnh được đặt vào tay cái anh hàng cháo ngày xưa ấy.

Ở Pari, không làm giàu nổi bằng cách bóc lột khách hàng, sang Bắc Kỳ ông ta gỡ gạc lại bằng cách bắt bớ, giam cầm, xử tội người Việt Nam một cách độc đoán, để bòn rút họ.

Đây là một vài việc làm rạng rỡ thời thống trị độc tài của vị quan cai trị "dễ thương" ấy mà "nước mẹ" cộng hòa đã có "nhã ý" gửi sang để "khai hóa" cho chúng tôi.

Một số lính tình nguyện (!) bản xứ, bị điệu về để sung vào lính khố đỏ, và vì thế họ phải đi khám sức khỏe. Đó là những người mù chữ, nhút nhát, khi hỏi thì trả lời chậm chạp, nên quan Công sứ đã chửi bới, đấm đá và lấy gậy phang họ túi bụi.

Ba người lính khố xanh để xổng một người tù, đã bị ông Đáclơ đánh đập một cách rất tàn nhẫn, nắm tóc họ kéo lê dưới đất và đập đầu họ vào tường Tòa sứ.

Khi hỏi cung tù nhân, quan Công sứ thường lấy gươm đâm vào đùi họ. Có người khi về đến nhà lao thì lăn ra bất tỉnh.

Một đoàn tù khốn khổ, gầy đói, quần áo tả tơi, bị lôi dậy từ tờ mờ sáng, cổ mang gông, chân buộc xiềng, người nọ bị xích vào người kia, cùng kéo một xe lu to tướng trên những lớp sỏi dày. Hoàn toàn kiệt sức, họ ỳ ạch kéo chiếc xe lu nặng nề dưới ánh nắng như thiêu như đốt. Bỗng quan Công sứ đến. Như lệ thường, quan cầm theo một cái gậy to tướng, rồi bỗng dưng vô cớ, quan xông vào đám người khốn

---

1. *Khu phố Latinh hoặc khu Latinh* (Quartier latin): khu Đại học, nơi ở của học sinh Đại học ở Pari. Tên Darles xuất thân bán hàng quà ở khu phố Latinh mà sang Việt Nam được cử làm quan đứng đầu một tỉnh.

khổ ấy, như con thú dữ, đánh túi bụi, tàn nhẫn không tưởng tượng được, vừa đánh vừa chửi họ là đồ lười.

Một hôm nhà khai hóa của chúng ta vừa quở trách một nhân viên Âu xong, không biết trút cơn giận lên đầu ai được, bèn vớ cái thước sắt trên bàn giấy đập nát hai ngón tay của một viên thư ký người Việt chẳng liên can gì đến việc kia cả.

Một hôm khác, ông ta vụt roi gân bò vào mặt một viên đội người bản xứ trước những người lính dưới quyền anh ta.

Lại một lần khác, có mấy người lính khố xanh làm trái ý ông ta, ông ta bèn cho đem chôn họ đến tận cổ, mãi đến tận khi họ ngắc ngoải mới cho moi lên.

Cứ mỗi khi ông ta đi xem xét các con đường có dân phu làm việc thì số chân người bị đánh què bằng lưỡi xẻng, cán cuốc, phải tính bằng đơn vị nửa tá. Những người dân phu làm đường ấy đều là những người bị ông ta bắt ép đi làm với tiền công mỗi ngày một, hai xu, sau khi họ đã phải nộp tiền chuộc phần tạp dịch của họ với giá mười lăm xu mỗi ngày.

Một lần, ở một công trường, ông ta đã giật súng của một người lính coi tù để đánh một người tù. Người tù tránh được, quan Công sứ quay lại đánh người lính cũng bằng cây súng ấy. Bà Công sứ, người vợ "xứng đáng" của quan lớn, cũng tham gia, bà đánh tù một cách tự nhiên và phạt lính lúc nào cũng được.

Người ta đã trông thấy quan Công sứ dùng gậy đánh một viên đội lòi mắt. Quan còn làm nhiều việc "cao cả" khác nữa mà ở đây chúng tôi không thể nào kể xiết được.

Tất cả những việc kể trên, mọi người đều tai nghe, mắt thấy, kể cả cấp trên của ông ta là quan Toàn quyền, quan Khâm sứ. Để khen thưởng tinh thần "cương quyết" và "đức độ rất cộng hòa" của ông ta, những vị này đã thẳng tay thăng quan tiến chức cho ông ta.

III. QUÝ NGÀI BUĐINÔ, BÔĐOĂNG VÀ NHỮNG NGÀI KHÁC

Mặc các cuộc triển lãm ồn ào, những bài diễn văn rùm beng, những cuộc kinh lý đế vương và những bài báo hoa mỹ, tình hình ở Đông Dương vẫn chẳng ổn chút nào.

Chiếc ghế bị cáo mà quan cai trị liêm chính Lanông vừa rời khỏi chưa kịp nguội, thì người ta lại báo cho chúng tôi biết về những vụ xấu xa khác nữa.

Trước hết là vụ Buđinô. Ông Buđinô là một "nhà khai hóa" điển hình, một vị quan cai trị chuyên ăn hối lộ. Trong số vụ ông ta bị tố cáo, chúng tôi xin kể vụ sau đây:

"Làng Tân An, nơi lỵ sở của tổng, đã lấy quỹ làng và vay tiền để xây dựng một nhà máy điện. Việc kinh doanh rất có lợi, vì thu vượt chi rất nhiều. Ngoài ra, các công sở và đường sá của làng còn được thắp đèn điện không mất tiền.

Nhưng bỗng một quan cai trị khá xảo quyệt [1] (ông Buđinô), đã khéo xoay xở thế nào mà làng Tân An phải chịu nhượng không nhà máy điện cho một anh chàng thầu khoán, để được hưởng cái thú phải trả tiền đèn đường và đèn công sở. Ngày nay làng nhận thấy chuộc lại nhà máy nhượng không ấy là có lợi, và chuộc lại thì phải xuất ra hàng chục nghìn đồng. Câu chuyện này là cả một thiên tiểu thuyết trong đó tài năng hư cấu của một tên cựu tỉnh trưởng đã được tự do phát huy với một sự đểu cáng không thể tưởng tượng nổi".

Vụ xấu xa thứ hai trước mắt là vụ Têa. Một bạn đồng nghiệp ở Đông Dương đã viết về vụ đó như sau:

"Chúng ta đang sống trong một bầu không khí thật là... không bình thường chút nào: chưa xong vụ Buđinô, vụ Luynô, lại đến vụ Têa.

Ông Têa là một kỹ sư xuất sắc, giám đốc một hãng lớn của người Pháp ở Hải Phòng. Ông đã đến tìm ông Xcala, giám đốc thương chính, và tặng trước cho ông này số tiền chè lá một vạn đôla để ký kết một chuyến buôn thuốc phiện với cơ quan Nhà nước. Chắc là ông Têa có những lý do rất đặc biệt để nghĩ rằng việc vận động như thế không có gì là bất thường cả. Như vậy có nghĩa là việc hối lộ là việc thông thường trong chính giới ở Đông Dương. Tất cả những kẻ nào có quyền thế như vậy cũng đều lợi dụng để vơ vét cho đầy túi tham của mình và làm hại lớn cho xã hội".

Nếu như ông Đáclơ, Công sứ khát máu [2] ở Thái Nguyên mà được

---

1. Nguyên văn là "assez ingénieux pour...", nghĩa là "đủ tài tình để..." hoặc "đủ tài khéo để...".

2. Nguyên văn là "tortionnaire", nghĩa là: "dùng để tra tấn". Tác giả ngụ ý ví tên công sứ này như một dụng cụ được chế tạo vì mục đích tra tấn người.

cử làm ủy viên Hội đồng thành phố Sài Gòn, và ông Bôđoăng, người đang được quan tòa Oaren nóng lòng chờ đợi, mà được cử giữ chức quyền Toàn quyền Đông Dương, thì các ông Têa và Buđinô ít ra cũng nên được gắn bội tinh mới phải.

Chương V
NHỮNG NHÀ KHAI HÓA

Xin hỏi: có phải là Sở Mật thám của phủ Toàn quyền Đông Dương có một nhân viên người Pháp tên là C... không? Có phải chính tên C... ấy trong khi được phái đi "công cán" ở Phú Xuyên, đã bắt người Việt Nam ở đây gọi hắn bằng "quan lớn", và đã đánh đập tàn nhẫn những ai không nhanh miệng chào hắn như thế không? Có phải cũng chính tên C... này đã hiếp dâm một người lính lệ không? À té ra cái gì người ta cũng được phép và có thể làm được ở cái thiên đường Đông Dương ấy.

*

* *

Giữa tháng 12-1922, một viên đội phó cảnh binh Pháp ở Sài Gòn, "say mềm", đã vào nhà một người bản xứ và làm bị thương nặng hai người trong nhà, trong đó có một người đàn bà.

Khi ông dự thẩm hỏi cung thì tên cảnh binh ấy khai là *hắn không còn nhớ gì cả,* và chối phăng là hắn không say.

Trái lại, các nhân chứng, trong đó có một người Âu, đều xác nhận rằng lúc xảy ra vụ thương tâm ấy, *người bảo vệ trật tự* kia quả là không ở trong trạng thái bình thường.

Người "khai hóa" ấy say hay là điên, điều đó không quan trọng, chúng tôi chỉ thiết tha mong rằng anh ta sẽ được tặng thưởng huân chương về hành động "dũng cảm" của anh ta (!).

*

* *

Ở thuộc địa, hễ có màu da trắng là quý phái, là thuộc chủng tộc

thượng đẳng. Để giữ thể thống, anh tây đoan hạng bét cũng có ít nhất một người ở, một người "bồi", và người này thường thường lại bị dùng làm "người hầu gái vạn năng".

Đầy tớ người bản xứ đã dễ bảo lại rẻ tiền, nên nhiều viên chức thuộc địa về nghỉ hoặc về hưu mang theo cả người ở về nước.

Chẳng hạn như ông Giăng Lơ M...rinhy ở phố Cácnô, thành phố Sécbua. Ông ấy ở Đông Dương về, mang theo một người bồi lương tháng 35 quan. Chẳng cần phải nói, bạn cũng biết rằng, người bồi ấy phải làm quần quật từ mờ sáng đến đêm khuya. Trong nhà ấy, không có chủ nhật, cũng chẳng có ngày lễ. Hơn nữa, người ta cho anh ăn uống hết sức kham khổ, và chỗ ở rất tồi tệ.

Một hôm ông Giăng Lơ M...rinhy muốn sai người "được bảo hộ" của mình về làm lụng ở thôn quê. Vì đã từng được nếm cuộc sống sung sướng ở thôn quê mà ông chủ quý hóa dành cho, nên anh không chịu đi.

Thế là nhà "cựu khai hóa" kia nổi cơn thịnh nộ nện cho anh ta một trận nên thân, rồi đuổi ra khỏi nhà, nhưng lại giữ tất cả tài sản của anh ta: tiền bạc, hòm xiểng, quần áo, v.v..., mà nhất định không chịu trả lại, mặc dù anh đã nhiều lần van nài. Bị đuổi đột ngột, trơ hai bàn tay trắng, không biết tiếng Pháp, không bạn bè thân thích, bơ vơ lạc lõng, con người bất hạnh đó đang lâm vào cảnh cùng khổ ghê gớm.

*

* *

Viên chức thuộc địa là nguyên nhân chính gây ra nạn đời sống đắt đỏ ở thuộc địa. Muốn biết nhân tố ăn bám ấy đè nặng lên ngân sách đến mức nào, nghĩa là đè lên lưng nhân dân lao động như thế nào, hãy so sánh những con số sau đây:

Ở Ấn Độ thuộc Anh, dân số 325 triệu người, có 4.898 viên chức người Âu.

Ở Đông Dương thuộc Pháp, dân số 15 triệu người, có 4.300 viên chức người Âu.

Như thế nghĩa là ở thuộc địa Anh, cứ 66.150 người dân thì có một viên chức người Âu, còn ở thuộc địa Pháp, thì cứ 3.490 người dân đã có một viên chức người Âu.

Ở Ấn Độ, ngành thương chính có 240 viên chức người Âu. Ở Đông Dương, ngành thương chính có 1.100 viên chức người Âu.

Ở Ấn Độ, có 26.000 nhà dây thép với 268 viên chức người Âu. Ở Đông Dương, có 330 nhà dây thép với 340 viên chức người Âu.

Tại sao ở Đông Dương, cái loài ăn hại ngân sách ấy lại nhiều đến thế? Bởi vì thuộc địa là một thiên đường ở trần gian; ở đó, trừ một vài trường hợp rất hiếm hoi, còn thì tất cả những cặn bã trong các ngành chính trị, tài chính, báo chí, v.v... mà chính quốc thải ra, đều tìm được môi trường rất thích hợp để phát triển... Hãy bắt đầu từ nhân vật quan trọng nhất [1] là viên Toàn quyền. Về vấn đề này, một người thực dân không thiên vị đã viết: "Sang Bắc Kỳ, các ông Toàn quyền chỉ nhằm một mục đích là: tìm chỗ bổ dụng bạn bè, con cháu thân thuộc và bọn vận động bầu cử của những bậc quyền thế có thể làm chỗ dựa cho mình; thường thường bọn này là những người mắc nợ như chúa chổm, bị chủ nợ săn lùng, phải có tiền cho chúng mới được...".

Đối với nhà văn thanh cao nào muốn viết lịch sử huy hoàng của công cuộc khai hóa thuộc địa, thì cuộc chiến tranh gọi là vì công lý và chính nghĩa sẽ là nguồn tài liệu vô tận. Với một cử chỉ say sưa và hùng biện, ông Anbe Xarô nói: "Chính công cuộc chinh phục thuộc địa đã đào tạo nên phần lớn những vị tướng lĩnh vĩ đại đã đưa chúng ta đến chiến thắng và đã từng được dư luận nước Pháp ca tụng chiến công và thanh danh khi họ đưa ngọn cờ của chúng ta đi khắp đất Á, trời Phi".

Cũng với ý nghĩa thẳng thắn như thế, nhưng bằng lời lẽ kém bay bướm hơn, tờ *Nhật báo Giơnevơ* [2] (à, lại có quỷ sứ ở Giơnevơ chăng?) đã nói toạc ra rằng: "Chính phủ Cộng hòa đã đi tìm thuộc địa để *gỡ gạc lại trận thất bại năm 1870.* [3] Dân tộc Pháp coi việc chinh phục thuộc địa như là một sự *đền bù lại những thất vọng cay đắng của mình ở châu Âu,* và bọn quân nhân thì vớ được *dịp để trổ tài trong những trận thắng dễ dàng*".

Nghe những lời chứng có thẩm quyền như thế, mà bạn vẫn cứ khăng khăng không tin rằng việc khai thác thuộc địa là một sứ mệnh "khai hóa" và "nhân đạo" không hơn không kém, thì thật là hết chỗ nói!

---

1. Nguyên văn là "le plus gros des légumes", nghĩa đen là "thứ rau to nhất". Nên dịch là "kẻ đầu sỏ".

2. Nguyên văn là *"Le journal de Genève"*

3. *Thất bại năm 1870*: thất bại của Pháp trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ năm 1870-1871

*

* *

1. Ông Ghinôđô bị mất trộm số tiền 5.000 quan. Muốn bắt những người bản xứ làm việc ở nhà ông phải thú nhận, "ông chủ tốt bụng" và "nhà khai hóa vĩ đại" đó đã đem họ ra tra điện. Nhưng sau, người ta tìm ra kẻ cắp thì lại không phải là một người bản xứ, mà chính là một nhà "khai hóa" khác: ấy là cậu ấm con ngài Ghinôđô! Thế mà ông Ghinôđô vẫn được vô tội, còn tám người bản xứ giúp việc ông thì hiện vẫn còn nằm nhà thương.

2. Ông Vônla, "nhà khai hóa" kiêm nhà buôn, không trả lương đều đặn cho những nhân viên bản xứ làm cho ông. Một trong những nhân viên đó nhờ viên đốc công hỏi hộ cho anh số lương chủ còn thiếu. Ông Vônla bèn đưa cho viên đốc công một mảnh giấy ghi mấy chữ sau đây: "Bảo cái con lợn ấy lấy c... mà ăn, chỉ có món ấy là hợp với nó thôi".

Việc này xảy ra ở Tuynidi, năm 1923, ngay giữa lúc ông Tổng thống Milơrăng đi kinh lý ở đó.

*

* *

Khi người ta có màu da trắng thì nghiễm nhiên người ta là một nhà khai hóa. Mà khi người ta đã là một nhà khai hóa thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất.

Cho nên, một viên đốc công lục lộ ở Nam Kỳ đã bắt những người Việt Nam gặp trên đường phải lạy chào hắn theo đúng nghi thức của chủng tộc chiến bại đối với chủng tộc chiến thắng.

Một hôm, một viên thư ký người bản xứ ở sở ra, vừa đi vừa đọc một quyển tiểu thuyết. Đến một đoạn hài hước, anh bật lên cười. Vừa lúc ấy viên đốc công lục lộ đi tới. Ông ta nổi cơn giận lên, thứ nhất là vì người bản xứ ấy mải đọc truyện đến nỗi không nhìn thấy ông mà chào; thứ hai là vì một người bản xứ mà lại dám cười khi đi qua trước mặt một người da trắng. Thế là nhà khai hóa nắm viên thư ký lại, buộc anh phải khai tên và hỏi anh có muốn ăn một cái tát không. Tất nhiên là người thư ký từ chối món quà quá hào hiệp đó, và tỏ vẻ ngạc nhiên tại sao lại có chuyện thóa mạ như thế được. Thế là chẳng nói chẳng rằng, người viên chức Pháp túm áo người bản xứ ấy lôi đến trước quan chủ tỉnh.

Cũng vẫn cái lão đốc công lục lộ ấy, lấy cớ là phải sắp xếp nhà cửa, vườn tược lại cho ngay ngắn, đã ra lệnh cho nhân dân ở hai bên đường hàng tỉnh phải dọn nhà đi, chặt cây và phá vườn trong một thời hạn do hắn quy định, nếu không thì sẽ bị phạt tiền.

Như thế đấy, mà người ta vẫn cứ ngạc nhiên vì sao người bản xứ ở các thuộc địa lại cứ bất bình!

Chẳng những bọn Thống đốc, Công sứ muốn làm gì thì làm, mà cả các nhân viên nhà đoan, cảnh binh và tất cả những ai có tí chút quyền hành trong tay cũng đều sử dụng và lạm dụng quyền hành để thả cửa làm bậy, vì họ biết chắc rằng sẽ không bị tội vạ gì hết.

Một viên cẩm ở Tuyên Quang (Bắc Kỳ) đã đánh một người bản xứ gãy cả hai cánh tay. Một viên cẩm khác ở Đà Lạt (Trung Kỳ) vừa mới sáng tạo ra một lối mua bán cực kỳ lý thú, chúng tôi xin thuật ra đây để hiến quý ngài Điô và Xarô. [1] Một hôm ông cẩm cần gỗ ván, ông sai lính ra phố mua. Mua là một cách nói thôi, chứ ông ta có đưa tiền cho lính của ông ta đâu. Tuy vậy, lính của ông ta cũng cứ ra phố, vào hàng chọn gỗ và định mang đi, cố nhiên là không trả tiền. Người bán gỗ không cho. Lính trở về báo cáo với quan Tây "yêu sách quái gở" của nhà buôn ấy.

Điên tiết lên, ông cẩm phái ba người lính mang súng đến bắt người bán gỗ to gan đó. Người này đang bị cảm không chịu đi. Lính về báo lại với ông cẩm. Tức giận đến cực độ, ông liền phái thêm ba người lính nữa nhập với tốp trước, và hạ lệnh cho họ phải bắt bằng được tên cứng đầu cứng cổ kia đem về dù sống hay chết.

Toán lính vũ trang đến bao vây cửa hiệu bán gỗ và sắp sửa thi hành mệnh lệnh.

Lúc ấy, một nhà buôn người Âu can thiệp, bênh người bán gỗ bản xứ, và viết thư cho ông cẩm. Nhưng người cộng sự đầy nghị lực của ông Môrixơ Lông vẫn không chịu thu hồi "trát đòi" người bán gỗ và cho biết rằng, nếu anh ta không chịu đến thì sẽ gặp nhiều chuyện rắc rối.

Nhà buôn người bản xứ ấy đành phải bỏ công việc làm ăn, bỏ cả quê hương để lẩn tránh cơn tức giận "khai hóa" của vị quan da trắng.

---

1. *Điô* (Dior) và *Xarô* (Sarraut): hai tên trùm thực dân thường huênh hoang về sự nghiệp "khai hóa" của đế quốc Pháp.

*
* *

Bảy người Việt Nam đáng thương đang bơi một chiếc xuồng dài mỏng mảnh; đã xuôi dòng nước, lại có đến bảy tay chèo nên chiếc xuồng đi vùn vụt như một chiếc xuồng máy. Bỗng thuyền của một nhân viên nhà đoan khuất sau đám cây được trong lạch hiện ra, với quốc kỳ Pháp cắm sau lái. Một thủy thủ trên thuyền nhà đoan gọi, bảo xuồng kia dừng lại; người trên xuồng vẫn chèo. Thuyền của viên tây đoan đi chậm không đuổi kịp. Viên đoan liền cầm súng oanhsitơ bắn theo. Đoàng! Đoàng! Một người đang chèo thét lên rồi ngã gục. Đoàng! Lại một người nữa ngã gục. Lúc ấy, một người Âu khác, làm nghề gạch ngói, vừa đi xuống tới, cũng tham gia đột kích "bọn cướp" kia ở một khúc ngoẹo. Đoàng! Đoàng! Đoàng! Quả là tay súng cừ! Ba viên đạn, ba nạn nhân. Chiếc xuồng cùng hai người sống sót mất hút trong lạch...

Một hôm khác, cũng viên đoan ấy đi với sáu thủy thủ vũ trang, phát hiện được một người khốn khổ đang trốn dưới ao, ngâm mình dưới bùn, thở bằng một cái ống, một đầu ngậm ở miệng, một đầu để ló ra khỏi mặt nước; trên mặt nước lá sen che phủ một cách rất khéo. Viên tây đoan liền bắt và chặt đầu "tên cướp" ấy đem về Tòa sứ. Thật ra, đó chỉ là một nông dân bình thường khiếp sợ vì thấy có nhiều người lạ mặt đến làng, mặt mày hung tợn, mang đầy súng lục, túi đạn, lăm lăm súng oanhsitơ trên tay. Số là bọn nhà đoan vào các túp lều trong làng đã tìm thấy ba chiếc vỏ đạn, mấy cái bánh tàu và một cái búa đi rừng. Vậy đích thị là một làng làm giặc và tiếp tế cho giặc rồi, còn nghi ngờ gì nữa!

Một sĩ quan trẻ tuổi vừa ở Pháp sang, đến một làng nọ, thấy nhà cửa vắng vẻ, còn dân chúng thì tụ tập lại một chỗ. Tưởng đâu đã lọt vào ổ phục kích, hắn bắn xả vào đám đông vô tội. Thật ra thì dân chúng đương họp để cúng tế. Bị bắn, họ kinh hoảng bỏ chạy tán loạn. Tên sĩ quan đuổi theo và tàn sát họ.

Một người Pháp đã từng ở Bắc Kỳ lâu năm kể: Khi từ chiếc tàu của một nhà kinh doanh lớn, tôi đặt chân lên Bắc Kỳ, anh có biết mạng của một người Việt Nam đáng giá bao nhiêu không? Không đáng một trinh! Thật đấy.

– Này nhé, tôi còn nhớ, khi chúng tôi ngược sông Hồng, người ta đã đem rượu ra đánh cuộc xem ai ngồi dưới tàu, bắn mười phát mà "hạ sát" được nhiều người Việt nhất ở trên bờ.

Một đội kê súng cầm tay đi lùng bắt dân làng, thuyền bè để đòi tiền chuộc.

Một đại đội thủy quân lục chiến hành quân đến Vĩnh Thượng. Theo phép lịch sự, viên quan địa phương dàn lính (bọn lính lệ) nghênh tiếp. Tên chỉ huy toán lính đi dò đường của đại đội thấy thế đã ra lệnh bắn vào họ, làm nhiều người chết.

Khi người ta không trừ nổi một nghĩa quân thì người ta đốt làng người ấy. Người ta đã triệt hạ cả một vùng xung quanh Hưng Hóa như vậy.

Một người Việt đang đi lảo đảo trên một con đường nhỏ hẻo lánh, vai gánh hai thúng to đầy lạc. Chúng tôi tới gần, hắn ta không kịp tránh. Tức thời người ta bắt hắn và bắn chết.

Suốt ngày, người ta vác gậy hoặc sống gươm nện vào người Việt để bắt họ làm việc.

Người Việt Nam rất hiền lành, rất ngoan ngoãn, nhưng người ta lại nói chuyện với họ chỉ bằng những cái đá đít thôi.

Chúng ta [1] coi những người Việt Nam yêu nước là những tên cướp. Chẳng hạn như Đội Văn [2] một người yêu nước đã từng chiến đấu mấy năm trời chống lại sự thống trị của người nước ngoài, bị chém tại Hà Nội, bêu đầu ở Bắc Ninh, ném xác xuống sông Hồng.

Tống Duy Tân [3] sau mười năm ròng rã chiến đấu tuyệt vọng đã bị bắt và bị chém.

Phan Đình Phùng, [4] một vị quan to, kháng chiến trong mười năm trời rồi chết trong rừng sâu. Ông ta chết rồi mà chúng ta [5] vẫn không tha; người ta vào rừng quật mộ ông lên, ném thi hài ông mỗi nơi một

---

1,5. *Chúng ta*: người Pháp.

2. *Đội Văn* (còn gọi là Tuần Văn): một trong những người chỉ huy cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1885 - 1889) thuộc tỉnh Hưng Yên cũ, do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo.

Năm 1889, bị khủng bố dữ, Đội Văn trá hàng, được Pháp cấp cho 500 quân để đánh lại nghĩa quân. Ông mang toàn bộ quân lính và vũ khí gia nhập nghĩa quân Hoàng Hoa Thám đánh lại quân Pháp.

3. *Tống Duy Tân* (1838–1892): một sĩ phu yêu nước, hưởng ứng phong trào Cần vương (do vua Hàm Nghi phát động, 1885), lãnh đạo nhân dân chống Pháp ở vùng núi Hùng Lĩnh (Thanh Hóa).

4. *Phan Đình Phùng* (1847–1895): một sĩ phu yêu nước nổi tiếng. Năm 1885, hưởng ứng chiếu Cần vương của vua Hàm Nghi, ông phát động khởi nghĩa ở quê ông, dựa vào vùng rừng núi Hương Sơn (Hà Tĩnh) làm căn cứ chống Pháp. Địch dụ dỗ và dùng vũ lực uy hiếp, ông không chịu khuất phục. Năm 1895, ông lâm bệnh mất tại căn cứ.

mảnh. Người ta báo thù ông ngay sau khi ông đã nằm sâu dưới mộ.

Ở tỉnh Quảng Trị, một viên cai lục lộ người Pháp say rượu đã "hạ" một người bản xứ ngồi trên lưng voi, chỉ vì tội không nghe rõ hay là không hiểu lệnh của hắn.

Một viên tây đoan ở Bà Rịa (Nam Kỳ) cũng say rượu, phang một gậy trúng lá lách một thủy thủ Việt Nam thuộc quyền hắn, làm cho anh ta chết tươi.

Một viên thầu khoán người Pháp giết một lính khố xanh ở Đà Lạt. Cũng ở đấy, một nhà khai hóa khác đã đánh một người thợ mộc bản xứ đến chết.

Một viên thầu khoán bắt thợ làm việc ngày đêm dưới nước để đào một đường hầm. Một số đông thợ chết, những người còn sống sót bãi công. Viên thầu khoán đã tự tay đốt nhà những người bãi công để buộc họ phải đi làm trở lại. Cả một làng cháy rực giữa đêm tối.

Một viên chánh quản pháo binh nửa đêm vào nhà một bà vắng chồng. Bà ta không chịu tiếp hắn. Thế là hắn nổi lửa đốt nhà bà. Dĩ nhiên, người đàn bà đau khổ kia hết sức sợ hãi.

Một viên quan hai nhiều vợ, đã quật ngã một thiếu phụ, dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu ăn ở với hắn.

Một viên chức ở xưởng đóng tàu của hải quân giết một nhân viên hỏa xa người Việt bằng cách xô anh vào một đống than hồng sau khi đánh đập anh hết sức tàn nhẫn.

*

* *

Ông Vinhê Đốctông viết: "Trên thế giới không có dân tộc chiến bại nào bị đàn áp và hành hạ như người dân thuộc địa".

Một nhà du lịch khác viết: "Đời sống ở thuộc địa chỉ làm cho tật xấu của cá nhân phát triển: những kẻ đã nếm mùi chiến tranh thì càng mất hết ý thức đạo đức, càng trụy lạc, bất lương và độc ác; những bọn con buôn và bọn phiêu lưu khác thì càng quen mùi trộm cắp, cướp giật. Ở bên Pháp ít có dịp để làm những việc đó, và người ta sợ cảnh sát hơn! Ở đây, bọn nói trên, đôi khi chỉ có một mình với vài người bản xứ, trên một con thuyền hoặc trong một thôn xóm: vì vậy chúng cướp bóc trắng trợn hơn là người Âu trên thị trường, và đối xử tàn nhẫn hơn với những nông dân nào phản đối chúng".

Một nhà du lịch thứ ba viết: Khi đặt chân đến đây, tất cả những người Pháp đều nghĩ rằng người Việt Nam là hạng người thấp kém và phải làm nô lệ cho họ. Họ coi người Việt Nam như những súc vật phải điều khiển bằng roi vọt. Tất cả đều quen tự coi mình thuộc một đẳng cấp quý tộc mới, có đặc quyền đặc lợi. Binh sĩ hay là thực dân, họ đều cho rằng giữa họ và người bản xứ không có cách đối xử nào khác hơn là sự đối xử giữa chủ và tớ. Hình như đối với họ, người bồi là tiêu biểu của cả chủng tộc da vàng. Phải nghe một người Pháp ở Đông Dương nói về người da vàng mới thấy hết cái ngu xuẩn trong lối nói ngạo mạn của hắn. Phải nhìn một người Âu đối xử với người bản xứ mới thấy hết cái cục cằn thô lỗ của hắn.

Kẻ đi chinh phục rất quan tâm đến thái độ phục tùng và cung kính của người bị chinh phục. Người Việt Nam ở thành thị cũng như ở nông thôn đều bắt buộc phải ngả nón trước mặt người Âu.

Một tên mật thám Pháp đánh đập tàn nhẫn những người Việt Nam nào quên không gọi hắn ta bằng quan lớn. Một tên tham tá nhà đoan buộc những người bản xứ khi đi qua nhà hắn phải ngả mũ hoặc xuống xe, xuống ngựa. Một hôm, nhà khai hóa này đánh đập tàn nhẫn một chị người Việt đang có mang, chỉ vì chị có chào hắn, nhưng lại quên gọi hắn là quan lớn. Hắn đá một cái rất mạnh vào bụng chị làm chị trụy thai, ít lâu sau thì người đàn bà khốn khổ ấy chết.

Các quan bảo hộ của chúng ta buộc người Việt Nam phải khúm núm, ngoan ngoãn, dễ bảo và lễ phép, nhưng ngược lại, về phía các quan, thì như một nhà văn sang thăm Đông Dương đã viết: "Hình như họ chỉ làm những điều khiến cho sự có mặt của chúng ta trở thành một điều xấu xa bỉ ổi không ai chịu được". Nhà văn ấy còn viết tiếp: "Ở châu Âu, người ta coi giống người da vàng chứa đựng tất cả những thói điêu ngoa xảo trá. Ấy thế mà, chính chúng ta thì lại rất ít chú ý tỏ ra là mình ngay thẳng, thành thật".

Có những sĩ quan đã giật râu nhà sư ngay trong lúc họ làm lễ. Một cậu ấm người Pháp đã đánh nhừ đòn một viên chức người Việt, vì ông này đã ngồi trước trên một chiếc xe hàng mà không chịu nhường chỗ cho cậu.

Một viên Toàn quyền vừa về tới Mácxây, người ta thết tiệc ông ta và đề nghị cho mấy viên quan Nam triều đang có mặt ở cảng đến cùng dự. Viên Toàn quyền Đông Dương đáp: "Nếu các ông mời các tên quan lại ấy, thì tôi cũng sẽ đưa tên bồi của tôi đến".

*

*   *

Chúng tôi xin trích trong nhật ký đi đường của một anh lính thuộc địa, sự việc sau đây:

– Trong khi "những người từng ở Bắc Kỳ" đang vui chơi nhởn nhơ trên tàu, thì dưới mạn tàu phía bên phải, có mấy chiếc xuồng bán hoa quả, ốc hến. Để đưa hàng đến tận tay chúng tôi, những người Việt Nam buộc giỏ đựng hàng vào đầu ngọn sào, rồi giơ lên. Chúng tôi chỉ có mất công chọn. Nhưng đáng lẽ trả tiền, thì người ta lại có nhã ý bỏ vào giỏ đủ thứ như sau: ống điếu, khuy quần, mẩu tàn thuốc (có lẽ họ làm như thế để giáo dục tính ngay thật trong việc mua bán cho người bản xứ chăng!). Đôi khi để đùa vui, một anh thợ đốt máy hắt một thùng nước sôi xuống lưng những người bán hàng khốn khổ. Thế là, những tiếng kêu rú lên, mái chèo vung lên loạn xạ để bơi tránh, làm cho xuồng va chạm vào nhau lộc cộc.

"Ngay bên dưới tôi, một người Việt Nam bị giội nước sôi, **bỏng từ đầu đến chân,** phát điên lên muốn nhảy xuống biển. Người anh của anh ta, quên cả nguy hiểm, bỏ chèo, ôm lấy anh, bắt anh nằm xuống lòng thuyền. Cuộc vật lộn chớp nhoáng vừa chấm dứt thì một thùng nước sôi thứ hai do một bàn tay thành thạo lại giội xuống; thế là đến lượt **chính người anh, người đi cứu, bị luộc chín.** Tôi trông thấy ông ta giãy giụa trong thuyền, da bị lột ra, gào rống lên như một con vật. Thế nhưng cảnh đó lại làm cho chúng tôi cười, chúng tôi cho là rất ngộ nghĩnh. **Quả thật chúng tôi đã có tâm hồn thực dân!".**

Ở một trang khác, anh lính viết:

– Trong thời kỳ tôi ở đấy (ở Bắc Kỳ), không có tuần nào là tôi không thấy vài cái đầu rụng.

Trong những cảnh ấy, tôi chỉ còn ghi nhớ được một điều là chúng ta còn độc ác, còn dã man hơn cả bọn cướp nhà nghề. Tại sao lại có những hành vi quái ác đến thế đối với một người tù sắp phải chết? Tại sao lại dùng nhục hình, tại sao phải giải từng đoàn tù đi bêu khắp xóm làng?

*

*   *

Ông Đume, cựu Toàn quyền Đông Dương, đã trịnh trọng phát biểu tại Hạ nghị viện như sau: "Tôi hiểu rõ những cảnh binh ở thuộc địa. Tôi đã từng cho tăng số đội cảnh binh lên, vì tôi đã nhận thấy rằng lực lượng cảnh binh bảo đảm cho người bản xứ tránh được những sự hà lạm có thể do một số tên thực dân gây ra. *Cảnh binh rất được lòng người bản xứ*".

Chúng ta hãy xem các ông cảnh binh đã làm thế nào để "được lòng dân". Phải nói ngay rằng, nhìn chung, các ông rất hiền từ đối với bọn côn đồ, đó là điều chắc chắn rồi. Nhưng đối với dân hiền lành thì lại là chuyện khác. Chúng ta chưa cần nói đến chuyện thương tâm xảy ra tại Khám lớn Sài Gòn năm 1916, năm mà các ngài cảnh binh, do "nhiệt tình yêu nước", đã bắt người bừa bãi, và những người vô tội bị bắt ấy đã bị kết án và hành hình. Dù máu người Việt Nam nhuộm đỏ "đồng Mả ngụy" [1] có phai đi với thời gian chăng nữa, thì vết thương lòng của những bà mẹ già, những người vợ góa, những đứa con côi không bao giờ hàn gắn được. Bọn thủ phạm gây ra vụ đó, mà cảnh binh là công cụ hèn mạt của chúng, không hề bị trừng trị, chúng cũng chưa hề bị truy tố. Bây giờ chỉ xin nêu một vài trường hợp đặc biệt:

Một viên cẩm ở Bắc Kỳ suốt ngày đi dọc các cống rãnh, bảo là để gìn giữ vệ sinh. Hễ bắt gặp được dù chỉ một cuộng cỏ trên dòng nước, là tức khắc hắn trừng trị và phạt tiền những người dân nghèo khổ ở quanh đấy.

Ở miền Tây Nam Bộ, nhằm tránh tai nạn trong các kênh có thuyền bè đi lại, mỗi con kênh đều có một trạm cảnh binh làm nhiệm vụ kiểm soát không cho thuyền bè đi quá nhanh hoặc làm trở ngại giao thông. Nhưng với sự có mặt của bọn cảnh binh, thì đó là một cái "cửa cống" tuôn ra không biết bao nhiêu vụ phạt tiền, phạt vi cảnh. Hầu hết thuyền bè qua lại trên các kênh lạch có trạm cảnh binh ấy đều bị phạt từ một đến hai đồng. Như thế là ngoài các khoản thuế của Nhà nước chồng chất lên ngập đầu, còn thêm thuế sông nước do các ngài cảnh binh "được lòng dân" đặt ra nữa; nên người dân Việt Nam thật là sung sướng, sung sướng lắm!

Ngoài việc thăng thưởng dành cho những người đắc lực nhất,

1. *Đồng Mả ngụy*: tên một cánh đồng xưa kia bọn phong kiến Nam Kỳ đã chôn những người khởi nghĩa chống lại triều đình nhà Nguyễn. Người Pháp gọi là "Plaine des Tombeaux". Cánh đồng này ở vùng Sài Gòn, nay không còn dấu vết nữa.

nghe đâu các ngài cảnh binh còn được hưởng món hoa hồng bằng 20% số tiền phạt nữa thì phải! Chế độ tốt đẹp thay!

Một tờ báo bản xứ viết: "Dân bản xứ không muốn có cảnh binh Pháp nữa, vì đó thường là mối tai họa cho người lương thiện".

*

*   *

Một gã Puốcxinhông nào đó thấy một người Việt Nam dám tò mò và cả gan nhìn vào nhà hắn trong vài giây, hắn đã nhảy xổ ra đánh và giết anh ta bằng một phát súng lục vào đầu.

Một nhân viên hỏa xa người Pháp ở Bắc Kỳ lấy roi mây quất một người lý trưởng, rồi bắt nhốt vào cũi chó.

Ông Bếc đấm vỡ sọ người lái xe cho ông ta.

Ông Brét thầu khoán, trói một người Việt Nam cho chó cắn, rồi đá anh ta cho đến chết.

Ông Đépphi, chủ sự thuế quan, đá vào hông người đầy tớ một cái rất mạnh làm anh này chết tươi.

Ông Hăngri, thợ máy, nghe có tiếng ồn ào ngoài phố: cửa nhà ông vừa mở; một chị người Việt Nam chạy xộc vào, có một người đàn ông bản xứ đuổi theo. Hăngri tưởng người đàn ông kia ghẹo "con gái" [1] của mình, liền vớ ngay khẩu súng săn, bắn một phát, người kia ngã gục.

Một người Pháp đem ngựa của hắn buộc vào một tàu ngựa trong đó đã có con ngựa cái của một người dân bản xứ. Con ngựa đực lồng lên làm cho người Pháp tức điên đầu. Hắn liền đánh người bản xứ ấy hộc máu mồm máu mũi, rồi trói anh ta lại, treo lên cầu thang.

Một nhà truyền giáo (vâng, một tông đồ hiền lành của chúa!) nghi cho một học sinh chủng viện bản xứ lấy cắp một nghìn đồng; hắn trói anh ta lại rút lên xà nhà mà đánh. Người học sinh tội nghiệp kia ngất đi. Hắn hạ anh ta xuống. Anh hồi tỉnh, hắn lại rút anh lên, tra khảo. Người bản xứ đó dở sống dở chết. Có lẽ hôm nay thì đã chết thật.

---

1. Hồi Pháp thống trị nước ta, người Pháp thường nuôi những người thiếu nữ Việt Nam, vừa làm người hầu hạ, may vá, vừa làm trò chơi; chúng gọi những người ấy là "con gái". Khi một người Pháp nói "ma con gái" (đứa con gái của tôi) cũng như nói "mon boy" (người bồi của tôi) vậy.

Vân vân và vân vân.

Tòa án có trừng phạt những kẻ ấy, những nhà "khai hóa" ấy không?

Một số đã được tha bổng, còn một số thì chẳng hề bị động tới lông chân.

*

* *

Một tên thực dân Pháp thấy ba người bản xứ thả cừu vào vườn ôliu của hắn. Hắn bảo vợ đem súng đạn ra; nấp vào bụi rậm, hắn bắn ba phát, làm bị thương nặng cả ba người.

Một tên thực dân Pháp khác có hai công nhân người bản xứ giúp việc là Amđuni và Ben Benkhia [1]. Hai người này hình như có hái trộm vài chùm nho. Tên thực dân liền cho gọi họ đến, lấy roi gân bò quất xối xả vào họ cho đến chết ngất. Khi họ tỉnh lại thì quan lớn bảo hộ sai trói giật cánh khuỷu lại và treo lên. Mặc dù hai người khốn khổ kia đã mê man bất tỉnh, cuộc hành hạ ghê tởm đó vẫn cứ kéo dài suốt bốn tiếng đồng hồ cho đến khi có người láng giềng phản đối mới thôi.

Khiêng vào bệnh viện, mỗi người bị cưa mất một bàn tay. Còn bàn tay kia cũng không chắc gì cứu khỏi.

*

* *

Một người Việt Nam, 50 tuổi, từng làm việc 25 năm ở Sở Xe lửa Nam Kỳ, đã bị một viên chức da trắng giết chết. Đầu đuôi như sau:

Ông Lê Văn Tài có bốn người giúp việc dưới quyền mình. Phận sự của họ là đóng cầu mỗi khi có xe lửa đi qua và mở cầu cho thuyền bè qua lại. Theo lệ thì phải đóng cầu mười phút trước khi xe lửa đi qua.

Ngày 2-4, hồi 16 giờ 30 phút, một người trong bọn họ vừa mới đóng cầu và treo tín hiệu xong thì một *xuồng máy công đi đến; trên xuồng có một viên chức người Pháp của xưởng đóng tàu hải quân đi*

---

1. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc có viết riêng một bài về "vụ" hành hạ hai công nhân bản xứ này. Xem bài *Vụ hành hạ Amđuni và Ben Benkhia* đã in ở phần trên, tr. 109-110.

săn về. Chiếc xuồng kéo còi. Nhân viên bản xứ liền ra giữa cầu phất cờ đỏ báo cho những người trên xuồng biết xe lửa sắp chạy qua. Thế là chiếc xuồng cập vào một trụ cầu. Người viên chức Pháp nhảy lên bờ, hầm hầm đi về phía người Việt Nam. Anh này khôn ý chạy về phía nhà ông Tài là "xếp" của mình. Người Pháp đuổi bắt, lấy đá ném theo. Nghe tiếng ồn ào, ông Tài chạy ra, đón viên đại diện của "văn minh", thì viên này sừng sộ mắng vào mặt ông: "Đồ súc sinh! Tại sao mày không mở cầu ra?". Vốn không biết nói tiếng Pháp, ông Tài chỉ còn biết trả lời hắn bằng cách trỏ tay vào cái tín hiệu màu đỏ. Cử chỉ đơn giản ấy làm cho vị cộng sự của ngài Toàn quyền Lông phát khùng lên. Không phân phải trái, hắn ta nhảy xổ vào ông Tài và *sau khi đánh ông nhừ tử, hắn xô ông vào một đống than hồng gần đó*.

Người Việt Nam gác cầu ấy bị bỏng một cách rùng rợn, phải chở đến nhà thương, và sau sáu ngày giãy giụa, ông đã chết.

Người viên chức kia vẫn được vô sự, không bị đòi hỏi gì cả. Trong lúc ở Mácxây người ta trưng bày sự phồn vinh giả tạo của xứ Đông Dương, thì ở Trung Kỳ dân đang chết đói. Ở đây người ta ca ngợi lòng trung thành, thì ở bên kia người ta đang giết người!

Trong khi tính mạng một người Việt Nam bị rẻ rúng không đáng giá một trinh, thì ngài tổng thanh tra Rêna chỉ bị sướt một chút da ở cánh tay lại được lĩnh đến 120.000 frăng bồi thường.

*

*   *

Công cuộc "khai hóa" người Marốc bằng đại bác vẫn tiếp diễn.

Một viên chỉ huy bộ binh Zuavơ [1] đóng ở Xéttát, đã nói với binh sĩ như thế này: "Chúng ta phải diệt cho xong lũ man rợ này. Đất Marốc giàu khoáng sản và nông sản. Chúng ta, những người Pháp, những người văn minh, chúng ta đến đây với hai mục đích: khai hóa và *làm giàu cho chúng ta*".

Viên chỉ huy ấy nói đúng đấy. Nhất là ông ta đã thành thật thú nhận rằng người ta sang thuộc địa là để cướp bóc người bản xứ. Bởi

1. *Zuavơ* (Zouaves): danh từ dùng để chỉ những binh lính thuộc những đơn vị quân đội thực dân Pháp lúc mới thành lập chỉ gồm những người bản xứ Angiêri ở vùng Zouagha, một địa phương thuộc miền núi nước Angiêri, giáp giới Tuynidi.

vì chỉ sau 10 năm đặt dưới chế độ bảo hộ, xứ Marốc đã bị người Âu cướp mất 379.000 hécta đất trồng trọt, trong đó 368.000 hécta đã lọt vào tay những người Pháp khai hóa. Diện tích Marốc có 815.000 kilô mét vuông; nếu công cuộc khai hóa cứ tiếp tục với đà ấy thì chẳng mấy năm nữa, người dân Marốc khốn khổ sẽ không còn lấy một tấc đất tự do nào để trồng trọt và sinh sống trên tổ quốc mình mà không phải chịu cái ách bóc lột và nô dịch của chủ nghĩa thực dân.

Chương VI
TỆ THAM NHŨNG TRONG BỘ MÁY CAI TRỊ

Ngân sách Nam Kỳ chẳng hạn, năm 1911 là 5.561.680 đồng (12.791.000 frăng); năm 1912 là 7.321.817 đồng (16.840.000 frăng). Năm 1922, ngân sách đó lên tới 12.821.325 đồng (96.169.000 frăng). Một con tính đơn giản cho chúng ta thấy giữa hai năm 1911 và 1922, trong ngân sách của thuộc địa này có một sự chênh lệch là 83.369.000 frăng. Số tiền đó chạy vào đâu? Tất nhiên là vào các khoản chi về nhân sự, vì các khoản này ngốn gần hết 100% tổng số thu.

Hết hành vi điên rồ này đến hành vi điên rồ khác đã phung phí đồng tiền mà người dân Việt Nam khốn khổ đã phải đổ mồ hôi nước mắt mới kiếm được. Chúng tôi chưa biết đích xác số tiền chi tiêu cho vua An Nam sang ngao du bên Pháp, chỉ biết rằng, để đợi ngày lành cho con rồng tre 1 xuống tàu, người ta đã phải bồi thường cho tàu Poóctốtxơ trong bốn ngày chờ đợi, mỗi ngày 100.000 frăng (tức là 400.000 frăng tất cả). Tiền tàu hết 400.000 frăng. Tiền chiêu đãi hết 240.000 frăng (chưa kể tiền lương trả cho bọn mật vụ để theo dõi Việt kiều ở Pháp), 77.600 frăng trả tiền ăn ở Mácxây cho lính khố xanh dùng để "bồng súng chào" Cụ lớn Bộ trưởng Thuộc địa và Hoàng thượng.

Vì nói đến Mácxây, nên nhân tiện cũng thử xem cuộc triển lãm thuộc địa ở đây đã tốn phí bao nhiêu. Trước hết, ngoài bọn có thế lực ở chính quốc ra, người ta còn cho mời ba chục viên chức cao cấp ở các

---

1. *Con rồng tre:* ám chỉ tên vua Khải Định, xuất phát từ sự việc sau đây: năm 1922, tên vua Khải Định sang Pháp dự hội chợ triển lãm thuộc địa tại Mácxây, đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết vở kịch *Con rồng tre* để vạch trần bộ mặt bán nước hại dân của tên vua này. (Xem thêm tiểu dẫn *Về vở kịch "Con rồng tre"* ở phần trên, tr. 82-86).

thuộc địa về; bọn này phè phỡn ở đường phố Canơbie [1] mà vẫn được lĩnh phụ cấp cả ở triển lãm lẫn ở thuộc địa. Riêng Đông Dương phải bỏ ra 12 triệu cho cuộc triển lãm này. Và các bạn có biết người ta đã chi tiêu số tiền đó như thế nào không? Một ví dụ: việc dựng lại cái mô hình nổi tiếng của các cung điện Ăngco đã tốn 3.000 mét khối gỗ, giá 400 hoặc 500 frăng một mét khối. Tức là: từ 1 triệu 200 nghìn đến 1 triệu 500 nghìn frăng!

Còn nhiều ví dụ khác về sự phung phí nữa. Trong việc đi lại của quan Toàn quyền, xe hơi và xe luých vẫn chưa đủ, còn phải có một toa xe lửa đặc biệt nữa kia; việc sửa sang toa xe đó tốn cho ngân khố 125.250 frăng.

Trong vòng mười một tháng hoạt động, Nha Kinh tế (?) đã làm hao phí công quỹ Đông Dương một số tiền 464.000 frăng.

Tại trường thuộc địa, nơi "chế tạo" ra những nhà khai hóa tương lai, 44 giáo sư đủ các loại được đài thọ để dạy từ 30 đến 35 học viên. Lại phải tốn hàng nghìn frăng nữa.

Công việc thanh tra thường xuyên các công trình phòng thủ thuộc địa hằng năm tốn cho ngân sách 785.168 frăng. Thế nhưng các ngài thanh tra thì không bao giờ rời khỏi Pari, và đối với các thuộc địa thì các ngài cũng không hiểu biết gì hơn là hiểu biết ông trăng già!

Nếu chúng ta đến các thuộc địa khác, thì ở đâu chúng ta cũng thấy một tình trạng tệ lậu như vậy. Để đón tiếp một phái đoàn "kinh tế" không chính thức, ngân khố Máctiních "nhẹ bỗng đi" mất 400.000 frăng. Trong vòng 10 năm, ngân sách Marốc từ 17 triệu tăng lên 290 triệu frăng, mặc dầu người ta đã giảm 30% các khoản tiêu cho lợi ích địa phương, tức là những khoản chi tiêu có thể có lợi cho nhân dân bản xứ!

*

* *

Một cựu nghị sĩ đi thăm thuộc địa về, đã phải kêu lên: "So với bọn viên chức thuộc địa thì những tên cướp đường còn là những người lương thiện!". Mặc dù đồng lương rất hậu (một nhân viên Pháp mới bổ dụng, dù có dốt đặc đi nữa, lương ít nhất cũng 200 đồng = 2.000

1. *Canơbie* (La Cannebière): tên một đường phố đông đúc ở Mácxây (Pháp).

frăng mỗi tháng), nhưng các ngài viên chức ấy vẫn không bao giờ thỏa mãn. Họ muốn kiếm chác nhiều hơn, bằng đủ cách.

Học bổng thì cấp cho các cậu ấm con các quan Công sứ, hoặc các quan cai trị tại chức mà lương được coi như quá thấp (từ 4 vạn đến 10 vạn frăng).

Có thể nói, một số phiên họp của Hội đồng quản hạt chỉ là để bàn việc cướp giật công quỹ một cách có phương pháp. Riêng một ông chủ tịch nào đó của hội đồng đã được lãnh thầu những công việc trị giá hai triệu frăng rồi. Ông Đổng lý sự vụ nọ, đại diện của Chính phủ trong Hội đồng, đã xin tăng lương mình lên gấp đôi và đã được chấp thuận. Việc làm một con đường kéo dài năm này qua năm khác chẳng ai kiểm tra đem lại cho một vị thứ ba những món lợi thường xuyên đều đặn. Chức vụ thầy thuốc của các viên chức Đông Dương đem lại cho vị thứ tư một khoản lương khá hậu. Vị thứ năm được bổ làm thầy thuốc các công sở thành phố. Vị thứ sáu nhận cung ứng giấy và in tài liệu cho Chính phủ. Cứ thế, vân vân và vân vân.

Kho bạc có vơi đi chút ít thì đã có những quý quan làm cho nó đầy lại một cách nhanh chóng. Với quyền hành sẵn có, họ sức cho dân bản xứ biết Nhà nước cần một khoản tiền bao nhiêu đó, rồi họ phân bổ cho các làng phải đóng góp. Và các làng lo vội vàng tuân lệnh để khỏi bị trừng phạt ngay lập tức.

Khi một viên Khâm sứ cần thanh toán một khoản tiền gì đó thì ngài phát hành các bằng sắc để bán. Người ta kể lại: ở một tỉnh nọ, một vụ kinh doanh kiểu ấy đã thu được tới 10.620 frăng. Mà những vụ như thế không phải hiếm.

Một trong những quan Khâm sứ của chúng ta, vì tiêu hết trước hạn mấy tháng tất cả kinh phí cho chiếc xà lúp, đã bắt công quỹ hoàn lại cho ngài các khoản chi phí về một cuộc lễ tiết nào đó không ai biết rõ, nhưng nói rằng nhà vua đã được mời ngự trên xà lúp.

Các tay chào hàng văn minh và dân chủ quả thật thông thạo về cái ngón xoay xở kiểu Đ [1].

*

* *

1. *Kiểu Đ:* xem chú thích 1, tr. 263.

Một cựu Toàn quyền Đông Dương, một hôm đã thú nhận rằng thuộc địa này đầy dẫy những viên chức ăn hại ngân sách mà thường chẳng được tích sự gì cả.

Một người thực dân viết: quá nửa số viên chức ấy, từ các quan đầu tỉnh đến các quan chức khác, đều không đủ tư cách cần thiết của những con người được giao phó những quyền hạn rộng rãi và ghê gớm như thế.

Tất cả bọn chúng chỉ có mỗi cái tài là phung phí công quỹ, còn người Việt Nam khốn khổ thì cứ nai lưng đóng góp, đóng góp mãi. Họ đóng góp không những để trả lương cho những viên chức giữ những chức vụ vô dụng mà còn để trả lương cho cả những viên chức không có chức vụ gì cả! Năm 19..., 250.000 frăng đã tan biến đi như thế.

Một chiến hạm đã được dành riêng cho sự đi lại của một cụ lớn. Việc sửa sang chiếc chiến hạm đã tốn 250.000 frăng, ấy là chưa kể những khoản "chi phí linh tinh" mà Đông Dương phải đài thọ cho mỗi chuyến đi là trên 8.000 frăng.

Quan Toàn quyền chưa vừa ý với những lâu đài tráng lệ mà ngài ở tại Sài Gòn và Hà Nội, còn phải cần thêm cho ngài một biệt thự ở bãi biển nữa. Ngân sách Đông Dương lại phải "è lưng ra gánh".

Năm 19..., một tay nước ngoài [1] tai to mặt lớn nào đó ghé qua Sài Gòn, đã được viên Thống đốc đón tiếp một cách đế vương. Bốn ngày liền ăn chơi phè phỡn thả cửa, yến tiệc, rượu chè lu bù, rốt cuộc xứ Nam Kỳ tội nghiệp phải tính sổ trả 75.000 frăng.

Các quan cai trị đều là những ông vua con. Họ muốn xung quanh mình cái gì cũng xa hoa tráng lệ, và nói rằng, có thế mới nâng cao được uy tín của họ đối với người bản xứ. Một viên Công sứ nọ đã lập cả một đội kỵ mã cận vệ và không bao giờ hắn đi đâu mà không có đội ấy theo hầu. Ở tất cả các Tòa sứ đều có từ 6 đến 11 con ngựa và năm sáu cỗ xe sang trọng đủ kiểu: độc mã, song mã, tứ mã, [2] v.v... Ngoài những phương tiện đi lại đã quá thừa ấy, còn thêm những xe hơi mỹ lệ, tốn cho công quỹ hàng vạn đồng. Một viên quan cai trị nọ còn có cả một tàu ngựa đua.

---

1. Nguyên văn là "un Tartempion de marque étranger". Tartempion là một danh từ riêng đặt ra dùng để chỉ một anh chàng cha căng chú kiết nào đó.

2. Trong bản tiếng Pháp, tác giả kể đủ các kiểu xe như: victorias, mylords, tilburys, malabars, v.v...

Tiền nhà cửa, bàn ghế, điện nước của các vị đó đều do công quỹ đài thọ cả. Ngoài ra, những người đánh xe, lái xe, giữ ngựa, làm vườn, tóm lại, tất cả những kẻ hầu người hạ của họ cũng đều do Nhà nước trả tiền công.

Thậm chí những cuộc giải trí về văn chương của những người tốt số ấy cũng lại do Nhà nước trang trải. Một viên quan cai trị đã ghi vào ngân sách 900 đồng tiền sưởi ấm và 1.700 đồng mua báo chí! Một vị khác đã dùng mánh lới kế toán để biến tiền mua sắm áo khoác ngoài, đàn dương cầm, đồ trang sức thành những khoản vật liệu tu bổ Tòa sứ, hoặc những khoản tương tự như thế để bắt ngân sách Nhà nước phải chịu.

*

* *

Dù trước kia họ là những anh hàng cháo, hoặc giám thị trong các nhà trường, nhưng khi đã đặt chân đến thuộc địa là các "nhà khai hóa" ấy của chúng ta sống một đời sống đế vương. Một viên quan cai trị dùng năm sáu lính khố xanh để chăn dê cho mình; một viên khác bắt lính có nghề điêu khắc chạm trổ cho mình những tượng Phật xinh xắn hoặc đóng cho mình những rương hòm rất đẹp bằng gỗ dạ hương.

Theo lệ, một viên giám binh chỉ được lấy một lính hầu, thế mà người ta kể, có một ngài đã dùng:

Một viên đội làm quản gia, một đầu bếp, ba bồi, hai phụ bếp, ba người làm vườn, một hầu phòng, một người đánh xe, một người giữ ngựa.

Còn bà lớn thì dùng: một thợ may, hai thợ giặt, một thợ thêu ren, một thợ đan lát.

Và cậu ấm thì có một người bồi riêng không lúc nào rời cậu nửa bước.

Một người mắt thấy kể lại: chỉ trong một bữa ăn thường, không phải yến tiệc gì, ở nhà một viên quan cai trị, cũng thấy đằng sau mỗi người ngồi ăn có một lính đứng hầu chờ thay đĩa và đưa món ăn. Và tất cả lính hầu trong phòng ăn đều do một viên đội nhất chỉ huy!

Chương VII
BÓC LỘT NGƯỜI BẢN XỨ

Sau khi cướp hết những ruộng đất màu mỡ, bọn cá mập Pháp đánh vào những ruộng đất cằn cỗi những thứ thuế vô lý gấp trăm lần thuế đất thời phong kiến.

Vinhê Đốctông

Trước khi Pháp chiếm cứ xứ này, trong bộ thuế điền thổ các làng, người ta xếp đất ruộng, công cũng như tư, thành nhiều hạng dựa theo các loại cây trồng. Thuế suất ruộng từ năm hào đến một đồng một mẫu, còn đất từ một hào hai đến một đồng tư một mẫu. Mẫu là đơn vị diện tích hình vuông mỗi cạnh 150 thước. Thước thì dài, ngắn không chừng, tùy từng tỉnh, có thước 42,47, hoặc 64 centimét. Vì thế, diện tích mẫu rộng hẹp khác nhau, có nơi bằng 3.970 mét vuông, nơi 4.900 mét vuông, nơi 6.200 mét vuông.

Để tăng thu nhập cho nhà nước, người ta đã định một thước thống nhất là 40 centimét, non hơn tất cả các thứ thước thông dụng, do đó mỗi mẫu chỉ bằng 3.600 mét vuông. Với cách này, thuế điền thổ tăng lên theo tỷ lệ khác nhau tùy từng tỉnh: có nơi tăng một phần mười hai, có nơi một phần ba, nơi không may nhất tăng đến hai phần ba.

Từ năm 1890 đến năm 1896, thuế trực thu tăng gấp đôi; từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi. Làng nào bị tăng thuế cũng cắn răng mà chịu; hỏi còn biết kêu vào đâu? Được thể, các ngài Công sứ càng làm già. Nhiều người Pháp coi việc các làng ngoan ngoãn đóng thuế như vậy là một bằng chứng rõ ràng mức thuế không có gì là quá đáng!

*

* *

Thuế thân tăng từ một hào tư lên hai đồng rưỡi. Những thanh niên chưa vào sổ đinh, nghĩa là còn dưới 18 tuổi, trước kia không phải nộp gì cả thì nay phải nộp ba hào mỗi người, tức là hơn gấp đôi một suất đinh trước kia.

Theo Nghị định ngày 11 tháng Chạp năm 1919 của Thống sứ Bắc Kỳ, thì tất cả người bản xứ, từ 18 đến 60 tuổi đều phải đóng một suất thuế thân đồng loạt là hai đồng rưỡi.

Mỗi người Việt Nam lúc nào cũng phải mang theo mình thẻ thuế thân, khi hỏi phải xuất trình; ai quên hoặc đánh mất sẽ bị bỏ tù.

Để bù vào chỗ đồng bạc bị sụt giá, Toàn quyền Đume chỉ cần làm một việc đơn giản là tăng số đinh lên!

Mỗi năm người ta phân bổ cho mỗi làng một số nhất định về đinh và điền thuộc các hạng. Nhưng khi cần tăng thêm nguồn thu thì thế nào? Thì cứ việc chữa lại các con số của tài khóa rồi bắt các làng phải đóng thuế cho số đinh và điền cao hơn con số đã phân bổ đầu năm. Vì thế, tỉnh Nam Định (Bắc Kỳ) tổng diện tích chưa đến 120.000 hécta nhưng thống kê đã ghi đến 122.000 hécta ruộng, và người dân Việt Nam buộc phải nộp thuế cho những ruộng không có trên thực tế! Có kêu cũng chả ai thèm nghe!

Thuế má không những nặng oằn lưng, mà còn luôn luôn thay đổi.

Một số thuế lưu thông hàng hóa cũng giống như thế. Vả lại, đánh thuế như cách sau đây thì làm sao mà công bằng được: người ta cấp giấy phép lưu thông cho 150 kilôgam thuốc lào, sau đó lại bố trí để đánh thuế được nhiều lần cũng món hàng đó mỗi khi nó chuyển sang tay chủ khác, mỗi khi số 150 kilôgam ấy được phân phối cho ba, bốn khách mua? Chẳng còn luật lệ nào khác ngoài sự tùy tiện của bọn nhà đoan. Bởi vậy, người Việt Nam rất sợ bọn nhà đoan, cứ thoáng thấy chúng là họ vứt ngay giữa đường những thúng muối, thúng cau, hoặc thuốc lào của họ, thà vứt của đi còn hơn là phải đóng thuế hết khoản này đến khoản khác mãi mãi không thôi. Ở một số vùng, nhân dân buộc lòng phải nhổ thuốc, chặt cau, để tránh những phiền nhiễu vì thuế mới.

Ở Luông Prabăng, nhiều phụ nữ nghèo khổ thảm thương phải mang xiềng đi quét đường chỉ vì một tội không nộp nổi thuế.

Tỉnh Bắc Ninh (Bắc Kỳ) bị lũ lụt tàn phá, thế mà cũng phải nộp 500.000 đồng tiền thuế.

*

* *

Các bạn đã nghe ông Môrixơ Lông, Toàn quyền Đông Dương, ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, và báo chí của họ – một thứ báo chí "vô tư" – khua chiêng gõ trống về thành công của công trái Đông Dương. Nhưng họ lại giữ kín không nói là đã dùng biện pháp gì để đi đến thành công đó. Họ sợ lộ bí quyết nhà nghề. Kể cũng phải. Và bí quyết ấy là như thế này: trước hết, họ đem khoản lợi tức công trái ra để câu những kẻ ngây thơ. Nhưng ngón ấy không ăn thua mấy, họ bèn cắt các xã phải bán công sản đi để mua công trái. Cũng vẫn không đủ, họ liền đòi những người có máu mặt đến, ấn cho mỗi người một biên lai trước, thế là những người này chỉ còn có việc chạy vạy nộp cho đủ khoản tiền đã ghi sẵn trong biên lai. Vì ruột két của Chính phủ thì rộng thênh thang, mà số những nhà công thương bản xứ thì không nhiều, cho nên số công trái ấn vào cho họ không đủ để nhét đầy cái ruột két không đáy kia. Thế là cái nhà nước quen gõ cứ gõ mãi vào đám đông đã bị gõ nhiều nhất: người ta bắt hai, ba, bốn người dân nghèo, hoặc nhiều hơn nữa, phải mua chung một cổ phiếu!

Dưới đây là một thí dụ về cái ngón mà các quan cai trị của chúng ta thường dùng để móc tiền trong túi người bản xứ.

Ở một tỉnh thuộc miền Tây Nam Kỳ, trước ngày mở công trái mấy tuần, viên tỉnh trưởng họp tất cả các chánh tổng trong tỉnh lại để hiểu dụ về thể thức công trái. Sau khi những lời hiểu dụ của ông ta được người thông ngôn dịch xong, viên tỉnh trưởng kết luận:

– Thế đấy. Nhiệm vụ của tôi là giải thích cho các ông hiểu. Bây giờ thì mua đi!

Rồi "quan lớn" quay lại hỏi viên chánh tổng đứng bên cạnh:

– Thế tổng ông nhận mua bao nhiêu nào?

Viên chánh tổng thảm hại kia bị hỏi đột ngột, ấp úng trả lời rằng, vì chưa gặp được dân để tìm hiểu khả năng của họ, nên chưa thể nói ngay được con số sẽ mua là bao nhiêu.

Quan lớn liền thét:

– Câm cái mõm lại, anh không xứng đáng là chánh tổng! Tôi cách chức anh!

...

Công trái đã mở. Viên Thống đốc Nam Kỳ đi kinh lý, ghé lại tỉnh ly hỏi xem từ một tuần nay số công trái bán được là bao nhiêu.

Nghe báo cáo là bảy vạn ba nghìn đồng, quan lớn tỏ vẻ không hài lòng, vì tỉnh này có tiếng giàu nhất miền Tây Nam Kỳ; vả lại trong những đợt công trái trước, tỉnh này *đã mua nhiều hơn thế kia mà.*

Viên Thống đốc đi rồi, viên chủ tỉnh quyết định đi một vòng để cổ động trong toàn hạt. Ông ta đến thăm tất cả các nhà giàu bản xứ có súng và ấn cho mỗi người một số công trái. Để cho họ hiểu rằng đây không phải là chuyện đùa, quan lớn tịch thu súng của họ và bảo:

– Phải biết, nếu cứ ỳ ra thì đừng có hòng được trả lại súng!

Thế là ai nấy đều phải cúi đầu chịu mua cả.

Nhân đây cũng nên nói, chính ông quan lớn này đã chi 30.000 đồng để đắp một con đường dài 9 kilômét hiện nay nó đang sụt lở xuống dòng kênh bên cạnh. Mong rằng con đường sắt xuyên Đông Dương sẽ tốt số hơn.

*

* *

Người ta xây một ngôi chùa. Nhân công làm chùa toàn là người nhà pha, do một thân hào hướng dẫn. Sổ chấm công thợ hằng ngày ghi rõ ràng đều đặn và thầu khoán cũng trả tiền sòng phẳng. Thế nhưng tiền thì lại chính quan lớn Công sứ bỏ túi.

Quan lớn Công sứ vừa được thưởng mề đay. Để mừng ngài, người ta mở một cuộc lạc quyên. Mức đóng góp bắt buộc đối với các quan lại, viên chức, hào lý, tối thiểu phải là 6 đồng. Tất cả thu được 10.000 đồng. Chiếc mề đay ấy quý đấy chứ nhỉ!

Việc cho bao thầu vật liệu để bắc mấy chiếc cầu gỗ và dựng mấy trường làng, đã mang lại cho quan Công sứ "thanh liêm" nhà ta một món quà nhỏ [1] gần 2.000 đồng.

Việc đăng ký trâu bò không mất tiền, nhưng quan lớn Công sứ cứ cho phép những kẻ thừa hành thu mỗi con từ 5 hào đến 5 đồng. Để đáp lại, bọn này cứ đóng cho ngài mỗi tháng 200 đồng.

Việc xếp hạng ruộng đất một cách gian dối còn đem thêm 4.000 đồng cho ông quan vừa mới được gắn mề đay ấy.

---

1. Nguyên văn là "un pourboire", nghĩa đen là "một món tiền để uống rượu", tiền thưởng cho bồi, bếp, lái xe, lao công trong xã hội cũ.

Việc nhượng trưng bất hợp pháp mấy hécta đất lại cho chui thêm vào túi ngài 2.000 đồng nữa.

Là nhà khai hóa, là nhà ái quốc, và cũng là môn đồ của chủ nghĩa cực đoan, quan lớn Công sứ đã biết lợi dụng rất có kết quả những đợt "công trái Chiến thắng" – xin nhớ rằng cứ mỗi lần chiến thắng là một lần mở công trái, và cứ mỗi năm có một lần chiến thắng. Trong lần mở công trái năm 1920, có mấy làng đã mua 55.900 frăng, theo hối suất 1 đồng ăn 10,25 frăng, tức là họ đã bỏ ra 5.466 đồng. Năm 1921, đồng bạc sụt giá chỉ còn 6 frăng, cụ sứ bèn hào hiệp thu về cho cụ các cổ phiếu đó và bỏ ra 5.466 đồng hoàn lại cho các làng. Về sau, do giá đồng bạc Đông Dương lên, cụ đã vớ gọn 9.325 đồng.

*

* *

Tin sau đây chúng tôi trích ở tờ *Công báo*, nói về buổi họp thứ nhất, ngày 22-12-1922:

"Trong thời kỳ chiến tranh, nhiều lính Phi gửi ngân phiếu cho gia đình, với những số tiền nhiều khi rất lớn. *Nhưng các ngân phiếu ấy không bao giờ đến tay người nhận cả*".

Một bạn đồng nghiệp lại vừa cho chúng tôi biết một "hiện tượng" tương tự như thế. Lần này, thì sự việc xảy ra ở đảo Rêuyniông. Đã nhiều tháng nay, nhân dân trên đảo không hề nhận được một bưu kiện nào gửi đến cho họ cả. Tờ báo viết:

"Hiện tượng ấy làm cho cả người gửi hàng lẫn người không nhận được hàng đều phải lấy làm lạ.

Nhiều người khiếu nại. Cuộc điều tra mới mở đã rọi ngay được ánh sáng vào điều bí mật nói trên và phát hiện ra một loạt vụ đánh cắp được tiến hành một cách chu đáo và kiên trì lạ thường.

Người ta bắt một nhân viên, rồi, một nhân viên nữa, rồi đến lượt ông "xếp", và cuối cùng, khi tất cả nhân viên đã bị còng tay thì đến phiên ông giám đốc ngành bưu điện cũng theo họ vào tù nốt.

Mỗi ngày cuộc điều tra lại đưa ra ánh sáng vài sự việc mới. Số bưu kiện bị đánh cắp trị giá trên 125.000 frăng. Giấy tờ kế toán đều làm gian cả. Sổ sách gian lận rối beng đến nỗi phải mất hơn 6 tháng mới gỡ ra được.

Ở trong một ngành nào đó, đôi khi có thể có một vài viên chức gian tham, song rất ít khi lại có cả một ngành suốt từ trên xuống dưới nhiễm phải bệnh ăn cắp đến như vậy; điều lạ kỳ hơn nữa là *tại sao tất cả bọn ăn cắp ấy lại có thể hoành hành được trong mấy năm ròng mà vẫn được bình yên vô sự*".

*

* *

Trong dịp Nghị viện thảo luận dự luật về kinh phí hàng không quân sự, trong đó có khoản kinh phí mà các thuộc địa, nghĩa là người bản xứ, buộc phải nhả tiền ra đóng (Đông Dương: 375.000 frăng, Tây Phi: 100.000 frăng), ông Môrinô, Nghị viên Angiêri, có nói:

"Thưa các bạn thân mến, trong dịp này, các bạn hãy cho phép tôi tiếp theo những lời ca tụng những người Pháp dũng cảm đã lập được một chiến công đẹp đẽ như thế, chiến công mà tờ *Thời báo* [1] đánh giá là kỳ diệu, được nói lên tấm lòng cảm phục của tất cả chúng ta đối với họ; sự cảm phục đó, *ông Xitơrôen, nhà công nghiệp "chí công vô tư"* cũng xứng đáng được dự phần, vì ông đã không ngần ngại giúp đỡ phương tiện tài chính và kỹ thuật cho họ. *(Vỗ tay).*

Việc gì đã xảy ra sau sự kiện vĩ đại ấy? *Ấy là việc các đồn đóng ở miền Nam Angiêri lập tức đặt mua thứ phương tiện vận tải vô song ấy cho sa mạc Xahara mà người ta gọi là ôtô dây xích.* [2]

Đồn Túcguốc và đồn Uácgơla vừa đặt mua hai chiếc – tin này gần đây quan Toàn quyền Angiêri vừa cho tôi biết.

Tất cả các đồn bốt khác của ta tất nhiên rồi cũng sẽ mau chóng được trang bị bằng những thứ đó.

Trong một thời gian ngắn, chúng ta cần phải thiết lập thêm bốn, năm đồn mới nữa, để cho có một tuyến đồn bốt nối tiếp nhau, cứ khoảng 200 kilômét có một đồn.

Đồn mới sẽ được thiết lập, rồi sẽ đặt mua ôtô dây xích. Thế là tất cả các đồn bốt ở Xahara sẽ liên lạc được với nhau không khó

1. Nguyên văn là *Times* (tiếng Anh trong nguyên bản).

2. Nguyên văn là "auto chenille". Đó là loại xe ôtô có vòng xích (như của xe tăng) bọc ngoài các bánh xe, nhờ thế mà xe chạy được không bị lún trên cát của sa mạc.

khăn gì. Việc chuyển vận quân nhu, lương thực từ đồn này sang đồn khác sẽ hết sức dễ dàng. Thư từ sẽ nhận được đều đặn. *(Vỗ tay)*".

Trích *Công báo* ngày 22-1-1923.

*

* *

Người dân đi tạp dịch không phải chỉ có dọn dẹp, sửa sang những lối đi quanh Tòa sứ để cho vui bước chân nhàn hạ của một vài người Âu đâu, mà họ còn phải luôn luôn làm những việc nặng nhọc hơn nhiều, tùy theo ý thích của các quan Công sứ.

Mới được tin ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa sang thăm Đông Dương, thế là người ta bắt ngay một vạn dân đi làm cho xong con đường V.L. [1] để kịp cho ngài Bộ trưởng làm lễ khánh thành.

Mùa hè năm 18 [2]..., một thời gian ngắn trước khi nạn đói tàn phá miền Trung Trung Kỳ, người ta đã bắt một vạn dân, có lý trưởng từng làng áp giải, đi đào sông. Đến nơi, một số lớn trong đoàn nhân công khổng lồ ấy không có việc làm. Thế nhưng người ta vẫn giữ họ lại hàng tháng trong lúc đồng ruộng đang cần đến những cánh tay nhàn rỗi ấy. Phải chú ý một điều là chưa bao giờ người ta huy động một lực lượng đông đến như thế, khi cần ngăn ngừa một tai họa chung cho nhân dân. Cuối năm 18..., nếu người ta tổ chức từ Đà Nẵng trở đi một đường dây vận chuyển để tiếp tế cho các địa phương bị đói thì đại đa số những người chết đói ở miền Trung đã khỏi bị chết oan; một vạn dân bị bắt đi đào sông nói trên rất có thể đủ sức phân phối trong vòng một tháng 2.000 tấn gạo cho các nơi bị đói trong các tỉnh của họ.

Công việc làm các con đường đi Đà Nẵng, đi Trấn Ninh và đi Lào còn để lại cho mọi người biết bao kỷ niệm đau đớn. Dân phu phải đi bộ hàng trăm kilômét mới đến công trường. Đến nơi, họ phải chui rúc trong những túp lều tranh thảm hại. Không có mảy may vệ sinh; không có tổ chức y tế. Trên đường không trạm nghỉ chân, không nhà tạm trú. Họ chỉ được một suất cơm ăn không đủ no với một chút cá khô và phải uống nước bẩn, thứ nước khe núi mà họ rất sợ. Bệnh

1. *Con đường V.L.:* con đường từ Vinh sang Lào.

2. Trong bài *Tạp dịch hay là khổ sai* (có một số ý trùng với đoạn văn trên) thì lại viết là: "Mùa hè năm 19...". Xin ghi ra đây để bạn đọc cùng tham khảo.

hoạn, cực nhọc, hành hạ tàn tệ đã gây nên chết chóc khủng khiếp.

Nếu không bắt dân đi tạp dịch thì người ta trưng tập họ đi phu, giữa hai cách đó chỉ có một điểm khác nhau là đi tạp dịch thì có thời hạn, còn đi phu thì không. Cả hai cách đều dùng để giải quyết mọi nhu cầu: nhà đoan muốn chở muối chăng? thì trưng dụng thuyền; muốn làm kho chăng? thì trưng tập thợ và trưng dụng luôn cả vật liệu xây dựng.

Trưng tập đi phu thì quả là một sự phát lưu trá hình vụng về. Người ta xua cả từng làng đến công trường, bất chấp công việc đồng áng, bất chấp cả những ngày hội tông giáo. Số người được trở về rất ít. Vả lại, người ta có làm gì để giúp cho người dân phu trở về quê quán đâu!

Trên đường đi lên cao nguyên Lâm Viên, đi lên rừng xanh núi đỏ, nơi mà thần chết đang đợi chờ, từng đoàn người dân đi tạp dịch hoặc đi phu trưng tập, lương thực thiếu thốn, có ngày không có lấy một hột cơm vào bụng, họ đã bỏ trốn từng đoàn hoặc nổi dậy chống lại, và mỗi khi như thế là bị bọn lính áp giải đàn áp ghê rợn, xác họ rải khắp dọc đường.

Nhà cầm quyền Quảng Châu Loan [1] được lệnh bắt phu. Thế là người ta bắt giữ tất cả những người bản xứ đang làm việc ở bến cảng, trói gô lại ném xuống tàu.

Nhân dân Lào, những thổ dân khốn khổ, sống trong cảnh luôn luôn nơm nớp sợ đi phu. Mỗi khi bọn sĩ quan phụ trách bắt phu đến làng, bản là chỉ thấy nhà hoang cửa trống, vì dân đã trốn biệt.

Ở tỉnh Thủ Dầu Một, một viên quan cai trị cần một chiếc xe lu. Làm thế nào? Hắn thương lượng với một công ty đấu thầu đang cần nhân công rẻ tiền. Công ty bỏ tiền ra mua xe lu với giá 13.500 frăng. Còn quan thì bắt dân đi tạp dịch cho công ty với giá ngày công 0,50 frăng. Ba năm liền, dân Thủ Dầu Một phải *đặt* dưới quyền sử dụng của công ty kia, làm sâu để trả tiền chiếc xe lu mà quan lớn cai trị thích mua để dùng trong vườn của ngài.

Ở một tỉnh khác, người dân đi tạp dịch làm hết ngày, còn phải gánh đá không công trên đường dài một kilômét để xây tường quanh dinh của viên quan cai trị chủ tỉnh.

---

1. *Quảng Châu Loan:* tên một thị xã ở bán đảo Lôi Châu (Trung Quốc) trước kia nhà Thanh đã nộp cho Pháp làm nhượng địa.

Như thế là bất cứ lúc nào, người dân Việt Nam cũng có thể bị bắt đi, bị ép làm những công việc cực nhọc, mà cơm ăn không no, tiền công rẻ mạt; bị trưng tập không thời hạn, rồi bị vứt bỏ xa quê hương hàng trăm kilômét.

*

* *

Nói chung, người Việt Nam đều phải è ra mà chịu "công ơn bảo hộ" [1] của nước Pháp. Riêng người nông dân Việt Nam lại càng phải è ra mà chịu sự "bảo hộ" ấy một cách nhục nhã hơn: là người Việt Nam, họ bị áp bức, là người nông dân, họ bị tước đoạt. Chính họ là những người lao khổ, làm để nuôi lũ người ăn bám, bọn đi "khai hóa" và những bọn khác. Chính họ phải sống cùng khổ, trong khi bọn đao phủ của họ lại sống phè phỡn; hễ mất mùa là họ chết đói. Họ bị cướp giật từ mọi phía, bằng mọi cách, bởi Nhà nước, bởi bọn phong kiến tân thời, bởi giáo hội Thiên chúa. Xưa kia, dưới chế độ phong kiến Việt Nam, ruộng đất xếp thành đẳng hạng theo tốt xấu. Thuế đánh theo sự phân hạng ấy. Dưới chế độ thuộc địa hiện nay, những điều đó đã thay đổi. Khi cần tiền, Nhà nước bảo hộ Pháp chỉ có việc thay đổi hạng ruộng. Chỉ một nét bút thần kỳ là họ biến một đám ruộng xấu thành ruộng tốt.

Như thế cũng vẫn chưa hết. Người ta còn tăng diện tích ruộng đất lên một cách giả tạo bằng thủ đoạn rút bớt đơn vị đo đạc. Bằng cách đó, thuế lập tức tăng lên, nơi thì một phần ba, nơi thì hai phần ba. Thế mà vẫn chưa đủ thỏa lòng tham không đáy của Nhà nước bảo hộ và hằng năm thuế cứ tăng lên mãi. Thí dụ, từ năm 1890 đến năm 1896, thuế đã tăng gấp đôi. Từ năm 1896 đến năm 1898 lại tăng lên gấp rưỡi, và cứ như thế mà tiếp tục. Người Việt Nam cứ chịu để cho người ta róc thịt mãi, thì các quan lớn bảo hộ nhà ta quen ăn bén mùi lại càng tiếp tục bóc lột thêm.

Năm 1895, viên Công sứ một tỉnh ở Bắc Kỳ đã tước mất của một làng nọ nhiều hécta ruộng đất để cấp cho một làng khác theo đạo Thiên chúa. Những người mất ruộng khiếu nại. Người ta bắt họ bỏ tù. Các bạn đừng tưởng chế độ cai trị vô liêm sỉ ấy chỉ dừng lại ở đó

1. Nguyên văn là "sont écrasés par les bienfaits...", nghĩa là "bị đè bẹp dưới các ân huệ của...".

thôi. Người ta còn bắt những kẻ xấu số bị mất ruộng phải tiếp tục nộp cho đến năm 1910, tiền thuế của những ruộng đất đã bị tước đoạt từ năm 1895!

Thêm vào nạn ăn cướp của chính quyền, là nạn cướp của bọn chủ đồn điền. Người ta cấp cho những người Âu chỉ có tài bụng phệ và màu da trắng những đồn điền có khi rộng trên 20.000 hécta.

Phần lớn những đồn điền này đều được lập ra bằng lối cướp giật được hợp pháp hóa. Trong thời kỳ chiến tranh xâm lược, dân cày Việt Nam – cũng như người Andátxơ [1] năm 1870 – đã bỏ ruộng đất của mình lánh sang những vùng còn tự do. Khi trở về thì ruộng vườn của họ đã "thành đồn điền" mất rồi. Hàng bao nhiêu làng đã bị tước đoạt theo kiểu đó, và người bản xứ lâm vào cảnh phải lao động cho bọn chúa đất tân thời, bọn này chiếm đoạt có khi đến 90% thu hoạch.

Lấy cớ khuyến khích khai thác thuộc địa, người ta miễn thuế điền thổ cho số lớn chủ đồn điền kếch sù.

Sau khi đã được cấp không ruộng đất, bọn chủ đồn điền còn được cấp không, hoặc gần như không, cả nhân công nữa. Nhà nước cung cấp cho chúng một số tù khổ sai làm không công, hoặc dùng uy quyền để mộ nhân công cho chúng với một đồng lương chết đói. Nếu dân phu đến không đủ số hoặc tỏ ra bất mãn, thì người ta dùng vũ lực; bọn chủ đồn điền tóm cổ hào lý, đánh đập, tra tấn họ cho đến khi họ chịu ký giao kèo hẹn nộp đủ số nhân công mà chúng đòi hỏi.

Bên cạnh uy lực phần đời ấy, còn có những đấng cứu thế phần hồn nữa. Các đấng này, trong khi thuyết giáo "đức nghèo" cho người Việt Nam, cũng không quên làm giàu trên mồ hôi và máu của họ. Chỉ riêng ở Nam Kỳ, hội thánh truyền đạo cũng đã độc chiếm đến 1/5 ruộng đất trong vùng. Kinh thánh tuy không dạy, song thủ đoạn chiếm đất rất giản đơn: cho vay nặng lãi và hối lộ. Nhà chung lợi dụng lúc mất mùa để cho nông dân vay và buộc phải có ruộng đất để làm bảo đảm. Vì lãi suất tính cắt cổ, nên người Việt Nam không thể trả nợ đúng hạn; thế là ruộng đất cầm cố vĩnh viễn rơi vào tay Nhà chung (hội thánh).

Các viên Toàn quyền lớn, Toàn quyền bé được "nước mẹ" ký thác vận mệnh xứ Đông Dương, nói chung đều là bọn ngu xuẩn, bọn đểu

---

1. *Andátxơ* (Alsace): một tỉnh của nước Pháp giáp giới nước Đức. Sau chiến tranh Pháp - Phổ (1870 - 1871), Pháp buộc phải nhượng vùng này cho Đức.

cáng. Nhà chung chỉ cần nắm được một vài giấy tờ bí mật, thuộc đời tư, có tính chất nguy hại đối với thanh danh, địa vị của chúng, là có thể làm cho chúng hoảng sợ và phải thỏa mãn mọi yêu cầu của Nhà chung. Chính vì thế mà một viên Toàn quyền đã nhường cho Nhà chung 7.000 hécta đất bãi bồi của người bản xứ, khiến họ phải đi ăn xin.

Phác qua như thế, cũng đủ thấy dưới chiêu bài dân chủ, đế quốc Pháp đã cấm vào đất Việt Nam chế độ đáng nguyền rủa của thời trung cổ; người nông dân Việt Nam bị hành hình vừa bằng lưỡi lê của nền "văn minh" tư bản chủ nghĩa, vừa bằng cây thánh giá của giáo hội sa đọa làm ô danh chúa.

*

* *

Angiêri đau khổ vì nạn đói. Tuynidi cũng bị tàn phá vì nạn đói. Để giải quyết tình trạng ấy, Chính phủ bắt giam một số đông người đói. Để cho bọn "người đói" đừng coi nhà tù là nơi cứu tế, người ta không cho họ ăn gì hết. Cho nên nhiều người đã chết đói trong lúc bị giam cầm. Trong những hang động En Ghiria, nhiều người đói lả phải gặm xác một con lừa chết thối lâu ngày.

Ở Bêgia, người Cammê [1] giành giật xác thú vật với quạ. Ở Xúc – En Ácba, ở Ghiđa, ở Uét Mơliđơ, mỗi ngày hàng chục người chết đói.

Đi đôi với nạn đói, nạn dịch tễ phát sinh ở nhiều nơi và có nguy cơ lan rộng.

*

* *

Để che đậy sự xấu xa của chế độ bóc lột đầy tội ác, chủ nghĩa tư bản thực dân luôn luôn trang điểm cho cái huy chương mục nát của nó bằng những châm ngôn lý tưởng: "Bác ái", "Bình đẳng", v.v...

Cùng làm một việc trong cùng một xưởng, người thợ da trắng được trả lương cao hơn nhiều so với bạn đồng nghiệp khác màu da.

---

1. *Cammê* (Khammès): danh từ người Bắc Phi thường dùng để gọi những người lĩnh canh ruộng chỉ được hưởng 1 phần 5 hoa lợi trong các vụ thu hoạch (tiếng A Rập là "Khams", có nghĩa là một phần năm).

Trong các công sở, những người bản xứ dù đã làm việc lâu năm và dù rất thành thạo công việc, cũng chỉ được lĩnh một khoản tiền lương chết đói; trái lại, một người da trắng mới được đưa vào, làm việc ít hơn, thì lại lĩnh lương cao.

Có những thanh niên bản xứ đã học các trường đại học của "chính quốc", đỗ bác sĩ y khoa hay tiến sĩ luật khoa, thế mà vẫn không được làm nghề nghiệp của mình trong nước mình; nếu không vào quốc tịch Pháp. Mà ai cũng đã biết, một người bản xứ muốn được nhập quốc tịch Pháp như vậy thì phải vượt qua bao nhiêu khó khăn và tốn bao nhiêu công chạy vạy nhục nhã.

Còn những người bản xứ bắt buộc phải lìa bỏ ruộng nương, gia đình đi "lính tình nguyện" thì đều sớm được nếm hương vị tuyệt vời của món "bình đẳng".

Cùng một cấp bậc, nhưng người da trắng hầu như bao giờ cũng được coi là cấp trên của người bản xứ. Cái chế độ đẳng cấp có tính chất "nhân chủng – quân sự" ấy lại càng rõ rệt hơn khi những quân nhân da trắng và quân nhân khác màu da [1] cùng đi trên một chuyến xe lửa hoặc tàu thủy.

*

* *

Một người bản xứ làm thế nào có thể nhập quốc tịch Pháp?

Đạo luật ngày 25-3-1915 về việc dân thuộc địa Pháp nhập quốc tịch Pháp quy định:

Điều 1. – Những người dân thuộc địa Pháp hoặc dân được Pháp bảo hộ, trên 21 tuổi, không phải là quê hương ở Angiêri, Tuynidi hoặc Marốc đã cư trú ở Pháp, Angiêri hoặc trên đất bảo hộ của Pháp, và có được một trong những điều kiện sau đây, thì có thể được thừa nhận cho hưởng quyền lợi công dân Pháp:

1. Đã được thưởng Bắc đẩu bội tinh hoặc đã tốt nghiệp một trong những trường đại học hay là chuyên nghiệp mà danh sách sẽ do sắc lệnh ấn định.

2. Đã có công lớn trong việc khai thác thuộc địa hoặc phục vụ quyền lợi của nước Pháp.

---

1. Nguyên văn là "militaires de couleur", nghĩa là "quân nhân da màu".

3. Đã phục vụ trong quân đội Pháp và được giữ chức sĩ quan hay hạ sĩ quan, hoặc được thưởng huân chương quân công.

4. Đã lấy vợ Pháp và có chỗ ở tương đối ổn định trên đất Pháp được một năm.

5. Đã cư trú hơn mười năm tại các xứ kể trên, và biết tiếng Pháp đến một trình độ khá.

Tuy đạo luật còn có thiếu sót, song cứ trung thực thi hành thì cũng còn khá; nhưng không, các ngài viên chức có kể gì luật pháp, và như những tên ngu xuẩn tò mò ưa xoi mói, chúng buộc những người xin nhập quốc tịch Pháp phải trả lời trên giấy các câu hỏi sau đây:

A – Vợ con có nói tiếng Pháp không?

B – Họ có mặc Âu phục không?

C – Nhà có đồ đạc như giường, nệm, bàn, tủ, v.v... không?

D – Và ghế dựa nữa?

E – Ăn trên bàn hay trên chiếu?

F – Ăn gì?

G – Ăn cơm hay bánh mì?

H – Anh có tài sản không?

I – Vợ có tài sản không?

J – Thu hoạch đồng niên của anh bao nhiêu?

K – Anh theo tôn giáo gì?

L – Anh vào những hội nào?

M – Trong các hội ấy anh giữ chức vụ gì?

N – Chế độ bản xứ tốt và nhân từ, thế vì cớ gì anh lại nhập quốc tịch Pháp? Có phải để làm viên chức không? Hay để có địa vị cao? Hay để đi tìm mỏ vàng, mỏ ngọc?

O – Bạn bè thân thiết nhất là những ai?

Chỉ còn thiếu điều mà các ngài ấy chưa hỏi: Vợ anh có cắm s... lên đầu anh không?!

Chương VIII
CÔNG LÝ

Có phải vì quá thừa "tình nhân đạo", như ông Xarô đã nhiều lần tuyên bố, mà người ta bắt các phạm nhân ở nhà lao Nha Trang (Trung Kỳ) phải ăn khan, nghĩa là ăn cơm, mà không được uống nước không? Có phải người ta đã quệt tanhtuyađiốt [1] lên mũi phạm nhân để dễ nhận ra họ khi họ vượt ngục không?

*

* *

Báo *Người độc lập* [2] ở Mađagátxca [3] số ra ngày 13-7-1921 có đăng một bài tường thuật về cách phòng bệnh "dịch hạch", chúng tôi xin trích đoạn sau đây:

"Vô số nhà bị đốt, trong đó có cái nhà khá đẹp của Racôtômanga ở phố Galiêni, cũng bị đốt hôm thứ hai vừa qua. Nhưng nhà của ông Đêrô thì lại thoát khỏi số phận chung ấy, tính ra cái nhà ấy, với tất cả đồ đạc, đắt tiền quá (50.000 frăng), vì thế nhà chức trách quyết định không đốt mà chỉ tẩy uế và cấm ở một thời gian khá dài, có lẽ là sáu tháng".

Chúng tôi xin nói thêm rằng ông Đêrô là công dân Pháp, còn Racôtômanga chỉ là dân lệ thuộc vì là người bản xứ. Nhân đây xin nhắc để bạn đọc nhớ lại rằng, đạo luật năm 1841 được biểu quyết là để áp dụng cho tất cả công dân Pháp.

*

* *

Cũng ở Mađagátxca, sáu người bản xứ bị bắt trong đồn điền của một thực dân người Pháp về tội trốn thuế. Trước tòa, các bị can khai rằng ông chủ đồn điền Đơ la Rôsơ đã cam kết với họ: 1. sẽ đóng thuế cho họ; 2. sẽ xin miễn sai dịch cho họ; 3. trả tiền công cho họ cứ ba

1. Nguyên văn là "*teinture d'iode*".
2. Nguyên văn là "*L'Indépendant*".
3. Mađagá[illegible]a hiện nay gọi là Cộng hòa Mangát hoặc Malagaxy.

mươi ngày công là 10 quan. Cần chú ý là nhà thực dân kia chỉ thuê họ mỗi tuần làm có một ngày thôi. Muốn đủ sống, họ phải đi làm thuê cho người Mangát ở gần đồn điền. Mặt khác, ông Đơ la Rôsơ chẳng những không đóng thuế cho họ như đã hứa, mà hình như còn lờ luôn số tiền họ đã gửi ông để đóng thuế nữa.

Quý hóa làm sao, lần này Chính phủ đã mở một cuộc điều tra. Nhưng rồi các bạn xem...

Khi được biết vụ này, nghiệp đoàn nông nghiệp Mahanôrô, mà chắc hẳn ông Đơ la Rôsơ là đoàn viên, liền điện cho quan Toàn quyền phản kháng việc cảnh binh đã đến xét hỏi không đúng lúc tại đồn điền ông Đơ la Rôsơ và yêu cầu trừng trị viên trưởng đồn về tội cả gan phát hiện sự nhũng lạm của một người Pháp đối với người bản xứ.

Vì không muốn "mua việc" vào mình, quan Toàn quyền đã cho xếp ngay vụ rắc rối ấy lại.

*

* *

Tòa án binh Linlơ vừa kết án 20 năm khổ sai tên Phôn Seven, sĩ quan Đức, về tội dùng roi da đánh đập những người bản xứ ở Rôngcơ [1] trong thời gian quân Đức chiếm đóng.

Thế thì tại sao ở Đông Dương, ông người Pháp nọ bắn vỡ sọ một người Trung Kỳ bằng súng lục; ông viên chức Pháp kia nhốt một người Bắc Kỳ vào cũi chó sau khi đánh đập tàn nhẫn anh ta; ông thầu khoán Pháp này trói tay một người Nam Kỳ cho chó cắn, rồi đem giết đi; ông thợ máy Pháp kia "hạ sát" một người Việt bằng súng săn; ông nhân viên hàng hải Pháp khác xô người gác cầu bản xứ vào đống than hồng cho chết, v.v... và v.v..., lại không bị trừng trị?

Tại sao mấy ông thanh niên Pháp ở Angiê đấm đá một em bé người bản xứ 13 tuổi, rồi xóc em lên đầu một trong những ngọn giáo ở giữa hàng giáo cắm quanh "cây chiến thắng", chỉ bị phạt có 8 ngày tù án treo?

Và tại sao tên hạ sĩ quan đã đánh anh Nahông cũng như tên sĩ quan đã giết chết anh, không bị trừng phạt gì cả?

---

1. *Rôngcơ* (Roncq): tên một làng ở miền Bắc nước Pháp.

Phải rồi, Việt Nam và Angiêri đều là những xứ bị chiếm – cũng như Rôngcơ đã có lúc bị chiếm, nhưng vì những người Pháp ở các thuộc địa ấy không phải là lũ "bốtsơ", cho nên cũng cùng một hành động, nếu là của lũ "bốtsơ" thì là tội ác, nhưng nếu là của người Pháp thì lại là "văn minh"! Mà Annamít và Angiêriêng đâu phải là người! Đó là bọn "nhà quê" hèn hạ, bầy "bicốt" [1] bẩn thỉu. Cần quái gì phải có "công lý" đối với những giống ấy.

Cái ông Vinhê Đốctông châm biếm kia quả là không lầm khi ông viết: "Pháp luật, công lý đối với người bản xứ ư? Thôi đi! Chỉ có batoong, súng ngắn, súng dài, đấy mới là thứ xứng đáng với lũ giòi bọ ấy!".

*

* *

Trong cái kho đầy ắp những hình phạt để giáng vào đầu người bản xứ, có những khoản phạt tiền từ 200 đến 3.000 đồng.

Không phải ông Đume không biết rằng người Việt Nam không bao giờ đóng nổi những khoản tiền to đến thế. Nhưng ông ta cứ muốn xoay tiền bất cứ bằng giá nào; nên con người khôn ngoan ấy đã dự kiến rằng *có thể bắt làng xã phải chịu trách nhiệm.* (Điều 4).

Bạn sẽ bảo, muốn kết án cả một làng thì phải xác định làng ấy là đồng lõa chứ.

Không, với điều 4, việc ấy không cần thiết. Làng nào không biết ngăn ngừa một tội phạm, thì phải chịu trách nhiệm về tội phạm ấy.

Cái điều 4 này quả là một mánh khóe ác nghiệt, bởi vì chỉ cần những tay chân của bọn chủ bao thầu thuế – những tay chân đó được thuê tiền để phát giác càng nhiều vụ vi phạm càng hay – khai rằng làng sở tại chẳng hề làm gì để ngăn chặn vụ vi phạm, là đủ.

Tiết 3 quy định cách thức kiểm chứng những vụ vi phạm mà bọn tay sai của chủ bao thầu thuế có quyền làm.

Ở đây có một trở ngại. Thường thường bọn tay chân ấy đều dốt nát, làm biên bản không hợp thức. Người ta khắc phục trở ngại ấy

---

1. *Bicốt* (bicot): nghĩa đen là con dê con, nghĩa bóng dùng để gọi một cách khinh bỉ những người A Rập nói chung.

bằng cách ủy cho viên chức nhà đoan ở tỉnh lỵ hoặc phủ lỵ, huyện lỵ làm biên bản theo báo cáo của bọn tay chân của chủ bao thầu.

*

* *

Đông Dương là cô gái cưng, rất xứng đáng với "nước mẹ" Pháp. Mẹ có gì, con có nấy: Đông Dương có "Chính phủ" của nó, "những bảo đảm" của nó, "công lý" của nó và cũng có âm mưu "phiến loạn" nho nhỏ của nó nữa. Dưới đây chúng tôi chỉ nhắc lại hai vấn đề sau thôi.

"Công lý" được tượng trưng bằng một bà đầm, một tay cầm cân, một tay cầm kiếm. Vì đường từ Pháp đến Đông Dương xa quá, xa đến nỗi sang được tới đó thì cán cân đã mất thăng bằng, đĩa cân đã chảy lỏng ra và biến thành những tẩu thuốc phiện hoặc những chai rượu ty, nên "bà đầm công lý" tội nghiệp chỉ còn lại độc cái kiếm để chém giết. Bà chém giết đến cả người vô tội, và nhất là người vô tội.

Còn âm mưu phiến loạn thì lại là một chuyện khác.

Chúng tôi sẽ không nhắc lại những vụ phiến loạn nổi tiếng năm 1908 hoặc năm 1916 [1], những vụ mà nhờ đó rất nhiều người dân được nước Pháp "bảo hộ" đã có thể nếm mùi "công ơn khai hóa" trên máy chém, trong nhà tù hoặc ở nơi đày ải. Những vụ phiến loạn ấy đã cũ rồi, chỉ còn để lại dấu vết trong trí nhớ của người bản xứ nữa thôi.

Chúng tôi chỉ nói đến vụ xảy ra gần đây nhất. Vì ở chính quốc có vụ phiến loạn bônsêvích chấn động dư luận, nên các ngài thực dân ở Đông Dương – y như con nhái trong truyện ngụ ngôn [2] – cũng muốn có một vụ phiến loạn, bèn cố phình bụng lên và cuối cùng cũng đẻ ra được một vụ.

Chúng đã làm như thế này.

---

1. Những vụ phiến loạn nổi tiếng năm 1908 và năm 1916:

– Phong trào chống thuế ở các tỉnh Trung Kỳ, năm 1908.

– Vụ đầu độc lính Pháp ở Hà Nội, tháng 6-1908.

– Cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân, năm 1916.

– Các cuộc bạo động: biểu tình chống bắt lính ở Trà Vinh 20-1-1916, ở Biên Hòa 23-1-1916, phá Khám lớn Sài Gòn 15-2-1916...

2. Truyện ngụ ngôn của La Phôngten (La Fontaine), một nhà thơ Pháp thế kỷ XVII, kể rằng: có một con nhái thấy một con bò to hơn mình, liền cố phình bụng ra cho bằng con bò, cuối cùng vỡ bụng chết.

Một quan lớn Tây (quan Công sứ Đại Pháp kia đấy ạ!), một quan huyện và một ông lý trưởng đã đảm nhiệm việc chế tạo ra vụ đó.

Bộ ba quan lại này phao tin là có một bọn phiến loạn chôn giấu hai trăm rưỡi quả bom âm mưu làm nổ tung cả xứ Bắc Kỳ.

Nhưng ngày 16 tháng 2, tòa đại hình Hà Nội công nhận rằng chẳng những không có bằng chứng nào để kết luận có một tổ chức cách mạng có vũ khí phá hoại, mà cả cái vụ mưu phản kia chẳng qua cũng chỉ là một thủ đoạn khiêu khích do một số nhân viên Chính phủ muốn được thăng thưởng tạo ra mà thôi.

Chắc các bạn tưởng rằng sau khi tòa đã phán quyết như thế rồi thì những người Việt Nam bị giam giữ sẽ được thả ra. Không đâu! Bằng bất cứ giá nào, nhất thiết phải giữ "uy tín" cho kẻ đi "chinh phục"! Muốn thế, lẽ ra chỉ gắn huân chương cho bọn đã khéo phịa ra vụ án là đủ rồi; đằng này người ta lại còn phạt tù 12 người Việt Nam từ 2 đến 5 năm, mà phần lớn là nhà nho. Và trên cửa nhà lao giam giữ họ, nổi lên mấy chữ: Tự do, Bình đẳng, Bác ái – dĩ nhiên là bằng tiếng Pháp hẳn hoi.

Thế rồi những tờ báo gọi là "thân" người bản xứ vội vã ca tụng tính công bằng, không thiên vị của cái trò hề công lý ấy!

Nhưng hãy đọc tờ *Tin nhanh thuộc địa* [1], tờ báo giữ giải vô địch về chủ nghĩa bài Việt:

"Tòa án Pháp vừa tuyên án xong. Một nửa can phạm được tha bổng, còn một nửa được kết án *nhẹ*. Những người bị án là những nhà nho can tội làm thơ cảm hứng lăng nhăng để *ca tụng ân huệ của tự do*.

Các bạn thấy không, đối với người Việt Nam, ca tụng tự do là một tội nặng, chỉ vì thế thôi, người ta cũng phết cho họ 5 năm tù!

Tờ báo viết tiếp: "Chúng ta phải nhiệt liệt hoan nghênh bản phán quyết *hết sức công bằng* ấy của các quan tòa và các vị bồi thẩm của chúng ta, v.v...".

Và cũng lại tờ *Tin nhanh thuộc địa* ấy đã *vui mừng* ghi nhận bản phán quyết rất mực vô tư của tòa án Pháp về vụ mưu loạn nổi tiếng ở Vĩnh Yên. Tờ báo ấy viết: "*Những người Việt Nam ở Pari*, cũng như đồng bào của họ ở bên quê nhà xa xôi, đều tỏ lòng tin tưởng ở các quan tòa của chúng ta và tuyên bố rằng tòa án đã xử đúng, vụ

---

1. Nguyên văn là "*La Dépêche coloniale*".

án kết thúc như thế làm cho họ *hoàn toàn thỏa mãn*". Không đâu! Ông Puvuốcvin ạ, ông bịp đời vừa vừa chứ!

*

* *

Tờ nhật báo *Pháp - Đông Dương* [1] có đăng việc sau đây:

"Cách đây mấy hôm, hãng Xôvagiơ báo với Sở Mật thám là xưởng họ bị mất trộm một số sắt khá nhiều, độ một tấn. Nhận được đơn khiếu nại, Sở Mật thám lập tức mở cuộc điều tra để tìm cho ra bọn trộm, và chúng tôi vui mừng được tin rằng, một viên thanh tra mật thám người Âu cùng với mấy nhân viên người Việt giúp sức đã tóm được bọn trộm và cả tên đồng lõa của chúng nữa.

Ông S..., quản lý hãng Xôvagiơ cùng với những tên Trần Văn Lộc, thợ máy học việc và Trần Văn Xa đã bị bắt và đưa ra tòa về tội ăn trộm và đồng lõa...".

Các bạn có để ý thấy bạn đồng nghiệp của chúng tôi hết sức tế nhị không nào? Khi nói về ông ăn trộm người Pháp, quản lý hãng Xôvagiơ, thì người ta không nói tên, mà thay vào bằng mấy dấu chấm.

Chả là dù sao thì trước hết cũng phải bảo vệ "uy tín" của chủng tộc "thượng đẳng". Nhưng khi nói đến bọn kẻ trộm thông thường người Việt thì lại kê cả tên lẫn họ, và không gọi ông mà gọi là những "tên".

*

* *

Ngày 10-10-1922, Chính phủ vừa ra lệnh quyết định một cuộc thuyên chuyển quan trọng trong ngạch quan tòa thuộc địa. Trên danh sách, đáng chú ý có tên hai ông Luyca và Oabrăng.

Cần nhắc lại sơ lược lai lịch của hai vị quan tòa này.

Ông Luyca lúc làm Phó Chưởng lý ở Tây Phi thuộc Pháp, đã từng dính dáng vào các vụ làm xôn xao dư luận xứ Tôgô. Trong một bản thông báo cho báo chí, ông Bộ trưởng Bộ Thuộc địa đã bắt buộc phải

1. Nguyên văn là "*Le Journal France-Indochine*".

thừa nhận rằng "cuộc điều tra cũng đã phát giác ra là sự tham gia của ông Luyca vào các vụ phạm pháp có thể làm cho ông ta phải gánh **phần trách nhiệm nặng nề nhất".**

Chắc là để thưởng cho phần trách nhiệm nặng nề ấy mà ngày nay người ta cất nhắc ông lên chức chánh án tòa thượng thẩm xứ Phi châu xích đạo thuộc Pháp.

Còn về Oabrăng thì câu chuyện của hắn đơn giản hơn và ít người biết đến. Năm 1920, một người Pháp tên là Đuyếcgơri, nhân viên hãng buôn Pêrítxắc ở Căngcăng (Ghinê), đi săn. Hắn bắn một con chim rơi xuống sông. Lúc ấy có một em bé người bản xứ đi ngang qua. Đuyếcgơri tóm cổ em bé ném xuống sông, bắt phải tìm vớt con chim. Nước sâu, sóng lớn, lại không biết bơi, em chết đuối. Cha mẹ em đi kiện. Đuyếcgơri được lệnh viên quan tư chỉ huy quận đòi đến và nhận bồi thường cho gia đình đau xót kia một trăm frăng.

Cha mẹ em bé không nhận cách dàn xếp bỉ ổi như vậy. Viên quan tư nổi giận, đứng về phía người đồng bào của ông, tức là tên sát nhân, dọa bỏ tù cha mẹ em bé nếu tiếp tục kháng cáo, rồi ông ta "xếp" vụ án lại.

Nhưng, một bức thư nặc danh đã phát giác việc này với ông Chưởng lý ở Đaca. Ông Chưởng lý liền phái ông Biện lý Oabrăng đi điều tra. Ông Oabrăng đến Căngcăng, ngủ lại nhà viên xếp ga, rồi ngày hôm sau đến nhà ông Cudanh đờ Lavalie là phó của viên quan tư quận, ở lại cả ngày. Rồi sáng hôm sau, chưa hề bắt tay vào công việc điều tra gì cả, ông đã lên đường trở về. Tuy thế ông Oabrăng vẫn cứ kết luận rằng lá thư nặc danh kia là vu khống. Hội Liên hiệp thuộc địa đã báo vụ này với Hội Nhân quyền (ngày 22-12-1921). Nhưng có lẽ Hội Nhân quyền cho sự việc không lấy gì làm giật gân lắm nên chẳng thèm quan tâm đến.

Từ khi đi chơi Căngcăng về, ông Oabrăng vẫn ngồi yên ở địa vị cũ để thỉnh thoảng nhận gà và những túi khoai tây do ông bạn Cudanh đờ Lavalie gửi đến biếu, và chờ được thăng quan. Các bạn thấy chưa, ông Oabrăng quả thật xứng đáng với... phần thưởng "công minh" mà chính phủ vừa tặng ông bằng cách bổ nhiệm làm Biện lý Đaca (?).

Nền văn minh thượng đẳng mà được giao phó vào tay những bọn Đáclơ, bọn Bôđăng, bọn Oabrăng và bọn Luyca thì thật là tuyệt, và số phận dân bản xứ cũng tuyệt!

*
*　*

Tòa tiểu hình vừa xử phạt Phécnăng Étxơlanh và mụ góa Gierơ mỗi người 13 tháng tù, Gioócgiơ Coócđiê 10 tháng, về tội tàng trữ, chuyên chở và bán một kilôgam thuốc phiện.

Tốt lắm! Tính sơ qua cũng thấy một kilôgam thuốc phiện đáng ba mươi sáu tháng tù!

Giá mà mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, như người ta thường nói, thì tuổi thọ của ông Xarô, Toàn quyền Đông Dương, phải dài ghê lắm mới đủ để cho ông ngồi hết hạn tù. Vì rằng *mỗi năm* ông sẽ bị phạt ít ra là *một triệu ba mươi lăm vạn* (1.350.000) tháng tù về tội mỗi năm bán cho người Việt Nam trên *mười lăm vạn* kilôgam thuốc phiện.

*
*　*

Bất lực trong việc trừ khử ông Đề Thám trứ danh, vì mọi âm mưu bắn giết ông, thủ tiêu ông bằng thuốc độc hoặc bằng mìn, đều thất bại, người ta bèn đào mả cha mẹ ông lên, đem hài cốt đổ xuống sông.

Sau những vụ biểu tình ở miền Nam Trung Kỳ, nhiều văn thân bị xử tử hoặc bị đày biệt xứ. Trong số ấy có ông nghè Trần Quý Cáp [1], một nhà Nho thanh cao ai cũng kính phục. Ông bị bắt trong lúc đang giữ chức Giáo thụ, và chỉ hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, là bị đem chém, không được xét hỏi gì cả. Chính phủ cũng không chịu giao trả thi hài ông cho gia đình ông.

Ở Hải Dương, một vụ nổi dậy chưa làm chết một ai, thế mà người ta đã làm rụng hết sáu mươi tư cái đầu, không cần xét xử gì cả.

Khi hành hình những người lính khố đỏ ở Hà Nội, Chính phủ đã cho áp giải cha mẹ, vợ con họ đến pháp trường để bắt họ phải mục

---

1. *Trần Quý Cáp* (1871-1908): hiệu Thái Xuyên, quê làng Bát Nhị, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Đỗ Tiến sĩ năm 1901, là bạn đồng song và đồng niên với Huỳnh Thúc Kháng. Làm Giáo thụ Thăng Bình (Quảng Nam) rồi Tân Định (Khánh Hòa), hăng hái hoạt động trong phong trào Duy Tân (1908). Phong trào chống sưu thuế dấy lên ở Nam Ngãi, ông bị bắt và bị "kết án" tử hình.

kích cảnh tàn sát "long trọng" những người thân yêu của mình. Để gây một ấn tượng khủng khiếp lâu dài, và để "dạy cho dân chúng một bài học", người ta làm lại cái việc đã làm ở nước Anh hồi thế kỷ XVIII, tức là xóc đầu lâu những người Giacôbít [1] bại trận lên mũi giáo đem bêu ở các đường phố khu Xiti và dọc theo cầu Luân Đôn. Hàng tuần lễ, dọc các đường lớn ở Hà Nội, người ta nhìn thấy nhiều đầu lâu của những nạn nhân bị người Pháp hạ sát, đang cau mày, nhăn mặt trên những chiếc cọc tre.

Năm 1908, nhân dân miền Trung không chịu nổi sưu cao thuế nặng và bao nhiêu sự hà lạm áp bức, đã phải biểu tình. Các cuộc biểu tình ấy mặc dù diễn ra hết sức ôn hòa, nhưng đều bị đàn áp thẳng tay. Hàng trăm đầu rơi, vô số người bị đi đày.

Người ta làm đủ mọi cách để vũ trang cho người Việt chống lại đồng bào họ và gây nên những vụ phản bội.

Người ta tuyên bố các làng phải chịu trách nhiệm về những vụ hỗn loạn xảy ra trên địa phận mình. Làng nào cho một người yêu nước trú ngụ thì bị kết án. Để khai thác tin tức, người ta dùng một phương pháp đơn giản – bao giờ cũng vậy – là tra khảo lý hào, ai không nói thì bị xử tử tức khắc. Cứ như thế, **trong vòng hai tuần lễ, một viên giám binh đã xử tử bảy mươi lăm hào lý!**

Không bao giờ người ta nghĩ đến chuyện phân biệt những người yêu nước đang chiến đấu tuyệt vọng với bọn côn đồ ở các thành thị. Muốn dập tắt sự kháng cự, người ta không thấy có cách nào khác hơn là phó thác việc "bình định" cho lũ phản bội bán nước. Và người ta duy trì ở vùng đồng bằng Bắc Kỳ, ở Bình Thuận, ở Nghệ Tĩnh những đội quân càn quét hung hăn mà hình ảnh ghê tởm sẽ không bao giờ phai mờ trong trí nhớ.

---

1. *Giacôbít* (Jacobites): tên gọi những đồ đảng của vua Anh Giáccơ II bị dòng Orănggiơ đánh bại sau cuộc chiến tranh năm 1688.

Chương IX
CHÍNH SÁCH NGU DÂN

Để có thể đánh lừa dư luận bên Pháp và bóc lột dân bản xứ một cách êm thấm, bọn cá mập của nền "văn minh" không những đầu độc nhân dân Việt Nam bằng rượu và thuốc phiện, mà còn thi hành một chính sách ngu dân triệt để.

Cho nên, theo sắc lệnh năm 1898, báo chí bản xứ phải chịu kiểm duyệt trước khi in.

Sắc lệnh đó viết: "Việc lưu hành báo chí bất cứ bằng thứ tiếng gì, đều có thể bị cấm do Nghị định của quan Toàn quyền.

Báo tiếng Việt không được xuất bản nếu không được phép của quan Toàn quyền. Giấy phép chỉ cấp với điều kiện là các bài báo phải được quan Thống đốc duyệt trước. Giấy phép ấy có thể rút lúc nào cũng được.

Mọi cuộc trưng bày hoặc phổ biến những bài hát, biếm họa hoặc tranh ảnh làm thương tổn đến sự tôn kính đối với các nhà cầm quyền đều bị trừng trị".

Đấy, bạn thấy bà kiểm duyệt ở thuộc địa cầm kéo khéo đến mức nào!

Với biện pháp đó, chính quyền Đông Dương có thể ỉm được tất cả mọi vụ nhơ nhớp và tha hồ mà lạm quyền.

Trong một cuộc bầu cử Hội đồng thành phố Sài Gòn, viên Thống đốc cấm ba ông Chủ nhiệm báo tiếng Việt không được đăng lên báo của họ bản Sắc lệnh quy định Thể lệ bầu cử Hội đồng thành phố ở Nam Kỳ. Họ là ứng cử viên, thế mà báo của họ bị cấm tuyệt không được đăng một cái gì dính dáng, dù xa hay gần, đến chương trình của họ! Vì người Việt Nam không có quyền hội họp quá số 20 người, nên ứng cử viên phải gặp 3.000 cử tri lần lượt từng người một. Cũng trong lúc ấy, ông Thống đốc còn thông tri cho các tờ báo tiếng Việt khác biết là Sở kiểm duyệt sẽ thẳng tay cắt những bài báo, cột báo, đầu đề hoặc bất cứ một lời bóng gió nào nói đến các cuộc bầu cử Hội đồng thuộc địa hoặc thành phố. Một tờ báo tiếng Việt dịch đăng đạo luật nói về việc trừng trị những hành động hối lộ trong bầu cử, bài ấy đã bị cắt. Trong lúc đó thì quan Thống đốc trắng trợn cho đòi những người đứng đầu các tập đoàn cử tri đến văn phòng và truyền cho họ phải bỏ phiếu và cổ động bỏ phiếu cho danh sách được ngài có cảm tình nhất.

Bàn tay bỉ ổi của kiểm duyệt không dừng lại ở các xuất bản phẩm tiếng Việt mà còn rờ mó cả vào thư từ riêng và các tờ báo tiếng Pháp không chịu ca tụng đức độ của các "Cụ lớn" thuộc địa: Sở Bưu điện và Sở Mật thám Nam Kỳ (Giám đốc Sở này là con rể ông Anbe Xarô) đã nhận được lệnh không để lọt – bất cứ với lý do gì – những thư từ, bài vở, v.v..., gửi cho báo *Người cùng khổ* xuất bản ở Pari hoặc của tờ báo ấy gửi về.

Một người Mangát nguyên là lính tình nguyện tham gia đại chiến trong quân đội Pháp và có vợ người Pháp, đã bị trục xuất khỏi tổ quốc anh, và bị kết án 5 năm đày biệt xứ, chỉ vì đã viết bài cho báo *Người cùng khổ* và vài tờ báo khác ở Pháp, để tố cáo những sự nhũng lạm của bọn quan cai trị Pháp ở xứ sở anh.

*

* *

Nhân dân Đông Dương khẩn khoản đòi mở trường học vì trường học thiếu một cách nghiêm trọng. Mỗi năm, vào kỳ khai giảng, nhiều phụ huynh phải đi gõ cửa, chạy chọt mọi nơi thần thế, có khi chịu trả gấp đôi tiền nội trú, nhưng vẫn không tìm được chỗ cho con học. Và hàng ngàn trẻ em đành chịu ngu dốt vì nạn thiếu trường.

Tôi còn nhớ một người anh em họ tôi muốn được vào một trong những "thiên đàng trường học" kia, đã phải chạy chọt đủ kiểu, gửi hết đơn này đến đơn khác cho quan Khâm sứ, cho quan Công sứ, cho quan đốc trường quốc học và quan đốc trường tiểu học. Tất nhiên, chẳng ai thèm trả lời anh. Một hôm, anh đánh bạo mang đơn đến xin quan đốc, một người Pháp, phụ trách cái trường mà tôi đã được đặc ân vào học trước đó ít lâu. "Quan đốc" thấy anh cả gan như thế, nổi khùng quát tháo: "Ai cho phép mày đến đây?", rồi xé vụn lá đơn trước những cặp mắt ngơ ngác của cả lớp học.

Người ta bảo ngân sách không cho phép Chính phủ mở trường mới. Không hẳn thế đâu. Trong số 12 triệu đồng của ngân sách Nam Kỳ, thì 10 triệu đã tìm đường chui sâu vào túi các ngài viên chức rồi.

Ngoài ra, Chính phủ thuộc địa lại tìm đủ mọi cách để ngăn cản không cho thanh niên Việt Nam sang du học bên Pháp, vì sợ nhiễm phải chủ nghĩa cộng sản. Điều 500 (bis) trong Nghị định ngày 20-6-1921 về học chính ở Đông Dương quy định:

"Người bản xứ nào, vô luận là dân thuộc địa Pháp hoặc dân do Pháp bảo hộ, muốn sang chính quốc du học đều *phải được quan Toàn quyền cho phép*. Quan Toàn quyền sẽ quyết định, sau khi hỏi ý kiến quan Thủ hiến kỳ và quan Giám đốc Nha học chính.

Trước khi lên đường, người đó phải đến Nha học chính xin một quyển học bạ có dán ảnh và ghi rõ căn cước lý lịch của mình, địa chỉ cha mẹ, những trường đã học, những học bổng hoặc trợ cấp đã hưởng, những bằng cấp đã có, và địa chỉ của người bảo lãnh tại Pháp. Học bạ ấy phải được quan Toàn quyền chứng thực.

Hồ sơ của người bản xứ theo học bên Pháp phải lưu trữ tại Nha học chính".

Làm cho dân ngu để dễ trị, đó là chính sách mà các nhà cầm quyền ở các thuộc địa của chúng ta ưa dùng nhất.

*

*   *

Báo *Nhân đạo* đã thuật lại việc kiểm duyệt thư tín vẫn còn tiến hành nghiêm ngặt như thế nào ở Mađagátxca khi cuộc chiến tranh "vì công lý" đã kết thúc bốn năm rồi.

Đông Dương cũng vậy, chẳng có gì đáng phàn bì với Mađagátxca cả.

Chúng tôi đã nêu lên trường hợp tờ báo *Người cùng khổ*.

Như là tình cờ xui nên, việc lạm quyền ấy xảy ra đúng lúc ông Thống đốc gian lận Bôđoăng đến Sài Gòn, cùng với người phụ tá xuất sắc của ông là con rể ông Anbe Xarô đồng thời là trùm mật thám.

Mặt khác, nhà cầm quyền vẫn tiếp tục chặn lại và lục soát thư tín của tư nhân.

Trong khi người ta tàn sát người bản xứ, cướp đoạt tài sản của họ một cách ngang nhiên, không hề bị trừng trị, thì ngay đến cả cái quyền sơ đẳng là viết thư cho nhau, họ cũng không được hưởng! Sự vi phạm quyền tự do cá nhân ấy lại ghi thêm một thành tích cho cái chế độ lạm quyền, cái chế độ mật thám bỉ ổi đương hoành hành ở các thuộc địa.

*

*   *

Chính phủ Đông Dương tổ chức phá hoại tờ báo *Người cùng khổ*; Chính phủ Tây Phi thuộc Pháp cấm nhập các báo của người da đen

châu Mỹ: Chính phủ Tuynidi trục xuất chủ nhiệm tờ *Tương lai xã hội*[1]; ông Lyôtây đuổi chủ nhiệm tờ *Ong vò vẽ Marốc* [2] ra khỏi Marốc. (Người ta chỉ cho nhà báo *một giờ* để thu xếp hành lý).

*

* *

Giữa lúc khai mạc hội chợ Hà Nội, và trong khi ông Bôđoăng, quyền Toàn quyền Đông Dương đang đi thăm các gian hàng, thì bọn cảnh binh xông vào một gian nọ tịch thu các tập tranh biếm họa do báo *Con trĩ Đông Dương* [3] trưng bày, vì tờ báo này có những lối phê bình và châm biếm không hợp khẩu vị của những nhà đương quyền.

Ông Clêmăngti, chủ nhiệm tờ báo đã bị bắt và tống giam.

Chương X
CHỦ NGHĨA GIÁO HỘI

Trong thời kỳ "bình định", các "sứ giả" của Chúa [4] cũng hoạt động chẳng kém. Hệt như bọn gian phi rình lúc mọi người đang hốt hoảng để nhảy vào hôi của sau khi nhà cháy, các nhà truyền giáo chúng ta cũng thừa lúc đất nước rối loạn sau cuộc xâm lăng để... phục vụ Chúa. Kẻ thì tiết lộ những bí mật mà con chiên đã nói ra khi xưng tội và nộp những người Việt Nam yêu nước cho bọn "chiến thắng" đem lên máy chém hay giá treo cổ. Kẻ thì tỏa đi khắp nơi để vơ vét những tín đồ bị bắt buộc phải theo đạo. Có linh mục nọ "chân đi đất, quần xắn đến mông, lưng thắt bao đạn, vai khoác súng dài, hông đeo súng ngắn, dẫn đầu một đoàn con chiên vác giáo mác và súng kíp; đó là lối vũ trang phát triển tín đồ của một linh mục với sự yểm hộ của quân đội chúng ta do ông ta hướng dẫn, xông vào các làng bên lương mà ông đã báo trước với các nhà cầm quyền là làng phản nghịch!".

---

1. Nguyên văn: *L'Avenir social*.

2. Nguyên văn: *La Guêpe Marocaine*.

3. Nguyên văn: *L'Argus Indochinois*.

4. Nguyên văn là "les ministres de Dieu", nghĩa là "những người lo liệu công việc của Chúa".

Sau cuộc hành quân đánh chiếm Bắc Kỳ, chỉ riêng một mình giám mục Phavie, sứ đồ của Giáo hoàng, ngũ hạng bắc đẩu bội tinh, đã bỏ túi 600.000 frăng của ăn cướp được. Một người thấy tận mắt kể lại: "Dưới sự chỉ huy của giám mục Phavie, một đoàn dài xe bò và xe ngựa có ba bốn trăm giáo dân cùng lính bộ và lính thủy Pháp hộ tống đã kéo đến trước phủ đệ của hoàng thân Lý. *Họ đóng vai những kẻ dọn nhà vì lợi ích của Chúa!*... Xong việc, lính tráng mỗi người nhận được một ngân phiếu 200 quan, do dòng tu thánh Vanhxăng đờ Pôn trả". Trong một bản báo cáo chính thức, chúng tôi đọc thấy lời buộc tội đanh thép này: "Việc cướp bóc tập thể do giám mục Phavie điều khiển là gương xấu làm cho kỷ luật ngấm ngầm bị đổ vỡ".

Tất nhiên không phải chỉ có một mình giám mục Phavie truyền giáo [1] theo lối ấy. Đức cha còn có nhiều đối thủ nữa. Người ta kể: "Khi có lệnh giới nghiêm vừa bãi bỏ, thì các giáo sĩ liền dẫn lính xông vào nhà các chủ ngân hàng quen thuộc mà họ biết có cất giấu vàng thoi. Họ mang theo học sinh chủng viện hoặc những người Hoa mới theo đạo, để những người này làm việc thiện bằng cách giúp họ cướp giật đồng bào của mình và kiếm tiền cho các cha cố từ thiện làm công việc Chúa".

Nếu kể hết ra đây tất cả những hành vi ác quỷ của bọn tông đồ xứng đáng của đạo từ thiện này thì sẽ quá dài. Nhân đây chỉ kể sơ một vài việc: Một cha xứ nọ đã nhốt một em bé bản xứ, đánh đập em, trói em vào cột; khi người chủ của em, một người Âu, đến xin em về, thì cha xô đẩy, đánh đấm, rút súng lục dọa bắn ông. Một cha xứ khác đã bán một em gái Việt Nam đi đạo cho một người Âu lấy 300 frăng. Một cha khác đánh gần chết một học sinh chủng viện người bản xứ. Dân làng người bị nạn rất căm phẫn, trong khi chờ "công lý" của Chúa, đã làm đơn kiện tên súc sinh – xin lỗi, tôi muốn nói vị cha đáng kính – thì "công lý" thế tục đã dọa những người đi kiện ngây thơ ấy rằng: "Dè chừng! Các con ạ! Chớ có kiếm chuyện, nếu không thì..." Đức cha M... chẳng đã tuyên bố rằng nền học vấn Pháp là nguy hiểm cho người Việt Nam đó sao? Còn đức cha P... thì chả đã nói rằng Chúa cho cây mây mọc cạnh m...ông người Việt Nam là Chúa đã có dụng tâm sáng suốt đó sao? [2]

1. Nguyên văn là "évangéliser", nghĩa là "truyền giảng Phúc âm".

2. Ý nói cây roi mây quất vào mông đít là thích hợp nhất đối với sự nghiệp "khai hóa" và "truyền giáo".

Nếu thiên đường có thật, thì sẽ quá chật không đủ chỗ để chứa chấp tất cả bọn tông đồ thuộc địa can đảm đó. Và nếu Chúa bất hạnh đã chịu đóng đanh trên cây thánh giá trở về cõi thế này, thì chắc Ngài sẽ vô cùng ngao ngán khi thấy "các môn đồ trung thành" của mình thực hiện đức khổ hạnh như thế nào: giáo hội Xiêm chiếm đoạt một phần ba diện tích ruộng đất canh tác trong xứ; giáo hội Nam Kỳ chiếm một phần năm; giáo hội Bắc Kỳ, chỉ riêng ở Hà Nội đã chiếm một phần tư đất đai, cộng thêm một cái vốn bé xíu 10 triệu frăng. Không cần nói cũng biết là phần rất lớn tài sản ấy, giáo hội giành được bằng những thủ đoạn mà họ không thể và cũng không bao giờ thú nhận.

Đại tá B... viết: "Điều mà người thực dân phải dựa vào Nhà nước để làm – thì người truyền giáo cứ làm, bất chấp Nhà nước. Bên cạnh lãnh thổ của người chủ đồn điền, mọc lên lãnh thổ của Nhà chung. Chẳng bao lâu nữa, sẽ không còn rẻo đất nào cho người Việt Nam có thể sinh cơ lập nghiệp nếu không cam chịu kiếp nông nô!".

A men! Lạy chúa tôi.

*

*   *

Chúa đầy lòng nhân ái và toàn năng. Là đấng sáng thế tối cao, Người đã nặn ra một chủng tộc gọi là "thượng đẳng" để đặt lên lưng một chủng tộc gọi là "hạ đẳng" cũng do Người nặn ra. Bởi vậy, mọi đoàn đi "khai hóa" – dù đến Ăngti, Mađagátxca, Tahiti hay là Đông Dương – cũng đều có móc theo một đoàn gọi là truyền giáo. Chẳng hạn, chúng ta biết rằng Chính phủ Pháp quyết định việc chinh phục Bắc Kỳ là do sự xúi giục của các ngài giáo phẩm thực dân được mụ vợ Napôlêông đệ tam đỡ đầu. Và các vị đó đã làm những gì? Họ đã lợi dụng lòng hiếu khách của người Việt Nam để đánh cắp những bí mật quân sự, vẽ những bản đồ nộp cho quân đội viễn chinh. Chúng tôi không hiểu tiếng Latinh gọi cái công việc ấy là gì, [1] chứ tiếng Pháp thông dụng thì gọi đó là gián điệp.

---

1. Giáo hội thường dùng tiếng Latinh. Tác giả ngụ ý đả kích bọn gián điệp đội lốt thầy tu.

Bọn Gácniê, [1] bọn Rivie [2] và bè lũ không am hiểu địa phương và không biết tiếng bản xứ thì đã có bọn truyền giáo làm thông ngôn và chỉ điểm cho chúng. Trong vai trò này, các vị mang chức thánh không bỏ lỡ dịp nào để thực hiện "đức nhân" của đạo Chúa. Có linh mục đã bảo lính: "Đốt làng này đi, nó đã không nộp thuế cho chúng ta", hay là: "Tha cho làng này, nó đã quy thuận chúng ta" (GLB). Chúng ta đây tức là giáo hội.

Hàng giáo sĩ thuộc địa không những phải chịu trách nhiệm gây ra chiến tranh thuộc địa, mà còn là bọn kéo dài chiến tranh, bọn chủ trương đánh đến cùng, không chịu điều đình "non". Đô đốc R. đờ Giơnuiy [3] trong một bản báo cáo với Bộ Hải quân đã viết rằng: "Tôi muốn tìm cách giao thiệp với nhà cầm quyền Việt Nam để ký kết một Hòa ước, nhưng đã gặp những trở ngại rất lớn do các nhà truyền giáo gây ra... Một Hòa ước với người Việt Nam, dù có lợi bao nhiêu, cũng chẳng thỏa mãn được lòng ham muốn của các ông ấy. Họ muốn đánh chiếm hết cả nước và lật đổ triều đại đang trị vì. Giám mục Phenlơranh đã nhiều lần nói như thế, và đó cũng là ý kiến của giám mục Lơphevrơ".

Phải chăng đó là vì yêu nước? Không, bởi vì ở đoạn sau của bản báo cáo, đô đốc đã nói rõ rằng, "những giáo sĩ hoạt động ở Nam Kỳ hy sinh quyền lợi của nước Pháp cho những mục đích riêng tư".

Mẩu chuyện sau đây chứng minh cho ý kiến đó:

Vua Hàm Nghi [4] rời bỏ kinh thành của mình bị quân Pháp chiếm. Ông đem nghĩa quân vây một làng do người theo đạo chống giữ, trong đó có sáu nhà truyền giáo. Một tướng Pháp được tin báo, liền điều đình với một cố đạo cho mượn thuyền chở quân đi giải vây.

---

1. *Gácniê* (Francis Garnier): sĩ quan hải quân Pháp tham gia đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ nhất, bị quân ta giết chết ở gần Cầu Giấy (Hà Nội), năm 1873.

2. *Rivie* (Henri Rivière): sĩ quan hải quân Pháp tham gia đánh chiếm Bắc Kỳ lần thứ hai, bị quân ta giết chết ở gần Cầu Giấy (Hà Nội), năm 1883.

3. *Giơnuiy* (Rigault de Genouilly): đô đốc thủy quân Pháp đã đem chiến thuyền đầu tiên đến bắn phá cảng Đà Nẵng, năm 1858, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở nước ta.

4. *Hàm Nghi:* người đứng đầu phe chủ chiến chống thực dân Pháp trong triều đình Huế. Khi kinh đô Huế thất thủ, ông cùng với Tôn Thất Thuyết ra Quảng Trị tổ chức kháng chiến. Bị bọn giặc Pháp lùng bắt, ông phải lánh ở vùng rừng núi Quảng Bình, ra chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân chống Pháp. Tháng 10-1888, ông bị bọn giặc Pháp bắt đem đày sang Angiêri.

Cố đạo khước từ, bảo rằng thuyền đi đánh cá ngoài khơi hết, ba bốn ngày nữa mới về. Sau khi điều tra, viên tướng biết là tên cố đạo đã cố ý phân tán thuyền bè để quân tiếp viện không thể đi được. Viên tướng bèn đòi cố đạo đến bảo: "Nếu không có thuyền cho tôi trong sáu giờ nữa thì tôi sẽ cho bắn ông". Thuyền đến, viên tướng hỏi vị cha đáng kính: "Tại sao lại nói dối?". "– Thưa tướng quân, nếu để các giáo sĩ bị chết rồi tướng quân mới đến, thì chúng tôi sẽ có thêm sáu người tử vì đạo để phong thánh".

Đấy là những hành động phúc âm mà các "Cha nhà ta" nỗ lực làm hằng ngày và bao giờ cũng là nhân danh Chúa cả.

Chương XI
NỖI KHỔ NHỤC CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ BẢN XỨ

Đọc những trang trên đây cũng đã thấy người phụ nữ Việt Nam được các "nhà khai hóa" của chúng ta "bảo hộ" như thế nào. Không một chỗ nào người phụ nữ thoát khỏi những hành động bạo ngược. Ngoài phố, trong nhà, giữa chợ hay ở thôn quê, đâu đâu họ cũng vấp phải những hành động tàn nhẫn của bọn quan cai trị, sĩ quan, cảnh binh, nhân viên nhà đoan, nhà ga. Một người Âu mắng một phụ nữ Việt Nam là *con đĩ, con bú dù* là một việc thông thường. Ngay giữa chợ Bến Thành ở Sài Gòn – mà người ta bảo là một thành phố Pháp –, bọn gác chợ người Âu cũng không ngần ngại dùng roi gân bò, dùi cui đánh phụ nữ bản xứ để bắt họ tránh khỏi làm nghẽn lối!

Những chuyện đáng buồn như thế, có thể kể mãi không hết, song chúng tôi hy vọng rằng mấy việc kể trên cũng đủ làm cho chị em ở chính quốc biết rõ phụ nữ Việt Nam sống quằn quại trong cảnh lầm than và bị áp bức như thế nào. Bây giờ hãy xem người phụ nữ bản xứ ở các thuộc địa khác – cũng ở dưới sự "bảo hộ" của "nước mẹ" – có được tôn trọng hơn không.

Ở Phết Mơdala (Angiêri), một người bản xứ bị kết án một năm tù vì tội ăn trộm. Anh ta trốn khỏi nhà lao. Người ta phái một toán quân, do một quan hai chỉ huy, đến bao vây làng anh ta. Toán quân sục sạo rất kỹ nhưng không tìm thấy. Chúng bèn tập trung 35 phụ nữ họ hàng thân thuộc của anh ta lại. Trong số người này có những

em gái 12 tuổi, những cụ bà 70 tuổi, những phụ nữ có thai, những bà mẹ đang cho con bú. Dưới con mắt "bao dung" của viên quan hai và của viên quan cai trị vừa đến, mỗi tên lính vồ lấy một phụ nữ. Các hào mục, các người cầm đầu các tổ chức từ thiện trong làng cũng bắt buộc phải đứng xem cảnh ấy. Người ta bảo làm thế để cho họ sợ. Xong rồi, người ta phá nhà cửa, bắt súc vật, nhốt những người đàn bà đã bị hãm hiếp vào một căn nhà để cho chính bọn đao phủ kia canh gác và tiếp tục hành động ô nhục như thế đến hơn một tháng.

Người ta thường nói: "Chế độ thực dân là ăn cướp". Chúng tôi xin thêm: là hiếp dâm và giết người.

*

* *

Dưới đầu đề: "Bọn thực dân kẻ cướp", Víchto Mêrích đã kể lại một hành vi bạo ngược không thể tưởng tượng được của một viên quan cai trị thuộc địa nọ: hắn đổ nhựa cao su vào âm hộ của một phụ nữ da đen. Sau đó, hắn bắt chị ta đội một tảng đá to tướng đứng phơi nắng cho đến chết.

Tên viên chức dâm bạo ấy hiện đang tiếp tục "lập công" ở một địa phương khác.

Khốn thay, những hành vi bỉ ổi như thế lại không hiếm gì ở cái nơi mà làng báo bồi bút thường gọi là "nước Pháp hải ngoại".

Tháng 3-1922, một nhân viên nhà đoan ở Bà Rịa (Nam Kỳ) đã đánh gần chết một phụ nữ Việt Nam làm phu đội muối, lấy cớ chị đã làm ồn ào dưới hiên nhà hắn làm hắn mất giấc ngủ trưa.

"Tuyệt" hơn nữa là người phụ nữ ấy còn bị đe dọa đuổi khỏi công trường muối nếu chị kêu kiện.

Tháng 4, một nhân viên nhà đoan khác đến thay, cũng tỏ ra "xứng đáng" với tên trước bởi những hành vi tàn ác của hắn.

Một bà cụ Việt Nam, cũng là phu gánh muối, vì bị khấu lương nên cãi nhau với mụ cai. Mụ cai thưa với viên đoan. Viên này không cần xét hỏi gì cả, tát luôn bà cụ hai cái tát nên thân, và khi bà cụ cúi xuống nhặt nón, thì "nhà khai hóa" đó lại đá luôn một cái rất ác vào bụng dưới làm cho máu ộc ra lênh láng.

Bà cụ ngã xuống bất tỉnh. Đáng lẽ phải đỡ bà cụ dậy thì người

cộng sự của ông Xarô lại đòi lý trưởng sở tại đến và ra lệnh đem người bị thương đi. Lý trưởng từ chối không làm. Viên đoan liền đòi chồng bà già đến, – *ông này mù*, – ra lệnh đem vợ về.

Các bạn có muốn đánh cuộc rằng cũng như bạn đồng sự của họ là viên quan cai trị nọ ở châu Phi, hai viên chức nhà đoan Nam Kỳ này đã được hoàn toàn vô sự không? Thậm chí có thể chúng đã được thăng thưởng nữa là khác!

*

* *

Các em bé Angiê đói. Nhiều em mới lên sáu, lên bảy đã phải đi đánh giày hay xách giỏ thuê ở chợ để kiếm ăn.

Chính phủ thuộc địa và "khai hóa" cho rằng các em cùng khổ kia kiếm được "quá nhiều tiền" nên bắt mỗi em phải có một sổ đăng ký và trả môn bài hàng tháng từ 1 frăng rưỡi đến 2 frăng.

Các bạn công nhân chính quốc! Các bạn đang phản đối món thuế vô lý đánh vào tiền lương, các bạn nghĩ thế nào về món thuế bỉ ổi đánh vào các em bé kia?

*

* *

Trước chiến tranh, ở Máctiních, giá đường là 280 frăng một tấn, rượu rom 35 frăng một trăm lít.

Nay giá đường 3.000 frăng, rượu rom 400 frăng.

Như thế bọn chủ được lời 1.000%.

Trước chiến tranh, lương công nhân mỗi ngày 3 frăng, nay từ 3,75 frăng đến 4 frăng.

Như thế tiền lương công nhân tăng chưa đầy 30%.

Giá sinh hoạt thì lại tăng lên ít nhất 300%. Nếu cộng thêm sự giảm sút sức mua của đồng frăng vào sự chênh lệch ghê ghớm nói trên thì các bạn sẽ thấy đời sống của người công nhân bản xứ cùng cực đến thế nào.

Tháng 2-1923, vì chủ không chịu tăng lương, công nhân đã bãi công.

Cũng như bất cứ ở đâu, mà ở thuộc địa lại còn hơn ở nơi khác,

bọn chủ không bao giờ ngần ngại làm cho công nhân đổ máu. Cho nên trong cuộc bãi công ấy, hai công nhân trẻ người Máctiních, một anh 18 tuổi, một anh 19 tuổi, đã bị giết một cách hèn nhát.

Bọn chủ hung ác không từ trẻ con, không từ phụ nữ. Tờ *Người cùng khổ*, số ra tháng 5-1923, đã đăng tin dưới đây:

"Nhà chức trách đối xử rất bất công với nhân dân lao động. Những người không nhận làm việc theo mức tiền công do bọn chủ ấn định đều bị tố giác, bị cảnh binh bắt giữ và khám xét. Ở đâu bọn cảnh binh cũng tỏ ra đầy ác ý với dân nghèo khổ.

Chẳng hạn hôm kia, hai cảnh binh đã đến viện cứu tế Tơrinitê bắt một phụ nữ tên là Luybanh, chị này hai đùi bị trúng nhiều vết đạn trong vụ nổ súng ở Rátxinhắc ngày 9 tháng 2. Người ta đã bỏ tù chị, lấy cớ rằng "chị đã vi phạm quyền tự do lao động bằng bạo hành hoặc bằng lời dọa dẫm".

Nhưng một điều chắc chắn là người phụ nữ đáng thương đó đi không được, thế mà bọn cảnh binh vẫn cứ *muốn giải chị đi bộ 32 kilômét đến chỗ ông dự thẩm.*

Lúc chị bị bắt thì đã năm, sáu ngày chị không được thầy thuốc ở mãi Pho đơ Phơrăngxơ [1], cách đấy 32 kilômét, đến khám.

Thế thì ai đã cấp giấy cho chị ra viện, khi mà người mẹ có ba con nhỏ và bị bắt giam kia vẫn bảo rằng mình chưa lành, mình còn thương tích và không đi lại được?

Tôi nêu sự việc này trong số bao nhiêu sự việc đáng căm phẫn thường tái diễn hầu như ở khắp nơi trong thuộc địa.

Trong cuộc bãi công, ở một số doanh nghiệp, những người "được tuyển dụng" bị bắt buộc làm việc dưới sự giám sát của cảnh binh và lính thủy, y như dưới thời đại nô lệ".

*

* *

Chúng tôi đọc trong một tờ báo, thấy như sau:

"Ở Côngxtăngtin, [2] từng đoàn phụ nữ lũ lượt kéo đi ăn xin. Một

---

1. *Pho đơ Phơrăngxơ* (Fort de France): thủ phủ Máctiních.

2. *Côngxtăngtin* (Constantine): tên một quận ở Angiêri, đồng thời cũng là tên quận lỵ của quận ấy.

người trong đám người cùng khổ đó đã chết bên cầu En Căngtara, tay còn ẵm đứa con nhỏ.

Từ Bôgari đến Gienpha [1], vô số ông già, trẻ em và phụ nữ bế con bao vây đoàn xe lửa để xin bố thí.

Họ chỉ còn là những bộ xương, áo quần tơi tả. Người ta cấm họ lảng vảng đến các ga".

*

* *

Thật là một sự mỉa mai đau đớn khi thấy rằng nền "văn minh"– dưới nhiều hình thức khác nhau như "tự do", "công lý", v.v..., được tượng trưng bằng hình ảnh dịu hiền của một người phụ nữ [2] và được một hạng người tự cho là phong nhã ra sức điểm tô – lại đối xử một cách hết sức bỉ ổi với người phụ nữ bằng xương, bằng thịt và xúc phạm tới phong hóa, trinh tiết và đời sống của họ một cách cực kỳ vô liêm sỉ.

Thói dâm bạo thực dân là hiện tượng phổ biến và tàn ác không thể tưởng tượng được. Ở đây chúng tôi chỉ nêu ra một vài việc mà những nhân chứng không thiên vị đã trông thấy và kể lại, để các chị em phương Tây hiểu rõ giá trị của cái gọi là "sứ mạng khai hóa" và nỗi đau khổ của chị em mình ở thuộc địa.

Một người ở thuộc địa kể lại rằng: "Khi bọn lính kéo đến, tất cả dân chúng đều chạy trốn, chỉ còn lại hai cụ già, một thiếu nữ, một thiếu phụ đang cho đứa con mới đẻ bú và tay dắt một em gái lên tám. Bọn lính đòi tiền, rượu và thuốc phiện. Vì không ai hiểu tiếng Pháp nên chúng nổi giận, lấy báng súng đánh chết một cụ già. Còn cụ già kia thì bị hai tên lính, khi đến đã say mềm, đem thiêu sống trong một đống lửa hàng mấy giờ liền để làm trò vui với nhau. Trong khi đó thì những tên khác thay phiên nhau hiếp cô thiếu nữ, người mẹ và đứa con gái nhỏ của bà. Xong, chúng vật ngửa cô thiếu nữ ra, trói lại, nhét giẻ vào miệng, rồi một tên cầm lưỡi lê đâm vào bụng cô, chặt ngón tay cô để lấy chiếc nhẫn và cắt đầu cô lột cái vòng cổ.

---

1. *Bôgari* (Boghari) và *Gienpha* (Djelfa): tên những địa phương ở Angiêri.

2. Ý nói đến hình tượng người phụ nữ mà người Pháp dùng để tượng trưng cho Tự do, Công lý.

"Trên đám đất bằng phẳng trước kia là ruộng muối, ba cái xác chết nằm đó: một em bé bị lột trần truồng, một thiếu nữ ruột gan lòi ra, cánh tay trái cứng đờ giơ nắm tay lên chỉa vào ông trời vô tình, một xác cụ già ghê rợn khủng khiếp, thân thể trần truồng, mặt mũi cháy không nhận ra được nữa, mỡ chảy lênh láng đã đông lại, da bụng phồng lên, láng xẩy, vàng óng như da lợn quay".

Buổi tối hôm đánh chiếm Chợ Mới (Bắc Kỳ), một sĩ quan của tiểu đoàn châu Phi còn thấy một người tù khỏe mạnh, không thương tích. Sáng hôm sau, viên sĩ quan ấy đã thấy anh ta bị thiêu chết, mỡ chảy nhầy nhụa, da bụng phồng lên và vàng ánh. Đó là vì một bọn lính đã suốt đêm thui con người tay không ấy, trong khi đó bọn khác hành hạ một phụ nữ.

Một tên lính buộc một người phụ nữ Việt Nam phải hiến thân cho con chó của hắn. Chị không chịu. Hắn đâm một nhát lưỡi lê vào bụng chị, chết tươi.

Cũng vẫn người chứng ấy kể lại: "Một ngày lễ nọ, một tên lính trong cơn vui, tự nhiên vô cớ nhảy bổ vào một bà già người Việt Nam, lấy lưỡi lê đâm bà một nhát chết ngay.

Một tên lính làm vườn nhìn thấy một toán người, nam có, nữ có, đi vào vườn hắn lúc mười giờ sáng. Đó là những người trồng rau hiền lành, tò mò muốn xem vườn. Nhưng tên lính đã lấy súng săn bắn xả vào họ, làm chết hai thiếu nữ.

Một nhân viên nhà đoan đòi vào nhà một người bản xứ, chủ nhà không chịu, hắn bèn đốt nhà, và đánh gẫy chân chị vợ chủ nhà giữa lúc chị này bị khói xông mờ mắt, dắt con chạy ra để khỏi chết cháy".

Thói dâm bạo vô độ của bọn xâm lược thật không có giới hạn nào cả. Cái tinh vi của một nền "văn minh" khát máu cho phép chúng tưởng tượng được đến đâu thì chúng cứ thực hiện tính tàn ác lạnh lùng của chúng đến đó.

Thuế má nặng nề không phải chỉ đánh vào ruộng đất, vào súc vật và vào nam giới mà thôi, mà cái ơn mưa móc (!) ấy còn tưới rộng ra cho cả nữ giới nữa:

"Nhiều phụ nữ bản xứ khốn khổ, phải mang nặng gông xiềng đi quét đường chỉ vì một tội là không nộp nổi thuế".

Trong tất cả những cố gắng của các "nhà khai hóa" nhằm làm cho nòi giống Việt Nam lành mạnh hơn và đưa họ lên con đường tiến

bộ (?), phải kể đến *việc cưỡng bức mua rượu ty.* Không sao kể xiết tất cả sự nhũng lạm xung quanh việc bán rượu, một thứ thuốc độc dùng để pha chế thế nào cho người ta nuốt trôi được cái món "dân chủ".

Trên kia chúng tôi đã nói rõ rằng để nuôi béo bọn cá mập ở chính quốc, cái Chính phủ đầy tội ác ở Đông Dương đã cho phép bọn tôi tớ của nó bắt đàn bà, trẻ con không uống rượu cũng phải mua rượu. Muốn làm vừa ý bọn độc quyền, người ta đặt ra những luật lệ để trừng trị việc nấu và buôn rượu lậu; người ta đặt lên đầu người dân bản xứ cả một lô đủ thứ hình phạt; người ta cấp vũ khí cho nhân viên nhà đoan. Bọn này có quyền xông xáo vào nhà cửa, ruộng vườn của tư nhân.

"Chúng ta hơi lấy làm ngạc nhiên – mà kể cũng đáng ngạc nhiên thật – khi thấy cảnh binh giải về Hà Nội hay Hải Phòng từng đoàn *ông già, phụ nữ có mang, trẻ con, cứ hai người trói chung một dây,* để trả lời về tội vi phạm luật lệ thương chính.

Nhưng thế cũng chưa thấm gì so với những việc xảy ra ở các tỉnh, nhất là ở Trung Kỳ; ở đấy viên Công sứ kết án và bỏ tù hàng loạt già, trẻ, đàn ông, đàn bà".

Tác giả đoạn văn trên tả đám thân quyến của họ ở cổng nhà lao như sau: "Ông già, đàn bà, trẻ con, tất cả đám người ấy đều bẩn thỉu, rách rưới, mặt mũi hốc hác, mắt đỏ ngầu lên vì sốt; trẻ con bị lôi theo vì ngắn chân bước không kịp. Tất cả cái đám người đã kiệt sức ấy mang theo đủ mọi thứ: nón, quần áo rách, cơm nắm, đủ thứ thức ăn, để lén trao cho người bị can, là cha, là chồng, là trụ cột của gia đình, và hầu như luôn luôn là chủ gia đình."

Tất cả những điều mà người ta đã có thể nói ra vẫn còn ở dưới mức sự thật. Chưa có bao giờ, ở một nước nào, mà người ta lại vi phạm mọi quyền làm người một cách dã man, độc ác trắng trợn đến thế.

Không phải chỉ có những cuộc khám nhà hàng loạt, liên tục, mà còn có *những cuộc khám xét thân thể người bản xứ bất kể ở chỗ nào, bất kể là nam hay nữ!* Nhân viên nhà đoan vào nhà người bản xứ, *bắt đàn bà, con gái cởi hết áo quần trước mặt chúng, và khi họ đã trần truồng như nhộng thì chúng giở trò dâm đãng kỳ quặc đến mức đem cả con dấu nhà đoan đóng lên người họ.*

Ôi! Hỡi những người mẹ, những người vợ, những người phụ nữ Pháp, chị em nghĩ gì về tình trạng đó? Và các bạn, những người con,

những người chồng, những anh em người Pháp nữa? Có phải đó là phép lịch sự của người Pháp đã bị "thực dân hóa" đi không nhỉ?

Nhiệt tình của người Việt Nam đối với nền giáo dục hiện đại làm cho Chính phủ bảo hộ lo sợ. Bởi thế, Chính phủ đóng cửa các trường làng, biến trường học thành chuồng ngựa cho các quan nhà binh, đuổi học trò và bỏ tù thầy giáo. Một cô giáo bản xứ đã bị bắt giải về tỉnh ly, cổ đeo gông, đầu phơi trần dưới ánh nắng như thiêu đốt.

Một viên chánh quản pháo binh đã đốt nhà một phụ nữ Việt Nam, vì người ấy không chịu tiếp hắn vào lúc nửa đêm.

Một viên quan hai có nhiều vợ đã quật ngã một thiếu phụ Việt Nam và dùng gậy song đánh chị đến chết chỉ vì chị không chịu làm vợ lẽ hắn.

Một sĩ quan khác hiếp một em bé gái bằng những cách dâm bạo vô cùng ghê tởm. Bị truy tố trước tòa đại hình, hắn được trắng án, chỉ vì nạn nhân là người Việt Nam.

Trong tất cả các bài diễn văn, tất cả các bản báo cáo ở khắp những nơi mà các nhà cầm quyền của chúng ta có dịp mở miệng, và có bọn ngốc ngồi nghe, họ luôn luôn khẳng định rằng, chỉ có nước Đức dã man mới là đế quốc, là quân phiệt, còn nước Pháp, cái nước Pháp yêu hòa bình, nhân đạo, cộng hòa và dân chủ, cái nước Pháp mà họ đại diện thì không phải là đế quốc, cũng không phải là quân phiệt. Ồ! Hoàn toàn không phải! Nếu chính các nhà cầm quyền ấy đưa binh lính – là con em công nhân hay chính là công nhân – đi giết hại những công nhân ở các nước khác, thì đó chẳng qua là để dạy cho những người này biết sống cho tốt mà thôi!

Chương XII
NÔ LỆ THỨC TỈNH

I. Ở ĐÔNG DƯƠNG

Tháng 11-1922, sáu trăm thợ nhuộm ở Chợ Lớn (Nam Kỳ) vì bị bớt lương nên đã quyết định bãi công.

Cuộc phản công của bọn chủ liền diễn ra ở khắp nơi, và khắp

nơi giai cấp công nhân cũng bắt đầu giác ngộ về lực lượng và giá trị của mình.

Nếu những công nhân bản xứ khốn khổ kia, thường là rất ngoan ngoãn, dễ sai dễ bảo, không được giáo dục và tổ chức, đã đi đến chỗ phải tập hợp nhau lại – do bản năng tự vệ, nếu có thể nói như thế – và đấu tranh chống những đòi hỏi tàn bạo của chủ, thì đó là vì tình cảnh của họ quá ư khốn khổ, khốn khổ đến mức mà ở châu Âu người ta không tưởng tượng được. Đây là lần đầu tiên, một phong trào như thế nhóm lên ở thuộc địa. Chúng ta hãy ghi lấy dấu hiệu đó của thời đại và chúng ta đừng quên rằng bổn phận của chúng ta – những người lao động ở chính quốc – không phải chỉ tỏ tình đoàn kết với những anh em cùng giai cấp ở đấy bằng lời nói, mà còn phải giác ngộ họ, giáo dục họ về ý thức tổ chức và về phương pháp tổ chức.

II. Ở ĐAHÔMÂY

........................[1]

III. Ở XYRI

Dân Xyri lấy làm hài lòng, rất hài lòng về chính sách cai trị của tướng Gurô,[2] các nhà đương cục đều nói như thế. Nhưng các sự việc sau đây đã chứng minh trái ngược lại:

Tháng 5-1922, ông Muyxtapha Kêman[3] đến Métxin. Để đón tiếp ông, người Hồi giáo Xyri dựng một khải hoàn môn có cắm cờ đen mang các khẩu hiệu: "Thổ và A Rập là anh em!", "Xin chớ quên những người anh em Xyri", "Hãy giải phóng cho chúng tôi", v.v...

Việc ông Muyxtapha Kêman đến thăm Ađanna đã gây nên những cuộc biểu tình sôi nổi. Trong hai ngày liền, những người trong phong

---

1. Chúng tôi lược trích đoạn này vì nội dung chủ yếu có thể thấy ở bài Khởi nghĩa ở Đahômây đã in ở phần trên, tr. 132-133.

2. *Gurô* (Gouraud): tướng Pháp (1867-1946) đã từng chỉ huy quân đội Pháp ở Xyri trong chiến tranh thế giới thứ nhất.

3. *Muyxtapha Kêman* (Mustapha Kémal) (1881-1938): Lãnh tụ đảng Quốc dân ở Thổ Nhĩ Kỳ, cầm đầu cuộc cách mạng tư sản và được bầu làm Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ, năm 1923.

trào phục quốc ở Ăngchiôsơ và Alếchxăngđrét [1] đã giương cờ đen kéo qua các phố và hô lớn những khẩu hiệu chống chế độ "ủy trị" Pháp.

Đáp lời kêu gọi của phái đoàn phục quốc Xyri, nghe đâu ông Muyxtapha Kêman đã nói: "Một trung tâm văn minh đã tồn tại từ bao thế kỷ như Xyri không thể nằm trong tay người ngoại quốc được".

Chủ nghĩa thực dân Pháp không hề thay đổi cái châm ngôn "chia để trị" của nó. Chính vì thế mà nước Việt Nam, một nước có chung một dân tộc, chung một dòng máu, chung một phong tục, chung một lịch sử, chung một truyền thống, chung một tiếng nói, đã bị chia năm xẻ bảy. Lợi dụng một cách xảo trá sự chia cắt ấy, người ta hy vọng làm nguội được tình đoàn kết, nghĩa đồng bào trong lòng người Việt Nam và tạo ra những mối xung khắc giữa anh em ruột thịt với nhau. Sau khi đẩy họ chống lại nhau, người ta lại ghép một cách giả tạo các thành phần ấy lại, lập nên một "liên bang" gọi là Liên bang Đông Dương.

Trong các thuộc địa mới người ta cũng lại thấy cái sách lược ấy. Sau khi chia cắt đất nước Xyri thành "một số quốc gia", Cao ủy Pháp ở Bâyrút lại lập một "Liên bang" Xyri, gồm các "nước" Alép, Đamát, và Alauít. [2] Một lá quốc kỳ đã được bày đặt ra nhằm mục đích đó. Cũng như đối với lá cờ Việt Nam, người ta không quên vá vào lá cờ liên bang đó một miếng "cờ bảo hộ", ở góc trên, gần cán. Ngày 11-12-1922 là ngày lễ "long trọng", lần đầu tiên lá cờ ấy được kéo lên nóc phủ liên bang ở Alép.

Trong dịp ấy, nhiều nhà cầm quyền đã đọc diễn từ. Ông Xubi Baraca Bây, Chủ tịch Liên bang, đã nói nào là "nước bảo hộ rộng lượng", nào là "người hướng đạo chân thành", nào là "những vị tướng lĩnh chiến thắng", và hàng tràng những điều khác nữa. Ông Rôbe đơ Ke, quyền Cao ủy, cũng đọc đít cua rất dài. Ngoài những điều khác

---

1. *Những người trong phong trào phục quốc ở Ăngchiôsơ và Alếchxăngđrét:* Ăngchiôsơ và Alếchxăngđrét là hai thành phố cổ nổi tiếng của nước Xyri, năm 1516 bị Thổ Nhĩ Kỳ xâm chiếm.

Sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918), Thổ Nhĩ Kỳ thua trận, theo hiệp ước Xevrơ ngày 10-8-1920, Xyri bị giao cho Pháp "ủy trị".

Những người trong phong trào phục quốc (năm 1922) ở hai thành phố này là những người đấu tranh chống chế độ "ủy trị" (thực chất là ách thực dân) của Pháp, giành độc lập.

2. *Alép* (Alep), *Đamát* (Damas), *Alauít* (Alaouites): Alep là một thành phố của Xyri; Damas là thủ đô của Xyri; Alaouites là lãnh thổ của Xyri bị thực dân Pháp cắt ra thành một khu vực "tự trị" từ năm 1924 đến năm 1930.

ra, vị quan cao cấp ấy đã nhắc lại rằng, "nước Xyri độc lập không phải là dân tộc đầu tiên được nước Pháp săn sóc từ trong nôi", v.v... Nhưng, tất cả những lời lẽ huênh hoang rỗng tuếch ấy chẳng đánh lừa được ai. Phái đoàn Xyri – Palextin lãnh nhiệm vụ đấu tranh cho độc lập và thống nhất – chân chính – của nước Xyri ở Hội nghị Lôdannơ [1] đã gửi một bức thư phản kháng. Bức thư này đã được đăng trên tờ *Diễn đàn phương Đông* [2], và chúng tôi rất sung sướng được sao lại dưới đây:

"Thưa ngài,

Giữa lúc người ta đương cố hàn gắn những lỗ hổng mà Hiệp ước Xevrơ [3] đã khoét ra trong vấn đề Cận Đông và giữa lúc dân tộc A Rập đang phải chịu đựng, so với mức hy sinh tự nguyện của mình, những điều tai hại trực tiếp nhất do hiệp ước đó gây ra, thì ở hội nghị của các ngài, hội nghị tổ chức ra với mục đích thiết lập một nền hòa bình vững chắc và lâu dài, tiếng nói của các đại biểu dân tộc A Rập ở các khu vực khác nhau vẫn chưa được lắng nghe.

Thế mà chính lúc này lại là lúc các nhà cầm quyền Pháp chọn để khánh thành một cách long trọng công cuộc thực dân hóa mà họ đã tiến hành từ bốn năm nay bằng cách gắn cái tượng trưng cho chế độ nô lệ vĩnh viễn, là những miếng cờ tam tài, lên lá cờ mà người ta vừa mới gán cho cái gọi là "Liên bang Xyri". Thế là một lần nữa, người ta lại phủ nhận những lời tuyên bố của Đồng minh, những điều mà nước Anh đã nhân danh Đồng minh cam kết với dân tộc A Rập, và ngay cả những lời của các chính khách Pháp hứa bảo đảm nền độc lập cho xứ Xyri bất hạnh. Nước Xyri hiển nhiên có đủ tư cách để được độc lập nhanh chóng, hoàn toàn, và xứng đáng với nền độc lập ấy không kém bất cứ một nước nào khác ở phương Đông hay ở phương Tây. Thế mà Xyri lại không được phép có một quốc kỳ riêng của mình.

---

1. *Hội nghị Lôdannơ* (Conférence de Lausanne): Hội nghị giữa các nước Đồng minh và Thổ Nhĩ Kỳ họp tại Lôdannơ thuộc Thụy Sĩ (1922 - 1923). Hội nghị này đi đến ký Hòa ước Lôdannơ về chế độ các eo biển Đácđanen, chế độ quyền lợi của những người theo đạo Thiên chúa trên đất Hồi giáo, và xét lại Hiệp ước Xevrơ.

2. *Diễn đàn phương Đông:* dịch từ chữ *La Tribune d'Orient*.

3. *Hiệp ước Xevrơ* (Traité de Sèvres): Hiệp ước ký kết giữa Thổ Nhĩ Kỳ và các nước Đồng minh ngày 10-8-1920 tại Xevrơ (Pháp), chia cắt đất Thổ Nhĩ Kỳ ra làm nhiều nước và lập chế độ nửa thuộc địa ở đó. Nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ nổi dậy đấu tranh chống lại Hiệp ước này để bảo vệ độc lập dân tộc. Thổ Nhĩ Kỳ chiến thắng, buộc các nước đế quốc phải triệu tập Hội nghị Lôdannơ để xóa bỏ Hiệp ước Xevrơ.

Người ta đã buộc Xyri phải đính vào quốc kỳ của mình cái mảnh tam tài làm dấu hiệu cho chế độ ủy trị, là một sự thôn tính trá hình.

Thưa ông Chủ tịch, từ trước tới nay chúng tôi luôn luôn phản đối chế độ ủy trị, không bao giờ chúng tôi công nhận chế độ ấy cả, ngày nay chúng tôi lại cực lực phản đối việc gắn cái dấu hiệu tượng trưng của chế độ ấy vào lá cờ của chúng tôi.

Hầu hết các cường quốc, kể cả những nước lớn mạnh không kém gì nước Pháp, đều không bao giờ dùng phương pháp làm nhục ấy đối với những thuộc địa lạc hậu nhất của họ.

Hiến chương [1] Hội Quốc liên [2] quy định rõ tính chất tạm thời của chế độ ủy trị (điều 22, đoạn 4). Vậy thì nhà chức trách Pháp dựa trên cơ sở nào để gán ghép màu cờ của họ cho một nước mà họ đòi dìu dắt đến độc lập, một nền độc lập đã được Hiến chương Hội Quốc liên công nhận?

Thưa ngài, chúng tôi trân trọng yêu cầu ngài xét lời phản kháng của chúng tôi về vấn đề ấy, và một lần nữa, chúng tôi nhắc lại nguyện vọng tha thiết nhất của chúng tôi là những yêu sách chính đáng của chúng tôi sẽ được bênh vực tại hội nghị.

Kính mong, v.v...

Thay mặt Trưởng đoàn đại biểu
Xyri - Palextin:
Tổng thư ký
EMIA SEKIP ACXLAN"

Ngoài ra, những người ở Hama, phần nhiều là công chức, luật sư, giáo sư, nhà báo, nhà buôn, đã gửi cho Thủ tướng Pháp một bức thư mà sau đây là những đoạn chính:

"Thưa ngài Thủ tướng, chúng tôi được hân hạnh trình bày với ngài các yêu sách của chúng tôi, đồng thời chúng tôi phản đối sự phản ứng của cái Hội đồng đó, sự phản ứng mà chúng tôi cho là đã đi

1. Nguyên văn là "Pacte" nghĩa là "Giao ước". Dịch là "Giao ước" sát nghĩa hơn. Còn chữ "Hiến chương" dùng để dịch chữ "Charte", như "Charte de l'O.N.U." (Hiến chương Liên hiệp quốc). O.N.U. là tên viết tắt của "Organisation des Nations Unies".

2. *Hội Quốc liên* (Société des Nations): một tổ chức do các nước thắng trận trong chiến tranh thế giới thứ nhất thành lập ngày 10-1-1920, theo Hiệp ước Vécxây, với mục đích là phát triển sự hợp tác giữa các dân tộc, giữ gìn hòa bình thế giới. Thực tế tổ chức này không thực hiện mục đích đó vì bị các nước đế quốc thắng trận khống chế.

ngược lại lợi ích của chúng tôi và lợi ích của cả nước Xyri nói chung.

1. Cái Hội đồng Liên bang ấy không phải là do quốc dân bầu ra. Vì thế, các ủy viên của Hội đồng đó hoàn toàn không có tư cách là đại biểu của quốc dân, cũng không thể phản ánh ý chí của quốc dân.

2. Hội đồng ấy không có quyền hành gì cả; nó bị bắt buộc chỉ được thảo luận những vấn đề nào mà người ta muốn đưa ra trước nó, nên ngay cả những vấn đề sống còn của đất nước, nó cũng không thể đề cập đến được. Sau hết, các Nghị quyết của Hội đồng lại hoàn toàn phụ thuộc vào quyền hành của Cao ủy, Cao ủy có thể tùy tiện thi hành hay bác bỏ.

3. Chính ngay cơ sở của Hội đồng ấy cũng không vững, bởi vì mỗi bang chỉ có một đại biểu, mặc dầu dân số các bang không bằng nhau. Lại còn điều kỳ quặc phi lý này nữa là Hội đồng không theo nguyên tắc đa số, có một ý kiến bất đồng là cuộc biểu quyết coi như không có giá trị và vấn đề phải đưa lên Cao ủy quyết định.

4. Người ta giới thiệu Hội đồng này như là một bước tiến trên con đường đi đến thống nhất, thật ra nó là sự phủ nhận thống nhất, phủ nhận ngay đến cả tư cách của đất nước nữa, vì đã là một Hội đồng chỉ định ra thì nó hoàn toàn không phản ánh được ý chí của quốc dân; thậm chí nó còn có thể đi ngược lại ý chí đó, trong khi trước con mắt của toàn thế giới, nó lại có thể được coi như là cơ quan để đạt nguyện vọng của nhân dân Xyri, và do đó sẽ cung cấp cho người ta những lý do để khước từ những yêu sách chính đáng của quốc dân chúng tôi.

...

Còn về nguyện vọng của chúng tôi, thì có thể nêu lên như sau:

a) Công nhận nền độc lập thật sự và sự thống nhất của Xyri.

b) Sau khi làm xong cuộc điều tra dân số đang tiến hành thì sẽ tổ chức phổ thông đầu phiếu để bầu ra Quốc hội. Quốc hội sẽ ban hành Hiến pháp và quyết định chính thể. Quốc hội có thể được triệu tập vào cuối năm 1922, tức là lúc Hội đồng Liên bang sẽ được triệu tập.

c) Thành lập một Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và Quốc hội, trong những quyền hạn của nó, phải có toàn quyền lập pháp.

Đó mới là những nguyện vọng thật sự của nhân dân Hama, mà cũng là nguyện vọng của tuyệt đại đa số nhân dân Xyri".

*

* *

Từ khi tập sách nhỏ này viết xong, thì nhiều biến cố nghiêm trọng đã xảy ra ở nhiều thuộc địa. Đó là quả bom ở Quảng Châu [1] do một người Việt Nam ném, là những quả bom ở Ăngti, những vụ bãi công đẫm máu ở Guyađơlúp, những cuộc biểu tình không kém đổ máu ở Đamát, những vụ bãi công ở Bidéctơ [2], ở Hammănglíp [3] và tình hình sôi sục ở Tuynidi.

(................) [4]

NGUYỄN ÁI QUỐC

Bản dịch: Nhà xuất bản Sự thật,
Hà Nội, 1976.

---

1. *Quả bom ở Quảng Châu*: ngày 19-6-1924, Phạm Hồng Thái dùng bom mưu giết tên Méclanh, Toàn quyền Đông Dương, tại Sa Diện (thuộc thành phố Quảng Châu, Trung Quốc).

2. *Bidéctơ* (Bizerte): quân cảng của nước Tuynidi.

3. *Hammănglíp* (Hammanlif): một thành phố của nước Angiêri.

4. Chúng tôi lược trích một số đoạn ở cuối tác phẩm *Bản án chế độ thực dân Pháp,* vì nội dung chủ yếu của những đoạn ấy có thể thấy ở các bài đã được in trong các phần trước.

TIỂU DẪN ĐỂ THAM KHẢO VỀ
BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP

Gần đây có những tư liệu cho biết, vào tháng 1 - 1920, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã bắt tay vào viết một tập sách có nhan đề là *Những người bị áp bức (Les Opprimés)*. Căn cứ vào những báo cáo của tên mật thám Giăng (Jean) gửi cho Bộ Thuộc địa trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 3-1920, ta biết được nhiều điều có quan hệ đến tác phẩm trên. *Những người bị áp bức* và *Bản án chế độ thực dân Pháp* là hai tác phẩm riêng biệt hay chỉ là hai nhan đề của một tác phẩm ở vào hai giai đoạn khác nhau: *Những người bị áp bức* là tên tập bản thảo lúc chưa hoàn chỉnh, còn *Bản án chế độ thực dân Pháp* là tên tập sách ấy khi được in ra? Cũng lại có ý kiến cho rằng *Bản án chế độ thực dân Pháp* rất có thể là bản thảo cuốn *Những người bị áp bức* thu gọn lại chăng? Đây đang là một vấn đề được nhiều người để công tìm hiểu (Xem thêm: Hồng Hà: *Thời thanh niên của Bác Hồ*, sách đã dẫn, tr. 70; Thu Trang Công Thị Nghĩa: *Tập san khoa học xã hội*, Pari, số 5, tháng 12-1978; Quốc Anh: *Văn nghệ*, số ra ngày 19-5-1979; *Nhân dân*, số ra ngày 13-5-1979)... Chúng tôi xin để các nhà nghiên cứu văn học và sử học nói chung, các nhà nghiên cứu văn bản học nói riêng, điều tra và khẳng định.

Sau đây là một số đoạn trích, rút ra từ báo cáo của Giăng, đã được sử dụng từng phần trong các bài viết chúng tôi vừa nhắc tới trên kia.

Ngày 19-1-1920.

Vào khoảng 7 giờ tối, phó quản Lâm đến nhà Nguyễn Ái Quốc... Câu chuyện trao đổi giữa hai người như sau:

QUỐC: Chẳng một ai biết đến An Nam cả. Nếu cần phải gây sự hay kể cả làm những gì vớ vẩn để thiên hạ biết đến, chúng ta cũng phải làm. Nếu ai hỏi tôi nhóm người cách mạng An Nam ở đâu, tôi sẽ trả lời là 20 triệu người ở bên ấy, họ đã phản kháng hằng ngày nhưng bị đè nén dìm đi. Nói cho cùng, ai làm gì được tôi? Bỏ tù tôi ư? Lưu đày tôi ư? hoặc cắt đầu tôi? Điều ấy có xảy đến, tôi cũng bất cần.

LÂM: Nếu anh có tinh thần dũng cảm đến độ ấy, xin hoan hô...

Đến 8 giờ tối, phó quản Lâm đưa Quốc đi xem hát ở rạp Nuvô Liríchcơ (Nouveau Lyrique). Trong khi chờ mở màn và trong giờ nghỉ, câu chuyện của họ xoay quanh vấn đề sau:

LÂM: Mấy hôm nay anh đang làm gì?

QUỐC: Vẫn là việc đi tìm sách.

LÂM: Bao giờ thì anh viết xong cuốn ấy?

QUỐC: Tôi không thể trả lời anh được vì tôi rất cần nhiều tài liệu. Tôi không muốn tự mình viết lấy, vì như thế không có giá trị thực sự. Tôi sẽ dùng những đoạn văn trong các sách họ viết về thực dân Pháp. Tôi sẽ cố gắng làm cho đậm nét những đoạn ấy. Sự sắp đặt cuốn sách sẽ có bốn chương như sau:

Chương 1: Tình trạng của Đông Dương trước khi Pháp chiếm đóng.

Chương 2: Họ đã đem lại những gì cho xứ Đông Dương.

Chương 3: Tình trạng Đông Dương hiện tại.

Chương 4: Đông Dương trong tương lai.

LÂM: Anh làm thế nào để xuất bản? Anh biết việc ấy cần có tiền chứ?

QUỐC: Điều ấy sẽ làm rất giản dị thôi. Khi nào tôi hoàn thành xong cuốn sách ấy, tôi sẽ giới thiệu với một đảng viên xã hội hay bất cứ một người nào khác. Sau khi biết giá tiền in, tôi sẽ bán thân tôi cho họ như một người đầy tớ. Chả nhẽ tôi không biết đánh giày hay dọn bàn hay sao?

LÂM: Ồ thật là tuyệt!

Ngày 21-1-1920.

Phó quản Lâm đưa Nguyễn Ái Quốc đi xem hát tại rạp Labori (L'Abri). Họ đã trao đổi với nhau những điểm sau đây:

LÂM: Bao giờ thì anh viết xong cuốn sách?

QUỐC: Hai tháng nữa hoặc có thể trễ hơn.

LÂM: Có người nói với tôi là có những hội kín cung cấp tiền cho những người đi trú ở Trung Quốc và Nhật chứ?...

QUỐC: Tại sao tôi cần phải có một hội? Tôn chỉ của tôi là "tự tin vào mình"... Một khi cuốn sách được viết xong, tôi sẽ làm bất cứ gì để lấy tiền in cho được, đấy là chương trình của tôi trong lúc này. Có một điều làm tôi luôn tự hỏi là làm thế nào để đưa sách ấy về được trong nước?... Và tên cuốn sách, chúng ta sẽ đặt thế nào? Tên là *Những người bị áp bức (Les Oppriés)* có nên không?

LÂM: Từ từ đã, lúc nào cũng dữ dội quá, việc ấy sẽ đưa ta đến đâu? *An Nam dĩ vãng và hiện tại (Le passé et le présent de l'Annam)* nó có vẻ sử, lại có vẻ tiểu thuyết nữa, chỉ cái tựa thôi cũng đủ làm cho mọi người chú ý.

QUỐC: Không, tôi vẫn giữ cái tựa *Những người bị áp bức!*

LÂM: Đành rằng cái tựa ấy sẽ đánh mạnh vào sự chú ý của những người trong phe xã hội, nhưng liệu anh có được phép của những nhà xuất bản cho anh trích những đoạn trong sách của họ để anh dùng trong sách của anh không? Phải xem chừng, họ có thể kiện anh đấy.

QUỐC: Tôi có gì để họ kiện tôi? Tôi sẽ đi từ tòa án này sang tòa án khác để khiếu nại, có lẽ đấy lại là một dịp may để làm quảng cáo và tuyên truyền trước các ông quan tòa và công chúng.

LÂM: Tất cả mọi sự đều tốt đối với anh, thật phi thường!

(Kèm theo bản báo cáo này là danh mục 17 cuốn sách tác giả là người Pháp mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tham khảo và sử dụng trong cuốn sách của mình)

Tháng 2-1920 (không rõ ngày).

... Ông Quốc luôn chú tâm vào cuốn sách của mình, thiếu tiền nên ông ta vẫn chưa biết làm cách nào để xuất bản được cuốn sách. Ông ta luôn luôn tìm kiếm sự hỗ trợ mà không kiếm ra.

Ông Quốc nói rằng khi cuốn sách của ông ta xuất bản, Bộ Thuộc địa chắc chắn sẽ trả tiền cho những nhà xuất bản những cuốn sách mà ông ta đã trích dẫn trong cuốn sách của mình để truy tố ông ta, và ông Quốc cũng hy vọng rằng việc kiện tụng ông ta qua hết tòa án này tới tòa khác sẽ chỉ làm cho sự việc thêm nổi tiếng mà thôi...

Từ 17 đến 24-2-1920.

... Ông Quốc luôn chú tâm vào cuốn sách của mình.

Từ 9 đến 16-3-1920.

... Ông Quốc hoàn thành xong việc viết sách, ông nói sẽ đi gặp ông Casanh và Lôngghê để xin lời mở đầu cho cuốn sách. Ông Quốc có ý định in cuốn sách này bằng tiền riêng của mình vì ông ấy nói với Lâm là đã dành được 300 frăng. Số tiền này để in lần đầu, sau đó ông sẽ đi xuống tỉnh Pông (Pons) làm nghề ảnh để dành tiền in lần thứ hai.

Hiện nay ông đang dịch những đoạn trích trong cuốn *L'Esprit des Lois (Tinh thần pháp quyền)* của Môngtétxkiơ (Montesquieu) sang tiếng Việt Nam...

Theo ý riêng tôi, tôi không tin là ông Quốc đã được một hội kín nào đó cung cấp tiền bạc. Vì ông ta là một người rất tự trọng, muốn cuốn sách ấy được xuất bản do chính tiền dành dụm của ông ấy.

Từ ngày 23 đến 29-3-1920.

Ông Quốc đã yêu cầu một đảng viên xã hội trẻ tuổi, một họa sĩ trang trí để vẽ bìa cho cuốn sách. Ngày 25-3, họa sĩ đã mang lại cho ông ta bức tranh vẽ trên đó có tấm hình bản đồ xứ Đông Dương được thể hiện như một con vật thân hình nhầy nhụa máu và đeo xiềng xích. Một tên lính thực dân đang đánh con vật đó bằng một cây chùy...

CON RÙA

Cốc! cốc! cốc!

– Ai đấy? Ông Xã, lý trưởng làng Lalo,[1] vừa hỏi to vừa bước ra mở cổng cái vườn con... Chào ông anh ạ! Ông nói với người vừa ló ra. May mắn làm sao tệ xá lại được vinh hạnh đón tiếp ông anh quá bộ lại chơi thế này?

– Trời bao nhiêu sao thì xin mừng bác phúc lộc bấy nhiêu, khách lạ trả lời. Chả là tôi mang đến bác tờ trát của quan Sứ.

Xem lướt xong lệnh của quan trên, ông Xã gật đầu gãi tai. Ông có vẻ quýnh lắm.

– Gì thế, ông? Bà vợ lo lắng hỏi.

Ông Xã không đáp, chỉ ra hiệu cho người bạn đời thân quý của ông đi theo ông.

Khi chỉ còn hai người, ông nói: "Hiền thê ta ơi! Sự thể như thế này. Quan Sứ đòi tôi lên dinh ngài, nhà nó cũng biết đấy. Quan là một ông Tây tốt, chỉ thích của tốt, cho nên mình mà vào nhà ngài hai tay rỗng không thì khi ra khỏi nhà ngài là đôi mông no đòn. Thế nhưng nhà mình có gì coi được: gà, thỏ, vịt, gà tây, thì đã bán sạch để nộp thuế rồi còn đâu! Lấy gì dâng quan bây giờ?"

Đến lượt bà vợ ông Xã trở nên tư lự. Bà biết rằng cái con người đáng sợ mà ông chồng thân yêu của bà sắp phải lên trình diện này, trước kia – trong thời kỳ "bình định" – đã từng chặt 75 cái đầu hào mục xứ Bắc Kỳ. Lên làm quan Sứ, ông ra lệnh cứ nện đòn bất luận tên dân An Nam nào, đàn ông hay đàn bà cũng thế, qua cổng nhà ông mà không hạ mũ nón. Tính ông hung bạo làm dân chúng khiếp vía. Muốn vui chuồng gà, ông mượn gà mái của dân trong hạt, rồi chẳng bao giờ trả lại sau khi đã có cả trứng lẫn gà con. Nói tóm lại là bà biết rằng ông quan da trắng này dữ tợn lắm, và bà run sợ sẵn khi nghĩ trước cảnh tượng chồng bà sẽ được tiếp đón như thế nào nếu không mang gì đến đấm cái mõm Công sứ.

---

1. *Lalo*: tên làng đặt hài hước bằng cách gộp yếu tố ngữ pháp Pháp: *la* thường đứng trước danh từ có thể coi như tương đương *sự, cái, nỗi*... và từ Việt: *lo* (lắng).

– Tôi nghĩ ra rồi, im lặng mấy phút rồi bà nói, nghĩ cái hay lắm!

...

Đặt xong xuôi con rùa ngay ngắn trên cái khay bạc thuê của chính nàng hầu quan Sứ, bày xong xuôi cả khay lẫn rùa lên tấm chiếu trải trước cửa phòng giấy ngài Công sứ, ông Xã đến trình diện với tất cả nỗi niềm cung kính tất phải có đối với vị đại diện của Nhà nước "bảo hộ".

– Lạy Quan lớn – ông vừa thưa vừa quay lại phía chiếu – dám xin Quan lớn nhận cho, của mọn thôi ạ! Cái món qu... qu...[1]

Ông không nói hết được tiếng "quà" vì thoắt nhận ra rằng trên khay thế là đã khuất bóng rùa. Cái con vật, không buộc, đã thừa lúc ông Xã khốn khổ nhà ta quay đi mà chuồn mất.

Nhưng quan Sứ – ngài khoan hòa rất mực – reo tó lên:

– Ô cái khay đẹp quá thôi! Để ta phải gửi lên biếu quan Toàn quyền mới được!... Đúng hôm nay lại là ngày lễ sinh nhật Toàn quyền phu nhân, hẳn bà thích lắm đấy!

"Và ông thì ông sẽ nhớ thăng cấp cho ta", Ngài Công sứ nghĩ thầm thêm trong bụng.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Người cùng khổ*, số 32, tháng 2 và 3-1925.
Bản dịch: Phạm Huy Thông, *Truyện và ký*,
Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 39.

---

1. Theo nguyên văn thì chỗ này ông Xã muốn dùng chữ "cadeau" nghĩa là "quà", nhưng lắp bắp không nói được hết chữ, chỉ mới nói được "ca... ca", mà "caca" (tiếng Pháp) thì có nghĩa là cứt.

Chỉ chuyển được phần nào ý đùa và nhạo sang bản dịch tiếng Việt.

LỐI CAI TRỊ CỦA NGƯỜI ANH [1]
TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ, XUĐĂNG

Phái Bảo thủ trở lại nắm chính quyền[2], việc đó đã làm cho chủ nghĩa đế quốc Anh thêm sức mạnh. Chủ nghĩa đế quốc Anh muốn thi hành ở Trung Quốc một chính sách "tích cực" và "mạnh mẽ". Để bắt đầu, người ta đã đề nghị với hội nghị Luân Đôn ngày 24 tháng Một vừa rồi rằng, những đường sắt ở Trung Quốc phải do các lực lượng quân sự Mỹ, Nhật, Bỉ, Pháp và Anh kiểm soát và giám sát. Nước Anh bỏ nhiều vốn nhất vào những đường sắt ấy sẽ đóng vai trò quyết định trong việc kiểm soát và chiếm đóng những hệ thống đường sắt đó. Dự án tốt đẹp ấy chưa được thông qua.

Đầu năm nay, thủ đô chính thức của Ấn Độ thuộc Anh bỗng nhiên thấy phải áp dụng *Đạo luật phòng thủ Ấn Độ* năm 1918, tức là đạo luật bất thường thiết lập lệnh giới nghiêm. Dưới chế độ ấy, tất cả những viên chức và cảnh sát người Anh, từ chức thanh tra trở lên, đều có quyền bắt bớ và giam giữ những người Ấn Độ bị tình nghi, không cần phải xét xử gì cả. Chỉ một buổi mai mà các trường trung học, các ký túc xá của sinh viên và hơn trăm tòa nhà đã bị khám xét. Hàng trăm vụ bắt bớ đã xảy ra. Trong số những người bị bắt giam có: S. Sunđe Rôđơ, lãnh tụ trong Ban Chấp hành Đảng Quốc đại Ấn Độ [3]; Baran Roy, Bí thư tỉnh ủy của đảng này; S. Míttơrơ, Bí thư của Đảng Xvaragít [4] và nhiều người Xvaragít khác có tiếng tăm và được trọng

---

1. Trong nguyên văn: "Rule Britania".

2. Hồi tháng Một 1924, đảng Bảo thủ Anh lên cầm quyền thay Công đảng Anh, họ thi hành một chính sách công khai phản động, làm thiệt hại đến mức sống của quần chúng cần lao, và đã từ chối không thông qua các Hiệp ước thương nghiệp Xô – Anh mà Chính phủ Mác Đônan cũ thuộc Công đảng Anh đã ký với Liên Xô.

3. Đảng Quốc đại Ấn Độ thành lập năm 1885 để đấu tranh chống nền thống trị Anh và tập hợp trong hàng ngũ của họ những đại biểu của các giai cấp và các tầng lớp xã hội Ấn Độ (tư sản, địa chủ, trí thức và một bộ phận những người lao động). Cương lĩnh của họ là "phản đối bằng cách không bạo động" và bầu Găngđi làm lãnh tụ.

4. Đảng Xvaragít (swarajiste từ chữ swaraj là Tự trị, Độc lập) do một số đại tư sản, một số ít địa chủ miễn cưỡng, từ trong Đảng Quốc đại tách ra và thành lập một đảng mới, hồi đầu năm 1924. Ngoài miệng, họ nói Cương lĩnh của họ là đấu tranh cho nền độc lập của Ấn Độ, nhưng trong thực tế, họ đã đi theo bọn quan thầy Anh, nhằm leo lên địa vị thống trị. Đảng này đã tan rã trong thời kỳ cao trào đấu tranh cách mạng Ấn Độ 1928-1933.

vọng. Phòng làm việc của các Công ty Ấn Độ đều bị quân đội và cảnh sát chiếm đóng. Các nhà cầm quyền Anh ở Bănggan, một lần nữa định giải quyết bằng vũ lực tất cả những khó khăn về chính trị.

Ở đây, chúng tôi sẽ không nhắc lại những sự biến xảy ra ở Nhật Bản và Ai Cập mà mọi người còn nhớ. Điều mà người ta ít biết đến là đã từ lâu các nhà công nghiệp Anh hằng ôm ấp cái mộng thi hành một cách kiên quyết một "chính sách bông" ở châu Phi. Họ sẽ biến Xuđăng thành một đồn điền rộng lớn, và để thực hiện mục đích đó, họ sẽ chuyển hướng dòng sông Nin ở miền thượng lưu. Đồn điền được tưới như vậy sẽ đem lại một năng suất tuyệt vời; nhưng nông nghiệp miền hạ lưu sông Nin sẽ bị thiệt hại nghiêm trọng, vì dòng nước màu mỡ tốt tươi đã bị đổi đi hướng khác. Vì vậy, người Ai Cập đã phản đối việc thực hiện kế hoạch đó. Ông Listếch, Tổng tư lệnh người Anh trong quân đội Ai Cập bị ám sát. [1] Người Anh đã lấy cớ để hoàn toàn phóng tay ở Xuđăng; từ nay họ là những người chỉ huy duy nhất ở đấy. Máu đổ ở Xuđăng và ở Ai Cập có lẽ sẽ chỉ để tăng thêm màu mỡ cho đồn điền của họ ở Xuđăng...

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 33, 8-4-1925, tr. 247. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1959, tr. 173.

1. Ngày 19 tháng Một 1925, một bọn quá khích đã giết tướng Tổng tư lệnh Xuđăng là Listếch, nhà cầm quyền Anh đã mượn cớ đó để gạt bỏ những binh sĩ và viên chức người Xuđăng, Ai Cập ra, và xé bỏ bản Hiệp ước ngày 19-1-1899 ký kết giữa Anh và Ai Cập về việc cai trị Xuđăng.

TRẢ LỜI ÔNG H.

TIỂU DẪN. – Trong thời gian hoạt động cách mạng ở Quảng Đông (Trung Quốc), đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã có dịp tiếp xúc với nhiều người Việt Nam, trong đó có H.

H. đã viết tập bản thảo nhan đề là *Cách mệnh*, gửi tới đồng chí Nguyễn Ái Quốc nhờ đồng chí đọc và cho ý kiến phê bình. Sau khi đọc tập bản thảo này, đồng chí Nguyễn Ái Quốc (lúc ấy lấy tên là Lý Thụy), đã viết lá thư *Trả lời ông H.*, nay chỉ còn lại bản dịch ra tiếng Pháp, dài 12 trang đánh máy. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc thẳng thắn phê phán xu hướng cải lương chủ nghĩa của H. muốn làm cách mệnh bằng cách "bất hợp tác" của "thánh Cam Địa" (Găngđi), "lầm lẫn cho tẩy chay là cách mệnh và cách mệnh là tẩy chay"...

Thư *Trả lời ông H.* toát lên tinh thần đấu tranh cho chân lý, chống lại quyết liệt những tư tưởng và hành động, phương hướng và biện pháp của những phần tử cải lương, cơ hội chủ nghĩa, mà H. là một trong những người ấy. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã phân tích sâu sắc những sai lầm nghiêm trọng về nội dung tư tưởng của bản thảo *Cách mệnh:* từ những vấn đề thuộc đường lối cách mệnh đến "công việc chuẩn bị để tiến hành tẩy chay"; từ những khái niệm, nhận thức sai từ cơ bản đến việc đánh giá tình hình một cách mơ hồ, lẫn lộn giữa ta và địch (nói như cách nói bây giờ)...

Thư *Trả lời ông H.* sục sôi một tinh thần luận chiến, không nhân nhượng, thỏa hiệp, không né tránh, xuê xoa, vạch trần những sai lầm từ gốc của tư tưởng cải lương chủ nghĩa, chỉ rõ hậu quả nghiêm trọng của đường lối sai lầm đó.

Ngoài giá trị về lịch sử, tư tưởng và chính trị, thư *Trả lời ông H.* còn có giá trị đặc biệt xét riêng về phương diện phê bình văn học. Đó là một kiểu mẫu hoàn toàn mới trong việc đánh giá tác phẩm dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác – Lênin, xuất phát từ những yêu cầu bức thiết của thời đại, từ hoài bão giải phóng dân tộc, đồng thời, từ góc độ phân tích giai cấp. Trong khi phê phán những sai lầm nghiêm trọng về nội dung tư tưởng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã vạch rõ cả những nhược điểm của H. về mặt hình thức tác phẩm (có ghi chú rõ ràng từng trang, từng dòng), từ những vấn đề về kết cấu tác phẩm, văn phong, bệnh sáo rỗng, bệnh dùng chữ... đến những chi tiết tu từ, cú pháp... Rất nhiều ý kiến về văn học và ngôn ngữ đã được đồng chí Nguyễn Ái Quốc khái quát lên thành lý luận.

*

* *

Tôi xin cảm ơn ông đã gửi cho tôi hai quyển vở của ông *(Cách mệnh)*. Tôi đã đọc cả hai quyển vở ấy. Ông còn yêu cầu tôi góp ý kiến nhận xét. Vâng, xin chiều theo ý ông!

Trong khi phê bình, nghĩ như thế nào tôi xin nói thẳng như thế ấy. Tất cả những nhận xét của tôi không phải đều sai cả; nhưng xin ông cứ bác bỏ những nhận xét nào ông cho là khó hiểu. Trao đổi về các vấn đề ấy sẽ có lợi cho cả hai chúng ta.

Trước hết tôi xin nói rằng, tôi rất phấn khởi thấy ông đã dũng cảm và quyết tâm viết hai quyển vở ấy. Dũng cảm là vì ông đã viết bằng Quốc ngữ về một đề tài khá rộng mà từ trước đến nay chưa ai dám làm. Còn tinh thần quyết tâm thì đã thể hiện rõ ở trên 32 trang giấy mà ông đã viết. Tất nhiên là 32 trang ấy chưa đủ để in thành sách. Nhưng đã viết để đăng báo, thì cũng đã khá tốt rồi!

Tác phẩm của ông có nhiều điển tích và trích dẫn. Điều đó chứng tỏ rằng ông rất thích đọc sách.

Bây giờ tôi xin bắt đầu nhận xét. Tôi luôn luôn nhớ rằng phê bình thì dễ, còn sáng tác nghệ thuật thì khó. Ví dụ như khi xem một bức tranh vẽ, chỉ ra được những sai sót hoặc nêu lên được những ưu điểm này nọ, thì dễ. Khi nghe một người khác dạo một bản nhạc, tôi có thể nhận xét anh ta chơi có hay hay không. Còn nếu ông bảo tôi hãy cầm bút vẽ bức tranh ấy hoặc cầm lấy nhạc cụ có dây kéo cho ra tiếng, thì tôi chịu...

Trên đây tôi có nói rằng tác phẩm của ông có nhiều điển tích, nhưng tôi ngại điển tích ông nêu ra quá nhiều. Dùng điển tích là tốt; nhưng nếu quá lạm dụng sẽ làm cho độc giả khó chịu. Bởi vì tính chất cao xa thâm thúy của các điển tích thường cũng hay bao hàm những ý nghĩa mơ hồ có thể làm cho người ta hiểu lầm. Một câu tục ngữ Pháp có nói: "Hứa hẹn nhiều bơ hơn là bánh mì". Tôi nghĩ rằng một tác phẩm văn chương không cứ dài mới hay. Khi nào tác phẩm ấy chỉ diễn đạt vừa đủ những điều đáng nói, khi nó được trình bày sao cho mọi người ai cũng hiểu được, và khi đọc xong, độc giả phải suy nghĩ, thì tác phẩm ấy mới xem như là một tác phẩm hay và biên soạn tốt. Tôi xin chứng minh ý kiến này bằng hai câu trích dẫn sau đây:

Trong sách *Luận ngữ* có câu trả lời của Tăng Tử: "Tất nhiên". Câu ấy chỉ gồm có một từ. Một từ mà cũng đã rất đủ để thể hiện cả nghị lực và toàn bộ kiến thức của Tăng Tử. Khi đọc từ ấy, hầu như

người ta hình dung được bộ mặt hớn hở của Khổng Tử và lòng vui sướng của vị sư phụ đang đàm đạo với môn đệ.

Tôi thách ai có thể thêm, bớt một chữ nào trong câu nói ấy. Đó là lối hành văn thật sự trong sáng và cao xa.

Có một lần, một vị tướng của Napôlêông đệ nhất bị bao vây ở Oatéclô. Kẻ địch ra lệnh cho ông ta đầu hàng; ông phản ứng đối đáp ngay: "Cứt!" Đây chỉ là một từ, lại là một từ tục tằn. Nhưng trong tình thế nguy kịch nghiêm trọng ấy, nghìn lời nói khác cũng không thể nào thể hiện được hơn lòng dũng cảm của vị tướng, và lòng khinh bỉ của ông ta đối với kẻ thù. Và chỉ có nói một lời đối đáp ấy mà ông đã củng cố được đội ngũ của mình. Chỉ qua lời nói ấy mà tên ông đã vang dội khắp châu Âu. Lời nói ấy còn được ghi vào Niên biểu cho đến ngày nay; người Pháp ai cũng biết đến lời đối đáp ấy.

Vì vậy, một lối hành văn giản dị, chính xác hơn hẳn cái lối hành văn rườm rà, hoa mỹ.

Ngôn ngữ của ta còn nghèo nàn. Khi nói, chúng ta phải vay mượn nhiều từ ngữ nước ngoài, nhất là từ ngữ Trung Quốc. Tôi nghĩ rằng lạm dụng từ ngữ Trung Quốc chỉ làm cho văn thêm khó hiểu, trừ những từ thông dụng mà ai cũng đã biết và trừ những từ mới, như người bônsêvích, chủ nghĩa bônsêvích, tài chính... Ông nói, phải giúp cho đồng bào ta làm quen với những từ mà nay họ chưa hiểu, lâu rồi họ cũng sẽ hiểu. Có thể làm như vậy được, nếu ông chỉ nghĩ đến viết cho họ tác phẩm văn học... Còn nếu tác phẩm của ông lại định dùng để tuyên truyền thì đó phải là một tác phẩm ai đọc cũng hiểu được. Một tác phẩm hành văn hay mà khó hiểu thì chẳng có ích gì. Ví như, bảo đồng bào chúng ta hãy lắng nghe người Pháp hay người Trung Quốc hát; dù cho những nhạc sĩ ấy là những nghệ sĩ tuyệt vời đi nữa thì họ cũng không lôi cuốn được đồng bào ta.

Xin phân biệt ý kiến nhận xét của tôi thành hai phần: phần một nhận xét về hình thức và phần hai nhận xét về nội dung.

PHẦN MỘT

Trang 1 – Nếu ông đến nói với nhân dân làng tôi: "Chúng ta phải dạy bảo lẫn nhau; người biết phải dạy cho người không biết..."

thì người ta sẽ hiểu ngay. Còn như ông nói với họ gióng trống rung chuông, thì ít người hiểu được ông muốn nói gì.

Trang 2 – Ông nói: "Là người dùng sức mạnh của mình chống lại những tác hại của gió đông". Tại sao không nói thẳng: "Người Pháp sẽ cấm..."? Đây là một câu dài dòng: "Một người lạ mặt dừng lại ở bên ngoài để nhìn trộm xem có ai đứng sau vách không"; câu ấy nhất định là không gọn bằng câu: "Một tên trộm đứng rình"; cũng nói ý ấy, câu này chỉ dùng có vài ba chữ. Nếu chúng ta muốn bắt kẻ trộm thì chúng ta phải chỉ cho mọi người thấy nó. Cần gì phải dùng đến một câu ẩn dụ.

Trang 3 – "Người ta cũng dùng khái niệm "cách mệnh" ấy để chỉ... (những thay đổi)" ý không rõ bằng câu "người ta cũng gọi những thay đổi ấy là cách mệnh" [4]. [1]

[5] Thay câu "tranh giành của cải, quyền lực..." bằng câu "tuyên bố chiến tranh không suy tính". Như vậy có thể rút bớt chữ mà câu lại sáng tỏ hơn.

Trang 4 – Ông có nêu tên "Nicôlai Đệ nhị" và "Oasinhtơn", tại sao không nêu tên "Găngđi". Người Trung Quốc đọc tên này theo âm Hán là "Găngđi", đọc theo âm Việt là "Cam Địa", như vậy là không đúng. Nếu cần viết tên một nhân vật hoặc tên một làng nước ngoài bằng tiếng Việt, tôi nghĩ cứ nên viết đúng tên ấy hơn là diễn đạt thông qua tiếng Trung Quốc.

[5] Chúng ta đã hiểu "tẩy chay" là gì rồi (nhưng không rõ hai chữ ấy được xây dựng như thế nào), tại sao lại còn thích dùng câu ẩn dụ "phong trào bất hợp tác"? Nếu muốn dùng thuật ngữ mới, thì có thể dùng chữ "boycot" (boycottage), một thuật ngữ ngắn gọn đã thường dùng ở nhiều nước.

Trang 5 – [7] "Cách mệnh vĩ đại và nhân đạo biết bao", một câu rất hay, nhưng tiếc rằng những người không học chữ Hán thì không hiểu được. Tôi cũng nhận xét như vậy về tám câu sau.

[8] "... những hy sinh không thể nào tránh khỏi, những hậu quả cần thiết", đó là một lối hành văn cầu kỳ.

---

1. [4] có nghĩa là dòng 4, cũng như [5], [8] v.v..., có nghĩa là dòng 5, 8... Để chỉ chỗ sai sót của H. trong tập Cách mệnh của ông ta, đồng chí Nguyễn Ái Quốc vạch rõ chỗ sai sót đó ở trang nào, dòng nào, một cách thức làm việc rất khoa học, nhằm giúp cho người đọc dễ theo dõi.

[9] Ông viết: "chống lại một cách thụ động", rồi ông viết tiếp theo trong ngoặc kép "résistance passive". Như vậy là ông đã giải thích một thành ngữ tiếng Trung Quốc bằng thành ngữ tiếng Pháp cho những người không biết tiếng Trung Quốc mà cũng không biết tiếng Pháp! Sau đó, ông còn viết "một vũ khí duy nhất lợi hại".

Nếu ông định viết cho những người vừa biết tiếng Trung Quốc vừa biết tiếng Pháp đọc, thì tôi không có ý kiến. Còn viết cho nông dân, công nhân đọc thì nên dùng tiếng Việt.

Khi viết: "Khi cầu xin những người bảo hộ mình cho mình được tự do, người ta nuôi một ảo tưởng thật kỳ lạ...", có lẽ ông muốn nói đó "là một điều vô lý" hay đó "là một điều ngu xuẩn". Vì ông cứ muốn viết cho văn vẻ cho nên ông đã viết: "người ta nuôi một ảo tưởng thật kỳ lạ"... Khi người ta đã nuôi những ảo tưởng lớn lao thì không bao giờ người ta cầu xin tự do ở những kẻ áp bức mình...

Còn những câu: "đến lúc đó người ta mới chịu chia tay với anh, mắt đẫm lệ..." và "không có vũ khí nào trong tay..." sặc mùi Trung Quốc.

Dịch hai chữ "mẫu âm" từ tiếng Trung Quốc và hai chữ "langue maternelle" [1] từ tiếng Pháp sang tiếng Việt, thì nhất định nông dân và công nhân sẽ không hiểu ông nói gì... Tại sao ông lại không dùng những chữ "tiếng ta" hay "tiếng nước ta" để cho ai cũng hiểu được.

Xin dừng lại ở đây. Tôi đã nêu nhiều nhận xét về hình thức tác phẩm. Nếu tôi cứ tiếp tục thì chẳng hóa ra quá khắt khe với những sai sót của người khác.

PHẦN HAI

1. Ông cho rằng khái niệm cách mệnh lấy ở trong *Kinh Dịch*. Có lẽ không đúng. Song tôi cũng không dám khẳng định. Nhưng tôi không tin rằng khi dùng khái niệm cách mệnh, người Trung Quốc đã mượn khái niệm ấy của... [2], mà họ dịch từ tiếng phương Tây. Những khái niệm "Cải cách", "Kinh tế", "Độc lập", "Xã hội" cũng xây dựng như vậy ở Trung Quốc.

Trong tiếng Pháp cũng có những khái niệm "Réforme",

1. Có nghĩa là "tiếng mẹ đẻ".
2. Chỗ này trong nguyên bản để trống.

"Évolution" và "Révolution"[1]. Tiến hóa là một loạt những biến đổi liên tiếp và có tính chất hòa bình. Còn Cải cách là những thay đổi xảy ra ít hay nhiều trong cơ cấu một nước, những biến đổi ấy có kèm theo hoặc không kèm theo bạo lực. Sau Cải cách, vẫn còn tồn tại một cái gì đấy của hình thức ban đầu. Còn Cách mệnh thì đem một chế độ mới thay thế hẳn cho một chế độ cũ.

Theo nghĩa mà chúng ta hiểu ngày nay về khái niệm Cách mệnh thì Thành Thang và Võ Vương không phải là đã hoàn thành một sự nghiệp cách mệnh. Khi họ đấu tranh chống lại các vua Trụ và Kiệt, họ đã dấy lên trong nước một cuộc cách mệnh. Nhưng khi Trụ, Kiệt bị đánh bại rồi thì họ lại lên ngôi Hoàng đế và vẫn duy trì chế độ quân chủ. Nói rằng họ đã làm cách mệnh là không đúng.

Găngđi là một nhà cải cách chứ không phải là một nhà cách mệnh. Ông Găngđi đòi Chính phủ Anh tiến hành những cải cách về cơ cấu ở trong nước, nhưng ông không kích động nhân dân Ấn Độ nổi lên giành lại độc lập, và ông cũng không bao giờ đòi người Anh thực hiện những thay đổi toàn bộ trong Chính phủ Ấn Độ. Và chỉ khi người Anh đã bác bỏ mọi yêu cầu của ông thì ông mới chủ trương tẩy chay. (Tẩy chay là một hành động chứ không phải là một đảng). Ở Ấn Độ có đảng Quốc đại; Găngđi là một trong những lãnh tụ của đảng ấy chứ không phải là người sáng lập đảng.

Không phải chỉ có Chính phủ là đối tượng của cách mệnh. Tất cả những biến đổi xảy ra trong mọi sự vật trên thế giới cũng đều có thể gọi là cách mệnh. Đácuyn là một nhà sinh vật học cách mệnh; Các Mác là một nhà kinh tế học cách mệnh.

2. Trong đoạn văn ông phê phán những hành động của Chính phủ Pháp, ông đã hai lần nhắc đến lời phê bình của ông về nền giáo dục mà họ ban hành cho chúng ta, và lời phê bình về những tác phẩm báo chí mà họ cho phép chúng ta phát hành, lần đầu ở trang 12, lần thứ hai ở trang 16. Nhưng ông lại hoàn toàn quên không nói đến những lao dịch và thuế má mà chúng ta phải gánh; quên không nói đến rượu, thuốc phiện mà họ "bán" cho chúng ta; quên không nói đến việc mộ phu đi lao dịch; quên không nói đến việc cấm bán muối; quên không nói đến việc họ đưa đồng bào ta sang Tahiti để sai khiến làm nô lệ cho họ... Chúng ta thật đau xót trước cảnh người Pháp cấm không cho phép

1. "Réforme" (Cải cách), "Évolution" (Tiến hóa), "Révolution" (Cách mạng).

chúng ta lập hội và không cho chúng ta tiếp thụ một nền giáo dục hoàn chỉnh, còn họ thì cũng còn ít người viết được sách và báo...

Ông nói rằng: "Ngày nay, một vài ngành tiểu công nghiệp có phát triển hơn xưa chút ít". Vậy ông muốn nói đến những ngành công nghiệp nào? Những ngành công nghiệp ấy phát triển là nhờ người Pháp xúc tiến hay là nhờ vào sự nỗ lực của bản thân chúng ta? Sự phát triển ấy có lợi cho bản thân người Pháp hay có lợi cho nhân dân ta? Những ngành công nghiệp ấy có phát triển hơn công nghiệp ở các nước không bị nước Pháp thống trị không? Trong khi nói đến *tội ác* của kẻ thù của chúng ta, có nên nói đến điều đó không?

Tôi trích câu này ở trang 13: "Ngay cả những người trước đây đã tỏ ra trung thành với lý tưởng cách mệnh cũng tưởng rằng nước Việt Nam sẽ được tự trị khi cải cách đã được thực hiện ở mọi cơ cấu tổ chức của chế độ cũ. Còn một số rất hiếm người thật trung thành với lý tưởng cách mệnh lại bị buộc phải nằm im". Điều đó là do sự dại dột và ý chí không quyết tâm của đồng bào ta. Có người không biết đi theo con đường nào; có những người khác thì không biết cách chỉ đường đi cho họ. Chúng ta là nạn nhân của sự dại dột của chúng ta, chúng ta không thể kêu ca với người Pháp. Chúng là bọn ăn cướp, nếu chúng không biết hành động kẻ cướp thì chúng chỉ là một bọn ngu xuẩn. Còn chúng ta là nạn nhân, nếu chúng ta không biết phản ứng chống lại, thì chúng ta cũng là kẻ khờ dại. Thật là dại dột mà đi phàn nàn rằng kẻ khác thông minh; rõ là vô ích!

Ông nói rằng cách mệnh của chúng ta không thành công là vì người Pháp tàn bạo!

Vậy thì ông muốn thế nào? Ông muốn chúng để cho ta tự do muốn làm gì thì làm ư, và để cho chúng ta tìm mọi cách để đương đầu với chúng ư? Ông muốn chúng sẽ không làm gì ngăn cản chúng ta làm hại đến quyền lợi của chúng ư? Không nên chê bai người khác, hợp lý hơn là hãy tự chê chúng ta. Chúng ta phải tự hỏi: "... (mất một câu tiếng Pháp – N.D.)... Tại sao nhân dân ta lại dại dột như vậy? Tại sao chúng ta lại không đưa được sự nghiệp cách mệnh đến thành công? Vậy nay chúng ta phải làm gì?".

Ông muốn nhân dân Việt Nam làm cách mệnh như người Ai Cập hoặc tiến hành tẩy chay như người Ấn Độ ư? Hay lắm! Nhưng ông quên nói rõ tại sao người Ai Cập lại làm được cách mệnh, người Ấn Độ lại có thể tẩy chay người Anh.

Giả thiết rằng có ba chiếc ôtô: xe thứ nhất là xe Ấn Độ, xe thứ hai là xe Ai Cập, còn xe thứ ba là xe Việt Nam. Hai xe đầu, bánh xe lắp vững vàng, có đủ xăng dầu, máy móc tốt, các xe ấy lại có hai hoặc ba người lái giỏi thay nhau lái xe. Còn xe thứ ba chỉ có mã xe(?) bánh xe lắp xộc xệch, lại thiếu xăng dầu và không có người lái; thế mà ông muốn xe thứ ba chạy theo hai xe kia đang bon bon ở phía trước. Làm sao mà xe thứ ba có thể mở máy được? [1]

Ở Ấn Độ và Ai Cập, các chính đảng có nhiều đảng viên, người thì phụ trách tuyên truyền, người thì phụ trách nhóm, hội. Trong sinh viên, nông dân, công nhân, viên chức... đều có tổ chức nhóm, hội. Tất cả đều một mực tuân theo mệnh lệnh của đảng họ. Những người đi tuyên truyền luôn luôn thức tỉnh nhân dân. Ai cũng biết yêu nước, ai cũng hiểu cách mệnh là gì. Cương lĩnh của mỗi đảng đều được nghiên cứu kỹ; Cương lĩnh dự kiến cả đường lối phương pháp thực hiện mọi dự án dù lớn dù nhỏ. Số lượng đảng viên, hội viên rất đông; điều lệ hội rất chặt chẽ, đảng nào cũng có cơ sở vững vàng.

Khi Găngđi ngỏ ý muốn có một triệu đồng để vận động phong trào tẩy chay, thì ba ngày sau, nhân dân gửi ngay đến cho ông hơn hai triệu đồng. Khi một hội viên hoạt động vì đảng bị Chính phủ Anh bắt giam, thì hội viên khác đến xin ngồi tù thay. Ví dụ có người bị án một tháng tù, thì có 30 người đến xin ở tù thay; nếu bị hai tháng tù thì 60 người đến thay, để công việc của đảng khỏi bị ngừng trễ vì thiếu mặt người ấy.

Ngày mà đảng Quốc gia Ai Cập cho niêm yết một bản Tuyên

1. Thời kỳ này chính là thời kỳ mà cuộc đấu tranh giải phóng ở Việt Nam đang ở trong tình trạng bế tắc về mặt đường lối. Những người yêu nước kiểu cũ như Phan Đình Phùng đã hết vai trò lịch sử từ lâu. Những người lãnh tụ nông dân kiểu Hoàng Hoa Thám, tuy dũng cảm có thừa, nhưng cũng thất bại. Những nhà yêu nước theo xu hướng tư sản, dầu là chủ trương bạo lực như Phan Bội Châu, dầu là chủ trương cải lương như Phan Chu Trinh, cũng đều thất bại. Trong sự bế tắc về đường lối, sự tan rã về tổ chức, thì đã có sự hoang mang trong những người yêu nước, và đã nảy sinh những tư tưởng cơ hội chủ nghĩa và những phần tử cơ hội chủ nghĩa. Trong sự so sánh giữa "người Việt Nam" với người Ấn Độ, người Ai Cập ở đây, tác giả vạch rõ rằng "người Việt Nam" thua kém người hai nước kia. Những "người Việt Nam" ở đây tác giả ngụ ý là những người cải lương chủ nghĩa, cơ hội chủ nghĩa, như H. Còn về dân tộc Việt Nam, nhân dân Việt Nam thì Nguyễn Ái Quốc trước sau vẫn rất tự hào, và Người tin rằng, nếu có được sự lãnh đạo của một Đảng chân chính thì dân tộc ta, nhân dân ta sẽ phát huy được sức mạnh phi thường của mình, đánh đuổi được đế quốc và tham gia xứng đáng vào đội ngũ cách mạng, đội ngũ tiên phong của loài người.

ngôn, tám người đã ký tên vào Tuyên ngôn bị Chính phủ Anh bắt đem đi đày. Lập tức ngày hôm sau, có tám đảng viên Quốc gia khác đến ký vào bản Tuyên ngôn đang niêm yết. Họ cũng bị bắt. Nhưng lại có tám đảng viên khác cũng hành động như tám người kia. Người Anh cũng định bắt họ nhưng không dám thi hành, sợ rằng bắt bớ càng làm cho cuộc chống đối lan tràn khắp nước.

Những sự việc ấy có thể xảy ra ở nước ta không? Và ở nước ta đã có tổ chức đảng chưa? [1]

Ông nói rằng một cuộc cách mệnh hòa bình sẽ không gây chết chóc. Thế thì, những yêu sách đòi giảm thuế năm 1908 ở Trung Kỳ có kèm theo bạo lực không, thế mà biết bao nhiêu người đã bị người Pháp giết hại, biết bao nhiêu người đã bị án tù đày.

Chúng ta chưa có một đảng phái nào, chúng ta chưa tiến hành một cuộc tuyên truyền nào, chúng ta chưa tổ chức được gì, mà ông đã muốn nhân dân ta tẩy chay người Pháp! Vâng, tôi đã đọc kỹ tám trang mà ông viết về "Những công việc chuẩn bị". Ông muốn thành lập Hội liên hiệp đại biểu nhân dân với sinh viên, thương gia.

Khi tôi đọc đến phần này, tôi liên tưởng ngay đến thơ ngụ ngôn của La Phôngten: *Hội đồng chuột*. Thơ ngụ ngôn ấy đại thể kể như sau: Trong một nhà kia có một chú mèo cật lực săn diệt chuột không thương tiếc. Chuột ra quyết định sẽ treo lục lạc [2] lên cổ mèo để khi bị mèo săn bắt, nghe tiếng lục lạc, chuột biết mà kịp chạy trốn. Nhưng không có chuột nào dám tình nguyện ra treo lục lạc lên cổ mèo cả.

Phải, không một con chuột nào của La Phôngten nói trong thơ ngụ ngôn dám buộc lục lạc lên cổ mèo; tuy vậy, chúng đều căm ghét kẻ thù của chúng và đồng tình sẽ treo cổ nó lên. Những con chuột ấy thật là hơn hẳn "những con chuột Việt Nam" không biết căm thù "những con mèo Pháp", vì những con chuột này không biết đoàn kết lại để bàn việc tiêu diệt những con mèo kia, chúng sợ rằng trong hàng ngũ chuột của chúng sẽ có con đi báo với mèo Pháp.

Những người tự hào là dòng giống Rồng Tiên lại không bằng chuột! Thật là hổ thẹn, có phải không thưa ông!

Để thành lập Hội liên hiệp đại biểu nhân dân, ông đã kể trước hết đến Hội Khai trí tiến đức sao? Ông muốn gọi Hoàng Trọng Phu

1. Xem chú thích trên.

2. *Lục lạc:* cũng gọi là *đục đạc*.

và đồng bọn đến giúp nhân dân Việt Nam đấu tranh chống người Pháp ư? Tôi không hiểu ông đùa hay nói thật... Nếu ông nói thật, tôi xin đề nghị với ông thành lập một "Hội cứu nước Việt Nam" gồm có viên Toàn quyền, các viên Thống sứ, Công sứ, nếu chưa đủ thì gồm cả những tên mật thám nữa. Rồi chúng ta nói với họ hãy bảo vệ lấy người Việt Nam chống Pháp. Và đề nghị của tôi cũng "hợp lý" như đề nghị của ông!!

Thư này viết cũng đã dài. Tôi không dám lợi dụng lòng kiên nhẫn của ông. Xin phép tóm tắt ý kiến nhận xét của tôi trong vài câu sau đây:

Đề tài biên soạn của ông là vấn đề cách mệnh. Tôi có thể chia bài viết của ông thành bốn phần:

1. Giải thích khái niệm cách mệnh.
2. Phê phán những việc làm của Chính phủ Pháp.
3. Công việc chuẩn bị để tiến hành tẩy chay.
4. Dịch thuật một đoạn văn của một tạp chí Pháp.

Ông đã viết tất cả là 32 trang:

Phần dịch thuật chiếm 5 trang.

Phần chuẩn bị tẩy chay 6 trang.

Lời nói đầu 1 trang.

Như vậy là ông đã dành cả 20 trang để viết về cách mệnh. Trong hai mươi trang ấy, ông không nói 1/ Phải làm gì trước cách mệnh, 2/ Phải làm gì trong cách mệnh, 3/ và phải làm gì sau cách mệnh.

Ông chưa bàn đến lực lượng mà người Pháp có thể sử dụng (ở nước ta) và cũng chưa bàn đến lực lượng của ta.

Ông đã lầm lẫn cho tẩy chay là cách mệnh và cách mệnh là tẩy chay.

Bắt đầu tác phẩm, ông gióng trống rung chuông; đến khi kết thúc ông đưa ra một bản dịch thuật một tạp chí Pháp; mà tạp chí này lại không phải là một tạp chí cách mệnh.

Tôi đã nói thẳng những ý kiến nhận xét của tôi về tác phẩm của ông; và cũng nhân cơ hội này, nêu lên một số vấn đề thảo luận; mong rằng có thể rút ra từ đó một cái gì để mở rộng thêm kiến thức của tôi. Xin thành thực và nhiệt liệt hoan nghênh tài cao trí lớn của ông. Bất cứ một người lao động nào, dù thông minh đến đâu, đôi lúc cũng

có thể sai lầm. Chỉ có những kẻ ngồi không mới không sai lầm mà thôi. Nhưng làm việc mà có sai lầm còn hơn là sợ sai lầm khoanh tay ngồi không!

Mong ông hãy cố gắng!
Ngày 9-4-1925
Ký tên: L.T [1]

Tư liệu và bản dịch: Vụ Tư liệu
Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương.

LÊNIN VÀ CÁC DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Cho tới ngày Lênin mất, vẫn còn có nhiều dân tộc thuộc các màu da chưa hiểu rõ Lênin là ai và nước Nga ở đâu. Bọn đế quốc thực dân thì cố tình che giấu không cho họ biết. Nhưng tại những nơi xa xăm hẻo lánh ở Đông Dương, người ta cũng đã nghe nói có một dân tộc ở miền Bắc xa xôi đã đánh đuổi được bọn áp bức và tự quản lý lấy mình. Ở các nơi xa xăm hẻo lánh nhất, người ta cũng đã biết rằng nước đó là nước Nga, và Lênin là người ưu tú nhất của nước đó.

Không phải là không có lý do khi Trường Đại học Bắc Kinh tổ chức lấy ý kiến xem ai là người ưu tú nhất trên thế giới, thì ai cũng trả lời: người ưu tú nhất trên thế giới là Lênin.

Từ lâu, nhân dân bị áp bức ở phương Đông đã được biết rằng con người vĩ đại đó sau khi đã giải phóng nước Nga, còn muốn giải phóng tất cả các dân tộc khác nữa. Điều này cũng đủ để kích thích lòng ngưỡng mộ sâu sắc và phấn khởi đối với lãnh tụ Lênin. Các dân tộc da đen và da vàng biết rằng Lênin vĩ đại đã kêu gọi những người da trắng đấu tranh để giải phóng các dân tộc thuộc các màu da bị áp bức thoát khỏi bọn bóc lột.

Thật dĩ nhiên là tất cả những hy vọng của người nô lệ bị áp bức ở các nước thuộc địa vào một tương lai tốt đẹp đều gắn liền với tên tuổi của Lênin vĩ đại mà trước kia, trong thời gian đầu, thậm chí còn có nhiều người chưa tin. Rất dễ hiểu rằng tin Lênin mất cách đây một năm đã gây cho quần chúng các nước thuộc địa một ấn tượng không sao tả nổi, không sao diễn tả được.

---

1. L.T. là chữ ký tắt của Lý Thụy, một trong những bí danh của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong thời kỳ hoạt động cách mạng ở Quảng Đông, Trung Quốc.

Nhưng dần dần những người bị áp bức sống trong cảnh tăm tối được biết tin về Đảng Cộng sản, về tổ chức gọi là Quốc tế Cộng sản. Nhất là họ càng ngạc nhiên khi được tin rằng Đảng và tổ chức này đều do Lênin sáng lập ra, và mặc dù Lênin đã mất, nhưng còn có Đảng Cộng sản và Quốc tế Cộng sản tiếp tục sự nghiệp của Người.

Tuy nhiên các dân tộc da đen và da vàng phát triển kém chưa phải dễ nhận ra ngay là Lênin và Đảng Cộng sản chỉ là một. Nhưng khi họ biết ra thì họ sung sướng vô hạn. Họ bắt đầu hiểu rằng sự nghiệp của Lênin không bao giờ mất, và họ vẫn hy vọng được giải phóng vì vẫn còn Đảng của Lênin.

Vì vậy, năm vừa qua, kể từ ngày Lênin mất, ảnh hưởng của Đảng Cộng sản được lan rộng trong nhân dân các nước thuộc địa và nhân dân các nước đó hết sức chú ý đến Đảng Cộng sản.

Khi Lênin còn sống, nhân dân bị áp bức coi Người là người giải phóng mình. Khi Người mất đi, họ hỏi nhau: "Lênin đã mất rồi, chúng ta biết làm sao bây giờ?". Họ hỏi nhau: "Tìm đâu ra những người có đủ tinh thần dũng cảm và nhân từ như Lênin để chăm lo đến việc giải phóng những người nô lệ ở các nước thuộc địa?".

Trong năm qua, nhân dân bị áp bức ở các nước phương Đông đã nhận ra rằng họ đã tìm thấy một Đảng lớn mạnh lấy tên là Đảng Lênin để thay thế cho một vài cá nhân. Và bây giờ nhân dân các nước thuộc địa đều đặt hy vọng được giải phóng vào Đảng này cũng như một năm trước đây đã đặt hy vọng vào Lênin.

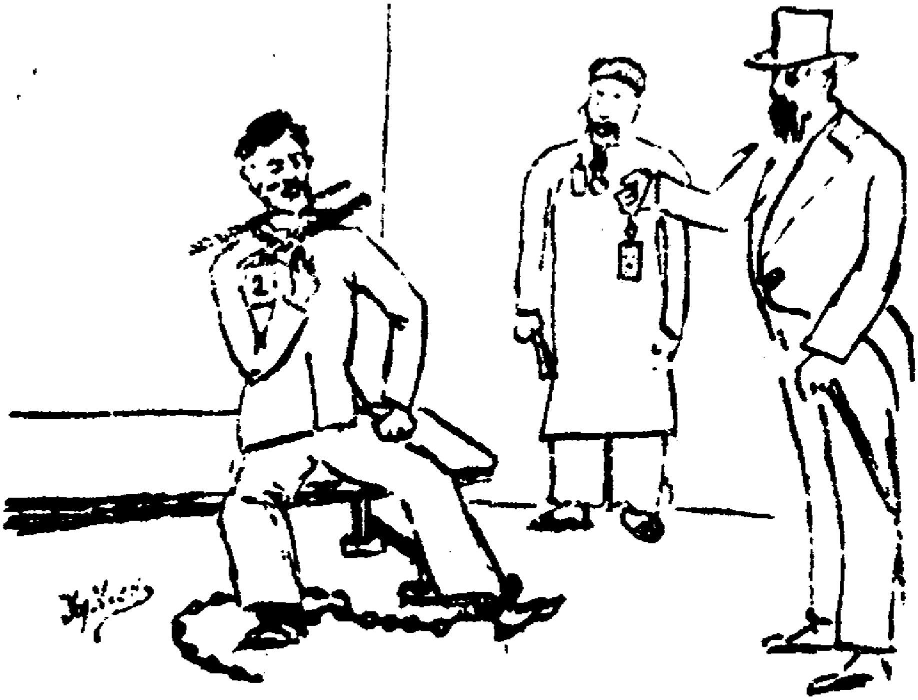
Khi còn sống, Lênin là người Thầy, người Cha của nhân dân bị áp bức. Sau khi mất, Người là Ngôi sao sáng chỉ đường tiến tới sự nghiệp vĩ đại, sự nghiệp giải phóng nhân dân bị áp bức.

Lênin bất diệt sẽ sống mãi trong lòng mọi người dân nô lệ ở các thuộc địa.

NGUYỄN ÁI QUỐC

(Đại biểu Đông Dương ở Quốc tế Cộng sản).

Báo *Công nhân Bakinxki* (Liên Xô) số 16, năm 1925. Bản dịch: *Mãi mãi đi theo con đường của Lênin vĩ đại,* Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1970, tr. 18.



Tranh in trên báo Người cùng khổ *(1925): Toàn quyền Varen và Cụ Phan Bội Châu.*
Ảnh: Viện Bảo tàng Cách mạng.

NHỮNG TRÒ LỐ HAY LÀ VAREN VÀ PHAN BỘI CHÂU

Do sức ép của công luận ở Pháp và ở Đông Dương, ông Varen đã nửa chính thức hứa sẽ chăm sóc vụ Phan Bội Châu. Ông hứa thế; giả thử cứ cho rằng một vị Toàn quyền Đông Dương mà lại biết giữ lời hứa đi chăng nữa, thì chúng ta vẫn được phép tự hỏi liệu quan Toàn quyền Varen "chăm sóc" vụ ấy vào lúc nào và ra làm sao.

Trước hết, ngài chỉ muốn chăm sóc đến việc khi nào yên vị thật xong xuôi ở bên ấy đã.

Nhưng ngài lại chỉ vừa mới xuống tàu, mà hành trình từ Mácxây đến Sài Gòn kéo chừng bốn tuần lễ cơ. Như vậy có nghĩa là trong bốn tuần lễ đó, Phan Bội Châu vẫn bị giam trong tù.

*

* *

Đến Sài Gòn thì ông Varen, có gì mà không lượng trước được, sẽ bị quấn quýt lấy, lôi kéo đi, giằng co, ru vỗ, ấp ủ trong mớ bòng bong những buổi chiêu đãi, những cuộc tiếp với rước, những lời chúc với tụng. Tiếp đấy là một cuộc tuần du linh đình qua khu phố bản xứ, giữa hàng nghìn người Da vàng đã được nước Pháp hàng phục bằng sức mạnh của lưỡi lê, nay giao phó vận mệnh trong tay quan Toàn quyền. Và đó cũng là lần đầu tiên trong đời mình, hai con mắt của ông Varen được thấy hiển hiện cái huyền diệu của một thành phố Đông Dương, dưới lòng đường, trên vỉa hè, trong cửa tiệm. Những cu li *xe* [1] kéo xe tay phóng cật lực, đôi bàn chân giẫm đất lạch bạch trên mặt đường nóng bỏng; những quả dưa hấu bổ phanh đỏ lòm lòm; những xâu lạp xường lủng lẳng dưới mái hiên các hiệu cơm; cái rốn một chú khách trưng ra giữa trời; một viên quan uể oải bước qua, tay phe phẩy cái quạt, ngực đeo tấm Bắc đẩu bội tinh [2] hình chữ thập. Thật là lộn xộn! Thật là nhốn nháo!

Bỗng dưng tất cả dừng lại, dưới cây đũa thần, hay đúng hơn dưới ngọn roi gân bò mà viên đội xếp Tây vừa vung lên vừa quát tháo: "Cái giống tởm nhà mày! Thế nào nào, cái giống tởm!"Thế là cái đám đông lúc nhúc đứng sắp hàng, vừa yên lại vừa lặng, hai bên lề đường. Gì thế nhỉ? Xe ô tô quan Toàn quyền sắp đi qua đấy... Xe kia rồi! Lại cả ông Toàn quyền đây rồi!

– Quan có cái mũ hai sừng trên chóp sọ! Một chú bé con thầm thì.

– Ồ, cái áo dài đẹp chửa! Một chị con gái thốt ra.

– Ngài sắp diễn thuyết đấy! Một anh sinh viên kêu lên.

– Đôi bắp chân ngài bọc ủng! Một bác cu li xe thở dài.

– *Rậm râu, sâu mắt*! [3] Một nhà nho lẩm bẩm.

---

1. *Xe* được viết bằng tiếng Việt trong nguyên bản tiếng Pháp.

2. *Bắc đẩu bội tinh*: tên quen gọi trước đây của một thứ huân chương (mề đay) của Pháp.

3. Nguyên chú của tác giả: "Rậm râu, sâu mắt: ngạn ngữ nước Nam, chỉ đồ bất lương"

Rậm râu, sâu mắt viết bằng tiếng Việt, có dịch ra tiếng Pháp và có giảng ý, trong chú thích của tác giả.

Thế là ô tô ông Varen chạy qua giữa hai hàng rào con người, lưng khom lại khi ngài đến gần. Cùng lúc, một tiếng rào rào nổi lên: *Lạy quan lớn! Bẩm lạy quan lớn ạ!* [1]

Trong khi đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

*

* *

Từ Sài Gòn ra Hà Nội, ông Varen sẽ dừng lại Huế. Triều đình An Nam, do Hoàng đế hay hình bóng Hoàng đế dẫn đầu, sẽ tất tưởi đi nghênh tiếp hiện thân tôn nghiêm của nước Pháp. Đức Kim thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen thăm hoàng cung, và ông Varen sẽ vào. Hoàng thượng Khải Định sẽ thỉnh ông Varen đến dự yến, và ông Varen sẽ ăn. Đến lúc tráng miệng, Hoàng thượng đứng dậy, Ngài uy nghi tiến đến gần quan Toàn quyền; đưa những ngón tay dài và mảnh, lấp lánh châu ngọc đỏ xanh, Ngài cài lên ngực ông Varen loại tưởng lệ phong tặng cao quý nhất của Hoàng triều: Nam long bội tinh, và thế là ông Varen được gắn mề đay.

Trong lúc đó thì Phan Bội Châu vẫn nằm tù.

Nhưng chúng ta hãy theo dõi, theo dõi bằng đôi cánh của trí tưởng tượng, những trò lố chính thức của ông Varen. Hãy theo ông đến tận Hà Nội, tận cổng nhà lao chính, tận xà lim nơi người đồng bào tôn kính của chúng ta đang rên xiết.

Ôi thật là một tấn kịch! Ôi thật là một cuộc chạm trán! Con người đã phản bội giai cấp vô sản Pháp, tên chính khách đã bị đồng bọn đuổi ra khỏi tập đoàn, kẻ đã ruồng bỏ quá khứ, ruồng bỏ lòng tin, ruồng bỏ giai cấp mình, lúc này mặt đối mặt với Người kia, con người đã hy sinh cả gia đình và của cải để xa lánh khỏi thấy mặt bọn cướp nước mình, sống xa lìa quê hương, luôn luôn bị lũ này săn đuổi, bị chúng nhử vào muôn nghìn cạm bẫy, bị chúng kết án tử hình vắng mặt, và giờ đây đang bị, vẫn chúng, đeo gông lên vai đày đọa trong nhà giam, ngày đêm bị bóng dáng của máy chém như một bóng ma ám kề bên cổ.

Giữa kẻ phản bội nhục nhã và bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng

1. *Lạy quan lớn! Bẩm lạy quan lớn ạ!* cũng viết bằng tiếng Việt, nhưng dịch ngay trong bài và không bình luận.

xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng, giữa hai con người đó xảy ra chuyện gì đây?

– Tôi đem tự do đến cho ông đây! Varen tuyên bố vậy, tay phải giơ ra bắt tay Phan Bội Châu, còn tay trái thì nâng cái gông to kếch đang xiết chặt (Phan) Bội Châu trong nhà tù ảm đạm.

"Nhưng, có đi phải có lại, tôi yêu cầu ông lấy danh dự hứa với tôi là sẽ trung thành với nước Pháp, hãy cộng tác, hãy hợp lực với nước Pháp để tiến hành ở Đông Dương một sự nghiệp khai hóa và công lý.

Ông Phan Bội Châu, tôi biết rõ tâm hồn cao thượng và cuộc đời đầy hy sinh, nhiều nguy nan của ông, và chính tôi, tôi xin là người đầu tiên, với tư cách là Toàn quyền Đông Dương, được bày tỏ tấm lòng rất mực quý trọng ông. Song những ý tưởng hào hiệp nhất phải chăng bao giờ cũng hay nhất? Phải chăng bao giờ cũng thực hiện được? Than ôi, không đâu, ông ạ! Vả lại, trời ơi! Tại sao chúng ta lại cứ cố chấp cãi lộn nhau mãi thế này, trong lúc ông và tôi, tay nắm chặt tay, chúng ta có thể làm được biết bao công việc tốt đẹp cho xứ Đông Dương này? Chúng ta có thể cùng làm cho nước ông trở thành một quốc gia tân tiến lớn, một xứ tự trị, một nước Pháp ở châu Á!

Ô! Ông nghe tôi, ông Phan Bội Châu này! Ông hãy để mặc đấy những ý nghĩ phục thù của ông, hãy từ bỏ đi những mưu đồ xưa cũ, và, thôi, chớ tìm cách xúi giục đồng bào ông nổi lên chống lại chúng tôi nữa; trái lại, ông hãy bảo họ cộng tác với người Pháp, và, làm như vậy là ông sẽ được tất cả, được cho đất nước ông, được cho bản thân ông!

Về chuyện này, tôi có thể kể ông nghe gương của một trong những trợ thủ cũ của ông, là ông Nguyễn Bá Trác; ông biết đấy, ông này đã biết điều rồi và hiện nay thì đã đứng về phía chúng tôi. Nhưng nếu gương của người đồng bào ông, ông cho là chưa đủ, thì tôi xin kể gương đồng bào của chính tôi cho ông nghe, gương các bạn học của tôi từ hồi còn nhỏ, các chiến hữu của tôi: Guyxtavơ, Alếchxăng, Arixtít, Anbe, Pôn và Lêông. [1] Những vị ấy, ngày nay lừng danh cả,

1. Nguyên chú của tác giả: *Gustave Hervé, Alexandre Millerand, Aristide Briand, Albert Thomas, Paul Boncour và Léon Jouhaux.*

Trong tiếng Pháp và nhiều tiếng châu Âu khác, tên người gồm có hai phần. Phần trước là tên riêng của cá nhân, phần sau là họ. Thí dụ Gustave Hervé, thì Gustave là tên, Hervé là họ. Khi gọi một cách thân mật thì chỉ gọi tên của cá nhân mà không gọi họ.

Với cách gọi thân mật không đầy đủ họ tên đó, có thể không biết đích xác là chỉ ai, nhưng tác giả đã ghi rõ là ai trong chú thích. Đó là một số chính khách, cũng như Varen, vốn là đảng viên Đảng Xã hội Pháp nhưng đã phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân, trở nên Toàn quyền, Thượng thư, Thủ tướng, Tổng thống, v.v... Ở đây, tác giả tố cáo bọn chính khách cơ hội kể trên.

đều đã lần lượt đốt cháy những cái mà mình đã tôn thờ và đang tôn thờ những cái mà mình đã đốt cháy. Như vậy các vị ấy có sao không? Chẳng sao cả. Nền dân chủ của chúng tôi, nhờ Chúa! Rất là tốt! Thật thế, nền dân chủ hào hùng của nước Pháp, mà hôm nay tôi được vinh dự thay mặt giữa các ông, khoan dung với những người, như tôi, đã đoạn tuyệt với những lầm lạc của tuổi trẻ.

Nhưng sao thế, ông hãy nhìn tôi này, ông Phan Bội Châu! Trước tôi là đảng viên xã hội đấy, và giờ đây thì tôi làm Toàn quyền...!"

Ừ thì Phan Bội Châu nhìn Varen. Nhưng, lạ chưa! Những lời nói của Varen hình như lọt vào tai (Phan) Bội Châu chẳng khác gì "nước đổ lá khoai"[1], và cái im lặng dửng dưng của (Phan) Bội Châu suốt buổi gặp gỡ hình như làm cho Varen sửng sốt cả người.

Không phải vì một bên nói tiếng Nam, một bên nói tiếng Tây: đã có một viên quan ở đấy làm thông ngôn cơ mà. Nhưng cứ xét binh tình, thì đó chỉ là vì (Phan) Bội Châu không hiểu Varen cũng như Varen không hiểu (Phan) Bội Châu.

Cuộc gặp gỡ chấm dứt ở đấy, hay ít ra là không ai biết được gì hơn nữa. Chỉ có anh lính dõng An Nam bồng súng chào ở cửa ngục là cứ bảo rằng, nhìn qua chấn song, có thấy một sự thay đổi nhẹ trên nét mặt người tù lừng tiếng. Anh quả quyết – cái anh chàng ranh mãnh đó – rằng có thấy đôi ngọn râu mép người tù nhếch lên một chút rồi lại hạ xuống ngay, và cái đó chỉ diễn ra có một lần thôi.

1. Nguyên chú của tác giả: *Một ngạn ngữ khác mà nông dân Bắc Kỳ ưa thích. Lá khoai trơn và không thấm nước: nước đổ lên chảy tuột đi ngay. Nông dân Pháp thì nói: Không cần câu!*

Nếu quả thật thế, thì có thể là lúc ấy (Phan) Bội Châu có mỉm cười, mỉm cười một cách kín đáo, vô hình và im lặng, như cánh ruồi lướt qua vậy [1].

NGUYỄN ÁI QUỐC

T.B. – Một nhân chứng thứ hai của cuộc hội kiến Varen – Phan Bội Châu (xin chẳng dám nêu tên nhân chứng này) lại quả quyết rằng (Phan) Bội Châu [2] đã nhổ vào mặt Varen; cái đó thì cũng có thể.

Báo *Người cùng khổ* số 36 - 37, tháng 9 và 10-1925. Bản dịch: Phạm Huy Thông, *Truyện và ký*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1974, tr. 31.

NHỮNG VẤN ĐỀ CHÂU Á

Nội chiến ở Trung Quốc – Việc chuẩn bị về quân sự của Anh – Mỹ ở Thái Bình Dương – Mấy ý tưởng của Nhật Bản.

Những sự biến ở Trung Quốc ngày càng đáng cho ta chú ý đến nhiều hơn, nếu ta coi đó là những sự biến gắn liền với toàn cục, tức tình hình chung ở châu Á.

Cuộc nội chiến nhen lên ở Trung Quốc thực ra chỉ là một cuộc đọ gươm giữa các đế quốc Pháp – Nhật và Anh – Mỹ.

---

1. Nguyên chú của đồng chí Nguyễn Ái Quốc: *Cười ruồi: lời ví von quen thuộc của người Nam, dùng để tả cái cười bí ẩn của người da vàng. Tiếng Pháp có nói "cỡ cân ruồi" "chim ruồi" "tàu ruồi".*

"Cỡ cân ruồi": chỉ loại nhẹ cân trong cách phân loại đấu sĩ môn quyền Anh,

"Chim ruồi": chỉ loại chim sâu rất nhỏ.

"Tàu ruồi": chỉ thứ tàu thủy nhỏ chạy chơi sông hồ.

2. Ở đoạn cuối, nhiều chỗ chỉ gọi Phan Bội Châu bằng Bội Châu. Trong khi đó, cũng không gọi Varen bằng ông nữa, mà cũng gọi trống không Varen. Có lẽ tác giả đã nhân gọi một cách thân mật Bội Châu để gọi một cách coi thường Varen chăng? (Cùng cùng gọi trống không cho có vẻ "thân mật", nhưng tác giả đã khéo sử dụng song song hai thái độ thân mật có thể có trong cách xưng hô của Pháp: thân mật quý mến đối với Phan Bội Châu, "thân mật" khinh thường đối với Varen).

Ngô Bội Phu người của đế quốc Anh – Mỹ thua, Trương Tác Lâm người của đế quốc Pháp – Nhật [1] được: nhưng được cuộc, thì lại chẳng phải là Nhật, mà cũng chẳng phải là Pháp. Số là, may thay có một lực lượng thứ ba không làm tôi tớ cho tập đoàn đế quốc nào cả. Ý tôi muốn nói đảng cách mạng của Tôn Dật Tiên.

Tướng tá Trung Quốc vừa mới hạ vũ khí – trong bao lâu? – thì Pháp đã đòi những khoản còn thiếu trong số tiền gọi là bồi thường về phong trào Nghĩa hòa đoàn; Nhật đòi nhượng cho mình những căn cứ điện báo; Mỹ đòi phải áp dụng một kế hoạch na ná như kế hoạch Đauyxơ; Anh đòi kiểm soát đường sắt ở Trung Quốc. Đáp lại những yêu sách đó, Tôn Dật Tiên và đảng Quốc dân cách mạng của mình, tức *Quốc dân đảng*, bảo rằng: "Hãy khoan! Chúng tôi, chúng tôi đòi phải hủy bỏ những Hiệp ước bất công, xóa bỏ những nhượng bộ nhục nhã, tóm lại Trung Quốc phải là của người Trung Quốc và người Trung Quốc phải được tự do giải quyết công việc của mình theo ý mình muốn. Còn sau sẽ hay".

Vì vậy, ở Trung Quốc, Tôn Dật Tiên là một trong những nhà chính trị mà bọn đế quốc ghét nhất và gờm nhất. Nhưng Carakhan [2], đại sứ Liên Xô ở Bắc Kinh cũng bị họ thù ghét chẳng kém gì.

Từ sau Hội nghị Hoa Thịnh Đốn, Nhật không liên minh với Anh nữa. Xét rằng hoạt động ở Trung Quốc và ở Ấn Độ của người bạn đồng minh cũ có phần nguy hiểm, Anh đã cắt đứt liên hệ bạn bè với Nhật để bắt tay với chú Sam [3] chặt chẽ hơn, vì quyền lợi của chú Sam ở Trung Quốc dễ thỏa thuận với quyền lợi của Anh. Việc bỏ rơi đó mới chỉ là bước đầu: đế quốc Nhật sẽ còn bị nhiều vố nữa! Trái lại, Pháp đã tỏ vẻ

1. Hồi tháng 9-1924, nổ ra cuộc nội chiến giữa tập đoàn quân phiệt hệ Trực (trung tâm là tỉnh Trực Lệ ở miền Bắc Trung Quốc) đứng đầu là Ngô Bội Phu dựa vào sự giúp đỡ của Anh – Mỹ, và tập đoàn quân phiệt hệ Phụng (mà trung tâm là tỉnh Phụng Thiên ở miền Đông Bắc Trung Quốc) đứng đầu là Trương Tác Lâm dựa vào đế quốc Pháp – Nhật. Tập đoàn quân phiệt hệ Trực bị thua và buộc phải rút khỏi Hoa Bắc, Ngô Bội Phu chạy về Vũ Hán.

2. *Carakhan L.M.* (1890 - 1937): nhà ngoại giao Xô viết lỗi lạc, hồi 1923 - 1926 được cử làm đại sứ Liên Xô ở Bắc Kinh.

3. *Chú Sam*: nguyên văn trong tiếng Pháp là "oncle Sam". Tác giả đã từ tiếng Anh *uncle Sam* dịch sang tiếng Pháp *oncle Sam*.

Uncle Sam **bắt nguồn từ U.S.Am. U.S.Am là viết tắt tên nước Hoa Kỳ:** ***United States of America*** (các quốc gia hợp nhất của châu Mỹ, quen dịch là Hợp chủng quốc). Người ta đã đọc chữ U (vốn là viết *United*) thành *uncle* nghĩa là *chú*, và ghép hai phần *S* và *Am* thành *Sam*.

rất trọng vọng Nhật và đã cho Nhật hưởng một mức thuế nhập khẩu ưu đãi ở Đông Dương. Thật là một ân huệ nhỏ bé chẳng gây được một tiếng vang nào trên thế giới, mà trái lại thì thế giới đã vừa được nghe thấy tiếng bom nổ trong vụ mưu sát ở Quảng Châu [1].

Nhật vừa bị Anh bỏ rơi thì luôn ngay ở Mỹ người ta lại bỏ phiếu cấm người Nhật di cư sang Mỹ. Đế quốc Nhật không thể nào lại không nhăn mặt về điều nhục nhã này; họ đã phản ứng lại bằng những cuộc phản đối và những cuộc biểu tình kịch liệt nhưng vô hiệu quả.

Bị bạn đồng minh bỏ rơi, bị kẻ thù luôn luôn chửi vào mặt, Nhật đã sôi sục căm phẫn. Họ mới nảy ra cái ý nghĩ thành lập khối Liên Á. Tại sao lại không thành lập một liên minh Nga – Hoa – Nhật? Đề xướng ra cái ý kiến mới này là những sinh viên đại học, những chính khách, trong đó có Chủ tịch Phòng Tài chính. Báo chí thạo tin ở phương Tây (*Tạp chí Bỉ*, chẳng hạn), nhất là báo chí Anh đều nghiên cứu ý kiến đó một cách lo ngại, nhưng làm ra vẻ không có gì là quan trọng cả.

Việc khởi công chỉnh đốn căn cứ thủy quân Xanhgapo, tốn có đến 11 triệu đồng bảng Anh, phải chăng là một cái chấm dứt của "tình hữu nghị" Anh – Nhật và là một lời đối đáp thiết thực đối với cái ý định thành lập một liên minh châu Á? Nhưng dù sao cũng là một hành động chuẩn bị ăn ý của đế quốc Anh – Mỹ.

Nước Mỹ, đã có một ngân sách thủy quân là 300 triệu đôla và một hạm đội gồm 840 thủy phi cơ, 18 chiếm hạm, 81 tàu ngầm, 103 khu trục hạm, 113 tuần dương hạm, phóng ngư lôi hạm và các chiến thuyền nhỏ khác, cùng với 4785 sĩ quan hải quân và 86.000 thủy thủ, lại sắp đóng thêm 8 tuần dương hạm mới. Hình như đó chỉ cốt để đạt "5-5-3" (xin giải thích để những người không sành về vấn đề này được rõ rằng, đây là công thức về tỷ lệ các lực lượng hải quân mà Hội nghị "tài giảm binh bị" ở Hoa Thịnh Đốn đã quy định cho Mỹ, Anh và Nhật). Và nay mai ở Thái Bình Dương sẽ có những cuộc diễn tập lớn của hạm đội Mỹ.

Dư luận ở Nhật nhận thấy: nào là Hội nghị Đế quốc [2] – Hội nghị phòng thủ Đế quốc – ở Luân Đôn, nào là các công trình ở Xanhgapo,

---

1. Tháng 6-1924, một người Việt Nam – chiến sĩ cách mạng Phạm Hồng Thái – đã dùng một quả bom để mưu sát tên Toàn quyền Đông Dương là Méclanh lúc đó đang ở Quảng Châu. Bị đuổi bắt, Phạm Hồng Thái đã nhảy xuống sông tự tử.

2. *Đế quốc Anh:* nước Anh và các thuộc địa Anh.

nào là các cuộc diễn tập lớn ở Thái Bình Dương. Và tự hỏi: chuẩn bị như thế để đánh ai đây? Nhật là cường quốc duy nhất ở châu Á có lực lượng vũ trang, là kình địch duy nhất của các đế quốc Anh và Mỹ ở Thái Bình Dương. Nhật cảm thấy mũi dùi chĩa thẳng vào mình. Kết quả là trong nước cứ sôi lên sùng sục. Tiếp sau ý kiến thành lập một liên minh châu Á, lại nảy ra ý kiến thành lập một liên bang các chủng tộc da vàng. Theo lời của những người đề xướng ý kiến đó 1.000.000.000 người da vàng có nhiệm vụ phải trút bỏ ách thống trị của 60.000.000 người da trắng đi. Đó là một chủ trương không thể thực hiện được do lòng ích kỷ của người Nhật và do những gương mà họ đã làm. Trong khi phản đối đạo luật Mỹ cấm người da vàng di cư đến Mỹ, trong khi tự xưng là người đứng đầu các chủng tộc da vàng bị áp bức, Nhật lại trục xuất ra khỏi lãnh thổ của mình hơn 6.000 công nhân Trung Quốc và sẽ tiếp tục trục xuất "những người lao động nước ngoài". Còn người Triều Tiên có thể nghĩ thế nào về lòng thành thật của người Nhật, thì đừng nói đến là hơn.

Đối với người Nhật thì, 10 năm trước đây, Thiên hoàng là một đấng chí tôn; chiến đấu để phục vụ một vị hoàng đế chí tôn là một vinh dự. Người Nhật ngày nay có một tâm lý khác hẳn rồi, nhân một cuộc du hành của hoàng gia tại vùng lân cận Đông Kinh, cảnh sát đã bắt giữ 3.400 thanh niên "để đề phòng". Thật là một sự đề phòng có ý nghĩa! Chính phủ muốn đưa mục huấn luyện quân sự vào chương trình giảng dạy ở nhà trường, giáo sư và sinh viên đều nhất trí phản đối. Chủ nghĩa sôvanh dù có sự đe dọa của Anh – Mỹ giúp thêm vào cũng không thể thành công như xưa được nữa. Liệu thế hệ thanh niên Nhật sẽ có hiểu rằng sự cứu vãn là do ở chỗ những người vô sản tất cả các nước liên hiệp với nhau không? Điều chắc chắn là thanh niên đang tiến nhanh và tiến về phía tả.

Để kết thúc những dòng này, xin thêm một chi tiết, cái mộng một "liên bang những chủng tộc da vàng" vừa mới được nói đến ở Nhật, thì một Thượng nghị viên Mỹ, ông Britơn, đã đề nghị triệu tập một "Hội nghị những người da trắng ở Thái Bình Dương..."

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Thư tín quốc tế*, số 19, năm 1925, tr. 10. Bản dịch: *Lên án chủ nghĩa thực dân*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, tr. 176.

QUỐC TẾ CA
(Dịch)

TIỂU DẪN.– Tháng 6-1871, chỉ mấy tuần lễ sau khi Công xã Pari bị đàn áp dã man, khi máu các chiến sĩ "xông lên đoạt trời" còn đọng trên hè đường thủ đô nước Pháp. Ơgien Pôchiê (1816 - 1887) đã sáng tác bài thơ *Quốc tế*. Ơ. Pôchiê là nhà thơ lớn nhất của Công xã Pari, ca sĩ kiên trung và nhà tư tưởng lớn của Cách mạng vô sản Pháp 1871. Bài thơ *Quốc tế* của ông đã khẳng định rằng Quốc tế Cộng sản "sẽ là xã hội tương lai". Mỗi câu trong bài thơ là một châm ngôn hành động, và tác giả của nó xứng đáng là "một trong những nhà tuyên truyền lớn nhất của giai cấp công nhân" như chính Valađimia Ilích Lênin đã đánh giá.

Bài thơ *Quốc tế* sáng tác từ tháng 6-1871, nhưng mãi đến năm 1887, khi in trong tập thơ *Những bài ca cách mạng* của ông, thì mọi người mới được biết đến rộng rãi. Ngay năm sau, bài thơ được Pie Đơgâyte, đảng viên Đảng Công nhân Pháp phổ nhạc, mang tên là *Quốc tế ca*. *Quốc tế ca* được hát lần đầu tiên vào ngày 23-7-1888 trong buổi lễ do Công đoàn những người bán báo tổ chức ở thành phố Lin. Sáu nghìn bản nhạc được phát hành cuối năm ấy. Ngày nay *Quốc tế ca* trở thành bài ca của giai cấp vô sản quốc tế và là Đảng ca của các Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân trên thế giới.

Từ những năm hai mươi của thế kỷ này, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã nhiều lần nhắc tới bài hát cách mạng đó trong các sáng tác của mình. Chúng ta nhớ đến bài *Quốc tế ca* mà anh công nhân Hôxê đã hát khi mang thương tích 18 viên đạn trên mình, lúc nổ ra cuộc bãi công lớn của công nhân hàng hải đăng bạ tại bến Riô Đê Hanâyrô ở Braxin năm 1921 (trong bài *Đoàn kết giai cấp*, tr. 214-215), và sẽ vang lên trong trí tưởng giữa lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Cộng hòa Liên bang Phi (trong bài *Con người biết mùi hun khói*, tr. 98-100). Chính đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người đầu tiên đã dịch lời bài *Quốc tế ca* ấy ra tiếng Việt, theo thể thơ lục bát. Với thể thơ dân tộc này, hầu hết các làn điệu dân ca đều có thể dựa vào lời mà hát. Tác dụng của loại những bài hát như vậy thấm sâu vào lòng người, người hát cũng như người nghe, trong khi mà "nhạc mới" còn rất xa lạ đối với đông đảo quần chúng. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người chủ biên trang sử anh hùng của dân tộc, cũng lại chính là người đầu tiên nhận ra giá trị của một lời ca, và đã cặm cụi chuyển lời ca đấu tranh quốc tế ấy thành những vần lục bát thân quen mà không hề làm mất đi cái khí thế hừng hực mà nó truyền vào cho phong trào cách mạng ở nước ta, đặc biệt trong chiến sĩ và quần chúng cách mạng Xô viết Nghệ Tĩnh.

Điệp khúc

Trận này là trận cuối cùng,
Ầm ầm đoàn lực, đùng đùng đảng cơ,
Lanhtécnaxiônanlơ,
Ấy là nhân đạo, ấy là tự do.

Đoạn I

Hỡi ai nô lệ trên đời,
Hỡi ai cực khổ đồng thời đứng lên!
Bất bình này chịu sao yên,
Phá cho tan nát một phen cho rồi!
Bao nhiêu áp bức trên đời,
Sạch sành sanh phá cho rồi mới tha!
Cuộc đời này sẽ đổi ra,
Xưa kia con ở, nay là chủ ông!

Đoạn II

Công nông ta có Đảng to,
Có nhờ ta, mới có kho, có tài.
Trời sinh đất để cho người,
Những đồ lười biếng thì mời đi đi.
Những đồ ăn xôi ở thì,
Mình làm chúng hưởng lẽ gì xưa nay.
Nếu đem diệt sạch lũ này,
Mặt trời vẫn cứ ngày ngày xuân dung!

Đoạn III

Việc ta ta phải gắng lo,
Chẳng nhờ trời Phật, chẳng nhờ thần linh.
Công nông mình cứu lấy mình,
Sửa sang thế đạo, kinh dinh nhân quyền.
Muốn cho đánh đổ cường quyền,
Tự do, bình đẳng vẹn tuyền cả hai.
Thụt lò ta phải ra tay,
Sắt kia đang nóng đập ngay mà dùng! [1]

1925

Thơ ca cách mạng 1925-1945.
Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1973.

---

1. Trên đây là bài *Quốc tế ca* mà đồng chí Nguyễn Ái Quốc dịch ra tiếng Việt, đăng trên hai tờ báo bí mật là tờ *Thanh niên* và tờ *Công nông*. Đến năm 1929-1930, bài *Quốc tế ca* lại được một số sinh viên Việt Nam học ở trường Đại học Phương Đông do Quốc tế Cộng sản mở tại Mátxcơva (Liên Xô) dịch ra tiếng Việt theo nhạc quốc tế. Bài này phổ biến suốt từ năm 1930 đến 1945 và lần đầu tiên được hai vạn người dự cuộc mít tinh kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1-5-1938 cất cao tiếng hát ở Nhà đấu xảo Hà Nội (nay là Cung Văn hóa Hữu nghị). Sau Cách mạng Tháng Tám, bài này được sửa đổi lại như ngày nay ta thường hát.

LÊNIN VÀ PHƯƠNG ĐÔNG

Quốc tế thứ nhất [1] đã đặt nền tảng cho phong trào cộng sản quốc tế, nhưng vì chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn nên nó chỉ kịp đề ra cho phong trào đó những đường lối cơ bản mà thôi. Cho nên vấn đề các nước thuộc địa chưa được Quốc tế thứ nhất nghiên cứu đầy đủ.

Còn Quốc tế thứ hai [2] với những đại biểu như Mác Đônan, Văngđécvengiơ, Hendécxôn, Bơlum, v.v..., thì lại quá chú ý đến vấn đề này. Gặp bất cứ trường hợp thuận tiện nào, các lãnh tụ của Quốc tế thứ hai cũng nhấn mạnh sự nhất trí của họ đối với chính sách đế quốc chủ nghĩa mà bọn tư bản thực hiện ở các nước thuộc địa. Hơn nữa, sau khi lên nắm chính quyền, Mác Đônan chẳng kém gì Bônđuin, và Sămbéclanh, đã đàn áp nhân dân Ấn Độ, Xuđăng và các dân tộc thuộc địa khác đã can đảm chống lại bọn người nước ngoài ức hiếp họ.

Theo lệnh của các ngài đó, người ta đã giội bom xuống các làng mạc bản xứ và đã đàn áp nhân dân các nước thuộc địa, dã man, độc ác không sao tả xiết. Mọi người đều biết rằng bọn thỏa hiệp thi hành chính sách chia rẽ công nhân người da trắng và các màu da khác, rằng các công đoàn phải chịu ảnh hưởng của bọn xã hội bịp bợm đó không muốn kết nạp các công nhân khác màu da vào hàng ngũ của mình. Chính sách thuộc địa của Quốc tế thứ hai đã vạch trần hơn ở

---

1. *Quốc tế thứ nhất:* năm 1864, Đại hội công nhân các nước họp ở Luân Đôn (Anh), thông qua Nghị quyết thành lập *Hội liên hiệp công nhân quốc tế thứ nhất,* do Các Mác lãnh đạo. Mục đích chủ yếu của Quốc tế thứ nhất là làm cho giai cấp công nhân được giải phóng về mặt kinh tế, biện pháp để đạt tới mục đích ấy là đấu tranh chính trị. Trong những nguyên tắc của Quốc tế thứ nhất còn nêu lên một trong những yêu cầu chủ yếu của giai cấp công nhân là hòa bình thế giới. Năm 1876, Đại hội Philađenphi (thành phố lớn của bang Penxivania, nước Mỹ) thông qua Nghị quyết Quốc tế thứ nhất tự giải tán, do yêu cầu của cách mạng cần phải thành lập chính đảng công nhân ở các nước.

2. *Quốc tế thứ hai:* năm 1889, Đại hội đại biểu các tổ chức công nhân mácxít khai mạc ở Pari (Pháp), tuyên bố thành lập Quốc tế thứ hai. Quốc tế thứ hai đã có tác dụng phổ biến chủ nghĩa Mác về bề rộng; đã đánh dấu thời kỳ chuẩn bị cơ sở để cho phong trào cách mạng phát triển rộng rãi trong nhân dân lao động ở nhiều nước. Nhưng sau khi Ăngghen mất, năm 1895, bọn cơ hội chủ nghĩa hoạt động điên cuồng phá hoại. Vì vậy, Quốc tế thứ hai đã bị sụp đổ hoàn toàn khi chiến tranh thế giới bùng nổ năm 1914.

đâu hết bộ mặt thật của tổ chức tiểu tư sản này. Bởi vậy cho tới Cách mạng Tháng Mười, ở các nước thuộc địa, học thuyết xã hội chủ nghĩa đã bị coi là một thứ học thuyết chỉ dành riêng cho những người da trắng, một thứ công cụ mới để lừa dối và bóc lột.

Lênin đã mở ra một thời đại mới, thật sự cách mạng trong các nước thuộc địa.

Lênin là người đầu tiên đã kiên quyết lên án mọi thành kiến đối với nhân dân các nước thuộc địa đã ăn sâu trong xương tủy của nhiều công nhân châu Âu và châu Mỹ. Những luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc được Quốc tế Cộng sản [1] tán thành, đã đưa tới cuộc cách mạng lớn lao trong tất cả các nước bị áp bức trên thế giới.

Lênin là người đầu tiên đã hiểu và nhấn mạnh tất cả tầm quan trọng của việc giải quyết đúng đắn vấn đề thuộc địa đối với cách mạng thế giới. Trong tất cả các cuộc Đại hội của Quốc tế Cộng sản, của Quốc tế Công đoàn và của Thanh niên Cộng sản Quốc tế [2] vấn đề thuộc địa luôn luôn được đặt lên hàng đầu.

Lênin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa tham gia phong trào cách mạng. Lênin là người đầu tiên đã hiểu rằng nếu không có nhân dân các nước thuộc địa tham gia thì không thể có cách mạng xã hội.

Với tinh thần sáng suốt vốn có của mình, Lênin đã nhìn thấy rằng muốn cho công tác trong các nước thuộc địa được thành công tốt đẹp thì cần phải lợi dụng triệt để phong trào giải phóng dân tộc lan rộng trong các nước đó, rằng giai cấp vô sản trên thế giới ủng hộ phong trào này thì sẽ có nhiều bạn đồng minh mới mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh cho cách mạng xã hội.

---

1. *Quốc tế Cộng sản:* tức Quốc tế thứ ba, một tổ chức cách mạng quốc tế, trung tâm lãnh đạo của phong trào công nhân thế giới tồn tại từ năm 1919 đến năm 1943.

Tháng 1-1919, dưới sự lãnh đạo của Lênin, Hội nghị đại biểu tám Đảng và nhóm Cộng sản đã kêu gọi tất cả các Đảng Cộng sản, các tổ chức xã hội chủ nghĩa phái tả tham gia Đại hội thành lập Quốc tế thứ ba. Quốc tế Cộng sản, là người nối nghiệp và tiếp tục sự nghiệp của Quốc tế thứ nhất. Lần đầu tiên trong hàng ngũ của tổ chức đó có đại biểu của giai cấp vô sản cách mạng ở các nước thuộc địa phương Đông.

Tháng 5-1943, căn cứ vào hoàn cảnh mới, Đoàn Chủ tịch Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản, với sự tán thành của đại đa số các Đảng Cộng sản, đã thông qua Nghị quyết giải tán Quốc tế Cộng sản.

2. *Thanh niên Cộng sản Quốc tế*: một tổ chức quần chúng thanh niên quốc tế, hoạt động dưới sự lãnh đạo về tư tưởng và tổ chức của Quốc tế Cộng sản. Thanh niên Cộng sản Quốc tế tồn tại từ năm 1919 đến năm 1943.

Tất cả các đại biểu các nước thuộc địa tham dự các cuộc đại hội của Quốc tế Cộng sản sẽ không bao giờ quên được sự quan tâm của lãnh tụ Lênin, của đồng chí Lênin đối với họ, họ sẽ nhớ mãi là Người đã biết đi sâu tìm hiểu như thế nào những điều kiện công tác phức tạp nhất và thuần túy của địa phương [1]. Từ lúc đó, mỗi người trong chúng ta càng thấm thía thấy rằng những lời phán đoán của Lênin đúng biết chừng nào và những lời giáo huấn của Người quý giá biết bao.

Chỉ nhờ có thái độ khôn khéo của Lênin đối với vấn đề thuộc địa, mới có thể lay chuyển nổi quần chúng nhân dân lạc hậu nhất trong các nước thuộc địa. Sách lược của Lênin về vấn đề này đã được các Đảng Cộng sản trên toàn thế giới áp dụng và ngày càng lôi cuốn được những phần tử ưu tú và tích cực ở các nước thuộc địa tham gia phong trào cộng sản.

Việc Lênin giải quyết vấn đề dân tộc hết sức phức tạp ở nước Nga Xô viết, việc Đảng Cộng sản thực hiện cụ thể vấn đề này là một vũ khí tuyên truyền sắc bén nhất của các nước thuộc địa.

Đối với tất cả các dân tộc bị áp bức và bị nô dịch, Lênin đã thể hiện một bước ngoặt trong lịch sử đau khổ của cuộc đời nô lệ của họ, đã tượng trưng cho một tương lai mới xán lạn.

NGUYỄN ÁI QUỐC

Báo *Tiếng còi* (Liên Xô), ngày 22-1-1926.
Bản dịch: *Mãi mãi đi theo con đường của Lênin vĩ đại*, Nhà xuất bản Sự thật. Hà Nội, 1970, tr. 21.

PHONG TRÀO CÁCH MẠNG Ở ĐÔNG DƯƠNG

Tình hình kinh tế. Xứ Đông Dương bị nhà băng Đông Dương, thành lập năm 1875, thống trị về mặt kinh tế. Đến năm 1924, vốn của nhà băng là 64.400.000 frăng. Cũng trong thời kỳ này, doanh số lên tới 4.503.000.000 frăng và thu được 34.000.000 frăng tiền lãi. Chính nhà băng Đông Dương đã chỉ huy Công thương nghiệp tín dụng Đông Dương, Công ty mỏ than Bắc Kỳ (Công ty này hằng năm

1. *Địa phương:* ở đây chỉ từng vùng, từng nước trên thế giới.

xuất cảng 1.400.000 tấn than trị giá 12.000.000 đồng hay 201.000.000 frăng) và Công ty hỏa xa Vân Nam.

Về thương nghiệp nói chung, ở Đông Dương doanh số hơn 4 tỷ frăng. Bán thuốc phiện thu được 215.000.000 frăng và bán rượu thu được khoảng 1 tỷ frăng tiền lãi. Trong số 1 tỷ frăng này, Chính phủ thu 200.000.000 frăng, số còn lại vào túi bọn tư bản độc quyền. Như vậy là chỉ có đầu độc dân bản xứ mà đế quốc Pháp đã thu được 415.000.000 frăng!

Ngân sách toàn quốc Đông Dương là 1.327.000.000 frăng.

Người ta xuất cảng 1.500.000 tấn gạo trị giá 252.000.000 frăng và 80.000 tạ cao su.

Đông Dương thịnh vượng như vậy. Nhưng sự thịnh vượng ấy chỉ làm lợi riêng cho người Pháp mà thiệt hại cho người Việt Nam. Mỗi ngày, đàn ông chỉ kiếm được 32 xu, đàn bà 28 xu, trẻ con 16 xu. Hơn nữa, họ không được trả lương đều đặn và không phải bao giờ cũng nhận bằng tiền mặt. Công ty mỏ than tổ chức ra những cửa hàng bán thực phẩm và các vật dụng khác. Thợ bắt buộc phải mua hàng ở đấy, giá đắt hơn thị trường 10%. Thường thì người ta trả lương bằng hàng hóa lấy ở các cửa hàng đó, người thợ chỉ được lĩnh một ít tiền mặt và mãi 15 ngày hay một tháng sau mới được lĩnh; chính bằng cách này mà Công ty ngăn được thợ thuyền bỏ trốn. Theo lời thú nhận của Toàn quyền Đông Dương thì đời sống của thợ mỏ quá khổ cực và công việc của họ quá nặng nề, nên trong số 15907 thợ mỏ thống kê năm 1906, không ai sống đến 60 tuổi. Và bọn tư bản thuộc địa lại cũng viện cớ đó để từ chối không tổ chức quỹ hưu bổng cho thợ thuyền bản xứ.

Đời sống nông dân chẳng hơn gì. Đất thì xấu, phương pháp canh tác thì lạc hậu, do đó năng suất rất thấp kém. Sản lượng một hécta ở châu Âu là 4.670 kilô thóc, ở Nhật Bản 3.320 kilô, ở Nam Dương 2.150 kilô, còn ở Đông Dương sản lượng chỉ là 1.210 kilô.

Người bản xứ đo ruộng đất bằng "mẫu" chứ không đo bằng hécta. Một mẫu đất tốt sản xuất được 50 thùng thóc trị giá 24,75 đ. Trong số tiền này Chính phủ đã trích thu 2,10 đ, khoảng 10%. Nhưng cày cấy mỗi mẫu ruộng người nông dân đã phải chi hết 28,50 đ về tát nước, phân bón, giống má, thuê trâu bò, nhân công, v.v... Như vậy là lỗ vốn mất 3,75đ.

Người ta sẽ hỏi: "Thế thì người nông dân sống thế nào được và lấy gì mà đóng thuế?" Có thể trả lời đơn giản như thế này, sống thế

nào cũng được, nhưng người nông dân vẫn phải sống và phải đóng góp. Một câu tục ngữ Việt Nam có nói: "Không làm cũng chết, mà làm cũng chết". Tập quán nghìn xưa cũng như sức mạnh của trăm ngàn mối quan hệ khác đã trói chặt người nông dân với ruộng đất. Nếu biết nơi nào thoát thân được thì họ cũng rứt bỏ ra đi. Suốt năm, phần lớn những người nông dân phải ăn rau, ăn khoai; rất ít khi họ ăn cơm, chỉ trong những ngày giỗ tết chẳng hạn, thì họ mới dám động đến hạt cơm quý giá ấy.

Ngoài thuế má nặng nề, tăng lên 55% trong khoảng mười năm, người dân bản xứ còn bị khổ sở với trăm ngàn thứ hạch sách. Tờ báo *Khai hóa* của người bản xứ ở Bắc Kỳ mới đây có viết: "Biết bao người đã bị bắt trái phép. Họ bị giam cầm hàng tháng trời... Lính tráng bắt họ đóng tiền này tiền kia, rồi còn hành hạ họ nữa... Có người bị đánh đập tàn nhẫn đến nỗi phải vào nhà thương. Tóm lại, nếu người nào vô phúc bị bắt mà nghèo đói thì đành cam phận, còn kẻ hơi khá giả thì bán vợ đợ con để nộp tiền phạt, dù có bị bắt oan cũng vậy".

Còn có những việc làm tai hại hơn nhiều. Như một tên Công sứ ở Cao Miên đã bòn rút tiền thuế của những người dân cùng khổ, xây dựng một lâu đài nghỉ mát tốn 57.600.000 frăng, tên ấy còn bắt dân đắp thêm một con đường từ nhà ở đến lầu nghỉ mát... Hơn 1.900 người đã thiệt mạng trên con đường này.

Tình hình chính trị. Tháng 11 năm ngoái, khi Varen "nhà xã hội" tới nhận chức Toàn quyền, dân bản xứ có đưa "Tập dân nguyện của người An Nam", đòi tự do báo chí, tự do ngôn luận, quyền lập hội và hội họp, v.v... Cũng như bọn Toàn quyền trước, Varen hứa hẹn nhiều và không làm gì cả.

Cũng thời kỳ ấy, bọn mật thám bắt cụ Phan Bội Châu ở Thượng Hải. Cụ là một nhà lão thành yêu nước xuất dương từ 20 năm nay. Người ta đưa cụ về Bắc Kỳ để xử án. Mặc dầu Chính phủ Pháp giữ bí mật về vụ bắt bớ này, nhưng người Việt Nam ai cũng biết tin, một phong trào phản đối sôi nổi khắp nơi.

Khi Varen đến Bắc Kỳ, sinh viên biểu tình đòi thả nhà lão thành cách mạng, họ mang cờ và biểu ngữ kêu gọi: "Ân xá cho cụ Phan Bội Châu!", "Đả đảo chế độ thực dân tàn bạo!".

Đây là lần đầu tiên người ta được mục kích một sự kiện như vậy ở Đông Dương, Varen buộc phải ân xá cho cụ Phan Bội Châu, nhưng vẫn bí mật giám sát cụ.

Từ đó, phong trào sinh viên tiếp tục phát triển sôi nổi, đến tháng vừa rồi, phong trào mới thật mạnh.

Khi Bùi Quang Chiêu, một người thuộc phái Quốc gia, mới ở Pháp về – Chiêu vừa tổ chức ở Pháp một cuộc vận động chống những tên quan cai trị thuộc địa thối nát – hàng nghìn người Việt Nam do sinh viên hô hào, đã đi đón và đón tiếp rầm rộ. Hôm đó bọn phát xít Pháp cũng tổ chức phá biểu tình, chúng huy động cả quân lính, mật thám và cảnh sát. Bọn phát xít bắn súng lục chỉ thiên, và đá ông Chiêu. Mặc dầu có sự khiêu khích đê tiện ấy, người bản xứ vẫn giữ một thái độ rất bình tĩnh. Điều đó đã làm thất bại âm mưu của bọn Pháp định gây ra "một ngày đẫm máu" hòng dạy cho người Việt Nam biết phục tùng chúng.

Cũng đúng vào dịp này, nhà chí sĩ Phan Chu Trinh, một người thuộc phái Quốc gia khác, vừa mất. 30.000 người Việt Nam ở xứ Nam Kỳ đã làm lễ an táng theo quốc lễ và khắp nước đã tổ chức lễ truy điệu nhà chí sĩ. Chỉ trong vài ba ngày, một cuộc lạc quyên đã thu được 100.000 đồng. Tất cả học sinh, sinh viên đều để tang cụ.

Trước phong trào yêu nước của toàn dân, bọn thực dân Pháp sợ hãi, bắt đầu phản công lại. Chúng cấm học sinh để tang và tổ chức lạc quyên. Chúng cấm tổ chức các lễ truy điệu, v.v... Để phản đối lại, học sinh bỏ học. Ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Huế, Sài Gòn, Phú Lâm, v.v..., đâu đâu học sinh cũng đều bãi khóa. Nữ sinh cũng tham gia phong trào. Một sự việc đầy ý nghĩa sau đây đã chứng tỏ tinh thần yêu nước của học sinh: tại trường Saxơlu Lôba ở Sài Gòn có người đã viết lên bảng mấy chữ: "A.B.L.F." (À bas les Français – Đả đảo thực dân Pháp). Các giáo sư bắt học sinh lên xóa bảng. Chẳng một em nào chịu xóa cả.

Tên "xã hội" Varen ra lệnh cho hiệu trưởng các trường "phải thẳng tay trừng trị những hành động vô kỷ luật". Nên từ đó đã xảy ra nhiều cuộc khám xét, bắt bớ và đuổi hàng loạt học sinh. Riêng ở Sài Gòn, hơn 500 học sinh đã bị đuổi ra khỏi trường.

Các tổ chức chính trị. Ở Bắc Kỳ có một Hội bí mật gọi là "Phục Việt", mới đây hội này có rải truyền đơn, nội dung trích dẫn vài đoạn như sau:

"Nước Pháp dùng vũ lực để bắt nước ta làm nô lệ... Hàng chục năm nay, họ áp bức dân ta... Trong cảnh ô nhục và căm thù đó,

chúng ta người Việt Nam không thể đội trời chung với người Pháp. Hỡi hai mươi lăm triệu đồng bào, những ai không chịu đem lòng sắt đá ra lật đổ cường quyền, thì thà để cho thịt nát xương tan mà đền nợ nước.

... Cường quyền đã đến ngày mạt vận. Các dân tộc đang hưởng ứng lời kêu gọi của nước Nga cách mạng. Ấn Độ và Ai Cập đã vùng dậy đòi tự do... Lẽ nào người Việt Nam chúng ta lại chìm đắm trong giấc ngủ triền miên?... Hỡi dân tộc Việt Nam! Nếu chúng ta không tự giải phóng được bằng phương pháp ôn hòa, thì chúng ta không ngần ngại hành động quyết liệt để trả thù nhà, nợ nước và để chen vai thích cánh với năm châu... Hỡi dân tộc Việt Nam! Hãy mau mau thức tỉnh...".

Ở Nam Kỳ, có một nhóm trí thức Tây học tự xưng là "Đảng Lập hiến", họ là một nhóm ôn hòa chủ trương "Pháp – Việt đề huề". Theo chúng tôi biết thì nhóm này không có hệ thống tổ chức, không có điều lệ, không có cán bộ. Đó là một tổ chức tập hợp nhau về mặt tinh thần. Vì họ đả kích chế độ cai trị thối nát ở thuộc địa mà vẫn tôn trọng "chủ quyền Pháp", nên họ có khá nhiều ảnh hưởng trong quần chúng người bản xứ.

Có một nhóm khác là nhóm "Thanh niên Việt Nam". Nhóm này tiến bộ và hoạt động hơn. Cơ quan báo chí của nhóm này do một người đã gia nhập quốc tịch Pháp làm chủ nhiệm, thường trích in bài của báo *Nhân đạo* xuất bản ở Pari. Nhóm này cũng xuất bản, dưới hình thức những sách nhỏ, bản *Tuyên ngôn Dân quyền* và bản *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* của Mác.

Tất nhiên là Chính phủ Pháp hết sức tìm cách phá bỏ nhóm này, nhưng không kết quả, vì nhóm đó chưa tổ chức thành đảng. Vì thế Chính phủ Pháp quay lại đàn áp các chiến sĩ của nhóm đó.

Tháng ba, nhóm "Thanh niên Việt Nam" có tổ chức một cuộc mít tinh phản đối việc trục xuất một người Bắc Kỳ. Cuộc mít tinh thông qua kiến nghị như sau:

"Chúng tôi 3.000 người Việt Nam... sau khi nghe diễn thuyết, nói chuyện..., nhận thấy rằng việc trục xuất những người Việt Nam quê ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ ra khỏi địa phận Nam Kỳ là một hành động độc đoán,.. chúng tôi cực lực phản đối sự lạm quyền này... và khẩn thiết đòi Chính phủ Pháp ở Đông Dương phải tôn trọng những quyền lợi tự nhiên và bất khả xâm phạm của con người và của công dân đã được

xác nhận trong *Hiến pháp* của nước Cộng hòa Pháp, nhất là:

1. Tự do báo chí viết bằng tiếng bản xứ.

2. Bỏ câu thúc thân thể về dân sự và thương sự.

3. Tự do học tập, hội họp và tự do đi lại".

Trước cuộc mít tinh người ta đã rải truyền đơn, cuối tờ truyền đơn có câu: "Nếu Chính phủ Pháp không chịu trả lại cho chúng tôi những quyền tự do cần thiết nói trên (quyền tự do báo chí, v.v...) thì chúng tôi không còn chút tin tưởng nào ở thiện ý của Chính phủ và chúng tôi nguyện cùng nhau tận tâm tận lực hoạt động để *giải phóng dân tộc Việt Nam*".

Cũng vì đã viết những tiếng giải phóng dân tộc Việt Nam và đã phát hành số đầu tiên và cũng là số cuối cùng của báo *An Nam trẻ – Diễn đàn giải phóng quốc gia* – trong đó có đăng lại bài của báo *Nhân đạo* và báo *Người cùng khổ*, mà hai tác giả, những người đã viết truyền đơn, đã tổ chức mít tinh, vừa là chủ nhiệm vừa là quản lý tờ báo, đã bị kết án hai năm tù!

Do hai vụ án này, học sinh lại tiếp tục bãi khóa. Thực dân Pháp lại dùng những biện pháp hành chính để trấn áp trả thù.

Tình hình chính trị ở Đông Dương có thể tóm tắt trong lời than vãn sau đây của một tờ báo tiếng Pháp ở Bắc Kỳ: "Vụ biến động này... đã làm cho nước ta xưa nay yên ổn biết bao, đã trở thành trung tâm của những cuộc biến động và hỗn loạn".

1926 [1]

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 87. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương.

1. Bài báo này tác giả gửi đi từ Quảng Châu ngày 3-6-1926 và đến Mátxcơva ngày 9-7-1926.

THƯ GỬI ỦY BAN TRUNG ƯƠNG THIẾU NHI LIÊN XÔ

Các đồng chí thân mến,

Chúng tôi có tại đây (Quảng Châu, Trung Quốc) một nhóm thiếu nhi Việt Nam. Các em tuổi từ 12 đến 15. Đó là những thiếu nhi Cộng sản đầu tiên của nước Việt Nam, bị chủ nghĩa đế quốc Pháp áp bức, và ở đó tất cả mọi giáo dục đều bị cấm. Các em còn nhỏ, nhưng các em đã đau khổ nhiều. Các em đã để cha mẹ ở nhà cách hàng nghìn cây số để bí mật đến Trung Quốc. Nhiều em có cha mẹ bị người Pháp bắt giam vì đã để cho con đi ra nước ngoài, như những người cách mạng.

Lúc chúng tôi nói với các em về Cách mạng Nga, về Lênin và về các bạn – những chiến sĩ lêninnít Nga tí hon – thì các em rất sung sướng và đòi sang với các bạn, ở với các bạn, học tập với các bạn, và để trở thành như các bạn – những chiến sĩ lêninnít tí hon chân chính.

Chúng tôi đã hứa với các em là sẽ viết thư cho các bạn về vấn đề ấy. Và giờ đây tôi viết. Chúng tôi hy vọng rằng các bạn không từ chối tiếp nhận ba hay bốn các bạn nhỏ Việt Nam của các bạn, có phải không? Nếu các bạn bằng lòng để cho các em đến thì các bạn sẽ làm những điều sau đây:

1. Ủy nhiệm cho đồng chí Bôrôđin, đại diện của Cộng hòa Xô viết Nga tại Quảng Châu, làm mọi điều cần thiết cho hành trình của các em (đưa thư các bạn cho Quốc tế Cộng sản hay Narkomidel).

2. Nói rõ các bạn có thể tiếp nhận bao nhiêu thiếu nhi Việt Nam.

3. Đến tháng nào thì ở Mátxcơva trời rét? (Vì các thiếu nhi đó đều từ một nước rất nóng, phải chọn thời gian cho các em đi).

4. Đến Mátxcơva thì các em sẽ đến địa chỉ nào?

Tôi đợi trả lời của các bạn, và tôi gửi đến các bạn lời chào Cộng sản.

Quảng Châu, ngày 22-7-1926

NGUYỄN ÁI QUỐC

Tư liệu và bản dịch: Hồng Chương.

ĐÔNG DƯƠNG KHỔ NHỤC

"Ở Đông Dương, việc giết người là việc xảy ra hằng ngày", một diễn giả đã tố cáo như vậy ở Đại hội Liên hiệp chống áp bức thuộc địa và chống chủ nghĩa đế quốc, họp ở Brúcxen. Câu nói đơn giản nhưng bao hàm cả sự thật hiển nhiên, đau xót của dân tộc Đông Dương đang bị đày đọa. Đế quốc Pháp đang ra sức bưng bít những tiếng kêu gào của họ. Thực thế, ở đây, trong cái "pháo đài của nước Pháp ở Thái Bình Dương" ấy, người ta được mục kích hằng ngày những hành vi bạo ngược, giết người, ăn cướp ghê tởm nhất. Dĩ nhiên là những tội ác của bọn thực dân tàn bạo ấy được Chính phủ bao che. Từ tên đại diện tối cao của Nhà nước chính quốc đến những tên thực dân bình thường, đứa nào cũng tự ý và đua nhau giết hại, bóc lột đến tận xương tủy dân tộc đã bị chinh phục. Chính tên Toàn quyền Varen, một đảng viên Xã hội, đã cướp không hàng nghìn hécta đất của nông dân đem cho bọn nó. Chính tên đội Đuyruýt đã bắt phạm nhân tự đào lấy mồ, đánh chết họ như đánh chó rồi đem chôn cả những người đang còn sống. Một tên cai mỏ than ở Bắc Kỳ đã làm chết một anh thợ bằng cách đánh anh gãy hai chiếc xương sườn vì anh đã dám coi thường nó. Đối với những tên sát nhân ấy, tòa án đã ban cho đứa thứ nhất trắng án, đứa thứ hai hai tháng tù án treo. Thật đúng là một thứ "công lý" chính tông! Đương nhiên cướp của giết người đối với bọn thực dân cá mập là những điều hợp pháp! Chúng ta không có đủ thời giờ kể hết tội ác của những bọn côn đồ ấy. Chúng ta chỉ cần nói thêm rằng đế quốc Pháp với quân lính của chúng đã coi tính mạng người Đông Dương như cỏ rác, muốn thì chúng tước đoạt của cải, thích thì chúng bắn giết. Nhưng áp bức càng đè nặng lên vai dân chúng bao nhiêu thì dân chúng chống lại càng nhiều bấy nhiêu. Trong những năm gần đây, dân bản xứ bị bóc lột ngày càng thậm tệ nên họ đã chống đế quốc quyết liệt. Mới đây chúng mưu toan trưng thu đất đai của nông dân nghèo nên đã gặp một phản ứng đích đáng biểu hiện trong các cuộc nổi dậy đổ máu. Công việc nặng nhọc không lúc nào được nghỉ ngơi của những anh em phu đồn điền cao su – ở mỗi đồn điền này hằng tháng trung bình có 62 người chết – đời sống khổ sở, đói rét dẫn họ đến bạo động, kết

quả là một số người cầm đầu bị tử hình. Điều này chứng tỏ rằng căm hờn đã sôi sục trong lòng những người nô lệ và từ đây thực dân Pháp không còn có thể bóc lột dân chúng Đông Dương mà không gặp những cuộc đấu tranh một sống một chết. Vì vậy Chính phủ thuộc địa quay lại đàn áp tàn nhẫn những người bất mãn chống lại chính sách cai trị của nó, những người đấu tranh để giành lại tự do và quyền sống. Chính phủ ấy còn đàn áp một cách chưa từng thấy đối với những người cách mạng và tình nghi cách mạng. Chúng xử rất nhiều án tù tội hàng chục năm. Ông Phan Văn Trường, một nhà báo Việt Nam, đã bị hai năm tù vì ông đã có tội đăng lại một bài của báo *Nhân đạo* bàn về sự *Đoàn kết huynh đệ với Cách mạng Trung Hoa.*

Sách báo viết về độc lập dân tộc đều bị cấm ngặt không được lưu hành; còn tác giả và quản lý thì bị kết án nặng. Vì vậy nên hai anh em ông Vương Gia Bột và Vương Gia Ngãi ở Trung Kỳ đã bị kết án một người ba năm tù, một người hai năm, chỉ vì có tội là bày vào tủ hàng sách của các ông quyển *Tiểu sử của Tưởng Giới Thạch.*[1] Một học sinh 17 tuổi [2] bị giam cho đến tuổi thành niên vì đã làm bài thơ *Chiêu hồn nước.*

Những vụ khám xét nhà cửa thì không kể xiết được. Chẳng có gì

---

1. Quyển tiểu sử này viết khi Tưởng Giới Thạch còn ở trong đội quân cách mạng do Tôn Trung Sơn lãnh đạo. Sau này Tưởng Giới Thạch trở thành kẻ phản bội. Quyển sách tác giả nhắc đến ở đây có lẽ là quyển *Tiểu sử Tưởng Giới Thạch* của Nguyễn Mạnh Bổng (? -1952) in tại nhà in Long Quang, Hà Nội, 1927, dày 52 trang.

2. Ở đây đồng chí Nguyễn Ái Quốc muốn nói đến Phạm Tất Đắc (1910 - 1935), tác giả bài thơ *Chiêu hồn nước* viết năm 1926, Phạm Tất Đắc người làng Dũng Kim, phủ Lý Nhân, Hà Nam, năm 1923 học ở trường Bưởi, đến năm 1926 thì bị đuổi khỏi trường vì tham gia tổ chức lễ truy điệu Phan Chu Trinh và hô hào học sinh bãi khóa. Ít lâu sau, Phạm Tất Đắc lại bị thực dân Pháp bắt vì đã viết bài thơ *Chiêu hồn nước:*

Một mình cảnh vắng đêm thâu,
Muốn đem máu đỏ nhuộm màu giang san.
Ngọn gió lọt đèn tàn hiu hắt,
Tiếng cuốc kêu đầy mặt anh hùng.
Nghiến răng nuốt cái thẹn thùng,
Mà chiêu hồn nước lại cùng núi sông.

Đương thời, bài thơ này đã có tiếng vang lớn, rất được quần chúng hoan nghênh, đặc biệt là trong giới học sinh, sinh viên. Lúc mới bị bắt, Phạm Tất Đắc bị giam tại Hà Nội, nhưng vì chưa đến tuổi thành niên nên bị chúng đưa vào nhà trừng giới ở Trí Cụ, Bắc Giang. Ở đây Phạm Tất Đắc lại tổ chức đánh giám thị, phá nhà giam, nên bị đưa về nhà pha Hỏa Lò, Hà Nội. Năm 1930, Phạm Tất Đắc được tha, nhưng sức ngày càng yếu, năm 1935 thì mất.

trong nhà, người ta cũng có thể bị bắt vì đã bị tình nghi. Học sinh Hà Tĩnh đã bị bắt như vậy. Chẳng lôi thôi gì cả, chúng bắt các anh đó, tống giam hai tháng rồi thả ra. Không những Chính phủ thuộc địa trấn áp những người mong muốn tự do, độc lập mà còn xúc phạm cả đến phong tục tập quán của dân bản xứ nữa. Thờ phụng những người đã quá cố, một việc rất thiêng liêng và thiết tha của người Việt Nam, cũng bị cấm đoán. Mới đây trong cuộc đưa đám một nhà cách mạng cũ, cảnh sát đã đánh đập dân chúng đến viếng mộ, làm một người phụ nữ bị thương nặng, và bắt đưa 12 người ra tòa, chúng kết án người một năm, kẻ 6 tháng hay 3 tháng tù. Ở Sài Gòn, 6 người bị kết án mỗi người 6 tháng tù vì đã có tên trong danh sách Ban tổ chức tang lễ.

Những sự việc trên đây được nhặt ra một cách tình cờ trong lịch sử chế độ thực dân, một lịch sử đầy dẫy chém giết, cướp bóc, đã mô tả khá rõ đời sống khổ cực của dân tộc Đông Dương bị xâm lăng. Bị khuất phục bằng vũ lực, bắt buộc phải chịu đựng bao nhiêu điều nhục nhã, bị áp bức bóc lột, dân Đông Dương không thể chịu ngồi yên mà không phá gông xiềng của đế quốc thực dân Pháp. Bọn chúng biết lắm, nên chúng tìm cách giấu giếm tội ác của chúng, bưng bít những tiếng thét căm hờn của dân bản xứ và che đậy những cuộc khởi nghĩa bùng nổ không ngớt. Bọn chúng muốn cô lập xứ Đông Dương với nước ngoài để áp bức, bóc lột và cướp của được nhiều hơn. Chúng làm không được. Ngày nay, bức màn bưng bít đã xé toang, tội ác của chúng đã bị phơi bày trước giai cấp vô sản thế giới, đặc biệt là trước thợ thuyền Pháp. Hỡi những ai đang đấu tranh ở khắp nơi, hỡi các bạn Nga đã tự giải phóng mình khỏi tay bọn cường quyền, chúng tôi kêu gọi: "Những người bạn bất hạnh của các bạn hiện đang giãy giụa ở Đông Dương. Họ đang trải qua những phút khó khăn để tự giải phóng. Đế quốc Pháp đang giết hại họ, đang tước đoạt của cải của họ. Mong các bạn nghĩ tới họ; tiếng thét căm thù của họ phải được hòa lẫn với tiếng thét của các bạn để chặn bàn tay giết người của bọn đế quốc Pháp ăn cướp. Mong rằng sự quan tâm của các bạn đối với phong trào đấu tranh sẽ cổ vũ họ trong tương lai lật đổ được bọn đế quốc bóc lột".

NGUYỄN ÁI QUỐC

Đây "công lý" của thực dân Pháp ở Đông Dương. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr. 14. Bản dịch: Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương.

BẤY LÂU MƠ NGỦ... [1]

Bấy lâu mơ ngủ mãi chưa thôi!
Cách mệnh ồn ào khắp mọi nơi.
Này trống văn minh khua dậy đất,
Kìa chuông độc lập gõ vang giời.

Báo *Thanh niên,* [2]
số ra ngày 10-10-1926.

ĐÃ LÀM CÁCH MỆNH... [3]

Đã làm cách mệnh chớ lôi thôi,
Cách mệnh thì ta cách đến nơi.
Trước phải giành quyền cho cả nước,
Sau ra cách mệnh cả bầu giời.

Báo *Thanh niên,*
số ra ngày 10-10-1926.

---

1. Đầu đề bài thơ là do chúng tôi tạm đặt.

2. Báo *Thanh niên* (do đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo) là cơ quan ngôn luận Trung ương của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, tổ chức tiền thân của Đảng. Tờ báo làm nhiệm vụ tuyên truyền tôn chỉ và mục đích của Hội, đồng thời giải thích rõ thêm những vấn đề đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Báo được viết bằng tiếng Việt, ra hằng tuần, số đầu tiên xuất bản vào tháng 6 - 1925, đến tháng 4 - 1927, báo ra được tất cả 88 số. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc vừa là người phụ trách chủ chốt của tờ báo, vừa là người viết nhiều bài (hầu hết không ký tên). Người còn vẽ tranh châm biếm và viết những khẩu hiệu bằng chữ Hán cho báo. Báo *Thanh niên* nhằm đối tượng chủ yếu là công nhân và nhân dân lao động nước ta.

Tiếp tục sự nghiệp của báo *Người cùng khổ,* báo *Thanh niên* cùng với tác phẩm *Đường kách mệnh* đã góp phần quan trọng vào quá trình chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức để tiến tới thành lập Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. (Xin xem thêm Tạp chí *Học tập,* số 3 năm 1973, bài của Thế Tập).

3. Đầu đề bài thơ là do chúng tôi tạm đặt.

ĐƯỜNG KÁCH MỆNH
(Trích)

TIỂU DẪN. – *Đường kách mệnh* gồm một số đề cương bài giảng do đồng chí Nguyễn Ái Quốc soạn từ đầu năm 1925, sau đó được phát triển và cụ thể hóa thêm khi Người giảng cho cán bộ trong các lớp huấn luyện chính trị ở Quảng Châu (Trung Quốc). Đầu năm 1927, những bài giảng ấy được xuất bản thành sách với nhan đề trên. *Đường kách mệnh* do Bộ Tuyên truyền của Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản. Sách này chỉ lưu hành nội bộ (Xem thêm: *Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 121).

Tác phẩm *Đường kách mệnh* phát triển những tư tưởng cách mạng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong các thời kỳ trước đó. Ở Pháp, Người truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về nước bằng sách báo, chủ yếu là cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp*, báo *Người cùng khổ* và các bài báo, tài liệu khác. Ở Quảng Châu (Trung Quốc), Người tiếp tục truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về nước chủ yếu bằng cuốn *Đường kách mệnh* và tuần báo *Thanh niên* (1925 - 1930). (Xem thêm: *Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 50).

Đường kách mệnh bằng kinh nghiệm lịch sử phong phú, liên hệ với hoàn cảnh cụ thể Việt Nam, đã đề ra những đường lối cơ bản của cách mạng dân tộc và cách mạng vô sản ở nước ta. Tác dụng lịch sử to lớn của nó là đã giải quyết được về cơ bản sự bế tắc, khủng hoảng về đường lối cách mạng và đường lối tổ chức của cách mạng Việt Nam – một sự khủng hoảng sâu sắc đã tồn tại dai dẳng từ đầu thế kỷ XX cho đến lúc ấy.

Sự ra đời của tờ tuần báo *Thanh niên* và tác phẩm *Đường kách mệnh* gần như trùng hợp về thời gian.

Đường kách mệnh có tính lý luận và tính chiến đấu rất cao. Nó kết hợp chặt chẽ dòng thác cách mạng giải phóng dân tộc với dòng thác cách mạng vô sản theo đường lối của Lênin. Nó nêu lên một chân lý sáng ngời là muốn sống thì phải làm cách mạng, phải quyết tâm giành cho được độc lập và tự do. Tư tưởng nổi bật và quán xuyến của cuốn sách này là tư tưởng độc lập tự do gắn liền với chủ nghĩa xã hội, là tư tưởng cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác – Lênin.

Đường kách mệnh là Cương lĩnh tóm tắt của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ xúc tiến chuẩn bị thành lập Đảng, là cơ sở đầu tiên cho Cương lĩnh của Đảng ta (ra đời vào đầu năm 1930).



Đồng chí NGUYỄN ÁI QUỐC, năm 1923

Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam.

Mở đầu tác phẩm, bằng những lời lẽ hết sức khiêm tốn, đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết: "Sách này muốn nói cho vắn tắt dễ hiểu, dễ nhớ. Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cụt quằn. Vâng! Đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả". Với lời văn giản dị, trong sáng, cuốn *Đường kách mệnh* dễ hiểu, dễ nhớ và dễ làm theo. Dụng ý của tác giả là như thế. Tác phẩm đã đi sâu được vào lòng quần chúng, có sức mạnh thức tỉnh nhanh chóng tinh thần cách mạng của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động, giúp họ tiếp thu dễ dàng chủ nghĩa Mác – Lênin và tham gia tích cực vào phong trào cách mạng. *Đường kách mệnh* với những khái quát lý luận rất cao, lại có giá trị chỉ đạo thực tiễn rất lớn.

Xét riêng về mặt đặt nền móng cho lý luận văn học cách mạng, phần mở đầu tác phẩm có một ý nghĩa đặc biệt:

"Hơn sáu mươi năm nay, đế quốc chủ nghĩa Pháp đạp trên đầu, hơn hai mươi triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm chóng, để cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vời trau chuốt.

Sách này chỉ ước sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm kách mệnh.

Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Kách mệnh! Kách mệnh! Kách mệnh!!!".

Có lời tâm huyết nào chân thành hơn, có lời kêu gọi nào thôi thúc hơn. Như có máu nhỏ ra ở đầu ngọn bút. Chỉ một đoạn mở đầu này mà đã đủ là một bản *Tuyên ngôn đầu tiên của văn chương cách mạng*. "Phải kêu to, làm chóng, để cứu lấy giống nòi...". Đã một nửa thế kỷ rồi, mà bây giờ đọc lại còn thấy sục sôi khí thế cách mạng ban đầu, khí thế của thời kỳ chuẩn bị thành lập Đảng. Và có thể nói, trong suốt cuộc đời cách mạng, Nguyễn Ái Quốc đã gắn mọi trước tác với mục đích làm cho đồng bào "xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm kách mệnh". Từ những năm 20 của thế kỷ này, tính đảng của văn nghệ cách mạng đã được đồng chí Nguyễn Ái Quốc thể hiện bằng những dòng chữ tâm huyết, hết sức nguyên tắc mà lại vô cùng sống động, không trừu tượng, khái quát hóa cao độ tinh thần cơ bản mà Lênin đã đề ra. Người đề ra cho văn nghệ nói riêng, sách báo nói chung yêu cầu quan trọng bậc nhất là phải làm sao phục vụ được cách mạng tốt nhất.

Trong lời *Tuyên ngôn đầu tiên của văn chương cách mạng* này thể hiện rõ tính chất chặt chẽ của những luận điểm. Các luận điểm của đồng chí Nguyễn Ái Quốc có mối quan hệ biện chứng và lôgích nội tại. Trong khi Người đặt ra vấn đề cần viết "cho vắn tắt dễ hiểu, dễ nhớ", "giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả", "phải kêu to, làm chóng, để cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vời trau chuốt";

Người cũng lại yêu cầu một sự dụng công rất lớn, một tinh thần nỗ lực cao, phải để hết tâm trí sức lực vào công việc của mình làm, thì mới đạt được kết quả mong đợi. Người viết ở trang đầu tập sách: "Phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công. Tục ngữ Trung Quốc có câu: "Sư tử bắt thỏ tất dùng hết sức". Sư tử mạnh biết chừng nào, nếu bắt thỏ thì có khó gì, thế mà còn phải dùng hết sức...". Ở đây, Người nói về vấn đề cách mạng, nhưng sự dụng công ấy cũng cần thiết đối với sáng tác văn học, nghệ thuật. Lý luận ở đây đã đúc lại thành châm ngôn, vận dụng vào phương diện nào của công tác cách mạng cũng đúng, không lẽ đấy lại không phải là yêu cầu đối với người sáng tác văn học nghệ thuật sao?

Đồng chí Nguyễn Ái Quốc làm văn là để làm cách mạng, và vì làm cách mạng mà làm văn, bởi vì hơn ai hết, Người hiểu cái thiên chức của người kỹ sư tâm hồn là phải thức tỉnh quần chúng, phải tuyên truyền, giác ngộ, dẫn dắt quần chúng để đồng tâm hiệp lực, có vậy "mục đích mới đồng, mục đích có đồng, chí mới đồng, chí có đồng, tâm mới đồng, tâm đã đồng thì lại phải biết làm thì mới chóng".

Bởi vậy, *Đường kách mệnh* vừa có ý nghĩa lịch sử, vừa có ý nghĩa thời đại; vừa có ý nghĩa lý luận, vừa có ý nghĩa thực tiễn, vừa có ý nghĩa dân tộc, vừa có ý nghĩa quốc tế. Tác phẩm ấy lại là *một kiểu mẫu thiên tài của văn chương chính luận cách mạng, có tính chất khai sáng, tính chất thực tiễn trong lịch sử văn học hiện đại Việt Nam.*

Phần trích tác phẩm *Đường kách mệnh* sau đây, chúng tôi căn cứ vào nguyên bản do Bị áp bức dân tộc Liên hợp Hội Tuyên truyền Bộ ấn hành năm 1927 (lưu trữ tại Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam); có tham khảo bản đã được in trong tập *Hồ Chí Minh: Về đấu tranh vũ trang và lực lượng vũ trang nhân dân* (Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1970, tr. 121); tập *Các tổ chức tiền thân của Đảng* (Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà Nội, 1977); cùng các trích đoạn đã được công bố trong cuốn *Về sự lãnh đạo của Đảng trên mặt trận tư tưởng và văn hóa* (Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960) và Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 1 (178), tháng 1 và tháng 2-1978.

Không có lý luận kách mệnh, thì không có kách mệnh vận động... chỉ có theo lý luận kách mệnh tiền phong, Đảng kách mệnh mới làm nổi trách nhiệm kách mệnh tiền phong.

(Lênin).

TƯ CÁCH MỘT NGƯỜI KÁCH MỆNH

Tự mình phải:

Cần kiệm.
Hòa mà không tư.
Cả quyết sửa lỗi mình.
Cẩn thận mà không nhút nhát.
Hay hỏi.
Nhẫn nại (chịu khó).
Hay nghiên cứu, xem xét.
Vị công vong tư.
Không hiếu danh, không kiêu ngạo.
Nói thì phải làm
Giữ chủ nghĩa cho vững.
Hy sinh.
Ít lòng tham muốn về vật chất.
Bí mật.

Đối với người phải:

Với từng người thì khoan thứ.
Với đoàn thể thì nghiêm.
Có lòng bày vẽ cho người.
Trực mà không táo bạo.
Hay xem xét người.

Làm việc phải:

Xem xét hoàn cảnh kỹ càng.
Quyết đoán.
Dũng cảm.
Phục tùng đoàn thể.

VÌ SAO PHẢI VIẾT SÁCH NÀY?

1. Phàm làm việc gì cũng vậy, bất kỳ lớn bé, bất kỳ khó dễ, nếu không ra sức thì chắc không thành công. Tục ngữ Trung Quốc có câu "Sư tử bắt thỏ tất dùng hết sức". Sư tử mạnh biết chừng nào, nếu bắt thỏ thì có khó gì, thế mà còn phải dùng hết sức, huống gì làm việc to tát như việc giải phóng gông cùm nô lệ cho đồng bào, cho nhân loại, nếu không hết sức thì làm sao được.

2. Lại nhiều người thấy khó thì ngã lòng, không hiểu rằng "nước chảy đá mòn" và "có công mài sắt có ngày nên kim". Việc gì khó cho mấy, quyết tâm làm thì làm chắc được. Ít người làm không nổi, nhiều người đồng tâm hiệp lực mà làm thì phải nổi. Đời này làm chưa xong, đời sau nối theo làm thì phải xong.

3. Muốn đồng tâm hiệp lực, muốn bền gan thì trước hết ai ai cũng phải hiểu rõ vì sao mà phải làm, vì sao mà không làm không được, vì sao mà ai ai cũng phải gánh một vai, vì sao phải làm ngay, không nên người này ngồi chờ người khác. Có như thế mục đích mới đồng, mục đích có đồng, chí mới đồng, chí có đồng, tâm mới đồng, tâm đã đồng lại phải biết cách làm thì mới chóng.

4. Lý luận và lịch sử kách mệnh có nhiều sách lắm. Pháp nó sợ nên cấm chúng ta học, cấm chúng ta xem, cho nên đồng bào ta đối với hai chữ kách mệnh còn lờ mờ lắm. Có người biên chép để xướng ra một chút lại làm một cách rất hồ đồ; hoặc xúi dân bạo động mà không bày cách tổ chức; hoặc làm cho dân quen tính ỷ lại, mà quên tính tự cường.

5. Mục đích sách này là để nói cho đồng bào ta biết rõ: a) Vì sao chúng ta muốn sống thì phải kách mệnh? b) Vì sao kách mệnh là việc chung cả dân chúng chứ không phải việc một hai người? c) Đem lịch sử kách mệnh các nước làm gương cho chúng ta soi. d) Đem phong trào thế giới nói cho đồng bào ta rõ. e) Ai là bạn ta? Ai là thù ta? g) Kách mệnh thì phải làm thế nào?

6. Sách này muốn nói cho vắn tắt dễ hiểu, dễ nhớ. Chắc có người sẽ chê rằng văn chương cụt quần. Vâng! Đây nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả.

Hơn sáu mươi năm nay, đế quốc chủ nghĩa Pháp đạp trên đầu, hơn hai mươi triệu đồng bào hấp hối trong vòng tử địa. Phải kêu to, làm chóng, để cứu lấy giống nòi, thì giờ đâu rảnh mà vẽ vời trau chuốt!

Sách này chỉ ước sao đồng bào xem rồi thì nghĩ lại, nghĩ rồi thì tỉnh dậy, tỉnh rồi thì đứng lên đoàn kết nhau mà làm kách mệnh.

Văn chương và hy vọng sách này chỉ ở trong hai chữ: Kách mệnh! Kách mệnh! Kách mệnh!!!

KÁCH MỆNH

1. Kách mệnh là gì?

Kách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt. Thí dụ: Ông Galilê [1] (1633) là khoa học kách mệnh. Ngày xưa, ai cũng tưởng rằng giời tròn đất vuông, nhân kinh nghiệm và trắc đạc, ông ấy mới quyết rằng trái đất tròn và chạy xung quanh mặt trời.

Ông Xtêfenxông [2] (1800) là cơ khí kách mệnh. Ngày xưa chỉ đi bộ và đi xe ngựa kéo, ông ấy mới làm ra xe lửa.

Ông Đácuyn (1859) là sinh vật kách mệnh. Ngày xưa không ai hiểu rõ sự sinh hóa của vạn vật, ông ấy mới nghiên cứu ra vì sao lại có sự sinh hoạt ấy.

---

1. *Galilê* (1564 - 1642): nhà thiên văn học, nhà vật lý học Ý, người đầu tiên dùng ống kính để quan sát các thiên thể, mở đầu cho một thời kỳ mới trong lịch sử thiên văn học. Ông là người sáng lập ra động lực học, đề xướng nguyên lý về quán tính, định luật về các vật thể rơi trong không trung và định luật hợp lực. Do đó ông cũng đã đóng góp một phần lớn lao vào sự phát triển của triết học duy vật. Ông đã đem sự khảo cứu vũ trụ một cách khoa học để đối lập với Thánh kinh, đấu tranh với Giáo hội, với triết học kinh viện, với chủ nghĩa ngu dân...

Năm 1633, Galilê bị đưa ra xét xử trước tòa án của Giáo hội và bị giam cầm đày đọa cho đến chết.

2. *Xtêfenxông* (1781 - 1848): kỹ sư người Anh đã sáng chế ra đầu máy xe lửa. Từ khi có đầu máy xe lửa, giao thông vận tải đã có một bước tiến bộ to lớn, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Ông Kác Mác [1] là kinh tế kách mệnh. Ông ấy nghiên cứu rõ ràng tư bản chủ nghĩa, đế quốc chủ nghĩa, giai cấp tranh đấu, vân vân, ở đâu mà sinh ra, lịch sử nó thế nào, hiện tượng nó thế nào và kết quả nó sẽ ra thế nào.

2. Kách mệnh có mấy thứ?

Ấy là tư tưởng kách mệnh, dân chúng kách mệnh, thì có ba thứ:

A. Tư bản kách mệnh.

B. Dân tộc kách mệnh.

C. Giai cấp kách mệnh.

Tư bản kách mệnh như Pháp kách mệnh năm 1789, [2] Mỹ kách mệnh độc lập năm 1776 [3] (đuổi Anh), Nhật kách mệnh năm 1864. [4]

Dân tộc kách mệnh như Ytali [5] đuổi cường quyền Áo năm 1859,

---

1. *Các Mác* (1818 - 1883): người sáng lập thiên tài của chủ nghĩa Cộng sản khoa học, người thầy vĩ đại và lãnh tụ của giai cấp vô sản thế giới, người cổ vũ và tổ chức của Quốc tế thứ nhất (Hội Liên hiệp quốc tế của những người lao động).

Học thuyết của Mác, như V.I Lênin đã viết, "là sự kế thừa tất yếu những thành quả mà loài người sáng tạo ra trong thế kỷ XIX: triết học Đức, chính trị kinh tế học Anh và chủ nghĩa xã hội Pháp".

2. *Cách mệnh Pháp năm 1789:* cuộc cách mạng tư sản Pháp, tiêu diệt chế độ chuyên chế phong kiến, dọn đường cho chủ nghĩa tư bản ở Pháp và một số nước khác ở châu Âu. Năm 1789, nhân dân Pháp (kể cả giai cấp tư sản), trong đó tuyệt đại đa số là nông dân, đã chống lại nhà vua, phá ngục Bátxti (tượng trưng cho chế độ độc tài phong kiến), lập ra Quốc hội, thảo ra Hiến pháp, xác định cơ sở của chế độ mới.

Cách mệnh nhanh chóng lan rộng ra khắp nước Pháp. Nhưng về sau đại biểu giai cấp tư sản tài chính đã chiếm đa số trong Hội nghị lập hiến và lợi dụng thắng lợi của nhân dân, để giành chính quyền về tay mình.

3. *Cách mệnh Mỹ năm 1776:* cuộc chiến tranh của nhân dân Mỹ (thuộc địa của Anh) chống lại quân đội của vua Anh để giành độc lập, thành lập Hợp chủng quốc châu Mỹ do Gioócgiơ Oasinhtơn tổ chức và lãnh đạo. Trong cuộc cách mạng này, nhân dân Mỹ đã ra bản *Tuyên ngôn Độc lập* vào ngày 4-7-1776, tuyên bố các thuộc địa châu Mỹ tách khỏi nước Anh.

4. *Cách mệnh Nhật năm 1864:* phong trào cách mạng của nông dân, dân nghèo thành thị Nhật chống lại các nước châu Âu (Mỹ, Nga, Anh...) và chống bọn vua chúa và quân phiệt Nhật đã ký kết các Hiệp ước thương mại và bất bình đẳng với nước ngoài.

Phong trào này đã bị bọn vua chúa, quân phiệt được giai cấp tư sản Nhật ủng hộ đàn áp, nhưng nó cũng đã tạo điều kiện cho nước Nhật thoát khỏi sự "bảo hộ" của người Mỹ và người châu Âu, mở đầu cho cuộc cách mạng tư sản ở Nhật.

5. *Ytali đuổi cường quyền Áo năm 1859:* cuộc chiến tranh của Ý chống Áo nổ ra tháng 4-1859. Lúc đầu, cuộc đấu tranh ấy có tính chất cách mạng vì nó tiếp tục mục đích của những người cách mạng Ý trong phong trào 1848 - 1849 là đánh đuổi người Áo ra khỏi miền Bắc nước Ý và thống nhất nước Ý.

Garibanđi, người anh hùng nhân dân Ý, tham gia cuộc chiến tranh này.

Trung Quốc đuổi Mãn Thanh năm 1911. [1]

Giai cấp kách mệnh như công nông Nga đuổi tư bản và giành lấy quyền năm 1917.

3. Vì sao mà sinh ra tư bản kách mệnh?

a) Tư bản ở thành phố là tư bản mới, nó có lò máy và làm ra hàng hóa. Có lò máy thì muốn có nhiều thợ làm công cho nó. Làm ra hàng hóa thì muốn nhiều người mua của nó. Muốn nhiều người mua bán thì muốn giao thông tiện lợi.

b) Tư bản ở hương thôn là địa chủ, nó muốn giữ những chế độ phong kiến thổ địa nhân dân, ở chỗ nào chủ quyền đều là về tay bọn quyền quý ở đấy cả, nó đối với nhân dân nó coi như trâu, như lợn, nó bắt ở yên một chỗ để cày ruộng cho nó, nó đối với người đi buôn thì hàng hóa nó muốn lấy thuế bao nhiêu thì lấy không có chừng độ, tiền bạc mỗi xứ một thứ, đi lại phải xin chúng nó cho phép, nó làm nhiều cách trở ngại cho việc buôn bán mới.

Địa chủ hết sức ngăn trở tư bản mới, tư bản mới hết sức phá địa chủ, hai bên xung đột nhau làm thành ra tư bản kách mệnh.

Không bao giờ hai tụi này chống nhau kịch liệt và rõ ràng dễ thấy bằng bên Mỹ. Năm 1861 đến 1865, mấy tỉnh phía Bắc (tư bản mới) cử binh đánh lại mấy tỉnh phía Nam (điền chủ) như hai nước thù địch vậy.

4. Vì sao mà sinh ra dân tộc kách mệnh?

Một nước cậy có sức mạnh đến cướp một nước yếu, lấy võ lực cai trị nước ấy, và giành hết cả quyền kinh tế và chính trị. Dân nước ấy đã mất cả tự do, độc lập lại làm ra được bao nhiêu thì bị cường quyền nó vơ vét bấy nhiêu.

Nó đã cướp hết sản vật, quyền lợi của dân, rồi khi có giặc giã nó lại bắt dân đi lính chết thay cho nó. Như trong trận Âu chiến 1914- 1918, [2]

---

1. *Trung Quốc đuổi Mãn Thanh năm 1911:* phong trào cách mạng của nông dân, tiểu thương, thợ thủ công và tư sản dân tộc... do Tôn Dật Tiên lãnh đạo chống lại chế độ phong kiến Trung Quốc, chống lại triều đại Mãn Thanh (một triều đại ngoại tộc) và bọn tư bản nước ngoài nô dịch Trung Quốc.

2. *Trận Âu chiến năm 1914 - 1918:* cuộc chiến tranh giữa các nước đế quốc chủ nghĩa châu Âu (Anh - Đức, Nga - Đức, Pháp - Đức và Nga - Áo, Hung) biến thành chiến tranh thế giới lần thứ nhất, một cuộc chiến tranh phi nghĩa, chiến tranh xâm lược do bọn đế quốc gây ra để phân chia lại thế giới và phạm vi ảnh hưởng của các nước đế quốc chủ nghĩa. Cuộc chiến tranh đã lôi kéo vào vòng chiến 33 nước với số dân 1.500 triệu người, 10 triệu người bị chết, 20 triệu người bị thương.

Tây bắt đi lính, sau lại gia thuế gia sưu. Đánh được thì nó hưởng quyền lợi, thua thì mình đã chết người lại hại của.

Nói tóm lại là bọn cường quyền này bắt dân tộc kia làm nô lệ như Pháp với Việt Nam. Đến khi dân nô lệ ấy chịu không nổi nữa, tỉnh ngộ lên, đoàn kết lại, biết rằng thà chết được tự do hơn sống làm nô lệ, đồng tâm hiệp lực đánh đuổi bọn áp bức mình đi, ấy là dân tộc kách mệnh.

5. Vì sao mà sinh ra giai cấp kách mệnh?

Trong thế giới có hai giai cấp:

a) Tư bản (không làm mà hưởng lợi).

b) Công và nông (làm khó nhọc mà chẳng được hưởng).

Như người thợ Việt Nam làm ở mỏ than Hòn Gai một ngày làm 11 giờ, đầu năm làm đến cuối, mỗi ngày chỉ được 3 hào, ăn chẳng đủ ăn, mặc không có mặc, đau không có thuốc, chết không có hòm.

Còn anh chủ mỏ ấy không bao giờ nhúng tay đến việc gì, mà nó ăn sung mặc sướng, lên ngựa xuống xe, mỗi năm lại được mấy mươi triệu đồng lời (năm 1925 nó được 17.000.000 đồng). Thử hỏi 17 triệu đồng ấy thằng chủ Tây làm ra hay là công nhân Việt Nam làm ra?

Dân cày ta ruộng không có mà cày, mà tụi đồn điền Tây nó chiếm hết 122.000 mẫu ruộng tốt ở Trung Kỳ, 150.000 mẫu ở Nam Kỳ.

Dân ta nơi thì không đủ ăn, nơi thì chết đói, mà điền chủ mỗi năm nó bán gạo gần 1.000 triệu quan tiền Tây (năm 1925 nó bán 911.477.000 quan).

Nước ta như vậy, các nước cũng như vậy, công nông không chịu nổi, đoàn kết nhau đánh đuổi tư bản đi, như bên Nga, ấy là giai cấp kách mệnh. Nói tóm lại là giai cấp bị áp bức kách mệnh để đạp đổ giai cấp đi áp bức mình.

6. Kách mệnh chia làm mấy thứ?

Kách mệnh chia ra hai thứ:

a) Như Việt Nam đuổi Pháp, Ấn Độ đuổi Anh, Cao Ly [1] đuổi Nhật, Philíppin đuổi Mỹ, Trung Quốc đuổi các đế quốc chủ nghĩa để giành lấy quyền tự do bình đẳng của dân tộc nước mình – ấy là dân tộc kách mệnh.

---

1. *Cao Ly:* tức là Triều Tiên.

b) Tất cả dân cày, người thợ trong thế giới bất kỳ nước nào, nơi nào đều liên hợp nhau lại như anh em một nhà, để đạp đổ tất cả tư bản trong thế giới, làm cho nước nào, dân nào cũng được hạnh phúc, làm cho thiên hạ đại đồng – ấy là thế giới kách mệnh.

Hai thứ kách mệnh đó tuy có khác nhau vì dân tộc kách mệnh thì chưa phân giai cấp, nghĩa là sĩ nông công thương đều nhất trí chống lại cường quyền. Còn thế giới kách mệnh thì vô sản giai cấp (dân cày và người thợ) đứng đầu đi trước. Nhưng hai kách mệnh ấy vẫn có quan hệ với nhau. Thí dụ Việt Nam dân tộc kách mệnh thành công thì tư bản Pháp yếu, tư bản Pháp yếu thì công nông Pháp làm giai cấp kách mệnh cũng dễ, và nếu công nông Pháp làm kách mệnh thành công thì dân tộc Việt Nam sẽ được tự do.

Vậy nên kách mệnh Việt Nam với kách mệnh Pháp phải liên lạc với nhau.

7. Ai là những người kách mệnh?

Vì bị áp bức mà sinh ra kách mệnh, cho nên ai mà bị áp bức càng nặng thì lòng kách mệnh càng bền, chí kách mệnh càng quyết. Khi trước tư bản bị phong kiến áp bức cho nên nó kách mệnh. Bây giờ tư bản lại đi áp bức công nông, cho nên công nông là người chủ kách mệnh.

a) Là vì công nông bị áp bức nặng hơn, b) là vì công nông là đông nhất cho nên sức mạnh hơn hết, c) là vì công nông tay không chân rồi, nếu thua thì chỉ mất một cái kiếp khổ, nếu được thì được cả thế giới, cho nên họ gan góc. Vì những cớ ấy, nên công nông là gốc kách mệnh, còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ, cũng bị tư bản áp bức, song không cực khổ bằng công nông, ba hạng ấy chỉ là bầu bạn kách mệnh của công nông thôi.

8. Kách mệnh khó hay là dễ?

Sửa cái xã hội cũ đã mấy ngàn năm làm xã hội mới, ấy là rất khó; nhưng biết cách làm, biết đồng tâm hiệp lực mà làm thì chắc làm được, thế thì không khó. Khó dễ cũng tại mình, mình quyết chí làm thì làm được. Nhưng muốn làm kách mệnh thì phải biết:

a) Tụi tư bản và đế quốc chủ nghĩa nó lấy tôn giáo và văn hóa làm cho dân ngu, lấy pháp luật buộc dân lại, lấy sức mạnh làm cho dân sợ, lấy phú quý làm cho dân tham. Nó làm cho dân nghe đến hai chữ kách mệnh thì sợ rùng mình.

Vậy kách mệnh trước phải làm cho dân giác ngộ.

b) Dân khổ quá hay làm bạo động, như dân Việt Nam ở Trung Kỳ kháng thuế, Hà Thành đầu độc, Nam Kỳ phá khám, không có chủ nghĩa, không có kế hoạch đến nỗi thất bại mãi.

Vậy kách mệnh phải giảng lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu.

c) Dân vì không hiểu tình thế trong thế giới, không biết so sánh, không có mưu chước, chưa nên làm đã làm, khi nên làm lại không làm.

Kách mệnh phải hiểu phong triều thế giới, phải bày sách lược cho dân.

d) Dân thường chia rẽ phái này bọn kia, như dân ta người Nam thì nghi người Trung, người Trung thì khinh người Bắc, nên nỗi yếu sức đi, như đũa mỗi chiếc mỗi nơi.

Vậy nên sức kách mệnh phải tập trung, muốn tập trung phải có Đảng kách mệnh.

9. Kách mệnh trước hết phải có cái gì?

Trước hết phải có Đảng kách mệnh để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững, kách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững, thuyền mới chạy. Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam.

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, kách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin.

LỊCH SỬ KÁCH MỆNH MỸ

1. Lịch sử Mỹ thế nào?

Thế kỷ XIV về trước, chưa ai biết Mỹ ở đâu. Đến năm 1492 người buôn tên là Crítxtôphơ Côlông (Christophe Colomb) đi tàu buôn muốn qua Ấn Độ nhưng đi lạc đường, may lại gặp châu Mỹ, dân xứ ấy là người da đỏ chỉ đi săn bắn, không biết buôn bán và làm nghề.

Từ lúc Côlông tìm ra châu Mỹ thì người các nước bên Âu tràn qua

đấy làm ăn. Người da trắng muốn bắt người da đỏ làm nô lệ nhưng họ không chịu làm, thì chúng giết mòn giết mỏi người da đỏ đi, rồi bắt người da đen bên Phi qua làm cho chúng nó.

Người Âu qua Mỹ thì nước nào cũng có, nhưng đông nhất là người Anh (3.000.000 người), vì vậy Anh giành Mỹ làm thuộc địa.

2. Vì sao mà Mỹ làm kách mệnh?

Thổ sản Mỹ rất giàu, đồng, sắt, than, bông, lúa, trâu, bò, v.v..., vật gì cũng nhiều. Anh thì tham muốn hốt về cho mình cả, cho nên đặt ra ba phép như sau này:

a) Có bao nhiêu thổ sản, Mỹ phải cung cấp cho Anh hết, không được bán cho các nước khác.

b) Dân Mỹ không được lập ra lò máy và hội buôn bán.

c) Các nước không được vào buôn bán với Mỹ, chỉ Anh được buôn bán mà thôi.

Vì ba điều ấy lại thêm thuế má nặng nề làm cho kinh tế Mỹ rất khốn đốn, nên từ năm 1770, dân Mỹ tức mình "tẩy chay" Anh.

3. Phong triều ấy kết quả ra thế nào?

Phong triều "tẩy chay" giấc dai đến 5 năm. Anh đem lính qua dẹp và bắt những người cầm đầu làm tội. Mỗi lần bắt một người cầm đầu thì dân càng tức giận thêm. Đến năm 1775, khi lính Anh bắt mấy người cầm đầu nữa, dân kéo nhau ra cứu, lại bị lính Anh giết chết 9 người. Việc này như lửa rơi vào thuốc súng, dân tức quá thì nổ, sống chết cũng quyết đuổi được Chính phủ Anh mới thôi.

Cách một năm sau, đến ngày 4-7-1776, thì kách mệnh được, và Mỹ tuyên bố độc lập; và nước Mỹ thành ra nước Cộng hòa. Bây giờ Mỹ có 48 tỉnh và 110.000.000 dân.

4. Ý nghĩa kách mệnh Mỹ đối với kách mệnh Việt Nam thế nào?

1. Chính sách Pháp đối với Việt Nam bây giờ xấu hơn Anh đối với Mỹ trước, vì Pháp đã vơ vét của cải dân ta, đã ngăn cấm dân ta làm việc này việc khác, nó lại bắt dân ta hút thuốc phiện và uống rượu. Anh chỉ ham tiền Mỹ, Pháp đã ham tiền lại muốn làm mất nòi mất giống Việt Nam đi. Thế mà dân Việt Nam còn chưa học Mỹ mà làm kách mệnh!

2. Trong lời Tuyên ngôn của Mỹ có câu rằng: "Người ta sinh ra ai

cũng có quyền tự do, quyền giữ tính mệnh của mình, quyền làm ăn cho sung sướng... Hễ Chính phủ nào là có hại cho dân chúng, thì dân chúng phải đạp đổ Chính phủ ấy đi, và gây nên Chính phủ khác..."

Nhưng bây giờ Chính phủ Mỹ lại không muốn cho ai nói đến kách mệnh, ai đụng đến Chính phủ.

3. Mỹ tuy rằng kách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính đến kách mệnh lần thứ hai.

Ấy là vì kách mệnh Mỹ là kách mệnh tư bản, mà kách mệnh tư bản là chưa phải kách mệnh đến nơi.

Chúng ta đã hy sinh làm kách mệnh, thì nên làm cho đến nơi nghĩa là làm sao kách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người, thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc.

LỊCH SỬ KÁCH MỆNH PHÁP

1. Vì sao Pháp có phong triều kách mệnh?

Hồi thế kỷ XVIII, vua thì kiêu xa dâm dật, quý tộc và bọn cố đạo thì hoành hành, thuế nặng, dịch phiền, dân tình khốn khổ.

Phần thì Canađa và Ấn Độ, nguyên là thuộc địa Pháp nay bị Anh vơ mất.

Phần thì những người học thức như ông Môngtétxkiơ [1] (1755), Vônte [2] và Rútxô [3] (1778) tuyên truyền chủ nghĩa tự do, bình đẳng.

Phần thì phong triều kách mệnh Anh (ông Kromven chém vua

---

1. *Môngtétxkiơ* (1689 - 1755): nhà văn Pháp, đại biểu tư tưởng của những khuynh hướng chính trị của giai cấp tư sản Pháp giữa thế kỷ XVIII.

2. *Frăngxoa Mari Aruê đơ Vonte* (1694 - 1778): nhà văn và nhà triết học trứ danh Pháp thế kỷ XVIII, một trong những nhà tư tưởng đã phê phán sâu sắc giáo hội và chế độ phong kiến, bảo đảm sự chuẩn bị tư tưởng cho Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỷ XVIII.

3. *Giăng Giăccơ Rútxô* (1712 - 1778): nhà văn và nhà triết học Pháp nổi tiếng hồi thế kỷ XVIII, nhà dân chủ, nhà tư tưởng tiểu tư sản, một trong những người đề xướng tư tưởng của đảng Giacôbanh. Trên quan điểm triết học, ông là người theo tự nhiên thần luận.

Anh và lập Cộng hòa Chính phủ năm 1653) còn mới và phong triều dân chủ Mỹ (1776) vừa qua.

Nhất là vì tư bản mới bị phong kiến ngăn trở, dân thì bị vua, quý tộc và cố đạo áp bức. Vậy nên tư bản mới liên hiệp với học trò, dân cày với người thợ để phá phong kiến.

2. Kách mệnh Pháp khởi tự bao giờ?

Vua thấy dân chộn rộn, thì bắt bớ những người tuyên truyền và tổ chức. Dân thấy vậy thì tức quá đến ngày 14-7-1789 kéo nhau đến phá khám lớn (Bátxti). Vua đem lính về giữ kinh đô, dân lại tổ chức kách mệnh đội để phòng chống lại. Vua lui ra ở tại tỉnh Vécxây.

Ngày 5-10 năm ấy, thợ thuyền, đàn bà con gái Pari kéo nhau đến Vécxây bắt vua về khai hội và ký tờ tuyên ngôn: một là bỏ chế độ phong kiến, giải phóng nông nô; hai là đem của các nhà thờ đạo làm của Nhà nước; ba là cho dân tự do làm báo, tổ chức, v.v...; bốn là lập Hiến pháp, nghĩa là vua không được chuyên quyền.

Năm 1792, vì vua cầu cứu với ngoại quốc và thông với bọn phản kách mệnh, dân mới bỏ vua mà lập ra Cộng hòa.

Năm 1793, ngày 21-1 làm án vua và vợ vua là phản quốc tặc rồi đem ra chém.

3. Các nước Âu châu đối với kách mệnh Pháp như thế nào?

Dân các nước thì đều mừng thầm và tán thành. Nhưng vua và quý tộc các nước thì sợ dân mình bắt chước dân Pháp, cho nên bên ngoài chúng nó liên minh đánh kách mệnh mà bên trong thì giúp cho tụi phản kách mệnh.

Dân Pháp tuy lương thực ít, súng ống thiếu, nhưng chỉ nhờ gan kách mệnh, mà trong dẹp nổi loạn, ngoài phá cường quyền. Hồi ấy lính kách mệnh gọi là "lính không quần", người không có nón, kẻ không có giày, áo rách quần tua, mặt gầy bụng đói. Thế mà lính ấy đến đâu, thì lính ngoại quốc thua đấy, vì họ gan liều hy sinh quá, không ai chống nổi.

Thế thì biết: một người kách mệnh có gan, hơn một ngàn người vô chí.

4. Pháp kách mệnh đến mấy lần?

Năm 1792 đến năm 1804, Cộng hòa lần thứ I. Năm 1804, Napôlêông phản kách mệnh lên làm Hoàng đế.

Năm 1814, các nước đánh Napôlêông thua rồi đem dòng vua cũ lên ngôi đến năm 1848.

Năm 1848 lại kách mệnh lần thứ hai.

Năm 1852, cháu Napôlêông lại phản kách mệnh lên làm vua.

Năm 1879, nhân thua Đức, Napôlêông III bỏ chạy, Pháp lại lập lên Cộng hòa lần thứ ba.

5. Pari Kông xã (Commune de Paris) là gì?

Năm 1871, vua Pháp thua chạy rồi. Lính Đức tới bao vây kinh đô Pháp là Pari. Tư bản Pháp cắt hai tỉnh cúng cho Đức để cầu hòa. Vì giặc giã mà chết nhiều người, hại nhiều của. Dân không bánh ăn, thợ không công việc làm. Ngày 18-3, thợ thuyền Pari nổi lên làm kách mệnh cộng sản (kông xã).

Vì thợ thuyền còn non nớt, tổ chức không khéo, vả lại Đức giúp cho tư bản Pháp đánh lại thợ thuyền, nên cuối tháng 5 thì kách mệnh thất bại.

6. Mục đích Kông xã ấy thế nào?

Khi vừa lấy được Pari rồi thì kông xã lập lên Chính phủ của dân và tuyên bố rằng kông xã sẽ thực hành những việc này:

a) Bao nhiêu cơ quan sinh sản riêng đều đem làm của công.

b) Tất cả trẻ con trong nước bất kỳ con trai con gái, đều phải đi học, học phí Nhà nước phải cho.

c) Dân có quyền tự do tổ chức, làm báo, khai hội, xuất dương, v.v...

d) Bất kỳ đàn ông, đàn bà, ai cũng được quyền chính trị tuyển cử và ứng cử.

e) Chính phủ tự dân cử lên, và dân có quyền thay đổi Chính phủ.

7. Kết quả Kông xã ra thế nào?

Tư bản Pháp khi ấy như nhà cháy hai bên, bên thì Đức bắt chịu đầu hàng, bên thì kách mệnh nổi trước mắt. Tư bản Pháp thà chịu nhục với Đức chứ không chịu hòa với kách mệnh. Đức thấy kách mệnh cũng sợ, cho nên hết lòng giúp tư bản Pháp đánh lại kách mệnh. Lúc Pháp vừa hàng, thì Đức bắt bỏ hết lính, chỉ cho 40.000 culít mà thôi. Khi kách mệnh nổi lên, Đức lại cho phép tư bản Pháp thêm lên 100.000 lính để dẹp kách mệnh.

Xem vậy thì hiểu rằng: "Tư bản không có tổ quốc".

Dẹp được kách mệnh rồi thì tư bản ra sức báo thù. Nó giết hết 30.000 người, cả đàn ông, đàn bà, người già, trẻ con. Nó đày 28.000 người. Nó bắt giam 650 đứa trẻ con, 850 người đàn bà, 37.000 người đàn ông.

8. Kách mệnh Pháp đối với kách mệnh Việt Nam thế nào?

a) Trong ba lần kách mệnh 1789, 1848, 1870 đều vì dân can đảm nhiều, nhưng trí thức ít cho nên để tư bản nó lợi dụng...

b) Pari kông xã vì tổ chức không khéo và vì không liên lạc với dân cày, đến nỗi thất bại.

c) Tư bản nó dùng chữ tự do, bình đẳng, đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến. Khi dân đánh đổ phong kiến rồi thì nó lại thay phong kiến mà áp bức dân.

d) Kách mệnh Pháp cũng như kách mệnh Mỹ, nghĩa là kách mệnh tư bản kách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục [1] công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Kách mệnh đã bốn lần rồi, mà nay công nông Pháp hẵn còn phải mưu kách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức. Kách mệnh Việt Nam nên nhớ những điều này.

9. Kách mệnh Pháp làm gương cho chúng ta về những việc gì?

Kách mệnh Pháp dạy cho chúng ta:

a) Dân chúng công nông là gốc kách mệnh, tư bản là hoạt đầu, khi nó không lợi dụng được dân chúng nữa, thì nó phản kách mệnh.

b) Kách mệnh thì phải có tổ chức rất vững bền mới thành công.

c) Đàn bà trẻ con cũng giúp làm việc kách mệnh được nhiều.

d) Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại nổi.

e) Kách mệnh Pháp hy sinh rất nhiều người mà không sợ, ta muốn làm kách mệnh thì cũng không nên sợ phải hy sinh.

---

1. Tước lục: bóc lột và tàn sát.



Tượng Các Mác do đồng chí Nguyễn Ái Quốc tạc trên nhũ đá trong hang Cốc Bó.
Ảnh: Trần Cừ.

LỊCH SỬ KÁCH MỆNH NGA

1. Nguyên do kách mệnh Nga từ đâu ra?

Nga là một nước rất rộng, nửa nằm về châu Á, nửa nằm về châu Âu, dân Nga hơn 90 phần là dân cày, không đầy 10 phần là thợ thuyền. Khi trước, theo chế độ nông nô, nghĩa là bao nhiêu đất ruộng và dân cày đều ở dưới quyền địa chủ. Địa chủ xem nông nô như súc vật, nó cho sống được sống, nó bắt chết phải chết, khi nó cần tiền thì nó đem nông nô đi bán như bán trâu bán bò. Nông dân không được bỏ xứ này qua xứ khác.

Chừng nửa thế kỷ XIX, tư bản mới hơi phát đạt, nó vừa mở lò máy, nó cần người làm công, nó mới vận động bỏ chế độ nông nô để cho dân cày tới làm với nó, đến năm 1861, chế độ nông nô mới bỏ.

Tư bản mới và địa chủ từ đấy mới sinh hiềm khích to, mà phong triều kách mệnh công nông cũng từ đấy mọc ra.

2. Nông nô được giải phóng rồi thì làm gì?

Được giải phóng rồi, người thì ra thành phố làm công, người thì ở lại làm ruộng.

Đi làm công thì tiền công ít, giờ làm nhiều, phải làm nô lệ cho tư bản, ở lại cày thì đất ruộng ít, trâu bò thiếu, phải chịu luồn tụi phú gia. Dân tiếng tự do tuy được, kỳ thực cứ kiếp nô lệ: người thợ thì cực khổ, dân cày cũng chẳng sướng hơn.

Những người có lòng kách mệnh thì lập ra đảng để liên hiệp dân cày lại, nhưng mà không chú ý đến thợ thuyền.

Năm 1875 mới có đảng kách mệnh gọi là "Công nhân giải phóng". Năm 1878 lại có một đảng mới gọi là "Công đảng".

Nhưng hai đảng ấy người ít sức hèn, lại bị Chính phủ bắt bớ nhiều sau hóa ra đảng kịch liệt chỉ lo đi ám sát vua và các quan.

3. Kết quả hai đảng ấy ra thế nào?

Ám sát là làm liều, và kết quả ít, vì giết thằng này còn thằng khác, giết sao cho hết? Kách mệnh thì phải đoàn kết dân chúng bị áp bức để đánh đổ cả cái giai cấp áp bức mình, chứ không phải chỉ nhờ 5, 7 người giết 2, 3 anh vua, 9, 10 anh quan mà được. Hai đảng ấy tuy

hy sinh rất nhiều người, làm được nhiều sự ám sát oanh liệt, nhưng vì đi sai đường kách mệnh, không có sức dân chúng làm nền cho nên bị Chính phủ trị mãi đến nỗi tan.

Năm 1883, ông Plêkhanốp[1] lập lên Đảng "Lao động tự do". Đảng này tổ chức theo cách ông Mã Khắc Tư (Kác Mác) dạy, nghĩa là liên hiệp cả dân cày và thợ thuyền, làm cả kinh tế và chính trị kách mệnh.

4. Đảng này làm việc kách mệnh thế nào?

Đảng này lấy thợ thuyền làm cốt kách mệnh, và dân cày phụ vào.

Làm việc rất bí mật.

Ở Nga, mã tà mật thám nhiều quá, nên cơ quan Đảng phải lập ở ngoại quốc (Luân Đôn).

Năm 1894, ông Lênin vào Đảng.

Năm 1898, Đảng khai hội một lần trong nước, chẳng may Chính phủ dò ra, bắt hết nhiều đảng viên. Tuy đảng viên bị bắt, nhưng lời Tuyên ngôn của Đảng đã truyền khắp cả nước, cho nên phong triều kách mệnh càng ngày càng cao. Những người chưa bị bắt thì hết sức bí mật tuyên truyền và tổ chức.

Ít lâu đổi tên là "Xã hội dân chủ Đảng" sau lại đổi tên ra "Cộng sản đảng".

Năm 1904 - 1905, Nga với Nhật đánh nhau, nhân lúc dân tình xục rục, Đảng ra sức vận động kách mệnh.

5. Sao biết dân tình xục rục mà vận động?

A) Trước khi đánh Nhật, vua phỉnh tư sản xuất tiền, lừa họ rằng đánh được thì kinh tế sẽ phát đạt và tư bản sẽ được lời to. Sau đánh thua, thì tư bản mất tiền mà chẳng được gì, cho nên oán vua.

B) Thợ thuyền ghét vua đã sẵn, nay vì đánh thua lại bị áp bức thêm, lại thêm ghét vua.

C) Dân cày ghét vua xưa nay, bây giờ đi lính chết chóc nhiều, vả

---

1. *Plêkhanốp G.V.* (1856 - 1918): nhà hoạt động của phong trào xã hội chủ nghĩa Nga và quốc tế, nhà lý luận và truyền bá chủ nghĩa Mác. Lênin đánh giá cao nhiều tác phẩm của ông. Do sự xa rời phong trào công nhân, năm 1903, ông dần ngả sang phe hữu, chuyển sang lập trường mensêvích. Sau Cách mạng Tháng Hai năm 1917, ông trở về Nga, giữ nguyên lập trường mensêvích ủng hộ Chính phủ lâm thời và phê phán Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga. Nhưng ông từ chối không tham gia vào việc chống chính quyền Xô viết.

lại thuế má nặng thêm, lòng ghét vua cũng càng ngày càng to.

Ba hạng ấy mục đích tuy khác nhau, nhưng lòng ghét vua thì như nhau, Đảng biết vậy thì vận động kách mệnh đuổi vua.

6. Lúc bấy giờ vua xử trí thế nào?

Vua biết thợ thuyền là hăng hái kách mệnh nhất, thì đặt cách làm cho tư bản, dân cày và thợ thuyền rời nhau. Nó xúi một người cố đạo ra tổ chức công hội: một là để lung lạc thợ thuyền, hai là để dò ai hăng hái thì bắt.

Ngày 9-1-1905, anh cố đạo ấy (tên là Gapông) đem thợ thuyền đến chỗ vua ở thỉnh nguyện. Vì anh ta quen báo trước và vì vua thấy đông người thì sợ bạo động nên sai lính ra dẹp, bắn chết mất nhiều người. Gapông bỏ chạy ra ngoại quốc. Thợ thuyền các tỉnh nghe tin ấy thì bãi công và bạo động lập ra Công nhân hội nghị.

Kách mệnh chống nhau với vua và Chính phủ từ tháng 1 đến tháng 10. Vua một đường thì dùng lính dẹp kách mệnh, một đường thì đã tuyên bố lập ra Nghị viện cho đại biểu dân bàn việc nước.

7. Vì sao Kách mệnh 1905 bị thua?

a. Vì khi đầu tư bản muốn lợi dụng thợ thuyền đạp đổ vua; sau nó thấy thợ thuyền hăng hái quá, nó sợ đạp vua rồi lại đạp cả nó, cho nên nó phản thợ thuyền và giúp cho vua.

b. Vì thợ thuyền với dân cày không nhất trí, khi thợ thuyền nổi lên thì dân cày không theo ngay. Thợ thuyền thua rồi dân cày mới nổi lên, để cho vua nó trị thợ thuyền rồi nó trở qua trị dân cày.

c. Thợ thuyền chưa có kinh nghiệm nhiều, và tổ chức chưa hoàn toàn.

d. Chưa vận động lính, và súng ống khí giới của dân ít quá.

8. Kách mệnh 1905 thất bại, thợ thuyền và Đảng có ngã lòng không?

Không. Trải qua lần thất bại ấy, Đảng nghiên cứu lại, phê bình lại, sai lầm ở đâu, vì sao mà thất bại? Biết rõ ràng những chỗ khuyết điểm mà sửa sang lại. Cũng như rèn một con dao, thử cắt mới biết chỗ nào sắc chỗ nào cùn; sau cứ theo chỗ cùn mà mài con dao mới tốt.

Nhờ chuyến thất bại 1905, thợ thuyền mới hiểu rằng: một là phải tổ chức vững vàng, hai là phải liên lạc với dân cày, ba là phải vận động lính, bốn là không tin được tụi đề huề, năm là biết tư bản và vua cũng là một tụi, muốn đuổi thì phải đuổi cả tư bản.

Kách mệnh 1905 thất bại làm gương cho Kách mệnh 1917 thành công.

9. Lịch sử Kách mệnh 1917 thế nào?

Kách mệnh 1917 có mấy cớ sau này:

a. Khi Âu chiến, đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp lợi dụng vua Nga đánh lại Đức. Nhưng vua Nga lôi thôi, tiêu hết nhiều tiền, chết hết nhiều lính, tất bị Đức đánh thua mãi. Các đế quốc chủ nghĩa ấy giận và giúp đỡ cho tư bản đẩy vua đi.

b. Tư bản giận vua chỉ tin dùng bọn quý tộc cầm binh quyền, bọn quý tộc lại vô tài, đánh đâu thua đó. Vả tư bản bên Nga phần nhiều là chung với tư bản Anh và Pháp. Nếu Nga thua Đức thì chẳng những tư bản Nga mà tư bản Anh và Pháp cũng nguy, và nếu cứ để vua thì chắc thua. Vậy nên tư bản cũng muốn đẩy vua.

c. Thợ thuyền và dân cày đối với vua như đối với thù địch đã đành.

d. Bọn hoạt đầu nhân cơ hội ấy thì lợi dụng hai bọn này đuổi vua cho tư bản Nga và đế quốc chủ nghĩa Anh và Pháp. Tư bản và đế quốc chủ nghĩa lại lợi dụng bọn hoạt đầu.

10. Bọn hoạt đầu làm thế nào?

Nhân dịp lính chết nhiều, dân gian đói khổ, thợ thuyền thất nghiệp, Chính phủ lôi thôi, bọn hoạt đầu xúi dân rằng bây giờ kách mệnh đuổi vua đi thì ruộng đất sẽ về dân cày, công xưởng sẽ về người thợ, nhân dân sẽ được quyền Chính phủ, chiến tranh sẽ hóa ra hòa bình.

Chẳng ngờ lúc tháng 2 đuổi vua đi rồi, tụi hoạt đầu và tụi tư bản lên cầm chính quyền, bao nhiêu lời nguyện ước chúng nó quên hết. Chúng nó cứ bắt lính đi đánh, ruộng đất cứ ở tay địa chủ, lò máy cứ ở tay nhà giàu, công nông cũng không được dự vào Chính phủ.

11. Sao Đảng Cộng sản không ra tay làm?

Khi kách mệnh đuổi vua, Đảng Cộng sản vẫn đứng đầu dân chúng. Nhưng lúc ấy đảng viên hẵng còn ít và hoàn cảnh chưa đến, nên chưa giựt lấy chính quyền.

Kách mệnh xong lúc tháng 2, từ tháng 2 đến tháng 4 dân nhiều người còn tưởng rằng Chính phủ mới chưa kịp thi hành những việc lợi dân vì chưa có thì giờ.

Đến tháng 4 thì ông Lênin và nhiều đồng chí ở ngoại quốc về. Từ tháng 4 đến tháng 11, Chính phủ mới thì mỗi ngày mỗi lộ mặt phản kách mệnh ra. Còn đảng viên Cộng sản thì đi tuyên truyền cho dân rằng: "Đấy các anh xem đấy, tụi hoạt đầu là đầy tớ của tư bản và

để quốc chủ nghĩa, chúng nó chẳng hơn gì vua..." làm cho ai cũng oán Chính phủ mới. Phần thì luồn vào nông, công, binh tổ chức bí mật để thực hành cộng sản kách mệnh.

12. Cộng sản kách mệnh thành công bao giờ?

Cuối tháng 10, đâu cũng có tổ chức cả rồi, ai cũng muốn cử sự. Nhưng ông Lênin bảo: "Khoan đã, chờ ít bữa nữa cho ai ai cũng phản đối Chính phủ lúc ấy sẽ cử sự". Đến ngày 5-11, Chính phủ khai hội để ban bố pháp luật mới, mà pháp luật ấy thì lợi cho tư bản mà lại hại cho công nông. Ông Lênin nói với đảng viên rằng: "Mồng 6 cử sự thì sớm quá vì dân chưa biết hết luật lệ xấu ấy, mà chưa biết luật lệ ấy thì chưa ghét Chính phủ lắm. Mồng 8 cử sự thì muộn quá vì khi ấy thì Chính phủ đã biết rằng dân oán và đã phòng bị nghiêm ngặt rồi!"

Quả nhiên ngày mồng 7, Đảng Cộng sản hạ lệnh kách mệnh, thì thợ thuyền ào đến vây Chính phủ, dân cày ào đến đuổi địa chủ. Chính phủ phái lính ra dẹp thì lính ùa theo thợ thuyền mà trở lại đánh Chính phủ.

Từ bữa ấy, Chính phủ hoạt đầu bỏ chạy, Đảng Cộng sản cầm quyền tổ chức ra Chính phủ công nông binh, phát đất ruộng cho dân cày, giao công xưởng cho thợ thuyền, không bắt dân đi chết cho tư bản và đế quốc chủ nghĩa nữa, ra sức tổ chức kinh tế mới để thực hành chủ nghĩa thế giới đại đồng.

13. Kách mệnh Nga đối với Kách mệnh Việt Nam thế nào?

Trong thế giới bây giờ chỉ có kách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên Việt Nam. Kách mệnh Nga đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi lại ra sức cho công nông các nước và dân bị áp bức các thuộc địa làm kách mệnh để đạp đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới.

Kách mệnh Nga dạy cho chúng ta rằng muốn kách mệnh thành công thì phải dân chúng (công nông) làm gốc, lại có Đảng vững bền, phải bền gan, phải hy sinh, phải thống nhất.

Nói tóm lại, là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin.

...

Bị áp bức dân tộc, Liên hiệp hội xuất bản, 1927.

BÀI CA TRẦN HƯNG ĐẠO
(Trích)

TIỂU DẪN.– Ở Sa Côn (Thái Lan), đồng chí Nguyễn Ái Quốc được kiều bào ta quen gọi là Thầu Chín (*Thầu*, tiếng Lào, để gọi người nhiều tuổi và biểu thị sự tôn kính). Trong hồi ký của đồng chí Lê Mạnh Trinh *Những ngày ở Quảng Châu và ở Xiêm (Bác Hồ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960) có ghi rõ: "Ở đây, Thầu Chín chú ý việc giáo dục cho cán bộ về công tác quần chúng... Thấy kiều bào hay lễ Đức thánh Trần, Thầu Chín viết ra *Bài ca Trần Hưng Đạo... Bài ca Trần Hưng Đạo* được truyền bá một cách mau chóng và thần diệu. Chỉ một thời gian không lâu, Đức thánh Trần đã trở lại là người anh hùng cứu quốc. Những "đệ tử của Ngài" (tức là những người mê tín đã không cần hiểu ý nghĩa thực của sự nghiệp Trần Hưng Đạo, mà đã thờ người anh hùng dân tộc như một vị thần của đạo giáo để trừ tà, chữa bệnh), cũng dần dần giác ngộ, làm hội viên của Hội Thân ái". Đoạn thơ trích dưới đây được rút ra từ bài hồi ký của đồng chí Lê Mạnh Trinh nói trên.

... Diên Hồng thề trước thánh minh,
Lòng dân đã quyết hy sinh rành rành.
Nếu ai muốn đến giành đất Việt,
Đưa dân ta ra giết sạch trơn.
Một người Việt hãy đương còn,
Thì non sông Việt vẫn non sông nhà...

Khoảng 1928

Bác Hồ, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1960, tr. 103.

CÔ VƯỢNG KHUYÊN CHỒNG

TIỂU DẪN.– Theo cụ Nguyễn Tài, nguyên Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ, cho biết: bài thơ *Cô Vượng khuyên chồng* dưới đây đã đăng trên báo *Thân ái*, một tờ báo của Hội Thân ái, do Việt kiều xuất bản ở Xiêm (Thái Lan) từ năm 1927. Bài thơ này do đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng tác trong thời gian Người sống trên đất Thái Lan từ mùa thu năm 1928. Chuyện nói trong thơ là chuyện thật, Người nghe kể lại, rồi làm thơ nêu gương lên mặt báo.

Hợp tác nề có anh thợ Vượng,
Tay nghề hay, tính bướng cũng hay.
Những khi hội họp hằng ngày,
Nay thì nói đổng, mai rày đòi ra.
Chị hết lòng thiết tha khuyên bảo,
Không nghe còn táo bạo hành hung.
Rằng em chẳng phải nói nhăng,
Rằng em chỉ muốn anh bằng người ta.
Chị kiên nhẫn bảy ba kiên nhẫn,
Làm cho anh đổi giận sang hiền.
Anh nghe lời vợ anh khuyên,
Hội giao công việc anh chuyên cần làm.
Làm đứng đắn không tham lợi vật,
Nói như làm thẳng thắn phân minh.
Một người tính dữ hóa lành,
Cả Hội hợp tác khen anh vô cùng.
Chuyện cô Vượng khuyên chồng kết quả,
Chị em đều hỉ hả mừng vui.
Đăng lên mặt báo cùng coi,
Để rồi học tập, để rồi làm gương.

Xiêm, 1928

Tư liệu của Lê Khánh Soa.

THƠ ĐỀ MIẾU VIÊN TƯỚNG HỌ TỐNG

TIỂU DẪN.– Trong cuốn *Cuộc vận động cứu quốc của Việt kiều ở Thái Lan* (Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1961, tr. 65), đồng chí Lê Mạnh Trinh cho biết: năm 1929, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã đề trước miếu một viên tướng họ Tống trong thời kỳ "Ngũ hồ" ở Trung Quốc hai câu thơ chữ Hán: "Tất cánh nhân dân chung tự chủ, Nguỵ Hồ hà tất cán tang thương".

Nguỵ Hồ là một triều đại ngoại tộc xâm lược Trung Quốc và thống trị miền Bắc Trung Quốc còn gọi là nhà Bắc Nguỵ. Hồ là danh từ chung để chỉ những bộ tộc ở phía Bắc Trung Quốc. Viên tướng họ Tống ở đây chắc là tướng của nhà Nguỵ Hồ. Hai câu thơ này có ý chê những bọn mưu bá đồ vương trong lịch sử, tất cả mọi sự nghiệp gọi là anh hùng của chúng chẳng qua chỉ để mà tranh quyền đoạt lợi giữa chúng với nhau, để thống trị nhân dân Trung Quốc. Tác giả có ngụ ý rằng, rút cục chúng cũng bị tiêu diệt hết, và nhân dân Trung Quốc sẽ làm chủ.

Đầu đề đoạn thơ này là do chúng tôi tạm đặt.

畢竟人民終自主
僞胡何必幹桑滄

Phiên âm:

Tất cánh nhân dân chung tự chủ,
Nguỵ Hồ hà tất cán tang thương.

Dịch nghĩa:

Cuối cùng rồi cũng đến nhân dân làm chủ bản thân mình,
Hà tất Ngụy Hồ gây ra chuyện tang thương làm gì. [1]

Dịch thơ:

Cuối cùng rồi cũng dân làm chủ,
Bắc Ngụy bày chi cuộc đổi thay.

VỀ VỞ KỊCH "ĐỀ THÁM" VÀ MỘT SỐ VỞ KHÁC SÁNG TÁC Ở XIÊM (THÁI LAN)

TIỂU DẪN.– Những vở kịch này hiện nay chúng tôi chưa sưu tầm được. Song để bạn đọc tiện theo dõi, chúng tôi trích dẫn dưới đây một số tài liệu có liên quan đến những vở kịch ấy.

Trong hồi ký của đồng chí Lê Mạnh Trinh *(Bác Hồ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 103) có đoạn: "Ngoài việc dịch sách *(Nhân loại tiến hóa sử, và Cộng sản A.B.C.)* và huấn luyện cho anh em thanh niên, Thầu Chín (tức đồng chí Nguyễn Ái Quốc) thường bày cho kiều bào diễn kịch, thường là kịch lịch sử Việt Nam... Ông cũng đóng một vài vai, được người xem rất thích...".

Theo tài liệu của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương, ta biết rõ: "Trong dịp kỷ niệm Phạm Hồng Thái (tháng 6-1929), đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã viết, đạo diễn vở kịch *Đề Thám*, và tự Người đóng vai chính" *(Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 129). Chi tiết Người đã từng thủ vai chính Đề Thám cho vở kịch cùng tên do chính Người sáng tác và đạo diễn, quả là một sự kiện độc đáo. Lý thú biết bao, hình ảnh cao đẹp, hào hùng của một nhân vật lịch sử đóng vai một nhân vật lịch sử!

Chúng ta cũng nhớ lại rằng, trong các bài viết của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, nhiều lần Người đã nhắc đến người anh hùng nông dân Đề Thám. Trong *Bản án chế độ thực dân Pháp,* chương *Công lý,* Người viết: "Bất lực trong việc trừ khử ông Đề Thám trứ danh, vì mọi âm mưu bắn giết ông, thủ tiêu ông bằng thuốc độc hoặc bằng mìn, đều thất bại, người ta (thực dân Pháp) bèn đào mả

1. *Tang thương:* dâu biển, một điển tích cổ Trung Quốc ngụ ý sự thay đổi (cứ ba mươi năm thì ruộng dâu bị biến thành biển, và ngược lại). Ở đây ngụ ý là sự thay đổi các triều đại, tức là sự thay đổi quyền thống trị nhân dân giữa các tập đoàn. Viên tướng họ Tống này chắc là đã có "công" giành quyền thống trị cho nhà Bắc Ngụy.

cha mẹ ông lên, đem hài cốt đổ xuống sông". Trong bài *Cuộc kháng Pháp,* đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã gọi Hoàng Hoa Thám là "người anh hùng dân tộc", "cùng với một ít nghĩa quân kiên quyết của ông, đã chiếm lĩnh cả một tỉnh nhỏ, và đương đầu với thực dân Pháp trong nhiều năm".

Sự trân trọng cụ Đề "trứ danh" (chữ dùng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc) "thực tế hơn, vì trực tiếp đấu tranh chống Pháp" cho ta rõ vì sao Người đã đưa nhân vật người anh hùng nông dân này thành nhân vật chính diện trong vở kịch *Đề Thám* mà Người vừa viết kịch bản vừa đạo diễn vừa đóng vai người anh hùng xuất chúng.

Ngoài vở kịch *Đề Thám,* "Người còn viết và cho diễn những vở kịch ngắn, đả kích bọn Việt gian bán nước như Lê Hoan, Hoàng Cao Khải và những vở kịch chống mê tín, dị đoan v.v... có tác dụng rất tốt" (*Những sự kiện lịch sử Đảng*, sách đã dẫn, tr. 129).

Tiếc rằng, những vở kịch này đến bây giờ vẫn chưa tìm lại được.

LỜI KÊU GỌI NHÂN DỊP THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TIỂU DẪN. – Mùa thu năm 1929, được sự ủy nhiệm của Quốc tế Cộng sản, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời từ Thái Lan về Hương Cảng (Trung Quốc), triệu tập Hội nghị thành lập Đảng họp vào ngày 3-2-1930 tại Cửu Long, gần Hương Cảng. Dưới sự chủ tọa của Người, Hội nghị quyết định thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt Nam thành một Đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam, thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt* và *Điều lệ tóm tắt của Đảng* do đồng chí Nguyễn Ái Quốc thảo ra.

Nhân dịp thành lập Đảng, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã ra lời kêu gọi, gửi đến toàn thể đồng chí, đồng bào. *Lời kêu gọi...* có tác dụng cổ vũ rất lớn đối với toàn Đảng, toàn dân ta. Hội nghị thành lập Đảng có tầm quan trọng ngang một Đại hội, vì nó đề ra đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam và những nguyên tắc cơ bản về xây dựng Đảng. Trong một thời gian ngắn, các tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã thống nhất lại lập ra Ban Chấp hành Trung ương lâm thời và thống nhất lãnh đạo phong trào cách mạng trong cả nước: thống nhất về chiến lược, thống nhất về sách lược, thống nhất ý chí và hành động của giai cấp công nhân Việt Nam, tiến lên hoàn thành sứ mạng lịch sử của nó. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam rõ ràng là sản phẩm tất yếu của lịch sử cách mạng nước ta, là kết quả của một quá trình chuẩn bị lâu dài và gian khổ của đồng chí Nguyễn Ái Quốc. Việc thành lập Đảng đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại trên tiến trình cách mạng

nước ta; mở đầu một thời đại mới, thời đại cách mạng Việt Nam do giai cấp công nhân và đội tiền phong của nó là Đảng Mác – Lênin lãnh đạo.

Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh, anh chị em bị áp bức, bóc lột!

Anh chị em! Các đồng chí!

Nhận Chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ và thấy có trách nhiệm phải gửi tới anh chị em và các đồng chí *Lời kêu gọi* này.

Mâu thuẫn gay gắt về kinh tế giữa các nước đế quốc chủ nghĩa đã gây ra chiến tranh thế giới 1914 - 1918. Sau cuộc chém giết đẫm máu đó, thế giới chia ra làm hai mặt trận: mặt trận cách mạng gồm các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản bị bóc lột trên toàn thế giới mà đội tiên phong là nước Nga Xô viết, và mặt trận của chủ nghĩa đế quốc mà tổng hành dinh là Hội Quốc liên.

Cuộc chiến tranh đế quốc ấy đã làm cho thế giới bị thiệt hại nặng nề về người và của, đặc biệt là đế quốc Pháp bị thiệt hại nhiều hơn các đế quốc khác. Hiện nay, để tổ chức lại nền kinh tế ở Pháp, đế quốc Pháp ra sức khai thác tài nguyên "của chúng" ở Đông Dương. Chúng xây dựng thêm nhà máy để bóc lột công nhân và buộc họ phải chịu đói rét. Chúng chiếm ruộng đất của nông dân để lập đồn điền, làm cho nông dân mất hết ruộng đất và lâm vào cảnh tuyệt vọng. Chúng tìm mọi cách để bóp nặn nhân dân ta; chúng thu thuế ngày càng nặng, bắt mua "quốc trái" ngày càng nhiều, làm cho đồng bào ta ngày thêm nghèo khổ.

Càng ngày chúng càng tăng cường quân đội: một là để giết hại cách mạng Việt Nam, hai là để chuẩn bị một cuộc chiến tranh đế quốc nữa ở Thái Bình Dương nhằm chiếm thêm thuộc địa, ba là để phá cách mạng Trung Quốc, bốn là để chống lại nước Nga Xô viết, vì nước này đang giúp đỡ các dân tộc bị áp bức và giai cấp bị bóc lột trên thế giới đứng lên đánh đổ bọn thống trị. Cuộc chiến tranh đế quốc thứ hai đang được ráo riết chuẩn bị. Khi cuộc chiến tranh đó nổ ra, thì nhất định đế quốc Pháp sẽ đẩy anh chị em chúng ta vào một cuộc chém giết đầy tội ác. Nếu chúng ta để cho chúng chuẩn bị chiến tranh, nếu chúng ta để cho chúng chống lại cách mạng Trung Quốc và nước Nga Xô viết, nếu chúng ta để cho chúng tiêu diệt cách mạng Việt Nam, thì khác nào chúng ta để cho chúng dìm giống nòi Việt Nam ta xuống Thái Bình Dương.

Sự áp bức và bóc lột vô nhân đạo của đế quốc Pháp đã làm cho đồng bào ta hiểu rằng: có cách mạng thì sống, không có cách mạng thì chết. Chính vì vậy mà phong trào cách mạng ngày càng lớn mạnh: công nhân bãi công, học sinh bãi khóa, nông dân đòi ruộng đất, nhà buôn nhỏ đóng cửa hàng, nhân dân cả nước đang vùng dậy chống bọn đế quốc.

Phong trào cách mạng Việt Nam làm cho đế quốc Pháp phải run sợ. Cho nên, một mặt chúng dùng bọn phong kiến Việt Nam, bọn đại tư sản phản cách mạng và bọn địa chủ để áp bức, bóc lột nhân dân Việt Nam. Mặt khác, chúng khám xét nhà cửa, bắt bớ giam cầm và giết hại những người cách mạng Việt Nam; chúng hy vọng dùng khủng bố trắng tiêu diệt cách mạng Việt Nam.

Nếu đế quốc Pháp tưởng có thể dùng khủng bố trắng hòng tiêu diệt cách mạng Việt Nam thì chúng đã lầm to! Một là, cách mạng Việt Nam không bị cô lập, trái lại nó được giai cấp vô sản thế giới nói chung và giai cấp cần lao Pháp nói riêng ủng hộ. Hai là, giữa lúc cuộc khủng bố trắng lên đến đỉnh cao thì những người cộng sản Việt Nam trước kia chưa có tổ chức, đang thống nhất lại thành một Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam, để lãnh đạo toàn thể anh chị em bị áp bức chúng ta làm cách mạng.

Hỡi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh!

Anh chị em bị áp bức, bóc lột!

Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thành lập. Đó là Đảng của giai cấp vô sản. Đảng sẽ dìu dắt giai cấp vô sản lãnh đạo cách mạng Việt Nam đấu tranh nhằm giải phóng cho toàn thể anh chị em bị áp bức, bóc lột chúng ta. Từ nay anh chị em chúng ta cần phải gia nhập Đảng, ủng hộ Đảng và đi theo Đảng để:

1. Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến Việt Nam và giai cấp tư sản phản cách mạng.

2. Làm cho nước Việt Nam được độc lập.

3. Thành lập Chính phủ công nông binh.

4. Tịch thu tất cả các nhà băng và cơ sở sản xuất của đế quốc trao cho Chính phủ công nông binh.

5. Quốc hữu hóa toàn bộ đồn điền và đất đai của bọn đế quốc và địa chủ phản cách mạng Việt Nam chia cho nông dân nghèo.

6. Thực hiện ngày làm 8 giờ.

7. Hủy bỏ mọi thứ quốc trái và thuế thân, miễn các thứ thuế cho nông dân nghèo.

8. Đem lại mọi quyền tự do cho nhân dân.

9. Thực hành giáo dục toàn dân.

10. Thực hiện nam nữ bình quyền.

Thay mặt Quốc tế Cộng sản và
Đảng Cộng sản Việt Nam
NGUYỄN ÁI QUỐC

Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 70.

VỀ "NHẬT KÝ CHÌM TÀU"

TIỂU DẪN. – Hiện nay chúng tôi chưa sưu tầm được văn bản tác phẩm *Nhật ký chìm tàu*. Một số tài liệu và ghi chép dưới đây có thể giúp bạn đọc phần nào trong việc nghiên cứu, tìm hiểu tác phẩm văn học này.

Mở đầu bức thư viết bằng chữ Pháp đề ngày 25-2-1930, gửi cho một số người bạn ở nước ngoài yêu cầu giúp đỡ về mặt tài liệu (bằng tiếng Pháp, hoặc tiếng Anh), đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết: "Người Việt Nam, nhất là những người lao động, muốn biết nước Nga. Nhưng các sách báo cách mạng đều bị pháp luật hà khắc của đế quốc Pháp nghiêm cấm. Hơn nữa, công nhân và nông dân Việt Nam phần lớn không biết chữ. Những người có học chút ít, không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng Việt. *Nhiệm vụ của chúng tôi* là phải nói với họ Tổ quốc của giai cấp vô sản đó như thế nào. Để làm việc đó, tôi có ý định viết *một cuốn sách*, bằng tiếng Việt, đương nhiên – dưới hình thức "hồi ký du lịch" (nguyên văn: "souvenirs de mon voyage"). Tôi mong nó sinh động, hấp dẫn, dễ đọc và có nhiều mẩu chuyện".

Tiếp theo, tác giả vạch rõ đề cương của cuốn sách gồm ba phần.

I – Trước cách mạng.

II – Trong cuộc cách mạng.

III – Ngày nay.

Mỗi phần lại bao gồm nhiều điểm rất cụ thể.

Tuy nhiên, bản Đề cương sưu tầm được này (công bố lần đầu tiên trên *Nghiên cứu văn học*, tháng 5-1963) mới chỉ là "mầm mống đầu tiên" của *Nhật ký chìm tàu*, vì trong khi viết, tác giả không lệ thuộc hoàn toàn vào bản Đề cương ấy. Người đã bớt đi ở phần I, các điểm nói về đời sống của nhân dân, các tổ chức cách mạng; và cả phần II, phần nói về các sự kiện, các diễn biến, những khó khăn trở ngại cùng thái độ phản ứng khác nhau của các tầng lớp nhân dân trong cuộc cách mạng đó. "Bác chỉ chú trọng giới thiệu những điều mới lạ, những thành tích xây dựng, bảo vệ đất nước Xô viết từ ngày Cách mạng Nga thành công về sau. Bác đã lồng một cách khéo léo phần nào nội dung của hai phần trên vào phần này" (xem bài *Trên đường đi tìm "Nhật ký chìm tàu" của Hồ Chủ tịch*, *Tạp chí văn học*, số 5-1971, do Ninh Viết Giao ghi lại nội dung tác phẩm theo trí nhớ của các chiến sĩ cách mạng đã được đọc *Nhật ký chìm tàu* trong phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh). Tác giả đã chia toàn bộ tác phẩm của mình thành 24 "chương" hoặc "bài". Ngoài 24 chương, còn có phần mở đầu và kết luận. Cuối mỗi chương (có người nói: đầu mỗi chương), Người đều đặt mấy câu thơ lục bát để gợi lại đại ý toàn chương cho người đọc dễ nhớ, dễ thuộc; nó mang tính quần chúng rõ rệt. Theo bản thuật lại của Nguyễn Đình Hiền (tài liệu lưu trữ tại Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương) thì các câu thơ nằm trong các chương có khi là hai dòng sáu tám, có khi là lục bát biến thể, ngoài ra còn có một số thơ của nhân vật mà thực chất là của tác giả viết theo thể thơ ba chữ hoặc song thất lục bát. Cuốn sách độc đáo mang tính chất chính luận và nghệ thuật ấy, có lối kể chuyện bằng văn xuôi xen kẽ với những câu thơ mang tính chất khái quát chính trị, đồng thời phảng phất như có vận dụng trong một chừng mực nào đó truyền thống truyện chương hồi của phương Đông.

*

* *

Nội dung tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* có thể tóm lược như sau:

Một chiếc tàu buôn của Pháp không may gặp dông tố, bị chìm đắm ở ngoài khơi. Hầu hết hành khách trên con tàu đó đều bị thiệt mạng. Riêng có ba anh Pôn (Paul), Zô (Zo) và Râu (một người Âu, một người Phi và một người Việt Nam, tức anh Râu) làm công ở trên tàu, may mắn còn sống sót. Họ bị trôi giạt lênh đênh, rồi được thủy triều đưa vào một hoang đảo. Về sau, có một chiếc tàu tuần tiễu của Liên Xô đi qua đấy, các thủy thủ Xô viết đã tìm mọi cách ra sức cứu giúp và đưa được họ về Liên Xô. Trên cảng Ôdétxa, họ được đón tiếp nồng nhiệt.

Trong suốt thời gian ở lại Liên Xô, ba anh Pôn, Zô và Râu đã được đối đãi rất tử tế trong tình cảm đồng chí thân thương, đằm thắm. Không những các anh được chăm lo, bồi dưỡng về sức khỏe, mà còn được đi tham quan

nhiều nơi trên đất nước của Lênin, tìm hiểu về các mặt chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, đời sống của nhân dân Liên Xô với bao điều mới mẻ, thú vị... để càng thêm tin tưởng vào tiền đồ xán lạn của chủ nghĩa xã hội. Không những thế, Đảng Cộng sản Liên Xô còn tạo mọi điều kiện cho ba anh em được học tập văn hóa và chính trị để nâng cao trình độ nhận thức và tình cảm cách mạng.

Sau một thời gian nghỉ ngơi và học tập, ba anh Pôn, Zô và Râu đều mong muốn được trở về Tổ quốc yêu quý và đau thương của mình, để cùng với nhân dân tổ chức và tiến hành đấu tranh cách mạng. Trên cảng Ôdétxa ngày nào họ đến, bây giờ họ lại chia tay từ biệt các đồng chí Liên Xô, để trở về nước thực hiện nguyện vọng chính đáng và cao cả đó.

Nhật ký chìm tàu ra đời sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, nó có một giá trị lịch sử đặc biệt. Tiếp theo *Đường kách mệnh* viết khoảng 1927, tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* viết vào nửa cuối năm 1930 này đã đến kịp thời với đông đảo quần chúng cách mạng, góp phần giác ngộ ý thức giai cấp, giáo dục tinh thần quốc tế vô sản, đẩy mạnh phong trào cách mạng trong nước tiến lên dưới ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác – Lênin. Thông qua việc điều tra tác dụng to lớn của tác phẩm này – đối với thế hệ các chiến sĩ cách mạng 1930 - 1931, Phạm Lâm và Tống Trần Ngọc trong bài viết *Chung quanh tác phẩm "Nhật ký chìm tàu" của Hồ Chủ tịch (Nghiên cứu văn học*, số 5-1965) đã viết: "*Nhật ký chìm tàu* không những là một tác phẩm phản ánh được hiện thực cách mạng ở Liên Xô lúc bấy giờ, mà còn gieo vào lòng người đọc một niềm tin vô bờ bến. Tác phẩm đã vẽ ra một viễn cảnh xã hội Việt Nam ngày mai huy hoàng, đã đốt lên trong lòng người đọc một ngọn lửa chiến đấu không bao giờ tắt".

Với tầm sâu sắc về nội dung tư tưởng và thành công của nghệ thuật thể hiện có sức tác động mạnh trong quần chúng như vậy. *Nhật ký chìm tàu là tác phẩm văn xuôi cách mạng vô sản viết bằng tiếng Việt,* mở đầu cho nền văn học cách mạng hiện đại Việt Nam trong suốt những năm sau.

Nhiều đảng bộ địa phương của Đảng ta đã ra nghị quyết lấy cuốn sách này làm tài liệu tuyên truyền về Liên Xô; nhiều đồng chí cách mạng lão thành đã thuộc lòng cuốn *Nhật ký chìm tàu*. Còn kẻ thù của dân tộc Việt Nam anh hùng của chúng ta thì cho đó là "một vũ khí lợi hại của cộng sản" (công văn Sở Mật thám năm 1931) nên nghiêm cấm lưu hành, tàng trữ và ráo riết tịch thu cuốn sách ấy.

*

* *

Trước khi bản Đề cương tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* lần đầu tiên được công bố (tháng 5-1963), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có lần nói về tác phẩm này

tại Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ ba cuối năm 1962. Người kể lại cho các đại biểu dự Đại hội nghe câu chuyện lý thú về những ngày hoạt động cách mạng, Người phải làm nhiều nghề. Làm ảnh, làm bếp... Cũng có khi làm văn nghệ. Người có viết một quyển sách về Cách mạng Tháng Mười. Hồ Chủ tịch nói: "Bác viết, đồng chí Hồ Tùng Mậu in. In bằng đất. Rồi phát hành bao nhiêu? Một quyển. Mấy quyển nữa thì cảnh sát Anh tịch thu hết. May nó... không tịch thu được người viết vì hai anh em (Bác và cụ Hồ Tùng Mậu) đi vắng" *(Chúng ta có Bác Hồ*, tập II, Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội, 1970, tr. 72). Bản in bằng đất tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* này của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, may mắn cho chúng ta, đã "lọt" về được trong nước, sau đó được Trung ương Đảng ta bí mật in litô (96 trang). Tháng 3 - 1931, *Nhật ký chìm tàu* lại được bí mật ấn hành tại liên huyện Diễn Quỳnh hơn 1.000 cuốn in thạch, ra hai thứ tiếng: Quốc ngữ và chữ Nôm. Bản Quốc ngữ dày 112 trang, bản chữ Nôm 120 trang trên giấy bản. (Theo tài liệu của Nguyễn Đình Hiền đã dẫn, thì một phần ba số lượng phát hành là chữ Quốc ngữ, còn là chữ Nôm). Trên bìa sách, ngoài bốn chữ *Nhật ký chìm tàu* viết to, phía bên trái có bốn chữ "Không phải sách bán" trong vòng đơn và gạch dưới, bên phải là ba chữ Hán "phi mại phẩm", phía dưới mé bên phải có dấu hình bầu dục, vòng ngoài ghi *Bị áp bức dân tộc Liên hiệp hội chi bộ*, vòng trong chữ Hán nghĩa tương tự.

Cho đến nay, nguyên bản *Nhật ký chìm tàu* chưa tìm lại được, chỉ mới thấy tờ bìa và bản *Đề cương*... Tuy nhiên, qua bản Đề cương, chúng ta cũng đã thấy rõ sự suy nghĩ chín chắn, thái độ nghiêm túc trong việc sáng tác văn học: từ việc vạch rõ đề cương chi tiết đến việc sưu tầm nghiên cứu tài liệu cần thiết trước khi bắt tay vào viết. Qua bức thư đề ngày 28-2-1930, chúng ta thấy tác giả đã nêu bật chủ đề của tác phẩm, mục đích của việc sáng tác, Người coi sáng tác là một nhiệm vụ giống như mọi công tác cách mạng khác, với một động cơ hoàn toàn vì Đảng vì dân. Người xác định rõ đối tượng người đọc là quần chúng ít học, nên đã chú ý đến tính chất đại chúng của thể tài và cách diễn đạt sao cho "dễ đọc và có nhiều mẩu chuyện", đồng thời "sinh động, hấp dẫn".

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu *Đề cương tác phẩm "Nhật ký chìm tàu"* qua thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi các bạn nước ngoài, và nội dung câu chuyện, kèm theo một số câu thơ in theo các chương trong tác phẩm còn thất truyền đó, căn cứ vào các bản sưu tầm của Ninh Viết Giao, Phạm Lâm, Tống Trần Ngọc, và bản thuật lại của Nguyễn Đình Hiền, người đã may mắn được trực tiếp tham gia in thạch *Nhật ký chìm tàu* tháng 3 - 1931 ở Diễn Quỳnh (Nghệ An).

ĐỀ CƯƠNG TÁC PHẨM "NHẬT KÝ CHÌM TÀU" [1]

Ngày 25-2-1930

Các đồng chí thân mến,

Người Việt Nam, nhất là những người lao động, muốn biết nước Nga. Nhưng các sách báo cách mạng đều bị pháp luật hà khắc của đế quốc Pháp nghiêm cấm. Hơn nữa, công nhân và nông dân Việt Nam phần lớn không biết chữ. Những người có học chút ít không biết thứ tiếng nào khác ngoài tiếng Việt. *Nhiệm vụ của chúng tôi* là phải nói với họ Tổ quốc của giai cấp vô sản đó như thế nào. Để làm việc đó, tôi có ý định viết *một quyển sách* – bằng tiếng Việt, đương nhiên – dưới hình thức "hồi ký du lịch". Tôi mong nó sinh động, hấp dẫn, dễ đọc và có nhiều mẩu chuyện. Đây là *đề cương* của tôi về cuốn sách đó.

I. Trước cách mạng:

1. Đời sống của công nhân và nông dân.
2. Các tổ chức cách mạng, công tác các tổ chức đó, sự hy sinh.
3. Sự chuẩn bị cho cuộc cách mạng.
4. Công tác bí mật của Đảng Cộng sản Nga (R.K.P.).

II. Trong cuộc cách mạng:

1. Cách mạng bắt đầu.
2. Đảng và các công đoàn.
3. Nông dân, sinh viên, phụ nữ, nhi đồng tham gia cách mạng.
4. Những khó khăn do đế quốc gây ra, bọn phản cách mạng Nga, nạn thiếu đói và sự anh dũng cách mạng.
5. Sự phát triển dần dần của đất nước Xô viết.
6. Chủ nghĩa cộng sản thời chiến (đời sống thực).

III. Ngày nay:

1. Tổ chức chính phủ Xô viết.
2. Đời sống của công nhân, nông dân, binh lính, phụ nữ, sinh viên,

1. Đầu đề bức thư nguyên là *Thư gửi đồng chí X.*

nhi đồng, phụ lão, v.v..., trường đại học công nhân, trường Đảng.

3. Đời sống trong các nhà máy, trại lính, trường học (giáo dục, giải trí, nghỉ hè, v.v..).

4. Hôn nhân, nhà ở.

5. Hợp tác xã.

6. Phú nông và con buôn.

7. Vấn đề ruộng đất.

8. Kết quả của chính sách kinh tế mới và của kế hoạch 5 năm.

9. Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Công hội, Quốc tế Nông dân (số hội viên và các nước tham gia).

10. Rạp hát, nhà thương, nhà trẻ, v.v...

11. Số liệu so sánh (1914 - 1930) về:

a) Số tổ chức công nhân, nông dân, hội viên,

b) Số trường học và số học sinh,

c) Số nhà thương và các cơ quan xã hội khác,

d) Số công nhân và nông dân biết chữ,

e) Sản xuất trong nước, v.v...

Bây giờ có hai vấn đề đặt ra:

1. Tài liệu: Tôi không có gì cả. Tôi yêu cầu các đồng chí cung cấp cho tôi tài liệu bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh. Gửi đến cho Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đề ngoài bì: Ông Víchto Lơbông, 123 đường Cộng Hòa, Pari, Pháp với câu ghi "nhờ chuyển *ngay tức khắc*".

2. Việc in: Ở đây tôi chỉ có polycopie [1] nên chỉ có thể in nhiều nhất là một trăm bản. Chữ cái Việt Nam giống như chữ cái latinh với một số dấu phụ, ví dụ: a, à, á, ả, ạ, ã, v.v... Lúc tôi viết xong cuốn sách chúng tôi có thể in ở nơi các đồng chí không?

Tôi nhờ đồng chí cung cấp tài liệu và cho những lời khuyên cần thiết. Hãy trả lời cho tôi theo địa chỉ trên.

Lời chào Cộng sản anh em
NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Nghiên cứu văn học,* [2]
số tháng 5-1963. Bản dịch: Hồng Chương.

---

1. *Polycopie*: phương pháp in thành nhiều bản.

2. Đề cương tác phẩm *Nhật ký chìm tàu* được trích đăng lần đầu tiên trên Tạp chí *Nghiên cứu văn học* số tháng 5-1963. Sau đó chúng tôi lại được đồng chí Hồng Chương cung cấp thêm đoạn cuối bức thư như đã giới thiệu với bạn đọc trên đây.

TÓM LƯỢC NỘI DUNG "NHẬT KÝ CHÌM TÀU"

(Qua các bản sưu tầm đã được công bố)

LỜI MỞ ĐẦU:

Một chiếc tàu thủy của Pháp bị chìm ở biển khơi. Hầu hết hành khách đều bị chết đắm. Chỉ có ba anh Pôn (Paul), Zô và Râu, một người Âu, một người Phi và một người Việt [1] làm công trên tàu còn sống sót. Họ bị giạt vào một hoang đảo. Về sau có chiếc tàu Nga đi qua, thủy thủ thấy họ, bỏ xuồng xuống cứu, rồi mang về nước. Trong thời gian ở Nga, họ đã được đối đãi rất tử tế. Không những được bồi dưỡng về mặt sức khỏe, họ còn được đi tham quan đây đó, được học hành, được trò chuyện và tìm hiểu về đời sống của công nhân và nông dân Nga, tìm hiểu về các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa của Nhà nước Xô viết đầu tiên trên thế giới. Cuối cùng, theo nguyện vọng của họ, họ được các đồng chí Nga đưa về xứ sở.

Nhật ký chìm tàu kể lại những điều mắt thấy tai nghe của ba nhân vật ấy trên quê hương Cách mạng Tháng Mười, dưới hình thức hồi ký du lịch.

Chương I:

Ba anh Pôn, Zô, Râu là những người dân mất nước hoặc nô lệ, quyết chọn đường đi tìm chân lý đầy chông gai khổ cực, ấp ủ hoài vọng được thấy tận mắt chân trời tươi sáng độc lập, tự do. Họ bị mất quyền chính trị, kinh tế nên cùng nhau đem bán sức lao động cho tư bản Pháp trên một chiếc tàu thủy. Trong một chuyến đi, chiếc tàu này vơ vét được rất nhiều nguyên vật liệu của xứ thuộc địa Đông Dương mang về nước Pháp, như các thứ khoáng chất vàng, bạc, đồng, thiếc, rồi thêm nào than, gỗ quý, nào các loại ngà voi, sừng tê giác, v.v... Ngoài ra chiếc tàu cũng chở khá nhiều trâu, bò, dê. Bọn thực dân Pháp mang các sản vật ở thuộc địa về để cống hiến cho đế quốc Anh, Mỹ, hòng trừ nợ khoản chiến phí trong cuộc Âu châu đại chiến (từ 1-8-1914 đến 11-11-1918).

Do tham lam chở nặng quá, đi được một số ngày đường, ra đến giữa biển khơi, tàu bị đắm. Nhiều người Âu, người Phi, người Việt khác trên tàu đều bị

---

1. Trong bài của Phạm Lâm và Tống Trần Ngọc (đã dẫn) thì tên của ba người là Pôn, Ba và Râu; nhưng đồng chí Bùi Quán, Nguyễn Đình Hiền và nhiều người nữa nói chắc rằng tên của họ là Pôn, Zô và Râu. Zô là một tên người, gọi tắt, thường được dùng ở châu Phi da đen. Râu, qua câu chuyện được tường thuật lại, ta được biết đó là một người Việt Nam. Trong bản của Ninh Viết Giao cũng ghi tên của ba nhân vật như trên.

chết. Ba anh Pôn, Zô, Râu may mắn ôm được một mảnh ván. Sóng đánh giạt các anh vào một hoang đảo. Thật là:

Mênh mông trên biển dưới trời,
Một hòn hoang đảo ba người lưu ly.

Chương II:

Đã bị uống nước nhiều, lại phải nhịn đói lâu ngày, ba người nằm trên hoang đảo chỉ chờ chết. Có lúc họ lết đi quanh đảo, nhưng đảo này toàn cát trắng, vỏ ốc hoa, xà cừ và các loại chim cò đến ỉa rác. Họ đã xé áo, buộc vào một cái que làm cờ hiệu rồi cắm lên để họa may có chiếc tàu nào đi qua biết mà đến cứu.

Đang lúc thần chết đến kề bên thì may thay có một chiếc tàu đi tuần tiễu trên hải phận quốc tế. Nhờ có kính viễn vọng nên nhìn lên hoang đảo, thuyền trưởng tàu này thấy bóng cờ trắng rồi nhận ra ba người. Họ được thủy thủ cặp xuồng đến cứu. Lúc đó, ba người đã gần như bất tỉnh. Đưa lên tàu, họ được cứu chữa ngay. Các thủy thủ đưa áo quần cho ba anh thay, làm ấm phòng cho ba anh sưởi, đem bơ sữa cho ba anh ăn. Khi tỉnh hẳn, ba anh cảm động và biết ơn những người đã cứu mình vô cùng. Vì ngôn ngữ bất đồng, nên ba anh không trao đổi ý kiến được nhiều mà chỉ biết đây là thủy thủ một chiếc tàu Nga đã cứu mình. Dần dần, bằng nhận xét thực tế, ba anh thấy rõ chiếc tàu Nga này khác hẳn chiếc tàu Tây về nhiều mặt: về quan hệ giữa người với người trên tàu, về thái độ đối xử với nhau, về chế độ đãi ngộ, chế độ lao động, v.v..., tất cả đều bình đẳng, tự giác thân ái. Đặc biệt mọi người xưng hô với nhau bằng danh từ "đồng chí". Ba anh chú ý nhất là cây cờ búa liềm và hai bức chân dung khổ lớn có lồng khung treo trang trọng ở phòng sĩ quan; hỏi ra thì một bức là ảnh Các Mác, một bức là ảnh Lênin. Ba anh đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác:

Lạ thay trong chiếc tàu này,
Cái gì cũng khác tàu Tây mình làm.

Chương III:

Chiếc tàu Nga cứu ba anh xong liền đánh điện về nước. Khi tàu cặp bến Nga, ba anh thấy dưới bóng cờ đỏ chói lọi, nhân dân Nga đứng chờ khá đông. Một ít anh em Hồng quân cũng có mặt. Từ thân phận thấp hèn phải đi làm công, bị mắng, bị đánh, bị cắt tiền lương, ba anh không ngờ mình lại được đón tiếp một cách long trọng, niềm nở như vậy. Bao nhiêu suy nghĩ xốn xang, bao nhiêu câu hỏi náo nức trong lòng ba anh. Cảm động quá, ba anh không nói được câu nào trước thái độ vồn vã và cởi mở của nhân dân Nga. Một bầu

không khí dạt dào, vừa trìu mến thân thương vừa đằm thắm chí tình bao phủ lấy họ:

Gió cao tiếng hạc càng cao,
Ba quân chỉ ngọn cờ đào kéo ra. [1]

Chương IV:

Pôn, Zô, Râu, được coi là những khách quý. Ba anh được các đồng chí Nga đưa tới một khách sạn ở Ôdétxa để nghỉ chân. Vừa mới bước tới cửa, có một cô gái xinh đẹp khoảng hai mươi tuổi ra chào rồi mời ba anh vào phòng thay quần áo. Mặc những bộ quần áo mới thơm tho xong, ba anh được cô gái ấy bưng sữa tới mời uống. Tiếng họ ngạc nhiên nhất vẫn là tiếng "đồng chí". Ai cũng là đồng chí.

Không phải chỉ cô gái ấy, mà những người phục vụ khác cũng đều niềm nở, vui tính, cởi mở. Lúc nào họ cũng coi ba anh như anh em ruột thịt. Cả khách khứa ra vào cũng thế. Thấy ba anh, ai cũng tay bắt mặt mừng. Tất cả đều tận tình với một tinh thần quốc tế vô sản rất trong sáng:

Rằng nay bốn bể một nhà,
Cùng là bè bạn, cùng là thân yêu.

Chương V:

Sau ba tháng trời nghỉ ngơi, tẩm bổ, giải trí ở Ôdétxa, Pôn, Zô, Râu, được các đồng chí Liên Xô đưa đi tham quan từ nhà máy này đến nông trường khác. Công cuộc cơ khí hóa của Liên Xô đang được tiến hành. Ba anh thấy nhiều máy móc thay thế sức người. Máy làm việc nặng, người làm việc nhẹ. Máy chạy rầm rầm. Bất cứ chỗ nào việc sản xuất ra của cải vật chất cho chủ nghĩa xã hội cũng được Chính phủ Công nông tổ chức một cách qui mô, có kế hoạch. Công nhân làm chủ các nhà máy. Đoàn kết trong tổ chức công hội, họ quản lý xí nghiệp. Họ làm việc một cách tự giác, phấn khởi với ý thức kỷ luật cao.

Cũng như nhà máy, nông trường là của dân cày. Có hai loại nông trường: nông trường quốc doanh (sốpkhôdơ) và nông trường tập thể (cônkhôdơ). Nông trường quốc doanh do Nhà nước quản lý. Nông trường tập thể do nông dân tập thể quản lý. Nông trường nào cũng có nhiều máy móc thay thế sức người, sức trâu bò như máy cày, máy bừa, máy gặt, máy cắt cỏ, máy đưa cỏ về cho trâu bò ăn...

So với trước Cách mạng, đời sống công nông Nga đã thay đổi hẳn:

---

1. Hai câu thơ này không khớp lắm với nội dung chương III, nhưng nhiều người kể như vậy nên xin cứ ghi ra đây để bạn đọc cùng tham khảo.

Công nông Nga có ngày nay,
Cũng đà nếm mật nằm gai mấy lần.

Chương VI:

Trên đường đi tham quan các nơi, ba anh lại được đi an dưỡng. Họ an dưỡng tại một khu vực dành riêng cho thợ thuyền. Ở đây, họ thấy một số thợ già yếu, mệt mỏi được Nhà nước cho đến nghỉ ngơi, nhưng vẫn được bồi dưỡng, được hưởng lương cùng mọi quyền lợi khác như khi đang làm việc. Những cụ già ngoài sáu mươi tuổi kể cho ba anh nghe rằng: "Trong chế độ Nga hoàng, chúng tôi đã phải lao động mười bốn tiếng đồng hồ một ngày mà chưa đủ cơm ăn áo mặc. Bao nhiêu tật bệnh đến hoành hành. Bao nhiêu cảnh thất nghiệp, đói khát đe dọa. Rồi bị đánh, bị phạt. Thân hình chúng tôi tiều tụy, con cái nheo nhóc. Nghèo đói bám riết lấy chúng tôi. Bây giờ Chính phủ cách mạng thi hành luật lao động mới. Mỗi người làm việc tám giờ một ngày. Ai làm những công việc nặng nhọc, thời gian lao động có thể ít hơn. Lao động có thành tích được khen thưởng. Ấy là chưa kể các chính sách bảo hiểm lao động khác để giữ gìn sức khỏe cho công nhân. Cách mạng Nga mới thành công được một thời gian ngắn mà số người sống trên sáu mươi tuổi đã tăng hẳn lên so với trước".

Sung sướng thay thợ thuyền Nga,
Ngày làm ngày nghỉ đều là có lương.

Râu nghĩ đến Công xã Pari (18-3-1871), sáng tác mấy câu thơ:

Công xã thất bại nhưng mà
Ảnh hưởng Công xã sâu xa vô cùng:
Nước Nga cách mạng thành công,
Cũng bởi Công xã treo gương sau này.
Anh em hỡi gặp ngày kỷ niệm (18-3)!
Nghiên cứu tường kinh nghiệm lớn lao
Rồi đem phổ biến cho nhau...

Chương VII:

An dưỡng thêm một thời gian, ba anh được đi thăm một vùng nông thôn. Ba anh được biết rằng, sau khi Chính phủ Xô viết giành chính quyền, bọn culắc đã bị phân hóa, rồi sau đó bị tiêu diệt. Nông thôn ngày càng xích hóa. Bọn mensêvích và bọn tờrốtkít cũng lần lượt bị quét sạch. Bao nhiêu ruộng đất đều chia cho dân cày nghèo. Gặp những người nông dân đang chăm chỉ, vui vẻ cày trên những cánh đồng mênh mông bát ngát do mình làm chủ, ba anh được nghe họ nói lên những lời biết ơn cách mạng, biết ơn Đảng của giai cấp vô sản Nga, Đảng bônsêvích. Đúng là:

Bần nông có ruộng mà cày,
Cũng bởi Cách mạng ra tay đỡ đần.

Chương VIII:

Có ruộng đất rồi, họ không còn làm ăn riêng rẽ. Trước khi thành lập các nông trường, họ xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp. Khắp mọi nơi đều có hợp tác xã. Sự ăn ở đều có tổ chức. Ruộng đất, sức kéo, công cụ canh tác đều là của chung. Việc làm có giờ giấc và được quản lý chặt chẽ. Ai cũng có ý thức làm chủ, do đó, lợi người, lợi của, lợi công. Nhờ vậy, họ có điều kiện học thêm văn hóa, nâng cao hiểu biết về khoa học kỹ thuật, luyện tập thể dục thể thao, xem chớp bóng, diễn kịch, thưởng thức ca nhạc, đọc sách báo... Rõ ràng là:

Lẻ loi đã tốn lại hao,
Chung nhau hợp tác, đường nào lợi hơn.

Chương IX:

Pôn, Zô, Râu đến thăm một cái chợ hàng sách. Ba anh thấy không biết cơ man nào là sách. Họ được biết ở Nga cứ một vùng thì có một cái chợ hàng sách. Các chợ hàng sách mới có vào khoảng đầu kế hoạch 5 năm xây dựng kinh tế lần thứ nhất (1928-1933). Sách in nhiều và ở đâu cũng có bán như vậy là vì 95% nhân dân Nga đã biết chữ. Ở đây, học trung học mới gọi là học. Dân Nga ai cũng đi học. Trẻ con học trong các trường phổ thông. Người lớn học các lớp học ban đêm, các lớp học ngoài giờ lao động. Sách là người bạn của dân Nga. Sách đã góp phần nâng cao dân trí:

Sách là bổ ích tinh thần,
Sách mà vào tới tai dân mới là...

Chương X:

Rời chợ hàng sách, ba anh vào thăm một thư viện. Ở Nga, mỗi nhà máy, công trường, nông trường, trường học... đều có một thư viện. Mỗi thư viện có nhiều loại sách, báo của các nước. Ngoài Nga văn, còn có Anh văn, Pháp văn, Trung văn, Quốc tế ngữ.

Ba anh giở một cuốn sách nhỏ có thể bỏ túi được. Đó là cuốn huấn luyện chính trị thường thức. Ba anh lật nhiều cuốn khác, nào luận cương chính trị, duy vật sử quan, lịch sử nhân loại, vấn đề dân tộc... Đọc qua những cuốn sách ấy, ba anh thấy mình mở mắt ra được nhiều, biết thêm nhiều điều mới lạ mà trước đây còn mờ mịt. Bất giác Râu nhớ câu: "Độc thư bất vong cứu quốc, cứu quốc bất vong độc thư" (nghĩa là: Đọc sách chớ quên cứu nước, cứu nước chớ quên đọc sách) mà trước đây anh đã đọc.

Trong thư viện, ba anh thấy các độc giả, nam có, nữ có, già có, trẻ có, đang chăm chú đọc sách. Có ba anh đến thăm, họ đưa mắt nhìn với vẻ tò mò rồi lại say mê đọc sách.

Sách là thuốc chữa tội ngu,
Dân Nga ham sách nên mau thịnh cường.

Chương XI:

Rời thư viện, ba anh đi thăm một số đơn vị bộ đội và một số công binh xưởng. Ba anh thấy rõ một điều là ở Nga, mọi công dân đều có nhiệm vụ tòng quân. Tạm biệt quê hương để đi nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc là một vinh dự lớn, ai cũng tự nguyện, phấn khởi. Quan hệ giữa sĩ quan và binh lính cũng khác hẳn: bình đẳng, thương yêu. Các quân nhân luyện tập về chiến thuật tác chiến, về kỹ thuật chiến đấu, và được học nhiều về chính trị, văn hóa.

Ở Liên Xô, kỹ nghệ quốc phòng được đặt vào hàng trọng yếu. Mà kỹ nghệ quốc phòng cũng phải độc lập. Mặt khác, vũ khí cũng phải nằm trong tay nhân dân, vũ khí không thể thay thế con người. Sức mạnh căn bản để bảo vệ nước nhà là công nông. Ba anh tin tưởng rằng nếu mai đây có xảy ra một cuộc chiến tranh xâm lược đất nước Liên Xô thân yêu, thì Liên Xô có khả năng, có điều kiện để thực hiện "toàn dân vi binh", và nhất định giành chiến thắng về mình:

Công nông gìn giữ nước nhà,
Dân là dân lính, lính là lính dân.

Chương XII:

Có bộ đội, có vũ khí rồi mà không có lương ăn cũng chẳng làm nên trò trống gì. Pôn, Zô, Râu, được nghe giới thiệu về nhân dân Nga đang ra sức thi đua xã hội chủ nghĩa để vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Trong kế hoạch này, lúa mì sẽ không những đủ ăn mà còn bán ra nước ngoài. Rồi các loại cây công nghiệp, cây thực phẩm cũng sẽ phát triển. Có như thế thành trì mới được giữ vững, quần chúng mới yên vui. Đế quốc chẳng dám ngo ngoe. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất mới thực hiện chưa được hai năm mà công nghiệp Liên Xô đã khá lắm. Thật là: "Túc thực, túc binh, dân tín chi hĩ" (nghĩa là: Lương đủ, binh đủ, dân tin - chế độ sẽ vững vậy). Ta cũng có câu: "Thực túc binh cường, non lương xếu rếu." [1]

....

..........[2]

---

1. Câu này là thành ngữ của địa phương Nghệ – Tĩnh.

2. Những chỗ nhiều chấm là những câu thơ chưa tìm ra.

Chương XIII:

Nhà nước Xô viết phát triển kinh tế, cố nhiên là sẽ mở thêm nhiều hải cảng, lập thêm nhiều nhà máy, sản xuất thêm nhiều mặt hàng... để làm cho đất nước phồn vinh, kỹ nghệ nặng được ưu tiên phát triển. Nhiều nước đã đặt mua hàng của Nga.

Trong bước đầu thực hiện nền công nghiệp hóa vĩ đại của nước nhà, nhân dân Liên bang Xô viết đã phải tự lực cánh sinh, chịu đựng gian khổ, cần cù sáng tạo trong lao động, nêu một tấm gương chói lọi cho vô sản năm châu "canh điền nhi thực, tạc tỉnh nhi ẩm" (cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống). Song Liên Xô vẫn nghĩ nhiều đến việc giúp đỡ vô sản năm châu, bởi cách mạng xã hội chủ nghĩa không chỉ thành công trong một nước mà sẽ thành công trong nhiều nước. Vô sản năm châu đang đói cơm khát nước. Liên Xô xây dựng chủ nghĩa xã hội là thúc đẩy vô sản các nước đấu tranh.

...

...

Chương XIV:

Ba anh được đến xem một phòng triển lãm. Tại đây, người ta giới thiệu cho ba anh, bằng hiện vật và bằng tranh ảnh, lịch sử đấu tranh của giai cấp vô sản từ khi học thuyết Mác ra đời cho đến ngày Cách mạng Tháng Mười thành công. Ba anh cũng chú ý đến một gian phòng thể hiện giai đoạn lịch sử nhục nhã của nước Nga. Chế độ quân chủ Nga hoàng hà khắc tham lam đem công nông Nga ra chiến trường đánh nhau với một tên cướp hung hãn khác là Nhật Bản, và cuối cùng bị Nhật Bản đánh thua liểng xiểng. Trong cuộc chiến tranh nhơ bẩn ấy, bao nhiêu công nông Nga đã bị đâm chém bởi lưỡi lê của đế quốc Nhật Bản. Một trận ở thành Phụng Thiên, quân đội Nga hoàng đã mất mười hai vạn người. Bao gia đình tang tóc.

Hết những khốc liệt ấy đến Đại chiến thế giới thứ nhất. Ngày 1-8-1914 Đức tuyên chiến với Pháp. Sau đó Nga cũng tham chiến. Chiến tranh xảy ra ác liệt. Chiến tranh đế quốc đã lấy đi hàng triệu mạng người, chết trận, bị thương, chết vì bệnh dịch. Chiến tranh tàn phá nền kinh tế quốc dân Nga. Đảng Cộng sản (b) ra khẩu hiệu:

– Đả đảo đế quốc chiến tranh.

– Đổi đế quốc chiến tranh ra chiến tranh cách mạng.

– Thiết lập chính quyền công nông.

Đảng được nhân dân hưởng ứng, Nga hoàng bị đánh đổ, Chính phủ cộng hòa Liên bang xã hội chủ nghĩa Xô viết được thành lập, bao gồm mười sáu dân tộc.

Hết sức phấn khởi trước thành công của Cách mạng Tháng Mười và việc

chấm dứt cuộc Đại chiến thứ nhất, nhưng ba anh cũng không khỏi bùi ngùi khi nghe nói đến những đau thương do chiến tranh đế quốc gây ra. Càng căm thù chủ nghĩa đế quốc, ba anh càng thấy phải tiến hành cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc và giai cấp.

...

...

Chương XV:

Đại chiến thế giới lần thứ nhất vừa kết thúc thì sau đó mười bốn nước đế quốc thi nhau phá hoại nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Rồi bọn tư sản, địa chủ, bạch vệ... cũng nổi dậy khắp nơi trong nước. Liên Xô đã phải trải qua một thời gian chống thù trong giặc ngoài vô cùng gian khổ, song cũng vô cùng anh dũng. Mãi năm 1921, nhân dân Liên Xô mới đánh bại bọn phản động, tay chân của đế quốc, và đè bẹp các cuộc tấn công bằng quân sự của tư bản quốc tế, chuyển sang thời kỳ hòa bình khôi phục nền kinh tế quốc dân, thực hiện chính sách kinh tế mới. Đó là "an nhi tư nguy, trị nhi tư loạn" (nghĩa là: trong lúc yên mà nghĩ đến lúc nguy, trong lúc trị mà nghĩ đến lúc loạn). Tinh thần độc lập tự chủ, tự lực cánh sinh càng được nâng cao. Thật là "nhật xuất nhi tắc, nhật nhập nhi tức, tạc tỉnh nhi ẩm, canh điền nhi thực, đế nhi lực, hà hữu ư ngã tai" (nghĩa là: mặt trời mọc đi làm, mặt trời lặn về nghỉ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn, quyền lực hoàng đế, với ta có gì).

Chương XVI:

Hiểu rằng nếu quốc phòng không củng cố, không phát triển, thì không thể bảo vệ được đất nước, cho nên trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Liên Xô đã mở rộng việc chế tạo tàu thủy, bắt đầu chế tạo được tàu ngầm và tàu phá băng để chuẩn bị đi qua miền Bắc cực. Như vậy là hải quân của Liên Xô sẽ lớn mạnh. Còn về không quân thì máy bay của Liên Xô đã đuổi được "con chim đại bàng", một loại máy bay của Đức. Máy bay của Mỹ lúc đó còn phải lánh "con chim đại bàng". Nhưng Liên Xô vẫn chưa bằng lòng với mình. Các kỹ sư hàng không Liên Xô đang ra sức nghiên cứu để chế tạo nhiều loại máy bay tinh xảo hơn, tối tân hơn.

...

...

Chương XVII:

Pôn, Zô, Râu đi thăm một số nơi khác. Các làng mới ở Liên Xô không khác gì các thị trấn. Ở đây, nhiều làng đã có máy điện và máy thu thanh.

Nông dân người nào cũng có nhà ở. Họ được tự do hội nghị, tự do bầu cử, ứng cử. Họ không phải luồn cúi, phải "tha phương cầu thực" như ngày trước kia. Cái quý nhất đối với họ là tự do.

Còn ở thành thị thì các nhà máy cũ đang được củng cố, mở rộng, các công trường xây dựng nhà máy mới chỗ nào cũng có. Ngoài ra, là các công sở. Cũng như nông dân, công nhân đều có nhà ở, trái hẳn với nước Mỹ, hàng chục vạn công nhân không có nhà ở trong khi bọn tư bản có những tòa nhà cao ngất trời. Ở Nga, công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng. Họ có Đảng tiên phong (b) vô cùng anh hùng và sáng suốt. Chính Đảng này đã đem lại tự do thực sự cho các dân tộc, cho vô sản giai cấp, cho quần chúng trong Liên bang.

...

...

Chương XVIII:

Ở chương này, ba anh trích dịch một đoạn trong một bài học ở nhà trường phổ thông, đại ý như sau:

Do hai nguyên nhân chính về chính trị và kinh tế mà sinh ra bất bình đẳng. Tư bản có Chính phủ, Chính phủ của giai cấp tư bản. Bọn chúng đưa người ra làm vua, làm tổng thống. Bọn chúng là giai cấp thống trị. Về chính trị, chúng không cho những người bị trị, những người lao động, một chút tự do. Về kinh tế, bọn chúng bóc lột sức lao động của người bị trị bằng thặng dư giá trị. Tiền lương chúng trả quá bất công. Ví dụ, trong khi chúng trả cho những kỹ sư tay chân của chúng 1200 đồng một tháng thì lương công nhân chỉ 6 đồng. Đó là chưa nói bọn tư bản ngồi mát ăn bát vàng. Người công nhân đói khổ không biết kêu ai. Chỉ có tự cứu lấy mình bằng cách liên hiệp nhau lại làm cách mạng.

Chỉ bằng con đường ấy mới thoát khỏi cái cảnh:

Con vua thì lại làm vua,
Con sãi ở chùa thì quét lá đa.

Chương XIX:

Dưới chế độ phong kiến, Nga hoàng rất dâm bạo, tàn ác, bao nhiêu cô gái đẹp phải làm "đồ tiến"- món hàng chơi - cho vua. Nếu không cũng bị vua hay bọn quan lại hãm hiếp. Mang uất hận này, Narêđin đã làm náo động hoàng cung để cứu Miara, người yêu của mình, ra khỏi hang hùm nọc rắn.

Đâu phải chỉ Nga hoàng nhiều vợ mà bọn tư bản, bọn culắc đứa nào cũng lắm vợ không chính thức.

Còn công nhân và nông dân, những người khố rách áo ôm, rất khó khăn trong việc lấy vợ, lấy chồng.

Chế độ Nga hoàng bị đánh đổ. Nhà nước Xô viết đã thi hành luật "nhất phu phất phụ", nam nữ bình đẳng bình quyền. Trong xã hội không còn cái cảnh:

Trai làm nên năm thê bảy thiếp,
Kẻ nghèo hèn suốt kiếp không nhông. [1]

Đàn bà ở Nga được hưởng mọi quyền tự do, hạnh phúc như nam giới, có nhiều người làm chủ tịch các nông trường, làm thủ trưởng các cơ quan của Nhà nước:

Khắp năm châu phận đàn bà,
Có đâu mà được như Nga bây giờ?

Chương XX:

Ba anh được đến thăm một trại nhi đồng (ấu trĩ viên). Nhà nuôi dạy trẻ này sắp xếp các cháu nhi đồng theo lứa tuổi lớn bé khác nhau. Những người được cử ra chăm sóc thường là phụ nữ. Họ có nhiệm vụ nuôi các cháu: chóng lớn, chóng khôn, không chết. Ở đây các cháu được tập chơi, tập hát, tập giữ vệ sinh, tập ăn nói..., tập làm một công dân tí hon của Nhà nước Xô viết. Nhiều cháu khôi ngô, ngoan ngoãn và hết sức bụ bẫm. Các cháu hiểu biết rất nhanh. Có cháu mới lên năm tuổi đã biết nặn tượng theo hình vẽ truyền thần và nhiều hình khác. Những người phụ trách trại nhi đồng nói cho ba anh biết rằng: đó là mầm non, là tương lai của Tổ quốc, của chế độ xã hội chủ nghĩa, nên phải hết sức nâng niu, nuôi dạy:

Từ khi mới lọt lòng ra,
Trẻ con đã được dân Nga phù trì.

Chương XXI:

Các em thiếu nhi từ những trẻ chăn dê, chăn cừu, chăn trâu, bò... ngoài đồng cũng được tổ chức thành đội ngũ cách mạng gọi là đồng tử quân (pionnier). Các em được các anh chị phụ trách bày dạy cho hiểu cách mạng từ khi lên bảy, tám tuổi, ngoài việc học văn hóa trong các trường phổ thông. Nhà trường và đoàn thể phối hợp với nhau để giáo dục cho các em: lòng yêu Tổ quốc, tính thật thà, dũng cảm, tính ham học, biết trọng người lớn...

Râu liên tưởng đến những anh hùng dân tộc từ lứa tuổi trẻ măng, như Thánh Gióng phá tan giặc Ân; Đinh Bộ Lĩnh thuở bé chăn trâu cùng với các bạn mục đồng lấy bông lau làm cờ tập trận, thao luyện quân sự; Trần Quốc Toản mới tuổi thiếu niên đã tham gia cùng cha anh cầm quân đánh giặc

---

1. *Nhông*: tiếng Nghệ An nghĩa là chồng.

Nguyên; Hoàng Hoa Thám lúc nhỏ mồ côi cha mẹ, đã từng đi ở hầu hạ người ta, chăn trâu vất vả...

Trong chương này, ba anh được nghe những mẩu chuyện về thiếu nhi Liên Xô đã anh dũng thông minh trong cuộc kháng chiến vệ quốc:

Trẻ sao khôn lớn lạ đời,
Cũng bởi cách mạng dạy cách nuôi phải đường.

Chương XXII:

Ngoài các trường học khác, ở Liên Xô còn có trường học làm cách mạng. Đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tại Mạc Tư Khoa đã có trường dành riêng cho các nước, thuộc đủ các lục địa, các màu da. Liên Xô không xuất cảng cách mạng, nhưng đào tạo cán bộ cách mạng cho các nước. Liên Xô đặc biệt chú ý đến Á châu, nên đã xây dựng riêng cho các dân tộc phương Đông một ngôi trường lớn. Người các nước sang học không những học chủ nghĩa Mác-Lênin, học phương pháp làm cách mạng, học kinh nghiệm Liên Xô, mà còn học hỏi lẫn nhau để cùng tiến bộ. Học sinh học tại các trường ấy đối xử với nhau rất thân ái, không phân biệt chủng tộc, không phân biệt màu da, không phân biệt trình độ văn minh. Họ coi nhau như ruột thịt. Bởi họ cùng mang một lý tưởng cao đẹp là giải phóng nhân loại ra khỏi mọi ách áp bức, đưa loài người đến chỗ no ấm, tự do. Cho nên:

Rằng đây bốn bể một nhà,
Vàng đen trắng đỏ đều là anh em.

Chương XXIII:

Ba anh Pôn, Zô, Râu, được các đồng chí Nga đưa vào học tại một trường huấn luyện cán bộ. Càng học ba anh càng thấy học thuyết Mác - Lênin vô cùng quý giá. Lần đầu tiên đọc bản luận cương tóm tắt của Lênin về vấn đề dân tộc và cách mạng thuộc địa, Râu nhận thấy sức thuyết phục và sức hấp dẫn vô cùng mãnh liệt của học thuyết Lênin đối với những người dân mất nước khát khao độc lập, tự do. Anh nghĩ rằng: cách mạng thuộc địa là bộ phận khăng khít của cách mạng thế giới; cách mạng thế giới chẳng khác gì con chim có hai cánh mà khối liên hiệp các dân tộc thuộc địa là một trong hai cánh đó. Rằng: chủ nghĩa tư bản chẳng khác gì một con đỉa đói có một cái vòi bám vào giai cấp vô sản trong nước và một cái vòi bám vào giai cấp vô sản các nước thuộc địa và phụ thuộc. Nếu người ta muốn giết con vật đó thì phải đồng thời cắt cả hai vòi: nếu chỉ cắt một cái vòi thôi thì cái vòi kia vẫn tiếp tục sống và cái vòi đã bị cắt sẽ lại mọc ra...

Râu đọc xong, đặt tài liệu lên án sách, tiếp tục nghiền ngẫm, phấn khởi,

no hơi, nhưng vẫn không nén được nỗi niềm căm hờn uất ức chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc thực dân Pháp nói riêng. Anh có mấy dòng thơ:

Đế quốc Pháp!
Mày ơi mày!
Nan đào thoát,
Về phương Tây...
Sắp đến ngày,
Mày tan xương.

Học thuyết Mác - Lênin, đó là cái chìa khóa để mở ra con đường độc lập, tự do, hạnh phúc, con đường cải tạo thiên nhiên, cải tạo xã hội, giải phóng loài người. Ba anh muốn Việt Nam và các nước khác cũng đi theo con đường mà Liên Xô đã dẫn đầu.

Tiếp đó, ba anh gặp một cuộc họp của Quốc tế Cộng sản tại Mạc Tư Khoa. Ba anh mừng rỡ thấy trong số đại biểu đi họp và trúng cử vào Ban Chấp hành có một người Việt Nam. Như vậy là người Á Đông cũng biết làm cách mạng:

Dân Nga cách mạng thành công,
Dạy cho dân tộc Á Đông cách làm.

Chương XXIV:

Trong thời gian ở Nga, ba anh đã được nghe kể nhiều chuyện, đi thăm nhiều nơi, đã được học ở trường Đảng. Ba anh nghĩ đến xứ sở quê hương, muốn đem những điều mình học được, hiểu được về nói cho bà con nghe để bà con nghĩ đến thân phận nước mình, người mình. Song người nào cũng có tâm trạng: ở cũng tiếc mà ra về cũng tiếc. Cuối cùng ba anh quyết tâm ra về. Anh người Âu và anh người Phi dùng dằng mãi vì thấy nước Nga đẹp quá, tốt quá, cái gì cũng lạ, cũng tài. Song một người Nga nói: "Muốn thế cũng khó mà cũng không khó. Nước Nga đã làm được chắc các nước khác cũng làm được". Anh Râu thì nghĩ rằng Việt Nam nhất định làm được. Nhiệt liệt cảm ơn nhân dân Liên Xô đã làm cho họ giác ngộ. Một buổi sáng, cũng tại cửa biển Ôdétxa, ba anh xuống tàu về nước:

Bâng khuâng muốn ở muốn về,
Đem lời vàng đá đền nghì công nông.

*

* *

Phần kết luận nhìn lại bao quát quá trình chiến thắng của cách mạng

Nga, sự lãnh đạo sáng suốt, dũng cảm, tài tình, nhân đạo cao cả của Lênin và Đảng Cộng sản bônsêvích vĩ đại:

Không bột sao gột nên hồ,
Tay không xốc nổi cơ đồ, cừ không!

BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ Ở ĐÔNG DƯƠNG TỪ 1936 ĐẾN 1938

(Trích)

....

BÁO CHÍ

Theo tôi biết, ở Bắc Kỳ, cánh tả có những tờ báo như:

Demain (Ngày mai) - S.F.I.O. - Đảng Xã hội.

Tribune Républicaine (Diễn đàn Cộng hòa) - Pháp.

Effort (Cố gắng) - Tiến bộ - Tự trị (bản xứ).

Notre voix (Tiếng nói của chúng ta) - Cộng sản.

Đời nay - Cộng sản.

Người mới - Khuynh hướng xã hội.

Thế giới - Thanh niên tiến bộ.

Trung Kỳ:

Tiếng dân - Quốc gia.

Nam Kỳ:

Dân chúng - Cộng sản.

Lao động - Tiến bộ.

Đông phương - Tiến bộ.

Mới - Thanh niên dân chủ.

Các báo này tán thành đòi tự do dân chủ và ân xá chính trị phạm.

Tờ *Dân chúng*, xuất bản ở Sài Gòn từ tháng 7-1938, là tờ báo đầu tiên đã bất chấp đạo luật cấm phát hành nếu không được phép trước. Sau khi nó ra đời được một tháng, quyền tự do báo chí được

ban hành, nhưng hằng ngày người ta cứ tìm cách cắt xén và thủ tiêu đi, như về sau chúng ta sẽ thấy. Tôi nghĩ rằng *Dân chúng* cũng là tờ báo được nhiều người đọc nhất ở Đông Dương, vì số lượng phát hành của nó lớn hơn tất cả - mỗi số một vạn bản. Ngày 7-3, tờ báo bị tịch thu, các biên tập viên của báo bị bắt. Trong suốt tháng sau, 28 cuộc mít tinh phản đối đã nổ ra, một vài cuộc có tới 1.000 người tham dự; và để giúp đỡ tờ báo, một cuộc lạc quyên đã được tổ chức và thu được hơn 400 đồng trong một tuần lễ. Phản đối Chính phủ tìm cách ngăn cản các ứng cử viên của Mặt trận dân chủ trong cuộc bầu cử Hội đồng quản hạt, trong vòng đầu, báo *Dân chúng* đã đưa ra khẩu hiệu bỏ phiếu trắng và 2585 cử tri đã làm theo.

Báo *Đời nay* ở Bắc Kỳ cũng được rất nhiều người đọc, trong danh sách những người ủng hộ báo *Đời nay*, người ta đọc thấy tên phụ nữ, thanh niên, học sinh, công nhân, nông dân, tiểu thương ủng hộ từng xu nhỏ một. Người ta còn thấy tên một thiếu nữ ủng hộ tới 20 đồng bạc; có lẽ đó là một người cảm tình trẻ tuổi thuộc tầng lớp tư sản. Công nhân ở Boócđô, Havrơ, ở Xiêm, ở Lào và ở Việt Nam cũng đều gửi tiền để ủng hộ. Khi công nhân, nông dân, tiểu thương và hương sư có kêu ca điều gì thì họ cũng nhờ tới báo *Đời nay*.

Người đọc tờ *Notre voix (Tiếng nói của chúng ta)* thì ít hơn và chỉ gồm những người Đông Dương biết tiếng Pháp, làm chính trị. Đây là cương lĩnh của tờ *Notre voix* và cũng là Cương lĩnh chung của các tờ báo Cộng sản ở Đông Dương:

"*Tiếng nói của chúng ta* sẽ là tiếng nói của những người mong muốn hòa bình, muốn được tự do và hạnh phúc hơn, của những người quyết tâm đấu tranh cho một cuộc sống tốt đẹp hơn, đấu tranh chống lại các lực lượng bảo thủ và áp bức xã hội, chống lại những kẻ gây chiến, chủ nghĩa phát xít trong nước và quốc tế.

Nói một cách chính xác hơn *Tiếng nói của chúng ta* sẽ hoạt động để mở rộng và củng cố Mặt trận những lực lượng tiến bộ, Mặt trận dân chủ Pháp - Đông Dương, để tăng cường tình đoàn kết của nhân dân Đông Dương với các chiến sĩ anh hùng Trung Quốc, Tây Ban Nha và, nói chung, với toàn thể nhân dân thế giới".

Chính phủ thuộc địa tích cực dùng bạo lực chống lại các báo phái tả cũng như các báo dân chủ bản xứ. Chúng đuổi những công nhân, viên chức đọc các báo đó, đe dọa những độc giả khác, tịch thu báo và đôi khi cả tài chính của tòa báo, bắt bớ và tống giam các biên tập

viên và phóng viên, truy tố Ban biên tập trước tòa án, v.v... Các biên tập viên báo *Thanh niên* bị bắt ngay sau khi tờ báo phát hành! Thuế môn bài các đại lý báo *Đời nay* đều tăng 700%.

Nói về những cuộc đàn áp ấy, báo *Ngày mai*, cơ quan của Đảng Xã hội xuất bản ở Hà Nội, có viết:

"Người ta chỉ có thể khiển trách họ đã đề cập đến những vấn đề dân chủ, đã ca ngợi một sự hợp tác Pháp - Việt chân thành, một sự đoàn kết hợp lý trước họa phát xít... Người ta bóp nghẹt mọi tài liệu dân chủ và dung túng sách báo thân Nhật hoặc có khuynh hướng phát xít".

Kể ra đây tên một số sách bị cấm cũng là điều bổ ích:

– *Lênin*

– *Nước Nga Xô viết*

– *Tây Ban Nha*

– *Lịch sử cách mạng Trung Quốc*

– *Thắng lợi của Liên Xô do kiên nhẫn mà giành được*

– *Vũ trang của Liên Xô*

– *Sự nghiệp xây dựng lại Liên Xô*

–...

(tóm lại, tất cả các sách liên quan đến Liên Xô).

– *Tờrốtky, công cụ của chủ nghĩa phát xít* (chữ Trung Quốc).

– *Mặt trận thống nhất chống phát xít sau vụ Muynich* (chữ Trung Quốc)

(tất cả các sách chống phát xít), và cả những sách như:

– *Nguyên tắc xử thế* (tiếng dân tộc)

và các sách văn học như:

– *Những ngày tôi sống với Lênin*, của Gorơki cũng bị cấm.

Báo cánh tả bằng tiếng Việt bị cấm lưu hành ở Trung Kỳ và Cao Miên. Các báo Tờrốtkít và có khuynh hướng phát xít được khuyến khích và tự do lưu hành ở khắp nơi.

Cuốn *Tư bản* cũng bị cấm ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

(...)

Cuối tháng 7-1939

LINƠ

Hồ Chủ tịch với công tác báo chí.
Hội Nhà báo Việt Nam, 1972, tr. 11, 12, 13.

Ý KIẾN VỀ ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯƠNG CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỲ MẶT TRẬN DÂN CHỦ (1936 - 1939)

TIỂU DẪN.- Đứng trước nguy cơ bọn phát xít Đức, Ý, Nhật đang chuẩn bị gây chiến tranh thế giới để chia lại thị trường và tấn công Liên Xô, các Đảng Cộng sản đều chuyển hướng hoạt động: lập Mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chiến tranh. Ở Việt Nam, tháng 7-1936, Trung ương Đảng ta họp Hội nghị quyết định tạm thời không nêu khẩu hiệu "Đánh đổ đế quốc Pháp" và "Tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày", mà chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương, sau đổi tên là Mặt trận dân chủ Đông Dương.

Thời gian này, đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ Trung Quốc theo sát tình hình trong nước, thường gửi thư về cho Trung ương Đảng ta, nêu ra những chủ trương lớn, giúp chỉ đạo phong trào.

Dưới đây là ý kiến của đồng chí Nguyễn Ái Quốc về đường lối, chủ trương của Đảng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ (1936 - 1939):

1. Lúc này, Đảng không nên đưa ra những đòi hỏi quá cao (Độc lập dân tộc, Nghị viện, v.v...). Như thế sẽ rơi vào cạm bẫy của bọn phát xít Nhật.

Chỉ nên đòi các quyền dân chủ, tự do tổ chức, tự do hội họp, tự do báo chí và tự do ngôn luận, đòi ân xá toàn thể chính trị phạm, đấu tranh để Đảng được hoạt động hợp pháp.

2. Muốn đạt được mục đích trên, phải ra sức tổ chức một Mặt trận dân tộc dân chủ rộng rãi.

Mặt trận ấy không những chỉ có người Đông Dương, mà bao gồm cả những người Pháp tiến bộ ở Đông Dương, không những chỉ có nhân dân lao động mà gồm cả giai cấp tư sản dân tộc.

3. Đối với tư sản dân tộc, Đảng phải có thái độ khéo léo, mềm dẻo - phải hết sức lôi kéo họ và giữ họ ở trong Mặt trận, thúc đẩy họ hành động nếu có thể, cô lập họ về chính trị nếu cần. Tránh hết sức để họ ở ngoài Mặt trận, vì như thế là đẩy họ rơi vào tay bọn phản động, là thêm lực lượng cho chúng.

4. Đối với bọn Tờrốtkít, không thể có thỏa hiệp nào, một nhượng bộ nào. Phải dùng mọi cách để lột mặt nạ chúng làm tay sai cho chủ nghĩa phát xít, phải tiêu diệt chúng về chính trị.

5. Để phát triển và củng cố lực lượng, mở rộng ảnh hưởng và hoạt động có hiệu quả, Mặt trận dân chủ Đông Dương phải có liên hệ chặt chẽ với Mặt trận bình dân Pháp, vì Mặt trận này cũng đấu tranh cho các quyền tự do, dân chủ và có thể giúp rất nhiều cho ta.

6. Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo.

7. Muốn làm được nhiệm vụ trên, Đảng phải đấu tranh không nhân nhượng chống tư tưởng bè phái, và phải tổ chức học tập có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin để nâng cao trình độ văn hóa và chính trị cho các đảng viên. Phải giúp đỡ cán bộ không đảng phái nâng cao trình độ. Phải duy trì quan hệ chặt chẽ với Đảng Cộng sản Pháp.

8. Ban Chấp hành Trung ương phải kiểm soát các báo chí của Đảng để tránh những khuyết điểm về kỹ thuật và chính trị (ví dụ: đăng tiểu sử đồng chí R., báo *Lao động* viết đồng chí đó ở đâu, đồng chí đó trở về như thế nào, v.v... Báo đó lại đăng và không bình luận gì về bức thư của đồng chí này cho rằng chủ nghĩa Tờrốtkít là sản phẩm của tính khoe khoang cá nhân, v.v...).

Tháng 7-1939
NGUYỄN ÁI QUỐC

Kết hợp chặt chẽ lòng yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 79.

THƯ VỢ GỬI CHỒNG

TIỂU DẪN. – Bài thơ dưới đây rút trong hồi ký của đồng chí Vũ Anh: *Từ Côn Minh về Pác Bó (Bác Hồ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960). Trong hồi ký, tác giả ghi rõ: "Ở Vân Nam lúc đó có nhiều tờ báo. Có tờ của ta chỉ lấy tên là "Đ.T.", hiểu là *Đảng ta, Đấu tranh* hay *Đánh Tây* cũng được. Báo in bằng kính như kiểu in đá. Anh Phùng Chí Kiên viết chữ trái. Tôi phụ trách in... Bác cũng tham gia viết bài... Một hôm Bác đưa cho "Tòa báo" một bài thơ, Bác nói đùa: "Thơ này là thơ của vợ Trịnh Đông Hải (tức Vũ Anh – NBS) gửi ra đây". Bài thơ đăng lên, các anh em hoạt động đều rất thích nghe, như có vợ nhắn nhủ mình thật".

Đầu đề bài thơ là do chúng tôi tạm đặt.

Ba bốn năm trời luống nhớ thương,
Nhớ chồng lưu lạc tại tha hương.
Tóc thề đã chấm ngang vai thiếp,
Lụy nhớ e chưa ráo mắt chàng.
Thù nước, thù nhà, chàng gắng trả,
Việc nhà, việc cửa, thiếp xin đương.
Bao giờ đuổi sạch quân thù địch.
Ta sẽ sum vầy ở cố hương.

Khoảng 1940

Bác Hồ, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1960, tr. 148.

BÀI SỚ ỨNG KHẨU Ở CHỈ THÔN [1]

(Trích)

TIỂU DẪN. – Trong hồi ký của đồng chí Lê Tùng Sơn, *Bác Hồ với kiều bào (Đầu nguồn*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1975), có đoạn ghi: "Giặc Nhật cho máy bay... ném bom phá hủy cầu xe lửa Pô Chai giữa lúc một đoàn tàu dài vừa lọt vào chính giữa cầu, gây nên tội ác khủng khiếp, làm chết và bị thương hàng trăm mạng dân thường... trong đó có hai mươi Việt kiều... Cụ Trần (tức đồng chí Nguyễn Ái Quốc) lần lượt tới chia buồn, an ủi các gia đình... Giữa khu tập thể công nhân có một ngôi đền... dành cho kiều bào đến cúng lễ... Trông coi ngôi đền... là ông tự Thanh... chỉ biết võ vẽ dăm ba chữ Nho, tính nết lại lười biếng, hay rượu chè, nên bà con... không tín nhiệm. Lần này làm lễ cầu hồn, bà con nhất trí đòi ông tự phải đi mời bằng được Cụ Trần đến giúp lễ... Cụ Trần vui vẻ nhận lời ngay, và qua buổi lễ tìm cách giác ngộ bà con kiều bào". Bài thơ trên ra đời trong hoàn cảnh ấy làm cho bà con tham dự lễ vô cùng xúc động. "Người nào người ấy đều cảm thấy lòng mình bị thôi thúc, giục giã, cần phải đứng ngay dậy, cần phải bắt tay hành động".

Nam mô Phật tổ Như Lai,
Chúng sinh nheo nhóc dưới trời Tây phương.
Trăm tầng áp bức thảm thương,
Thân gầy như củi, xác nhường thây ma.
Đâu là phúc đẳng hà sa?
Đâu là cõi Phật, đâu là cảnh tiên?
....
Nam mô Bồ Tát Thế tôn,
Tiếp dẫn linh hồn về Mạc Tư Khoa.
Đấy là phúc đẳng hà sa,
Đấy là hạnh phúc, đấy là thần tiên.
....
Quân giặc Nhật thật là tàn ác,
Vừa rồi đây oanh tạc Pô Chai.
Kiều bào mấy chục mạng người,
Thây tan thịt nát quê người thảm thê.

1. Chỉ Thôn thuộc huyện Mông Tự, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Khóc than cũng khôn bề cứu sống,
Phải vùng lên như đấng Thiên vương.
Thù nhà nợ nước đôi đường,
Đã vì người chết, càng thương giống nòi.
Đừng tin vào số mệnh trời,
Mà do quân Nhật giết người gây nên.
Hồn ơi, hồn có linh thiêng!
Hãy cùng người sống báo đền nước non.
Người còn thì nước phải còn.
....

Khoảng đầu hè 1940

Đầu nguồn, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1975, tr. 406.

CỨU TRUNG QUỐC THỊ CỨU TỰ KỶ

TIỂU DẪN. – Bài *Cứu Trung Quốc thị cứu tự kỷ* (Cứu Trung Quốc là tự cứu mình) – theo tài liệu của Giáo sư Phan Văn Các cho biết – có xuất xứ từ một bài báo của Nguyễn Ái Quốc với bút danh Bình Sơn đăng trên *Cứu vong nhật báo*, mục *Văn hóa cương vị* ngày 4-12-1940.

Cứu vong nhật báo là một tờ báo do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, sáng lập ở Thượng Hải tháng 8 năm 1937, sau dời về Quảng Châu, ra mắt vào dịp Nguyên đán năm 1938. Mùa thu năm 1938 dời về Quế Lâm, ra lại vào ngày 10-1-1939. Ngày 28-2-1941 (sau sự biến Hoa Nam do bọn phản động Quốc dân đảng gây ra bị đình chỉ hoạt động. Ở Quế Lâm, tòa báo đặt tại nhà số 12 đường Thái Bình.

Một buổi tối tháng 11 năm 1940, Nguyễn Ái Quốc đến nơi ở của Hạ Diễn, lúc đó là Tổng biên tập *Cứu vong nhật báo* trên đường Thái Bình (Quế Lâm, Quảng Tây), mang theo một bản thảo.

Hạ Diễn đề nghị Người sao một bản, bỏ vào phong bì gửi bằng đường bưu điện đến cho tòa báo, để phòng khi bị bọn Quốc dân đảng lục soát thì Hạ Diễn sẽ có chiếc phong bì đóng con dấu bưu cục mang ra đối phó.

Từ đó Nguyễn Ái Quốc thường gửi bài đến tòa báo.

Người đến Quế Lâm vào tháng 10 năm 1940 và trung tuần tháng 12 thì dời Quế Lâm. Trong thời gian đó, Người đã viết cho *Cứu vong nhật báo* 8 bài sau đây:

– *Trì oa dữ hoàng ngưu* (Con nhái và con bò) đăng ngày 24 tháng 11.

– *Lưỡng cá Phàm Nhĩ Tái chính phủ* (Hai chính phủ Versailles) đăng ngày 29 tháng 11.

– *Tạo dao* (Đặt điều) đăng ngày 1 tháng 12.

– *Việt Nam nhân dân dữ Trung Quốc báo chí* (Nhân dân Việt Nam với báo chí Trung Quốc) đăng ngày 2 tháng 12.

– *An Nam ca dao dữ Trung Quốc kháng chiến* (Ca dao An Nam với cuộc kháng chiến của Trung Quốc) đăng ngày 4 tháng 12.

– *Ngư mục hỗn châu* (Mắt cá đánh lận ngọc trai) đăng ngày 5 tháng 12.

– *Ý Đại Lợi thực bất đại lợi* (Ý Đại Lợi thực không đại lợi) đăng ngày 6 tháng 12.

– *Việt Nam "phục quốc quân" hoàn thị mại quốc quân* (Việt Nam "phục quốc quân" hay là mại quốc quân) đăng ngày 18 tháng 12.

Bảy bài đầu đều đăng ở chuyên mục *Văn hóa cương vị,* riêng bài cuối đăng ở mục *Bản báo đặc cảo.* Trong đó bốn bài *Con nhái và con bò, Hai chính phủ Versailles, Đặt điều* và *Ý Đại Lợi thực không đại lợi* thuộc loại bình luận quốc tế, bốn bài còn lại đều xoay quanh chủ đề cách mạng Việt Nam và mối quan hệ Việt – Trung.

Trong bài thứ 5, tác giả làm lời "một nhà báo" đưa tin về tình hình nhân dân Việt Nam chi viện mọi mặt cho cuộc kháng chiến của Trung Quốc. Người viết: "Đại đa số nhân dân An Nam đều hết sức đồng tình với cuộc kháng chiến của Trung Quốc... Để mở rộng việc tuyên truyền giúp Trung Quốc chống Nhật. *Việt Nam độc lập đồng minh hội* – một đoàn thể sôi nổi hoạt động nhưng cũng rất bí mật – đã nghĩ ra một cách rất tài tình: Họ đã đặt ra những bài hát theo các làn điệu phổ thông và dạy cho trẻ em hát. Thế là tự nhiên không hề hay biết gì cả, các cháu bé An Nam trở thành những tuyên truyền viên rất đắc lực. Những bài hát đó chẳng mấy chốc đã truyền khắp cả nước. Cuối cùng bài báo "đã sao lại một bài ca dao lưu hành ở Việt Nam". Đó là một bài ca tuyên truyền của Nguyễn Ái Quốc viết bằng bạch thoại. Tuyên truyền bằng hình thức ca dao vốn là một sở trường của Nguyễn Ái Quốc như chúng ta đã biết trong hàng loạt bài ca tiếng Việt đăng trên báo *Việt Nam độc lập* những năm sau đó.

Toàn bộ nội dung trên đã được Hạ Diễn kể lại rất tỉ mỉ và sinh động trong hai bài hồi ký của ông: bài *Hồi ức về nghề làm báo – Kể về Cứu vong nhật báo* ở Quế Lâm đăng trên *Dương Thành văn báo* từ ngày 6 đến ngày 11-7-1981 và bài *Nhà báo đầu bạc kể chuyện năm xưa – Nói tiếp về Cứu vong nhật báo* đăng trong *Tân văn nghiên cứu tư liệu* năm 1981, tập 2.

Hồi Nguyễn Ái Quốc quen Hạ Diễn là qua mối quan hệ với Văn phòng Bát lộ quân ở Quế Lâm. Năm 1957, Hạ Diễn dẫn đầu đoàn đại biểu Bộ Văn hóa Trung Quốc sang thăm Việt Nam đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tại Phủ Chủ tịch. Trong buổi tiếp, nhắc lại chuyện cũ. Người vui vẻ nói với Hạ Diễn: "Bài ấy của tôi, đồng chí đã trả nhuận bút năm đồng. Năm đồng hồi đó là quý lắm".

救 中 國 是 救 自 己

平 山

日本東方法西斯
野蠻凶暴又殘酷
發動了侵華戰爭
中國人民被荼毒
人被殺了家被焚
滿地血紅滿山骨
飛機炸彈無可免
饑寒疾病難生活
他們艱苦地鬥爭
保衛民主與和平

他們需要援助者
他們需要有同情
日鬼向世界進攻
他是人類之公敵
越南兄弟姐妹啊
快快起來助中國
努力幫助中國人
中國越南如唇齒
須知唇亡則齒寒
救中國是救自己

Phiên âm:

CỨU TRUNG QUỐC THỊ CỨU TỰ KỶ

Nhật Bản Đông phương pháp tây tư,
Dã man hung bạo hựu tàn khốc.
Phát động liễu xâm Hoa chiến tranh,
Trung Quốc nhân dân bị đồ độc.
Nhân bị sát liễu, gia bị phần,
Mãn địa huyết hồng, mãn sơn cốt.
Phi cơ tạc đạn vô khả miễn,
Cơ hàn tật bệnh nan sinh hoạt.
Tha môn gian khổ địa đấu tranh,
Bảo vệ dân chủ dữ hòa bình.
Tha môn nhu yếu viện trợ giả,
Tha môn nhu yếu hữu đồng tình.
Nhật quỷ hướng thế giới tiến công,
Tha thị nhân loại chi công địch.
Việt Nam huynh đệ tỉ muội a,
Khoái khoái khởi lai trợ Trung Quốc.
Nỗ lực bang trợ Trung Quốc nhân,
Trung Quốc Việt Nam như thần xỉ.
Tu tri thần vong tắc xỉ hàn,
Cứu Trung Quốc thị cứu tự kỷ.

Bình Sơn 4-12-1940

Dịch nghĩa:

CỨU TRUNG QUỐC LÀ TỰ CỨU MÌNH

Nhật Bản là bọn phát xít phương Đông,
Dã man, hung bạo lại tàn khốc,
Đã gây ra cuộc chiến tranh xâm lược Trung Hoa,
Nhân dân Trung Quốc bị đầu độc khổ sở.
Người thì bị giết, nhà bị đốt,
Đầy đất máu đỏ, đầy núi xương phơi.
Tàu bay bom đạn, không thể tránh khỏi,
Đói rét, bệnh tật, khó sống nổi.
Họ đang đấu tranh một cách gian khổ,
Bảo vệ dân chủ và hòa bình.
Họ cần có người viện trợ,
Họ cần có sự đồng tình.
Giặc Nhật tiến công cả thế giới,
Chúng là kẻ thù chung của loài người.
Anh em chị em Việt Nam ơi!
Mau mau đứng lên giúp Trung Quốc.
Ra sức giúp đỡ người Trung Quốc,
Trung Quốc, Việt Nam như môi với răng,
Phải biết rằng môi hở thì răng lạnh,
Cứu Trung Quốc là cứu chính mình.

Bình Sơn *4-12-1940*

Dịch thơ:

CỨU TRUNG QUỐC LÀ TỰ CỨU MÌNH

Nhật Bản phát xít ở phương Đông,
Dã man cuồng bạo lại tàn hung.
Vào Trung Hoa gây chiến xâm lược,
Nhân dân Trung Quốc khổ vô cùng.

Người thì bị giết, nhà bị thiêu,
Núi đầy xương, đất đầy máu đỏ.
Tàu bay, bom đạn, tránh làm sao?
Đói rét, ốm đau, sống thật khó.

Họ đang đấu tranh rất gian khổ,
Giữ gìn dân chủ và hòa bình.
Họ đang cần có người viện trợ,
Họ đang cần được sự đồng tình.

Giặc Nhật tấn công cả thế giới,
Là kẻ thù chung cả nhân loại.
Mau đứng lên mà giúp Trung Hoa,
Anh chị em Việt Nam ta hỡi!

Ra sức giúp cho người Trung Quốc,
Trung – Việt khác nào môi với răng.
Nhớ rằng môi hở thì răng buốt,
Cứu Trung Quốc là tự cứu mình.

Phan Văn Các *dịch*

PÁC BÓ HÙNG VĨ

Non xa xa, nước xa xa,
Nào phải thênh thang mới gọi là.
Đây suối Lênin, kia núi Mác [1],
Hai tay xây dựng một sơn hà.

Tháng 2-1941

Thơ Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 9.

TỨC CẢNH PÁC BÓ

Sáng ra bờ suối, tối vào hang [2],
Cháo bẹ, rau măng vẫn sẵn sàng [3].
Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng [4],
Cuộc đời cách mạng thật là sang.

Tháng 2-1941

Thơ Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 10.

---

1. *Suối Lênin, núi Mác*: ở gần hang Cốc Bó (thuộc Pác Bó, Hà Quảng, Cao Bằng) có con suối và một ngọn núi cao kề bên. Khi đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước (ngày 8-2-1941) đến ở hang này, Người đã đặt tên con suối là suối Lênin, và đặt tên cho ngọn núi là núi Mác (tức Các Mác).

Cốc Bó: tiếng Tày có nghĩa là gốc nước, còn Pác Bó là miệng nguồn.

2. *Hang*: hang Cốc Bó. (Xem chú thích 1).

3. *Cháo bẹ*: cháo ngô.

4. Hồi ở Pác Bó, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô* ra tiếng Việt, làm tài liệu học tập cho cán bộ cách mạng. Người thường ngồi làm việc ở cái bàn đá chỉ cách mép nước dòng suối Lênin mấy bước chân. Theo các đồng chí hoạt động cách mạng ở Pác Bó hồi đó, bài thơ này được tác giả viết bằng than trên vách đá của hang Cốc Bó. Về sau, Người đã xóa bài thơ đó, vì để khi bị lộ phải rời hang, địch lùng sục cũng không tìm ra dấu vết cơ quan.

KÍNH CÁO ĐỒNG BÀO

(Trích)

TIỂU DẪN: – Ngày 8-2-1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ nước ngoài trở về Tổ quốc, trực tiếp lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941, Người đã chủ trì Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng họp tại Pác Bó (Cao Bằng) để quyết định đường lối chính sách mới, nêu cao khẩu hiệu giải phóng dân tộc, thành lập Mặt trận Việt Minh, đổi tên các tổ chức quần chúng cách mạng thành Hội Cứu quốc và chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành chính quyền... Sau Hội nghị, ngày 6-6-1941, Người viết lá thư này (ký tên là Nguyễn Ái Quốc) gửi đồng bào cả nước, kêu gọi toàn dân đoàn kết đứng dậy đánh đổ phát xít Nhật – Pháp, giành lại độc lập, tự do cho nước nhà. Bức thư với lời văn rất trong sáng, vừa thiết tha tình cảm, vừa mạnh mẽ hùng hồn, nêu lên những tình cảm thiêng liêng nhất của người Việt Nam, có sức truyền cảm mạnh mẽ, "đã gây một tác động lớn trong đồng bào và các đồng chí ta suốt từ Bắc chí Nam" (Võ Nguyên Giáp: *Từ nhân dân mà ra,* Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1969, tr. 40).

Cùng với Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Trung ương Đảng, Thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc góp phần quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Hỡi các bậc phụ huynh!
Hỡi các hiền nhân, chí sĩ!
Hỡi các bạn sĩ, nông, công, thương, binh!

Pháp đã mất nước cho Đức. Thế lực của chúng ở ta đã điêu tàn, song đối với chúng ta, chúng tăng sưu tăng thuế để vơ vét tài sản; chúng khủng bố trắng để giết hại nhân dân. Đối với ngoài, chúng quỳ gối chắp tay đầu hàng Nhật Bản. Dân ta một cổ đôi tròng: đã làm trâu ngựa cho Tây, lại làm nô lệ cho Nhật.

Trước tình cảnh đau đớn, xót xa ấy, ta có chịu khoanh tay chờ chết không?

Không, quyết không! Hơn 20 triệu con Lạc cháu Hồng quyết không chịu làm vong quốc nô mãi!

Bảy tám mươi năm nay dưới quyền thống trị của giặc Pháp,

chúng ta luôn luôn tranh đấu giành quyền độc lập, tự do. Tấm gương oanh liệt của các bậc lão tiền bối như Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, Lương Ngọc Quyến còn treo đó. Tinh thần anh dũng của các liệt sĩ ở Thái Nguyên, Yên Bái, Nghệ An hãy còn đây.

Những cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Bắc Sơn, Đô Lương vừa rồi đã tỏ rằng: đồng bào ta quyết nối gót người xưa, phấn đấu hy sinh đặng phá tan xiềng xích.

Việc lớn chưa thành, không phải vì đế quốc mạnh, nhưng một là vì cơ hội chưa chín, hai là vì dân ta chưa hiệp lực đồng tâm.

Nay cơ hội giải phóng đã đến rồi, đế quốc Pháp bên Âu đã không thể tự cứu, càng không thể cứu bọn thống trị Pháp ở ta.

Đế quốc Nhật đã bị sa lầy ở Trung Hoa, lại đương gay go với Anh – Mỹ. Hiện thời muốn đánh Pháp, Nhật ta chỉ cần một điều:

TOÀN DÂN ĐOÀN KẾT

Hỡi đồng bào! Hãy noi gương vĩ đại của nhân dân Trung Quốc, tổ chức những Hội cứu quốc chống Pháp, chống Nhật.

Hỡi các bậc phụ huynh! Hỡi các bậc hiền nhân, chí sĩ! Mong các ngài sẽ noi gương phụ lão đời nhà Trần trước họa giặc Nguyên xâm lấn, đã nhiệt liệt hô hào con em tham gia sự nghiệp cứu quốc.

Hỡi các bậc phú hào yêu nước, thương nòi! Hỡi các bạn công, nông, binh, thanh niên, phụ nữ, công chức, tiểu thương!

Trong lúc *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy*, chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sâu lửa nóng.

Hỡi đồng bào yêu quý! Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm: người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành tự do, độc lập, dầu phải hy sinh tính mệnh cũng không nề.

Hỡi các chiến sĩ cách mệnh! Giờ giải phóng đã đến! Hãy phất cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung! Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đương vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng của các bậc anh hùng đương sục sôi trong lòng các đồng chí! Chí

phấn đấu của quốc dân đương chờ đợi sự lãnh đạo của các đồng chí!

Chúng ta hãy tiến lên! Toàn thể đồng bào tiến lên!

Đoàn kết thống nhất đánh đuổi Pháp, Nhật!
Việt Nam cách mệnh thành công muôn năm!
Thế giới cách mệnh thành công muôn năm!

6-6-1941
NGUYỄN ÁI QUỐC

Tạp chí *Học tập*, số 9, 1971.

HOAN NGHÊNH THANH NIÊN HỌC QUÂN SỰ [1]

Nước ta mất đã lâu rồi,
Đồng bào cực khổ, suốt đời gian nan!
Suốt đời chịu kiếp lầm than,
Sưu cao thuế nặng, cơ hàn xót xa!
Vì ai tan cửa nát nhà,
Chồng lìa vợ, con lìa cha tơi bời?
Vì ai non nước rã rời,
Giống nòi sỉ nhục chơi vơi thế này?
Vì giặc Nhật, vì giặc Tây!
Thanh niên ta phải thế này gay go.
Học hành không được tự do,
Học cho mù tối, học cho ngu hèn!
Mấy năm cặm cụi sách đèn,
Học rồi cũng bỏ, tốn tiền như không.
Muốn làm cũng chẳng có công,
Ông tham "san rát" [2] thầy thông "bú dù". [3]

---

1. Tư liệu của Vũ Anh và Lê Khánh Soa.

2. *San rát* (sale race): tiếng Pháp có nghĩa là nòi giống bẩn thỉu.

3. *Bú dù* (bouzou): tiếng Pháp có nghĩa là con khỉ. Trong câu này tác giả ngụ ý rằng những người làm công chức cho Pháp, bề ngoài hãnh diện là được làm ông tham, ông phán, ông thông; nhưng mà bên trong thì nhục nhã, thường bị chủ Tây mắng là "san rát", là "bú dù".

Những người không muốn si ngu,
Người giam Hà Nội, kẻ tù Sơn La!
Nước Nam là nước Nam ta,
Vì ai đến nỗi xót xa thế này?

*
* *

Muốn đánh Nhật, muốn đánh Tây,
Thanh niên ta phải ra đây học hành.
Một là học việc nhà binh,
Hai là học biết tình hình người ta.
Thanh niên là chủ nước nhà,
Phải cho oanh liệt mới là thanh niên.
Gan phải to, chí phải bền,
Không sợ khổ, không sợ phiền mới nên.
Anh em đoàn kết vững bền,
Phải nghiêm kỷ luật, phải chuyên tập tành.
Đối đoàn thể, phải trung thành,
Phải dũng cảm, phải hy sinh mới là.
Ở trong, phải rất thuận hòa,
Ra ngoài, phải nhớ mình là người Nam.
Phải siêng học, phải siêng làm,
Chớ cam thua bạn, không cam kém người.
Người siêng một, mình siêng mười,
Đừng cho thiên hạ chê cười thanh niên.
Mai sau học nghiệp vẹn tuyền,
Đánh Tây đuổi Nhật, giành quyền tự do.
Sự nghiệp này là rất to,
Thanh niên ta phải gắng lo, mới thành!
Việt Nam độc lập đồng minh,
Mấy lời thành thực hoan nghênh học trò!

Tháng 7-1941

KHUYÊN ĐỒNG BÀO MUA BÁO "VIỆT NAM ĐỘC LẬP"

TIỂU DẪN. – Sau khi thành lập Mặt trận Việt Minh (tháng 5-1941), đồng chí Nguyễn Ái Quốc quyết định cho xuất bản một tờ báo lấy tên là *Việt Nam độc lập, gọi tắt* là *Việt lập*. Báo *Việt Nam độc lập*, cơ quan tuyên truyền của Việt Minh Cao - Bắc - Lạng, do Người sáng lập và chỉ đạo trực tiếp. Số đầu tiên (đánh số 101) ra ngày 1-8-1941 tại khu rừng Khuổi Nậm (Pác Bó, Cao Bằng).

Dù bận rộn công việc lãnh đạo phong trào cách mạng, Người vẫn quan tâm đặc biệt đến tờ báo, trực tiếp chỉ đạo, duyệt bài, viết bài, vẽ tranh, đôi khi còn làm cả việc lấy tin, in báo. Nhiều thơ ca của Người trong giai đoạn 1941 - 1942 đã in lần đầu tiên trên báo này, và đều không ký tên. Những bài của Người đã in ở báo *Việt Nam độc lập* mà chúng tôi giới thiệu trong tập này vì vậy cũng không ghi bút danh. Báo *Việt Nam độc lập* tính đến ngày 30-9-1945 đã ra được 129 số. Từ tháng 8-1942 cho đến tháng 5-1945, báo *Việt Nam độc lập* do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách.

Về tờ báo *Việt Nam độc lập* do đồng chí Nguyễn Ái Quốc sáng lập, hồi ký của đồng chí Võ Nguyên Giáp ghi: "Gọi là ra báo, nhưng chỉ là một phiến đá, một hộp mực. Tuy nhỏ bé, đơn giản, thế nhưng tác dụng của báo lại rất to lớn, tờ báo *Việt lập* đã là người cán bộ tuyên truyền, tổ chức, đấu tranh, gây ảnh hưởng cách mạng thật mau chóng" (*Bác Hồ*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 188).

Đế quốc Pháp thật là ác nghiệt,
Làm dân ta như điếc, như mù.
Làm ta dở dại dở ngu,
Biết gì việc nước biết đâu việc đời.
Báo "Độc lập" hợp thời đệ nhất,
Làm cho ta mở mắt mở tai.
Cho ta biết đó biết đây,
Ở trong việc nước, ở ngoài thế gian.
Cho ta biết kết đoàn tổ chức,
Cho ta hay sức lực của ta.
Cho ta biết chuyện gần xa,
Cho ta biết nước non ta là gì.

Ai không chịu ngu si mù tối,
Ắt phải xem báo ấy mới nên.
Giúp cho báo ấy vững bền,
Càng ngày càng lớn càng truyền khắp nơi.
Khuyên đồng bào nhớ bấy nhiêu lời!

Báo Việt *Nam độc lập*, số 101 (tức số 1),
ngày 1-8-1941.

XÃ LUẬN BÁO "VIỆT NAM ĐỘC LẬP"

Tây cốt làm cho dân ta ngu, làm cho dân ta hèn. Ngu thì phải hèn. Ta ngu hèn thì nó dễ trị, dễ ăn hiếp, dễ bóc lột.

Tây có hai cách làm cho ta ngu hèn:

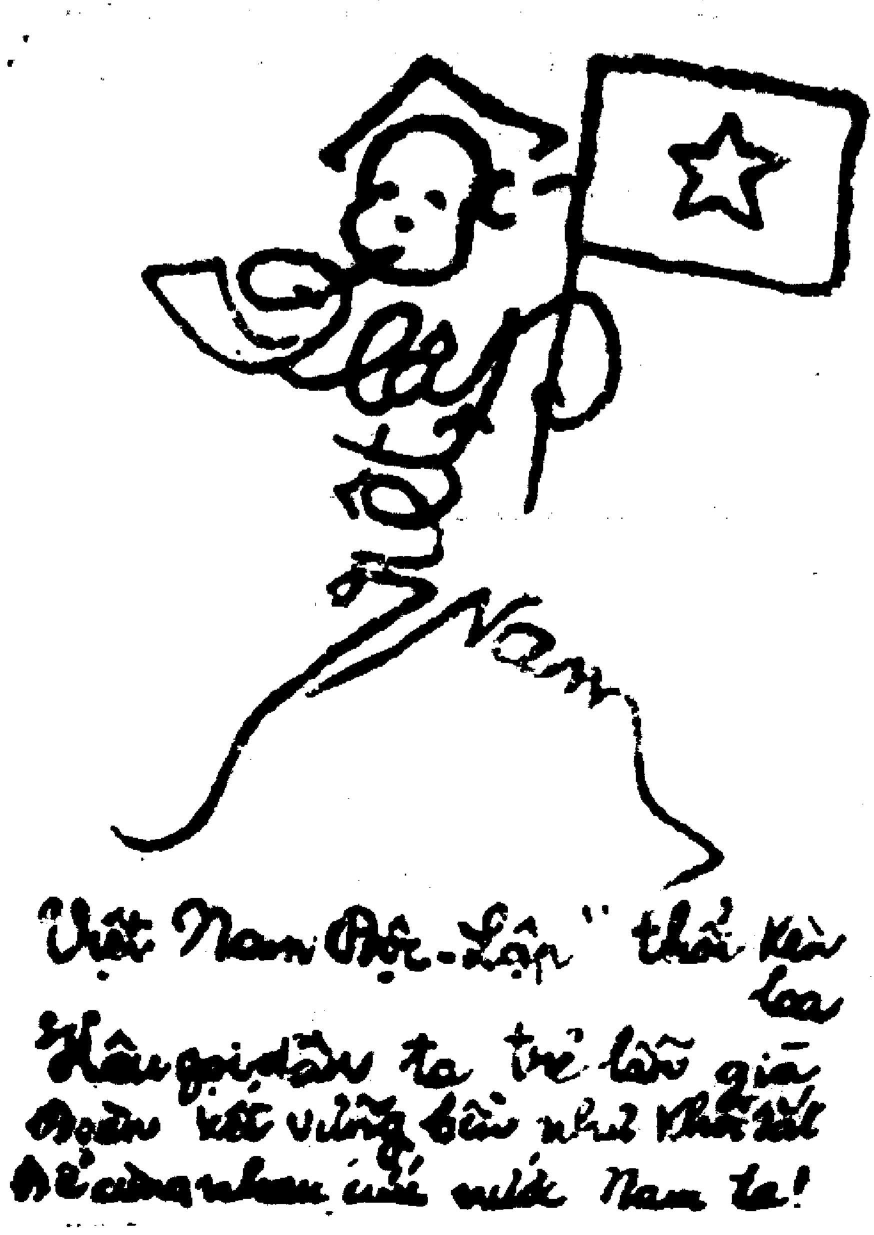
1. là cách bưng mắt. Nó không cho ta tự do ra báo chí. Nên trong nước và thiên hạ có việc gì lạ cũng không biết. Ví dụ: khi Tây mất nước rồi, dân ta khởi nghĩa ở Nam Kỳ, ở Nghệ An, ở Bắc Sơn mà ta ở Cao Bằng không biết gì hết. Ví dụ: dân Tầu đánh Nhật hăng hái thế nào, ta cũng không biết gì hết.

2. là cách lừa gạt. Nó bảo bọn đê hèn như báo *Đông Pháp* đăng tin bố láo để lừa gạt dân ta. Ví dụ: dân ta không có muối, không có diêm, không có dầu, không có ăn. Đâu đâu cũng oán Tây, cũng lục xục, mà báo *Đông Pháp* cứ nói như nước ta thái bình lắm. Ví dụ: ở Xyri, Tây bị đánh thua chạy không kịp, mà báo *Đông Pháp* nói như Tây vẫn thắng trận.

Tây cốt làm cho dân ta ngu hèn. Báo *Việt Nam độc lập* cốt làm cho dân ta hết ngu hèn, biết các việc, biết đoàn kết, đặng đánh Tây đánh Nhật, làm cho Việt Nam độc lập, bình đẳng, tự do.

Ngày 9-8-1941

Hồ Chủ tịch với công tác báo chí,
Hội Nhà báo Việt Nam, 1927, tr. 16.



Tranh (có phụ đề) của đồng chí Nguyễn Ái Quốc
in trên báo Việt Nam độc lập (21-8-1941): :Việt Nam độc lập" thổi kèn loa...

LỜI THƠ PHỤ ĐỀ TRANH CỔ ĐỘNG BÁO "VIỆT NAM ĐỘC LẬP"

Việt Nam độc lập thổi kèn loa,
Kêu gọi dân ta trẻ lẫn già.
Đoàn kết vững bền như khối sắt,
Để cùng nhau cứu nước Nam ta! [1]

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 103 (số 3), ngày 21-8-1941.

MƯỜI CHÍNH SÁCH CỦA VIỆT MINH

TIỂU DẪN. - Ngày 19-5-1941, Mặt trận Việt Minh chính thức ra đời, phất cao cờ đỏ sao vàng, kêu gọi toàn dân đánh Pháp đuổi Nhật, cứu nước, cứu nhà, kêu gọi toàn thể nhân dân hãy phấn chấn, tự cường, tự lực cánh sinh, vì "việc giải phóng của ta phải do ta làm lấy". Trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5-1941 đã giới thiệu những nội dung chủ yếu của chương trình Việt Minh. Sau đó, ngày 25-10-1941, Tổng bộ Việt Minh lại cụ thể hóa chương trình đó để phổ biến trong nhân dân.

Theo *Những sự kiện lịch sử Đảng* (tập I, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 516), ta biết rõ: Dựa theo chương trình Việt Minh, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã sáng tác một bài thơ dài, gồm 212 câu, được Bộ Tuyên truyền Việt Minh xuất bản thành sách và giới thiệu rộng rãi. Về Mặt trận Việt Minh và chương trình của nó, sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định: "Cái tên Việt Nam độc lập đồng minh rất rõ rệt, thiết thực và hợp với nguyện vọng của toàn dân, thêm vào đó chương trình giản đơn, thiết thực mà đầy đủ của Mặt trận gồm 10 điểm như bài ca tuyên truyền đã kể... Vì thế mà Việt Minh được nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh, và cũng do cán bộ rất cố gắng đi sát với dân, cho nên Việt Minh phát triển mau và rất mạnh" (Về *xây dựng Đảng*,

---

1. Bốn câu thơ này được đồng chí Nguyễn Ái Quốc in làm phụ đề cho bức tranh cổ động báo *Việt Nam độc lập*. Bức tranh hoàn toàn do xếp chữ mà thành. đồng chí Nguyễn Ái Quốc sử dụng ngay số nét của bốn chữ tên tờ báo (Việt Nam độc lập) để vẽ thành một người Việt Nam đang sức thanh niên cường tráng. Người đó đầu đội nón (dấu của chữ ô), tay cầm cờ đỏ sao vàng, mồm thổi kèn loa (chữ Đ viết hoa được cách điệu thành cái kèn) cổ động đồng bào cùng nhau đứng lên "cứu nước Nam ta!".

Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 47). Đoạn trích sau đây là một phần đã tìm thấy của bài thơ dài 212 câu ấy.

Việt Nam độc lập đồng minh,
Có bản Chương trình đánh Nhật, đánh Tây.
Quyết làm cho nước non này,
Cờ treo độc lập, nền xây bình quyền.
Làm cho con cháu Rồng, Tiên,
Dân ta giữ lấy lợi quyền của ta.
Có mười chính sách bày ra,
Một là ích nước, hai là lợi dân.
Bao nhiêu thuế ruộng, thuế thân,
Đều đem bỏ hết cho dân khỏi phiền.
Hội hè, tín ngưỡng, báo chương,
Họp hành, đi lại có quyền tự do.
Nông dân có ruộng, có bò,
Đủ ăn, đủ mặc, khỏi lo cơ hàn.
Công nhân làm lụng gian nan,
Tiền lương phải đủ, mỗi ban tám giờ.
Gặp khi tai nạn bất ngờ,
Thuốc thang Chính phủ bấy giờ giúp cho.
Thương nhân buôn nhỏ bán to,
Môn bài thuế ấy bỏ cho phỉ nguyền.
Nào là những kẻ chức viên,
Cải lương đãi ngộ cho yên tấm lòng.
Binh lính giữ nước có công,
Được dân trọng đãi, hết lòng kính yêu.
Thanh niên có trường học nhiều,
Chính phủ trợ cấp trò nghèo, bần nho.
Đàn bà cũng được tự do,
Bất phân nam nữ, đều cho bình quyền.
Người tàn tật, kẻ lão niên,
Đều do Chính phủ cấp tiền ăn cho.
Trẻ em, bố mẹ khỏi lo,
Dạy nuôi, Chính phủ giúp cho đủ đầy.
Muốn làm đạt mục đích này,

Chúng ta trước phải ra tay kết đoàn.
Sao cho từ Bắc chí Nam,
Việt Minh Hội có muôn vàn hội viên.
Người có sức, đem sức quyên,
Ta có tiền của, quyên tiền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh.
Chúng ta có Hội Việt Minh,
Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh.
Rồi ra sự nghiệp hoàn thành,
Rõ tên nước Việt, rạng danh Lạc Hồng.
Khuyên ai xin nhớ chữ đồng,
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh.

Năm 1941

Thơ Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1970. tr. 14.

CA DÂN CÀY

Thương ôi! Những bạn dân cày,
Chân bùn tay lấm suốt ngày gian lao.
Lại còn thuế nặng sưu cao,
Được đồng nào đều lọt vào túi Tây.
Dân ta không có ruộng cày,
Bao nhiêu đất tốt về Tây đồn điền.
Lại còn phu dịch, tuần phiên,
Làm chết xác, được đồng tiền nào đâu!
Thân người chẳng khác thân trâu,
Cái phần no ấm có đâu đến mình.
Muốn phá sạch nỗi bất bình,
Dân cày phải kiếm Việt Minh mà vào.
Để cùng toàn quốc đồng bào,
Đánh Pháp, Nhật, gây phong trào tự do.

Dịp này là dịp trời cho,
Lo cứu nước tức là lo cứu mình.
Mai sau thực hiện Chương trình: [1]
Nông dân có đủ ruộng mình làm ăn.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 103 (số 3), ngày 21-8-1941.

CA PHỤ NỮ

Việt Nam phụ nữ đời đời,
Nhiều người vì nước, vì nòi hy sinh.
Ngàn thu vang tiếng Bà Trưng,
Ra tay cứu nước, cứu dân đến cùng.
Bà Triệu Ẩu thật anh hùng,
Cưỡi voi đánh giặc, vẫy vùng bốn phương.
Mấy năm cách mạng khẩn trương,
Chị em phụ nữ thường thường tham gia.
Mấy phen tranh đấu xông pha,
Lòng vàng gan sắt nào đà kém ai?
Kìa như chị Nguyễn Minh Khai,
Bị làm án tử đến hai ba lần. [2]
Bây giờ cơ hội đã gần,
Đánh Tây, đánh Nhật, cứu dân, cứu nhà.
Chị em cả trẻ đến già,
Cùng nhau đoàn kết để mà đấu tranh.
Đua nhau vào Hội Việt Minh,
Trước giúp nước, sau giúp mình mới nên.
Làm cho thiên hạ biết tên,
Làm cho rõ mặt cháu Tiên, con Rồng.

Báo *Việt Nam độc lập,* số 104 (số 4), ngày 1-9-1941.

---

1. Chương trình ở đây nhắc đến tức là Chương trình của Mặt trận Việt Minh.
2. *Án tử:* cách gọi tắt của án tử hình, tức là án chết.

KÊU GỌI THIẾU NHI

Trẻ em như búp trên cành,
Biết ăn ngủ, biết học hành là ngoan.
Chẳng may vận nước gian nan,
Trẻ em cũng phải lầm than cực lòng.
Học hành, giáo dục đã không,
Nhà nghèo lại phải làm công, cày bừa.
Sức còn yếu, tuổi còn thơ,
Mà đã khó nhọc cũng như người già.
Có khi lìa mẹ, lìa cha,
Để làm tôi tớ người ta bên ngoài.
Vì ai nên nỗi thế này?
Vì giặc Nhật, vì giặc Tây bạo tàn!
Khiến ta nước mất, nhà tan,
Trẻ em cũng bị cơ hàn xót xa.
Vậy nên trẻ em nước ta,
Phải đoàn kết lại để mà đấu tranh!
Người lớn cứu nước đã đành,
Trẻ em cũng góp phần mình một tay.
Bao giờ đuổi hết Nhật, Tây,
Trẻ em ta sẽ là bầy con cưng.

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 106 (số 6), ngày 21-9-1941.



Tranh của đồng chí Nguyễn Ái Quốc in trên báo Việt Nam độc lập *(21-10-1941): Xtalin vật đổ Hitle. Tranh in đá.* Ảnh: Viện Bảo tàng Cách Mạng.

CA CÔNG NHÂN

Thành ai đắp, lầu ai xây?
Tàu kia ai đóng, than đây ai sàng?
Bao nhiêu của cải kho tàng,
Ai đào bạc, ai luyện vàng mà nên?
Công nhân sức mạnh nghề quen,
Làm ra của cải cho thiên hạ nhờ.
Mà mình quần rách áo xơ,
Tiền công thì bớt mà giờ thì thêm.
Lại còn đánh chửi tần phiền,
Cúp lương [1] tháng trước, phạt tiền hôm qua.

---

1. *Cúp* (từ chữ Pháp: couper) nghĩa là cắt. *Cúp lương*: cắt lương.

Càng nghĩ lại càng xót xa,
Vì ta mất nước nên ta phải hèn.
Để cho Pháp, Nhật lộng quyền,
Thẳng tay bóc lột thợ thuyền nước ta!
Thợ thuyền ta phải đứng ra,
Trước ta cứu nước, sau ta cứu mình.
Cùng nhau vào Hội Việt Minh,
Ra tay tranh đấu hy sinh mới là.
Bao giờ khôi phục nước nhà,
Của ta ta giữ, công ta ta cầm.

Báo *Việt Nam độc lập*, số 108 (số 8),
ngày 11-10-1941.

CA BINH LÍNH

Hai tay cầm khẩu súng dài,
Ngắm đi ngắm lại, bắn ai thế này?
Bắn vào quân Nhật, quân Tây,
Lũ cướp nước, lũ đọa đày dân ta:
Lũ không yêu trẻ, kính già,
Lũ cướp đất, lũ đốt nhà xôn xao.
Lũ đòi sưu nặng, thuế cao,
Lũ đi chém giết đồng bào Việt Nam.
Bắn được chúng, chết cũng cam,
Vì mình dù chết, nước Nam vẫn còn.
Hay vì chút lợi cỏn con,
Cái bằng cửu phẩm, cái lon đội nhì.
Nhắm vào cách mạng bắn đi,
Kể chi nhân nghĩa, kể chi giống nòi?

Anh em binh lính ta ơi!
Chúng ta cùng giống, cùng nòi Việt Nam.
Việc chi lợi nước thì làm,
Cứu dân, cứu nước há cam kém người?

Trong tay đã sẵn súng rồi,
Quyết quay đánh Nhật, đánh Tây mới đành.
Tiếng thơm sẽ tạc sử xanh:
"Việt binh cứu quốc"! rạng danh muôn đời!

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 110 (số 10), ngày 1-11-1941.

THƠ VỢ GỬI CHỒNG ĐI LÀM CÁCH MẠNG

TIỂU DẪN. – Bài *Thơ vợ gửi chồng đi làm cách mạng* có ghi lại trong tập hồi ký *Uống nước nhớ nguồn*. Hồi ký ghi rõ: "Để giúp chúng tôi dễ nhớ phương hướng, nội dung tuyên truyền, Bác làm một tập thơ 30 bài. Mỗi bài nhằm tuyên truyền một đối tượng. Chúng tôi đi tuyên truyền đối tượng nào, phải học thuộc lòng bài nói về đối tượng ấy. Bác cấm ngặt mang tài liệu trong người, vì tài liệu lọt vào tay địch thì sẽ gây rất nhiều phiền phức cho tổ chức, mà người mang tài liệu có khi còn bị chúng chặt đầu ngay tại chỗ. Bác khuyến khích chúng tôi học thuộc càng nhiều càng tốt, ai thuộc cả 30 bài thì được Bác thưởng. Có cả bài *Động viên những người vợ có chồng đi làm cách mạng*". Nội dung bài thơ này như dưới đây. Đầu đề do chúng tôi tạm đặt.

Anh hỡi anh, chồng hỡi chồng,
Từ ngày ly biệt thiếp nay trông mai chờ.
Cha già mẹ yếu con thơ,
Nuôi già dạy trẻ em cậy nhờ vào đâu?
Đói no bữa cháo bữa rau,
Tuy lao khổ em dám đâu phàn nàn.
Đêm khuya em tự hỏi han,
Vì ai ta phải lìa tan thế này?
Anh nguyên có tội tình gì?
Mà nay cũng phải bắt đi ở tù?
Vì anh muốn chống kẻ thù,
Vì anh lo nước mất, dân ngu, nòi hèn.
Vì anh tranh đấu mấy phen,
Vì anh mong giải phóng cho cháu Tiên, con Rồng.
Em xin anh chớ phiền lòng,
Em tuy hèn yếu quyết thay chồng tranh đấu đến nơi.

Đoàn thể ta có ức triệu người,
Ra tay chèo chống cuộc đời nước ta.
Mai sau anh trở lại nhà,
Ánh trăng càng tỏ màu hoa càng nồng.

1941

Uống nước nhớ nguồn, Nhà xuất bản
Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1973, tr. 89.

CẢNH RỪNG PÁC BÓ

(Trích)

TIỂU DẪN. – Trong tập hồi ký *Đầu nguồn* (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1975) có ghi một bài thơ tả cảnh rừng Pác Bó. Dưới đây là đoạn thơ *Cảnh rừng Pác Bó* được ghi lại trong tập hồi ký đó:

Non xanh xanh nước xanh xanh,
Trong rừng xanh có mấy danh Võ hầu [1].
Chung quanh xanh ngắt một màu,
Hoa chen lá phủ, trên đầu bóng cây.
Chim từng lũ, thú từng bầy,
Thú kêu inh ỏi, chim bay là là.
Giọng khe róc rách dưới nhà,
Bên tường cảnh vẽ bức hoa bên mình.
Đêm khuya chồn cáo mò rình...

1942

Đầu nguồn, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1975, tr.139.

---

1. *Võ hầu:* tức Võ Hương hầu, tước phong của Gia Cát Lượng, tự là Khổng Minh tướng giỏi đời Tam Quốc, làm Thừa tướng và là một mưu thần đời Thục Hán. Hai chữ Võ hầu thường được dùng để tượng trưng cho người có chí khí và có lòng trung thành với quốc gia.

ĐỊA DƯ NƯỚC TA

(Trích)

TIỂU DẪN. – Để bồi dưỡng lòng yêu nước và nâng cao sự hiểu biết về địa dư nước ta cho quần chúng cách mạng. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã soạn một bài diễn ca dài với nhan đề: *Địa dư nước ta.* Bài diễn ca này có phần mở đầu, tiếp theo là địa dư từng tỉnh, như Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, Hà Giang, Vĩnh Yên, Thái Bình, Sơn Tây, Hà Nam, Lai Châu, v.v..., mỗi tỉnh một bài. Cuối cùng là phần kết luận. Đọc tập hồi ký *Được gặp Bác* (Nhà xuất bản Dân tộc, Việt Bắc, 1970), ta biết thêm: Người "đã soạn riêng 28 bài địa dư của 28 tỉnh Bắc Kỳ bằng văn vần để quần chúng cách mạng dễ thuộc, dễ nhớ". Trong các đoạn diễn ca này, tất cả những số liệu về số tỉnh, diện tích, số người, số lượng và tên các dân tộc, tên các địa phương, v.v..., đều là số liệu về tên gọi của thời kỳ trước năm 1945.

Sau đây là trích đoạn phần mở đầu của bài diễn ca dài *Địa dư nước ta* của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, theo tư liệu của Lê Khánh Soa.

Dân ta phải biết nước ta,
Một là yêu nước, hai là trí tri [1].
Hai mươi bảy tỉnh Bắc Kỳ,
Sáu tỉnh thì ở biên thùy Trung Hoa.
Lai Châu, Lao Kay không xa.
Hà Giang kề đó bước qua Cao Bằng.
Lạng Sơn một tỉnh vắt ngang,
Xuống gần miền bể rõ ràng Mông Cay (Moncay).
Gần bể mấy tỉnh đẹp thay,
Quảng Yên nhiều cá không tày Kiến An.
Thái Bình từ đó đi sang,
Năm mươi cây số bước sang Ninh Bình.
Hạ du mấy tỉnh xinh xinh,
Nam Định, Phủ Lý đi quành Hưng Yên.
Hải Dương, Hà Đông gần miền,
Đi qua Hà Nội đến liền Bắc Ninh.

1. *Trí tri:* suy xét cho thấu đến cùng điều mà mình cần biết.

Bắc Giang non nước hữu tình,
Đi quanh trở lại là thành Sơn Tây.
Phúc Yên cũng ở gần đây,
Vĩnh Yên, Phú Thọ xưa nay kể liền.
Yên Bái, Tuyên Quang, Thái Nguyên,
Đi lên Bắc Kạn là miền thượng du.
Sơn La xa cách mịt mù,
Theo sông Đà xuống, vào khu Hòa Bình.
Hải Phòng cửa bể xinh xinh,
Thuyền bè đi lại linh đình bán buôn.
Mười một vạn rưỡi dặm vuông,
Nhân dân thì có tám hơn triệu người.

*

* *

Trung Kỳ một dải đất dài,
Bên đông biển rộng, bên đoài rừng xanh.
Thanh Hóa phong cảnh đẹp xinh,
Nghệ An, Hà Tĩnh tục danh Lam Hồng.
Quảng Bình, Quảng Trị vào trong,
Thừa Thiên có Huế cũng không xa gì.
Quảng Nam, Quảng Ngãi gần kề,
Muốn vào Bình Định đi về cũng mau.
Phú Yên trước, Khánh Hòa sau,
Người ta thường gọi Sông Cầu Nha Trang.
Ninh Thuận tỉnh lỵ Phan Rang,
Bình Thuận, Phan Thiết gọi thường sử (?) nhau. [1]
Mười ba tỉnh ấy trung châu,
Lại còn năm tỉnh thượng du cũng gần:
Đi từ cửa bể Quy Nhơn,
Bảy mươi cây số đến phần Gia Lai.
Kông Tum tiếp giáp tỉnh này,
Qua Ban Mê Thuột một ngày tới nơi.

---

1. *Sử nhau:* chưa rõ chữ "sử" nghĩa là gì. Theo chúng tôi thì câu này có thể có nghĩa là: Bình Thuận và Phan Thiết là hai tên thường quen dùng để gọi thay cho nhau (Bình Thuận là tên tỉnh còn Phan Thiết là tên tỉnh lỵ tỉnh Bình Thuận).

Muốn tìm mát mẻ thảnh thơi,
Thì qua Đà Lạt mà chơi cũng gần.
Đường theo sườn núi xoay vần,
Di Linh đi xuống nóng dần tăng lên.
Ấy mười tám tỉnh dưới trên,
Còn ba hải cảng kể tên sau này:
Quy Nhơn, Đà Nẵng là hai,
Nhưng mà tốt nhất mai ngày: Cam Ranh.[1]
Nước non non nước hữu tình,
Trung Kỳ sáu triệu dân sinh còn thừa.

*

Vào Nam thì đến Biên Hòa,
Rồi qua Gia Định cũng là xinh xinh.
Thủ Dầu Một đến Tây Ninh,
Đi xuống Bà Rịa gần quành Tân An.
Mỹ Tho, Gò Công một đàng,
Bến Tre, Sa Đéc đồng hàng Vĩnh Long.
Châu Đốc địa thế nhiều sông,
Hà Tiên gần bể đi gần Long Xuyên.
Cần Thơ, Rạch Giá gần miền,
Sóc Trăng đi xuống gần liền Bạc Liêu.
Cà Mau gần bể, cá nhiều,
Nam Kỳ mấy tỉnh thương yêu một nhà.
Sài Gòn, Chợ Lớn phồn hoa,
Đều là lãnh thổ nước nhà Việt Nam.

---

1. Ngụ ý rằng sau này, với nước Việt Nam độc lập thì cảng **Cam Ranh** có vị trí rất trọng yếu, rất có lợi cho dân tộc ta.

LỊCH SỬ NƯỚC TA

(Từ năm 2979 trước Công nguyên đến năm 1942)

TIỂU DẪN. – Để giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân, phát huy lòng tự hào về lịch sử vẻ vang của dân tộc, động viên toàn dân đoàn kết và tham gia Mặt trận Việt Minh làm cách mạng, giành độc lập cho Tổ quốc, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trong thời gian hoạt động ở Cao Bằng đã sáng tác bài diễn ca dài: *Lịch sử nước ta,* theo thể thơ lục bát, gồm 210 câu, và một bảng ghi *Những năm quan trọng* kèm theo. Bộ Tuyên truyền của Việt Minh xuất bản và phát xuống cơ sở vào tháng 2-1942. Nội dung chủ yếu của *Lịch sử nước ta* là ca ngợi những trang sử vẻ vang của dân tộc ta suốt từ thời Hồng Bàng dựng nước đến năm 1942, tức là năm tác phẩm ra đời. Tác phẩm ca ngợi sự nghiệp xây dựng đất nước tươi đẹp và sự nghiệp chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc, ca ngợi những bậc anh hùng tiêu biểu của lịch sử: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Trần Quốc Toản, Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám, v.v... Qua tác phẩm, tác giả khẳng định truyền thống vô cùng quý báu của dân tộc: yêu nước nồng nàn, đoàn kết chặt chẽ, anh hùng trong sự nghiệp chiến đấu bảo vệ nền độc lập dân tộc, ghi những trang chói lọi trong cuốn sử vàng của dân tộc. Truyền thống yêu nước đó vẫn đang được nhân dân ta tiếp tục phát huy trong giai đoạn chống thực dân Pháp xâm lược với những tấm gương anh hùng tiêu biểu.

Lịch sử nước ta được viết bằng thể thơ lục bát, giản dị như những câu ca dao, những truyện thơ dân gian truyền miệng dễ đọc, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, nó đã có tác dụng to lớn trong việc tuyên truyền giáo dục nhân dân, góp phần cổ vũ nhân dân đoàn kết, hăng hái tham gia cách mạng và tăng thêm lòng tin tưởng vững chắc vào thắng lợi của cách mạng.

Lịch sử nước ta có một giá trị đặc biệt đứng về phương diện sử học. Lần đầu tiên lịch sử được đánh giá theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin. Trong một tiến trình dài 4000 năm dựng nước và giữ nước, các sự kiện lịch sử và các nhân vật lịch sử, qua ngôn ngữ thơ ca, hiện lên với những nhìn nhận mới, khác với quan điểm chính thống của sử học đương thời. Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh không chỉ viết sử. Dự kiến được tương lai mà lịch sử sẽ phải trải qua và trong quá trình đó tìm được đường lối đúng, chính Người còn làm nên lịch sử. Từ năm 1942, Người đã dự đoán thiên tài: Việt Nam độc lập 1945 *(Lịch sử nước ta,* mục *Những năm quan trọng).* Ba năm sau, lời tiên tri ấy đã thành sự thật lịch sử với cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 hoàn toàn thắng lợi, dẫn đến việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Dân ta phải biết sử ta,
Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.
Kể năm hơn bốn ngàn năm,
Tổ tiên rực rỡ anh em thuận hòa.

*
* *

Hồng Bàng là Tổ nước ta,
Nước ta lúc ấy gọi là Văn Lang.
Thiếu niên ta rất vẻ vang,
Trẻ con Phù Đổng tiếng vang muôn đời.
Tuổi tuy chưa đến chín, mười,
Ra tay cứu nước diệt loài vô lương. [1]
An Dương Vương [2] thế Hùng Vương,
Quốc danh Âu Lạc cầm quyền trị dân.
....
Nước Tàu cậy thế đông người,
Kéo quân áp bức giống nòi Việt Nam.
Quân Tàu nhiều kẻ tham lam,
Dân ta há dễ chịu làm tôi ngươi?
Hai Bà Trưng [3] có đại tài,
Phất cờ khởi nghĩa đánh người tà gian, [4]
Ra tay khôi phục giang san,
Tiếng thơm ghi tạc đá vàng nước ta.
Tỉnh Thanh Hóa có một bà,
Tên là Triệu Ẩu [5] tuổi vừa đôi mươi.

---

1. *Loài vô lương*: chỉ giặc Ân (trong truyện *Thánh Gióng* tức Phù Đổng Thiên Vương).

2. *An Dương Vương*: Thục Phán dựng nước Âu Lạc, xưng là An Dương Vương.

3. *Hai Bà Trưng*: Trưng Trắc và Trưng Nhị, hai chị em ruột, con quan Lạc tướng Mê Linh tức là vùng Hạ Lôi (An Lãng, ngoại thành Hà Nội ngày nay). Tháng 3 năm 40, Hai Bà phát động khởi nghĩa ở cửa sông Hát, đánh thắng bọn thống trị nhà Đông Hán, hiên ngang phủ định cái quyền "bình thiên hạ" của đế chế Hán.

4. *Người tà gian*: chỉ Tô Định và Mã Viện, bọn xâm lược nhà Hán.

5. *Triệu Ẩu*: tên là Triệu Thị Trinh, quê miền núi Nưa, Triệu Sơn, Thanh Hóa. Năm 248, Triệu Ẩu lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa, tiến công bọn quan lại nhà Ngô.

Tài năng dũng cảm hơn người,
Khởi binh cứu nước muôn đời lưu phương. [1]
Phụ nữ ta chẳng tầm thường,
Đánh đông, dẹp bắc làm gương để đời.
Kể gần sáu trăm năm trời,
Ta không đoàn kết bị người tính thôn. [2]
Anh hùng thay! Ông Lý Bôn, [3]
Tài kiêm văn võ sức hơn muôn người.
Đánh Tàu đuổi sạch ra ngoài,
Lập lên triều Lý sáu mươi năm liền.
Vì Lý Phật Tử ngu hèn,
Để cho Tàu lại xâm quyền nước ta.
Thương dân cực khổ xót xa,
Ông Mai Hắc Đế [4] đứng ra đánh Tàu.
Vì dân đoàn kết chưa sâu,
Cho nên thất bại trước sau mấy lần.

*

* *

Ngô Quyền quê ở Đường Lâm, [5]
Cứu dân thoát khỏi cát lầm ngàn năm.
Đến hồi Thập nhị sứ quân,
Bốn phương loạn lạc muôn dân cơ hàn.

---

1. *Lưu phương*: để lại tiếng thơm.

2. *Tính thôn*: còn nói thôn tính, có nghĩa là chiếm mất, nuốt mất.

3. *Lý Bôn*: tức Lý Bí, quê ở Long Hưng (có lẽ là thuộc vùng Vĩnh Phú ngày nay), sau khi dẹp xong giặc Lương, xưng là Lý Nam Đế, lấy tên nước là Vạn Xuân. Việc Lý Bí xưng đế và đặt niên hiệu riêng, là sự phủ định ngang nhiên quyền làm "chủ toàn thiên hạ" của "hoàng đế" phương Bắc, vạch rõ sơn hà, cương vực, và là sự khẳng định dứt khoát rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc độc lập, là chủ nhân của đất nước và vận mệnh của mình.

4. *Mai Hắc Đế*: tức Mai Thúc Loan, xuất thân nông dân, người anh hùng đất châu Hoan. Ông người đen, nổi tiếng giỏi võ, đã cầm đầu nghĩa quân chống lại ách đô hộ của nhà Đường. Ông xưng đế và đóng kinh đô ở thành Vạn An (thuộc Nghệ An ngày nay).

5. *Đường Lâm:* thuộc tỉnh Hà Tây. Ngô Quyền (899 - 944), người cùng quê với Phùng Hưng. Tên tuổi Ngô Quyền gắn liền với chiến thắng Bạch Đằng.

Động Hoa Lư cõi Tiên Hoàng, [1]
Nổi lên gây dựng triều đàng họ Đinh.
Ra tài kiến thiết kinh dinh,
Đến vua Phế Đế chỉ kinh [2] hai đời.
Lê Đại Hành [3] nối lên ngôi,
Đánh tan quân Tống, đánh lui Chiêm Thành.
Vì con bạo ngược [4] hoành hành,
Hai đời thì đã tan tành nghiệp vương.
Công Uẩn là kẻ phi thường, [5]
Dựng nên nhà Lý cầm quyền nước ta.
Mở mang văn hóa nước nhà,
Đắp đê để giữ ruộng nhà cho dân.
Lý Thường Kiệt [6] là hiền nhân,
Đuổi quân nhà Tống, đánh quân Chiêm Thành.
Tuổi già phỉ chí công danh,
Mà lòng yêu nước trung thành không phai.
Họ Lý truyền được chín đời,
Hai trăm mười sáu năm giời thì tan.

*
* *

Nhà Trần [7] thống trị giang san,
Trị yên trong nước, đánh tan địch ngoài.
Quân Nguyên binh giỏi tướng tài,
Đánh đâu được đấy dông dài Á, Âu.

---

1. *Tiên Hoàng*: chỉ Đinh Bộ Lĩnh tức Đinh Tiên Hoàng, người đã nêu cao ngọn cờ thống nhất quốc gia (dẹp loạn Mười hai sứ quân), và có công hoàn thành nhiệm vụ lịch sử đó.

2. *Kinh*: trải qua.

3. *Lê Đại Hành*: tức Lê Hoàn, người chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống, giành chiến thắng có ý nghĩa lớn, giữ vững nền độc lập.

4. *Vì con bạo ngược*: chỉ Lê Long Đĩnh, đời vua thứ hai và cuối cùng của nhà Tiền Lê.

5. *Công Uẩn*: Lý Công Uẩn, tức Lý Thái Tổ, tác giả *Chiếu dời đô* (1010).

6. *Lý Thường Kiệt* (1019-1105): quê phường Thái Hòa (Hà Nội), giữ chức Phụ quốc Thái úy đời Lý Nhân Tông. Ông là tác giả bài thơ bất hủ *Nam quốc sơn hà...* và là người đã đánh tan mưu đồ xâm lược của nhà Tống đối với nước ta (tháng 3-1077).

7. Nhà Trần: ngày 10 tháng giêng năm 1226, do sự bố trí của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng đã tuyên bố nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh (tức Trần Thái Tông). Nhà Trần bắt đầu từ đấy.

Tung hoành chiếm nửa Âu châu,
Chiếm Cao Ly, [1] chiếm nước Tàu bao la.
Lăm le muốn chiếm nước ta,
Năm mươi vạn lính vượt qua biên thùy.
Hải quân đường bể kéo đi,
Hai đường vây kín Bắc Kỳ như nêm.
Dân ta nào có chịu hèn,
Đồng tâm hiệp lực mấy phen đuổi Tàu.
Ông Trần Hưng Đạo [2] cầm đầu,
Dùng mưu du kích đánh Tàu tan hoang.
Mênh mông một dải Bạch Đằng,
Nghìn thu soi rạng giống dòng quang vinh.
Hai lần đại phá Nguyên binh,
Làm cho Tàu phải thất kinh rụng rời.
Quốc Toản [3] là trẻ có tài,
Mới mười sáu tuổi ra oai trận tiền.
Mấy lần đánh thắng quân Nguyên,
Được phong làm tướng cầm quyền binh nhung.
Thật là một đấng anh hùng,
Trẻ con nước Việt nên cùng noi theo.
Đời Trần văn giỏi võ nhiều,
Ngoài dân thịnh vượng, trong triều hiền minh.
Mười hai đời được hiển vinh,
Đến Trần Phế Đế nước mình suy vi.

*

* *

---

1. *Cao Ly*: tức Triều Tiên.

2. *Trần Hưng Đạo:* tức Trần Quốc Tuấn, tác giả bài *Hịch Tướng sĩ*. Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai chống quân xâm lược Nguyên (1285), Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn được phong làm Quốc công tiết chế, thống lĩnh toàn bộ quân đội. Trong cuộc kháng chiến lần thứ ba (1287 - 1288), tên tuổi ông gắn liền với chiến thắng Bạch Đằng lừng lẫy.

3. *Quốc Toản:* tức Hoài Văn hầu Trần Quốc Toản. Khi nhà Nguyên xâm lược nước ta, mới 16 tuổi, nên Trần Quốc Toản không được tham dự Hội nghị Bình Than bàn việc giết giặc, cứu nước. Cậu bé uất ức, bóp nát quả cam đang cầm trong tay lúc nào không biết. Sau đó, cậu tập hợp binh mã, cùng cha anh đánh giặc, trở thành một tướng tài, lập nhiều chiến công.

Cha con nhà Hồ Quý Ly,
Giết vua tiếm vị một kỳ bảy niên.
Tình hình trong nước không yên,
Tàu qua xâm chiếm giữ quyền bấy lâu. [1]
Bao nhiêu của cải trân châu,
Chúng vơ vét chở về Tàu sạch trơn.

*
* *

Lê Lợi khởi nghĩa Lam Sơn, [2]
Mặc dầu tướng ít binh đơn không nàn.
Mấy phen sông Nhị núi Lam,
Thanh gươm yên ngựa Bắc, Nam tung hoành.
Kìa Túy Động, [3] nọ Chi Lăng,
Đánh hai mươi vạn quân Minh tan tành.
Mười năm kháng chiến hoàn thành,
Nước ta thoát khỏi cái vành nguy nan.
Vì dân hăng hái kết đoàn,
Nên khôi phục chóng giang san Lạc Hồng.
Vua hiền có Lê Thánh Tông, [4]
Mở mang bờ cõi đã khôn lại lành.

*
* *

1. Lúc này là đời Minh Thành Tổ. Ngày 19-11-1406, quân Minh bắt đầu vượt biên giới tiến vào nước ta. Năm 1407, họ Hồ để mất nước về tay nhà Minh.

2. *Khởi nghĩa Lam Sơn*: năm 1416, tại núi rừng Lam Sơn (Thọ Xuân, Thanh Hóa), Lê Lợi cùng 18 người bạn chiến đấu thân tín nhất làm lễ tuyên thệ, một lòng sống chết vì sự nghiệp đuổi giặc, cứu nước, đặt cơ sở đầu tiên cho việc tổ chức cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Lê Lợi sinh ngày 10-9-1385, trong một gia đình "đời đời làm quân trưởng một phương" *(Văn bia Vĩnh Lăng)*, có uy tín và ảnh hưởng rộng lớn ở vùng Thanh Hóa. Sau 10 năm chiến đấu bền bỉ, gian khổ và ngoan cường, Lê Lợi đã cùng với Nguyễn Trãi (sinh năm 1380 tại kinh thành Thăng Long) lãnh đạo cuộc kháng chiến thắng lợi, đánh đuổi giặc Minh ra khỏi đất nước. Ngày 3 tháng giêng năm 1428, những bóng dáng cuối cùng của quân xâm lược nhà Minh bị quét sạch ra khỏi bờ cõi nước ta.

3. *Túy Động*: tức là Tốt Động thuộc huyện Chương Mỹ, Hà Tây ngày nay, nơi diễn ra một trong những trận chiến thắng oanh liệt của nghĩa quân Lam Sơn.

4. Vào đầu đời Lê, chế độ phong kiến tập quyền đã trải qua những bước phát triển mạnh mẽ, nhất là nửa sau thế kỷ XV dưới triều Lê Thánh Tông (1460 - 1497).

Trăm năm truyền đến Cung Hoàng,
Mạc Đăng Dung đã hoành hành chiếm ngôi. [1]
Bấy giờ trong nước lôi thôi,
Lê nam, Mạc bắc [2] rạch đôi sơn hà.
Bảy mươi năm nạn can qua, [3]
Cuối thế kỷ mười sáu Mạc đà suy vi.
Kể từ khi ấy trở đi,
Vua Lê, chúa Trịnh chia vì khá lâu. [4]
Nguyễn nam, Trịnh bắc đánh nhau, [5]
Thấy dân cực khổ mà đau đớn lòng.

*
* *

Dân gian có bậc anh hùng,
Anh em Nguyễn Nhạc [6] nổi vùng Tây Sơn.
Đóng đô ở đất Quy Nhơn,
Đánh tan Trịnh Nguyễn cứu dân "đảo huyền". [7]
Nhà Lê cũng bị mất quyền,
Ba trăm sáu chục năm truyền vị vương.
Nguyễn Huệ là bậc phi thường,
Mấy lần đánh đuổi quân Xiêm, giặc Tàu. [8]

1,2. Chỉ thời cát cứ Trịnh-Mạc. Trịnh-Nguyễn, nhân dân bị nhận dìm trong cuộc nội chiến liên miên, kéo dài từ thế kỷ XVI qua thế kỷ XVIII.

3. *Can qua*: mộc và giáo, tức chỉ chiến tranh.

4. *Chia vì:* chia nhau quyền vị. Từ cuối thế kỷ XVI, sau khi thắng được nhà Mạc, họ Trịnh vẫn phải giữ nghĩa tôn Lê, nhưng trong thực tế đã nắm toàn bộ chính quyền. Ngôi vua thuộc về họ Lê chỉ là hư vị. Ngôi chúa thuộc về họ Trịnh mới có thực quyền.

5. như 1.

6. *Anh em Nguyễn Nhạc*: tức là ba người Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ.

7. *Đảo huyền*: bị treo ngược. *Cứu dân "đảo huyền":* cứu dân đang bị treo ngược.

8. Ngày 17-12-1788, quân Thanh được bọn bán nước Lê Chiêu Thống đưa đường, đánh chiếm Thăng Long. Ngày 21-12-1788, tại Phú Xuân, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, thống lĩnh đại quân tiến ra Bắc. Tại trấn doanh Nghệ An, Quang Trung tổ chức một cuộc duyệt binh lớn, cổ vũ quân sĩ trước khi vào trận quyết chiến thắng quân thù. Ngày 30 tháng giêng năm 1789 (mồng 5 tháng giêng Kỷ Dậu), 20 vạn quân xâm lược Mãn Thanh bị quân và dân ta quét sạch ra khỏi đất nước ta. "Từ một lãnh tụ nông dân kiệt xuất nhất, Quang Trung - Nguyễn Huệ đã trở thành một anh hùng dân tộc vĩ đại, một thiên tài quân sự, một danh tướng trăm trận trăm thắng". (Lịch sử Việt Nam, tập I, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 357).

Ông đà trí cả mưu cao,
Dân ta lại biết cùng nhau một lòng.
Cho nên Tàu dẫu làm hung,
Dân ta vẫn giữ non sông nước nhà.
Tướng Tây Sơn có một bà,
Bùi là nguyên họ, tên là Thị Xuân. [1]
Tay bà thống đốc ba quân,
Đánh hơn mấy trận địch nhân liệt là.
Gia Long [2] lại dấy can qua,
Bị Tây Sơn đuổi chạy ra nước ngoài.
Tự mình đã chẳng có tài,
Nhờ Tây qua cứu, tính bài giải vây.
Nước ta mất nước thế này,
Cũng vì vua Nguyễn rước Tây vào nhà.
Khác gì cõng rắn cắn gà,
Rước voi giày mả thật là ngu si!
Từ năm Tân Hợi trở đi,
Tây đà gây chuyện thị phi [3] với mình.
Vậy mà vua chúa triều đình,
Khư khư cứ tưởng là mình khôn ngoan.
Nay ta nước mất nhà tan,
Cũng vì những lũ vua quan ngu hèn.
Năm Tự Đức thập nhất niên,
Nam Kỳ đã lọt dưới quyền giặc Tây.

---

1. *Bùi Thị Xuân*: một nữ tướng danh tiếng của nhà Tây Sơn, vợ của Thiếu phó Trần Quang Diệu.

2. *Gia Long*: tức Nguyễn Ánh, con cháu chúa Nguyễn ở Đàng Trong trước đây. Bọn này dựa vào sự ủng hộ của giai cấp địa chủ trong nước và chủ nghĩa tư bản nước ngoài để phát triển lực lượng. Từ năm 1790, chúng đã bắt đầu đánh phá vào phạm vi cai quản của Nguyễn Lữ.

Sau khi Nguyễn Huệ chết, nhà Tây Sơn bắt đầu thoái hóa và có sự lục đục trong nội bộ. Lợi dụng thời cơ ấy, Nguyễn Ánh đánh chiếm được cả miền Nam từ Bình Thuận trở vào. Nhưng cũng phải hàng chục năm, Nguyễn Ánh mới chiếm được Thuận Hóa; và mãi đến tháng 7 -1802, Nguyễn Ánh mới chiếm được Thăng Long, "phục hồi" chế độ phong kiến phản động trong cả nước.

3. *Thị phi*: phải và trái. Nhà Nguyễn đã phải nhiều lần tranh biện phải trái với giặc Pháp, vì, chúng giải thích Hiệp ước Vécxây năm 1789 một cách sai trái và có lợi cho chúng, nhằm hợp pháp hóa việc xâm lược nước ta. Chúng liên tiếp cử sứ thần sang thương thuyết, đe dọa nhiều lần, lại cho chiến hạm kéo đến thị uy, và đến tháng 7-1857 quyết định đánh Việt Nam.

Hai nhăm năm sau trận này,
Trung Kỳ cũng mất, Bắc Kỳ cũng tan!
Ngàn năm gấm vóc giang san,
Bị vua nhà Nguyễn đem hàng cho Tây!
Tội kia càng đắp càng dày,
Sự tình càng nghĩ càng cay đắng lòng!

*
* *

Nước ta nhiều kẻ tôi trung,
Tấm lòng tiết nghĩa rạng cùng tuyết sương,
Hoàng Diệu với Nguyễn Tri Phương,
Cùng thành còn mất làm gương để đời. [1]
Nước ta bị Pháp cướp rồi,
Ngọn cờ khởi nghĩa nhiều nơi lẫy lừng:
Trung Kỳ đảng Phan Đình Phùng,
Ra tay đánh Pháp, vẫy vùng một phương.
Mấy năm ra sức Cần vương, [2]
Bọn ông Tán Thuật [3] nổi vùng Hưng Yên.
Giang sơn độc lập một miền,
Ông Hoàng Hoa Thám đất Yên tung hoành. [4]

---

1. Năm 1873, giặc Pháp đánh thành Hà Nội, Nguyễn Tri Phương là Trấn thủ Hà Nội lúc bấy giờ, chống cự quyết liệt, sau bị thương rồi bị bắt. Giặc băng bó vết thương cho ông, nhưng ông không chịu để cho chữa, rồi nhịn ăn mà chết. Năm 1882, giặc Pháp đánh thành Hà Nội lần thứ hai, chúng gửi tối hậu thư đòi Tổng đốc Hà Nội bấy giờ là Hoàng Diệu phải nộp thành. Chẳng cần đợi trả lời, chúng đánh luôn. Hoàng Diệu chống cự không nổi tuy đã chuẩn bị chu đáo, và anh dũng chiến đấu. Thành mất, Hoàng Diệu thắt cổ tự tử, thà chết mà giữ được tiết tháo chứ không chịu sống mà phải đầu hàng quân giặc.

2. *Cần vương*: tháng 7-1885, Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi ra sơn phòng tỉnh Quảng Trị, xây dựng căn cứ kháng chiến chống giặc, thảo *Hịch Cần vương* kêu gọi nhân dân giúp vua, cứu nước. Một phong trào chống Pháp, gọi là phong trào Cần vương, rầm rộ nổ ra khắp Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Mặc dù đến năm 1888, vua Hàm Nghi bị địch bắt, nhưng phong trào vẫn tiếp diễn cho đến cuối thế kỷ XIX.

3. *Tán Thuật*: tức Nguyễn Thiện Thuật, người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1885-1889), cuộc khởi nghĩa lớn nhất ở đồng bằng Bắc Bộ lúc đó.

4. *Hoàng Hoa Thám*: cũng gọi là Đề Thám (1864 - 1913), một nông dân đã tham gia nhiều cuộc khởi nghĩa chống Pháp. Năm 1888, ông tham gia nghĩa quân Đề Kiều. Về sau ông kế nghiệp Đề Kiều, lập căn cứ địa ở Yên Thế (Bắc Giang ngày nay). Dũng cảm, có tài quân sự, rất được lòng dân, ông là lãnh tụ nổi tiếng của cuộc khởi nghĩa Yên Thế (1885-1913). Năm 1913, ông bị bọn phản bội ám hại, phong trào khởi nghĩa bị dập tắt. Phong trào Yên Thế với chiến thuật du kích của nông dân, có tính chất nhân dân nhiều hơn các cuộc khởi nghĩa khác cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Đất Yên nói trong câu thơ trên là chỉ đất Yên Thế.

Anh em khố đỏ, khố xanh,
Mưu khởi nghĩa tại Hà thành năm xưa. [1]
Tỉnh Thái Nguyên với Sầm Nưa,
Kế nhau khởi nghĩa, rủi chưa được toàn.
Kìa Yên Bái, nọ Nghệ An,
Hai lần khởi nghĩa tiếng vang hoàn cầu.
Nam Kỳ yên lặng bấy lâu,
Năm kia khởi nghĩa đương đầu với Tây. [2]
Bắc Sơn [3] đó, Đô Lương đây, [4]
Kéo cờ khởi nghĩa đánh Tây bạo tàn.

*

* *

Xét trong lịch sử Việt Nam,
Dân ta vốn cũng vẻ vang anh hùng.
Nhiều phen đánh bắc dẹp đông.
Oanh oanh liệt liệt con Rồng, cháu Tiên,
Ngày nay đến nỗi nghèo hèn,
Vì ta chỉ biết lo yên một mình.
Để người đè nén, xem khinh,
Để người bóc lột, ra tình tôi ngươi!
Bây giờ Pháp mất nước rồi, [5]
Không đủ sức, không đủ người trị ta.
Giặc Nhật Bản thì mới qua,
Cái nền thống trị chưa ra mối mành.
Lại cùng Tàu, Mỹ, Hà, [6] Anh,
Khắp nơi có cuộc chiến tranh rầy rà. [7]

---

1. Cuối năm 1907, Nghĩa Hưng, một tổ chức bí mật của Hoàng Hoa Thám, chuẩn bị khởi nghĩa cướp thành Hà Nội, vận động một số binh lính, bồi bếp ta đầu độc binh lính Pháp. Việc bại lộ, giặc Pháp khủng bố, xử án chém những người tham gia vụ đầu độc.

2. Cuộc Khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra ngày 23-11-1940 theo kế hoạch của Xứ ủy Nam Kỳ.

3. Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn bắt đầu nổ ra đúng 8 giờ tối ngày 27-9-1940 do Đảng bộ Đảng Cộng sản ở Bắc Sơn lãnh đạo.

4. Cuộc nổi dậy của Đội Cung ở Đô Lương (1941) đã giết được tên đội Pháp. Sau đó Đội Cung kéo quân về Nghệ An toan mở rộng căn cứ. Ông bị bắt và hy sinh.

5. Nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng trong Đại chiến Thế giới lần thứ hai.

6. *Hà*: Hà Lan.

7. Chỉ cuộc chiến tranh ở Thái Bình Dương do Nhật khởi phát (1941 - 1945), một bộ phận của Đại chiến Thế giới thứ hai.

Ấy là dịp tốt cho ta,
Nổi lên khôi phục nước nhà tổ tông.
Người chúng ít, người mình đông,
Dân ta chỉ cốt đồng lòng là nên!
Hỡi ai con cháu Rồng Tiên!
Mau mau đoàn kết vững bền cùng nhau.
Bất kỳ nam nữ nghèo giàu,
Bất kỳ già trẻ cùng nhau kết đoàn.
Người giúp sức, kẻ giúp tiền,
Cùng nhau giành lấy lợi quyền của ta.
Trên vì nước, dưới vì nhà,
Ấy là sự nghiệp, ấy là công danh.
Dân ta có Hội Việt Minh,
Đủ tài lãnh đạo chúng mình đấu tranh.
Mai sau sự nghiệp hoàn thành,
Rõ tên nước Việt, rạng danh Lạc Hồng.
Dân ta xin nhớ chữ đồng,
Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh!

Đầu năm 1942

NHỮNG NĂM QUAN TRỌNG

	Năm
Hồng Bàng – trước lịch Tây [1]	– 2879 (?)
Tàu lấy nước ta lần đầu	– 111
Hai Bà Trưng đánh Tàu – sau lịch Tây [2]	40
Bà Triệu Ẩu khởi nghĩa	248
Vua Lý đánh Tàu	544
Tùy lấy nước ta	603
Vua Ngô khởi nghĩa	938
Đời vua Đinh 12 năm	kể từ 968
Đời vua Tiền Lê 29 năm	kể từ 981
Đời vua Hậu Lý 215 năm	kể từ 1010
Lý Thường Kiệt đánh Tàu	1076 - 1077
Đời vua Trần 175 năm	kể từ 1225
Trần Hưng Đạo đánh Tàu	1285 - 1287
Tàu lấy nước ta	1407
Vua Lê khởi nghĩa	1417
Đời vua Hậu Lê 360 năm	kể từ 1428
Vua Lê, chúa Trịnh	kể từ 1545
Đời vua Tây Sơn 24 năm	kể từ 1771
Vua Nguyễn Huệ đánh Tàu	1789
Gia Long thông với Tây	1794
Tây bắt đầu đánh nước ta	1857
Vua nhà Nguyễn bắt đầu hàng Tây	1862
Ông Đề Thám khởi nghĩa	1889
Ông Phan Đình Phùng khởi nghĩa	1893
Trung Kỳ khởi nghĩa	1915 -1916
Thái Nguyên khởi nghĩa	1917
Yên Bái và Nghệ An khởi nghĩa	1930

1. *Trước lịch Tây*: tức là trước Công nguyên, theo quy ước có dấu trừ (-) ở trước số chỉ năm.

2. *Sau lịch Tây:* tức là sau Công nguyên.

Bắc Sơn và Đô Lương khởi nghĩa	1940
Nam Kỳ khởi nghĩa	1941
Việt Nam độc lập	1945

Lịch sử nước ta, bản in lần thứ hai, 1949.
Tài liệu lưu trữ tại Viện Bảo tàng Cách mạng.

MỪNG XUÂN 1942

Tháng ngày thấm thoắt chóng như thoi,
Năm cũ qua rồi, chúc năm mới.
"Chúc" phe xâm lược sớm diệt vong,
Chúc phe dân chủ sẽ thắng lợi.
Chúc đồng bào ta đoàn kết mau,
Chúc Việt Minh ta càng tiến tới.
Chúc toàn quốc ta trong năm nay,
Cờ đỏ sao vàng bay phất phới.
Năm nay là năm Tết vẻ vang,
Cách mạng thành công khắp thế giới.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 114 (số 14), ngày 1-1-1942.

CA ĐỘI TỰ VỆ

Lời dẫn của tác giả về cách hát: " Chia người làm hai tổ. Bốn câu trên, tổ A hát trước, hát *giọng cao* (nếu có phụ nữ thì phụ nữ là tổ A); tổ B hát *giọng thấp* theo sau. Những chữ *bén, sắc, đông, bền* phải hát dài như *bé-én, sắ-ắc, đô-ông, bề-ền,*

Hai câu sau cùng ở mỗi đoạn thì cả tổ đều hát với nhau. Chữ *chặt* và chữ *nên* phải hát *rất mạnh*".

I

Gươm dao ta,
Đem mài đi!
Mài cho bén,
Mài cho sắc.
Nhật ta đâm,
Tây ta chặt.

II

Sắp hàng ra!
Xung phong lên!
Người ta đông,
Sức ta bền.
Việc giải phóng,
Nhất định nên.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 117 (số 17), ngày 1-2-1942.

CA SỢI CHỈ

Mẹ tôi là một đóa hoa,
Thân tôi trong sạch, tôi là cái bông.
Xưa tôi yếu ớt vô cùng,
Ai vò cũng đứt, ai rung cũng rời.
Khi tôi đã thành chỉ rồi,
Cũng còn yếu lắm, ăn ngồi không an.
Mạnh gì sợi chỉ con con,
Khuôn thiêng biết có vuông tròn cho chăng?
Càng dài lại càng mỏng manh,
Thế gian ai sợ chi anh chỉ xoàng?
Nhờ tôi có lắm đồng bang,
Họp nhau sợi dọc, sợi ngang rất nhiều.
Dệt nên tấm vải mỹ miều,
Đã bền hơn lụa, lại điều [1] hơn da.
Đố ai bứt xé cho ra,
Đó là lực lượng, đó là vẻ vang.

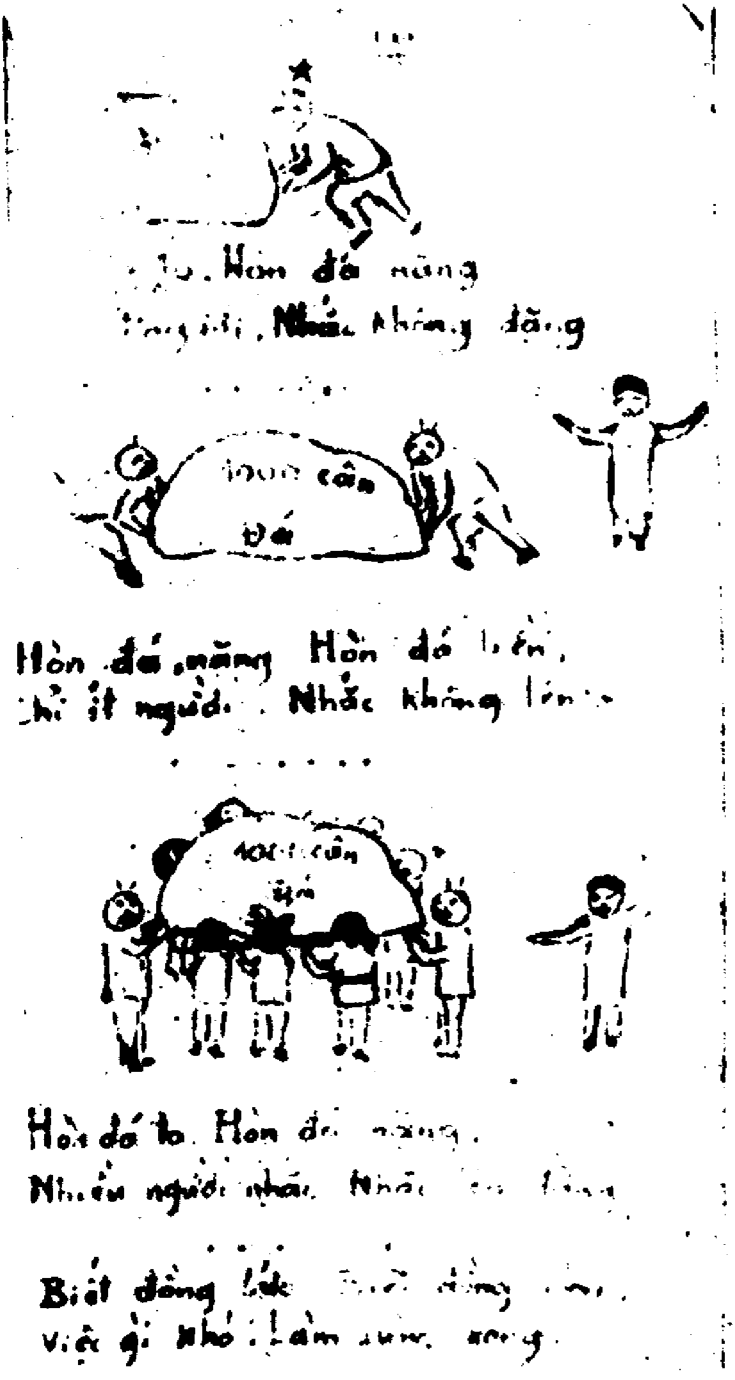
*

* *

Hỡi ai con cháu Hồng Bàng,
Chúng ta phải biết kết đoàn mau mau.
Yêu nhau xin nhớ lời nhau,
Việt Minh Hội ấy mau mau tìm vào.

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 122 (số 22), ngày 1-4-1942.

1. Điều: có lẽ là chữ đều, với ý nghĩa là đều đặn, mịn màng.



Tranh (có thơ phụ đề) của đồng chí Nguyễn Ái Quốc in trên báo Việt Nam độc lập *(1942): Hòn đá to. Tranh in đá.* Ảnh: Thông tấn xã Việt Nam.

HÒN ĐÁ TO [1]

Hòn đá to,
Hòn đá nặng.
Chỉ một người,
Nhắc không đặng.

Hòn đá nặng,
Hòn đá bền.
Chỉ ít người,
Nhắc không nên.

Hòn đá to,
Hòn đá nặng.
Nhiều người nhắc,
Nhắc lên đặng.

Biết đồng sức,
Biết đồng lòng.
Việc gì khó,
Làm cũng xong.

Đánh Pháp, Nhật,
Giành tự do.
Là việc khó,
Là việc to.

Nếu chúng ta,
Biết đồng lòng.
Thì việc đó,
Quyết thành công.

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 123 (số 23), ngày 21-4-1942.

1. Thơ phụ đề tranh cổ động.

上山

六月二十四
上到此山來
擧頭紅日近
對岸一枝梅

THƯỚNG SƠN

Phiên âm:

Lục nguyệt nhị thập tứ,
Thướng đáo thử sơn lai.
Cử đầu hồng nhật cận,
Đối ngạn nhất chi mai.

Lũng Dẻ, 1942

LÊN NÚI

Dịch nghĩa:

Ngày hai mươi bốn tháng sáu,
Trèo lên trên núi này.
Ngẩng đầu thấy gần mặt trời đỏ,
Bờ bên kia, có một nhành mai.

Dịch thơ:

Hai mươi tư tháng sáu,
Lên ngọn núi này chơi.
Ngẩng đầu: mặt trời đỏ,
Bên suối, một nhành mai.

Lũng Dẻ, 1942

Thơ Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 101.

Tố Hữu *dịch*

CON CÁO VÀ TỔ ONG

Tổ ong lủng lẳng trên cành,
Trong đầy mật nhộng, ngon lành lắm thay!
Cáo già nhè nhẹ lên cây,
Định rằng lấy được ăn ngay cho giòn.
Ong thấy cáo muốn cướp con,
Kéo nhau xúm lại vây tròn cáo ta.
Châm đầu, châm mắt cáo già,
Cáo già đau quá phải sa xuống rồi.
Ong kia yêu giống, yêu nòi.
Đồng tâm, hợp lực đuổi loài cáo đi.
Bây giờ ta thử so bì,
Ong còn đoàn kết, huống chi là người!
Nhật, Tây áp bức giống nòi,
Ta nên đoàn kết để đòi tự do.

Báo *Việt Nam độc lập,*
số 130 (số 30), ngày 1-7-1942.

TẶNG THỐNG CHẾ PÊTANH [1]

Vận mệnh Lang Sa [2] lúc chẳng lành,
Pêtanh lão tướng hóa hôi tanh.
Cúi đầu, quỳ gối, hàng quân Đức,
Trợn mắt, nhăn mày, chửi nước Anh.
Bán nước lại còn khoe cứu nước,
Ô danh mà muốn được thơm danh.
Già mà như chú, già thêm dại,
Tiếng xấu muôn đời nhuốc sử xanh.

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 131 (số 31), ngày 11-7-1942.

NHÓM LỬA

Lúc leo lét bắt đầu nhóm lửa,
Biết bao nhiêu là sự khó khăn?
Chỉ đìu hiu một mảy gió xuân,
Cũng lo sợ có khi tắt mất.
Nghi ngút khói, mặc dầu thổi quạt,
Che một bên lại tạt một bên.
Khi lửa đà chắc chắn bén lên,
Thì mưa gió chi chi cũng cháy.
Mưa lún phún, lửa càng nóng nảy,
Gió càng cao, ngọn lửa càng cao.
Núi rừng đều bén, cháy ào ào,
Lửa nung đỏ cả trời sáng tóe.

---

1. *Pêtanh* (Pétain): Quốc trưởng bù nhìn Pháp sau ngày Pháp thua Đức, 25-6-1940. Đầu hàng phát xít Đức, dâng nước Pháp cho kẻ thù, nhưng hắn lại khoe mẽ là cứu quốc(!). Dưới thời Pêtanh, ở nước ta, bọn thực dân Pháp bắt các báo chí của ta phải in ảnh và "danh ngôn" của Pêtanh.

2. *Lang Sa*: có lúc gọi là Phú Lang Sa theo cách phiên âm Hán Việt hồi thế kỷ XIX, từ chữ Pháp Frăngxơ (France), có nghĩa là nước Pháp. Chữ Pháp này là gọi tắt cách phiên âm về sau của chữ France: Pháp Lan Tây, một cách phiên âm gần đây hơn.

*
* *

Việc cách mạng cũng là như thế,
Bước ban đầu là bước gian nan.
Nào đế quốc, mật thám, vua quan,
Đều là lũ ra tay phá hoại.
Hở một chút, tức là thất bại,
Sai một ly là hại cho dân.
Song khi cách mạng đã vững chân,
Sẽ ồ ạt lan tràn khắp xứ,
Sẽ vùn vụt như tòa núi lửa,
Sẽ ầm ầm như ngọn thủy trào,
Sẽ kéo theo tất cả đồng bào,
Sẽ đè bẹp cả loài lang sói.
Lửa cách mạng sáng choang bờ cõi,
Chiếu lên cờ Độc lập, Tự do!

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 133 (số 33), ngày 1-8-1942.

TẶNG TOÀN QUYỀN ĐỜCU [1]

Non nước Rồng Tiên rõ mịt mù,
Lợi quyền phó mặc bố thằng cu. [2]
Đối dân Nam Việt thì lên mặt,
Gặp bọn Phù Tang, chí đội khu. [3]
Về Pháp, không cơm, e chết đói,
Ở đây, hút máu, béo ni nu.
Cũng như Thống chế Pêtanh vậy,
Chú cứ cu cù được mãi ru! [4]

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 134 (số 34), ngày 11-8-1942.

CHƠI TRĂNG

Gặp tuần trăng sáng, dạo chơi trăng,
Sẵn nhắn vài câu hỏi chị Hằng:
"Non nước tơi bời sao vậy nhỉ?
Nhân dân cực khổ biết hay chăng?
Khi nào dấy [5] được quân anh dũng,
Để dẹp cho tan bọn nhố nhăng?
Nam Việt bao giờ thì giải phóng?
Nói cho nghe thử, hỡi cô Hằng?"

---

1. *Đờcu* (Decoux): Thủy sư đô đốc, làm Toàn quyền Đông Dương từ 30-8-1940. Tên này đã dâng nước ta cho Nhật và bị Nhật đảo chính tống giam ngày 9-3-1945.

2. *Thằng cu*: nhại âm thứ hai của tên gọi tên Toàn quyền Đông Dương. Bố thằng cu tức chỉ Đờcu.

3. *Phù Tang:* tên khác để chỉ nước Nhật.

Đội khu: khu, theo tiếng địa phương miền Trung có nghĩa là mông đít. Đội khu có nghĩa là đội đít, ý nói Toàn quyền Đờcu phải khuất phục Nhật, đội khu Nhật.

4. *Cu cù*: là tiếng chim gáy kêu, ý nói Đờcu hót mình (Phật) để được yên thân.

5. *Dấy*: nổi dậy, làm cho nổi dậy, với ý nghĩa là làm bừng lên mạnh mẽ.

*

* *

Trăng rằng: " Tôi kính trả lời ông,
Tôi đã từng soi khắp núi sông.
Muốn biết tự do chầy hoặc chóng,
Thì xem tổ chức khắp [1] hay không.
Nước nhà giành lại nhờ gan sắt,
Sự nghiệp làm nên bởi chữ đồng.
Tổ chức, tuyên truyền càng rộng rãi,
Tức là cách mạng chóng thành công".

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 135 (số 35), ngày 21-8-1942.

BÀI CA DU KÍCH

Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...
Già nào,
Trẻ nào,
Lính nào,
Dân nào,
Đàn ông nào,
Đàn bà nào!
Kẻ có súng dùng súng,
Kẻ có dao dùng dao;
Kẻ có cuốc dùng cuốc,
Người có cào dùng cào.
Thấy Tây cứ chém phứa,
Thấy Nhật cứ chặt nhào.
Chúng nhiều là mấy vạn,
Mình mấy triệu đồng bào.

---

1. *Tổ chức khắp*: ý nói tổ chức của cách mạng mở rộng khắp nơi.

Chúng đường xa mỏi mệt,
Mình "dĩ dật đãi lao".[1]
Làm cho chúng mòn mỏi,
Làm cho chúng tiêu hao.
Chúng nhất định thất bại,
Mình sức càng dồi dào.
Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...
Du kích ngày càng mạnh,
Du kích ngày càng cao.
Ào, ào, ào...
Ào, ào, ào...

1942

Thơ Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản
Văn học, Hà Nội, 1970, tr. 42.

TRẺ CHĂN TRÂU

Trên đồi cỏ mọc xanh xanh,
Một đàn cò đậu ngoài ghềnh xa xa.
Trâu bò lũ bảy, lũ ba,
Ven đồi chen chúc bụi già, cỏ non.
Chăn trâu mấy trẻ con con,
Cùng nhau xướng hát véo von trên gò:
"Vì ai ta chẳng ấm no?
Vì ai ta đã phải lo cơ hàn?
Vì ai cha mẹ nghèo nàn?
Vì ai nhà cửa, giang san tan tành?
Vì ai ngăn cấm học hành?
Vì ai ta phải chịu đành dốt ngây?
– Ấy là vì Nhật, vì Tây,
Ra tay vơ vét, đọa đày chúng ta.

1. *Dĩ dật đãi lao*: lấy cái ung dung (do chỗ ở gần, ở tại chỗ) mà đánh kẻ mệt mỏi (do chỗ từ xa vất vả mà đến).

Làm cho tan cửa nát nhà,
Trẻ con vất vả, người già đắng cay.
Cùng nhau đánh đuổi Nhật, Tây,
Anh em ta mới có ngày vinh hoa.
Nhi đồng Cứu quốc Hội ta,
Ấy là lực lượng, ấy là cứu tinh.
Ấy là bộ phận Việt Minh, [1]
Dân mình khắc cứu dân mình mới xong.
Ai nghe mà chẳng động lòng,
Khá khen con trẻ mục đồng Việt Nam.

Báo *Việt Nam độc lập*,
số 144 (số 44), ngày 21-11-1942.

1. Ý nói Hội Nhi đồng Cứu quốc là một thành viên của Mặt trận Việt Minh.

NHẬT KÝ TRONG TÙ

TIỂU DẪN. – "Trong Viện Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, tại Phòng Mặt trận Thống nhất dân tộc phản đế và Mặt trận Việt Minh, có một cuốn sổ tay, bìa xanh đã bạc màu. Trang đầu cuốn sổ ghi bốn chữ *Ngục trung nhật ký*, kèm theo bốn câu thơ và một hình vẽ hai nắm tay bị xích, phần ruột gồm 47 trang ghi hơn một trăm bài thơ. Những trang cuối ghi một số mục nhỏ có tính chất thời sự. Toàn bộ cuốn sổ đều viết bằng chữ Hán.

"Đó là cuốn sổ tay của Hồ Chủ tịch, gồm những bài thơ mà Người đã viết trong cảnh lao tù từ mùa thu 1942 đến mùa thu 1943" (*Lời nói đầu* bản in *Nhật ký trong tù* của Viện Văn học, lần in thứ nhất, 1960).

Những sự kiện lịch sử Đảng (tập I) cho biết rõ: "Sau một thời gian đóng cơ quan tại Cao Bằng, cùng với Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, ngày 13-8-1942, lấy tên là Hồ Chí Minh, đồng chí Nguyễn Ái Quốc lên đường đi Trung Quốc với danh nghĩa đại biểu của *Việt Nam độc lập đồng minh* và *Phân bộ quốc tế phản xâm lược* của Việt Nam, để tranh thủ sự viện trợ của quốc tế. Sau nửa tháng trời đi bộ, vừa đến Túc Vinh ngày 29-8, Người bị chính quyền địa phương của bọn Tưởng Giới Thạch bắt giữ. Người bị giam cầm 13 tháng, bị đối xử tàn tệ và sống cực khổ qua gần 30 nhà tù của 13 huyện. Trong thời gian ở tù, Người đã viết cuốn *Nhật ký trong tù*...".

Từ năm 1949, khá lâu trước khi tập thơ được giới thiệu với độc giả, Trần Dân Tiên đã viết rất rõ trong *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch* về hoàn cảnh ra đời của tập thơ, tuy tác giả không nói gì cụ thể về tập thơ cả. Chúng ta được biết rằng tập thơ đã được sáng tác trong hoàn cảnh mà Trần Dân Tiên đã miêu tả như sau:

"Đi liền mười đêm và năm ngày, Cụ Hồ đến một thị trấn Trung Quốc, chưa kịp nghỉ chân thì chiều hôm đó Cụ bị bắt... Quốc dân đảng giam Cụ vào nhà lao C.H.S. hơn hai tuần, ngày mang gông, đêm cùm chân... Một tháng rưỡi sau, người ta giải Cụ Hồ đi... nhưng không cho Cụ biết đi đâu. Tay bị trói giật cánh khuỷu, cổ mang vòng xích, có sáu người lính mang súng giải đi, Cụ Hồ Chí Minh đi mãi, đi mãi nhưng vẫn không biết đi đâu. Dầm mưa dãi nắng, trèo núi qua truông. Mỗi buổi sáng, gà gáy đầu, người ta giải Cụ Hồ đi. Mỗi buổi chiều, khi chim về tổ, người ta dừng lại trong một địa phương nào đó, giam Cụ vào trong xà lim trên một đống rạ bẩn, không cởi trói cho Cụ ngủ. Gian khổ như vậy, nhưng Cụ vẫn vui vẻ. *Cụ vừa đi vừa ngâm nga. Thỉnh thoảng Cụ Hồ làm thơ.* [1]

1. Do chúng tôi nhấn mạnh.

"... Ăn uống thiếu, không khí thiếu, bẩn thỉu, ở lẫn với những người mắc bệnh giang mai, nghiện thuốc phiện. Nhà tù thường chậtních, người đến sau không có chỗ nằm. Ban đêm Cụ Hồ thường phải ngồi trên cầu xí ở ngay trong phòng giam. Nhưng Cụ vẫn không được yên ổn. Lâu lâu Cụ lại phải đứng dậy nhường chỗ cho một người đi ỉa đêm.

Mỗi bữa sáng Cụ phải đi đổ thùng và quét nhà giam.

Một hôm, khi ngủ dậy, Cụ thấy người nằm bên cạnh dựa vào lưng Cụ đã chết cứng. Cụ phải cùng với một người tù khác mang xác chết ra ngoài sân. Ở trong nhà tù, ai chết mặc ai, chẳng ai để ý. Cái làm cho Cụ khổ nhất là ghẻ và rận. Cụ bị ghẻ khắp người, đầy cả cánh tay và bàn tay. Không phải là một thứ mà là hai thứ ghẻ: ghẻ ruồi ngứa và lở, còn rận thì vô số. Không có cách gì trừ tiệt được rận. Ở đâu cũng có: trong quần áo, trong chăn chiếu, trong ván nằm. Rận và rệp tranh nhau hành hạ những người tù. Đêm đến họ còn bị một kẻ thù đáng sợ nữa là muỗi. Trong tù người ta gọi rệp là chiến xa, rận là xe tăng và muỗi là tàu bay. [1]

Vì vậy mà Cụ gầy như que củi. Tóc chóng bạc và rụng nhiều. Mắt nhìn kém. Nhưng Cụ khổ nhất là mất thì giờ ngồi không. Trong khi Cụ Hồ la lết tấm thân mệt lử từ nhà giam này đến nhà giam khác, có lẽ những việc lớn đang dồn dập trong nước và trên thế giới.

... Lòng Cụ Hồ rối như tơ vò, vì phải ngồi im vô ích trong khi công việc đang đòi Cụ và thời gian đi qua không chờ người.

Cụ Hồ tiếp tục đi, bị trói và bị xích như thế trong hơn tám mươi ngày. Cụ đã trải qua ba mươi nhà tù xã và huyện. Cuối cùng Cụ đến Quế Lâm.

Từ Quế Lâm, người ta giải Cụ đi Liễu Châu, giam vào nhà giam quân sự.

... Trong nhà tù này Cụ Hồ được biết ở Liễu Châu có tổ chức Việt Nam cách mạng đồng minh hội. Cụ được biết nhiều hơn nữa. Cụ được biết rằng mình bị cầm tù lâu hơn nữa vì người ta nghi Cụ sang Trung Quốc để phá tổ chức đó.

Bị giam mười bốn tháng thì Cụ Hồ được tha, nhưng vẫn bị quản chế.

Ra khỏi tù, Cụ Hồ thấy mắt kém đi, chân yếu đi không bước được. Cụ tự nhủ: "Một chiến sĩ mà bị bệnh tê thấp thì còn làm gì được?".

Cụ Hồ ra sức tập leo núi, tập nhìn vào bóng tối, v.v..., quyết tâm chữa cho khỏi bệnh chân và bệnh mắt".

*

* *

---

1. Tất cả những chi tiết trên đây đều được ghi rõ trong các bài thơ của tập *Ngục trung nhật ký*.

Những đoạn văn trên đây có thể coi như lời giới thiệu nội dung tập thơ *Nhật ký trong tù.*

Sau này T. Lan lại có dịp nhắc đến tập thơ đó, nhưng Hồ Chủ tịch rất khiêm tốn: "Các chú không nhắc thì Bác cũng không nhớ đến nữa... Bác không phải là người hay thơ, mà thơ của Bác cũng không hay. Mười mấy tháng bị nhốt trong cái phòng u ám và quạnh hiu, một hình một bóng, không được nói chuyện với ai, không có việc gì làm. Muốn du lịch thì đi dọc chỉ năm bước, đi ngang bốn bước. Để "tiêu khiển" ngày giờ, chỉ có cách nghêu ngao, vắn tắt ghi lại sinh hoạt của người ở tù, cho khuây khỏa thế thôi, phải thơ phú gì đâu..." (*Vừa đi đường vừa kể chuyện*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, tr. 83, 84).

Một người không bao giờ tự nhận mình là nhà văn nghệ, nhưng đã đóng góp biết bao tác phẩm ưu tú, đưa tới những thành tựu cao nhất của nền văn nghệ cách mạng hiện đại Việt Nam. Riêng về tập thơ *Nhật ký trong tù*, sự bình luận, đánh giá, giới thiệu của các nhà chính trị, văn nghệ và bạn đọc ở trong nước và trên thế giới đã có thể gộp lại hàng nghìn trang. Bản thân *Nhật ký trong tù* lại đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, được phổ nhạc, vẽ tranh, dựng kịch...

Nhật ký trong tù là tập thơ đầy chất "thép" toát lên tư tưởng và tình cảm cao quý của một chiến sĩ cách mạng vĩ đại hơn nửa thế kỷ đã không ngừng phấn đấu cho lý tưởng Cộng sản chủ nghĩa, cho Tổ quốc, cho loài người. Từ những bài thơ rất hiện thực về đời sống trong chế độ lao tù của bọn phản động Trung Quốc tàn bạo và mục nát, toát lên phong thái ung dung, tình cảm cao đẹp, khí phách hào hùng, ý chí sắt đá, tinh thần lạc quan cách mạng không gì lay chuyển nổi. *Nhật ký trong tù* là bản cáo trạng đanh thép, phẫn nộ, sôi sục..., vạch mặt chỉ tên những kẻ thù của *Người cùng khổ*. *Nhật ký trong tù* mang nặng những suy nghĩ, ưu tư của một tâm hồn lớn, một tâm hồn cao thượng và nhân ái. *Nhật ký trong tù* ngời lên những cảm xúc vừa mạnh mẽ, vừa tế nhị, vừa chân thực, vừa lãng mạn, vượt ra ngoài khung cảnh chật hẹp của lao tù. *Nhật ký trong tù* với cái lớn của tình cảm và cái đẹp của trí tuệ đã kết hợp phong cách cổ điển với sáng tạo hiện đại. *Nhật ký trong tù* là một văn kiện lịch sử vô giá, một kho báu kinh nghiệm sống và đấu tranh. *Nhật ký trong tù* là tác phẩm văn học lớn có tác dụng giáo dục sâu sắc phẩm chất và đạo đức làm người cho các thế hệ ngày nay và sau này. *Nhật ký trong tù* lại còn nêu lên nguyên lý sáng tác hàm súc mà giản dị, nguyên lý sáng tác đầy tính chất cách mạng:

Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp:
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông.
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Với Người, làm thơ cũng là một hành động cách mạng là như vậy.

*

* *

Trong lần xuất bản *Nhật ký trong tù* này, về mặt văn bản, chúng tôi đã dựa vào bản gốc lưu trữ tại Viện Bảo tàng Cách mạng. Về việc dịch thơ, chúng tôi đã sử dụng bản dịch của Viện Văn học (Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội 1960). Trong việc dịch nghĩa, chúng tôi lấy ý nghĩa và tinh thần của nguyên tác làm chính và cố gắng dịch cho thật sát, thật đúng, nhằm đạt hai yêu cầu đó. Trong việc chú thích, để giúp bạn đọc hiểu được ý nghĩa của bài thơ, chúng tôi có chú ý đến những từ ngữ, nhất là những thành ngữ chữ Hán, cũng như các địa danh được nhắc tới trong các bài thơ.

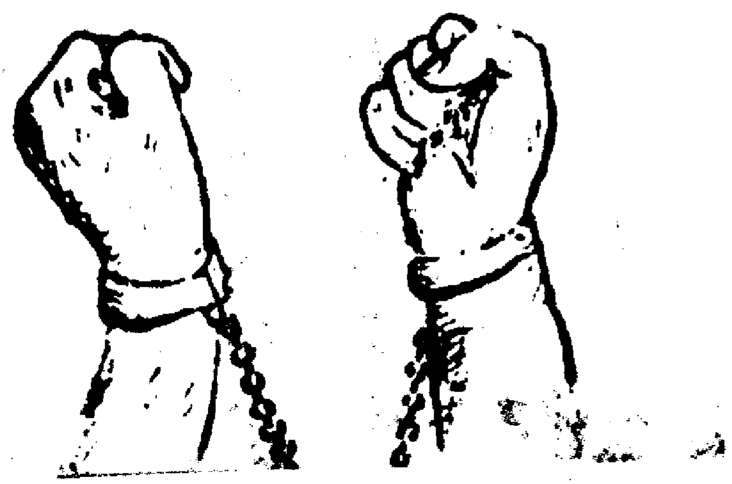
Phần phiên âm, dịch nghĩa, chú thích... do nhà Hán học Nguyễn Sĩ Lâm và đồng chí Lê Trí Viễn phụ trách. Đồng chí Nguyễn Văn Bách viết chữ Hán. [1]

---

1. Trên đây là *Tiểu dẫn* tác phẩm *Nhật ký trong tù* trong lần xuất bản thứ nhất *Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 36 (1980). Do nhiều lý do, chúng tôi vẫn giữ nguyên lời *Tiểu dẫn* và văn bản *Nhật ký trong tù* đã in lần trước; cũng là một cách phản ánh trung thực trình độ nghiên cứu và dịch thuật tác phẩm Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh hồi đó. Tuy nhiên, để bạn đọc có thể theo dõi được trọn bộ tác phẩm thi ca này của Người, chúng tôi bổ sung vào sau (phần *Phụ lục II*) các bài thơ lần in trước không đưa vào (*Tức cảnh*) hoặc còn chưa được giới thiệu trước đây.

獄中日記

身係在獄中、
精神在獄外、
欲成大事業、
精神要大。



獄中日記

身體在獄中
精神在獄外
欲成大事業
精神更要大

Phiên âm:

Thân thể tại ngục trung,
Tinh thần tại ngục ngoại.
Dục thành đại sự nghiệp,
Tinh thần cánh yếu đại. [1]

Dịch nghĩa:

Thân thể ở trong ngục,
Tinh thần ở ngoài ngục.
Muốn thành sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải lớn.

Dịch thơ:

Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao.
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.

1. Bài thơ này được chép ở ngoài bìa tập *Ngục trung nhật ký* cùng với hình vẽ hai tay bị xiềng, có ý nghĩa như một bài "đề từ" cho toàn bộ tập thơ.

開　卷

老夫原不愛吟詩
因爲囚中無所爲
聊借吟詩消永日
且吟且待自由時

Phiên âm:

KHAI QUYỂN [1]

Lão phu nguyên bất ái ngâm thi,
Nhân vị tù trung vô sở vi.
Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật, [2]
Thả ngâm thả đãi tự do thì.

---

1. *Khai quyển*: bài này là bài mở đầu tập thơ, nên đề là *Khai quyển*.
2. *Liêu tá:* hãy mượn.

Dịch nghĩa:

MỞ ĐẦU TẬP NHẬT KÝ

Lão tôi vốn không thích ngâm thơ,
Nhưng vì trong tù chẳng có gì làm.
Hãy mượn việc ngâm thơ để qua ngày dài,
Vừa ngâm vừa đợi ngày tự do.

Dịch thơ:

Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây?
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.

*

在足榮街被扣留

足榮卻使余蒙辱
故意遲延我去程
間諜嫌疑空捏造
把人名譽白犧牲

Phiên âm:

TẠI TÚC VINH KHAI BỊ KHẤU LƯU [1]

Túc Vinh khước sử dư mông nhục [2],
Cố ý trì diên ngã khứ trình, [3]
Gián điệp hiềm nghi không nát tạo. [4]
Bả nhân danh dự bạch hy sinh. [5]

Dịch nghĩa:

BỊ BẮT GIỮ Ở PHỐ TÚC VINH

Phố gọi Túc Vinh mà khiến ta mang nhục,
Cố ý làm chậm trễ hành trình của ta.
Bịa đặt ra chuyện tình nghi gián điệp,
Đem danh dự người vứt bỏ như không.

1,2. *Túc Vinh*: tên một phố ở thị trấn Thiên Bảo, thuộc huyện Thiên Bảo, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc. Chữ "Túc Vinh" có nghĩa là "đủ vinh", không thiếu sự vinh; và từ nghĩa này, tác giả đem đối lập với chữ "mông nhục", có nghĩa là "mang nhục", với dụng ý chơi chữ.

Khấu lưu: bắt giữ lại.

Lý do chính quyền Quốc dân đảng ở Trung Quốc lúc bấy giờ bắt giữ tác giả là rất khó hiểu. Theo Lê Tùng Sơn, trong bài Bác Hồ ở *Trung Quốc* đăng ở tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* số 3-1977, thì bấy giờ sau khi Nhật vào Đông Dương (tháng 9-1940), quân đội Tưởng Giới Thạch chủ trương cho "Hoa quân nhập Việt". Để thực hiện âm mưu ấy, chúng dùng một số người Việt Nam lưu vong đã lâu ở Trung Quốc, như Trương Bội Công, Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh... dựng lên một số tổ chức làm tay sai cho chúng. Do đó, chúng không thích gì những người cộng sản Việt Nam, nhất là từ năm 1941 trở đi, Đảng Cộng sản lại thành lập Mặt trận Việt Minh và dấy lên một phong trào đánh Pháp đuổi Nhật sôi nổi. Có thể Người đã bị bắt giữ trong tình hình đó.

3. *Trì diên:* kéo dài mà làm chậm lại, làm chậm trễ.

Khứ trình: cuộc đi đến một nơi nào. Đây chỉ cuộc đi Trùng Khánh, nơi Chính phủ Trung Quốc đóng hồi chống Nhật.

4. *Hiềm nghi*: tình nghi. Lý do tác giả bị bắt giữ như đã nói ở trên, nhưng để có cớ, chúng đặt ra chuyện tình nghi tác giả là gián điệp.

Nát tạo: bịa đặt.

5. *Bạch hy sinh*: làm mất một cách không đâu, như không ("bạch" có nghĩa là chẳng vào đâu, vứt phí đi).

Dịch thơ:

Túc Vinh mà để ta mang nhục,
Cố ý làm cho chậm bước mình.
Bịa đặt vu ta là gián điệp,
Không dưng danh dự phải hy sinh.

*

入靖西縣獄

獄中舊犯迎新犯
天上晴雲逐雨雲
晴雨浮雲飛去了
獄中留住自由人

Phiên âm:

NHẬP TĨNH TÂY HUYỆN NGỤC [1]

Ngục trung cựu phạm nghênh tân phạm,
Thiên thượng tình vân trục vũ vân.
Tình, vũ phù vân phi khứ liễu, [2]
Ngục trung lưu trú tự do nhân. [3]

Dịch nghĩa:

VÀO NHÀ LAO HUYỆN TĨNH TÂY

Trong lao, tù cũ đón tù mới,
Trên trời, mây tạnh đuổi mây mưa.
Mấy đám mây nổi cả mưa lẫn tạnh cùng bay đi hết,
Trong lao còn giữ lại con người tự do.

Dịch thơ:

Trong lao, tù cũ đón tù mới,
Trên trời, mây tạnh đuổi mây mưa.
Mây mưa, mây tạnh bay đi hết,
Còn lại trong tù khách tự do.

*

---

1. *Tĩnh Tây:* một huyện tỉnh Quảng Tây, gần biên giới Việt Nam. Tác giả bị bắt giữ ở thị trấn Thiên Bảo, quá Tĩnh Tây mấy chục cây số, nhưng lại bị đưa lui, giam giữ ở nhà lao Tĩnh Tây.

2. *Phù vân:* mây nổi, chỉ những đám mây trôi nổi trên không. Từ "phù" chỉ trạng thái trôi nổi, qua lại của mây, nhưng cũng chỉ cả tính chất tự do nữa, tự do trôi nổi, tự do qua lại. Thơ cổ có câu: "Nhàn vân bất hệ đông tây ảnh", nghĩa là: đám mây nhàn không ràng buộc các hình bóng đông hay tây.

3. *Lưu trú*: giữ lại. Ý nói những đám mây mưa, mây tạnh, đều được tự do bay đi, còn tác giả là người tự do bị giữ lại trong lao.

世路難

走遍高山與峻嶺
那知平路更難堪
高山遇虎終無恙
平路逢人卻被監

二

余原代表越南民
擬到中華見要人
無奈風波平地起
送余入獄作嘉賓

三

忠誠我本無心疚
卻被嫌疑做漢奸
處世原來非易易
而今處世更難難

Phiên âm:

THẾ LỘ NAN

Tẩu biến cao sơn dữ tuấn nham,
Na tri bình lộ cánh nan kham. [1]
Cao sơn ngộ hổ chung vô dạng,
Bình lộ phùng nhân khước bị giam.

II

Dư nguyên đại biểu Việt Nam dân,
Nghĩ đáo Trung Hoa kiến yếu nhân. [2]
Vô nại phong ba bình địa khởi,
Tống dư nhập ngục tác gia tân.

III

Trung thành, ngã bản vô tâm cứu [3],
Khước bị hiềm nghi tố Hán gian.
Xử thế nguyên lai phi dị dị, [4]
Nhi kim xử thế cánh nan nan. [5]

---

1. *Nan kham*: khó lòng chịu nổi.
2. *Yếu nhân:* nhân vật trọng yếu.
3. *Vô tâm cứu:* Trong lòng không điều hổ thẹn.
4. *Dị dị, nan nan*: dễ dễ, khó khó. Đây là hai từ kép, đặt lặp lại hai từ đơn "dị" và "nan", để nhấn mạnh thêm ý "dễ" và "khó"

Dịch nghĩa:

ĐƯỜNG ĐỜI KHÓ KHĂN

Đi khắp non cao cùng núi thẳm,
Biết đâu đường phẳng lại gặp nhiều sự khó khăn.
Núi cao gặp hổ nhưng rồi vẫn vô sự,
Đường phẳng gặp người lại bị bắt giam.

II

Ta nguyên là đại biểu dân Việt Nam,
Định sang Trung Hoa tìm gặp yếu nhân.
Không dưng đất bằng nổi cơn sóng gió,
Đưa ta vào làm "khách quý" trong nhà lao.

III

Ta vốn trung thực, không điều thẹn lòng,
Thế mà bị tình nghi làm Hán gian.
Sự đối xử ở đời, nguyên không phải là dễ,
Mà sự đối xử ở đời lúc này lại càng khó khăn hơn.

Dịch thơ:

Đi khắp đèo cao, khắp núi cao,
Ngờ đâu đường phẳng lại lao đao.
Núi cao gặp hổ mà vô sự,
Đường phẳng gặp người, bị tống lao;

II

Ta là đại biểu dân Việt Nam,
Tìm đến Trung Hoa để hội đàm.
Ai ngờ đất bằng gây sóng gió,
Phải làm "khách quý" tại nhà giam!

III

Ta người ngay thẳng, lòng trong trắng,
Lại bị nghi là kẻ Hán gian!
Vốn biết ở đời không phải dễ,
Mà nay càng thấy khó khăn hơn!

早

太陽每早從牆上
照着籠門門未開
籠裡現時還黑暗
光明却已面前來

二

早起人人爭獵虱
八鐘響了早餐開
勸君且吃一个飽
否極之時必泰來

Phiên âm:

TẢO

Thái dương mỗi tảo tòng tường thướng,
Chiếu trước lung môn, môn vị khai.
Lung lý hiện thời hoàn hắc ám,
Quang minh khước dĩ điện tiền lai.

II

Tảo khởi nhân nhân tranh liệp sắt,
Bát chung hưởng liễu, tảo xan khai.
Khuyến quân thả ngật nhất cá bão [1],
Bĩ cực chi thì tất thái lai.

Dịch nghĩa:

BUỔI SỚM

Mỗi sớm, mặt trời vượt lên khỏi đầu tường,
Chiếu vào cửa nhà lao, cửa chưa mở.
Trong lao hiện giờ vẫn còn đen tối,
Nhưng ánh sáng đã rọi tới trước mặt rồi.

II

Sớm dậy, mọi người đua nhau bắt rận,
Tám giờ chuông điểm rồi, sửa soạn ăn cơm sáng.
Khuyên anh hãy cứ ăn no cái đã,
Hết thời bĩ cực, ắt được thái lai.

1. *Ngật nhất cá bão*: ăn no một cái đã.

Dịch thơ:

Đầu tường sớm sớm vầng dương mọc,
Chiếu cửa nhà lao, cửa vẫn cài.
Trong ngục giờ đây còn tối mịt,
Ánh hồng trước mặt đã bừng soi.

II

Sớm dậy người người đua bắt rận,
Tám giờ, cơm sáng kẻng vang rồi.
Khuyên anh hãy gắng ăn no bụng,
Khổ lắm ắt là đến lúc vui.

*

午

獄中午睡真舒服
一睡昏昏幾句鐘
夢見乘龍天上去
醒時纔覺臥籠中

Phiên âm:

NGỌ

Ngục trung ngọ thụy chân thư phục, [1]
Nhất thụy hôn hôn kỷ cú chung.
Mộng kiến thừa long thiên thượng khứ,
Tỉnh thời tài giác ngọa lung trung!

Dịch nghĩa:

BUỔI TRƯA

Giấc ngủ trưa trong nhà lao, thật là khoan khoái,
Một giấc say sưa mấy tiếng đồng hồ.
Mơ thấy cưỡi rồng bay lên trời,
Lúc tỉnh ra, mới biết vẫn nằm trong lao!

Dịch thơ:

Trong tù khoan khoái giấc ban trưa,
Một giấc miên man suốt mấy giờ.
Mơ thấy cưỡi rồng lên thượng giới,
Tỉnh ra trong ngục vẫn nằm trơ.

*

1. Thư phục: thư thái, khoan khoái.

午後

二點開籠換空氣
人人仰看自由天
自由天上神仙客
知否籠中也有仙

Phiên âm:

NGỌ HẬU

Nhị điểm khai lung hoán không khí,
Nhân nhân ngưỡng khán tự do thiên.
Tự do thiên thượng thần tiên khách,
Tri phủ lung trung dã hữu tiên?

Dịch nghĩa:

QUÁ TRƯA

Hai giờ nhà lao mở cửa, đổi thay không khí,
Mọi người ngẩng lên ngắm trời tự do.
Khách thần tiên trên trời tự do,
Có biết chăng trong lao này cũng có khách tiên?

Dịch thơ:

Hai giờ ngục mở thông hơi,
Tù nhân ngẩng mặt ngắm trời tự do.
Tự do tiên khách trên trời,
Biết chăng trong ngục có người khách tiên?

*

晚

晚餐吃了日西沈
處處山歌與樂音
幽暗靖西禁閉室
忽成美術小翰林

Phiên âm:

VÃN

Vãn xan ngật liễu, nhật tây trầm,
Xứ xứ sơn ca dữ nhạc âm. [1]
U ám Tĩnh Tây cấm bế thất,
Hốt thành mỹ thuật tiểu hàn lâm. [2]

---

1. *Sơn ca:* một từ gọi chung những điệu hát của nông dân, trẻ chăn trâu, người kiếm củi.

2. *Mỹ thuật:* chỉ chung những nghệ thuật có giá trị biểu hiện được tâm hồn tốt đẹp của con người, như thi ca, âm nhạc, hội họa, điêu khắc...

Dịch nghĩa:

CHIỀU HÔM

Cơm chiều ăn xong, mặt trời lặn về tây,
Khắp nơi nghe tiếng dân ca cùng âm nhạc.
Cái nhà tù u ám của huyện Tĩnh Tây,
Bỗng thành một viện hàn lâm mỹ thuật nhỏ.

Dịch thơ:

Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,
Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm.
Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,
Bỗng thành nhạc quán viện hàn lâm.

*

囚糧

每餐一碗紅米飯
無鹽無菜又無湯
有人送飯吃得飽
沒人送飯喊爺娘

Phiên âm:

TÙ LƯƠNG

Mỗi xan nhất uyển hồng mễ phạn,
Vô diêm, vô thái, hựu vô thang.
Hữu nhân tống phạn, ngật đắc bão, [1]
Một nhân tống phạn, hám gia nương. [2]

Dịch nghĩa:

CƠM TÙ

Mỗi bữa được một bát cơm gạo đỏ,
Không muối, không rau, cũng chẳng canh.
Có người nhà đem cơm, thì được ăn no,
Không người nhà đem cơm, đói kêu cha, kêu mẹ.

Dịch thơ:

Lót lòng mỗi bữa lưng cơm đỏ,
Không muối, không canh, cũng chẳng cà.
Có kẻ đem cơm thì chắc dạ,
Không người lo bữa, đói kêu cha.

*

1,2. *Nhân*: hai từ "nhân" này, chỉ người nhà của người tù.

難友吹笛

獄中忽聽思鄉曲
聲轉淒涼調轉愁
千里關河無限感
閨人更上一層樓

Phiên âm:

NẠN HỮU XUY ĐỊCH

Ngục trung hốt thính tư hương khúc,
Thanh chuyển thê lương, điệu chuyển sầu!
Thiên lý quan hà vô hạn cảm:
Khuê nhân cánh thướng nhất tầng lâu. [1]

---

1. *Khuê nhân:* người buồng khuê. Ở đây chỉ vợ người tù thổi sáo.

Nhất tầng lâu: một tầng lầu nữa. Vương Chi Hoán, một nhà thơ đời Đường, có câu: "Dục cùng thiên lý mục, Cánh thướng nhất tầng lâu", nghĩa là: "Muốn phóng hết tầm mắt nghìn dặm, Lại bước lên một tầng lầu cao nữa".

Đây nói người bạn tù như cảm thấy ở nơi nghìn dặm xa, vợ mình đang lên một tầng lầu nữa để ngóng trông.

Dịch nghĩa:

NGƯỜI BẠN TÙ THỔI SÁO

Trong lao, bỗng nghe khúc sáo nhớ quê hương,
Tiếng sáo chuyển thành lạnh lùng, điệu cũng chuyển thành sầu thảm!
Non nước nghìn dặm xa, xiết bao cảm nghĩ:
Người phòng khuê lại lên một tầng lầu nữa.

Dịch thơ:

Bỗng nghe trong ngục sáo vi vu,
Khúc nhạc tình quê chuyển điệu sầu.
Muôn dặm quan hà khôn xiết nỗi,
Lên lầu, ai đó ngóng trông nhau.

*

脚閘

猙獰餓口似兇神
晚晚張開把脚吞
各人被吞了右脚
只剩左脚能屈申

二

世間更有離奇事
人們爭先上脚鉗
因爲有鉗纔得睡
無鉗沒處可安眠

Phiên âm:

CƯỚC ÁP [1]

Tranh nanh ngã khẩu tự hung thần,
Vãn vân trương khai bả cước thôn.
Các nhân bị thôn liễu hữu cước,
Chỉ thặng tả cước năng khuất thân.

II

Thế gian cánh hữu ly kỳ sự:
Nhân môn tranh tiên thướng cước kiềm.
Nhân vị hữu kiềm tài đắc thụy,
Vô kiềm một xứ khả an miên.

1. *Áp*: cái cùm; cước áp: cái cùm chân (cũng có loại cùm tay).

Dịch nghĩa:

CÁI CÙM CHÂN

Cái miệng đói dữ tợn, tựa hung thần,
Đêm đêm há hốc ra nuốt chân người.
Người nào cũng bị nuốt mất chân phải,
Chỉ còn chân trái co duỗi được thôi.

II

Trên đời lại có chuyện thật ly kỳ:
Mọi người tranh nhau đến trước để được cùm chân.
Vì có cùm chân mới được nằm ngủ,
Không cùm chân thì không chỗ ngủ yên.

Dịch thơ:

Dữ tựa hung thần miệng chực nhai.
Đêm đêm há hốc nuốt chân người.
Mọi người bị nuốt chân bên phải.
Co duỗi còn chân bên trái thôi.

II

Nghĩ việc trên đời kỳ lạ thật:
Cùm chân sau trước cũng tranh nhau.
Được cùm chân mới yên bề ngủ,
Không được cùm chân biết ngủ đâu?

*

學奕棋

閑坐無聊學奕棋
千兵萬馬共驅馳
進攻退守應神速
高才疾足先得之

二

眼光應大心應細
堅決時時要進攻
錯路雙車也沒用
逢時一卒可成功

三

雙方勢力本平均
勝利終須屬一人
攻守運籌無漏著
纔稱英勇大將軍

Phiên âm:

HỌC DỊCH KỲ

Nhàn tọa vô liêu học dịch kỳ,
Thiên binh vạn mã cộng khu trì.
Tấn công thoái thủ ưng thần tốc,
Cao tài tật túc tiên đắc chi. [1]

II

Nhãn quang ưng đại, tâm ưng tế,
Kiên quyết, thì thì yếu tấn công.
Thác lộ, song xa dã một dụng, [2]
Phùng thì, nhất tốt khả thành công.

III

Song phương thế lực bản bình quân,
Thắng lợi chung tu thuộc nhất nhân.
Công thủ vận trù vô lậu trước, [3]
Tài xưng anh dũng đại tướng quân.

---

1. *Tiên đắc chi:* được trước cái đó. Ở đây nói chuyện đánh cờ, nên có nghĩa là được nước trước.

2. *Thác lộ:* lầm đường. Ở đây nói chuyện đánh cờ, nên có nghĩa là lỗi nước, lạc nước.

3. *Lậu trước:* nước cờ sơ hở. Từ "trước", nguyên có nghĩa là nước cờ, tức nước đi của quân cờ, nhân đó, những phương sách gì dùng để xử lý sự việc, cũng gọi là "trước" (ví phương sách với nước cờ).

Dịch nghĩa:

HỌC ĐÁNH CỜ

Ngồi rồi, buồn tênh, học đánh cờ chơi,
Nghìn quân muôn ngựa, cùng nhau rong duổi,
Tiến đánh hay lui giữ, đều phải thần tốc,
Ai tài cao, chân nhanh, thì giành được nước trước.

II

Nhìn phải rộng, nghĩ phải kỹ,
Phải luôn luôn kiên quyết tấn công.
Nếu lỡ nước, thì hai xe cũng vô dụng,
Khi gặp thời, một tốt vẫn có thể thành công.

III

Thế lực đôi bên, vốn ngang nhau,
Nhưng rút cuộc, thắng lợi phải về một người.
Tính kế đánh hay giữ, không nước sơ hở,
Mới đáng gọi là đại tướng anh dũng.

Dịch thơ:

Nhàn rỗi đem cờ học đánh chơi,
Thiên binh vạn mã đuổi nhau hoài.
Tấn công, thoái thủ nhanh như chớp,
Chân lẹ, tài cao ắt thắng người.

II

Phải nhìn cho rộng, suy cho kỹ.
Kiên quyết, không ngừng thế tấn công.
Lạc nước, hai xe đành bỏ phí,
Gặp thời, một tốt cũng thành công.

III

Vốn trước hai bên ngang thế lực,
Mà sau thắng lợi một bên giành.
Tấn công, phòng thủ không sơ hở,
Đại tướng anh hùng mới xứng danh.

*

望 月

獄中無酒亦無花
對此良宵奈若何
人向窗前看明月
月從窗隙看詩家

Phiên âm:

VỌNG NGUYỆT

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà [1]
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Dịch nghĩa:

NGẮM TRĂNG

Trong nhà lao, không rượu cũng không hoa,
Trước cảnh đẹp đêm nay, biết làm thế nào?
Người hướng ra trước song ngắm trăng sáng.
Còn trăng ghé qua khe song ngắm nhà thơ.

---

1. *Nại nhược hà?:* khôn nài sao? Cũng như nói không biết làm cách nào để thưởng thức cái đêm đẹp này?.

Dịch thơ:

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ.
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

*

分水

每人分得水半盆
洗面烹茶各隨便
誰要洗面勿烹茶
誰要烹茶勿洗面

Phiên âm:

PHÂN THỦY

Mỗi nhân phân đắc thủy bán bồn,
Tẩy diện, phanh trà, các tùy tiện. [1]
Tùy yếu tẩy diện, vật phanh trà,
Thùy yếu phanh trà, vật tẩy diện.

---

1. *Tùy tiện:* tùy sự tiện dụng của mình. Ở đây có nghĩa là tùy ý mình.

Dịch nghĩa:

CHIA NƯỚC

Mỗi người chia được nửa chậu nước.
Rửa mặt hoặc đun trà, đều tùy ý mình.
Ai muốn rửa mặt thì đừng đun trà,
Ai muốn đun trà thì đừng rửa mặt.

Dịch thơ:

Mỗi người nửa chậu nước nhà pha.
Rửa mặt, pha trà tự ý ta.
Muốn để pha trà, đừng rửa mặt,
Muốn đem rửa mặt, chớ pha trà.

*

中 秋

中秋秋月圓如鏡
照耀人間白似銀
家裡團圓吃秋節
不忘獄裡吃愁人

二

獄中人也賞中秋
秋月秋風帶點愁
不得自由賞秋月
心隨秋月共悠悠

Phiên âm:

TRUNG THU –

Trung thu thu nguyệt viên như kính,
Chiếu diệu nhân gian bạch tự ngân.
Gia lý đoàn viên ngật thu tiết,
Bất vong ngục lý ngật sầu nhân. [1]

II

Ngục trung nhân dã thưởng trung thu,
Thu nguyệt thu phong đới điểm sầu.
Bất đắc tự do thưởng thu nguyệt,
Tâm tùy thu nguyệt cộng du du [2]

---

1. *Ngật sầu*: "ăn" buồn, chịu lấy buồn rầu. "Ngật sầu" đối lại với "ngật thu tiết" ở trên, tác giả dùng hai từ "ngật", một ăn tết, một ăn buồn, để tả hai cảnh huống đối lập nhau.

2. *Du du:* vời vợi xa. Ý nói vầng trăng ở nơi vời vợi xa, mà lòng mình dõi theo, cũng cùng vời vợi xa.

Dịch nghĩa:

TRUNG THU

Trăng trung thu tròn tựa mặt gương,
Soi rọi cõi người, màu trắng như bạc.
Những người sum họp trong gia đình, ăn tết trung thu,
Chẳng quên người trong ngục đang "ăn" buồn.

II

Người trong ngục cũng phải được ăn tết trung thu.
Nhưng trăng thu, gió thu, đều gợn chút buồn.
Không được tự do thưởng trăng thu,
Lòng ta theo cùng trăng thu vời vợi xa.

Dịch thơ:

Gương trăng vành vạnh giữa mùa thu,
Sáng khắp nhân gian bạc một màu.
Sum họp nhà ai ăn tết đó,
Chẳng quên trong ngục kẻ ăn sầu.

II

Trung thu ta cũng tết trong tù,
Trăng gió đêm thu gợn vẻ sầu.
Chẳng được tự do mà thưởng nguyệt,
Lòng theo vời vợi mảnh trăng thu.

*

賭

民間賭博被官拉
獄裡賭博可公開
被拉賭犯常嗟悔
何不先到這裡來

Phiên âm:

ĐỔ

Dân gian đổ bác bị quan lạp,[1]
Ngục lý đổ bác khả công khai.
Bị lạp đổ phạm thường ta hối:
Hà bất tiên đáo giá lý lai?

Dịch nghĩa:

ĐÁNH BẠC

Dân gian đánh bạc thì bị quan bắt,
Trong lao đánh bạc, lại được công nhiên.
Những con bạc bị bắt, nay thường hối tiếc:
Sao mình không vào trước nơi này?

---

1. *Lạp*: lôi kéo đi. Ở đây có nghĩa là bị tóm lôi đi, bị bắt đi..

Dịch thơ:

Đánh bạc ở ngoài quan bắt tội,
Trong tù đánh bạc được công khai.
Bị tù, con bạc ăn năn mãi:
Sao trước không vô quách chốn này!?

*

賭犯

公家不給賭犯飯
欲令他們悔前非
硬犯餚饌天天有
窮犯饑涎共淚垂

Phiên âm:

ĐỔ PHẠM

Công gia bất cấp đổ phạm phạn,
Dục linh tha mẩn hối tiền phi.
"Ngạnh phạm" hào soạn thiên thiên hữu [1],
Cùng phạm cơ diên cộng lệ thùy [2]!

---

1. *Ngạnh phạm:* tù "cứng", chỉ bọn tù nhà khá giả, có thế lực; đối lại là cùng phạm ở câu dưới chỉ bọn tù nghèo, không có thế lực gì.

Hào: thức ăn bằng thịt cá.

Soạn: cơm ăn, cỗ bàn.

Hào soạn: cơm thịt nói chung.

2. *Cơ diên*: nước dãi do đói mà chảy ra.

Dịch nghĩa:

TÙ ĐÁNH BẠC

Nhà nước không phát cơm cho tù đánh bạc,
Là muốn bọn họ hối cải lỗi trước.
Nhưng tù "cứng" lại ngày ngày có cơm thịt,
Còn tù nghèo đói chảy dãi, nước mắt rơi theo.

Dịch thơ:

Quan chẳng cho tù bạc ăn cơm,
Để chúng mau chừa tội cũ hơn.
Tù "cứng" ngày ngày no rượu thịt,
Tù nghèo nước mắt, bọt mồm tuôn.

*

雙十日解往天保

家家結綵與張燈
國慶歡聲舉國騰
我卻今天被綁解
逆風有意阻飛鵬

Phiên âm:

SONG THẬP NHẬT GIẢI VÃNG THIÊN BẢO [1]

Gia gia kết thái dữ trương đăng,
Quốc khánh hoan thanh cử quốc đằng.
Ngã khước kim thiên bị bang giải,
Nghịch phong hữu ý trở phi bằng [2]

Dịch nghĩa:

NGÀY TẾT SONG THẬP BỊ GIẢI ĐI THIÊN BẢO

Nhà nào nhà ấy kết hoa cùng treo đèn,
Cả nước tưng bừng mừng ngày quốc khánh.
Hôm nay ta lại bị trói giải đi,
Thật là ngọn gió ngược cố ý cản cánh chim bằng.

Dịch thơ:

Nhà nhà hoa kết với đèn giăng,
Quốc khánh vui reo cả nước mừng.
Lại đúng hôm nay ta bị giải,
Oái oăm gió cản cánh chim bằng.

*

---

1. *Song thập:* ngày 10-10 là ngày quốc khánh nước Trung Quốc thời Quốc dân đảng nắm chính quyền.

Thiên Bảo: tên một huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, thị trấn huyện ấy cũng gọi Thiên Bảo. Tác giả bị bắt giữ ở phố Túc Vinh thị trấn Thiên Bảo, nguyên thuộc huyện Thiên Bảo, nhưng bị đưa trở lui, giam ở huyện Tĩnh Tây, nay mới giải lên huyện Thiên Bảo.

2. *Nghịch phong*: làn gió ngược, ví với việc bọn chúng bắt giải đi quanh quẩn, làm cản trở, chậm trễ công việc của tác giả.

Phi bằng: chim bằng bay. Bằng là loài chim to lớn, có sức bay cao mà xa, tượng trưng cho chí khí cao xa của các bậc anh hùng.

走路

走路纔知走路難
重山之外又重山
重山登到高峰後
萬里輿圖顧盼間

Phiên âm:

TẨU LỘ

Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan,
Trùng san chi ngoại hựu trùng san [1]
Trùng san đăng đáo cao phong hậu,
Vạn lý dư đồ cố miện gian [2]

Dịch nghĩa:

ĐI ĐƯỜNG

Có đi đường mới biết đi đường là khó,
Hết lớp núi này, là tiếp lớp núi khác.
Khi đã vượt bao lớp núi, lên đến đỉnh cao,
Thì muôn dặm dư đồ phơi bày ra trước mắt.

---

1. *Trùng san*: trùng núi, lớp núi (từ "trùng" đây, chỉ là nói một lớp núi tức một tầng núi, chứ không có nghĩa là lớp lớp trùng điệp).

Trùng san chi ngoại: bên ngoài lớp núi, tức bên kia lớp núi.

2. *Dư đồ*: bản đồ đất nước, nước non, non sông.

Cố miện gian: trong khoảng mắt có thể nhìn bao quát được, tức trong tầm mắt nhìn.

Dịch thơ:

Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng.
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non.

*

暮

倦鳥歸林尋宿樹
孤雲慢慢渡天空
山村少女磨包粟
包粟磨完爐已烘

Phiên âm:

MỘ [1]

Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không[2].
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.[3]

---

1. *Mộ*: chiều hôm, lúc mặt trời mới lặn, đối với "triêu" là sáng sớm, lúc mặt trời mới rạng đông.

2. *Độ*: chính nghĩa là sang sông, sau chuyển nghĩa, dùng chỉ chung những hiện tượng vượt qua, lướt qua.

3. *Ma* (chính âm là má): từ này có hai nghĩa: 1. cối xay bằng đá (danh từ); 2. xay với cối xay đá (động từ), đây dùng theo nghĩa thứ hai.

Dịch nghĩa:

CHIỀU HÔM

Chim bay mỏi, về rừng tìm cây ngủ,
Chòm mây lẻ chầm chậm lướt trên từng không.
Cô gái xóm núi ngồi xay ngô,
Ngô xay xong, bếp lò đã rực đỏ.

Dịch thơ:

Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa từng không.
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.

*

夜宿龍泉

白天「雙馬」不停蹄
夜晚嘗嘗「五味雞」
風冷乘機來夾擊
隔隣欣聽曉鶯啼

Phiên âm:

DẠ TÚC LONG TUYỀN [1]

Bạch thiên "song mã" bất đình đề [2],
Dạ vãn thường thường "ngũ vị kê" [3]
Sắt, lãnh thừa cơ lai giáp kích,
Cách lân hân thính hiểu oanh đề.

Dịch nghĩa:

ĐÊM NGỦ Ở LONG TUYỀN

Ban ngày "đôi ngựa" chẳng lúc nào dừng vó,
Đêm đến, lại thường ăn món "gà năm vị".
Rệp và rét lại thừa cơ cùng tới tấn công,
Mừng nghe chim oanh xóm bên hót báo sáng.

Dịch thơ:

"Đôi ngựa" ngày đi chẳng nghỉ chân,
Đêm "gà năm vị" lại thường ăn.
Thừa cơ, rét, rệp xông vào đánh,
Mừng sáng nghe oanh hót xóm gần.

*

1. *Long Tuyền:* địa điểm giữa Thiên Bảo và Điền Đông.

2. *Song mã*: đôi ngựa, xe có đôi ngựa kéo, thứ xe mà lớp quyền quý thời xưa thường dùng; đây chỉ đôi chân, dùng với nghĩa hài hước.

Bất đình đề: chẳng dừng vó (dùng từ "vó" để rõ thêm ý "đôi ngựa" ở trên), ý nói đôi chân đi suốt ngày không nghỉ.

3. *Thường thường*: nếm nếm, ăn ăn. Dùng lặp lại từ "thường", để nhấn mạnh thêm ý nếm, ăn, cũng như hai từ "dị dị", "nan nan" trong bài *Thế lộ nan* ở trên: xem chú thích 3, 4 tr. 516.

Ngũ vị kê: gà năm vị, món ăn sang trọng; đây dùng với nghĩa hài hước, nói ban đêm hai chân bị xiềng treo, như người ta buộc trói chân gà khi nấu món "gà năm vị" ở các hiệu ăn.

田 東

每餐一碗公家粥
肚子時時在嘆吁
白飯三元不够飽
薪如桂也米如珠

Phiên âm:

ĐIỀN ĐÔNG [1]

Mỗi xan nhất uyển công gia chúc,
Đồ tử thì thì tại thán hu [2].
Bạch phạn tam nguyên bất cấu bão,
Tân như quế dã, mễ như châu [3]!

1. *Điền Đông*: một địa điểm trên đường bộ từ Tĩnh Tây đi Nam Ninh. Sau khi giải tác giả đến Thiên Bảo, bọn chức trách lại giải đi Điền Đông.

2. *Thán hu*: thở than, than phiền. Ở đây chỉ những tiếng réo sôi trong cái bụng bị ăn đói (có hàm ý hài hước).

3. *Tân quế, mễ châu*: củi đun đắt như quế, gạo ăn đắt như ngọc châu; một thành ngữ chỉ giá sinh hoạt đắt đỏ.

Dịch nghĩa:

ĐIỀN ĐÔNG

Mỗi bữa được một bát cháo của nhà nước,
Làm cho cái bụng luôn luôn phải thở than.
Còn cơm trắng ba đồng, ăn không đủ no,
Thật củi như quế, gạo như châu.

Dịch thơ:

Cháo tù lưng bát thấm vào đâu,
Bụng đói luôn luôn cứ réo gào.
Cơm trắng ba đồng ăn chẳng đủ,
Củi thì như quế, gạo như châu!

*

初到天保獄

日行五十三公里
濕盡衣冠破盡鞋
徹夜又無安睡處
廁坑上坐待朝來

Phiên âm:

SƠ ĐÁO THIÊN BẢO NGỤC [1]

Nhật hành ngũ thập tam công lý,
Thấp tận y quan, phá tận hài.
Triệt dạ hựu vô an thụy xứ,
Xí khanh thượng tọa đãi triêu lai [2].

Dịch nghĩa:

MỚI ĐẾN NHÀ LAO THIÊN BẢO

Cả ngày đi bộ năm mươi ba cây số,
Ướt hết mũ áo, rách hết giày.
Suốt đêm lại không có chỗ ngủ yên,
Phải ngồi trên hố xí để đợi trời sáng.

Dịch thơ:

Năm mươi ba cây số một ngày,
Áo mũ đầm mưa, rách hết giày.
Lại khổ thâu đêm không chỗ ngủ,
Ngồi trên hố xí đợi ngày mai.

*

---

1. Bài này có lẽ làm sau khi đến Điền Đông, nhớ lại ngày đi đường từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo, quãng ấy đường dài trên 50 cây số.

Thiên Bảo: xem chú thích 1, tr. 584

2. *Đãi triêu lai*: đợi sáng ra, đợi trời sáng.

難友之妻探監

君在鐵窗裡
妻在鐵窗前
相近在咫尺
相隔似天淵
口不能說的
只賴眼傳言
未言淚已滿
情景真可憐

Phiên âm:

NẠN HỮU CHI THÊ THÁM GIAM

Quân tại thiết song lý,
Thiếp tại thiết song tiền.
Tương cận tại chỉ xích,
Tương cách tự thiên uyên.
Khẩu bất năng thuyết đích,
Chỉ lại nhãn truyền ngôn.
Vị ngôn lệ dĩ mãn,
Tình cảnh chân khả liên!

Dịch nghĩa:

VỢ NGƯỜI BẠN TÙ ĐẾN THĂM CHỒNG

Chàng ở trong cửa sắt,
Thiếp ở ngoài cửa sắt.
Gần nhau chỉ gang tấc,
Mà cách nhau như trời vực.
Cái điều mà miệng không nói được,
Chỉ nhờ con mắt để truyền lời.
Lời chưa truyền, lệ đã ứa đầy,
Tình cảnh thật là đáng thương!

Dịch thơ:

Anh đứng trong cửa sắt,
Em đứng ngoài cửa sắt,
Gần nhau trong tấc gang,
Mà biển trời cách mặt.
Miệng nói chẳng nên lời,
Nói lên bằng khóe mắt.
Chưa nói, lệ tuôn đầy,
Tình cảnh đáng thương thật!

*

各報歡迎威基大會

同是中國友
同是要赴渝
君為坐上客
我為階下囚
同是代表也
待遇胡懸殊
人情分冷熱
自古水東流

Phiên âm:

CÁC BÁO: HOAN NGHÊNH VY KY ĐẠI HỘI [1]

Đồng thị Trung Quốc hữu,
Đồng thị yếu phó Du [2].
Quân vi tọa thượng khách [3],
Ngã vi giai hạ tù [4]
Đồng thị đại biểu dã,
Đãi ngộ hồ huyền thù?
Nhân tình phân lãnh nhiệt [5]
Tự cổ thủy đông lưu [6]

---

1. *Vy Ky*: đại biểu nước Anh, sang thăm Trùng Khánh. Trên đường đi thăm, khi Vy Ky qua Đệ Tứ Chiến khu Quảng Tây, nhà đương cục Quốc dân đảng tổ chức một cuộc hội họp lớn để hoan nghênh.

2. *Du*: tên gọi khác của phủ Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc, nơi Chính phủ Trung Quốc đóng hồi chống Nhật.

3. *Tọa thượng khách*: người khách ở trên chỗ khách vị. Từ "tọa" đây, đồng nghĩa với từ "tọa" là tọa vị, tức chỗ ngồi của khách.

4. *Giai hạ tù*: người tù ở dưới thềm. Ở đây, tác giả muốn dùng từ "giai hạ" đối với "tọa thượng" ở câu trên, để nói lên hai hình ảnh đối lập ở bên cạnh nhau: một người là khách trên phòng, một người là tù dưới thềm tại một nơi tiếp đãi của khách sảnh (có hàm ý châm biếm), chứ thực ra, tác giả là người tù ở trong lao, không phải ở dưới thềm.

5. *Lãnh nhiệt*: như nói "viêm lương"; nóng lạnh, ấm lạnh. Ý nói tình người biến đổi bất thường.

6. *Thủy đông lưu*: nước chảy về đông. Ở Trung Quốc, các sông đều chảy về phía đông, nên người ta thường dùng hình ảnh này để chỉ một sự việc gì mà xưa nay vẫn như thế. Hai câu cuối ý nói: nhân tình ấm lạnh, khinh bên này, trọng bên kia, chỉ là thói thường, xưa nay vẫn thế, cũng như chuyện nước chảy về đông đó thôi.

Dịch nghĩa:

CÁC BÁO ĐĂNG TIN: CUỘC HỘI HỌP LỚN HOAN NGHÊNH VY KY

Cùng là bạn của Trung Quốc,
Cùng là cần đến đất Du.
Anh là khách ngồi trên sảnh,
Tôi là người tù ở dưới thềm.
Cùng là đại biểu cả,
Đối xử sao quá khác biệt?
Thói đời thường phân ấm với lạnh,
Từ xưa nước vẫn chảy về đông.

Dịch thơ:

Cũng là đi Trùng Khánh,
Cũng là bạn Trung Hoa,
Anh ngồi trên phòng khách,
Tôi ở dưới nhà pha.
Cũng là đại biểu cả,
Khinh trọng sao khác xa?
Thói thường chia ấm lạnh,
Về đông nước chảy mà!

*

自勉

沒有冬寒憔悴景
將無春暖的輝煌
災殃把我來鍛鍊
使我精神更緊張

Phiên âm:

TỰ MIỄN

Một hữu đông hàn tiều tụy cảnh,
Tương vô xuân noãn đích huy hoàng.
Tai ương bả ngã lai đoàn luyện,
Sử ngã tinh thần cánh khẩn trương [1].

1. *Khẩn trương:* ý nói tinh thần không những không nao núng, mà càng cảnh giác cao độ với những tai ương gặp phải. Hai chữ này, bản in của Viện Văn học để là "kiên cường" (vững mạnh), nay chúng tôi lấy lại theo nguyên bản.

Dịch nghĩa:

TỰ KHUYÊN MÌNH

Ví không có cảnh mùa đông rét tiều tụy,
Đâu có tiết xuân ấm huy hoàng.
Tai ương đem ta ra mà rèn luyện,
Khiến tinh thần ta lại càng khẩn trương.

Dịch thơ:

Ví không có cảnh đông tàn,
Thì đâu có cảnh huy hoàng ngày xuân.
Nghĩ mình trong bước gian truân,
Tai ương rèn luyện tinh thần thêm hăng.

*

野景

我來之時禾尚青
現在秋收半已成
處處農民顏帶笑
田間充滿唱歌聲

Phiên âm:

DÃ CẢNH

Ngã lai chi thì hòa thượng thanh [1],
Hiện tại thu thu [2] bán dĩ thành.
Xứ xứ nông dân nhan đới tiếu [3],
Điền gian sung mãn xướng ca thanh.

Dịch nghĩa:

CẢNH NGOÀI ĐỒNG

Khi ta mới đến, lúa còn xanh bông,
Ngày nay mùa gặt đã xong một nửa rồi.
Khắp nơi nông dân mặt mày hớn hở,
Ruộng đồng rộn vang tiếng ca hát.

Dịch thơ:

Tới đây khi lúa còn con gái,
Gặt hái hôm nay quá nửa rồi.
Khắp chốn nông dân cười hớn hở,
Đồng quê vang dậy tiếng ca vui.

*

1. *Hòa thượng thanh:* lúa còn xanh bông. Tác giả bị bắt vào cuối tháng 8, đến Điền Đông là sau ngày "Song thập" (10-10), ước vào khoảng trung hay hạ tuần tháng 10, vì từ Điền Đông đi Long An rồi Đồng Chính còn xa, mà tới Đồng Chính mới ngày 2-11. Vậy từ khi tác giả sang Trung Quốc, tới ngày lúa gặt được, mới khoảng một tháng rưỡi, do đó, "hòa thượng thanh" phải hiểu là lúa đã trổ bông, nhưng hãy còn xanh.

2. *Thu thu:* vụ thu hoạch mùa thu, vụ gặt mùa thu.

3. *Nhan đới tiếu:* mặt có nét cười, mặt hớn hở, tươi cười.

粥　攤

路旁樹影涼陰下
一椽茅蘆是酒樓
冷粥白鹽供食譜
行人過此暫停留

Phiên âm:

CHÚC THAN

Lộ bàng thụ ảnh lương âm hạ,
Nhất duyến mao lư thị "tửu lâu", [1]
Lãnh chúc, bạch diêm cung "thực phả", [2]
Hành nhân quá thử tạm đình lưu. [3]

---

1. *Tửu lâu*: quán rượu, khách sạn. Ở đây dùng hai từ này theo nghĩa hài hước: chỉ có cháo nguội với muối trắng, nhưng cũng gọi là "quán rượu", "khách sạn". Hai từ "thực phả" ở câu sau cũng thế.

2. *Thực phả*: danh sách các món ăn, cũng như nói "thực đơn".

3. *Tạm*: một lúc, chốc lát, chỉ cái thời gian ngắn mà khách vào hàng nghỉ ăn cháo. Từ "tạm" đây không phải là tạm bợ, hãng tạm, như tạm ăn bát cháo cho đỡ đói. Nếu giải nghĩa như thế, sẽ làm giảm cái giá trị "tửu lâu" và "thực phả" ở trên. Tinh thần chỗ này là: hàng cháo mang danh là "quán rượu" và có "thực đơn" đàng hoàng, nên lâu nay được khách hàng mến, thường vào nghỉ ăn trong chốc lát, dù chỉ có bát cháo và đĩa muối cũng cảm thấy ngon lành và no nê. Như thế mới thật hài hước!.

Dịch nghĩa:

HÀNG CHÁO

Tại ven đường dưới bóng cây râm mát,
Có một túp lều tranh, là "quán rượu" đó.
Cháo nguội và muối trắng, bày làm món của "thực đơn".
Hành khách qua đây, thường vào nghỉ ngơi trong chốc lát.

Dịch thơ:

Ven đường nấp dưới bóng lùm cây,
Một túp lều tranh, "quán rượu" đây.
Chỉ có cháo hoa và muối trắng,
Đường xa, khách tạm nghỉ nơi này.

*

果德獄

監房也是小家庭
柴米油鹽自己營
每个籠前一个灶
成天煮飯與調羹

Phiên âm:

QUẢ ĐỨC NGỤC [1]

Giam phòng dã thị tiểu gia đình,
Sài, mễ, du, diêm, tự kỷ doanh. [2]
Mỗi cá lung tiền nhất cá táo,
Thành thiên chử phạn dữ điều canh.

Dịch nghĩa:

NHÀ LAO QUẢ ĐỨC

Phòng giam cũng là một gia đình nhỏ,
Gạo, củi, muối, dầu, đều tự mình lo sắm.
Trước mỗi phòng có một cái bếp,
Suốt ngày thổi cơm cùng nấu canh.

Dịch thơ:

Nhà lao mà giống gia đình.
Muối, dầu, gạo, củi tự mình phải lo.
Phòng riêng mỗi cửa một lò,
Cơm canh mọi thứ nấu kho suốt ngày.

*

---

1. *Quả Đức*: một địa điểm sau Điền Đông, trên đường bộ từ Tĩnh Tây đi Nam Ninh.
2. *Tự kỷ doanh*: tự mình mua lấy, sắm lấy.

早解

一次雞啼夜未闌
群星擁月上秋山
征人已在征途上
迎面秋風陣陣寒

二

東方白色已成紅
幽暗殘餘早一空
暖氣包羅全宇宙
行人詩興忽加濃

Phiên âm:

TẢO GIẢI

Nhất thứ kê đề dạ vị lan, [1]
Quần tinh ủng nguyệt thướng thu san.
Chinh nhân dĩ tại chinh đồ thượng,
Nghênh diện thu phong trận trận hàn!

---

1. *Lan*: hết, tàn. *Dạ vị lan*: đêm chửa hết, chửa tàn.

II

Đông phương bạch sắc dĩ thành hồng,
U ám tàn dư tảo nhất không, [1]
Noãn khí bao la toàn vũ trụ,
Hành nhân thi hứng hốt gia nồng!

Dịch nghĩa:

GIẢI ĐI SỚM

Gà gáy mới một lần, đêm chửa tàn,
Chòm sao nâng đỡ vầng trăng lên ngọn núi thu.
Người đi đường đã đang trên đường đi,
Gió thu táp mặt, từng luồng từng luồng lạnh lẽo!

II

Ở phương đông, màu trắng đã biến thành màu hồng,
Những bóng đen tối rơi rớt, sớm đã sạch không.
Hơi ấm bao la, khắp cả vũ trụ,
Hứng thơ người đi đường bỗng thêm đượm nồng!

---

1. *Tảo*: sớm, sớm đã. Ý nói những bóng đen rơi rớt sớm đã sạch hết cả. Từ "tảo" này, bản in của Viện Văn học để từ "tảo" là quét, nay chúng tôi lấy lại theo nguyên bản.

Dịch thơ:

Gà gáy một lần đêm chửa tan,
Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn.
Người đi cất bước trên đường thẳm,
Rát mặt đêm thu trận gió hàn.

II

Phương đông màu trắng chuyển sang hồng,
Bóng tối đêm tàn, quét sạch không.
Hơi ấm bao la trùm vũ trụ,
Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng.

*

同 正

十一月二日

同正正同平馬獄
每餐一粥肚空空
水和光綫很充足
每日還開兩次籠

Phiên âm:

ĐỒNG CHÍNH [1]

Thập nhất nguyệt nhị nhật

Đồng Chính chính đồng Bình Mã ngục: [2]
Mỗi xan nhất chúc đỗ không không.
Thủy hòa quang tuyến hấn sung túc,
Mỗi nhật hoàn khai lưỡng thứ lung.

Dịch nghĩa:

ĐỒNG CHÍNH

Ngày 2 tháng 11

Nhà lao Đồng Chính giống hệt nhà lao Bình Mã:
Mỗi bữa một bát cháo, bụng thường rỗng không.
Nước và ánh sáng thì rất đầy đủ,
Hằng ngày lại hai lần mở cửa nhà lao.

Dịch thơ:

Ngày 2 tháng 11

Bình Mã thế nào, Đồng Chính vậy:
Bữa lưng bát cháo, bụng cồn cào.
Nước và ánh sáng thì dư dật,
Ngày lại hai lần mở cửa lao.

*

1. *Đồng Chính*: một địa điểm trên đường từ Long An đi Nam Ninh, dọc theo sông Hữu Giang.

2. *Chính đồng*: chính như, cũng giống như thế. Ý nói lao Đồng Chính cũng chẳng khác lao Bình Mã, tức là mỗi bữa chỉ được một bát cháo thôi. Hai từ "chính đồng" đây, đặt lặp và đảo lại hai từ "Đồng Chính" trên, có ý chơi chữ.

Bình Mã: tên gọi khác của Quả Đức.

難友的紙被

舊卷新書相補綴
紙氈猶煖過無氈
玉床錦帳人知否
獄裡許多人不眠

Phiên âm:

NẠN HỮU ĐÍCH CHỈ BỊ

Cựu quyển tân thư tương bổ xuyết,
Chỉ chiên do noãn quá vô chiên.
Ngọc sàng cẩm trướng nhân tri phủ,
Ngục lý hứa đa nhân bất miên?

Dịch nghĩa:

CHĂN GIẤY CỦA BẠN TÙ

Quyển cũ, sách mới, cùng bồi chắp lại,
Chăn giấy còn ấm hơn không có chăn.
Người nằm giường ngọc, màn gấm có biết chăng,
Trong lao bao nhiêu người không ngủ được?

Dịch thơ:

Sách xưa, sách mới bồi thêm ấm,
Chăn giấy còn hơn chẳng có chăn.
Trướng gấm, giường ngà, ai có biết,
Trong tù bao kẻ ngủ không an?

*

夜冷

秋深無褥亦無氈
縮脛弓腰不可眠
月照庭蕉增冷氣
窺窗北斗已橫天

Phiên âm:

DẠ LÃNH

Thu thâm vô nhục diệc vô chiên, [1]
Súc hĩnh cung yêu bất khả miên.
Nguyệt chiếu đình tiêu tăng lãnh khí, [2]
Khuy song, Bắc Đẩu dĩ hoành thiên. [3]

---

1. *Thu thâm*: thu sâu, thu muộn, chỉ tiết cuối thu.
2. *Đình tiêu*: khóm chuối ngoài sân.
3. *Hoành thiên*: ngang trời. Ở đây ý nói sao Bắc Đẩu đã quay ngang trên bầu trời, tức đêm đã gần sáng mà vẫn chưa ngủ được.

Dịch nghĩa:

ĐÊM LẠNH

Cuối thu, đêm nằm không nệm cũng không chăn,
Co cẳng, cong lưng, vẫn không ngủ được.
Trăng soi khóm chuối ngoài sân, càng cảm thấy tăng thêm khí lạnh,
Nhòm qua cửa song, sao Bắc Đẩu đã nằm ngang trời.

Dịch thơ:

Đêm thu không đệm cũng không chăn,
Gối quắp, lưng còng, ngủ chẳng an.
Khóm chuối trăng soi càng thấy lạnh,
Nhòm song, Bắc đẩu đã nằm ngang.

*

綁

脛臂長龍環繞着
宛如外國武勲官
勲官的是金絲線
我的麻繩一大端

Phiên âm:

BANG

Hĩnh tý trường long hoàn nhiễu trước,
Uyển như ngoại quốc vũ huân quan. [1]
Huân quan đích thị kim ty tuyến, [2]
Ngã đích, ma thằng nhất đại đoan.

Dịch nghĩa:

DÂY TRÓI

Cánh tay và cẳng chân có rồng dài quấn vòng,
Trông giống dây tua của quan võ nước ngoài.
Dây tua quan võ là tơ kim tuyến,
Dây tua ta là thừng gai một cuộn to.

Dịch thơ:

Rồng uốn vòng quanh chân với tay,
Trông như quan võ quấn tua vai.
Tua vai quan võ bằng kim tuyến,
Tua của ta là một cuộn gai.

*

---

1. *Uyển như:* in như, y như.
Vũ huân quan: quan võ có huân công.
2. *Huân quan đích:* cái của võ huân quan, chỉ chung những dây, những tua, những quân hàm trên mình quan võ. (Từ "đích" đây, cũng như từ "đích" ở câu sau, đều là đại danh từ, đặt thay cho dây tua).

落了一隻牙

你的心情硬且剛
不如老舌軟而長
從來與你同甘苦
現在東西各一方

Phiên âm:

LẠC LIỄU NHẤT CHÍCH NHA

Nhĩ đích tâm tình ngạnh thả cương,
Bất như lão thiệt nhuyễn nhi trường. [1]
Tòng lai dữ nhĩ đồng cam khổ,
Hiện tại Đông Tây các nhất phương.

Dịch nghĩa:

RỤNG MẤT MỘT CÁI RĂNG

Tâm tính anh, vừa rắn lại vừa cứng,
Không giống cái lưỡi già, mềm mà dài.
Lâu nay cùng anh chung ngọt, đắng,
Giờ đây lại Đông Tây, mỗi người một ngả.

---

1. *Lão thiệt:* lưỡi già. Lưỡi có trước răng, nên nói lưỡi già.

Nhuyễn nhi trường: mềm mà dài, chỉ tính chất không tốt của lưỡi, "Nhuyễn" chỉ tính nhu nhược, "trường" tức "trường thiệt" (lưỡi dài), chỉ tính đa ngôn, nói nhiều.

Dịch thơ:

Cứng rắn như anh khác thói thường,
Phải đâu mềm tựa lưỡi không xương.
Ngọt bùi cay đắng từng chia sẻ,
Nay phải xa nhau kẻ một đường.

*

隆安-同正

此間土地廣而貧
所以人民儉且勤
聽說今春逢大旱
十分收穫兩三分

Phiên âm:

LONG AN – ĐỒNG CHÍNH [1]

Thử gian thổ địa quảng nhi bần,
Sở dĩ nhân dân kiệm thả cần.
Thính thuyết kim xuân phùng đại hạn,
Thập phân thu hoạch lưỡng tam phân.

1. *Long An:* từ Quả Đức không theo đường cũ nữa, mà rẽ xuống phía nam, đến Long An trên sông Hữu Giang.

Dịch nghĩa:

LONG AN – ĐỒNG CHÍNH

Vùng này, ruộng đất rộng nhưng mà xấu,
Bởi thế, nhân dân tiết kiệm lại cần cù.
Nghe nói mùa xuân này gặp đại hạn,
Mười phần chỉ thu hoạch được hai ba phần.

Dịch thơ:

Vùng đây tuy rộng, đất khô cằn,
Vì thế nhân dân kiệm lại cần.
Nghe nói xuân nay trời đại hạn,
Mười phần, thu hoạch chỉ vài phần.

*

路上

脛臂雖然被緊綁
滿山鳥語與花香
自由覽賞無人禁
賴此征途減寂凉

Phiên âm:

LỘ THƯỢNG

Hĩnh tý [1] tuy nhiên bị khẩn bang,
Mãn sơn điểu ngữ dữ hoa hương.
Tự do lãm thưởng vô nhân cấm,
Lại thử chinh đồ giảm tịch lương. [2]

Dịch nghĩa:

TRÊN ĐƯỜNG ĐI

Cánh tay và cẳng chân bị trói chặt,
Nhưng đầy núi có cảnh chim hót cùng hoa thơm.
Tự do ngắm thưởng, không ai ngăn cấm,
Nhờ đó đường đi cũng bớt quạnh hiu.

Dịch thơ:

Mặc dù bị trói chân tay,
Chim ca rộn núi, hương bay ngát rừng.
Vui say, ai cấm ta đừng,
Đường xa âu cũng bớt chừng quạnh hiu.

*

1. *Hĩnh tí:* cẳng chân và cánh tay, nói chung là chân tay.
2. *Tịch lương:* vắng vẻ, lạnh lẽo.

徵兵家眷

郎君一去不回頭
使妾閨中獨抱愁
當局可憐余寂寞
請余來暫住牢囚

Phiên âm:

TRƯNG BINH GIA QUYẾN [1]

Lang quân nhất khứ bất hồi đầu,
Sử thiếp khuê trung độc bão sầu.
Đương cục khả liên dư tịch mịch, [2]
Thỉnh dư lai tạm trú lao tù!

---

1. Hồi ấy, Trung Quốc chống Nhật, song chính quyền Quốc dân đảng là một chính quyền áp bức, bóc lột, không được nhân dân ủng hộ, nên tuy gọi là đi lính cứu nước, nhưng nhiều người phải đi lính lại trốn tránh không đi. Trong gia đình này, chồng bỏ đi không về, bọn chức trách bắt vợ bỏ tù.

2. *Đương cục*: nhà chức trách; dùng từ có vẻ quan trọng, nghiêm trang này để làm nổi bật ý nghĩa châm biếm.

Khả liên: có lẽ thương, ý hẳn thương, đây dùng với ý châm biếm.

Dịch nghĩa:

GIA QUYẾN NGƯỜI BỊ GỌI RA LÍNH

Chàng một lần ra đi, không quay trở về,
Để thiếp phòng khuê riêng ôm mối sầu.
Ý hẳn quan trên thương thiếp cô quạnh,
Nên lại mời thiếp tạm đến ở nhà tù!

Dịch thơ:

Biền biệt anh đi không trở lại,
Buồng the trơ trọi, thiếp ôm sầu.
Quan trên xót nỗi em cô quạnh,
Nên lại mời em tạm ở tù!

*

解 嘲

吃公家飯住公房
軍警輪班去護從
玩水遊山隨所適
男兒到此亦豪雄

Phiên âm:

GIẢI TRÀO [1]

Ngật công gia phạn, trú công phòng,
Quân, cảnh luân ban khứ hộ tùng. [2]
Ngoạn thủy du sơn tùy sở thích,
Nam nhi đáo thử diệc hào hùng!

Dịch nghĩa:

GIẢI THÍCH ĐIỀU CHẾ GIỄU

Ăn cơm của nhà nước, ở nhà công,
Quân, cảnh thay phiên nhau đi hộ tùng.
Dạo nước chơi non, tùy sở thích,
Làm trai như thế, cũng là hào hùng.

Dịch thơ:

Ăn cơm nhà nước, ở nhà công,
Binh lính thay phiên để hộ tùng.
Non nước dạo chơi tùy sở thích,
Làm trai như thế cũng hào hùng!

*

1. *Giải trào*: "trào" là chế giễu; "giải trào" là giải thích (giải đáp) những sự việc mà người ta chế giễu mình.

Bài này tác giả dùng lời lẽ hài hước để giải thích: người ta bảo tác giả là người tù tội; tác giả bảo không phải, tôi là người ăn cơm nhà nước, ở nhà công, v.v...

2. *Quân, cảnh*: quân lính và cảnh sát.

往南寧

鐵繩硬替麻繩軟
步步叮噹環佩聲
雖是嫌疑間諜犯
儀容却像舊公卿

Phiên âm:

VÃNG NAM NINH [1]

Thiết thằng ngạnh thế ma thằng nhuyễn,
Bộ bộ đinh đương hoàn bội thanh. [2]
Tuy thị hiềm nghi gián điệp phạm,
Nghi dung khước tượng cựu công khanh. [3]

---

1. *Nam Ninh*: cũng gọi Ung Ninh, tên huyện, cũng là tên thị trấn lớn thuộc tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc.

2. *Đinh đương*: leng keng, chỉ tiếng xiềng sắt.

Hoàn bội: ngọc đeo trên người. Các quan chức thời xưa, thường đeo các chuỗi ngọc, vừa để trang sức, vừa để khi bước đi, ngọc va vào nhau tạo thành những âm thanh nhịp nhàng.

3. *Nghi dung*: bộ dạng, dáng điệu. Ở đây chỉ cái điệu bộ của người có ngọc đeo leng keng.

Công khanh: những quan tước to của triều đình thời xưa.

Dịch nghĩa:

ĐI NAM NINH

Xiềng sắt rắn thay cho thừng gai mềm,
Mỗi bước đi nó kêu leng keng như tiếng ngọc đeo.
Tuy là phạm nhân bị tình nghi gián điệp,
Nhưng bộ dạng lại giống vị công khanh thời xưa.

Dịch thơ:

Hôm nay xiềng sắt thay dây trói,
Mỗi bước leng keng tiếng ngọc rung.
Tuy bị tình nghi là gián điệp,
Mà như khanh tướng vẻ ung dung.

*

警兵擔豬同行

警士擔豬同路走
豬由人擔我人牽
人而反賤於豬仔
因爲人無自主權

二

世上千辛和萬苦
莫如失却自由權
一言一動不自主
如牛如馬任人牽

Phiên âm:

CẢNH BINH ĐẢM TRƯ ĐỒNG HÀNH

Cảnh sĩ đảm trư đồng lộ tẩu,
Trư do nhân đảm, ngã nhân khiên.
Nhân nhi phản tiện ư trư tử,
Nhân vị nhân vô tự chủ quyền!

II

Thế thượng thiên tân hòa vạn khổ,
Mạc như thất khước tự do quyền.
Nhất ngôn nhất động bất tự chủ,
Như ngưu như mã nhiệm nhân khiên!

Dịch nghĩa:

CẢNH BINH KHIÊNG LỢN CÙNG ĐI

Cảnh binh khiêng lợn cùng đi một đường,
Lợn thì người khiêng, ta thì người dắt.
Con người lại bị coi rẻ hơn con lợn,
Bởi vì con người mất quyền tự chủ!

II

Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Không có điều cay đắng nào bằng mất quyền tự do.
Mỗi lời nói, mỗi việc làm, đều không được tự chủ,
Như trâu, như ngựa, để cho người dắt đi!

Dịch thơ:

Khiêng lợn, lính cùng đi một lối,
Ta thì người dắt, lợn người khiêng.
Con người coi rẻ hơn con lợn:
Người có còn đâu được chủ quyền!

II

Trên đời nghìn vạn điều cay đắng,
Cay đắng chi bằng mất tự do?
Mỗi việc mỗi lời không tự chủ,
Để cho người dắt tựa trâu bò!

*

跌落

夜仍黑暗已登程
路又崎嶇甚不平
跌入深坑危險甚
幸能躍出了深坑

Phiên âm:

ĐIỆT LẠC [1]

Dạ nhưng hắc ám dĩ đăng trình,
Lộ hựu khi khu thậm bất bình! [2]
Điệt nhập thâm khanh nguy hiểm thậm!
Hạnh năng dược xuất liễu thâm khanh.

---

1. *Điệt lạc*: "diệt" là trượt chân, hụt chân; "lạc" là sa xuống hố.

2. *Khi khu*: gồ ghề, gập ghềnh.

Thậm bất bình: rất không bằng phẳng. Đường đi quãng này, không những gồ ghề, mà rất gồ ghề, nên trong câu thơ dùng từ "bất bình" là để nhấn mạnh thêm ý "khi khu", mà "thậm bất bình" có nghĩa là "thậm khi khu", tức rất gồ ghề vậy.

Dịch nghĩa:

TRƯỢT CHÂN SA HỐ

Đêm còn tối mịt, đã phải lên đường,
Đường lại gồ ghề và cực kỳ gồ ghề!
Trượt chân sa vào hố sâu, nguy hiểm quá!
May lại nhảy ra ngoài được.

Dịch thơ:

Còn tối như bưng đã phải đi,
Đường đi khúc khuỷu lại gồ ghề.
Trượt chân nhỡ bước sa vào hố,
May nhảy ra ngoài, suýt nữa nguy!

*

半路搭船赴邕

乘舟順水往邕寧
腿吊船欄似絞刑
兩岸鄉村稠密甚
江心漁父釣船輕

Phiên âm:

BÁN LỘ ĐÁP THUYỀN PHÓ UNG [1]

Thừa chu thuận thủy vãng Ung Ninh,
Hĩnh điếu thuyền lan tự giảo hình. [2]
Lưỡng ngạn hương thôn trù mật thậm,
Giang tâm ngư phủ điếu thuyền khinh.

Dịch nghĩa:

GIỮA ĐƯỜNG ĐÁP THUYỀN ĐI HUYỆN UNG

Đáp thuyền thuận dòng, đi xuống Ung Ninh,
Cẳng chân bị treo lên dàn thuyền, như tội hình treo cổ.
Hai bên bờ, làng xóm đông đúc, san sát,
Thuyền câu ông chài lướt nhẹ giữa lòng sông.

Dịch thơ:

Đáp thuyền thẳng xuống huyện Ung Ninh,
Lủng lẳng chân treo tựa giảo hình.
Làng xóm ven sông đông đúc thế,
Thuyền câu rẽ sóng nhẹ thênh thênh.

*

---

1. *Ung*: tức Ung Ninh cũng gọi Nam Ninh; xem chú thích 1, tr. 577..
2. *Thuyền lan*: dàn thuyền, lan can thuyền.
Giảo hình: hình phạt treo cổ, một tội hình xưa.

南寧獄

監房建築頂摩登
徹夜輝煌照電燈
因爲每餐惟有粥
使人肚子戰兢兢

Phiên âm:

NAM NINH NGỤC

Giam phòng kiến trúc đính "ma đăng", [1]
Triệt dạ huy hoàng chiếu điện đăng.
Nhân vị mỗi xan duy hữu chúc,
Sử nhân đỗ tử chiến căng căng. [2]

Dịch nghĩa:

NHÀ LAO NAM NINH

Phòng giam xây dựng rất hiện đại,
Suốt đêm đèn điện chiếu sáng rực.
Nhưng vì bữa ăn nào cũng chỉ có cháo,
Khiến cho cái bụng cứ nơm nớp lo sợ.

---

1. *"Ma đăng"*: phiên âm tiếng Anh "modern" là hiện đại, tân thời. Đính "ma đăng": hiện đại nhất, thật hiện đại.

2. *Chiến căng căng*: do câu *Kinh Thi*: "Chiến chiến căng căng", nghĩa là sờ sợ chăm chắm. Ý nói sợ và lo nơm nớp.

Dịch thơ:

Nhà lao xây dựng kiểu tân thời,
Đèn điện thâu đêm sáng rực trời.
Nhưng mỗi bữa ăn lưng bát cháo,
Cho nên cái bụng cứ kêu hoài.

*

納悶

環球戰火鑠蒼天
壯士相爭赴陣前
獄裡閑人閑要命
雄心不值一文錢

Phiên âm:

NẠP MUỘN [1]

Hoàn cầu chiến hỏa thước thương thiên. [2]
Tráng sĩ tương tranh phó trận tiền.
Ngục lý nhàn nhân nhàn yếu mệnh! [3]
Hùng tâm bất trị nhất văn tiền.

---

1. *Nạp muộn*: như nói phát muộn, phát buồn, trong lòng buồn bực.
2. *Thước*: nấu chảy (như nấu vàng). Ý nói lửa chiến quá mạnh, có thể nấu chảy cả trời xanh.
3. *Nhàn yếu mệnh*: nhàn đến chết, nhàn chết người, nhàn quá đỗi.

Dịch nghĩa:

PHÁT BUỒN

Lửa chiến hoàn cầu, nấu chảy cả trời xanh,
Tráng sĩ tranh nhau ra mặt trận.
Còn trong ngục, người nhàn, nhàn đến chết được!
Chí hùng, thật không đáng một đồng tiền.

Dịch thơ:

Tráng sĩ đua nhau ra mặt trận,
Hoàn cầu lửa bốc rực trời xanh.
Trong ngục người nhàn nhàn quá đỗi,
Chí cao mà chẳng đáng đồng trinh!

*

聽雞鳴

你只平常一隻雞
朝朝報曉大聲啼
一聲喚醒群黎夢
你的功勞也不低

Phiên âm:

THÍNH KÊ MINH

Nhĩ chỉ bình thường nhất chích kê [1],
Triêu triêu báo hiểu đại thanh đề.
Nhất thanh hoán tỉnh quần lê mộng [2],
Nhĩ đích công lao dã bất đê [3]

Dịch nghĩa:

NGHE GÀ GÁY

Anh chỉ là một con gà bình thường,
Nhưng hằng ngày báo sáng, anh đã cất tiếng gáy to.
Một tiếng gáy mà gọi tỉnh mộng mọi người,
Công lao của anh cũng không phải là nhỏ!

Dịch thơ:

Mi tuy chỉ một thứ gà thường,
Báo sáng ngày ngày tiếng gáy vang.
Một tiếng, toàn dân bừng tỉnh mộng,
Công mi đâu có phải là xoàng!

*

---

1. *Bình thường*: nói con gà cũng là một loài vật sinh sống bình thường như các loài khác.

2. *Quần lê*: "lê" chính nghĩa là "chúng"; quần lê: quần chúng nhân dân.

3. *Đê*: thấp, nhỏ.

一个賭犯「硬」了

他身只有骨包皮
痛苦饑寒不可支
昨夜他仍睡我側
今朝他已九泉歸

Phiên âm:

NHẤT CÁ ĐỔ PHẠM "NGẠNH" LIỄU [1]

Tha thân chỉ hữu cốt bao bì [2],
Thống khổ, cơ hàn, bất khả chi [3].
Tạc dạ tha nhưng thụy ngã trắc,
Kim triêu tha dĩ cửu tuyền quy!

---

1. *Ngạnh*: cứng, một khẩu ngữ, có nghĩa là chết đã lâu, người cứng rồi. Ở đây dùng với ý xác thực, nhằm phê phán chế độ nhà tù thời Quốc dân đảng. Cùng một từ "ngạnh", bài *Đổ phạm* trên (tr. 541) ("ngạnh phạm": tù có thế lực), dùng với nghĩa khác, bài này lại dùng với nghĩa khác, tác giả dùng từ có biến hóa và có phương pháp.

2. *Tha thân*: thân hình anh ta. Người làm thơ dùng chữ "tha" như nói với một người thứ hai về anh tù đánh bạc đó.

3. *Bất khả chi*: không chống chọi nổi, không chịu nổi.

Dịch nghĩa:

MỘT NGƯỜI TÙ CỜ BẠC CHẾT "CỨNG"

Thân hình anh ấy chỉ còn da bọc xương,
Đau khổ, đói rét, anh không chịu nổi.
Đêm qua còn nằm ngủ cạnh tôi,
Sáng nay anh đã về nơi chín suối!

Dịch thơ:

Thân anh da bọc lấy xương,
Khổ đau, đói rét, hết phương sống rồi.
Đêm qua còn ngủ bên tôi,
Sáng nay anh đã về nơi suối vàng!

*

又一个

夷齊不食周朝粟
賭犯不吃公家粥
夷齊餓死首陽山
賭犯餓死公家獄

Phiên âm:

HỰU NHẤT CÁ...

Di, Tề bất thực Chu tiểu túc [1],
Đổ phạm bất ngật công gia chúc.
Di, Tề ngã tử thú Dương sơn [2],
Đổ phạm ngã tử công gia ngục.

Dịch nghĩa:

LẠI MỘT NGƯỜI NỮA...

Bá Di, Thúc Tề không ăn thóc nhà Chu,
Người tù đánh bạc không ăn cháo Nhà nước,
Bá Di, Thúc Tề chết đói trên núi Thú Dương,
Người tù đánh bạc chết đói trong lao Nhà nước.

Dịch thơ:

Di, Tề chẳng ăn gạo nhà Chu,
Tù bạc chẳng ăn cháo Nhà nước,
Di, Tề chết đói ngàn Thú Dương,
Tù bạc chết đói trong nhà ngục.

*

---

1. *Di, Tề*: tức Bá Di, Thúc Tề, hai con vua nước Cô Trúc đời nhà Ân (1401 - 1122 trước Công nguyên), Trung Quốc. Khi Vũ Vương đánh nhà Ân, Di, Tề can ngăn, Vũ Vương không nghe; sau Vũ Vương thắng Ân, lập lên nhà Chu; Di, Tề không chịu ăn thóc của nhà Chu, lên ẩn ở núi Thú Dương, hái rau vi mà ăn, rồi chết đói ở đó.

Túc: thóc, chỉ thóc lương. Thời xưa, gọi lương của các quan chức là "lộc" mà lộc cấp bằng thóc, nên lại gọi lộc là "túc"; Di, Tề không chịu ăn thóc, có nghĩa là không chịu ăn lộc, tức không chịu làm quan với nhà Chu.

2. *Thú Dương*: tên núi thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

禁　煙

紙煙的

煙禁此間很厲害
你煙繳入他煙包
當然他可吹煙斗
你若吹煙罰手鐐

(他:獄丁也)

Phiên âm:

CẤM YÊN [1]

(chỉ yên đích)

Yên cấm thử gian hẩn lệ hại,
Nhĩ yên kiểu [2] nhập tha yên bao.
Đương nhiên tha khả xuy yên đẩu [3],
Nhĩ nhược xuy yên, phạt thủ liêu [4].

(tha: ngục đinh dã)

---

1. *Yên*: từ này, nguyên dùng gọi chung cả thuốc lá và thuốc lào; nhưng ở đây, nói riêng về thuốc lá, nên tác giả chú là "chỉ yên đích", nghĩa là thuốc đây là thuốc lá.

2. *Kiểu:* nộp vào Nhà nước, giao nộp.

3. *Yên đẩu:* cái tẩu hút thuốc lá.

4. *Liêu:* xích sắt (theo *Từ hải*: "liêu" là thứ dây sắt do những vòng sắt nhỏ móc lại với nhau).

Dịch nghĩa:

CẤM HÚT THUỐC
(thuốc lá)

Ở đây, lệnh cấm hút thuốc lá rất gắt gao,
Thuốc của anh, phải giao nộp vào bao của nó.
Đương nhiên nó được hút thuốc bằng tẩu,
Nếu anh còn hút, nó liền phạt xích tay.

(nó: lính ngục)

Dịch thơ:

Hút thuốc nơi này cấm gắt gao,
Thuốc anh nó tịch bỏ vào bao.
Nó thì kéo tẩu tha hồ hút,
Anh hút, còng đây tay ghé vào.

*

黃 昏

風如利劍磨山石
寒似尖鋒刺樹枝
遠寺鐘聲催客步
牧童吹笛引牛歸

Phiên âm:

HOÀNG HÔN

Phong như lợi kiếm ma sơn thạch,
Hàn tự tiêm phong [1] thích thụ chi.
Viễn tự chung thanh [2] thôi khách bộ,
Mục đồng xuy địch dẫn ngưu quy.

Dịch nghĩa:

HOÀNG HÔN

Gió như gươm sắc, mài đá núi,
Rét tựa giáo nhọn, đâm cành cây.
Tiếng chuông chùa xa, giục khách bộ hành rảo bước,
Trẻ chăn trâu thổi sáo dẫn trâu về.

Dịch thơ:

Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
Rét như dùi nhọn chích cành cây.
Chùa xa chuông giục người nhanh bước,
Trẻ dắt trâu về, tiếng sáo bay.

*

1. *Tiêm phong*: mũi nhọn. Ở đây có nghĩa là mũi giáo nhọn (giáo nhọn đối với gươm sắc ở trên).

2. *Chung thanh*: tiếng chuông. Ở đây chỉ hồi chuông chiều hôm của nhà chùa.

工金

煮一鍋飯六毛錢
一盆開水銀一元
一元買物得六角
獄中價格定昭然

Phiên âm:

CÔNG KIM

Chử nhất oa phạn, lục mao tiền,
Nhất bồn khai thủy, ngân nhất nguyên.
Nhất nguyên mãi vật đắc lục giác,[1]
Ngục trung giá cách định chiêu nhiên[2]!

Dịch nghĩa:

TIỀN CÔNG

Nấu một nồi cơm, phải sáu hào,
Một chậu nước sôi, phải một đồng bạc.
Gửi mua một đồng, hàng chỉ đáng giá sáu hào,
Giá cả trong lao đã định rõ như thế!

---

1. *Lục giác*: như nói lục mao, nghĩa là sáu hào.
2. *Chiêu nhiên*: rõ ràng như thế.

Dịch thơ:

Thổi một nồi cơm, trả sáu hào,
Nước sôi mỗi chậu, một đồng trao.
Một đồng, của đáng sáu hào chỉ,
Giá cả trong tù định rõ sao!

*

睡不着

一更…二更…又三更
輾轉徘徊睡不成
四五更時纔合眼
夢魂環繞五尖星

Phiên âm:

THỤY BẤT TRƯỚC

Nhất canh... nhị canh... hựu tam canh,
Triển chuyển, bồi hồi, thụy bất thành.
Tứ ngũ canh thì tài hợp nhãn,
Mộng hồn hoàn nhiễu ngũ tiêm tinh. [1]

---

1. *Ngũ tiêm tinh*: sao năm cánh nhọn; đây là nói kín đáo về sao vàng năm cánh trên cờ đỏ sao vàng của Mặt trận Việt Minh.

Dịch nghĩa:

KHÔNG NGỦ ĐƯỢC

Canh một... canh hai... lại canh ba,
Trằn trọc, băn khoăn, ngủ chẳng được.
Canh tư, canh năm vừa chợp mắt,
Mộng hồn cứ quấn quít quanh sao năm cánh.

Dịch thơ:

Một canh... hai canh... lại ba canh,
Trằn trọc, băn khoăn giấc chẳng thành.
Canh bốn, canh năm vừa chợp mắt,
Sao vàng năm cánh mộng hồn quanh.

*

憶 友

昔君送我至江濱
問我歸期指穀新
現在新田已犁好
他鄉我作獄中人

Phiên âm:

ỨC HỮU

Tích quân tống ngã chí giang tân,
Vấn ngã quy kỳ, chỉ cốc tân.
Hiện tại tân điền [1] dĩ lê hảo,
Tha hương ngã tác ngục trung nhân!

Dịch nghĩa:

NHỚ BẠN

Khi trước anh tiễn tôi đến bến sông,
Hỏi tôi ngày về, tôi trỏ mùa lúa mới.
Giờ đây ruộng mới đã cày tốt rồi,
Nơi đất khách, tôi trở thành người trong lao!

Dịch thơ:

Ngày đi, bạn tiễn đến bên sông,
Hẹn bạn về khi lúa đỏ đồng.
Nay gặt đã xong, cày đã khắp,
Quê người tôi vẫn chốn lao lung!

*

1. *Tân điền*: ruộng mới. Theo ý trong bài thì "tân điền" phải hiểu là ruộng đã gặt xong, nay cày làm mùa mới.

替難友們寫報告

同舟共濟義難辭
替友編修報告書
「奉此等因」今始學
多多博得感恩詞

Phiên âm:

THẾ NẠN HỮU MÔN TẢ BÁO CÁO

Đồng chu cộng tế nghĩa nan từ, [1],
Thế hữu biên tu báo cáo thư.
"Phụng thử, đẳng nhân" kim thủy học [2],
Đa đa bác đắc cảm ân từ.

---

1. *Đồng chu cộng tế:* chung một chuyến thuyền cùng sang sông (tế là sang sông), một thành ngữ dùng chỉ sự cùng một cảnh ngộ, cùng một hoạn nạn thì phải giúp nhau; "đồng chu cộng tế" cũng như nói "cùng hội cùng thuyền".

2. *Phụng thử*: vâng theo lệnh ấy (như nói "thừa lệnh").

Đẳng nhân: nhân những việc đó (như nói "nguyên do"). Đây là hai từ thường dùng trong công văn giấy tờ thời xưa.

Dịch nghĩa:

VIẾT HỘ BÁO CÁO CHO CÁC BẠN TÙ

"Cùng hội cùng thuyền", nghĩa ấy khó từ chối,
Thay bạn tù viết hộ báo cáo.
Những từ "thừa lệnh, nguyên do", nay đều mới học,
Nhận được nhiều nhiều lời bạn cảm ơn.

Dịch thơ:

Cùng hội cùng thuyền nên phải giúp,
Viết thay báo cáo, dám từ nan.
"Chiểu theo, thừa lệnh", nay vừa học,
Đã được bao lời bạn cảm ơn.

*

癩瘡

滿身紅綠如穿錦
成日撈搔似鼓琴
穿錦囚中都貴客
鼓琴難友盡知音

Phiên âm:

LẠI SANG

Mãn thân hồng lục như xuyên cẩm [1],
Thành nhật lao tao tự cổ cầm [2]
Xuyên cẩm, tù trung đô quý khách,
Cổ cầm, nạn hữu tận tri âm [3]

Dịch nghĩa:

GHẺ LỞ

Đầy người hồng biếc, như mặc gấm,
Suốt ngày gãi gọ, tựa gảy đàn.
Mặc gấm, trong lao đều là hàng quý khách,
Gảy đàn, bạn tù thảy là tri âm.

Dịch thơ:

Đầy mình đỏ tím như hoa gấm,
Sột soạt luôn tay tựa gảy đàn.
Mặc gấm, bạn tù đều khách quý,
Gảy đàn, trong ngục thảy tri âm.

*

---

1. *Hồng lục*: "hồng" chỉ những quầng đỏ của mụn ghẻ lở, "lục" chỉ những mụn có mủ màu xanh biếc.

Xuyên cẩm: mặc đồ gấm, ý nói những mụn hồng biếc mọc trên người trông như mặc hoa gấm.

2. *Lao tao*: "lao" chính nghĩa là mò (mò vật gì ở dưới nước); "tao" là gãi. Nhưng ở đây, "lao" và "tao" dùng làm một từ đôi, chỉ chung sự gãi gọ. Và từ đôi "lao tao" này tiếp liền với hai từ "cổ cầm", có ý ví sự gãi gọ như gảy đàn.

3. Bài này tác giả có dụng ý dùng từ một cách thật hài hước.

聞舂米聲

米被舂時很痛苦
既舂之後白如綿
人生在世也這樣
困難是你玉成天

Phiên âm:

VĂN THUNG MỄ THANH

Mễ bị thung thì, hẩn thống khổ,
Ký thung chi hậu, bạch như miện
Nhân sinh tại thế dã giá dạng,
Khốn nan thị nhĩ ngọc thành thiên [1]

Dịch nghĩa:

NGHE TIẾNG GIÃ GẠO

Gạo khi bị giã, rất đau khổ,
Khi giã xong rồi, trắng như bông.
Người ta sống ở đời, cũng giống như vậy,
Gian truân là lúc trau chuốt cho anh thành ngọc.

Dịch thơ:

Gạo đem vào giã, bao đau đớn,
Gạo giã xong rồi, trắng tựa bông.
Sống ở trên đời, người cũng vậy:
Gian nan rèn luyện mới thành công.

*

---

1. *Ngọc thành*: trau chuốt thành viên ngọc.

Ngọc thành thiên: ngày trau chuốt thành ngọc. Bài *Tây minh* của Trương Tái đời Tống có câu: "Bần tiện ưu thích, dung ngọc nhữ vu thành", nghĩa là những sự nghèo hèn, lo nghĩ, là để trau chuốt anh thành viên ngọc.

雙十一

從前每到雙「十一」
紀念歐洲罷戰期
今日五洲同血戰
罪魁就是惡 Nazi.

二

中華抗戰將六載
烈烈轟轟舉世知
勝利雖然有把握
仍須努力反攻時

三

抗日旌旗滿亞洲
旌旗大小有差殊
旌旗大的固須有
小的旌旗不可無

Phiên âm:

SONG THẬP NHẤT [1]

Tòng tiền mỗi đáo Song thập nhất,
Kỷ niệm Âu châu bãi chiến kỳ.
Kim nhật ngũ châu đồng huyết chiến,
Tội khôi tựu thị ác Nazi [2].

II

Trung Hoa kháng chiến tương lục tải [3],
Liệt liệt, oanh oanh cử thế tri.
Thắng lợi tuy nhiên hữu bả ác [4]
Nhưng tu nổ lực phản công thì.

III

Kháng Nhật tinh kỳ mãn Á châu,
Tinh kỳ đại tiểu hữu sai thù.
Tinh kỳ đại đích cố tu hữu, [5]
Tiểu đích tinh kỳ bất khả vô. [6]

---

1. *Song thập nhất*: ngày 11-11, kỷ niệm Chiến tranh Thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918) chấm dứt.

2. *Tội khôi*: đầu sỏ gây nên tội, tội phạm đầu sỏ.

Nazi: chỉ phát xít Đức.

3. Nhân dân Trung Quốc chống cuộc xâm lược của phát xít Nhật, bắt đầu từ ngày 7-7-1937, đến cuối năm 1942 là gần 6 năm.

4. *Hữu bả ác*: có nắm được, chứ chưa phải đã nắm chắc.

5,6. *Tinh kỳ đại tiểu*: ngọn cờ lớn nhỏ, chỉ nước lớn, nước nhỏ. Ý câu này nói chống Nhật thì nước lớn, nước nhỏ ở châu Á đều có vai trò cả.

Dịch nghĩa:

NGÀY 11 THÁNG 11

Trước kia cứ đến ngày 11 tháng 11,
Là kỷ niệm ngày đình chiến ở châu Âu.
Ngày nay cả năm châu cùng huyết chiến,
Tội phạm đầu sỏ chính là bọn Nazi tàn ác.

II

Trung Hoa kháng chiến, đã gần sáu năm,
Oanh liệt vang lừng, cả thế giới cùng biết.
Tuy phần thắng lợi đã có nắm được,
Nhưng phải gắng sức trong lúc phản công.

III

Ngọn cờ kháng Nhật dậy khắp châu Á,
Ngọn cờ to, ngọn cờ nhỏ tuy có khác nhau.
Ngọn cờ to thì cố nhiên phải có,
Nhưng ngọn cờ nhỏ cũng không thể không có được.

Dịch thơ:

Thuở trước nơi nơi đều kỷ niệm,
Mừng ngày đình chiến ở châu Âu.
Năm châu nay lại đang tuôn máu,
Bọn quỷ Nazi tội đứng đầu.

II

Trung Hoa kháng chiến sáu năm chầy,
Oanh liệt vang lừng khắp đó đây.
Đến lúc phản công nên cố gắng,
Mặc dù thắng lợi nắm trong tay.

III

Kháng Nhật cờ bay khắp Á châu,
Cờ to, cờ nhỏ, chẳng đều nhau.
Cờ to đã hẳn là nên có.
Cờ nhỏ dù sao, thiếu được đâu.

警報

十一月十二日

敵機浩蕩到天中
避襲人民跑一空
我們出籠避空襲
人人歡喜得出籠

Phiên âm:

CẢNH BÁO

Thập nhất nguyệt thập nhị nhật

Địch cơ hạo đãng [1] đáo thiên trung,
Tị tập nhân dân pháo nhất không.
Ngã mẩn xuất lung tị không tập, [2]
Nhân nhân hoan hỉ đắc xuất lung.

---

1. *Hạo đãng*: rầm rộ, ào ạt (một từ hình dung cái thanh thế to lớn).

2. *Không tập*: đánh bất ngờ bằng không quân.

Dịch nghĩa:

BÁO ĐỘNG

Ngày 12 tháng 11

Trên trời, máy bay địch ào ạt kéo đến,
Để tránh tập kích, nhân dân chạy không còn một người.
Chúng tôi cũng ra khỏi lao tránh máy bay oanh tạc,
Ai nấy vui sướng khi được ra ngoài lao.

Dịch thơ:

Ngày 12 tháng 11

Máy bay địch bỗng tới ào ào,
Tất cả nhân dân chạy xuống hào.
Cửa mở cho tù ra lánh nạn,
Được ra ngoài ngục, khoái làm sao!

*

折 字

囚人出去或爲國
患過頭時始見忠
人有憂愁優點大
籠開竹閂出真龍

Phiên âm:

CHIẾT TỰ [1]

Tù nhân xuất khứ hoặc vi quốc,
Hoạn quá đầu thì thủy kiến trung.
Nhân hữu ưu sầu, ưu điểm đại.
Lung khai trúc sản, xuất chân long.

Dịch nghĩa:

CHIẾT TỰ [2]

Người tù ra khỏi tù, có người dựng nên nước,
Qua cơn hoạn nạn, mới thấy lòng trung.
Người biết lo âu, có ưu điểm lớn,
Nhà lao mở then trúc, rồng thật bay ra.

Dịch thơ:

Người thoát khỏi tù ra dựng nước,
Qua cơn hoạn nạn rõ lòng ngay.
Người biết lo âu, ưu điểm lớn,
Nhà lao mở cửa, ắt rồng bay.

---

1. *Chiết tự*: chính nghĩa là bẻ chữ. Theo dạng chữ Hán, mỗi chữ thường gồm nhiều bộ phận có nghĩa riêng hợp lại, nay bẻ chữ ra từng mảnh, tức phân tích chữ ra từng bộ phận của nó, rồi tùy theo nghĩa mỗi bộ phận mà chỉ một ý gì đó, gọi là *chiết tự*.

2. Toàn bài giải theo nghĩa chiết tự là: chữ *tù* bỏ chữ *nhân* ra, thêm chữ *hoặc* vào, thành chữ *quốc*; chữ *hoạn* gạt bớt phần đầu, còn lại là chữ *trung*; chữ *ưu* là ưu sầu, thêm chữ *nhân* đứng, thành chữ *ưu* là ưu điểm; chữ *lung* là nhà lao, bỏ chữ *trúc ở* đầu, còn chữ *long* là rồng. Còn về nội dung, thì đại ý nói: trong cảnh ưu sầu, hoạn nạn, lao tù, mà vẫn có ưu điểm, vẫn giữ được lòng trung và phẩm chất cao quý (chân long), đó là người xây dựng quốc gia sau này.

「旅　館」

照例初來請難友
必須睡在廁坑邊
假如你想好好睡
你要多花幾塊錢

Phiên âm:

"LỮ QUÁN" [1]

Chiếu lệ sơ lai chư nạn hữu,
Tất tu thụy tại xí khanh biên.
Giả như nhĩ tưởng hảo hảo thụy,
Nhĩ yếu đa hoa kỷ khối tiền. [2]

Dịch nghĩa:

"QUÁN TRỌ"

Theo lệ thường, các bạn tù mới đến,
Ắt đều phải ngủ ở cạnh nhà xí.
Nếu anh muốn ngủ giấc ngon lành,
Anh phải tốn thêm mấy đồng bạc.

---

1. *Lữ quán*: nhà trọ. Đây là cách gọi châm biếm nhà tù của Quốc dân đảng ở địa phương này, vì nhà tù mà phải trả tiền mới có chỗ ngủ, chẳng khác gì nhà trọ.

2. *Hoa*: tiêu tốn, tiêu tiền.

Dịch thơ:

> *Lệ thường tù mới đến,*
> *Phải nằm cạnh cầu tiêu.*
> *Muốn ngủ cho ngon giấc,*
> *Anh phải trả tiền nhiều.*

*

早晴

朝陽穿過籠全部
烧盡幽烟與暗霾
生氣頓時充宇宙
犯人个个笑顔開

Phiên âm:

TẢO TÌNH

Triêu dương xuyên quá lung toàn bộ,
Thiêu tận u yên dữ ám mai. [1]
Sinh khí đốn thì sung vũ trụ,
Phạm nhân cá cá tiếu nhan khai.

---

1. *U yên:* làn khói xám, khói đen.
Ám mai: "mai" là lớp cát bụi mù trời. "Ám mai" chỉ lớp mù u ám nói chung.

Dịch nghĩa:

BUỔI SỚM TẠNH NẮNG

Ánh nắng sớm xuyên suốt toàn bộ nhà lao,
Đốt sạch bao làn khói, mù u ám.
Sinh khí bỗng chốc tràn đầy vũ trụ,
Tù nhân ai nấy vẻ mặt tươi cười.

Dịch thơ:

Nắng sớm, mặt trời soi cả ngục,
Sương mù khói đặc bỗng tan hơi.
Tràn đầy sinh khí trong trời đất,
Tất cả tù nhân mặt nở tươi.

*

「越有騷動」
邕報未遣訊

寧死不甘奴隸苦
義旗到處又飄揚
可憐余做囚中客
未得躬親上戰場

Phiên âm:

"VIỆT HỮU TAO ĐỘNG" UNG BÁO, XÍCH ĐẠO TẤN [1]

Ninh tử, bất cam nô lệ khổ,
Nghĩa kỳ đáo xứ hựu phiêu dương.
Khả liên dư tố tù trung khách,
Vị đắc cung thân thướng chiến trường. [2]

Dịch nghĩa:

"VIỆT NAM CÓ BẠO ĐỘNG" TIN THÔNG TẤN XÍCH ĐẠO TRÊN BÁO UNG NINH

Ngày 14 tháng 11

Thà chết không chịu nỗi khổ nhục nô lệ,
Cờ khởi nghĩa lại tung bay khắp mọi nơi.
Xót mình còn là khách trong nhà tù,
Chưa được đích thân ra nơi chiến trường.

Dịch thơ:

Thà chết chẳng cam nô lệ mãi,
Tung bay cờ nghĩa khắp trăm miền.
Xót mình giam hãm trong tù ngục,
Chưa được xông ra giữa trận tiền.

*

---

1. *Tao động*: gây rối loạn, bạo loạn. Đây là cách dùng từ của giai cấp thống trị để gọi những cuộc đấu tranh chống lại chúng. Báo chí Quốc dân đảng không có cảm tình gì với Cách mạng Việt Nam, nên gọi theo cách gọi của đế quốc Pháp, Nhật đối với các cuộc vận động cách mạng ở Việt Nam. Bấy giờ là cuối năm 1942, phong trào Việt Minh phát triển mạnh, du kích hoạt động nhiều nơi ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn. Chắc là báo chí Quốc dân đảng nói về những hoạt động này.

2. *Cung thân thướng chiến trường*: tự mình thân ra nơi chiến trường, trực tiếp tham gia cuộc chiến đấu.

英訪華團

美團去了英團到
到處欣逢熱烈情
我也「訪華團」一部
却遭特種的歡迎

Phiên âm:

ANH PHỎNG HOA ĐOÀN

Mỹ đoàn khứ liễu, Anh đoàn đáo,
Đáo xứ hân phùng nhiệt liệt tình.
Ngã dã "phỏng Hoa đoàn" nhất bộ,
Khước tao đặc chủng đích hoan nghênh! [1]

Dịch nghĩa:

ĐOÀN ANH THĂM TRUNG HOA

Đoàn Mỹ đi rồi, đoàn Anh tới,
Đến đâu cũng được đón tiếp nồng nhiệt.
Ta cũng là một đoàn bộ sang thăm Trung Hoa,
Nhưng lại được "hoan nghênh" một cách rất đặc biệt!

---

1. *Đặc chủng*: loại đặc biệt, cách đón tiếp rất đặc biệt.

Dịch thơ:

Đoàn Mỹ đi rồi, đoàn Anh đến,
Khắp chốn mừng reo tỏ nhiệt tình.
Ta cũng trong đoàn thăm nước bạn,
Lại dành riêng một lối hoan nghênh!

*

解往武鳴

寧鳴解程平
南武曲行不
到返曲我
解解彎延
既又彎徒

Phiên âm:

GIẢI VÃNG VŨ MINH [1]

18-11

Ký giải đáo Nam Ninh,
Hựu giải phản Vũ Minh.
Loan loan khúc khúc giải,
Đồ diên ngã hành trình,
Bất bình!

Dịch nghĩa:

GIẢI ĐI VŨ MINH

Ngày 18 tháng 11

Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh.
Giải đi quanh quanh quẹo quẹo mãi,
Kéo dài cuộc hành trình của ta.
Bất bình!

Dịch thơ:

GIẢI ĐI VŨ MINH

18-11

Đã giải đến Nam Ninh,
Lại giải về Vũ Minh.
Giải đi quanh quẹo mãi,
Kéo dài cả hành trình.
Bất bình!

*

1. *Vũ Minh*: địa điểm trên đường bộ từ Tĩnh Tây đến Nam Ninh. Theo dõi đường giải đi này, thì thấy tác giả đến Nam Ninh bằng đường sông, nay lại bị giải lui trở về Vũ Minh theo đường bộ. Do đó, trong bài thơ có câu: "Loan loan khúc khúc giải".

苞鄉狗肉

過果德時吃鮮魚
過苞鄉時吃狗肉
可見一般遞解人
生活有時也不俗

Phiên âm:

BÀO HƯƠNG CẨU NHỤC [1]

Quá Quả Đức thì ngật tiên ngư,
Quá Bào Hương thì ngật cẩu nhục.
Khả kiến nhất ban [2] đệ giải nhân,
Sinh hoạt hữu thì dã bất tục! [3]

Dịch nghĩa:

THỊT CHÓ Ở BÀO HƯƠNG

Lúc qua Quả Đức thì ăn cá tươi,
Lúc qua Bào Hương thì ăn thịt chó.
Cho hay những bọn người giải tù,
Sinh hoạt có khi cũng sang trọng.

---

1. *Bào Hương:* địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đi Vũ Minh.
2. *Nhất ban*: thông thường, nói chung (chỉ tính chất chung của mọi sự vật).
3. *Bất tục:* không xoàng xĩnh, không tầm thường, cũng có nghĩa như sang trọng.

Dịch thơ:

Qua Quả Đức thì chén cá tươi,
Qua Bào Hương lại xơi thịt chó.
Cho hay bọn giải tù nhân đó,
Ăn uống đôi khi cũng thạo đời!

*

築路夫

餐風浴雨未曾休
慘淡經營築路伕
車馬行人來往者
幾人感謝你功勞

Phiên âm:

TRÚC LỘ PHU

Xan phong dục vũ [1] vị tằng hưu,
Thảm đạm kinh doanh [2] trúc lộ phu.
Xa mã hành nhân lai vãng giả,
Kỷ nhân cảm tạ nhĩ công lao?

---

1. *Xan phong dục vũ:* ăn gió tắm mưa, một thành ngữ chỉ sự dãi dầm trong mưa gió (hai từ "xan" và "dục", dùng theo nghĩa bóng).

2. *Thảm đạm kinh doanh*: một thành ngữ có nghĩa là hết sức suy nghĩ, trù liệu. Ý nói sự dốc sức mưu toan, tận tụy với chức năng, nhiệm vụ.

Dịch nghĩa:

PHU LÀM ĐƯỜNG

Dãi gió, dầm mưa, chưa từng lúc nghỉ,
Phu làm đường hết sức suy nghĩ lo toan.
Ngựa xe và hành khách khi qua lại,
Đã mấy ai cảm tạ công lao của anh?

Dịch thơ:

Dãi gió, dầm mưa chẳng nghỉ ngơi,
Phu đường vất vả lắm ai ơi!
Ngựa xe, hành khách thường qua lại,
Biết cảm ơn anh được mấy người.

*

獄丁竊我之士的

一生正直又堅剛
攜手同行幾雪霜
恨彼姦人離我倆
長教我你各凄涼

Phiên âm:

NGỤC ĐINH THIẾT NGÃ CHI "SĨ ĐÍCH" [1]

Nhất sinh chính trực hựu kiên cương,
Huề thủ đồng hành kỷ tuyết sương.
Hận bỉ gian nhân ly ngã lưỡng, [2]
Trường giao ngã nhĩ các thê lương! [3]

Dịch nghĩa:

LÍNH NGỤC ĐÁNH CẮP MẤT CHIẾC GẬY CỦA TA

Một đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dắt tay cùng đi đã mấy tuyết sương.
Giận kẻ gian kia chia rẽ đôi ta,
Khiến tôi với anh mỗi đằng chịu mãi nỗi cô đơn!

Dịch thơ:

Suốt đời ngay thẳng lại kiên cường,
Dìu dắt nhau đi mấy tuyết sương.
Giận kẻ bất lương gây cách biệt,
Hai ta dằng dặc nỗi buồn thương.

*

---

1. Sĩ đích: phiên âm tiếng Anh "stick": cây gậy chống.
2. Ly ngã lưỡng: chia rẽ hai chúng ta.
3. Thê lương: cô đơn, lạnh lẽo vắng vẻ.

公里碑

不高亦不遠
非帝亦非王
小小一片石
屹立大道旁
人賴你指示
不走錯向方
你給人指示
途路之短長
你功也不小
人人不你忘

Phiên âm:

CÔNG LÝ BI

Bất cao diệc bất viễn,
Phi đế diệc phi vương.
Tiểu tiểu nhất phiến thạch,
Ngật lập đại đạo bàng.
Nhân lại nhĩ chỉ thị,
Bất tẩu thác hướng phương.
Nhĩ cấp nhân chỉ thị,
Đồ lộ chi đoản trường.
Nhĩ công dã bất tiểu,
Nhân nhân bất nhĩ vương (vong).

Dịch nghĩa:

CỘT CÂY SỐ

Không cao cũng không xa,
Chẳng phải đế cũng chẳng phải vương.
Một phiến đá nho nhỏ,
Sừng sững đứng bên đường lớn.
Người nhờ anh chỉ dẫn,
Đi không sai hướng lầm phương.
Anh chỉ dẫn cho người,
Biết đường đi ngắn hay dài.
Công anh cũng không nhỏ,
Người người chẳng quên anh.

Dịch thơ:

Chẳng cao cũng chẳng xa.
Không đế cũng không vương.
Một phiến đá nho nhỏ,
Đứng sừng sững bên đường.
Người nhờ anh chỉ lối,
Đi đúng hướng, đúng phương.
Anh chỉ cho người biết,
Nào dặm ngắn, dặm trường.
Mọi người nhớ anh mãi,
Công anh chẳng phải thường.

*

賓陽獄中孩

22-11

Oa...! oa...! ooa...!
爺怕當兵救國家
所以我年纔半歲
要到獄中跟著媽

Phiên âm:

TÂN DƯƠNG [1] NGỤC TRUNG HÀI

22-11

Oa...! oa...! ooa...! [2]
Gia phạ đương binh [3] "cứu quốc gia".
Sở dĩ ngã niên tài bán tuế,
Yếu đáo ngục trung căn trước ma! [4]

Dịch nghĩa:

CHÁU BÉ TRONG NGỤC TÂN DƯƠNG

22-11

Oa...! oa...! ooa...!
Cha em sợ đi lính "cứu quốc gia".
Cho nên em mới được sáu tháng,
Đã phải vào nhà lao cùng với mẹ.

Dịch thơ:

Oa...! oa...! ooa...!
Cha trốn không đi lính nước nhà.
Nên nỗi thân em vừa nửa tuổi,
Phải theo mẹ đến ở nhà pha.

*

---

1. *Tân Dương*: địa điểm trên đường bộ từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

2. Trong nguyên văn, các từ "oa" đều viết chữ quốc ngữ, cũng như chữ "Nazi" trong bài *Song thập nhất*, tr. 603.

3. *Gia phạ dương binh*: cha sợ đi lính. Trong câu thơ nói "sợ", chứ không nói "trốn", dù người ấy trốn thật. "Sợ" thì có tội, nhưng không to, còn "trốn" sẽ tội to.

4. Bài thơ này, tác giả mượn lời em bé để tố cáo chế độ bắt lính của bọn Quốc dân đảng Trung Quốc.

燈光費

入籠要納燈光費
桂幣人人各六元
步入朦朧幽暗地
光明值得六元錢

Phiên âm:

ĐĂNG QUANG PHÍ

Nhập lung yếu nạp đăng quang phí,
Quế tệ [1] nhân nhân các lục nguyên.
Bộ nhập mông lung u ám địa,
Quang minh trì đắc [2] lục nguyên tiền!

---

1. *Quế*: tên gọi khác của tỉnh Quảng Tây. "Quế tệ": tiền Quảng Tây.
2. *Trì đắc*: đáng giá.

Dịch nghĩa:

TIỀN ĐÈN

Vào lao, theo lệ phải nộp tiền đèn,
Tiền Quảng Tây, mỗi người là sáu đồng.
Bước vào chỗ tối tăm mù mịt,
Ánh sáng kia đáng giá tiền sáu đồng!

Dịch thơ:

Vào lao anh phải nộp tiền đèn,
Tiền Quảng Tây vừa đúng sáu "nguyên",
Vào chỗ tối tăm mù mịt ấy,
Quang minh đáng giá bấy nhiêu tiền!

*

獄中生活

每人各有一火爐
大大小小幾個鍋
煮飯煮茶又煮菜
成天煙火沒時無

Phiên âm:

NGỤC TRUNG SINH HOẠT

Mỗi nhân các hữu nhất hỏa lô,
Đại đại tiểu tiểu kỷ cá oa.
Chử phạn, chử trà hựu chử thái.
Thành thiên yên hỏa một thì vô.

Dịch nghĩa:

SINH HOẠT TRONG TÙ

Mỗi người đều có một hỏa lò,
Lớn lớn, nhỏ nhỏ mấy cái nồi.
Thổi cơm, nấu trà, lại luộc rau,
Suốt ngày khói lửa không lúc nào ngơi.

Dịch thơ:

Hỏa lò ai cũng có riêng rồi,
Nhỏ nhỏ, to to mấy chiếc nồi.
Cơm, nước, rau, canh đun với nấu,
Suốt ngày khói lửa mãi không thôi.

*

郭先生

萍水相逢談片刻
郭君對我甚慇懃
「雪中送炭」雖然少
世界仍存這種人

Phiên âm:

QUÁCH TIÊN SINH

Bình thủy tương phùng [1] đàm phiến khắc,
Quách quân đối ngã thậm ân cần.
"Tuyết trung tống thán" [2] tuy nhiên thiểu,
Thế giới nhưng tồn giá chủng nhân... [3]

Dịch nghĩa:

ÔNG QUÁCH

"Bèo nước gặp nhau", chuyện trò trong chốc lát,
Đối với ta, ông Quách rất ân cần.
"Trong tuyết cho than", tuy ít kẻ, [4]
Nhưng trên đời vẫn còn loại người như thế...

---

1. *Bình thủy tương phùng*: bèo nước gặp nhau, thành ngữ chỉ sự gặp gỡ ngẫu nhiên.

2. *Tuyết trung tống thán:* trong tuyết cho than (trong khi mưa tuyết giá rét, cho than sưởi ấm), thành ngữ chỉ sự giúp đỡ người trong lúc khó khăn hoạn nạn.

3. *Giá chủng nhân:* loại người như thế.

4. Câu "Tuyết trung tống thán, tuy nhiên thiểu", cũng có người hiểu là: "Trong lúc rét mướt cho than sưởi ấm, của tuy chẳng là bao nhiêu"...

Dịch thơ:

Gặp nhau bèo nước, chuyện gần xa,
Ông Quách ân cần đối đãi ta.
"Rét đến cho than" tuy chẳng mấy,
Đời nay người thế vẫn còn mà.

*

莫班長

慷慨賓陽莫班長
解囊買飯給囚人
晚間解縛給他睡
不用威權只用恩

Phiên âm:

MẠC BAN TRƯỞNG

Khảng khái Tân Dương Mạc ban trưởng,
Giải nang [1] mãi phạn cấp tù nhân.
Vãn gian giải phược cấp tha thụy,
Bất dụng uy quyền, chỉ dụng ân.

---

1. *Giải nang:* cởi túi, mở túi. Ý nói tự xuất tiền mình.

Dịch nghĩa:

BAN TRƯỞNG HỌ MẠC

Ban trưởng họ Mạc ở Tân Dương là người hào hiệp.
Tự xuất tiền túi mua cơm cho tù nhân.
Đêm đến, cởi trói cho họ ngủ,
Không dùng uy quyền, chỉ dùng ân tình.

Dịch thơ:

Trưởng ban họ Mạc người hào hiệp,
Dốc túi mua cơm giúp phạm nhân.
Đêm đến, cởi thừng cho họ ngủ,
Chẳng dùng quyền thế, chỉ dùng ân.

*

搭火車往來賓

幾十日來勞走路
今天得搭火車行
雖然只得坐炭上
畢竟比徒步漂亮

Phiên âm:

ĐÁP HỎA XA VÃNG LAI TÂN [1]

Kỷ thập nhật lai lao tẩu lộ,
Kim thiên đắc đáp hỏa xa hàng (hành).
Tuy nhiên chỉ đắc tọa thán thướng,
Tất cánh tỉ đồ bộ phiêu lương (lượng). [2]

Dịch nghĩa:

ĐÁP XE LỬA ĐI LAI TÂN

Mấy chục ngày qua, đi bộ mệt nhoài,
Hôm nay được đáp xe lửa.
Dù chỉ được ngồi trên đống than,
Nhưng so với đi bộ cũng đã sang rồi!

Dịch thơ:

Mấy chục ngày qua toàn cuốc bộ,
Nay ngồi xe lửa vẻ đàng hoàng.
So khi cuốc bộ còn sang chán,
Dù chỉ ngồi trên một đống than!

*

1. *Lai Tân*: địa điểm trên đường sắt từ Nam Ninh đi Quế Lâm.

2. *Tất cánh:* rốt cục, cuối cùng.

Phiêu lượng: sang trọng, bảnh bao. Chú ý: bài thơ này, hai từ "hành" và "lượng" nếu đọc theo chính âm của nó, thì không có vần, ở đây, tác giả đặt theo lối hiệp vận (hiệp vần) và âm Trung Quốc, nên "hành" phải đọc là "hàng", và "lượng" là "lương",, thì mới có vần.

他想逃

一心只想自由境
拚命跳車他走開
可惜他走半里許
又被警兵捉回來

Phiên âm:

THA TƯỞNG ĐÀO

Nhất tâm chỉ tưởng tự do cảnh,
Phán (biền) mệnh khiêu xa tha tẩu khai.
Khả tích tha bào bán lý hử,
Hựu bị cảnh binh tróc hồi lai.

Dịch nghĩa:

ANH ẤY ĐỊNH TRỐN

Một lòng chỉ mong tưởng cảnh tự do,
Liều mạng nhảy xuống xe, anh định chạy trốn.
Tiếc rằng anh mới chạy chừng nửa dặm,
Lại bị cảnh binh bắt đem trở về.

Dịch thơ:

Tự do, anh ấy hằng mong mỏi,
Liều mạng đâm nhào nhảy xuống xe.
Rủi quá chạy đâu chừng nửa dặm,
Bị ngay cảnh sát bắt lôi về!

*

來賓

監房班長天天賭
警長貪吞解犯錢
縣長燒燈辦公事
來賓依舊太平天

Phiên âm:

LAI TÂN

Giam phòng ban trưởng thiên thiên đổ,
Cảnh trưởng tham thôn giải phạm tiền.
Huyện trưởng thiêu đăng biện công sự,
Lai Tân y cựu thái bình thiên. [1]

---

1. Bấy giờ Trung Quốc đang có chiến tranh chống xâm lược Nhật, mà cung cách làm việc của cơ quan huyện này rất là "thái bình" như trước khi có chiến tranh, nên trong bài mới nói là "thái bình như cũ".

Dịch nghĩa:

LAI TÂN

Ban trưởng nhà lao ngày ngày đánh bạc,
Cảnh trưởng tham ô, ăn tiền phạm nhân bị giải.
Huyện trưởng đốt đèn "làm việc công",
Lai Tân vẫn cảnh thái bình như cũ.

Dịch thơ:

Ban trưởng nhà lao chuyên đánh bạc,
Giải người, cảnh trưởng kiếm ăn quanh.
Chong đèn, huyện trưởng làm công việc,
Trời đất Lai Tân vẫn thái bình.

*

到柳州

9-12

千辛萬苦非無限
九日吾人到柳州
回顧百餘天惡夢
醒來面尚帶餘愁

Phiên âm:

ĐÁO LIỄU CHÂU [1]

9-12

Thiên tân vạn khổ phi vô hạn,
Cửu nhật ngô nhân đáo Liễu Châu.
Hồi cố bách dư thiên ác mộng,
Tỉnh lai diện thượng đới dư sầu. [2]

Dịch nghĩa:

ĐẾN LIỄU CHÂU

9-12

Nghìn cay muôn đắng chẳng phải là vô hạn,
Ngày mồng chín, ta tới Liễu Châu.
Ngoảnh lại, hơn một trăm ngày ác mộng,
Tỉnh ra, trên mặt còn vương chút buồn.

Dịch thơ:

9-12

Muôn cay nghìn đắng đâu vô hạn:
Mồng chín ta vừa đến Liễu Châu.
Ngoảnh lại hơn trăm ngày ác mộng,
Tỉnh ra còn gợn nét ưu sầu.

*

1. *Liễu Châu*: một thành phố của Quảng Tây, trên đường từ Nam Ninh đi Quế Lâm.
2. *Dư*: còn sót lại.

久不遞解

苦藥杯將乾更苦
難關末步倍艱難
長官部只隔里許
何故長畱我此間

Phiên âm:

CỬU BẤT ĐỆ GIẢI [1]

Khổ dược, bôi tương can cánh khổ,
Nan quan, mạt bộ bội gian nan.
Trưởng quan bộ chỉ cách lý hử, [2]
Hà cố trường lưu ngã thử gian?

---

1. *Đệ*: chuyển đưa.

Giải: áp giải.

Đệ giải: chuyển giải đến một nơi để xét xử. Theo văn án xưa, khi một nơi nào tiếp nhận phạm nhân từ nơi trước giải qua, mà chuyển giải đến một nơi sau để xử lý, gọi là "đệ giải" (một từ ngữ xưa).

2. *Trưởng quan bộ*: dinh trưởng quan, có lẽ là dinh tư lệnh, tức nơi bộ tư lệnh Đệ Tứ Chiến khu (Quảng Tây) đóng. Sau khi chúng giải tác giả đến Liễu Châu, đáng lẽ phải đệ giải ngay lên trưởng quan bộ để xét xử, nhưng chúng đã cố ý trì hoãn, giam giữ mãi tác giả ở đó, không đệ giải lên, dù trưởng quan bộ chỉ cách Liễu Châu có một dặm.

Dịch nghĩa:

LÂU KHÔNG ĐƯỢC ĐỆ GIẢI

Chén thuốc đắng, uống sắp cạn càng thấy đắng,
Cửa ải khó, vượt chặng cuối lại khó thêm.
Dinh trưởng quan chỉ cách chừng một dặm,
Cớ sao cứ giam mãi ta ở nơi này?

Dịch thơ:

Thuốc đắng cạn liều càng thấy đắng,
Đường gay cuối chặng lại thêm gay.
Dinh quan chỉ cách đây chừng dặm,
Sao mãi giam ta ở chốn này?

*

夜 半

睡時都像純良漢
醒後纔分善惡人
善惡原來無定性
多由教育的原因

Phiên âm:

DẠ BÁN

Thụy thì đô tượng thuần lương hán,
Tỉnh hậu tài phân thiện, ác nhân.
Thiện, ác nguyên lai vô định tính,
Đa do giáo dục đích nguyên nhân.

Dịch nghĩa:

NỬA ĐÊM

Khi ngủ, trông ai cũng như hiền hậu,
Khi đã tỉnh dậy rồi, mới phân biệt được ai thiện, ai ác.
Thiện hay ác, vốn không phải tính định sẵn,
Thường là do nguyên nhân ở giáo dục.

Dịch thơ:

Ngủ thì ai cũng như lương thiện,
Tỉnh dậy phân ra kẻ dữ, hiền.
Hiền, dữ phải đâu là tính sẵn,
Phần nhiều do giáo dục mà nên.

*

到長官部

想這難關是最後
自由日子快來臨
那知還有難關在
我們應該解桂林

Phiên âm:

ĐÁO TRƯỞNG QUAN BỘ

Tưởng giá nan quan thị tối hậu,
Tự do nhật tử khoái lai lâm.
Na tri hoàn hữu nan quan tại,
Ngã mẩn ưng cai giải Quế Lâm. [1]

Dịch nghĩa:

ĐẾN DINH TRƯỞNG QUAN

Tưởng cửa ải khó này là cửa ải chót,
Ngày tự do âu sẽ tới nhanh.
Nào biết lại còn cửa ải khó nữa,
Chúng tôi còn bị giải đi Quế Lâm.

---

1. *Quế Lâm:* thủ phủ tỉnh Quảng Tây.

Dịch thơ:

Tưởng qua cửa ải này là hết,
Ngày tự do âu cũng chẳng chầy.
Nào biết gian nan còn ải nữa:
Quế Lâm còn phải giải đi ngay.

*

四个月了

「一日囚千秋在外
古人之話不差訛
四月非人類生活
使余憔悴十年多
因為:
四月吃不飽
四月睡不好
四月不換衣
四月不洗澡

所以：

落了一隻牙

髮白了許多

黑瘦像餓鬼

全身是癩痧

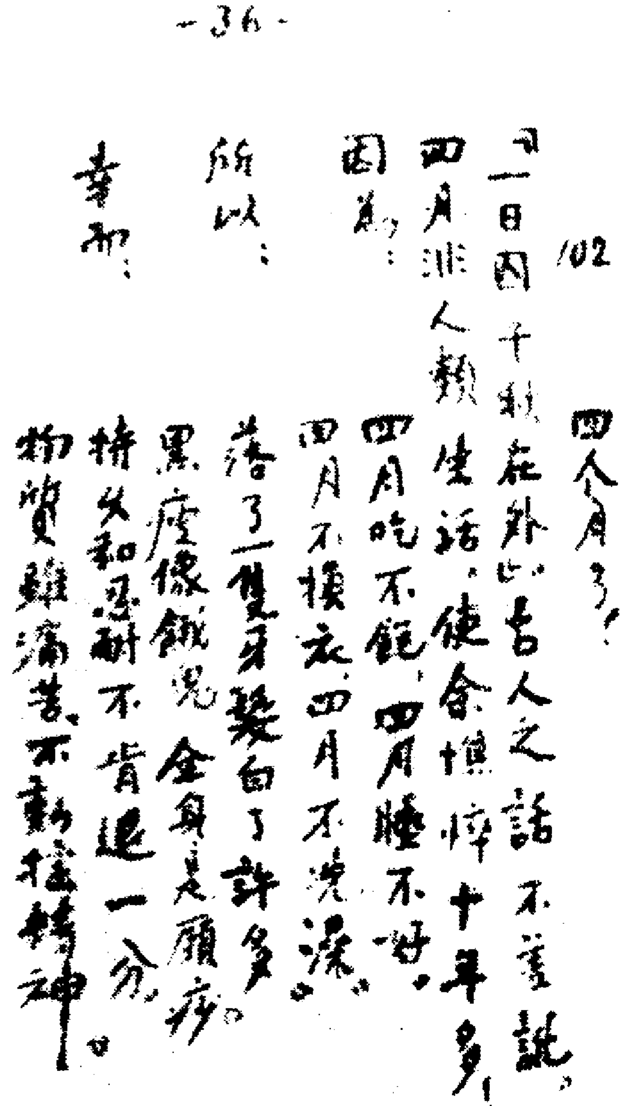
幸而：

持久和忍耐

不肯退一分

物質雖痛苦

不動搖精神



\- 36 -

102

四个月了！

"一日囚千秋在外"，古人之話不差訛，

四月非人類生活，使余憔悴十年多！

因為：

四月吃不飽，四月睡不好，

四月不換衣，四月不洗澡。

所以：

落了一隻牙，髮白了許多。

黑瘦像餓鬼，全身是癩疙。

幸而：

持久和忍耐，不肯退一分，

物質雖痛苦，不動搖精神。

Bút tích tác giả trong tập Nhật ký trong tù, *trang 36,*
bài Tứ cá nguyệt liễu (Bốn tháng rồi). *Ảnh: Viện Bảo tàng Cách mạng.*

Phiên âm:

TỨ CÁ NGUYỆT LIỄU

"Nhất nhật tù, thiên thu tại ngoại",
Cổ nhân chi thoại bất sai ngoa!
Tứ nguyệt phi nhân loại sinh hoạt,
Sử dư tiều tụy thập niên đa. [1]

Nhân vị:
Tứ nguyệt ngật bất bão,
Tứ nguyệt thụy bất hảo.
Tứ nguyệt bất hoán y,
Tứ nguyệt bất tẩy tảo.

Sở dĩ:
Lạc liễu nhất chích nha,
Phát bạch liễu hứa đa,
Hắc sấu tượng ngã quỷ,
Toàn thân thị lại sa.

Hạnh nhi:
Trì cửu hòa nhẫn nại,
Bất khẳng thoái nhất phân.
Vật chất tuy thống khổ,
Bất động dao tinh thần.

1. *Thập niên đa:* lâu bằng mười năm tù ("đa" ở đây là nhiều bằng, lâu bằng, chứ không phải nhiều hơn).

Dịch nghĩa:

BỐN THÁNG RỒI

"Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa, thật chẳng sai!
Bốn tháng sinh sống khác loài người,
Khiến ta tiều tụy bằng mười năm trời.

Bởi vì:
Bốn tháng ăn không no,
Bốn tháng ngủ không yên,
Bốn tháng không thay quần áo,
Bốn tháng không được tắm rửa.

Cho nên:
Răng rụng mất một chiếc,
Tóc cũng bạc thêm nhiều,
Đen, gầy đã như quỷ đói,
Ghẻ lở lại phát đầy người.

May mà:
Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân.
Vật chất tuy có đau khổ,
Tinh thần không hề nao núng.

Dịch thơ:

"Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài",
Lời nói người xưa đâu có sai.
Sống khác loài người vừa bốn tháng,
Tiều tụy còn hơn mười năm trời.

Bởi vì:
Bốn tháng cơm không no,
Bốn tháng đêm thiếu ngủ.
Bốn tháng áo không thay,
Bốn tháng không giặt giũ.

Cho nên:
Răng rụng mất một chiếc,
Tóc bạc thêm mấy phần,
Gầy đen như quỷ đói,
Ghẻ lở mọc đầy thân.

May mà:
Kiên trì và nhẫn nại,
Không chịu lùi một phân,
Vật chất tuy đau khổ,
Không nao núng tinh thần.

*

病重

外感華天新冷熱
內傷越地舊山河
獄中害病眞辛苦
本應痛哭却狂歌

Phiên âm:

BỆNH TRỌNG

Ngoại cảm Hoa thiên tân lãnh nhiệt,
Nội thương Việt địa cựu sơn hà.
Ngục trung hại bệnh chân tân khổ!
Bản ưng thống khốc khước cuồng ca.

Dịch nghĩa:

BỆNH NẶNG

Ngoại cảm vì cơn nóng lạnh mới ở trời Hoa,
Nội thương vì cảnh non sông cũ của đất Việt.
Trong tù mà mắc bệnh, thật là cay đắng!
Vốn đáng đau khóc, mà ta cứ hát tràn.

Dịch thơ:

Ngoại cảm trời Hoa cơn nóng lạnh,
Nội thương đất Việt cảnh lầm than.
Trong tù mắc bệnh càng đau khổ,
Đáng khóc mà ta cứ hát tràn.

*

到桂林

桂林無桂亦無林
只見山高與水深
榕蔭監房眞可怕
白天黑黑夜沉沉

Phiên âm:

ĐÁO QUẾ LÂM

Quế Lâm vô quế diệc vô lâm,
Chỉ kiến sơn cao dữ thủy thâm.
Dung ấm giam phòng chân khả phạ,
Bạch thiên hắc hắc, dạ trầm trầm.

Dịch nghĩa:

ĐẾN QUẾ LÂM

Đất Quế Lâm không quế cũng không rừng,
Chỉ thấy núi cao cùng sông sâu.
Bóng đa phủ kín nhà lao, trông thật ghê rợn,
Ngày thì âm u tối sầm, đêm thì im lìm chìm đắm.

Dịch thơ:

Quế Lâm không quế, không rừng,
Sông sâu thăm thẳm, trập trùng núi cao.
Bóng đa đè nặng nhà lao,
Đêm sao lặng ngắt, ngày sao tối sầm!

*

入籠錢

初來要納入籠錢
至少仍須五十元
倘你無錢不能納
你將步步碰麻煩

Phiên âm:

NHẬP LUNG TIỀN

Sơ lai yếu nạp nhập lung tiền,
Chí thiểu nhưng tu ngũ thập nguyên!
Thảng nhĩ vô tiền bất năng nạp,
Nhĩ tương bộ bộ bánh ma phiền. [1]

Dịch nghĩa:

TIỀN VÀO NHÀ LAO

Người mới đến, phải nộp tiền vào lao,
Ít nhất cũng phải năm mươi đồng bạc!
Nếu anh không có tiền nộp nổi,
Mỗi bước đi, anh sẽ gặp một chuyện rắc rối.

Dịch thơ:

Mới đến nhà giam phải nộp tiền,
Lệ thường ít nhất năm mươi "nguyên"!
Nếu anh không có tiền đem nộp,
Một bước anh đi, một bước phiền.

*

1. *Bộ bộ*: ở đây chỉ mỗi động tác, mỗi việc làm trong sinh hoạt của người tù. *Ma phiền:* làm ngầy ngà, làm rắc rối.

? !

空空苦了四十天
四十天苦不勝言
現在又要解返柳
真是令人悶又煩

Phiên âm:

?!

Không không khổ liễu tứ thập thiên,
Tứ thập thiên khổ bất thăng ngôn!
Hiện tại hựu yếu giải phản Liễu, [1]
Chân thị linh nhân muộn hựu phiền!

Dịch nghĩa:

?!

Không đâu mà khổ mất bốn mươi ngày,
Bốn mươi ngày khổ nói khôn xiết!
Nay lại bị giải quay về Liễu Châu,
Thực làm cho người ta bực bội lại buồn phiền!

---

1. *Giải phản Liễu:* giải trở về Liễu Châu.

Dịch thơ:

Bốn chục ngày qua khổ xiết bao,
Bốn mươi ngày khổ, thật không đâu!
Liễu Châu nay giải quay về lại,
Đến thế, lòng ai lại chẳng rầu.

*

?

柳州桂林又柳州
踢來踢去像皮球
含冤踏遍廣西地
不知解到幾時休

Phiên âm:

?

Liễu Châu, Quế Lâm, hựu Liễu Châu,
Dịch lai dịch khứ, tượng bì cầu.
Hàm oan đạp biến Quảng Tây địa,
Bất tri giải đáo kỷ thời hưu?

Dịch nghĩa:

?

Liễu Châu, Quế Lâm, lại Liễu Châu,
Đá qua, đá lại, như đá quả bóng.
Ngậm oan đi khắp đất Quảng Tây,
Không biết giải đến bao giờ mới thôi?

Dịch thơ:

Liễu Châu, Quế Lâm lại Liễu Châu,
Đá qua đá lại, bóng chuyền nhau.
Quảng Tây đi khắp, lòng oan ức,
Giải tới bao giờ, giải tới đâu?

*

到第四戰區政治部

解過廣西十三縣
住了十八个監房
試問余所犯何罪
罪在為民族盡忠

Phiên âm:

ĐÁO ĐỆ TỨ CHIẾN KHU CHÍNH TRỊ BỘ

Giải quá Quảng Tây thập tam huyện,
Trú liễu thập bát cá giam phòng.
Thí vấn dư sở phạm hà tội?
Tội tại vị dân tộc tận trung!

Dịch nghĩa:

ĐẾN CỤC CHÍNH TRỊ CHIẾN KHU IV

Giải qua mười ba huyện tỉnh Quảng Tây,
Ở đến mười tám cái nhà lao.
Thử hỏi ta phạm vào tội gì?
Tội tận trung với dân tộc!

Dịch thơ:

Quảng Tây giải khắp mười ba huyện,
Mười tám nhà lao đã ở qua.
Phạm tội gì đây? Ta thử hỏi,
Tội trung với nước, với dân à?

*

朝景

太陽每早從山上
照得全山處處紅
只為籠前有黑影
太陽未照到籠中

Phiên âm:

TRIÊU CẢNH

Thái dương mỗi tảo tòng sơn thướng,
Chiếu đắc toàn sơn xứ xứ hồng.
Chỉ vị lung tiền hữu hắc ảnh,
Thái dương vị chiếu đáo lung trung.

Dịch nghĩa:

CẢNH SÁNG SỚM

Mỗi sáng, mặt trời vượt lên đầu núi,
Chiếu khắp cả trái núi, nơi nào cũng rực hồng.
Chỉ vì trước lao còn có bóng tối,
Nên ánh mặt trời chưa rọi tới trong lao.

Dịch thơ:

Đầu non sớm sớm vầng dương mọc,
Khắp núi nơi nơi rực ánh hồng.
Chỉ bởi trước lao còn bóng tối,
Mặt trời chưa rọi thấu vào trong.

*

清明

清明時節雨紛紛
籠裡囚人欲斷魂
借問自由何處有
衛兵搖指辦公門

Phiên âm:

THANH MINH

Thanh minh thì tiết vũ phân phân,
Lung lý tù nhân dục đoạn hồn. [1]
Tá vấn tự do hà xứ hữu?
Vệ binh dao chỉ biện công môn. [2]

---

1. *Đoạn hồn*: dứt tâm hồn, não lòng không chịu được.
2. *Biện công*: nơi làm việc công, công đường.

Dịch nghĩa:

THANH MINH

Ngày tiết thanh minh, trời mưa rả rích,
Tù nhân trong lao, buồn đến nẫu ruột.
Ướm hỏi nơi nào có tự do?
Lính gác trỏ cửa công đường ở phía xa.

Dịch thơ:

Thanh minh lất phất mưa phùn,
Tù nhân nghe thấm nỗi buồn xót xa.
Tự do, thử hỏi đâu là?
Lính canh trỏ lối thẳng ra công đường.

*

晚景

玫瑰花開花又謝
花開花謝兩無情
花香透入籠門裡
向在籠人訴不平

Phiên âm:

VÃN CẢNH

Mai côi hoa khai, hoa hựu tạ,
Hoa khai, hoa tạ lưỡng vô tình.
Hoa hương thấu nhập lung môn lý.
Hướng tại lung nhân tố bất bình.

Dịch nghĩa:

CẢNH CHIỀU TỐI

Hoa hồng nở, hoa hồng lại tàn,
Hoa nở, hoa tàn đều vô tình cả hai.
Hương thơm của hoa còn bay thấu vào trong lao.
Bay tới người tù, tố nỗi bất bình.

Dịch thơ:

Hoa hồng nở, hoa hồng lại rụng,
Hoa tàn, hoa nở cũng vô tình.
Hương hoa bay thấu vào trong ngục,
Kể với tù nhân nỗi bất bình.

*

限 制

没有自由真痛苦
出恭也被人制裁
開籠之時肚不痛
肚痛之時籠不開

Phiên âm:

HẠN CHẾ

Một hữu tự do, chận thống khổ!
Xuất cung [1] dã bị nhân chế tài.
Khai lung chi thì, đỗ bất thống,
Đỗ thống chi thì, lung bất khai.

Dịch nghĩa:

HẠN CHẾ

Không có tự do, thật là khốn khổ!
Đi tiêu mà cũng bị người hạn chế.
Khi mở cửa tù thì bụng không đau,
Khi bụng đau thì cửa tù không mở.

---

1. *Xuất cung*: như nói đi tiêu, đi ngoài.

Dịch thơ:

Đau khổ chi bằng mất tự do,
Đến buồn đi ỉa cũng không cho.
Cửa tù khi mở, không đau bụng,
Đau bụng thì không mở cửa tù.

*

不眠夜

茫茫長夜不能眠
我做囚詩百幾篇
做了一篇常擱筆
從籠門望自由天

Phiên âm:

BẤT MIÊN DẠ

Mang mang trường dạ bất năng miên,
Ngã tố tù thi bách kỷ thiên.
Tố liễu nhất thiên thường các bút,
Tòng lung môn vọng tự do thiên.

Dịch nghĩa:

ĐÊM KHÔNG NGỦ

Mênh mang cảnh đêm dài, không ngủ được,
Thơ tù ta viết đã hơn trăm bài.
Làm xong mỗi bài lại thường gác bút,
Nhìn qua cửa tù ngóng trời tự do.

Dịch thơ:

Năm canh thao thức không nằm,
Thơ tù ta viết hơn trăm bài rồi.
Xong bài, gác bút nghỉ ngơi,
Nhòm qua cửa ngục ngóng trời tự do.

*

久雨

九天下雨一天晴
可恨天公沒有情
鞋破路泥污了脚
仍須努力向前行

Phiên âm:

CỬU VŨ

Cửu thiên hạ vũ, nhất thiên tình,
Khả hận thiên công một hữu tình!
Hài phá, lộ nê, ô liễu cước,
Nhưng tu nỗ lực hướng tiền hành.

Dịch nghĩa:

MƯA LÂU

Chín ngày mưa liền, mới một ngày tạnh,
Đáng giận ông trời thật vô tình!
Giày rách, đường bùn, chân lấm bê bết,
Nhưng vẫn phải gắng sức tiến lên phía trước.

Dịch thơ:

Một ngày hửng nắng, chín ngày mưa,
Trời thật vô tình, đáng giận chưa!
Giày rách, đường lầy, chân lấm láp,
Vẫn còn dấn bước dặm đường xa.

*

惜光陰

蒼天有意挫英雄
八月消磨梏桎中
尺璧寸陰真可惜
不知何日出牢籠

Phiên âm:

TÍCH QUANG ÂM

Thương thiên hữu ý tỏa anh hùng,
Bát nguyệt tiêu ma cốc trất [1] trung.
Xích bích thốn âm, chân khả tích [2]!
Bất tri hà nhật xuất lao lung?

Dịch nghĩa:

TIẾC NGÀY GIỜ

Trời xanh cố ý hãm kẻ anh hùng,
Tám tháng nay mòn mỏi trong chốn cùm gông.
Tấc bóng quý hơn thước ngọc, thật là đáng tiếc!
Chẳng biết ngày nào thoát khỏi vòng lao tù?

---

1. *Cốc trất*: cùm tay gọi là "cốc", cùm chân gọi là "trất", thường dùng chỉ chung các loại gông cùm.

2. *Xích bích thốn âm*: thước ngọc tấc bóng. Thành ngữ này dùng với nghĩa: không quý viên ngọc bích một thước, mà trọng cái bóng một tấc. Ý nói quý trọng thời giờ.

Dịch thơ:

Trời xanh cố ý hãm anh hùng,
Tám tháng hao mòn với xích gông.
Tấc bóng nghìn vàng đà đáng tiếc,
Ngày nào thoát khỏi chốn lao lung?

*

秋感

熊到山峰晚十點
蟲聲斷續慶秋來
囚人不管秋來未
只管囚籠何時開

二

去歲秋初我自由
今年秋首我居囚
倘能裨益吾民族
可說今秋值去秋

Phiên âm:

THU CẢM

Hùng [1] đáo sơn phong vãn thập điểm,
Trùng thanh đoạn tục khánh thu lai.
Tù nhân bất quản thu lai vị?
Chỉ quản tù lung hà thì khai?

II

Khứ tuế thu sơ ngã tự do,
Kim niên thu thủ ngã cư tù.
Thảng năng tì ích ngô dân tộc,
Khả thuyết kim thu trị khứ thu.

Dịch nghĩa:

THU CẢM

Sao Đẩu lên tới đỉnh núi, đêm đã mười giờ,
Tiếng trùng đứt nối, mừng tiết thu tới.
Người tù chẳng kể thu tới hay chưa?
Chỉ kể cửa tù bao giờ mở?

II

Đầu thu năm ngoái ta tự do,
Đầu thu năm nay ta ở tù.
Nếu được giúp ích cho dân tộc mình.
Thì có thể nói thu này cũng bằng thu qua.

---

1. *Hùng*: tức Đại Hùng tọa, tòa sao Đại Hùng. Ở đây chỉ sao Bắc Đẩu.

Dịch thơ:

Bắc Đẩu mười giờ ngang đỉnh núi,
Dế kêu khoan nhặt đón mừng thu.
Thân tù đâu biết thu sang chửa,
Chỉ nghĩ hôm nao mở cửa tù.

II

Năm ngoái đầu thu còn tự do,
Năm nay thu đến ở trong tù.
Đã rằng giúp ích cho dân tộc,
Thu trước, thu này há kém nhau.

*

蒙上令准出籠活動

久閑兩脚軟如綿
今試行行屢欲顛
片刻已聞班長喊
「返來不准再遷延」

Phiên âm:

MÔNG THƯỢNG LỆNH CHUẨN XUẤT LUNG HOẠT ĐỘNG

Cửu nhàn lưỡng cước nhuyễn như miên,
Kim thí hành hành, lũ dục điên.
Phiến khắc dĩ văn ban trưởng hám:
"Phản lai, bất chuẩn tái trì diên!"

Dịch nghĩa:

ĐƯỢC LỆNH TRÊN CHO RA NGOÀI PHÒNG LAO ĐI LẠI

Nhàn rỗi lâu ngày, hai chân mềm nhũn như bông,
Hôm đi thử, nhiều lúc lảo đảo chực ngã.
Một chốc đã nghe ban trưởng quát:
"Quay lại, không được tha thẩn nữa!"

Dịch thơ:

Ngồi lâu chân đã mềm như bún,
Nay thử ra đi muốn ngã nhào.
Phút chốc đã nghe ban trưởng gọi:
"Thôi, thôi! Lập tức phải quay vào!"

秋夜

門前衛士執槍立
天上殘雲傍月飛
木虱縱橫如坦克
蚊虫聚散似飛機
心懷故國千塘路
夢繞新愁萬縷絲
無罪而囚已一載
老夫和淚寫囚詩

Phiên âm:

THU DẠ

Môn tiền vệ sĩ chấp thương lập,
Thiên thượng tàn vân bạng nguyệt phi. [1]
Mộc sắt tung hoành như "thản khắc", [2]
Văn trùng tụ tán tự phi ky (cơ).

---

1. *Bạng nguyệt phi:* kề bên vầng trăng mà bay đi. Bản in của Viện Văn học để là "đới nguyệt phi" (đeo trăng bay), nay chúng tôi lấy lại theo nguyên bản.

2. *Thản khắc:* tức "thản khắc xa", hay "đường khắc xa". Đây là từ Hán Việt dịch chữ "tank" của tiếng Anh, nghĩa là xe tăng.

Tâm hoài cố quốc thiên đường lộ, [1]
Mộng nhiễu tân sầu vạn lũ ti.
Vô tội nhi tù dĩ nhất tải,
Lão phu hòa lệ tả tù thi.

Dịch nghĩa:

ĐÊM THU

Trước cửa, lính gác bồng súng đứng,
Trên trời, mây tàn kề trăng bay đi.
Bầy rệp bò ngang dọc như xe tăng,
Đàn muỗi lượn tụ tán tựa máy bay.
Lòng nhớ Tổ quốc, cách xa nghìn trùng.
Mộng vướng sầu nay, như vạn mối tơ.
Không tội mà bị tù, đã một năm tròn,
Già đây hòa lệ viết thơ tù.

Dịch thơ:

Trước cửa lính canh bồng súng đứng,
Trên trời trăng lướt giữa làn mây.
Rệp bò lổm ngổm như xe cóc,
Muỗi lượn nghênh ngang tựa máy bay.
Nghìn dặm bâng khuâng hồn nước cũ,
Muôn tơ vương vấn mộng sầu nay.
Ở tù năm trọn thân vô tội,
Hòa lệ thành thơ tả nỗi này.

1. *Đường*: ở Quảng Tây, tính đường đi bằng đơn vị "đường"; mỗi đường 10 lý, tức 5km.

晴天

事物循環原有定
雨天之後必晴天
片時宇宙解淋服
萬里山河曬錦氈
日暖風清花帶笑
樹高枝潤鳥爭言
人和萬物都興奮
苦盡甘來理自然

Phiên âm:

TÌNH THIÊN

Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định,
Vũ thiên chi hậu tất tình thiên.
Phiến thì vũ trụ giải lâm phục,
Vạn lý sơn hà sái cẩm chiên.
Nhật noãn phong thanh, hoa đới tiếu,
Thụ cao chi nhuận, điểu tranh ngôn.
Nhân hòa vạn vật đô hưng phấn,
Khổ tận cam lai, lý tự nhiên.

Dịch nghĩa:

TRỜI TẠNH

Sự vật vần xoay, vốn đã định,
Sau ngày mưa, tất đến ngày tạnh.
Trong chốc lát vũ trụ như cởi tấm áo ướt,
Cả muôn dặm non sông, lại phơi màu chăn gấm.
Trời ấm gió nhẹ, hoa mỉm miệng cười,
Cây cao cành mượt, chim đua giọng hót.
Người cùng muôn vật thảy đều phấn khởi,
"Khổ tận cam lai" là lẽ tự nhiên.

Dịch thơ:

Sự vật vần xoay đà định sẵn,
Hết mưa là nắng hửng lên thôi.
Đất trời một thoáng thu màn ướt,
Sông núi muôn trùng trải gấm phơi.
Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,
Cây cao, chim hót rộn cành tươi.
Người cùng vạn vật đều phơi phới:
Hết khổ là vui, vốn lẽ đời.

*

看「千家詩」有感

古人偏愛天然美
山水煙花雪月風
現在詩中應有鐵
詩家也要會衝鋒

Phiên âm:

KHÁN "THIÊN GIA THI" HỮU CẢM [1]

Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ: [2]
Sơn, thủy, yên, hoa, tuyết, nguyệt, phong.
Hiện đại thi trung ưng hữu thiết,
Thi gia dã yếu hội xung phong.

1. *Thiên gia thi*: Lưu Khắc Trang, nhà thơ đời Tống, từng soạn sách *Đường, Tống thiên gia thi tuyển,* trong tuyển những thể thơ hay về ngũ, thất ngôn luật thi, tuyệt cú của một số lớn các nhà danh thi đời Đường, Tống, nên gọi là "thiên gia" (nghìn nhà). Đến cuối đời Tống và đời Minh, Tạ Phương Đắc và người sau lại tinh tuyển lại, chỉ còn những thể thơ của hơn một trăm nhà đời Đường, Tống, nhưng cũng gọi là *Thiên gia thi,* có lẽ là tập thơ nói ở đây.

2. *Thiên ái*: yêu thích một cách nghiêng lệch.

Dịch nghĩa:

CẢM TƯỞNG ĐỌC "THIÊN GIA THI"

Thơ xưa nghiêng về yêu thích cảnh đẹp thiên nhiên:
Núi, sông, khói, hoa, tuyết, trăng, gió.
Thời nay, trong thơ nên có thép,
Và nhà thơ cũng phải biết xung phong.

Dịch thơ:

Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp:
Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông.
Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

HỒ CHÍ MINH
29-8-1942 - 10-9-1943

In theo bản dịch của Viện Văn học,
Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1960,
có đối chiếu với nguyên bản lưu trữ tại
Viện Bảo tàng Cách mạng.

PHỤ LỤC I

TIỂU DẪN.- Ngay sau khi ra tù, tác giả có sáng tác một bài thơ. Trong tập *Những chặng đường lịch sử* (Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 128-129), đồng chí Võ Nguyên Giáp đã thuật lại trường hợp đó như sau:

"Bữa ấy, tôi về cơ quan hội báo tình hình thì thấy anh Đồng, anh Vũ Anh và anh Lả đang xúm xít quanh một tờ báo. Các anh chuyền tờ báo và hỏi tíu tít:

– Anh xem có đúng là chữ của Bác không?

Đó là một tờ báo ở Trung Quốc mới gửi về, bên mép trắng có mấy hàng chữ Hán viết tay. Tôi nhận ngay ra đúng là chữ Bác, Bác viết:

Chúc chư huynh ở nhà mạnh khỏe và cố gắng công tác. Ở bên này bình yên.

Phía dưới lại có một bài thơ.

Tôi xem xong hết sức ngạc nhiên. Chữ viết này, lời lẽ này, những câu thơ này, đúng là của Bác. Tờ báo này mới xuất bản.

Mọi người khôn xiết vui mừng. Trong màn đêm ảm đạm của đợt khủng bố trắng vô cùng khốc liệt tại Cao-Bắc-Lạng, tin Bác bình yên về với chúng tôi như những tia nắng rực rỡ vừa xuất hiện ở chân trời, báo hiệu một ngày mai tươi sáng sắp đến".

Dưới đây, là toàn văn bài thơ nói trên:

雲擁重山山擁雲
江心如鏡淨無塵
徘徊獨步西峰嶺
遙望南天憶故人

Phiên âm:

Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân,
Giang tâm như kính tĩnh vô trần.
Bồi hồi độc bộ Tây Phong Lĩnh,
Dao vọng Nam thiên ức cố nhân.

Dịch nghĩa:

Mây chen dãy núi, dãy núi chen mây,
Lòng sông như tấm gương không một chút bụi.
Một mình quanh quẩn dạo bước trên đỉnh Tây Phong,
Xa ngóng trời Nam, tưởng nhớ bạn cũ.

Dịch thơ:

Núi ấp ôm mây, mây ấp núi,
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ.
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh,
Trông lại trời Nam, nhớ bạn xưa.

*

PHỤ LỤC II

Thơ bổ sung

(cho lần xuất bản thứ ba 1998)

問話

社會的兩極

法官與犯人

官曰你有罪

犯曰我良民

官曰你說假

犯曰我言真

法官性本善

假裝惡狠狠

要人人於罪

却假意懇懃

這兩極之間

立着公理神

Phiên âm:

VẤN THOẠI

Xã hội đích lưỡng cực,
Pháp quan dữ phạm nhân;
Quan viết: nhĩ hữu tội,
Phạm viết: ngã lương dân;
Quan viết: nhĩ thuyết giả,
Phạm viết: ngã ngôn chân;
Pháp quan tính bản thiện,
Giả trang ác ngân ngân;
Yếu nhập nhân ư tội,
Khước giả ý ân cần;
Giá lưỡng cực chi gian,
Lập trước công lý thần.

Dịch nghĩa:

LỜI HỎI

Hai cực của xã hội,
Quan tòa và phạm nhân;
Quan bảo: anh có tội,
Phạm nhân thưa: tôi dân lành;
Quan bảo: anh nói dối,
Phạm nhân thưa: tôi nói thật;
Quan tòa tính vốn thiện,
Lại hầm hầm giả làm bộ ác;
Muốn khép người vào tội,
Lại ra vẻ ân cần;
Giữa hai cực này,
Có thần công lý đứng.

Dịch thơ:

Hai cực trong xã hội,
Quan tòa và phạm nhân;
Quan rằng: anh có tội,
Phạm thưa: tôi lương dân;
Quan rằng: anh nói dối,
Phạm thưa: thực trăm phần;
Quan tòa tính vốn thiện,
Làm ra vẻ dữ dằn;
Muốn khép người vào tội,
Lại giả bộ ân cần;
Ở giữa hai cực đó,
Công lý đứng làm thần.

Huệ Chi *dịch*

難友莫某

富家子弟貧家教
賭膽如天膽似針
車大炮才真偉大
在囚仍想吃人參

Phiên âm:

NẠN HỮU MẠC MỖ

Phú gia tử đệ, bần gia giáo,
Đỗ đảm như thiên, đảm tự châm;
"Xa đại pháo" tài chân vĩ đại,
Tại tù nhưng tưởng ngật nhân sâm.

Dịch nghĩa:

BẠN TÙ HỌ MẠC

Con cái nhà giàu mà nghèo giáo dục,
Gan đánh bạc to như trời mà mật thì nhỏ như cái kim;
Cái tài huênh hoang khoác lác [1] thật là vĩ đại,
Ở tù nhưng vẫn tơ tưởng ăn nhân sâm.

Dịch thơ:

Con nhà giàu có, nghèo gia giáo,
Đánh bạc gan trời, mật tựa kim;
"Một tấc lên mây", ghê gớm thật,
Ngồi tù mà vẫn ước nhân sâm.

Nam Trân *dịch*

Bản dịch khác:

Con nhà giàu, giáo dục nghèo,
To "gan đánh bạc", bé teo "gan người";
Ba hoa khoác lác thật tài,
Ở tù mà lại cứ đòi ăn sâm.

Khương Hữu Dụng *dịch*

1. Nguyên văn *Xa đại pháo*, một thành ngữ ở vùng Quảng Đông, có nghĩa như "một tấc đến trời" (các bài bổ sung cũng như các chú thích trong phần *Phụ lục II* đều dựa vào bản sách mới do Nguyễn Huệ Chi chủ biên).

難友原主任L

國家重托鎮邊陲
胡乃忘公只顧私
銻礦常從邊界去
金錢爐里鑄囚詩

Phiên âm:

NẠN HỮU NGUYÊN CHỦ NHIỆM L.

Quốc gia trọng thác trấn biên thùy,
Hồ nãi vong công chỉ cố ti (tư)?
Thế khoáng thường tòng biên giới khứ,
Kim tiền lô lý chú tù thi.

Dịch nghĩa:

BẠN TÙ L. NGUYÊN LÀ CHỦ NHIỆM

Nhà nước giao cho trọng trách coi giữ biên thùy,
Sao lại quên việc công, chỉ lo việc tư?
Quặng "ăng ti moan" thường tuồn qua biên giới,
Bởi thế, lò đúc tiền mới đúc ra bài thơ tù.

Dịch thơ:

Quốc gia phó thác giữ biên khu,
Sao nhãng việc công, mải việc tư?
Quặng thiếc tuồn qua biên giới sạch,
Nên lò đúc bạc... đúc thơ tù!

Huệ Chi *dịch*

龍安劉所長

辦事認真劉所長
人人贊頌你公平
文錢粒米都公布
乾淨囚籠好衛生

Phiên âm:

LONG AN LƯU SỞ TRƯỞNG

Biện sự nhận chân Lưu sở trưởng,
Nhân nhân tán tụng nhĩ công bình;
Văn tiền lạp mễ đô công bố,
Can tịnh tù lung hảo vệ sinh.

Dịch nghĩa:

SỞ TRƯỞNG LONG AN [1] HỌ LƯU

Sở trưởng họ Lưu giải quyết công việc thận trọng, đúng đắn.
Mọi người đều khen ông công bằng;
Đồng tiền, hạt gạo đều công bố,
Nhà lao sạch sẽ hợp vệ sinh.

Dịch thơ:

Làm việc đúng thay Lưu sở trưởng,
Ai ai cũng bảo bác công bình;
Đồng tiền, bát gạo đều công bố,
Sạch sẽ, lao tù rất vệ sinh.

Nam Trân *dịch*

街上

街上人爭看漢奸
漢奸與我本無干
無干仍是嫌疑犯
使我心中覺點寒

1. *Long An:* tên huyện thuộc tỉnh Quảng Tây, trên lưu vực sông Hữu Giang. Từ Quả Đức, tác giả bị giải chếch xuống phía Nam và dọc theo sông Hữu Giang xuống Nam Ninh.

Phiên âm:

NHAI THƯỢNG

Nhai thượng nhân tranh khán Hán gian,
Hán gian dữ ngã bản vô can;
Vô can nhưng thị hiềm nghi phạm,
Sử ngã tâm trung giác điểm hàn.

Dịch nghĩa:

TRÊN ĐƯỜNG PHỐ

Trên đường phố mọi người tranh nhau xem Hán gian,
Hán gian vốn chẳng liên can gì với ta;
Nhưng không liên can mà vẫn là người tù bị tình nghi.
Khiến lòng ta cảm thấy có chút ghê lạnh.

Dịch thơ:

Phố xá ùa nhau xem Hán gian,
Hán gian, mình rõ thực vô can;
Vô can mà vẫn nghi là phạm,
Nghĩ đến càng thêm nẫu ruột gan.

Nguyễn Báu *dịch*

夜半聞哭夫

嗚呼夫君兮夫君
何故夫君遽弃塵
使妾從今何處見
十分心合意投人

Phiên âm:

DẠ BÁN VĂN KHỐC PHU

Ô hô! Phu quân, hề phu quân!
Hà cố phu quân cự khí trần?
Sử thiếp tòng kim hà xứ kiến,
Thập phần tâm hợp ý đầu nhân.

Dịch nghĩa:

NỬA ĐÊM NGHE TIẾNG KHÓC CHỒNG

Than ôi! Chàng hỡi chàng!
Cớ sao chàng vội lìa bỏ cõi đời?
Khiến cho thiếp từ nay biết tìm đâu thấy,
Người bạn đời mười phần tâm đầu ý hợp!

Dịch thơ:

Hỡi ôi! Chàng hỡi, hỡi chàng ơi!
Cơ sự vì sao vội lánh đời?
Để thiếp từ nay đâu thấy được,
Con người tâm ý hợp mười mươi.

Nguyễn Sĩ Lâm *dịch*

寄尼魯

我奮斗時君活動
君入獄時我住籠
萬里遙遙未見面
神交自在不言中

二

我們遭逢本是同
不同的是所遭逢
我居友者圈圄裡
君在仇人梏桎中

Phiên âm:

KÝ NI LỖ

I

Ngã phấn đấu thì quân hoạt động,
Quân nhập ngục thì ngã trú lung;
Vạn lý dao dao vị kiến diện,
Thần giao tự tại bất ngôn trung.

II

Ngã môn tao phùng bản thị đồng,
Bất đồng đích thị sở tao phùng;
Ngã cư hữu giả chuyên linh lý
Quân tại cừu nhân cốc trất trung.

Dịch nghĩa:

GỬI NÊ RU [1]

I

Lúc tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Lúc anh vào ngục, tôi ngồi tù;
Muôn dặm xa xôi, chưa từng gặp mặt,
Nhưng mối giao cảm sâu xa đã sẵn trong chỗ không lời.

---

1. *Nêru*: tức Sri Jawaharlal Nehru (1889-1964); một chiến sĩ của nền độc lập Ấn Độ từ năm 1947 đến năm 1964. Từ tháng 12-1921 đến tháng 6-1945. Nêru từng bị bắt giam đến 9 lần. Thời gian Hồ Chí Minh bị giam ở Quảng Tây, Nêru cũng bị giam trong nhà tù thực dân Anh.

II

Cảnh ngộ của chúng ta vốn giống nhau,
Nhưng không giống nhau lại cũng là ở cảnh ngộ;
Tôi, trong nhà tù của người bè bạn,
Còn anh, trong xiềng xích của kẻ thù.

Dịch thơ:

I

Khi tôi phấn đấu, anh hoạt động,
Anh phải vào lao, tôi ở tù;
Muôn dặm xa vời chưa gặp mặt,
Không lời mà vẫn cảm thông nhau.

II

Đôi ta cảnh ngộ vốn không khác,
Cảnh ngộ giờ đây khác bội phần;
Tôi, chốn lao tù người bạn hữu,
Anh, trong gông xích bọn cừu nhân.

Hoàng Trung Thông *dịch*

遷江獄
1-12

籠外六十九人盎
籠中的盎不知數
監房却像刨藥堂
又像街上賣盎鋪

Phiên âm:

THIÊN GIANG NGỤC
1-12

Lung ngoại lục thập cửu nhân áng,
Lung trung đích áng bất tri số;
Giam phòng khước tượng bào dược đường,
Hựu tượng nhai thượng mại áng phố.

Dịch nghĩa:

NHÀ LAO THIÊN GIANG [1]
1-12

Ngoài lao sáu mươi chín cái ang người. [2]
Ang ở trong lao nhiều vô kể;
Buồng giam mà lại giống nhà bào chế thuốc,
Lại cũng giống hệt như cửa hàng bán ang ngoài phố.

Dịch thơ:

Ngoài lao sáu chín chiếc ang người,
Ang chất trong lao biết mấy mươi;
Nhà ngục mà như nhà chế thuốc,
Gọi là hàng chĩnh cũng không sai.

Băng Thanh *dịch*

*

---

1. *Thiên Giang*: một địa khu thuộc huyện Lai Tân, Quảng Tây, cách Tân Dương 49km về phía Bắc, cách huyện thành Lai Tân 42km.

2. *Ang người*: một loại đồ sành, ở Quảng Tây và một số địa phương phía Nam Trung Quốc dùng để táng người chết. Thông thường ang dùng trong lần cải táng, giống như tiểu sành ở Việt Nam, nhưng hình dáng thì giống như loại chum miệng rộng.

LIỄU CHÂU NGỤC [1]

NHÀ NGỤC LIỄU CHÂU

蒙優待

吃够飯菜睡够毡
又給零錢買報烟
主任梁公優待我
我心感激不勝言

1. Trong nguyên bản (viết tay), bài thơ này chỉ có đầu đề, không có thơ.

Phiên âm:

MÔNG ƯU ĐÃI

Ngật câu phạn thái thụy câu chiên,
Hựu cấp linh tiền mãi báo, yên;
Chủ nhiệm Lương công ưu đãi ngã,
Ngã tâm cảm khích bất thăng nghiên (ngôn).

Dịch nghĩa:

ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Ăn đủ cơm rau, ngủ đủ chăn đắp,
Lại cho tiền mua báo, mua thuốc hút;
Chủ nhiệm họ Lương ưu đãi ta,
Lòng ta cảm kích không thể nói xiết.

Dịch thơ:

Ăn có cơm rau, ngủ có mền,
Báo xem, thuốc hút: cấp cho tiền;
Ông Lương chủ nhiệm đãi ta hậu,
Cảm kích lòng ta, nói chẳng nên.

Huệ Chi *dịch*

*

伍科長黄科員

伍科長與黄科員
兩二見我太可憐
慇懃慰問和帮助
這像冬寒遇暖天

Phiên âm:

NGŨ KHOA TRƯỞNG, HOÀNG KHOA VIÊN

Ngũ khoa trưởng dữ Hoàng khoa viên,
Lưỡng nhị kiến ngã thái khả liên;
Ân cần ủy vấn hòa bang trợ,
Giá tượng đông hàn ngộ noãn thiên.

Dịch nghĩa:

KHOA TRƯỞNG HỌ NGŨ,
KHOA VIÊN HỌ HOÀNG

Khoa trưởng họ Ngũ và khoa viên họ Hoàng,
Hai người đến thăm thấy tình cảnh của ta rất đáng thương;

Ân cần thăm hỏi và giúp đỡ,
Thật giống như mùa đông rét mướt gặp được ngày nắng ấm.

Dịch thơ:

Họ Ngũ trưởng khoa với họ Hoàng,
Thấy ta cùng cực động lòng thương;
Ân cần thăm hỏi và cưu giúp,
Như nắng bừng lên giữa giá sương.

Huệ Chi *dịch*

*

楊濤病重

無端平地起波濤
送你楊濤入坐牢
城火池魚堪浩嘆
而今你又咳成癆

Phiên âm:

DƯƠNG ĐÀO BỆNH TRỌNG

Vô đoan bình địa khởi ba đào,
Tống nhĩ Dương Đào nhập tọa lao;
"Thành hỏa trì ngư" kham hạo thán,
Nhi kim nhĩ hựu khái thành lao.

Dịch nghĩa:

DƯƠNG ĐÀO [1] ỐM NẶNG

Không dưng đất bằng bỗng nổi sóng,
Đưa anh, Dương Đào, vào ngồi tù,
"Cháy thành vạ lây", đáng than thở biết mấy,
Mà nay, anh lại mắc chứng lao.

Dịch thơ:

Sóng dậy đất bằng hỏi cớ sao,
Đẩy anh vào ngục, anh Dương Đào;
Cháy thành lây vạ, buồn khôn xiết,
Nay lại thương anh mắc chứng lao.

Hoàng Trung Thông *dịch*

---

1. Dương Đào còn có tên là Dương Thuần Cương, người dân tộc Choang xã Ba Mông, huyện Tĩnh Tây, dẫn đường cho Hồ Chí Minh, cùng bị bắt và bị giam cầm với Người. Sau khi Hồ Chí Minh ra tù được ít lâu, Dương cũng được ra tù và chết tại Liễu Châu vì bệnh lao. Hồ Chí Minh rất thương tiếc coi như anh em. Tháng 8-1963, Hồ Chí Minh đã mời 7 vị có công giúp đỡ cách mạng Việt Nam ở hai huyện Tĩnh Tây và Nà Phạ (Quảng Tây) sang thăm nước ta, trong đó có Dương Thắng Cường, em ruột Dương Đào.

讀蔣公訓詞

百折不回向前進
孤臣孽子義當然
决心苦幹與硬幹
自有成功的一天

Phiên âm:

ĐỘC TƯỞNG CÔNG HUẤN TỪ

Bách chiết bất hồi, hướng tiền tiến,
Cô thần nghiệt tử, nghĩa đương nhiên;
Quyết tâm, khổ cán dữ ngạnh cán,
Tự hữu thành công đích nhất thiên.

Dịch nghĩa:

ĐỌC LỜI GIÁO HUẤN CỦA ÔNG TƯỞNG [1]

Trăm nghìn gian khó không lùi, vẫn cứ tiến,
Phận tôi con bơ vơ nhà tan nước mất, cái nghĩa phải như vậy;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Ắt sẽ có một ngày thành công.

1. *Ông Tưởng:* tức Tưởng Giới Thạch, Tổng tư lệnh quân đội Quốc dân đảng Trung Quốc lúc bấy giờ.

Dịch thơ:

Gian khó không lùi, vẫn tiến lên,
.Thù nhà nợ nước, nghĩa đương nhiên;
Quyết tâm gắng gỏi và kiên nghị,
Nhất định thành công sẽ có phen.

Đỗ Văn Hỷ *dịch*

*

梁華盛將軍升任副司令

昔日揮軍湘浙地
今年抗敵緬滇邊
顯赫威名寒敵胆
爲公預訟凱旋篇

Phiên âm:

LƯƠNG HOA THỊNH TƯỚNG QUÂN THĂNG NHẬM PHÓ TƯ LỆNH

Tích nhật huy quân Tương, Chiết địa,
Kim niên, kháng địch Miến, Điền biên;
Hiển hách, uy danh hàn địch đởm,
Vị công dự tụng khải toàn thiên.

Dịch nghĩa:

TƯỚNG QUÂN LƯƠNG HOA THỊNH [1] THĂNG CHỨC PHÓ TƯ LỆNH

Ngày trước chỉ huy quân đội ở đất Tương và Chiết, [2]
Năm nay chống giặc nơi biên giới Miến và Điền; [3]
Uy danh lừng lẫy làm kẻ thù mất mật,
Vì ông ca trước khúc khải hoàn.

Dịch thơ:

Đốc quân ngày trước vùng Tương, Chiết,
Chống giặc năm nay mạn Miến, Điền;
Lừng lẫy uy danh, thù mất mật,
Mừng ông, ca trước khải hoàn thiên.

Trần Đắc Thọ *dịch*

*

---

1. *Lương Hoa Thịnh*: là Trung tướng, nguyên Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Đệ Tứ Chiến khu ở Liễu Châu, Quảng Tây. Tháng 5-1943, được thăng Tư lệnh phó, Trương Phát Khuê làm Tư lệnh trưởng, còn Thiếu tướng Hầu Chí Minh làm chủ nhiệm thay Lương...

2. *Tương*: tỉnh Hồ Nam. *Chiết*: tỉnh Chiết Giang.

3. *Miến:* Miến Điện. *Điền*: tỉnh Vân Nam.

贈小侯(海)

幼而學也壯而行
上忠黨國下忠民
儉勤勇敢和廉正
毋負梁公教育情

Phiên âm:

TẶNG TIỂU HẦU (HẢI)

Ấu nhi học dã, tráng nhi hành,
Thượng trung đảng, quốc, hạ trung dân;
Kiệm cần, dũng cảm hòa liêm chính,
Vô phụ Lương công giáo dục tình.

Dịch nghĩa:

TẶNG CHÚ HẦU (HẢI) [1]

Bé thì phải học, lớn lên sẽ thực hành,
Trên trung với Đảng và nước, dưới trung với dân;
Cần kiệm, dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ cái tình dạy dỗ của ông Lương.

---

1. *Tiểu Hầu (Hải):* theo Hoàng Tranh (Trung Quốc) có thể là một nhân viên trẻ tuổi ở Đệ Tứ Chiến khu chính trị bộ, trực tiếp dưới quyền điều khiển của Chủ nhiệm Lương Hoa Thịnh.

Dịch thơ:

Bé thì phải học, lớn thì hành,
Với dân, đảng, nước, dạ trung thành;
Kiệm cần, dũng cảm và liêm chính,
Chớ phụ ông Lương dạy dỗ mình.

Đỗ Văn Hỷ *dịch*

*

因肚餓

從前送飯天天早
現在開餐遲又遲
況復時間不一定
十十一或十二時

Phiên âm:

NHÂN ĐỖ NGÃ

Tòng tiền tống phạn thiên thiên tảo,
Hiện tại khai xan trì hựu trì;
Huống phục thời gian bất nhất định,
Thập, thập nhất, hoặc thập nhị thì.

Dịch nghĩa:

NHÂN LÚC ĐÓI BỤNG

Trước đây ngày ngày đưa cơm rất sớm,
Bây giờ, bữa ăn đã muộn lại càng muộn;
Huống chi lại thêm thời gian không nhất định,
Lúc thì mười giờ, lúc lại mười một, hoặc mười hai giờ.

Dịch thơ:

Ngày ngày từ trước cơm đưa sớm,
Bữa bữa giờ đây cứ chậm hoài;
Huống nữa thời gian không nhất định,
Mười giờ, mười một hoặc mười hai.

Nam Trân *dịch*

*

陳科員來探

一年只見兵和警
今日看見儒雅人
雅人使我心興奮
我發黑反兩三分

Phiên âm:

TRẦN KHOA VIÊN LAI THÁM

Nhất niên chỉ kiến binh hòa cảnh,
Kim nhật khan kiến nho nhã nhân;
Nhã nhân sử ngã tâm hưng phấn,
Ngã phát hắc phản lưỡng tam phân.

Dịch nghĩa:

KHOA VIÊN HỌ TRẦN [1] TỚI THĂM

Quanh năm chỉ thấy lính và cảnh sát,
Hôm nay mới nhìn thấy người nho nhã;
Người nho nhã khiến lòng ta phấn chấn,
Tóc ta đen trở lại hai ba phần.

Dịch thơ:

Lính tráng tuần canh nhìn nhẵn mặt,
Hôm nay mới được gặp văn nhân;
Người trông nho nhã, ai không thích,
Mái tóc ta xanh lại mấy phần.

Huệ Chi *dịch*

*

1. *Khoa Viên họ Trần:* một nhân viên ở Đệ Tứ Chiến khu chính trị bộ, theo Hoàng Tranh thực ra là khoa trưởng.

侯主任恩贈一部書

頃承主任送書來
讀罷精神覺頓開
領袖偉言如在耳
天邊轟動一聲雷

Phiên âm:

HẦU CHỦ NHIỆM[1]
ÂN TẶNG NHẤT BỘ THƯ

Khoảnh thừa chủ nhiệm tống thư lai,
Độc bãi tinh thần giác đốn khai;
Lãnh tụ vĩ ngôn như tại nhĩ,
Thiên biên oanh động nhất thanh lôi.

1. *Hầu Chủ nhiệm:* tức Hầu Chí Minh, Chủ nhiệm Đệ Tứ Chiến khu chính trị bộ, người đã trực tiếp thả Hồ Chí Minh theo lệnh Tưởng Giới Thạch. Theo hồi ức của Hầu, ông ta có tặng Hồ Chí Minh quyển sách *Tam dân chủ nghĩa* của Tôn Trung Sơn, về sau Hồ Chí Minh đã dịch quyển này sang tiếng Việt. "Nhất bộ thư" ở đây có lẽ là quyển sách đó.

Dịch nghĩa:

CHỦ NHIỆM HỌ HẦU TẶNG MỘT BỘ SÁCH

Vừa rồi được Chủ nhiệm đem sách đến cho,
Đọc xong, thấy tinh thần đột nhiên mở mang;
Lời lãnh tụ như còn vẳng bên tai,
Khác nào một tiếng sấm ầm vang nơi chân trời.

Dịch thơ:

Sách ngài Chủ nhiệm mới đưa sang,
Đọc đoạn, tinh thần chợt mở mang;
Còn vẳng bên tai lời lãnh tụ, [1]
Chân trời một tiếng sấm rền vang.

Đỗ Văn Hỷ *dịch*

*

即景

樹稍巧畫張飛像
赤日長明關羽心
祖國終年無信息
故鄉每日望回音

1. *Lãnh tụ*: ở đây có lẽ là Tôn Trung Sơn.

Phiên âm:

TỨC CẢNH

Thụ sao xảo họa Trương Phi tượng,
Xích nhật trường minh Quan Vũ tâm;
Tổ quốc chung niên vô tín tức,
Cố hương mỗi nhật vọng hồi âm.

Dịch nghĩa:

TỨC CẢNH

Ngọn cây khéo vẽ hình Trương Phi, [1]
Mặt trời hồng sáng mãi lòng Quan Vũ; [2]
Tròn năm không được tin tức gì về đất nước,
Mong thư trả lời của quê nhà hàng ngày.

Dịch thơ:

Cành lá khéo in hình Dực Đức,
Vầng hồng sáng mãi dạ Quan Công;
Năm tròn cố quốc tăm hơi vắng,
Tin tức bên nhà bữa bữa trông.

Nam Trân *dịch*

*

1,3. Hai danh tướng nhà Thục Hán thời Tam Quốc. Trương Phi nổi tiếng về tính cương trực, dũng mãnh. Quan Vũ nổi tiếng về đức tính: tín, nghĩa, trung, dũng. Hai người cùng là anh em kết nghĩa của Lưu Bị.

結論

幸遇英明侯主任
而今又是自由人
獄中日記從今止
深謝侯公再造恩

29-8-1942
10-9-1943

完

Phiên âm:

KẾT LUẬN

Hạnh ngộ anh minh Hầu Chủ nhiệm,
Nhi kim hựu thị tự do nhân;
Ngục trung nhật ký tòng kim chỉ,
Thâm tạ Hầu công tái tạo ân,

29-8-1942
10-9-1943
Hoàn

Dịch nghĩa:

KẾT LUẬN

May mắn gặp được Chủ nhiệm họ Hầu sáng suốt,
Mà nay ta lại là người tự do;
Nhật ký trong tù chấm dứt từ đây,
Cảm tạ khôn xiết công ơn tái tạo của ông Hầu.

Dịch thơ:

Sáng suốt, nhờ ơn Hầu chủ nhiệm,
Tự do trở lại với ta rồi;
Ngục trung nhật ký *từ đây dứt,*
Tái tạo ơn sâu, cảm tạ người.

29-8-1942
10-9-1943
Hết

Khương Hữu Dụng *dịch*

*



Tranh của đồng chí Hồ Chí Minh in trên báo Việt Nam độc lập *(1942): Tây, Nhật và dân ta.* Ảnh: Viện bảo tàng Cách mạng.

TẶNG CỤ ĐINH CHƯƠNG DƯƠNG [1]

Quan san muôn dặm gặp nhau đây,
Mục đích chung là đuổi Nhật, Tây.
Dân bị hai tròng vào một cổ,
Ta liều trăm đắng với ngàn cay.
Già dù yếu sức mang mang nhẹ,
Trẻ cố ra công gánh gánh đầy.
Non nước của ta, ta lấy lại,
Nghìn thu sự nghiệp nổi từ đây.

Liễu Châu, 1943

Thơ Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1970, tr. 46.

TẶNG CHÁU NÔNG THỊ TRƯNG [2]

Vở này ta tặng cháu yêu ta,
Tỏ chút lòng yêu cháu gọi là.
Mong cháu ra công mà học tập,
Mai sau cháu giúp nước non nhà.

1944

Thơ Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn học,
Hà Nội, 1970, tr. 47.

---

1. Đinh Chương Dương, người xã Lộc Liêm (nay là xã Hải Lộc), huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Là một nhà yêu nước, cụ xuất dương và hoạt động cách mạng ở nước ngoài từ thời trẻ. Trong khi hoạt động cách mạng, cụ nhiều lần bị địch bắt giam. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, cụ trở về nước và được bầu là đại biểu Quốc hội khóa I. Sau năm 1954, vì già yếu, cụ về an dưỡng tại Hà Đông và mất năm 1972.

Bài thơ trên đây, đồng chí Hồ Chí Minh viết khi gặp cụ Đinh Chương Dương ở Liễu Châu.

2. Nông Thị Trưng, nữ thanh niên người dân tộc Tày (xem hồi ký trong tập *Một lòng theo Bác*, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1967). Bài thơ này là lời đề tặng Nông Thị Trưng, của đồng chí Hồ Chí Minh ghi trên trang đầu tác phẩm *Phép dùng binh*... do Người biên dịch.

ĐÁNH DU KÍCH NHƯ ĐÁNH CỜ...

(Trích)

TIỂU DẪN. – Để chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, từ năm 1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã chỉ thị tổ chức Đội tự vệ vũ trang ở Cao Bằng. Từ những năm đó cho đến khi Cách mạng Tháng Tám thắng lợi trong toàn quốc, Người đã tự tay biên soạn một số tài liệu quan trọng về chiến thuật du kích. Người còn sáng tác một tập truyện ký, gồm mười hai chương và một phần kết luận.

Mở đầu tác phẩm đó là lời đề từ: "Đánh du kích không cần phải có sức mạnh... Hễ là người có lòng yêu nước, không chịu làm nô lệ, lại có một chút gan dạ và mưu trí, thì bất kỳ trai gái, già trẻ, bất kỳ có súng hay không đều có thể đánh du kích".

Sau đây chúng tôi xin trích in tác phẩm này, dựa theo văn bản in lần thứ hai, năm 1948, của Nhà xuất bản Sự thật. Đầu đề chung cho các đoạn trích là do chúng tôi tạm đặt, dựa theo ý một câu thơ của tác giả trong chương XII tác phẩm này.

I

Một ông già, một sợi dây,
Làm cho điêu đứng một bầy địch nhân.

Một người nông dân ở tỉnh H.B., tên là Trần Trí, vì già yếu mà không được vào đội du kích. Ông Trí nghĩ rằng già yếu cũng là quốc dân. Quốc dân thì phải giúp nước kháng chiến. Không được vào bộ đội, một mình ta cũng đánh du kích được.

Một đêm, trời tối như mực, lại thêm mưa phùn, ông Trí ăn cơm xong rồi liền từ nhà ra đi. Vợ con hỏi ông đi đâu, ông nói qua chơi làng bên cạnh. Vì muốn giữ bí mật, nên ông phải nói dối. Kỳ thực ông đi đánh du kích.

Hôm trước, ông Trí đã dò biết rõ ràng ở làng Kim có 100 lính địch đóng. Xung quanh đồn, chúng cắm cọc chăng dây thép và treo nhiều đục đạc, phòng đêm bị du lích đánh úp, đục đạc kêu ầm ĩ,

chúng sẽ biết mà chống giữ. Gần đồn thì có một đám nghĩa địa...

Tối hôm đó, ông Trí khe khẽ bò đến gần đồn, cột dây thừng vào một sợi dây thép, rồi lại khe khẽ bò ra núp vào nơi nghĩa địa.

Chừng 9, 10 giờ tối, ông Trí cầm dây thừng giật mấy cái. Đục đạc kêu om sòm, quả nhiên lính địch nghe tiếng động tưởng du kích đánh vào. Trời lại tối đen không trông thấy gì hết. Lính địch ra sức bắn một hồi lâu, không thấy du kích xung phong, mới dám thôi bắn.

Cách vài tiếng đồng hồ, ông Trí lại giật. Lính địch lại bắn. Mỗi lần ông Trí giật là mỗi lần giặc bắn tứ tung.

Bốn, năm lần như thế, thì trời gần sáng. Ông Trí bò vào mở dây thừng ra, cuộn lại tử tế rồi đi đường tắt về nhà, bình yên vô sự. Chỉ mất ngủ một đêm mà ông Trí đã làm cho địch hao tổn bao nhiêu tinh thần, và mất hàng vạn viên đạn chỉ nhờ một sợi dây!

II

Tuổi nhỏ mà gan thì to,
Đem hai thứ trứng bán cho quân thù.

Em Nam 11 tuổi là nhi đồng làng Thượng Xá. Em giúp việc giao thông cho đội du kích. Nhưng mỗi khi đi đánh úp, đội trưởng không dám cho em đi theo, vì em còn ít tuổi.

Ngày gần hết, địch kéo đến gần làng Hạ Xá. Dân làng đã làm "vườn không nhà trống", của cải, trâu bò, lương thực đã sơ tán sạch. Địch không tìm được một hột gạo, một con gà nào, đói lắm. Muốn đi nữa thì mệt quá rồi, và trời gần tối, không dám đi xa nữa.

Em Nam biết vậy, về nhà lấy ba quả trứng gà, đi xuống làng Hạ Xá. Gần đến cổng làng thì thấy 6, 7 lính địch đang thơ thẩn ở đó. Em Nam cố ý làm cho chúng nhìn thấy mấy quả trứng gà đang cầm ở tay.

Quả nhiên, bọn lính địch thấy trứng thì ùa nhau lại. Khi chúng đến gần em Nam chừng mươi thước, thì thình lình có một tiếng nổ long tai điếc óc, và cả 6 tên địch đã ngã lăn xuống trong vũng máu. Còn Nam cũng biến đi đâu mất.

Sự thật là thế này: khi em Nam đi xuống làng Hạ Xá, trong tay thì cầm ba quả trứng mà sau lưng thì giắt một quả lựu đạn. Khi bọn

lính địch đến gần thì Nam tương quả lựu đạn vào giữa đám chúng nó rồi vứt luôn cả trứng, chui nhanh vào bụi lén về nhà.

Quân địch nghe tiếng nổ, tưởng là du kích đã xông đến, vội vàng kéo nhau ra bắn lung tung. Thế là một em bé 11 tuổi chỉ mất có ba quả trứng gà mà giết được 6 lính địch, lại làm cho lính địch hoảng sợ và hao tổn rất nhiều thuốc đạn.

Thường thường, các em nhi đồng thấy địch đến đóng chỗ nào, thì chẳng những đi do thám rồi báo tin cho du kích, các em đó lại phao tin cho đến tai địch rằng mấy trăm nghìn du kích sắp từ đâu kéo đến, làm cho địch hoảng sợ không dám đóng lại trong làng.

III

Tuổi già, gan lại càng già,
Làm cho địch biết tay bà cao mưu.

Quân địch kéo đến gần làng Phú Mã. Dân làng làm xong "vườn không nhà trống" tản cư hết, trừ những thanh niên thì nấp kín ở các bụi bờ, chờ dịp đánh úp quân địch.

Bà cụ Trương, 70 tuổi, nhất định không tản cư, dù con cháu, bà con khuyên dỗ mấy, bà cụ cũng không nghe. Bà cụ lại bảo con cháu để lại một ít lương thực và chăn chiếu. Thấy vậy, ai cũng tưởng bà cụ muốn ở lại lâu trong làng.

Quân địch đến, lùng khắp làng, chẳng thấy vật gì ăn được. Khi đi đến nhà bà cụ Trương, thấy giường chiếu sạch sẽ, lại có gạo, có thức ăn. Hơn nữa còn mấy chai rượu! Cố nhiên, chỗ tốt như thế, phải để cho quân địch đóng.

Nào... tham mưu trưởng, gì gì trưởng, tất cả 9 người quân địch đến đóng tại nhà bà cụ Trương. Trời tối, bụng đói, chúng lập tức bắt cụ Trương làm cơm cho chúng ăn.

Chà! Thức ăn bà cụ làm khéo quá! Rượu của bà cụ ngon quá! Không ngon sao 9 người chưa uống hết hai chai mà đã gục lên gục xuống. Sau nửa tiếng đồng hồ, chúng đều nằm ngáy khò khò.

Bà cụ thong thả cởi lấy 9 khẩu súng lục và mấy cái cặp da đựng giấy. Ôi! nặng quá, mang sao hết. Bà cụ chỉ mang được vài khẩu, còn

bao nhiêu thì giấu vào bụi kín. Xong đâu đấy, bà cụ khóa trái cửa lại, nhen bốn góc nhà bốn đám lửa, rồi lẻn ra khỏi làng.

Bọn thanh niên thấy lửa cháy đánh úp vào. Trong thì cháy, ngoài thì du kích ùa vào, mấy quan chỉ huy chết cháy hết, quân địch như rắn không đầu, người bị du kích giết, người chạy trốn.

Thế là do mưu trí và lòng hy sinh mà bà cụ đã 70 tuổi cũng đánh du kích thắng lợi. Đội du kích nam nữ trong làng lại nhờ được bà cụ Trương mà lấy được nhiều súng ống của địch.

*

* *

Một bà cụ nữa thì giúp đội du kích một cách khác.

Lều bà cụ ở một bên đường. Trên đường đó, xe địch thường đi qua. Đội du kích muốn đánh úp các toán xe của địch, nhờ bà cụ do thám. Địch có nhiều thứ xe, nào xe tăng, nào thiết giáp, xe cam nhông, v.v... Bà cụ không biết chữ để chép, nhớ thì nhớ sao cho hết, mà tin tức không đích xác thì du kích không đánh được.

Bà cụ nghĩ ra một cách rất khéo. Cụ lấy mấy thứ đậu, đậu xanh, đậu đỏ, đậu trắng, v.v... Thấy một xe ô tô đi qua, cụ bỏ một hột đậu xanh vào một cái bát; một xe tăng đi qua thì bỏ một hột đậu đỏ. Mỗi thứ đậu đại biểu cho một thứ xe.

Mỗi ngày một lần, bà cụ bí mật gửi cho đội du kích một nắm đậu, không cần nói gì hết. Đội du kích cứ xem nắm đậu mà đặt kế hoạch. Trận nào địch cũng bị thua.

Thế là: có lòng sốt sắng yêu nước, thì không mưu cũng nghĩ ra mưu, không gan rồi cũng có gan, mà ai cũng có thể đánh du kích, giúp du kích.

IV

Không súng thì đánh bằng dao,
Có mưu, có kế, súng nào thiếu chi.

Anh Nhân là một học sinh, 23 tuổi, ở tỉnh S. Anh cùng 12 người công nhân, nông dân và bạn học, tổ chức một tiểu đội du kích, chỉ có giáo mác, chuyên môn đi phá hoại. Tuy phá hoại có thành công, nhưng ai cũng băn khoăn vì không có súng.

Một hôm, quân địch kéo qua làng. Dân làng biết trước đã làm "vườn không nhà trống", kéo lên núi hết. Đội du kích của anh Nhân ở lại trong làng, bị quân địch bắt làm phu chở khí giới cho chúng.

Mấy người đẩy xe nhỏ, chở lương thực và súng đạn đi trước, bốn người đẩy một khẩu đại bác đi sau. Quân địch kéo đi sau hết. Trời nắng to, đường thì đường núi. Quân địch mệt mỏi, chậm rãi đi theo. Mấy người phu rán sức đẩy xe lên núi.

Khi lên đến một chỗ dốc rất cao, lại có đường rẽ, thình lình cả xe, cả đại bác từ trên lăn xuống như mưa sa, sấm dậy. Bọn lính đi trước tránh không kịp bị xe dằn chết hết. Bọn đi sau tưởng bị du kích đánh úp, đâm đầu chạy hết.

Khẩu đại bác lăn xuống dốc rồi rơi xuống hố. Mấy xe lương thực, súng đạn thì chuồn vào rừng. Còn mấy người công nhân lẻn theo đường tắt mò xuống hố, tháo khẩu đại bác ra từng đoạn rồi mang về rừng.

Thế là đội du kích anh Nhân, chỉ có hai bàn tay trắng, nhưng nhờ có gan, có mưu, mà giết được 20 lính, lấy được rất nhiều khí giới.

Từ hôm đó, đội anh Nhân chẳng những có súng mà lại có cả đại bác. Chẳng những đủ súng cho các đội viên mà lại còn thừa súng và giáo mác để mộ thêm đội viên mới.

Hơn nữa, nhờ trận thắng lợi đó mà danh tiếng của đội lừng lẫy, càng được dân chúng ủng hộ và phát triển rất mau.

V

Du kích mà có mưu cao,
Ít người có thể tiêu hao quân thù.

Bốn chàng thanh niên làng Ngũ Phúc do anh Kha cầm đầu, hăng hái, muốn tổ chức đội du kích. Nhưng khốn nỗi không có súng ống, chỉ có mấy con dao. Vả lại ít tuổi, kêu gọi ít người nghe. Song anh Kha là người bền gan, thường bảo ba người kia rằng: một là phải luyện tập, hai là do thám quân địch, ba là phải chờ dịp tốt.

Dịp tốt quả nhiên đến, không phải chờ lâu.

Tại làng Đa Thọ, cách Đa Phúc 14 cây số, có 50 lính địch đóng. Bốn thanh niên ta dò biết từng ly từng tí chúng nó canh gác thế nào, ăn ngủ thế nào, v.v...

Một đêm mưa to sấm sét như trời sa đất lở, bốn chàng thanh niên lặng lẽ vác dao đi. Mò gần đến cửa đồn, hai người bò đến sau lưng hai tên lính gác. Chưa đầy nháy mắt, hai tên lính địch đã rơi đầu. Rồi thì bốn người, hai dao, hai súng, xông vào đồn. Lúc họ vào đồn thì như cọp vào bầy dê, vì quân địch đang còn ngủ kỹ, tha hồ họ chặt.

Sau khi đã giết được hơn mười tên địch, bọn kia tỉnh dậy mắt nhắm mắt mở, hoảng hốt không biết là du kích đông hay là ít, đứa thì vơ được cái áo, đứa thì vơ được đôi giày, rồi đâm đầu chạy.

Trận đó chỉ có 4 thanh niên, mà đốt được một cái đồn, giết được 25 tên địch và lấy được hơn 40 khẩu súng.

Cách vài hôm sau, đội du kích anh Kha từ 4 người đã phát triển thành 100 người, vừa dao vừa súng.

VI

Đàn bà dễ có mấy tay,
Đời xưa mấy mặt, đời này mấy gan.

Bà cụ Triệu là người buôn bán nhỏ, đã 60 tuổi (...). Khi bà đi khuyên dân tổ chức du kích, thì ai cũng cười... là dân không có súng đánh thế nào..., một cụ già, cầm quân khiển tướng sao được?

Ai cười mặc họ, lòng bà đã quyết, bà nhất định làm được. Cách ít lâu, bà tổ chức được một đội gần 100 người vừa đàn ông, vừa đàn bà, vừa trẻ con.

Tại vùng Tân Dân, có một đại đội địch đóng, hơn 300 người. Một đêm, trời tối, trong một lùm cây rậm, cách địch chừng vài cây số, thoạt có hai tiếng chim kêu. Một chốc, có một tiếng đàn bà khe khẽ hỏi: Xong chưa? Một tiếng khác khe khẽ trả lời: Thưa cụ, xong rồi.

Đến chừng canh một, về phía Đông của quân địch, bỗng có tiếng ồn ào, tiếng trống, tiếng mõ, tiếng súng, tiếng hàng nghìn người la hét. Chắc là đại đội du kích kéo đến. Tiếp đến tiếng súng đùng đùng của địch trong đồn bắn ra, sau vài mươi phút mới im lặng.

Qua canh hai, canh ba, canh tư, thì phía Tây, phía Nam, phía Bắc lại có du kích ồn ào đến như trước. Địch trong đồn cũng bắn ra dữ tợn như trước.

Gần sáng, bà cụ Triệu và gần 90 nam nữ đội viên lặng lẽ mò vào đồn địch. Lúc bấy giờ, một mặt quân địch nghĩ rằng: trời gần sáng rồi, du kích không dám quấy rối nữa, một mặt cả đêm chúng không được ngủ, tên nào tên ấy đều mỏi mệt gần chết. Đội của bà cụ Triệu nhân dịp đó kéo vào, tha hồ tung hoành.

Vì khéo dùng nghi binh (bốn đám du kích ồ ạt cả đêm, đều là dân làng đánh trống đánh mõ, đốt pháo reo hò, chứ có phải du kích thật đâu) mà bà cụ Triệu đem một sức rất nhỏ, đánh được một toán địch rất to.

Từ đó, nhân dân và các đội du kích đều gọi bà cụ Triệu là "Mẹ du kích". Mà địch nghe nói đến tên bà cụ Triệu là sợ.

VII

Chớ rằng son phấn là hèn,
Cô Lan đã tỏ mấy phen anh hùng.

Cô Lan là nữ học sinh, 20 tuổi.

... Ngày địch chiếm H.N. và các tỉnh xung quanh, cô Lan giả làm một người nông dân chạy đến phủ Đ. Cô xin làm con nuôi một bà cụ già mà con cháu đã bị địch giết hết. Giúp việc nhà bà cụ rồi, cô đi giúp việc hàng xóm. Tắm rửa cho trẻ con, xay lúa giã gạo, gặp việc gì cô cũng làm. Thành thử ai cũng yêu. Đầu thì cô kết nghĩa làm chị em với đàn bà trong làng, sau thành chị em của cả đàn ông. Cả làng đều hóa ra bà con của cô, vì cô khéo ở khéo nói, cho nên ai cũng nghe lời. Lúc đó cô bắt đầu tổ chức đội du kích.

Bất kỳ ở đâu, nói đến tổ chức du kích, thì người ta hỏi: súng đâu? Bất kỳ bao giờ, những người đứng ra tổ chức đều trả lời: phải cướp súng của địch. Cô Lan cũng thế.

Trước hết, cô Lan cho mấy người vào phủ do thám kỹ càng, địch đóng những nhà nào, đường nào, súng đạn, lương thực chúng cất ở đâu, v.v...

Biết rõ tình hình của địch rồi, cô Lan phái một số nông dân vào ở lẫn với dân trong phủ. Hôm sau phụ nữ trong phủ đi hái củi, khi đi thì ít, khi về thì đông. Trong mỗi bó củi đều có lựu đạn hoặc gươm dao.

Khuya hôm đó, thình lình lửa cháy tứ bề. Địch lo cứu kho lương thực. Còn du kích thì trong đánh ra, ngoài đánh vào. Địch chạy phía nào cũng bị đánh chặn. Một trung đội của địch bị tiêu diệt hết.

Trận này thắng lợi to, một là vì cô Lan mưu cao, gan cả. Hai là nhờ chị em phụ nữ gan góc, kiên quyết. Ba là nhờ dân trong phủ sẵn sàng hy sinh, mình tự đốt nhà mình mà không tiếc. Tiêu diệt xong quân địch, mọi người ra sức chữa lửa.

Bao nhiêu lương thực, tiền bạc lấy được của địch đem phát cho dân. Còn khí giới thì đem về để phát triển đội du kích.

VIII

Du kích phải cho khôn ngoan.
Tuy người ít cũng đánh tan quân thù.

Ông Lê Ba là một vị giáo sư gần 30 tuổi,... Ban đầu, ông Lê cùng mươi cậu học sinh tổ chức một đội du kích, mỗi người chỉ có một con dao để hộ thân, ngoài ra chẳng có khí giới gì khác.

Mỗi đêm trời tối, thầy trò dắt nhau đi, mò đến xung quanh nơi địch đóng, đốt mấy cái pháo. Thế là địch bắn tứ tung. Thầy trò lại kéo nhau đến nơi khác. Mục đích ông Lê là cốt làm cho địch tốn đạn dược và tinh thần.

Dần dần có nông dân vào đội, được vài khẩu súng kíp, ông Lê chỉ đánh úp bọn địch lẻ tẻ như đội vận tải nhỏ và những lính địch đi tìm thức ăn. Đánh trận nào cũng được. Địch giận quá, treo giải thưởng 10 vạn đồng để bắt ông Lê. Từ đó, tiếng ông Lê lại càng to.

Chiều ngày 1 tháng 2 năm 1943, một bọn lính địch súng ống hẳn hoi, giải một người đeo gông đến phủ T.Đ. để giao cho quân địch đóng ở đó. Địch giở giấy xem thì giấy viết rằng: người đeo gông tức là Lê Ba.

Địch mừng rỡ, xúm nhau lại xem Lê Ba.

Bất thình lình Lê Ba quát một tiếng, gông liền rơi xuống, dao rút ra ngay. Trong nháy mắt bọn địch xung quanh đều hồn về chín suối. Mấy người giả làm quân địch ào ạt xung phong, người thì dùng dao, người thì ném lựu đạn.

Vì xuất kỳ bất ý, địch ngơ ngác trở tay không kịp, hơn 60 tên bị

tiêu diệt hết, không còn mống nào.

Ông Lê Ba lấy một số súng ống, còn bao nhiêu phát cho dân ở phủ, tổ chức ngay một đội du kích mới, rồi để lại một người có kinh nghiệm giúp họ.

IX

Tiếng đồn du kích công nhân,
Đánh đâu được đó xa gần ngợi khen.

Hai mươi anh em công nhân xe lửa N. tự tổ chức một đội du kích do anh Phi Hổ chỉ huy. Cũng như các đội du kích khác, đội Phi Hổ lúc đầu cũng chẳng có khẩu súng nào. Về sau cướp được của địch mới có súng mà dùng.

Đội Phi Hổ mỗi đội viên chỉ có một cái búa, một cái kìm và một vài thứ đồ sắt lặt vặt. Họ chuyên môn tháo đường xe lửa, làm cho địch đã bị đổ xe nhiều lần, chết người, hại của vô số.

Sau mấy lần, địch đổ xe, đội Phi Hổ hôi được súng, thì chuyên môn hai việc, một mặt phá xe lửa, một mặt đánh úp đội vận tải của địch.

Cách đội Phi Hổ làm rất giản đơn. Trước hết phải do thám rõ ràng xe địch đi đường nào. Hai là chiều tối chúng đến nơi nào. Biết rõ ràng rồi, đội Phi Hổ tìm chỗ có địa thế tốt, có cây cối, căng một sợi dây thép bên này qua bên kia đường, cao bằng nửa đầu xe. Rồi im lặng mai phục hai bên đường.

Trời chiều, bóng cây tối. Lính lái xe vội chạy cho mau. Xe trước húc vào dây thép, hoặc đổ lăn ra, hoặc lao xuống vệ đường. Thế nào xe sau cũng húc vào xe trước. Thế nào lính địch cũng nhảy xuống xe. Lúc đó, đội du kích nấp sẵn trong bụi cây, cứ mỗi viên đạn là một tên địch.

X

Nói ra chắc ít người tin,
Hai mươi du kích phá nghìn địch quân.

Nếu ai nói rằng hai mươi đội viên du kích giết hơn một trăm địch và cản hơn một nghìn địch không tiến lên được, thì chắc ít người tin. Sự thật lại có như vậy.

Huyện T.Đ. trước bị địch chiếm. Sau một đội du kích đánh bật địch ra khỏi huyện, lấy làm căn cứ địa tạm thời.

Cách T.Đ. chừng 30 cây số, làng Phú An, có địch đóng. Từ Phú An đến T.Đ. hai bên đều núi, giữa chỉ có một con đường.

Đội du kích dò biết rằng: bọn địch ở Phú An quyết đến đánh trả thù. Nhưng vô luận thế nào cũng phải ngăn địch lại một ngày mới đủ thì giờ bố trí.

Tiểu đội trưởng Lai xin đem 20 người cảm tử đi cản địch.

Trời lờ mờ sáng, địch vừa kéo đến một đoạn đường thì thình lình nghe một loạt súng hai bên núi bắn xuống. Địch không kịp phòng bị, đã thiệt hơn 10 tên.

Mấy người du kích nấp chỗ này bắn một phát, rồi lại chạy nấp chỗ kia bắn một phát. Thành thử địch không biết du kích đông hay ít. Địch phái lính lên núi dò. Tên nào trèo lên nửa chừng cũng bị đá trên núi lăn xuống chết hết. Kết quả là suốt ngày đó, địch chết hơn 100 tên, mà không qua lọt, đành phải kéo lui.

Thế là 20 người có gan, có mưu, biết lợi dụng địa thế, đã đại thắng địch quân.

XI

Tiếng đồn du kích Văn Tân,
Dùng địch quân đánh địch quân mới cừ.

Văn Tân cũng là một đội du kích có tiếng. Nhiều khi đội đó kéo đến một làng gần nơi địch đóng, rồi bảo dân làng đi báo. Dân làng không biết mưu của họ, không nỡ đi báo, sợ địch làm hại đến anh em du kích. Phải khuyên mãi dân làng mới chịu đi.

Địch nghe tin, hăm hở kéo đến vây đánh. Nhưng chưa đến nơi, đã bị đội Văn Tân mai phục đánh cho tan hoang.

Một hôm trời tối, đội Văn Tân chia ra, kéo đến hai làng gần nhau, rồi bảo cả hai làng đi báo cho hai nơi có địch đóng biết. Đồng thời phái đội viên nấp sẵn các nẻo đường địch phải đi qua. Địch đến đâu thì chạy về báo cáo ngay.

Khi biết tin hai toán địch đã gần nhau, đội Văn Tân mò vào

quãng giữa bắn lung tung. Hai toán địch bắt đầu bắn lại, thì đội du kích chuồn đi im phăng phắc.

Toán địch này tưởng toán địch kia là du kích. Toán địch kia tưởng toán địch này là du kích. Hai toán đều ra sức bắn nhau. Khi biết là lầm thì đã thiệt hại nhiều rồi.

Lúc hai toán địch còn đang "anh xin lỗi tôi, tôi xin lỗi anh", thì lại bị đội Văn Tân lẻn đánh úp sau lưng cả hai toán. Địch lại chết một mẻ nữa.

Thế là, nếu du kích khôn khéo, thì có thể lấy súng địch bắn địch, dùng lính địch đánh lại địch.

XII

Du kích cũng như đánh cờ,
Mưu cao, kế khéo bao giờ cũng ăn.

Ai đánh du kích thì phải nhớ kỹ bốn điều này: một là phải dò rất rõ ràng, kỹ lưỡng quân địch; hai là tin tức phải hết sức nhanh chóng; ba là việc của mình phải hết sức bí mật; bốn là kế hoạch rất đầy đủ và khôn khéo.

Đội L.H. luôn luôn thắng lợi, là vì làm đúng bốn điều đó.

Một đội 25 chiếc xe địch sắp từ N.L. kéo đi. Đội L.H. dò biết rõ ràng, tính đúng giờ nào nó sẽ đi đến đâu, mai phục sẵn sàng. Khi đoàn xe địch đi qua, bị du kích đánh tan hết.

Người tướng địch cũng giỏi. Nó đoán rằng theo phép dùng binh, du kích không bao giờ liên tiếp mai phục hai lần ở một chỗ. Vậy nên nó lại phái 25 chiếc xe cứ đi qua đường đó.

Nhưng đội L.H. lại giỏi hơn tướng địch. Đội L.H. nghĩ rằng địch chắc ta không dám mai phục lần nữa, vì vậy nó không đề phòng. Lần này chắc lại thắng lớn. Quả nhiên lần thứ hai địch cũng thua tan tành.

Tướng địch tức giận. Nó cho phao tiếng đồn rằng sẽ có một toán xe nữa đi đường đó. Trước khi xe đi, nó đã phái quân mai phục sẵn.

Nhưng khi quân địch đến chỗ chúng muốn mai phục, thì đã bị bộ đội L.H. mai phục trước, đánh cho chúng hoảng một lần thứ ba.

Thế là đội L.H. thắng luôn ba trận tại một chỗ, trước hết là vì suy đoán giỏi.

KẾT LUẬN

... Hễ có lòng yêu nước, ghét địch, hễ có một chút mưu trí, thì bất kỳ đàn ông, đàn bà, người già trẻ con, ai cũng có thể đánh du kích. Thiếu súng thì cướp của địch mà dùng... Không trực tiếp đánh du kích được, thì cũng có thể giúp nhiều công việc cho đội du kích, như do thám quân địch, đưa tin tức, giúp lương thực, áo quần, phá hoại đường sá, cầu cống, giúp đỡ những đội viên bị thương, v.v...

Đồng thời mỗi đội du kích, mỗi đội viên du kích phải nhớ rõ câu này:

Du kích như cá, dân chúng như nước.
Được dân chúng yêu, việc gì cũng được.

Muốn dân chúng tin mình, phục mình, yêu mình, thì mình phải kính trọng, thương yêu dân chúng. Bất kỳ việc to, việc nhỏ, phải ra sức giúp đỡ dân chúng. Dù một cái kim, một sợi chỉ cũng không xâm phạm đến của dân. Đối với sự tôn giáo, tín ngưỡng của dân chúng, mình phải kính trọng. Có như thế, dân mới yêu. Dân có yêu, du kích mới vững.

Các đội viên du kích lại phải siêng nghiên cứu để học thêm kinh nghiệm, mới có thể mỗi ngày một tiến bộ...

CÁCH MẠNG TIÊN CÁCH TÂM

TIỂU DẪN. – Đầu năm 1945, đồng chí Thế Xương nhận được thư của đồng chí Hồ Chí Minh gọi về họp ở Tân Trào. Sau khi họp chung xong, đồng chí Hồ Chí Minh hỏi riêng đồng chí Thế Xương có nắm vững nội dung cuộc họp không? Biết Thế Xương hiểu chữ Nho, Người đã đọc cho đồng chí ghi bài văn dưới đây để đồng chí nhớ làm phương châm tu dưỡng và hành động. Bài văn này đã được công bố trong hồi ký của đồng chí Thế Xương *(Những kỷ niệm về Bác*, Nhà xuất bản Việt Bắc, 1973, tr. 105). Đầu đề bài văn là do chúng tôi tạm đặt.

革命先革心

革命先革心
改造社會先改造自己
檢肅[2]深心
厲行自承[1]批評
先之以自己修身
繼之以教化部屬
繼之以感應民眾

Phiên âm:

Cách mạng tiên cách tâm,
Cải tạo xã hội tiên cải tạo tự kỷ.
Kiểm túc (?) thâm tâm,
Lệ hành tự thừa phê bình.
Tiên chi dĩ tự kỷ tu thân,
Kế chi dĩ giáo hóa bộ thuộc,
Kế chi dĩ cảm ứng dân chúng.

Dịch nghĩa:

Làm cách mạng trước hết phải cách mạng tấm lòng,
Cải tạo xã hội trước hết phải cải tạo bản thân mình.
Kiểm điểm sâu sắc tận nơi đáy lòng,
Nghiêm khắc thực hành tự phê bình.
Trước tiên hãy tự mình tu sửa bản thân,
Kế đó mới dạy bảo cấp dưới,
Sau nữa làm cho quần chúng đồng lòng.

Tân Trào, đầu năm 1945

Những kỷ niệm về Bác.
Nhà xuất bản Việt Bắc,
1973, tr. 105.



Tranh của đồng chí Hồ Chí Minh, in trên báo Việt Nam độc lập *(1945): Năm giới sĩ, nông, công, thương, binh... Tranh in đá.* Ảnh: Viện bảo tàng Cách mạng.

NHỮNG VẦN THƠ CỔ ĐỘNG

TIỂU DẪN. – Tháng 6-1945, Khu giải phóng gồm sáu tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang được thành lập. Cao trào kháng chiến chống Nhật phát triển mạnh mẽ. Báo *Việt Nam độc lập* số ra ngày 25-6-1945, có in họa bản gồm 5 hình vẽ kèm theo thơ phụ đề cho từng bức tranh. Tất cả số thơ và tranh này đều là của đồng chí Hồ Chí Minh.

Hai hình bên trái có ghi bốn câu thơ (A) nói về sức mạnh của thanh niên và kêu gọi thanh niên tiến lên đánh bại bọn đế quốc và tay sai.

Hình góc dưới bên phải có ghi bốn câu thơ (B) kêu gọi các cụ phụ lão hô hào động viên con cháu đánh đuổi phát xít Nhật.

Hình vẽ chính giữa có ghi bốn câu thơ (C) kêu gọi toàn dân đoàn kết, đấu tranh giành Độc lập, Tự do.

Sau đây là những câu thơ rút ra từ họa bản đó. *Những vần thơ cổ động* là đầu đề do chúng tôi tạm đặt.

(A)

Thanh niên sức mạnh vô vàn,
Tuốt dao trỗi dậy đập tan quân thù.
...
Thề cùng quân giặc phen sống mái,
Phá tan xiềng xích dựng nước nhà.

(B)

Đáng kính thay bậc lão nhân,
Phơ phơ tóc bạc, tinh thần vẫn cao.
Xóm làng hết sức hô hào,
Già trẻ trai gái mau vào Việt Minh.

(C)

Năm giới: sĩ - nông - công - thương - binh,
Đoàn kết dưới bóng cờ Việt Minh.
Thề tiễu trừ sài lang Nhật Bản,
Giành độc lập, tự do, thái bình.

Báo Việt Nam độc lập,
số ra ngày 25-6-1945.

THƠ TRONG NHẬT KÝ

TIỂU DẪN. – *Thơ trong nhật ký* là một đoạn thơ đồng chí Hồ Chí Minh đang viết dở. Đoạn thơ này tìm thấy trong một trang nhật ký của Người viết từ hồi trước Cách mạng Tháng Tám. Cả đoạn thơ này nằm ở giữa bản phác thảo *Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa*. Phía trên bài thơ là câu: "Hỡi đồng bào! Cơ hội giải phóng đến rồi. Mau mau đoàn kết lại!". Tiếp đến là một đoạn thơ câu thứ bảy còn để dở. Người tạm dừng, dồn tâm sức viết tiếp lời hịch lịch sử kêu gọi Tổng khởi nghĩa chỉ ít ngày sau lan rộng khắp toàn quốc, dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945. Đầu đề đoạn thơ là do chúng tôi tạm đặt.

Bảy, tám chục năm giời mất nước,
Các cụ già uất ức lầm than.
Mắt trông nước mất, nhà tan,
Giống nòi sỉ nhục, giang san thẹn thùng.
Đã thấy Phan Đình Phùng khởi nghĩa,
Đã thấy vùng Yên Thế đánh Tây.
Nước non vẫn...

Tư liệu của Lê Khánh Soa,

THƯ KÊU GỌI TỔNG KHỞI NGHĨA

Hỡi đồng bào yêu quý!

Bốn năm trước đây, tôi có thư kêu gọi đồng bào ta đoàn kết. Vì có đoàn kết mới có lực lượng, có lực lượng mới giành được ĐỘC LẬP, TỰ DO.

Hiện nay quân đội Nhật đã tan rã, phong trào cứu quốc lan tràn khắp nước. Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) có hàng chục triệu hội viên, gồm đủ các tầng lớp sĩ, nông, công, thương, binh, gồm đủ các dân tộc Việt, [1] Thổ, [2] Nùng, Mường, Mán... [3] Trong Việt Minh, đồng bào ta bắt tay nhau chặt chẽ, không phân biệt trai, gái, già, trẻ, lương, giáo, giàu, nghèo.

Vừa đây Việt Minh lại triệu tập Việt Nam quốc dân đại biểu Đại hội, cử ra ỦY BAN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG VIỆT NAM để lãnh đạo nhân dân toàn quốc kiên quyết đấu tranh kỳ cho nước được độc lập.

Đó là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử đấu tranh giải phóng của dân tộc ta từ ngót một thế kỷ nay.

Đó là một điều khiến cho đồng bào ta phấn khởi và riêng tôi hết sức vui mừng.

Nhưng chúng ta chưa thể cho thế là đủ. Cuộc tranh đấu của chúng ta đương còn gay go, dằng dai. Không phải Nhật bại mà bỗng

---

1. *Việt*: ở đây chỉ dân tộc Kinh.
2. *Thổ*: nay gọi là dân tộc Tày.
3. *Mán*: nay gọi là dân tộc Dao.

nhiên ta được giải phóng, tự do. Chúng ta phải ra sức phấn đấu. Chỉ có đoàn kết, phấn đấu, nước ta mới được độc lập.

Việt Minh là cơ sở cho đoàn kết, phấn đấu của dân tộc ta trong lúc này. Hãy gia nhập Việt Minh, ủng hộ Việt Minh, làm cho Việt Minh rộng lớn mạnh mẽ.

ỦY BAN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG VIỆT NAM cũng như Chính phủ Lâm thời của ta lúc này. Hãy đoàn kết xung quanh nó, làm cho chính sách và mệnh lệnh của nó được thi hành khắp nước.

Như vậy thì Tổ quốc ta nhất định mau được độc lập, dân tộc ta nhất định mau được tự do.

Hỡi đồng bào yêu quý!

Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta.

Nhiều dân tộc bị áp bức trên thế giới đang đua nhau tiến bước giành quyền độc lập. Chúng ta không thể chậm trễ.

Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!

Tháng 8 năm 1945
HỒ CHÍ MINH

Vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội,
Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội,
1970, tr. 48-49.

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

TIỂU DẪN. – Trong suốt quá trình đấu tranh của nhân dân Việt Nam giành độc lập, tự do, sự thành công của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 là một trang sử vẻ vang nhất của dân tộc Việt Nam. Đánh dấu cho trang sử đó là bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh thảo ra và tuyên đọc ngày 2-9-1945.

Tháng 8-1945, trước tình thế cách mạng đã chín muồi, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước ta đoàn kết xung quanh Mặt trận Việt Minh đã đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước. Ngày 19-8-1945, chính quyền ở Thủ đô Hà Nội đã về tay nhân dân cách mạng. Ngày 26-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại và kính yêu của toàn dân Việt Nam, từ khu căn cứ cách mạng về đến Hà Nội.

Phiên họp Ban thường vụ Trung ương Đảng đầu tiên ở Hà Nội do Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ tọa, đã quyết định phải sớm công bố danh sách Chính phủ lâm thời và tổ chức lễ ra mắt của Chính phủ. Ngày ra mắt của Chính phủ lâm thời cũng sẽ là ngày nước Việt Nam chính thức tuyên bố độc lập và dựng nên chính thể Dân chủ Cộng hòa, ngày khai sinh nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày nay.

Tại một căn buồng nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bản Tuyên ngôn lịch sử đó trên một cái bàn tròn. Mặc dù Người còn yếu sau chuyến đi bộ từ Tân Trào về, nhưng ngày đêm Người mải miết làm việc, gấp rút chuẩn bị cho ngày Chính phủ Cách mạng lâm thời ra mắt quốc dân.

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử Hà Nội, trong cuộc mít tinh của hơn 50 vạn nhân dân chào mừng Chính phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập.*

Tuyên ngôn Độc lập của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự phát triển nội dung bản yêu cầu mà Người đã gửi cho Hội nghị hòa bình ở Vécxây năm 1919, là sự phát triển của Chương trình Việt Minh mà Người đã viết năm 1941. Nó kết tinh những quyền lợi cơ bản và những nguyện vọng tha thiết nhất của dân tộc Việt Nam và nói lên tâm hồn trong sáng và khí phách hào hùng của nhân dân ta.



Tranh bột màu của
họa sĩ Văn Giáo

HỒ CHỦ TỊCH VIẾT TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Trần Dân Tiên viết:

"Bản *Tuyên ngôn Độc lập* là kết quả của bao nhiêu máu đã đổ, bao nhiêu tính mệnh đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam".[1]

"Bản *Tuyên ngôn Độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên đọc trước quốc dân ngày 2-9-1945 đã mở đầu cho ngày hội lớn của dân tộc Việt Nam ta. Nó tuyên bố chấm dứt chế độ thực dân và phong kiến ở nước ta, đồng thời mở ra một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên nhân dân ta giành được chính quyền, tự mình nắm lấy vận mệnh của mình để thực hiện độc lập, tự do và hạnh phúc.

Tuyên ngôn Độc lập là một văn kiện có tầm quan trọng đặc biệt phản ánh thành quả vĩ đại của cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, là một áng hùng văn thể hiện những truyền thống vẻ vang của dân tộc hình thành trong bốn nghìn năm lịch sử và khí thế cách mạng bừng bừng của nhân dân ta trong thời đại mới.

---

1. Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1972, tr. 106.

Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của nước Mỹ [1]. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp [2] năm 1791 cũng nói:

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

Thế mà hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp

---

1. *Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ:*

Cuộc chiến tranh giải phóng ở Bắc Mỹ chống chủ nghĩa thực dân Anh bắt đầu từ năm 1775 đến 1781 thì chấm dứt. Đi đôi với cuộc đấu tranh ấy, các xứ thuộc địa ở Bắc Mỹ đã tổ chức các cuộc Đại hội đại biểu để thảo luận những biện pháp chống bọn thực dân Anh. Đại hội lần thứ hai năm 1775, đã đưa ra một bản *Tuyên bố về sự cần thiết phải cầm vũ khí* và quyết định tổ chức "quân đội lục địa" do Oasinhtơn làm Tổng chỉ huy. Đại hội cũng cử ra một Ủy ban để thảo bản Nghị quyết *Tuyên bố các xứ thuộc địa là những nước tự do và độc lập, tách ra khỏi phạm vi quyền lực của Anh hoàng*. Bản dự án Nghị quyết đó thông qua ngày 4-7-1776 và trở thành bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Mỹ ngày nay.

Bản Tuyên ngôn này tiêu biểu cho nguyện vọng của các dân tộc thuộc địa ở Bắc Mỹ đấu tranh để giành lại độc lập, tự do cho nhân dân Mỹ lúc bấy giờ.

Nhưng sau khi giành được độc lập, giai cấp tư sản Mỹ lên nắm chính quyền, liền phản bội quyền lợi nhân dân chà đạp trắng trợn lên những nguyên tắc tự do, bình đẳng, bác ái đã ghi trên bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ.

2. *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp:*

Ngày 26-8-1789, một văn kiện có tính chất cương lĩnh theo tinh thần của các học giả thuộc phái Ánh sáng Pháp thế kỷ XVIII ra đời. Đó là bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* nổi tiếng của Cách mạng Pháp năm 1789.

Bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* đã công khai ghi rõ các quyền tự do dân chủ: tự do thân thể, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng..., quyền bình đẳng của mọi người trước pháp luật, quyền của mọi người chống áp bức.

Bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* đã có ảnh hưởng rất lớn đến phong trào đấu tranh của nhân dân các nước chống chế độ phong kiến lúc bấy giờ. Về sau, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ này để đi xâm chiếm thuộc địa.

lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta. Hành động của chúng trái hẳn với nhân đạo và chính nghĩa.

Về *chính trị*, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào.

Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc [1] để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết.

Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu.

Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân.

Chúng dùng thuốc phiện, rượu cồn để làm cho nòi giống ta suy nhược.

Về *kinh tế*, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều.

Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu.

---

1. *Ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc:*

Năm 1882, đế quốc Pháp mang quân xâm lược Việt Nam, đầu tiên là đánh chiếm Nam Kỳ đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của người Pháp. Đến năm 1883 - 1884, Pháp lại đem quân chiếm cả Bắc Kỳ và Trung Kỳ đặt dưới quyền "bảo hộ" của chúng. Tuy danh nghĩa là đất "bảo hộ", nhưng bọn thực dân Pháp đã chia cắt Bắc Kỳ và Trung Kỳ ra làm hai xứ có chế độ khác nhau. Ở ngoài Bắc, bộ máy cai trị ở cấp tỉnh, phần lớn đều do các tên Công sứ người Pháp nắm và điều khiển. Ở Trung Kỳ, về hình thức thì Pháp còn để cho Triều đình Huế một chút ít quyền nội trị nào đó, nhưng bên cạnh bộ máy cai trị Nam triều, ở các tỉnh cũng có đặt các tên Công sứ người Pháp để kiểm soát.

Trong ba xứ, mỗi xứ đều có một tên quan cai trị người Pháp đứng đầu, ở Bắc Kỳ gọi là Thống sứ, ở Trung Kỳ gọi là Thống đốc. Bao trùm lên trên hết là một tên Toàn quyền đại diện cho nước Pháp cai trị toàn cõi Đông Dương bao gồm Việt Nam, Lào, Campuchia.

Việc phân chia Trung, Nam, Bắc có ba chế độ cai trị khác nhau là chính sách thâm độc "chia để trị" của bọn thực dân Pháp. Mục đích của chúng là ngăn cản việc thống nhất đất nước ta, ngăn cản dân tộc ta đoàn kết chống lại chúng.

Chúng giữ độc quyền in giấy bạc, xuất cảng và nhập cảng.

Chúng đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lý, làm cho dân ta, nhất là dân cày và dân buôn, trở nên bần cùng.

Chúng không cho các nhà tư sản ta ngóc đầu lên. Chúng bóc lột công nhân ta một cách vô cùng tàn nhẫn.

Mùa thu năm 1940, phát xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng minh, [1] thì bọn thực dân Pháp quỳ gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật. Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Ngày 9 tháng 3 năm nay, Nhật tước khí giới của quân đội Pháp. Bọn thực dân Pháp hoặc bỏ chạy hoặc đầu hàng. Thế là chẳng những chúng không "bảo hộ" được ta, trái lại, trong 5 năm, chúng đã bán nước ta hai lần cho Nhật.

Trước ngày mồng 9 tháng 3, biết bao lần Việt Minh đã kêu gọi người Pháp liên minh để chống Nhật. Bọn thực dân Pháp đã không đáp ứng, lại thẳng tay khủng bố Việt Minh hơn nữa.

Thậm chí đến khi thua chạy, chúng còn nhẫn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.

Tuy vậy, đối với người Pháp, đồng bào ta vẫn giữ một thái độ khoan hồng và nhân đạo. Sau cuộc biến động ngày

---

1. *Đồng minh:* Cuộc Đại chiến Thế giới lần thứ hai do ba nước phát xít Đức, Ý, Nhật gây ra từ năm 1939 đến năm 1945. Tháng 1-1942, tại Oasinhtơn, 26 nước Đồng minh trong đó có Liên Xô, Mỹ, Anh cùng ký một bản Tuyên ngôn chống phát xít xâm lược, bảo đảm trong cuộc chiến tranh này, bất kỳ một nước Đồng minh nào cũng không được giảng hòa riêng rẽ với phe phát xít. Nhưng mục đích của các nước ký bản Tuyên ngôn đó rất khác nhau. Mục đích của Liên Xô là nhằm khôi phục chế độ dân chủ ở châu Âu, tiêu diệt chủ nghĩa phát xít và ngăn ngừa phát xít Đức gây lại chiến tranh xâm lược. Còn Mỹ và Anh thì âm mưu đánh bại thế lực của phát xít Đức và phát xít Nhật để xác lập quyền bá chủ trên thế giới. Sau khi ký xong Tuyên ngôn, các Chính phủ Mỹ và Anh đã tráo trở, bội tín, phá hoại nhiều điều khoản mà họ đã cam kết.

9 tháng 3, [1] Việt Minh đã giúp cho nhiều người Pháp chạy qua biên thùy, lại cứu cho nhiều người Pháp ra khỏi nhà giam Nhật, và bảo vệ tính mạng và tài sản cho họ.

Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.

Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa.

Bởi thế cho nên, chúng tôi, lâm thời Chính phủ [2] của

---

1. *Cuộc biến động ngày 8 tháng 3:*

Tức là cuộc đảo chính ngày 9-3-1945 do bọn phát xít Nhật tiến hành để lật đổ sự thống trị của bọn thực dân Pháp trên toàn Đông Dương.

Cuộc đảo chính ngày 9-3-1945 đã kết thúc nhanh chóng bằng sự sụp đổ thảm hại bộ máy thống trị của bọn thực dân Pháp. Nhưng bọn phát xít quân phiệt Nhật cũng chưa xây dựng được ngay bộ máy thống trị của chúng một cách hoàn chỉnh. Tình hình đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân ta đoàn kết rộng rãi trong Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng để chuẩn bị tiến lên Tổng khởi nghĩa, lật đổ bọn phát xít Nhật, giành lấy chính quyền. Cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công, nhân dân Việt Nam đã giành được chính quyền từ trong tay bọn phát xít Nhật, chứ không phải từ tay đế quốc Pháp.

2.... *lâm thời Chính phủ của nước Việt Nam mới.*

Theo chúng tôi, câu này nên hiểu là "lâm thời giữ chức trách Chính phủ của nước Việt Nam mới", và vì vậy "lâm thời" không viết hoa.

Để chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa, Trung ương Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh quyết định triệu tập Quốc dân đại hội họp ở xã Tân Trào, tỉnh Tuyên Quang trong Khu giải phóng Việt Bắc. Dự Đại hội này có hơn 60 đại biểu của các đảng phái chính trị, các đoàn thể nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, bao gồm đủ đại biểu khắp Trung, Nam, Bắc, họp trong hai ngày 16 và 17-8-1945. Đại hội đã cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam tức là Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn Độc lập*, đồng thời cũng là ngày Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân.

Ngày 6-1-1946, tiến hành Tổng tuyển cử trong toàn quốc, bầu ra Quốc hội khóa I. Trong kỳ họp đầu tiên ngày 2-3-1946, Quốc hội đã trao quyền cho Chủ tịch Hồ Chí Minh thành lập Chính phủ chính thức.

nước Việt Nam mới, đại biểu cho toàn dân Việt Nam, tuyên bố thoát ly hẳn quan hệ với thực dân Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Toàn dân Việt Nam, trên dưới một lòng, kiên quyết chống lại âm mưu của bọn thực dân Pháp.

Chúng tôi tin rằng các nước Đồng minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các Hội nghị Têhêrăng [1] và Cựu Kim Sơn, [2] quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.

Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn tám mươi năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

---

1. *Hội nghị Têhêrăng:* Hội nghị của đại diện ba nước Liên Xô, Mỹ và Anh họp từ ngày 28-11 đến ngày 1-12-1934 tại Têhêrăng (thủ đô nước Irăng). Hội nghị đã thông qua kế hoạch tiêu diệt các lực lượng vũ trang của phát xít Đức, quyết định mở mặt trận thứ hai ở châu Âu trước ngày 1-5-1944 và thông qua Nghị quyết bảo đảm nền hòa bình lâu dài trên toàn thế giới sau chiến tranh, v.v... Nhưng sau đó, các giới cầm quyền ở Mỹ và Anh không thi hành triệt để những điều khoản đã ký kết trong Hội nghị này.

2. *Hội nghị Cựu Kim Sơn:* Hội nghị của đại diện 51 nước do Liên Xô, Mỹ, Anh và Trung Quốc là những nước chiến thắng trong Đại chiến Thế giới thứ hai triệu tập, họp tại Cựu Kim Sơn (San Francisco) ở Mỹ từ ngày 25-4 đến 26-6-1945 để thành lập một tổ chức quốc tế gọi là Liên hợp quốc.

Mục đích thành lập tổ chức quốc tế này là nhằm "ngăn ngừa và loại trừ những mối đe dọa cho hòa bình và chấm dứt mọi hành động xâm lược"; phát triển mối quan hệ thân thiết giữa các dân tộc và thực hiện sự hợp tác của các nước để giải quyết những vấn đề quốc tế; tôn trọng các quyền tự do căn bản của con người, không phân biệt chủng tộc, nam nữ, tiếng nói và tín ngưỡng. Tất cả các nước hội viên đều bình đẳng, không một nước nào có quyền can thiệp vào nội trị của các nước khác.

Tất cả những nguyên tắc quan trọng trên đây ít nhiều đều bị đế quốc Mỹ, các đế quốc khác và bọn phản động quốc tế xuyên tạc và lợi dụng. Nhưng do cuộc đấu tranh của Liên Xô, các nước Xã hội chủ nghĩa và các nước tiến bộ khác, dần dần Liên hợp quốc đã phần nào thực hiện được chức trách của nó theo như Hiến chương được nêu lên khi thành lập.

Vì những lẽ trên, chúng tôi, Chính phủ lâm thời [1] của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng:

Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

Ngày 2-9-1945
HỒ CHÍ MINH

---

1. *Chính phủ lâm thời:* Chính phủ tạm lập nên trước khi có những thể chế cho phép thành lập Chính phủ chính thức (như tiến hành bầu cử Quốc hội, rồi Quốc hội cử ra Chính phủ chính thức).

MỤC LỤC

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

TẬP 38

		Trang
Khải luận		9
NGUYỄN ÁI QUỐC – HỒ CHÍ MINH		29
Tiểu sử		31
– Những lá thư gửi Phan Chu Trinh:		45
Thư số 1	(1913)	46
Thư số 2	(1913)	47
Thư số 3	(1913)	48
Thư số 4	(1914)	49
– Yêu sách của nhân dân Việt Nam	(1919)	50
– Việt Nam yêu cầu ca	(1922)	53
– Lời phát biểu tại đại hội Tua	(1920)	56
– Đông Dương	(1921)	59
– Tuyên ngôn của Hội liên hiệp Thuộc địa, đoàn thể của những người dân bản xứ ở tất cả các thuộc địa	(1921)	63
– Động vật học	(1922)	65
– Mấy ý nghĩ về vấn đề thuộc địa	(1922)	68
– Công cuộc "khai hóa cao cả"	(1922)	71
– Pari	(1922)	73
– Bình đẳng	(1922)	81
– Về bài phê bình tác phẩm điện ảnh "Tư bản và tông giáo" (của Giôrít Iven)	(1922)	83
– Về vở kịch *Con Rồng Tre*	(1922)	85
– Lời than vãn của Bà Trưng Trắc	(1922)	90
– Những kẻ đi khai hóa	(1922)	94
– Thù ghét chủng tộc	(1922)	96

– Con người biết mùi hun khói	(1922)	98
– "Sở thích đặc biệt"	(1922)	101
– Khai hóa giết người	(1922)	103
– Lá thư ngỏ gửi ông Anbe Xarô, Bộ trưởng Bộ thuộc địa	(1922)	105
– Đồng tâm nhất trí	(1922)	107
– Vụ hành hạ Amđuni và Ben Benkhia	(1922)	109
– Những người bản xứ được ưa chuộng	(1922)	111
– Về câu chuyện Xiki	(1922)	114
– Sự thịnh vượng của đông dương dưới triều đại M. Lông	(1922)	117
– Nói về loài cầm thú	(1923)	120
– Y như ở "nước mẹ"	(1923)	123
– Truyền đơn cổ động mua báo"Người cùng khổ" dịp kỷ niệm Công xã Pari tại nghĩa trang Perơ Lasedơ	(1923)	125
– Truyền đơn cổ động mua báo "Việt Nam Hồn"	(1923)	126
– "Vi hành"	(1923)	128
– Khởi nghĩa ở Đahômây	(1923)	132
– Lá thư ngỏ gửi ông lêông Acsimbô	(1923)	134
– Thư gửi lại đồng nghiệp báo "Người cùng khổ	(1923)	136
– Chế độ độc đoán ở Đông Dương	(1923)	139
– Ách áp bức không từ một chủng tộc nào	(1923)	140
– Đội quân chống cách mạng	(1923)	141
– Không phải là chủ nghĩa quân phiệt đâu, nhưng...	(1923)	143
– Nước Việt Nam dưới con mắt Người Pháp	(........)	144
– Tâm địa thực dân	(........)	149
– Những thảm họa của nền "văn minh" Pháp	(........)	152
– Các quan cai trị	(........)	157
– Ăn bám và hỗn độn	(........)	160
– Những tội ác của chủ nghĩa quân phiệt	(........)	165
– Tạp dịch hay là khổ sai	(........)	168
– Công chính	(........)	170
– Giáo hội	(........)	173
– Chính sách ngu dân	(1924)	175
– Chế độ báo chí	(1924)	179
– "Công Lý" (trích)	(........)	183
– Cuộc kháng Pháp	(........)	186
– Phong trào công nhân ở Thổ Nhĩ Kỳ	(1924)	189
– Tình cảnh nông dân Việt Nam	(1924)	191
– Tình cảnh nông dân Trung Quốc	(1924)	194
– Phong trào công nhân ở Viễn Đông	(1924)	196

– Lênin và các dân tộc thuộc địa (1924) 199
– Đông dương và Thái Bình Dương (1924) 201
– Cách mạng Nga và các dân tộc thuộc địa (1924) 206
– Chủ nghĩa đế quốc Pháp dám làm những gì? (1924) 210
– Những cái tốt đẹp của nền "văn minh" pháp (1924) 211
– Đoàn kết giai cấp (1924) 214
– Tham luận về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa tại Đại hội Quốc tế lần thứ V của Quốc tế Cộng sản (1924) 216
– Lênin và các dân tộc phương Đông (1924) 227
– "Chế độ dã man" Bônsêvích... 230
– "Nền văn minh" Pháp (1924) 231
– Hành hình kiểu Lynsơ (1924) 232
– Đảng Ku Klux Klan (1924) 239
– Công cuộc "khai hóa" giết người (1924) 243
– Thống chế Liôtây và bản Tuyên ngôn Nhân quyền (1924) 249
– Chủ nghĩa thực dân bị lên án (1924) 251
– Báo cáo gửi Đoàn chủ tịch Quốc tế Cộng sản (1924) 255
BẢN ÁN CHẾ ĐỘ THỰC DÂN PHÁP (Trích) (1920 – 1925) 257
Chương I – Thuế máu 261
Chương II – Việc đầu độc người bản xứ 273
Chương III – Các quan thống đốc 278
Chương IV – Các quan cai trị 285
Chương V – Những nhà khai hóa 290
Chương VI – Tệ tham nhũng trong bộ máy cai trị 304
Chương VII – Bóc lột người bản xứ 309
Chương VIII – Công lý 322
Chương IX – Chính sách ngu dân 331
Chương X – Chủ nghĩa giáo hội 334
Chương XI – Nỗi khổ nhục của người phụ nữ bản xứ 338
Chương XII – Nô lệ thức tỉnh 345
Tiểu dẫn để tham khảo về Bản án chế độ thực dân Pháp 352
– Con rùa (1925) 355
– Lối cai trị của người Anh (1925) 357
– Trả lời ông H. (1925) 359
– Lênin và các dân tộc thuộc địa (1925) 369
– Những trò lố hay là Varen và Phan Bội Châu (1925) 371
– Những vấn đề châu Á (1925) 376
– Quốc Tế Ca (dịch) (1925) 380
– Lênin và phương Đông (1926) 383
– Phong trào cách mạng ở Đông Dương (1926) 385

– Thư gửi Uỷ ban Trung ương Thiếu nhi Liên Xô	(1926)	391
– Đông Dương khổ nhục	(1926)	392
– Bấy lâu mơ ngủ...	(1926)	395
– Đã làm Cách mệnh...	(1926)	395
ĐƯỜNG KÁCH MỆNH (Trích)	(1927)	396
Tư cách một người kách mệnh		400
Vì sao phải viết sách này?		401
Kách mệnh		402
Lịch sử kách mệnh Mỹ		407
Lịch sử kách mệnh Pháp		409
Lịch sử kách mệnh Nga		414
– Bài ca Trần Hưng Đạo	(1928)	419
– Cô Vương khuyên chồng	(1928)	420
– Thơ đề miếu viên tướng họ Tống	(1929)	421
– Về vở kịch "Đề Thám" và một số vở khác sáng tác ở Xiêm (Thái Lan)	(1929)	422
– Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	(1930)	423
Về "nhật ký chìm tàu"	(1930)	426
– Báo cáo về tình hình chính trị ở Đông Dương từ 1936 đến 1938	(1939)	444
– Ý kiến về đường lối, chủ trương của Đảng trong thời kỳ Mặt Trận Dân chủ (1936 – 1939)	(1939)	447
– Thư vợ gửi chồng	(1940)	449
– Bài sớ ứng khẩu ở chỉ thôn	(1940)	450
* Cứu trung quốc thị cứu tự kỷ *(Cứu Trung Quốc là tự cứu mình)*	(1940)	451
– Pác Bó hùng vĩ	(1941)	458
– Tức cảnh Pác Bó	(1941)	458
– Kính cáo đồng bào	(1941)	459
– Hoan nghênh thanh niên học quân sự	(1941)	461
– Khuyên đồng bào mua báo *Việt Nam độc lập*	(1941)	463
– Xã luận báo *Việt Nam độc lập*	(1941)	464
– Lời thơ phụ đề tranh cổ động Báo *Việt Nam độc lập*	(1941)	466
– Mười chính sách của Việt Minh	(1941)	466
– Ca dân cày	(1941)	468
– Ca phụ nữ	(1941)	469
– Kêu gọi thiếu nhi	(1941)	470
– Ca công nhân	(1941)	471
– Ca binh lính	(1941)	472
– Thơ vợ gửi chồng đi làm cách mạng	(1941)	473

– Cảnh rừng Pác Bó	(1942)	474
– Địa dư nước ta *(Trích)*	(1942)	475
– Lịch sử nước ta	(1942)	478
– Mừng xuân 1942	(1942)	490
– Ca đội tự vệ	(1942)	491
– Ca sợi chỉ	(1942)	492
– Hòn đá to	(1942)	494
– Lên núi	(1942)	495
– Con cáo và tổ ong	(1942)	496
– Tặng thống chế Pêtanh	(1942)	497
– Nhóm lửa	(1942)	497
– Tặng toàn quyền Đờcu	(1942)	499
– Chơi trăng	(1942)	499
– Bài ca du kích	(1942)	500
– Trẻ chăn trâu	(1942)	501
Nhật ký trong tù	(1942 – 1943)	503
Bài thơ đề ngoài bìa		509
Mở đầu tập nhật ký		511
Bị bắt giữ ở phố Túc Vinh		512
Vào nhà lao huyện Tĩnh Tây		514
Đường đời khó khăn (I, II, III)		517
Buổi sớm (I, II)		520
Buổi trưa		522
* Lời hỏi (Vấn thoại)		
Quá trưa		523
Chiều hôm		525
Cơm tù		526
Người bạn tù thổi sáo		528
Cái cùm chân (I, II)		530
Học đánh cờ (I, II, III)		533
Ngắm trăng		535
Chia nước		537
Trung thu (I, II)		539
Đánh bạc		540
Tù đánh bạc		542
* Bạn tù họ Mạc (Nạn hữu Mạc Mỗ) [1]		
* Bạn tù L. Nguyên là chủ nhiệm (Nạn hữu nguyên chủ nhiệm L) [2]		
Ngày tết Song Thập bị giải đi Thiên Bảo		543

1.2. Trong mục lục phần *Nhật ký trong tù*, các bài có đánh dấu hoa thị và chữ Hán là mới bổ sung. Các bài đó xin đọc ở phần *Phụ lục II*.

Đi đường 544
Chiều hôm 546
Đêm ngủ ở Long Tuyền 547
Điền Đông 549
Mới đến nhà lao Thiên Bảo 550
Vợ người bạn tù đến thăm chồng 552
Các báo đăng tin: cuộc họp lớn hoan nghênh Vyky 555
Tự khuyên mình 557
Cảnh ngoài đồng 558
Hàng cháo 560
Nhà lao Quả Đức 561
* Sở trưởng Long An họ Lưu
(Long An Lưu Sở trưởng) [1]
Giải đi sớm (I, II) 563
Đồng Chính 565
Chăn giấy của bạn tù 566
Đêm lạnh 568
Dây trói 569
Rụng mất một cái răng 570
Long An – Đồng Chính 572
* Trên đường phố (Nhai thượng) [2]
Trên đường đi 573
Gia quyến người bị gọi ra lính 575
Giải thích điều chế giễu 576
Văng Nam Ninh 578
Cảnh binh khiêng lợn cùng đi (I, II) 580
Trượt chân sa hố 582
Giữa đường đáp thuyền đi huyện Ung 583
Nhà lao Nam Ninh 584
Phát buồn 586
Nghe gà gáy 587
Một người tù cờ bạc chết "cứng" 589
Lại một người nữa... 590
Cấm hút thuốc (thuốc lá) 592
* Nửa đêm nghe tiếng khóc chồng
(Dạ bán văn khốc phu) [3]
Hoàng hôn 593
Tiền công 594

1. Như chú thích 1 trang trước.

2.3. Trong mục lục phần *Nhật ký trong tù*, các bài có đánh dấu hoa thị và chua chữ Hán là mới bổ sung. Các bài đó xin đọc ở phần *Phụ lục II*.

Không ngủ được 596
Nhớ bạn 597
Viết hộ báo cáo cho các bạn tù 599
Ghẻ lở 600
Nghe tiếng giã gạo 601
Ngày 11 tháng 11 (I, II, III) 604
Báo động 607
Chiết tự 608
"Quán trọ" 609
Buổi sớm tạnh nắng 611
"Việt Nam có bạo động" – tin thông tấn Xích Đạo
trên báo Ung Ninh 612
Đoàn Anh thăm Trung Hoa 613
Giải đi Vũ Minh 615
Thịt chó ở Bào Hương 616
Phu làm đường 618
Lính ngục đánh cắp mất chiếc gậy của ta 619
Cột cây số 621
Cháu bé trong ngục Tân Dương 623
* Gửi Nêru I (Ký Ni Lỗ I) [1]
* Gửi Nêru II (Ký Ni Lỗ II) [2]
Tiền đèn 625
Sinh hoạt trong tù 626
Ông Quách 627
Ban trưởng họ Mạc 629
* Nhà lao Thiên Giang (Thiên Giang ngục) [3]
Đáp xe lửa đi Lai Tân 630
Anh ấy định trốn 631
Lai Tân 633
Đến Liễu Châu 634
Lâu không được đệ giải 635
Nửa đêm 637
* Nhà ngục Liễu Châu (Liễu Châu ngục) [4]
Đến dinh trưởng quan 638
Bốn tháng rồi 643
Bệnh nặng 645
Đến Quế Lâm 647
Tiền vào nhà lao 648
?! 649

1,2,3,4. Trong mục lục phần *Nhật ký trong tù*, các bài có đánh dấu hoa thị và chua chữ Hán là mới bổ sung. Các bài đó xin đọc ở phần *Phụ lục II*.

?		651
Đến Cục chính trị Chiến khu IV		652
* Nhà giam của Cục Chính trị		
* Được ưu đãi (Mông ưu đãi)		
Cảnh sáng sớm		653
Thanh minh		655
Cảnh chiều tối		656
* Khoa trưởng họ Ngũ, khoa Viên họ Hoàng (Ngũ khoa trưởng, Hoàng khoa viên)		
Hạn chế		657
Dương Đào ốm nặng (Dương Đào bệnh nặng)		
Đêm không ngủ		659
Mưa lâu		660
Tiếc ngày giờ		661
* Đọc lời giáo huấn của ông Tướng (Độc Tướng công huấn từ)		
* Tướng quân Lương Hoa Thịnh thăng chức Phó tư lệnh (Lương Hoa Thịnh tướng quân thăng nhậm Phó tư lệnh)		
* Tặng chú Hầu (Tặng tiểu Hầu)		
Thu cảm (I, II)		663
* Nhân lúc đói bụng (Nhân đỗ ngã)		
* Khoa viên họ Trần tới thăm (Trần khoa viên lai thám)		
* Chủ nhiệm họ Hầu tặng một bộ sách (Hầu Chủ nhiệm ân tặng nhất bộ thư)		
Được lệnh trên cho ra ngoài phòng lao đi lại		665
Đêm thu		667
Trời tạnh		669
Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi"		671
* Tức cảnh (Tức cảnh)		
* Kết luận (Kết luận)		
+ Phụ lục I: Bài thơ viết sau khi ra tù	(1943)	672
+ Phụ lục II: Thơ bổ sung	(........)	674
– Tặng cụ Đinh Chương Dương	(1943)	706
– Tặng cháu Nông Thị Trưng	(1944)	706
– Đánh du kích như đánh cờ *(Trích)*	(........)	707
– Cách mạng tiên cách tâm	(1945)	719
– Những vần thơ cổ động	(1945)	721
– Thơ trong nhật ký	(1945)	722
– Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa	(1945)	723
– Tuyên ngôn độc lập	(1945)	725

TỔNG TẬP VĂN HỌC VIỆT NAM

Trọn bộ 42 tập

Có chỉnh lý và bổ sung

TẬP 38

Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN ĐỨC DIỆU

Biên tập :

BAN BIÊN TẬP

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN CỪ - ĐÀO TRỌNG CƯỜNG

Sửa bản in :

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG - NGUYỄN TRƯỜNG MINH

HÀ THỊ VINH

Trình bày bìa :

ĐỖ DUY NGỌC